CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
-----ଓ๐๐๐ଓ-----

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

của dự án

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

Địa điểm: Lô 104/2-1, đường số 2, Khu công nghiệp Long Bình (Amata), phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai.

Đồng Nai, tháng 01 năm 2026

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

-----ଓ๐๐๐ଓ-----

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

của dự án

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

CHỦ DỰ ÁN
CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

HO CHIN CHIH

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG THUẬN PHƯỚC

GIÁM ĐỐC
Ths. Phạm Thị Thanh Thuý

Đồng Nai, tháng 01 năm 2026

Được quét bằng CamScanner

MỤC LỤC

MỤC LỤC **1**
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT **4**
DANH MỤC BẢNG **5**
DANH MỤC HÌNH ẢNH **7**
MỞ ĐẦU **8**
1. XUẤT XỨ CỦA DỰ ÁN **8**
1.1. Thông tin chung về dự án. 8
1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư (đối với dự án phải có quyết định chủ trương đầu tư), báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án. 9
1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.. 9
2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM) **10**
2.1. Các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM. 10
2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án. 14
3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường **14**
4. Các phương pháp đánh giá tác động môi trường **16**
5. Tóm tắt nội dung chính của Báo cáo ĐTM **18**
5.1 Thông tin về dự án 18
5.2 Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường 26
5.3 Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án…. 27
5.4 Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư 30
CHƯƠNG I: THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN **43**
1.1. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN **43**
1.1.1. Tên dự án 43
1.1.2. Chủ dự án 43
1.1.3. Vị trí địa lý 43
1.1.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất, mặt nước của dự án 46

1.1.5. Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường. 48
1.1.6. Mục tiêu, loại hình, quy mô, công suất, công nghệ sản xuất của dự án 52
1.1.7 Phạm vi: 53
1.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án 53
1.2.1. Các hạng mục công trình chính 53
1.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của Dự án 57
1.2.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường 58
1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án 60
1.3.1. Nguyên, vật liệu và hóa chất sử dụng 60
1.3.2. Nhu cầu nhiên liệu, điện, nước và nguồn cung cấp 65
1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành 67
1.4.1. Quy trình công nghệ sản xuất 67
1.4.2. Danh mục máy móc, thiết bị 76
1.5. Biện pháp tổ chức thi công 84
1.6. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án 84
1.6.1. Tiến độ thực hiện Dự án 84
1.6.2. Vốn đầu tư 84
1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện Dự án 84
Chương 2 86
ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG 86
MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN 86
2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội 86
2.1.1. Điều kiện tự nhiên 86
2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội 93
2.2. Hiện trạng chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực thực hiện dự án…… 93
2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án 98
2.3.1. Nhận dạng các đối tượng bị tác động 98
2.3.2. Nhận dạng yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án 99
2.4. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án 99
2.4.1. Đánh giá sự phù hợp của địa điểm thực hiện Dự án với hiện trạng cơ sở hạ tầng của KCN Long Bình (Amata) Đồng Nai 99
2.4.2. Đánh giá sự phù hợp của dự án với điều kiện kinh tế - xã hội khu vực 102
CHƯƠNG 3. ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG 103

3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng và lắp đặt máy móc.....103
3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động 103
3.1.2. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của Dự án trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị.....111
3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động 113
3.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường 133
3.2.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường 143
3.3. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo *3.3.1.*
CHƯƠNG 4. PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC 152
CHƯƠNG 5. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG 153
5.1 Chương trình quản lý môi trường của chủ dự án 153
5.2. Chương trình giám sát môi trường.....158
5.2.1. Giám sát nước thải: 158
5.2.2. Giám sát bụi, khí thải công nghiệp 158
CHƯƠNG 6 159
KẾT QUẢ THAM VẤN 159
6.1. THAM VẤN CỘNG ĐỒNG.....159
6.1.1. Quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng 159
6.1.2. Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử: 159
6.1.3. Tham vấn bằng văn bản theo quy định. 159
6.2. KẾT QUẢ THAM VẤN.....159
KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT 160
I.Kết luận: 160
II.Kiến nghị: 161
III. Cam kết của chủ dự án đầu tư.....161

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BTCT	: Bê tông cốt thép
CTNH	: Chất thải nguy hại
ĐTM	: Đánh giá tác động môi trường
GPXD	: Giấy phép xây dựng
HTXLNT	: Hệ thống xử lý nước thải
MLSS	: Mixed liqor (hàm lượng chất rắn lơ lửng)
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
QĐ – NĐ	: Quyết định – Nghị định
SS	: Suspended Solids (chất rắn lơ lửng)
TNMT	: Tài nguyên môi trường
TP	: Thành phố
UBND	: Ủy ban nhân dân
XLNT	: Xử lý nước thải

DANH MỤC BẢNG

Bảng 0.1 Danh sách các thành viên chính trực tiếp tham gia đánh giá tác động môi trường và lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án....16
Bảng 1.1: Bảng kê tọa độ khu đất dự án....43
Bảng 1.2: Hiện trạng sử dụng đất của dự án....46
Bảng 1.3: Công suất của nhà máy khi đi vào hoạt động ổn định....52
Bảng 1.4: Nhu cầu sử dụng đất của dự án....54
Bảng 1.5: nhu cầu sử dụng hóa chất của dự án....60
Bảng 1.6: Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của dự án....66
Bảng 1.7. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ sản xuất....77
Bảng 2.1: Các đặc trưng nhiệt độ không khí tháng, năm từ năm 2019-2023 (oC)....89
Bảng 2.2: Các đặc trưng độ ẩm không khí tháng, năm từ năm 2019-2023 (%)....90
Bảng 2.3: Các đặc trưng lượng mưa tháng, năm từ năm 2019-2023 (mm)....91
Bảng 2.4: Số giờ nắng trung bình tháng, năm từ năm 2009-2013 (Hr)....92
Bảng2.5: Hiện trạng chất lượng nước thải:....94
Bảng2.6: Kết quả quan trắc chất lượng khí thải....96
Bảng 2.7: kết quả phân tích hiện trạng không khí môi trường làm việc....97
Bảng2.8: kết quả phân tích hiện trạng không khí môi trường làm việc....97
Bảng 3.1: Đánh giá, dự báo tác động của dự án....103
Bảng 3.2. Nguồn phát sinh và mức độ ảnh hưởng của tiếng ồn tại điểm cách nguồn gây ồn 1,5m......108
Bảng 3.3 Hệ số ô nhiễm không khí đối với các loại xe....114
Bảng 3.4. Tải lượng phát thải ô nhiễm của các phương tiện giao thông....115
Bảng 3.5. Nồng độ khí - bụi do hoạt động giao thông của Nhà máy....116
Bảng 3..6: Nồng độ bụi phát sinh từ quá trình gia công kim loại.....117
Bản 3.7: Nhiệt độ nóng chảy và nhiệt độ sôi của một số hóa chất sử dụng trong xi mạ của dự án.....118
Bảng 3.8: Hệ số tải lượng chất bẩn trong nước cống thải đô thị....119
Bảng 3.9. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt....120
Bảng 3.10 Tổng hợp lượng nước thải phát sinh của dự án....121
Bảng 3.11. Hệ số chảy tràn K....124
Bảng 3.12. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa....124
Bảng 3.13: Thành phần rác thải sinh hoạt....125
Bảng 3.14: Các loại chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của dự án....126
Bảng 3.15: Mức ồn của các nguồn phát sinh trong nhà máy....128
Bảng 3.16: Tác động của tiếng ồn ở các dải tần số....129
Bảng 3.17 Trách nhiệm lực lượng ứng phó sự cố môi trường....145

Bảng 5.1 Chương trình quản lý môi trường của Dự án.....154
Bảng 5.2 Chương trình quan trắc nước thải 158
Bảng 5.3 Chương trình quan trắc bụi, khí thải công nghiệp 158

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1.1: Sơ đồ vị trí địa lý khu đất dự án..... 45
Hình 1.2: Sơ đồ vị trí dự án so với các đối tượng xung quanh..... 51
Hình 1.3: Sơ đồ bố trí mặt bằng tổng thể của dự án 56
Hình 1.4: Quy trình công nghệ sản xuất logo (tem nhãn) và các phụ kiện tem nhãn bằng nhựa..... 68
Hình 1.5: Quy trình công nghệ sản xuất logo (tem nhãn) và các phụ kiện tem nhãn bằng kim loại.... 70
Hình 1.6: Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý bề mặt kim loại..... 72
Hình 1.7 Sơ đồ quy trình công nghệ gia công cơ khí 75
Hình 3.2. Sơ đồ thu gom nước mưa chảy tràn 133
Hình 3.4. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại..... 135
Hình 3.5: Quy trình hệ thống xử lý nước thải của nhà máy 136
Hình 3.6: Quy trình công nghệ xử lý khí thải, hơi dung môi từ các bể mạ, bể tẩy hiện hữu…..... 138
Hình 3.7: Quy trình công nghệ hệ thống xử khí thải, hơi dung môi từ các bể mạ, bể tẩy……139
Hình 3.8: Quy trình công nghệ xử lý bụi từ công đoạn mài, đánh bóng 140
Hình 3.9: Quy trình xử lý khí thải lò hơi hiện hữu 140
Hình 3.10: Sơ đồ quy trình xử lý bụi, hơi dung môi từ công đoạn phun sơn 141
Hình 3.11: Sơ đồ quy trình xử lý bụi sơn, khí thải từ công đoạn phun sơn, hấp sơn 141
Hình 3.12 Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ..... 146
Hình 3.13 Hình quy trình ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất..... 147
Hình 3.14 Quy trình ứng phó tai nạn lao động 148
Hình 3.15 Quy trình ứng phó tai nạn giao thông 149
Hình 3.16 Quy trình ứng phó sự cố thống xử lý nước thải, khí thải hoạt động không hiệu quả.... 150

MỞ ĐẦU

1. XUẤT XỨ CỦA DỰ ÁN

1.1. Thông tin chung về dự án.

Công ty TNHH VP Components (Việt Nam) *(sau đây gọi tắt là Công ty)* đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600485577 đăng ký lần đầu ngày 11/12/2000 có trụ sở chính đặt tại: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam có mục tiêu là Sản xuất các bàn đạp, các bộ phận của bàn đạp, các chi tiết bằng nhựa của xe đạp; các chi tiết ở trục giữa xe đạp và ổ trục điều khiển tay lái xe đạp với quy mô 39.600.000 bộ sản phẩm/năm. Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 315/BĐK.KHCNMT ngày 28/03/2001 cho dự án Công ty TNHH VP Components (Việt Nam). Sau đó, Công ty TNHH VP Components (Việt Nam) đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 329/BĐKTNMT ngày 16/11/2004 cho dự án mở rộng – xây dựng nhà xưởng xi mạ của Công ty TNHH VP Components (Việt Nam). Theo đó, sản phẩm chính của Công ty là xi mạ khoảng 24.000.000 sản phẩm/năm, trong đó, xi mạ cho Công ty VP Components Việt Nam khoảng 5%, còn lại Công ty gia công từ khách hàng bên ngoài (chiếm 95%).

Tuy nhiên, sau hơn 20 năm hoạt động thì máy móc thiết bị, công nghệ sản xuất đã lạc hậu dẫn đến thị trường xuất khẩu và trong nước ngày càng sụt giảm, Công ty chúng tôi hầu như không còn đơn hàng để hoạt động. Do đó, Công ty chúng tôi quyết định chuyển đổi ngành nghề sản xuất cũ để đầu tư vào ngành nghề sản xuất mới mong muốn phát triển hoạt động của Công ty. Qua nghiên cứu, phân tích và đánh giá thị trường, trên cơ sở nền tảng và thế mạnh của mình, Công ty TNHH VP Components (Việt Nam) đã quyết định sẽ đầu tư mới 100% các máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất các sản phẩm mới như sau:

+ Logo (tem nhãn) và các phụ kiện tem nhãn bằng nhựa; công suất 778 tấn sản phẩm/năm;

+ Logo (tem nhãn) và các phụ kiện tem nhãn bằng kim loại (bao gồm công đoạn mạ); công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm;

+ Gia công cơ khí, công suất 7.895 tấn sản phẩm/năm.

Việc điều chỉnh sản phẩm và công suất của Nhà máy đã được Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế tỉnh Đồng Nai chấp thuận tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 5406055642, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 19/11/2025.

Căn cứ Điều 30 và Điều 35 của Luật Bảo vệ môi trường, Công ty TNHH VP Components (Việt Nam) đã phối hợp với Công ty TNHH Môi trường Thuận Phước tiến hành lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án Công ty TNHH VP Components (Việt Nam) nhằm phân tích các tác động của dự án đến khu vực xung quanh, từ đó đề xuất các biện pháp kiểm soát và giảm thiểu các tác động xấu của dự án đến môi trường trong quá trình triển khai thực hiện dự án và khi đi vào hoạt động.

Loại hình dự án: Dự án *Công ty TNHH VP Components (Việt Nam)* thuộc dự án thay đổi công nghệ, sản phẩm sản xuất, là nhóm dự án thuộc mục số 10, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được.

Dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và thẩm quyền phê duyệt là Ban quản lý các Khu công nghiệp, khu kinh tế tỉnh Đồng Nai.

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư (đối với dự án phải có quyết định chủ trương đầu tư), báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án.

Tổ chức phê duyệt chủ trương đầu tư "Công ty TNHH VP Components (Việt Nam)" tại Đường số 2, Khu công nghiệp Long Bình (Amata), phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai là Chủ đầu tư - Công ty TNHH VP Components (Việt Nam)Việt Nam.

1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Sự phù hợp về phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh

Dự án phù hợp với Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 3/2018/QĐ-UBND ngày 06/09/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, điều 1 của Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Cụ thể:

- Nước thải sau xử lý của Nhà máy được dẫn về xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 360 m^3/ngày.đêm để xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN Long Bình, sau đó được đấu nối dẫn về trạm XLNTTT của KCN để tiếp tục xử lý.

- Công ty sẽ định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình đầu mối, công trình trên mạng lưới thoát nước; độ kín, lắng cặn tại các điểm đấu nối, hố ga và tuyến cống nhằm bảo đảm khả năng hoạt động liên tục của hệ thống, đề xuất các biện pháp thay thế, sửa chữa, nạo vét, bảo trì và kế hoạch phát triển hệ thống thoát nước.

- Công ty sẽ định kỳ thực hiện quan trắc chất lượng nước thải trong hệ thống thoát nước phù hợp với luật pháp về bảo vệ môi trường.

- Công ty sẽ thiết lập quy trình quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải bảo đảm yêu cầu về kỹ thuật quản lý, vận hành theo quy định.

Quản lý hệ thống thoát nước mưa:

- Chủ dự án sẽ thực hiện quản lý hệ thống thoát nước mưa bao gồm quản lý các công trình từ cửa thu nước mưa, các tuyến cống dẫn nước mưa, các kênh mương thoát nước chính đến các điểm xả ra điểm kết nối hạ tầng KCN;

- Chủ dự án thực hiện quản lý các tuyến cống, mương, nạo vét hố ga, duy tu, bảo trì định kỳ, bảo đảm dòng chảy theo thiết kế. Thường xuyên kiểm tra, bảo trì nắp hố ga, cửa

thu, cửa xả nước mưa. Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng các tuyến cống, các công trình thuộc mạng lưới để đề xuất phương án thay thế, sửa chữa.

Quy định về quản lý chất thải và phế liệu:

Chủ cơ sở thực hiện đầy đủ các quy định theo Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022. Do đó, công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ các nội dung về quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại theo đúng quy định của Luật hiện hành.

Quy định về quản lý khí thải:

Chủ cơ sở đã rà soát và kiểm tra các hoạt động của người dân sinh sống tại cơ sở về việc phát sinh bụi, khí thải để đảm bảo thực hiện nghiêm túc các biện pháp thu gom và xử lý khí thải theo quy định trước khi thải ra môi trường bên ngoài.

Công ty thực hiện tăng cường công tác quản lý chất lượng môi trường không khí thông qua kiểm soát nguồn phát sinh khí thải, giám sát chất lượng không khí xung quanh, cảnh báo, dự báo chất lượng không khí nhằm cải thiện chất lượng môi trường không khí và bảo đảm sức khỏe cộng đồng.

Phù hợp với quy hoạch tỉnh:

Vị trí dự án nằm trong KCN Long Bình (Amata) đã được quy hoạch và xây dựng hoàn thiện về cơ sở hạ tầng và đã có đầy đủ thủ tục về môi trường nên việc thực hiện Cơ sở phù hợp với quy hoạch phát triển của khu vực, phù hợp với hệ thống pháp luật của nhà nước, phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2022 theo Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 20/4/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ Quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.

Ngoài ra, ngành nghề sản xuất của dự án nằm trong danh mục các ngành nghề được phép đầu tư vào KCN Long Bình (Amata) theo Giấy phép Môi trường số 356/GPMT-BTNMT ngày 12/9/2024 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH Phát triển Khu công nghiệp Long Bình, địa chỉ tại phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp Long Bình.

Do vậy, việc thực hiện dự án là phù hợp với quy hoạch của tỉnh Đồng Nai.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM)

2.1. Các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM.

2.1.1. Các văn bản pháp lý có liên quan

- ***Luật***

- Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022;

- Luật Tài nguyên nước 28/2023/QH15 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2023 có hiệu lực thi hành ngày 01/07/2024.

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được Quốc hội khóa XV nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18 tháng 01 năm 2024;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2014 và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xây dựng số 62/2020/QH14 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Luật Phòng cháy và chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025.

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2008.

- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 được Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2008;

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 19 tháng 06 tháng 2017;

- Luật Khí tượng thủy văn số 90/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 23 tháng 11 tháng 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2016.

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 17 tháng 6 tháng 2010 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2011.

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2017;

- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 1 năm 2019;

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Luật An toàn, Vệ sinh lạo động số 84/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 25 tháng 06 năm 2015 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

- ***Nghị định và nghị quyết của Chính phủ***

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

- Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

- Nghị định số 53/2020/NĐ-CP của chính phủ ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 05 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai.

- Nghị định 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;

- Nghị định 82/2022/NĐ-CP (ngày 18/10/2022) ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ – Sửa đổi, bổ sung một số quy định về quản lý hóa chất;

- Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ quy định về thoát nước và xử lý nước thải; bổ sung và sửa đổi một số điều tại Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2019;

- ***Thông tư, quyết định của các bộ, ngành***

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

- Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

- Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ;

- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 về thoát nước và xử lý nước thải;

- Thông tư số 36/2025/TT-BCA ngày 15 tháng 05 năm 2025 của Bộ Công An quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Nghị định Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

- ***Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng***

- Quy chuẩn QCVN 05:2023/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;

- QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

- QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp

- Quy chuẩn QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- Quy chuẩn QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

- QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt;

- QCVN 40:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;

- QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;

- QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ngầm.

- QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất

- Quy chuẩn QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước;

- QCVN 07:2025/ BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD;

- Tiêu chuẩn TCVN 7957:2023: Thoát nước - mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế;

- Hệ thống tiêu chuẩn an toàn lao động TCVN 2287 ÷ 2293 - 1978;

- An toàn cháy - Yêu cầu chung TCVN 3254 – 1989.

2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp 3600485577 đăng ký lần
đầu ngày 11/12/2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 4, ngày 17/05/2024 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

- Giấy ủy quyền số 012024/UQ-VP ngày 01/03/2024 của Tổng giám đốc Công ty TNHH VP Components ủy quyền cho bà Ho, Chin-Chih

- Giấy xác nhận số 87599/25 ngày 17/09/2025 về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 5406055642 chứng nhận lần đầu ngày
11/12/2000, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 14/01/2021, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 19/11/2025 do Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế tỉnh Đồng Nai cấp.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R950129 cấp ngày 15/3/2001

- Hợp đồng thuê đất giữa Công ty TNHH Amata (Việt Nam) và Công ty TNHH VP Components ngày 28/12/2000.

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình số 61/GP-KCN-ĐN ngày 11/12/2000.

- Phiếu xác nhận số 315/BĐK.KHCNMT ngày 28/03/2001 về Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.

- Phiếu xác nhận số 329/BĐK-TNMT ngày 14/11/2004 về Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn
môi trường

- Biên bản thỏa thuận đấu nối giữa Công ty TNHH Amata (Việt Nam) và Công ty TNHH VP Components ngày 15/05/2006.

- Báo cáo dự án đầu tư của dự án

- Các bản vẽ thiết kế cơ sở, bản vẽ quy hoạch của dự án.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2025 của nhà máy

3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường

Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Dự án "Công ty TNHH VP Components (Việt Nam)" do Công ty TNHH VP Components (Việt Nam) là cơ quan chủ trì và hợp tác với đơn vị tư vấn là Công ty TNHH Môi trường Thuận Phước tham gia thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Môi trường Thuận Phước

Đại diện: Bà Phạm Thị Thanh Thúy Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: 173 Lê Lâm, phường Phú Thạnh, TP Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 0946666875

Về cơ bản, việc tổ chức thực hiện và quá trình thực hiện ĐTM gồm các công đoạn sau:

Sàng lọc và thu thập thông tin: Lấy ý kiến từ cơ quan có thẩm quyền; thu thập thông tin các giấy tờ pháp lý liên quan tới dự án, trao đổi với chủ đầu tư để thu thập thông tin về dự án và xác định quy mô, công suất; tham khảo báo cáo đánh giá tác động cùng loại;

Khảo sát thực địa và Phân tích:

Khảo sát địa điểm dự án, thu thập số liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.

Thu mẫu, đo đạc và phân tích các mẫu không khí, nước, đất để đánh giá hiện trạng môi trường.

Xác định mức độ, phạm vi đánh giá: xác định khả năng tác động (phân tích các tác động có khả năng nảy sinh, kể cả tác động gián tiếp, tác động thứ sinh, tác động kết hợp); xem xét phương án thay thế (so sánh với phương án số 0); tư vấn, tham khảo ý kiến (cơ quan có thẩm quyền, chính quyền các cấp có trách nhiệm với công tác bảo vệ môi trường, chính quyền địa phương,…); quyết định các tác động đáng kể;

Lập đề cương chi tiết, tham khảo ý kiến và chuẩn bị tài liệu;

Phân tích, đánh giá tác động môi trường: Liệt kê các nguồn tác động; xác định các biến đổi môi trường; phân tích, dự báo các tác động cụ thể;

Đề xuất các biện pháp kỹ thuật và quản lý mang tính khoa học và thực tế để giảm thiểu và quản lý tác động góp phần bảo vệ môi trường;

Tham vấn cộng đồng:

Tổ chức tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân có khả năng bị ảnh hưởng bởi dự án để thu thập ý kiến.

Tham vấn cơ quan chuyên môn và chuyên gia

Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường;

Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Hội đồng thẩm định của Bộ TN&MT;

Chỉnh sửa, hoàn tất báo cáo.

Trách nhiệm của chủ đầu tư - Công ty Cổ phần Môi trường Quốc Đại Thành trong quá trình lập báo cáo ĐTM: Cung cấp các văn bản pháp lý, tài liệu liên quan đến dự án. Phối hợp với đơn vị tư vấn làm rõ phạm vi, nội dung cần thực hiện trong báo cáo và hỗ trợ cùng giải quyết các vấn đề liên quan đến quy hoạch và các nội dung liên quan.

Danh sách các cán bộ trực tiếp tham gia lập báo cáo ĐTM của dự án:

Bảng 0.1 Danh sách các thành viên chính trực tiếp tham gia đánh giá tác động môi trường và lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án

STT	Họ và tên	Chức vụ và Chuyên môn	Thâm niên	Nhiệm vụ	Chữ ký	Cơ quan công tác
I. Cơ quan chủ dự án						
1	Ông Liao, Han-Ming	Tổng giám đốc	52 năm	Chịu trách nhiệm pháp lý		Công ty TNHH VP Components (Việt Nam)
2	Bà Ho Chin Chih	Giám đốc	40 năm	Tham gia trực tiếp		
3	Lê Thị Huệ	Nhân viên	30 năm	Cán bộ tham gia trực tiếp		
II. Cơ quan tư vấn						
1	Th.s Phạm Thị Thanh Thúy	Giám đốc – Ths Quản lý môi trường	23 năm	Chủ trì		Công ty TNHH Môi trường Thuận Phước
2	Ks. Nguyễn Thị Bình	Kỹ thuật môi trường	13 năm	Tham gia trực tiếp		
3	KS. Hoàng Thị Nga	Quản lý môi trường	17 năm			
4	Nguyễn Thị Thương Thương	Quản lý môi trường	2 năm			
5	Lê Nguyễn Kim Ngân	Công nghệ môi trường	2 năm			

Ngoài ra, báo cáo ĐTM của dự án còn nhận được ý kiến đóng góp, tư vấn của nhiều nhóm chuyên gia am hiểu về các lĩnh vực môi trường.

Phương pháp đánh giá tác động môi trường

4. Các phương pháp đánh giá tác động môi trường

4.1.1 Phương pháp lập bảng liệt kê

Được quét bằng CamScanner

Phương pháp danh mục với tên gọi đầy đủ là Phương pháp danh mục các điều kiện môi trường. Nguyên tắc của phương pháp là liệt kê thành danh mục tất cả những nhân tố môi trường liên quan đến hoạt động phát triển được đem ra đánh giá. Phương pháp danh mục nói chung rõ ràng dễ hiểu. Tuy nhiên phương pháp này chứa đựng những yếu tố chủ quan của người đánh giá và phụ thuộc vào những quy ước có tính chất cảm ứng về tầm quan trọng, các cấp, điểm số quy định cho từng thông số. Những ước đoán chủ quan của từng cá nhân người đánh giá, lúc đưa vào con số tổng sẽ hòa trộn vào nhau rất khó phân tích. Do vậy, phương pháp này đạt độ tin cậy không cao, chỉ ở mức trung bình. Phương pháp này phục vụ viết các chương 1, 2, 3 của Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

4.1.2 Phương pháp ma trận

Phương pháp này đạt độ tin cậy không cao, chỉ ở mức trung bình do chủ yếu là đánh giá một cách định tính hoặc bán định lượng dựa trên ý chí chủ quan của người đánh giá. Một trong những ma trận đánh giá tác động môi trường nổi tiếng nhất là ma trận do Leopold kiến nghị dùng để đánh giá các hoạt động phát triển. Mức độ tác động chỉ cho biết rằng các tác động đó lan đến đâu, ảnh hưởng sâu sắc thế nào. Tầm quan trọng nói lên nhận thức của con người đối với ý nghĩa của tác động. Cho điểm về mức tác động có thể tiến hành một cách thực nghiệm khách quan. Cho điểm về tầm quan trọng mang tính chủ quan ước đoán. Phương pháp này phục vụ viết Chương 3 của Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

4.1.3 Phương pháp đánh giá nhanh

Phương pháp này sử dụng để ước tính tải lượng các chất ô nhiễm từ các hoạt động của Dự án theo các hệ số phát thải đã được thống kê bởi các cơ quan, tổ chức có uy tín trên thế giới như: Tổ chức y tế Thế giới (WHO), Cơ quan bảo vệ môi trường của Mỹ (US-EPA),... Phương pháp này phục vụ viết Chương 3 của Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

4.1.4 Phương pháp tham vấn cộng đồng

Mục đích đảm bảo cho các bên bị ảnh hưởng được tham gia vào quá trình ra quyết định và thực hiện Dự án, nâng cao sự hiểu biết của cộng đồng về Dự án cũng như tác động của Dự án đến cuộc sống của cộng đồng đó. Tiến hành tổ chức cuộc họp với các bên liên quan như chính quyền địa phương, các cơ quan quản lý nhà nước, một số người bị ảnh hưởng. Phương pháp này đạt độ tin cậy cao. Phương pháp này phục vụ viết Chương 5 của Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

4.1.5 Phương pháp đánh giá tích lũy

Phương pháp đánh giá tích lũy là một kiểu đánh giá nhằm xác định các hậu quả của nhiều hơn một tác động đến sự phát triển đơn lẻ. Phương pháp cũng hữu ích trong việc đánh giá mối tương tác của các tác động của một dự án với các tác động của dự án khác xảy ra trong cùng một hoặc một hệ sinh thái.

4.1.6 Các phương pháp khác

- Phương pháp kế thừa

Phương pháp dựa vào các kết quả nghiên cứu có trước để lựa chọn những thông tin bổ ích và các kết quả nghiên cứu sẵn có phục vụ việc lập báo cáo đánh giá tác động môi

trường cho Dự án. Phương pháp này phục vụ viết các chương 1, 2, 3, 4 của báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Phương pháp khảo sát, lấy mẫu ngoài hiện trường và phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm

Phương pháp này nhằm xác định các thông số về hiện trạng chất lượng không khí, nước mặt, nước ngầm, độ ồn, độ rung, trầm tích, thủy sinh, đất tại khu đất dự án và khu vực xung quanh. Hệ thống phòng phân tích mẫu môi trường được tổ chức Vilas Việt Nam công nhận năng lực phòng thử nghiệm, có chứng nhận VIMCERT và hiệu chuẩn theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025.

- Phương pháp thống kê

Phương pháp thống kê: có độ tin cậy cao (khoảng trên 95%) do các số liệu thu thập và sử dụng vào việc thống kê phục vụ cho công tác đánh giá tác động môi trường được trích dẫn từ nguồn số liệu nêu ra trong cuốn Niên giám thống kê của địa phương và các báo cáo tình hình kinh tế xã hội của xã tại nơi thực hiện Dự án.

- Phương pháp so sánh

Phương pháp này đạt độ tin cậy rất cao vì các số liệu sau khi được phân tích và chuẩn hóa loại bỏ các sai số ban đầu sẽ được so sánh với các số liệu được quy định trong quy chuẩn của các cơ quan quản lý nhà nước. Các số liệu trong quy chuẩn là các số liệu đã được thống kê và đưa ra từ các số liệu đo đạc thực tế bằng các máy móc hiện đại nên các sai số thống kê gần như không ảnh hưởng đến kết quả đánh giá chung. Phương pháp này phục vụ viết các chương 2, 3 của báo cáo đánh giá tác động môi trường.

5. Tóm tắt nội dung chính của Báo cáo ĐTM

5.1 Thông tin về dự án

5.1.1 Thông tin chung

Tên dự án: Công ty TNHH VP Components (Việt Nam)

Địa điểm thực hiện: Lô 104/2-1, đường số 2, Khu công nghiệp Long Bình (Amata), phường Long Bình, tỉnh Đông Nai

Địa chỉ: Lô 104/2-1, đường số 2, Khu công nghiệp Long Bình (Amata), phường Long Bình, tỉnh Đông Nai

5.1.2 Quy mô, công suất

- Quy mô: khu đất có tổng diện tích 30.006,0 m^2
- Công suất : Công suất sản xuất các loại sản phẩm của nhà máy như sau:

Bảng 0.2. Quy mô công suất sản phẩm của dự án

STT	Tên sản phẩm	Công suất (tấn sản phẩm/năm)

1	Logo (tem nhãn) và các phụ kiện tem nhãn bằng nhựa	778
2	Logo (tem nhãn) và các phụ kiện tem nhãn bằng kim loại (bao gồm công đoạn xi mạ)	7.000
3	Gia công cơ khí (mài, tiện, ba via) (không bao gồm công đoạn mạ)	7.895

5.1.3 Công nghệ sản xuất

5.1.3.1 Quy trình sản xuất logo (tem nhãn) và các phụ kiện tem nhãn bằng nhựa:

- *Công suất*: 778 tấn sản phẩm/năm
- *Quy trình công nghệ:*

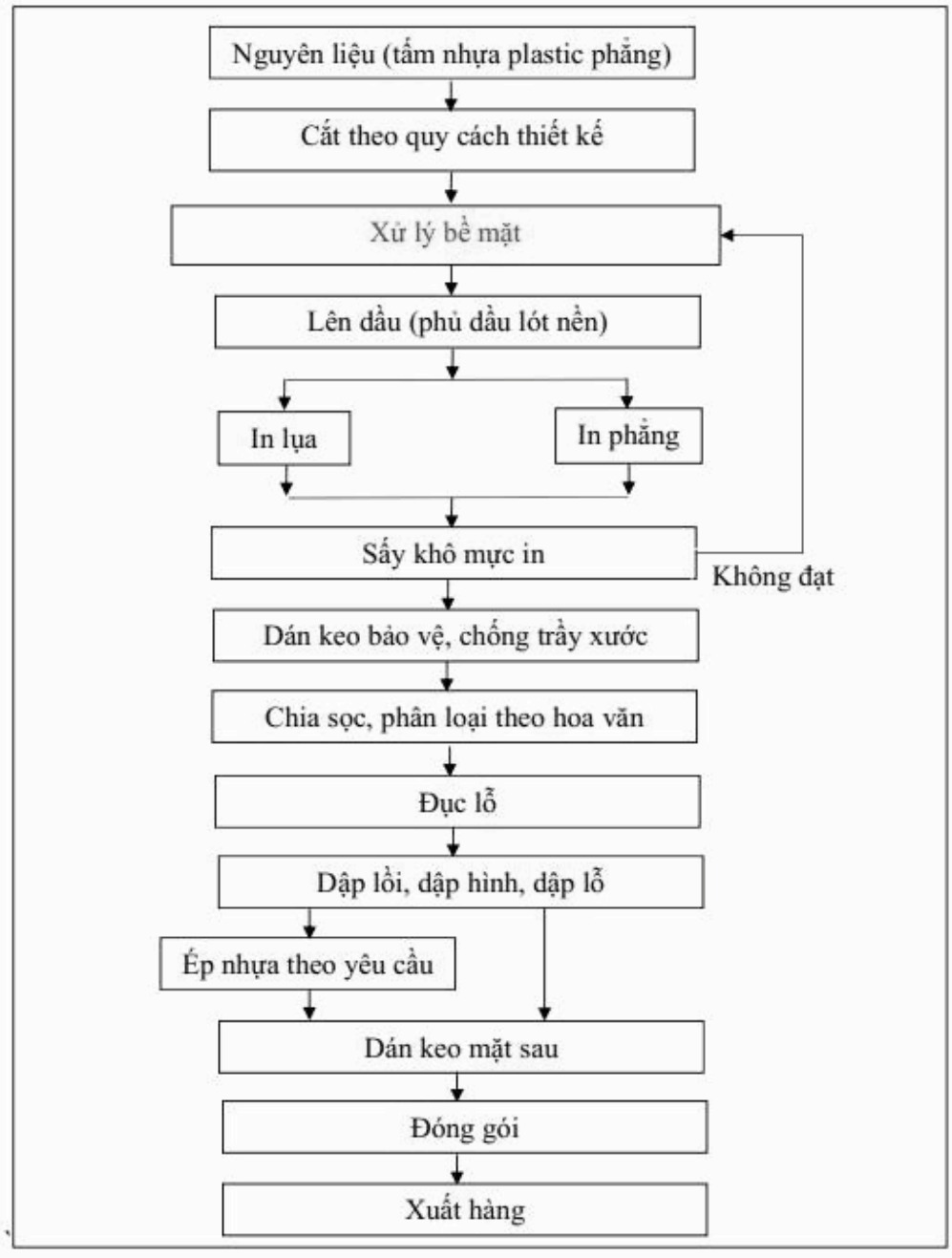

Hình 0.1. Quy trình sản xuất logo (tem nhãn) và các phụ kiện tem nhãn bằng nhựa

Thuyết minh sơ đồ quy trình công nghệ:

+Nguyên liệu đầu vào của dây chuyền sản xuất tem (logo) và các sản phẩm khác bằng nhựa của nhà máy là các tấm nhựa plastic phẳng chất lượng cao. Các tấm nhựa được kiểm tra đạt tiêu chuẩn trước khi đưa vào nhập kho nguyên nhiệu để sản xuất. Tùy theo mẫu mã thiết kế của đơn hang, mà các tấm nhựa nguyên liệu được định vị để cắt theo hình dạng và kích thước thiết kế. Sau khi cắt, các chi tiết nhựa này được mang đi xử lý bề mặt; tại đây, các chi tiết nhựa được vệ sinh, đánh bóng, cắt tỉa, mài dũa ba via,… sau đó, được chuyển đi phủ lớp dầu lót nền.

+Tiếp theo, các chi tiết nhựa tiếp tục được đưa đến công đoạn in. Tùy theo tính chất và yêu cầu của sản phẩm, hay đặc điểm của hình ảnh, logo, kí hiệu (được thiết kế sẵn) mà chi tiết nhựa được in lụa hoặc in phẳng cho phù hợp.

+Khi in xong, lập tức chúng được đưa đến công đoạn sấy để làm khô mực in (bằng lò sấy chuyên dụng) để tránh mực bị phai, mờ, tang độ bền màu cho mực in.

+Sau khi mực in đã được sấy khô, các chi tiết này sẽ được dán phủ một lớp keo dán bảo hộ để hộ chống trầy xước.

+Tiếp theo, các bán thành phẩm sẽ được phân loại căn cứ theo hoa văn để đưa đến các công đoạn đặc thù như đục lỗ, dập (dập lồi, dập hình, dập lỗ,…)

+Tùy yêu cầu của từng đơn hàng mà bán thành phẩm được ép nhựa hoặc không cần ép nhựa.

+Cuối cùng các bán thành phẩm sẽ được dán keo 2 mặt chuyên dụng lên mặt sau để dán, đính lên sản phẩm của khách hàng.

+ Sản phẩm là các logo (tem nhựa) sẽ được đưa đi đóng gói và nhậpkho thành phẩm để chờ xuất hàng.

5.1.3.2. Quy trình sản xuất logo (tem nhãn) và các phụ kiện tem nhãn bằng kim loại (bao gồm công đoạn xi mạ)

- *Công suất:* 7.000 tấn sản phẩm/năm

-*Quy trình công nghệ:*

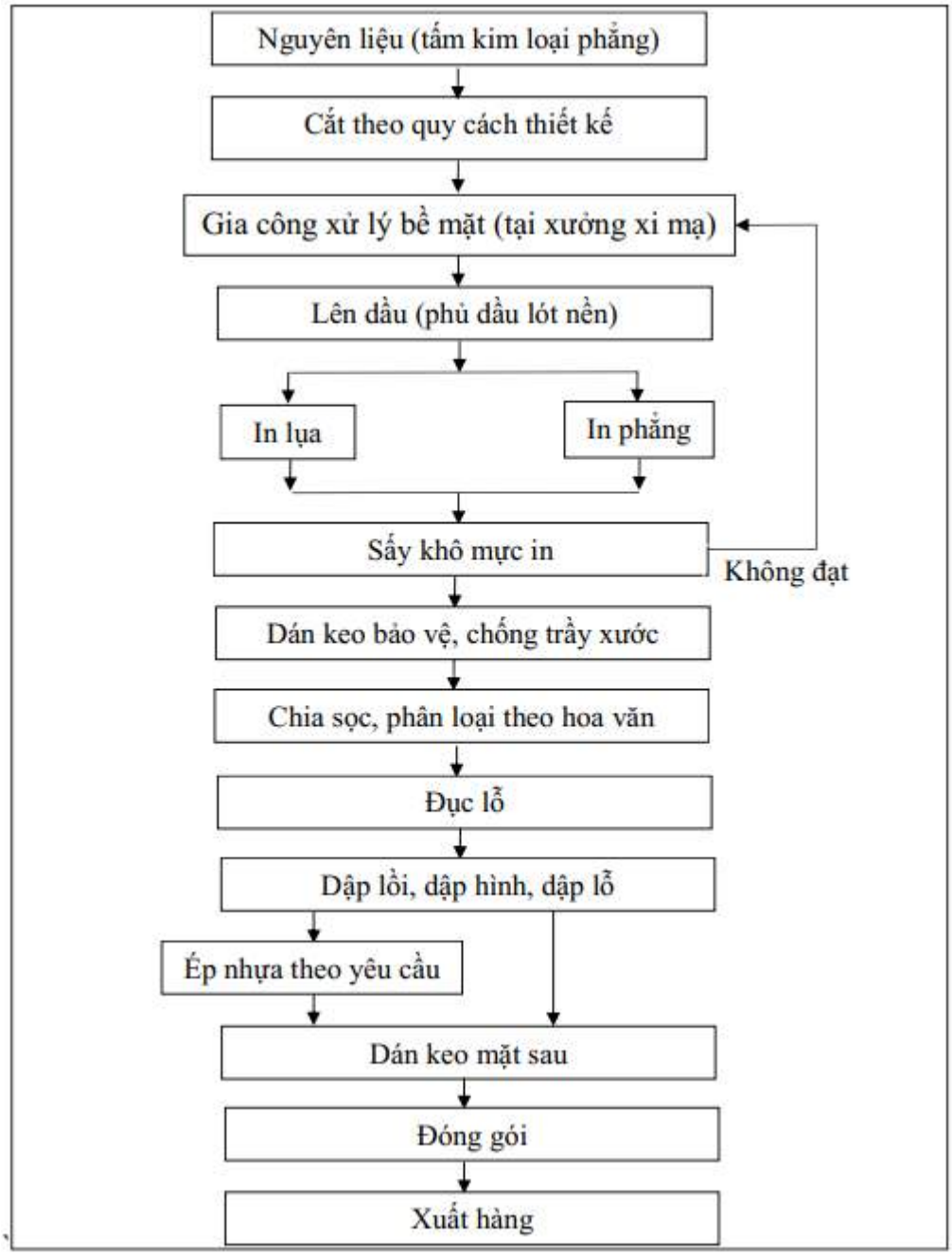

Hình 0.2. Quy trình sản xuất logo (tem nhãn) và các phụ kiện tem nhãn bằng kim loại

Thuyết minh sơ đồ quy trình công nghệ:

Nguyên lý hoạt động sản xuất của dây chuyền sản xuất logo (tem nhãn) và các sản phẩm khác bằng kim loại của nhà máy tương tự như quy trình sản xuất logo (tem) nhựa. Chỉ khác là nguyên liệu đầu vào là các tấm kim loại phẳng được chọn lựa đạt tiêu chuẩn đầu vào của nhà máy và có công đoạn xử lý bề mặt, mạ. Cụ thể các công đoạn xử lý bề mặt và mạ như sau:

- ***Công đoạn gia công, xử lý bề mặt niken, crom***

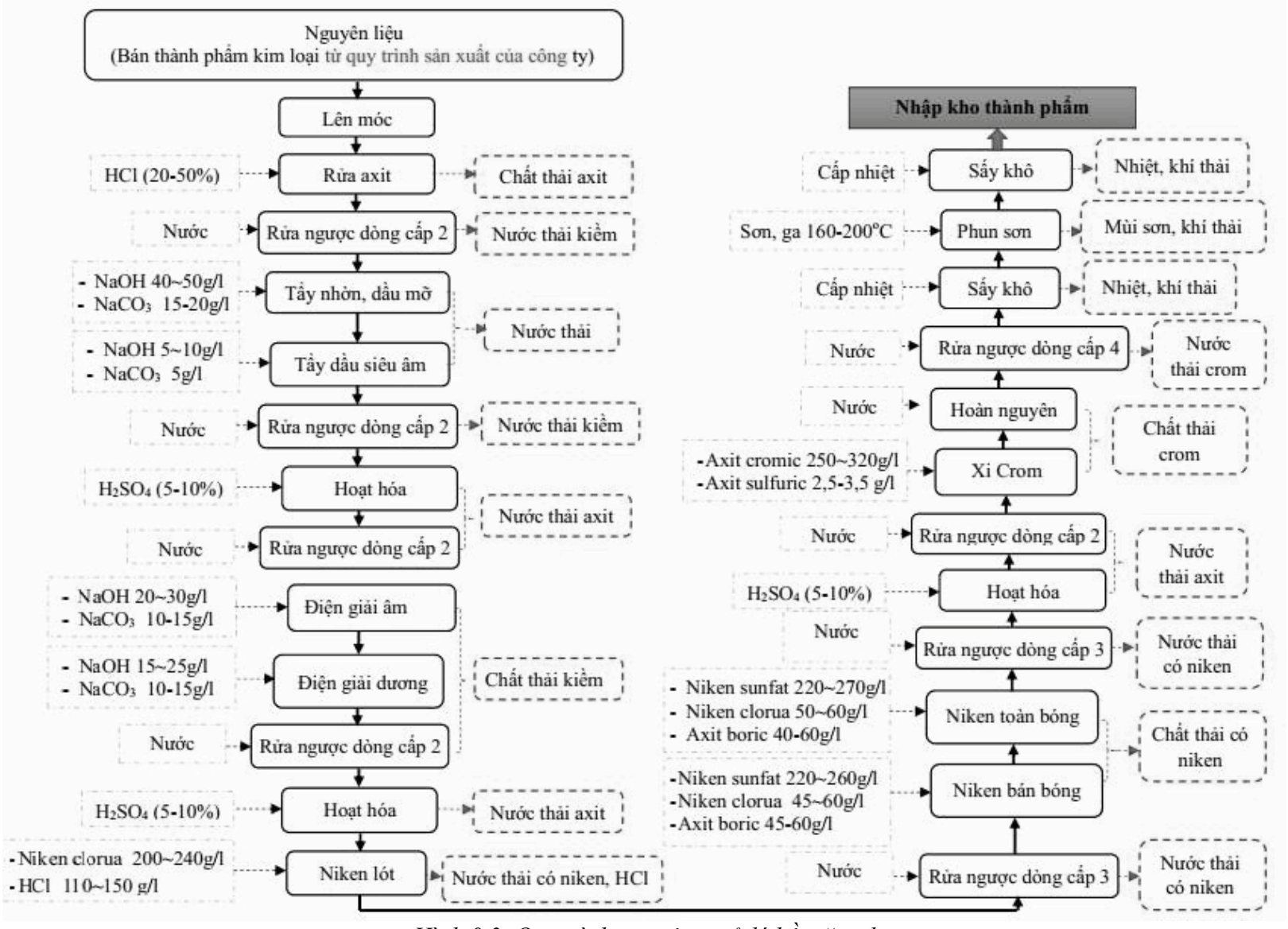

Hình 0.3. Quy trình gia công, xử lý bề mặt niken, crom

Nguyên liệu đầu vào là các bán thành phẩm kim loại hoặc nhựa plastic sẽ được đưa lên móc để bắt đầu cho chu trình sản xuất xử lý bề mặt và tráng phủ kim loại. Các sản phẩm yêu cầu bề mặt trước khi mạ phải có độ sạch cao. Do đó các nguyên liệu đầu vào sẽ qua bước tiền xử lý nhằm làm sạch bề mặt để quá trình xi mạ đạt hiệu quả tốt nhất.

Sản phẩm bước đầu được tiến hành rửa bằng axit HCl (20-50%), trong khoảng 30 – 40 phút để loại bỏ lớp gỉ sét trên bề mặt sản phẩm -> rửa ngược dòng cấp 2 bằng nước máy để làm sạch dung dịch tẩy rửa.

Tiếp đó, tiến hành tẩy bằng hóa chất có tính kiềm (NaOH 40~50g/l, $NaCO_3$ 15-20g/l) trong khoảng thời gian từ 10-15 phút, có tác dụng tẩy sạch dầu mỡ trên bề mặt sản phẩm. Thành phần của các hóa chất tẩy dầu chủ yếu là NaOH, Na_2CO_3. Đó đều là các chất có tính kiềm, dầu mỡ trong dung dịch kiềm sẽ bị xà phòng hóa thành glicerin và muối axit béo dễ tan trong nước. Do đó dầu mỡ bị tẩy đi như phản ứng sau:

$$(C_{17}H_{35}COO)_3C_3H_5 + 3NaOH = 3C_{17}H_{35}COONa + C_3H_5(OH)_3$$

Dầu — Muối axit béo — Glicerin

Na_2CO_3 có tác dụng xà phòng hóa nhất định và có tác dụng đệm trong dung dịch tẩy dầu.

Sau đó sản phẩm được đưa sang bể tẩy sóng siêu âm là phương pháp tẩy hiện đại nhất hiện nay dùng dòng điện tạo tần số sóng trong nước để dung kết hợp với hóa chất AK-11 mang tính kiềm với tỉ lệ sử dụng khoảng 10-70g/l; trong bể tẩy sạch các tạp chất dầu mỡ ở các góc khuất khó tẩy -> rửa ngược dòng cấp 2 bằng nước máy để làm sạch dung dịch tẩy rửa.

Tiếp theo là công đoạn hoạt hóa: Hoá chất H_2SO_4 với tỉ lệ sử dụng khoảng 5-10% sẽ tẩy lớp gỉ sét oxy hóa trên bề mặt, bóc tách 1 lớp oxit bám trên bề mặt sản phẩm, cấu trúc tinh thể bị lộ ra, làm tăng hiệu quả của quá trình mạ -> rửa ngược dòng cấp 2 bằng nước máy để làm sạch hóa chất bám trên bề mặt.

Điện giải âm, điện giải dương: dưới tác dụng của hóa chất kiềm NaOH và $NaCO_3$ cùng với dòng điện ngược làm tăng tính bám dính, tách lớp oxy hóa bề mặt, tác dụng tẩy lớp dầu trên bề mặt, làm mềm lớp sáp bột đánh bóng -> rửa ngược dòng cấp 2 bằng nước máy để làm sạch hóa chất bám trên bề mặt. Tác dụng của quá trình này đơn giản chỉ để các chất tẩy không tác động với nhau, tạo hiệu ứng tốt nhất lên trên bề mặt sản phẩm. Thời gian xử lý cho công đoạn này là 30 giây. Nước rửa được thiết kế vận hành theo chế độ chảy liên tục, nước thải được thu gom về HTXL nước thải tập trung của nhà máy.

Sản phẩm tiếp tục được đưa quá quá trình hoạt hóa một lần nữa trước khi đưa đi mạ Niken.

Quá trình mạ Niken trải qua các công đoạn:

-*Niken lót* nhằm cân bằng bề mặt sản phẩm, tạo độ nền; dung dịch mạ bao gồm NiCl2 200~240g/l, HCl 110-150g/l. Bể mạ được duy trì ở nhiệt độ khoảng 45-60^{0}C. Sau mạ Niken lót sản phẩm được chuyển qua rửa nước máy để làm sạch.

-*Niken bán bóng* giúp chống ăn mòn sản phẩm; tạo lớp mạ có thành phần lưu huỳnh cao dung dịch mạ bao gồm $NiSO_4$ 220~260g/l, $NiCl_2$ 45~60g /l, H_3BO_3 45-60g/l.

-*Niken toàn bóng* giúp tạo lớp mạ Ni bóng; dung dịch mạ bao gồm $NiSO_4$ 220~270g/l, $NiCl_2$ 50~60g /l, H_3BO_3 40-60g/l.

Sau mạ Niken sản phẩm được chuyển qua rửa nước máy để làm sạch và đưa qua quá trình hoạt hóa, rửa nước trước khi đưa đi mạ crom. Quá trình mạ Cr: Giúp làm tăng t nh thẩm mỹ của sản phẩm, chống ăn mòn, tăng cường độ sáng bóng và làm tăng độ cứng bề mặt. Dung dịch mạ bao gồm CrO3 250~320g/l, H2SO4 2,5-3,5 g/l để trang trí sản phẩm, tạo màu theo yêu cầu sản phẩm. Nhiệt độ bể mạ luôn được duy trì ở khoảng 30^{0}C -40^{0}C.

Để tránh độc hại và giảm thiểu ảnh hưởng tới môi trường sau công đoạn mạ crom, sản phẩm được đưa sang bể hoàn nguyên dưới tác dụng của hóa chất $Na_2S_2O_5$ giúp chuyển hóa hoàn toàn lượng Cr(VI) trên sản phẩm về Cr(III) (dạng ít độc hại và thân thiện với môi trường hơn) sau đó tiếp tục đưa sang các bể rửa nước máy để tráng rửa sạch hoàn toàn hóa chất bám dính trên sản phẩm.

Sau khi sấy ở nhiệt độ 80^{0}C trong khoảng 2-10 phút, sản phẩm sẽ được đưa đến khu vực kiểm tra, tại đây các nhân viên nhà máy sẽ kiểm tra bề mặt của sản phẩm xem lớp mạ đạt yêu cầu không. Sản phẩm đạt yêu cầu được chuyển sang bộ phận phun sơn để phun sơn theo yêu cầu của đơn hang. Sản phẩm sau công đoạn sơn được đưa sang khu vực sấy để làm khô lớp sơn trên bề mặt sản phẩm, rồi đưa đi đóng gói *(tùy theo yêu cầu của đơn hàng)*.

Sản phẩm không đạt yêu cầu sẽ được chỉnh sửa và mạ lại. Các sản phẩm sau khi mạ đạt yêu cầu sẽ được lưu kho, chờ xuất xưởng theo yêu cầu.

5.1.3.3. Gia công cơ khí (mài, tiện, ba via) (không bao gồm công đoạn mạ)

- Công suất: 7.895 tấn/năm
- Sơ đồ quy trình công nghệ:

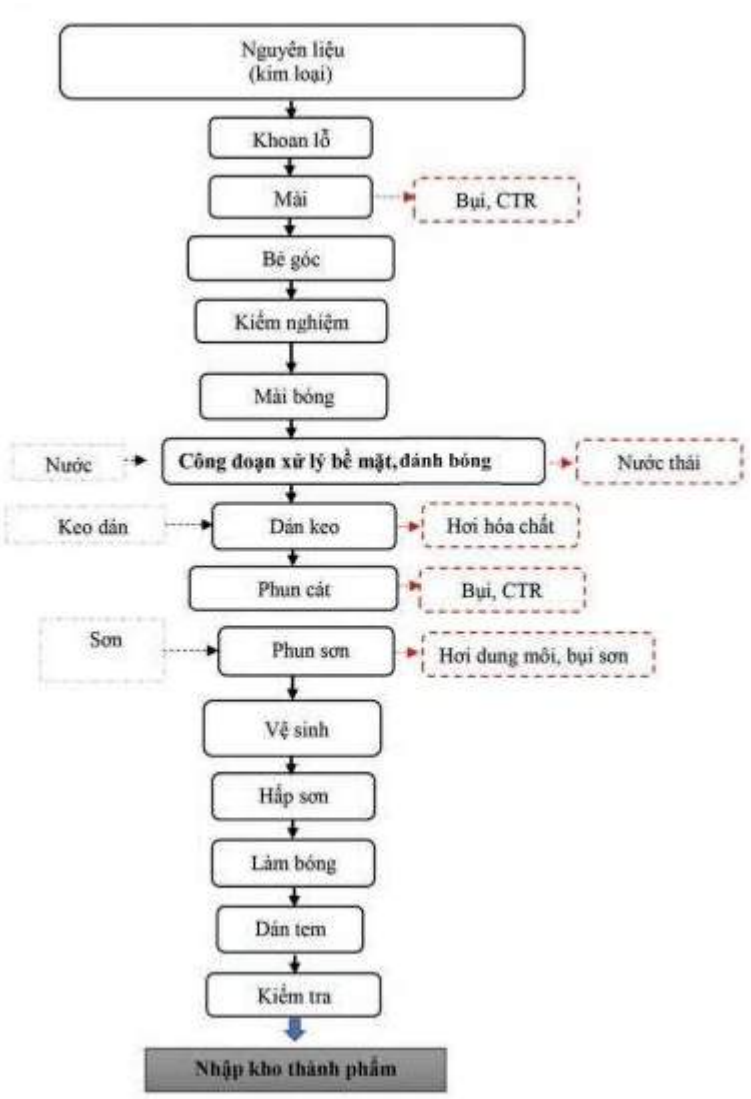

Hình 0.4. Quy trình gia công cơ khí

Thuyết minh quy trình công nghệ:

Nguyên liệu (Bán thành phẩm từ kim loại hoặc nhựa plastic) được chuyển qua xưởng gia công cơ khí để tiến hành các bước gia công cơ khí như sau:

- Khoan lỗ: bán thành phẩm được khoan các lỗ theo thiết kế.

- Mài: Sau đó được chuyển đến công đoạn mài, công nhân tiến hành mài các chi tiết dư thừa.

- Bẻ góc: bán thành phẩm được chỉnh sửa, bẻ góc đúng theo thông số của khách hàng yêu cầu.

- Kiểm nghiệm: Sau khi bẻ góc, bán thành phẩm được nhân viên kiểm nghiệm chất lượng trước khi chuyển qua công đoạn mài bóng.

- Mài bóng: Tại công đoạn này bán thành phẩm được công nhân mài ướt cho bóng sáng trước khi chuyển qua công đoạn gia công, xử lý bề mặt tùy theo yêu cầu của khách hàng.

- Công đoạn xử lý bề mặt: tùy theo yêu cầu của khách hàng, bán thảnh phẩm sẽ được xử lý bề mặt, đánh bóng. Sau khi hoàn thành công đoạn xử lý bề mặt, bán thảnh phẩm sẽ được chuyển về xưởng gia công cơ khí để tiến hành các bước tiếp theo.

- Dán keo: Dán bọc lại các phần không cần phun cát để chuẩn bị cho bước tiếp theo.

- Phun cát: bán thành phẩm được phun cát đánh bóng các cần thiết.

- Phun sơn: Trước khi phun sơn, bán thành phẩm được dán keo các phần không cần sơn, sau đó đưa vào buồng phun sơn để tiến hành phun sơn. Sơn và dung môi nhập về được tiến hành pha trước khi đưa về các khu vực cần sơn.

- Vệ sinh: Công nhân sẽ tiến hành lau sạch, xử lý vết sơn lem ra ngoài bằng chất tẩy rửa, đánh bóng hoặc tẩy ố.

- Hấp sơn: Sau khi phun sơn bán thành phẩm được đưa vào máy hấp sơn sử dụng năng lượng điện với nhiệt độ hấp là 100-150°C trong khoảng thời gian 30 phút - 60 phút để giúp màu sơn được bám lâu hơn.

- Làm bóng: Hấp sơn xong và để nguội, bán thành phẩm được cắt keo dán và làm bóng lại phần không sơn đã được mài bóng bằng cách cho công nhân lau các chỉ tiết này bằng Aceton.

- Dán tem: Dán tem logo, mã sản phẩm cho thành phẩm theo từng mã hàng.

- Kiểm tra: Sau cùng thành phẩm được kiểm tra lại trước khi xuất xưởng. Đối với các thành phẩm có những lỗi chưa hoàn chỉnh sẽ được quay lại để xử lý. Các sản phẩm đạt yêu cầu sẽ xuất xưởng.

5.1.4 Phạm vi

- Lắp đặt máy móc thiết bị phục vụ cho Nhà máy sau khi thay đổi công nghệ sản xuất, mặt hàng sản xuất.

- Hoạt động sản xuất của nhà máy:

+ Xưởng sản xuất logo (tem nhãn) và các phụ kiện tem nhãn bằng nhựa

+ Xưởng sản xuất logo (tem nhãn) và các phụ kiện tem nhãn bằng kim loại

+ Xưởng gia công cơ khí (mài, tiện, ba via) (không bao gồm công đoạn xi mạ)

5.2 Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

❖ **Trong giai đoạn thi công xây dựng**

- Hoạt động lắp đặt các thiết bị, máy móc và vận chuyển nguyên vật liệu thi công, đổ thải phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt.

❖ **Trong giai đoạn vận hành**

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên tại nhà máy phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

- Hoạt động sản xuất của các nhà xưởng trong nhà máy phát sinh nước thải công nghiệp, chất thải rắn, chất thải nguy hại.

- Hoạt động xử lý nước thải, nạo vét cống thoát nước mưa trong phạm vi nhà máy phát sinh bùn thải, chất thải nguy hại và mùi hôi.

- Hoạt động của các phương tiện vận chuyển ra vào Dự án trong giai đoạn vận hành phát sinh tiếng ồn, rung, bụi và khí thải.

5.3 Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

5.3.1. Các tác động trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị

5.3.2.1.1 Các tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị

- **Tác động đến môi trường không khí:**

- Bụi, khí thải do hoạt động của các phương tiện vận chuyển máy móc thiết bị: Thành phần bao gồm SO_2, NO_2, CO, VOCs,... Thời gian vận chuyển tập trung trong 10 ngày, với số lượng máy móc, thiết bị cần lắp đặt tại dự án, công ty tính toán cần số lượng 15 chuyến xe để vận chuyển, tương đương khoảng từ 2-3 chuyến/ngày. Do số lượng xe vận chuyển ít và chất lượng đường tốt nên hoạt động này phát sinh chất ô nhiễm không đáng kể.

- Tác động của bụi do hoạt động lắp đặt máy móc thiết bị:Các máy móc sử dụng để lắp đặt máy móc, thiết bị của dự án chủ yếu là máy khoan, máy bắt vít, búa tay, máy cắt... các máy móc này sử dụng nhiên liệu là điện. Từ thực tế cho thấy, hầu như không có bụi và khí thải phát sinh từ công đoạn này.

- **Tác động đến môi trường nước:**

- Nước thải sinh hoạt: Lượng lao động tập trung thường xuyên tại Nhà máy trong quá trình lắp đặt máy móc thiết bị là 30 lao động. Định mức nước sử dụng 45 lít/người.ngày, nước thải tính bằng 100% lượng nước cấp: 45 lít/người.ngày x 30 người = 1,35 m^3/ngày.

- **Chất thải rắn**

Các nguồn phát sinh chất thải rắn trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị bao gồm:

Chất thải rắn sinh hoạt: Lượng chất thải rắn sinh hoạt được ước tính theo số lao động của Nhà máy với mức thải trung bình 1,3 kg/người/ngày (Định mức thải tính bằng 1/3 theo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng). Tuy nhiên, mỗi công nhân chỉ làm việc 1 ca/ngày (tương đương 8h/ngày). Vậy lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh cho 1 người trong 1 ca là (1,3 x 8)/24 = 0,43 kg/người/ca. Vậy, lượng rác thải sinh hoạt phát sinh tại công trường là: 30 người × 0,43 kg/người/ca = 12,9 kg/ngày.

- **Chất thải nguy hại**

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình này chủ yếu là giẻ lau dính dầu (mã số 18 02 01), vỏ hộp dầu (mã số 18 01 03). Tham khảo số liệu từ quá trình lắp đặt máy móc thiết bị tại các nhà máy lân cận, lượng chất thải trong quá trình lắp đặt máy móc thiết bị ước tính là 25kg trong suốt quá trình lắp đặt máy móc thiết bị.

5.3.2.1.2. Các tác động không liên quan đến chất thải.

- Tiếng ồn: Trong giai đoạn này tiếng ồn chủ yếu phát sinh do hoạt động lắp đặt máy móc thiết bị, hoạt động cắt các chi tiết phụ.

- Ô nhiễm do nước mưa chảy tràn

- Tai nạn lao động

- Tác động đến các đối tượng xung quanh dự án

5.3.2.1.3. Các rủi ro, sự cố:

- Sự cố cháy nổ

- Sự cố tai nạn lao động

- Sự cố tai nạn giao thông

5.3.2.2. Các tác động trong giai đoạn vận hành

5.3.2.2.1. Các tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn vận hành

- **Tác động đến môi trường không khí:**

- Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông của cán bộ nhân viên trong Công ty và phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm: phát sinh các chất khí ô nhiễm có chứa sản phẩm từ quá trình đốt nhiên liệu của các động cơ như bụi NO_x, SO_2, CO, VOC…

- Bụi sinh ra từ quá trình sản xuất chủ yếu từ các công đoạn gia công cơ khí như: khoan, mài, mài bóng, phun cát và đánh bóng phôi. Lượng bụi rất nhỏ ước tính khoảng 0,01% so với lượng nguyên liệu sản xuất xấp xỉ 0.9 kg/ngày. Lượng bụi này nếu không được thu gom và xử lý sẽ gây ô nhiễm môi trường không khí xung quanh khu vực sản xuất, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người lao động. Bụi phát sinh từ các công đoạn này có khối lượng riêng lớn nên khó phát tán vào môi trường không khí trên diện rộng.

- Khí thải từ công đoạn sấy: Cơ sở có công đoạn sấy nhiệt bằng lò sấy gas sau công đoạn phun sơn và công đoạn in. Vì vậy khí thải phát sinh từ quá trình sấy ít gây tác động môi trường.

- Bụi sơn và hơi dung môi từ công đoạn phun sơn, hấp sơn: Quá trình sơn được thực hiện bằng máy phun sơn tự động, công nhân chỉ tiến hành tao tác trên máy và kiểm tra chất lượng sản phẩm đầu ra để tiến hành điều chỉnh máy. Hơi dung môi phát sinh từ quá trình pha sơn, sơn, hấp sơn sản phẩm lượng hơi này nếu phát sinh nhiều có thể gây ảnh hưởng đến cảm quan, gây sự chóng mặt cho công nhân trực tiếp sản xuất tại xưởng. Thành phần hơi dung môi có khả năng phát sinh từ công đoạn này chủ yếu là nhựa, Toluen, Xylen, Butyl acetate, carbon, Propylene glycol, Methyl ether acetate.

- Hơi hóa chất phát sinh trong quá trình xử lý bề mặt và mạ: Khu vực xi mạ sử dụng rất nhiều loại hóa chất. Các tác nhân gây ô nhiễm từ dây chuyền mạ ở nhà máy chỉ tập trung vào các dạng chính là hơi axit, hơi kiềm và hơi kim loại. Các loại khí thải này phát tán ra môi trường sẽ ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí tại khu vực dự án cũng như nguồn tiếp nhận chất ô nhiễm.

+ Hơi axit: dự án sử dụng axit HCl, HNO3 cho quá trình tẩy rửa.

+ Hơi kiềm: sử dụng NaOH để làm sạch bề mặt kim loại, tuy nhiên NaOH không bay hơi ở nhiệt độ thường;

Tổng khối lượng hóa chất sử dụng lớn nhất cho quá trình mạ sử dụng khoảng 239,6 tấn hóa chất/năm, tải lượng hơi hóa chất phát sinh như sau:

0,15 kg/tấn nguyên liệu × 0,768 tấn/ngày = 0,1152 kg/ngày

Diện tích khu vực bị ảnh hưởng 600 m^2 cho cả 3 khu vực xi mạ với chiều cao nhà xưởng 5m. Thể tích khu vực chịu ảnh hưởng 3.000 m^3.

Tính nồng độ khí thải trong phòng kín: C =115,2/3.000 m^3 ≈ 0,0384 mg/m^3

Như vậy với tải lượng hơi hóa chất phát sinh từ công đoạn mạ khoảng 0,1152 kg/ngày nếu không được xử lý triệt để sẽ gây ô nhiễm và ảnh hưởng rất nhiều đến sức khỏe của người lao động.

- Mùi phát sinh từ khu vực lưu chứa chất thải nguy hại; chất thải sinh hoạt, từ hệ thống thu gom và bể chứa nước thải của nhà máy…

➢ **Tác động do nước thải:**

❖ Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên nhà máy: 72 m^3/ngày

Tính chất: Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và các vi sinh vật.

❖ Nước thải sản xuất:

- Nước thải sản xuất: phát sinh từ hai nguồn chính là quá trình mạ và quá trình xử lý bề mặt, làm sạch bề mặt chi tiết kim loại từ quy trình sản xuất gia công, xử lý bề mặt kim loại. Đặc điểm của nước thải từ công đoạn này thường các chất tẩy rửa bề mặt, kim loại nặng và các chất phụ gia dùng để mạ chi tiết quá trình mạ, độ pH của nước thải dao động mạnh từ tính axit, trung tính đến kiềm (pH từ 2-11), nước thải thường có màu lục lam và có nồng độ BOD, COD tương đối thấp, nước rửa chứa muối kim loại nặng, dầu mỡ, các hợp chất keo tụ, ….. khoảng 106.08 m^3/ngày.

- Bên cạnh đó, nhà máy còn phát sinh nước thải từ công đoạn phun sơn. Lưu lượng khoảng 1 m^3/ngày.đêm.

- Nước thải từ các hệ thống xử lý khí thải: 4 m^3/ngày.đêm

- Nước thải vệ sinh công nghiệp phát sinh do rửa xe, vệ sinh nhà xưởng, thiết bị: Thành phần ô nhiễm chủ yếu của loại nước thải này là: chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng, các kim loại nặng,… khoảng 1 m^3/ngày.đêm.

➢ **Chất thải rắn**

❖ Chất thải sinh hoạt

Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của cán bộ nhân viên tại nhà máy. Loại rác thải này có thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ như: thực phẩm, rau quả thừa, hoa, lá cây, bọc nilon, giấy … và các chất vô cơ như sắt kẽm của vỏ lon, thủy tinh của chai lọ, nhôm, thiếc… lượng rác thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày của nhà máy vào khoảng 500 kg/ngày

❖ Chất thải sản xuất

Trong quá trình sản xuất chủ yếu phát sinh các loại chất thải công nghiệp không nguy hại là: phế liệu thép, vụn kim loại, Bố đánh bóng hư, bụi đánh bóng, Thùng nhựa, pallet nhựa các loại bao bì giấy, bao PE, bao PP thải, giấy carton, giấy văn phòng thải, Bùn thải phát sinh từ quá trình mài nước.

Tổng khối lượng chất thải khoảng 420 kg/tháng

❖ Chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất và bảo trì máy móc, thiết bị (dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; giẻ lau, bao tay nhiễm dầu mỡ; bao bì mềm nhiễm thành phần nguy hại), vụn kim loại có nhiễm thành phần nguy hại, nước thải xi mạ, bóng đèn huỳnh quang thải dự kiến phát sinh khoảng 1.152.000 kg/năm

5.3.2.2.2. Các tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn vận hành.

- Ô nhiễm nhiệt: Ô nhiễm nhiệt là một nguồn ô nhiễm cần được quan tâm tại các quy trình xử lý có dùng đến gia nhiệt như tại hệ thống chưng cất dung môi, máy phát điện và đặc biệt là lò đốt thiêu hủy chất thải.
- Ô nhiễm do nước mưa chảy tràn
- Tai nạn lao động
- Tác động đến các đối tượng xung quanh dự án

5.3.2.2.3. Các rủi ro, sự cố trong giai đoạn vận hành nhà máy:

- Sự cố cháy nổ
- Sự cố tai nạn trong quá trình sản xuất
- Rò rỉ, tràn đổ hóa chất trong quá trình vận chuyển
- Sự cố tai nạn giao thông trên quãng đường vận chuyển
- Sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải
- Sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải

5.4 Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

5.4.1. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị.

5.4.1.1. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị.

❋ Giảm thiểu tác động do bụi, khí thải

+ Không sử dụng các phương tiện cũ, hết hạn đăng kiểm;

+ Tập kết máy móc, thiết bị đúng nơi quy định, không gây ảnh hưởng đến giao thông hoặc đến cơ sở sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp;

❋ Giảm thiểu tác động do nước thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân lắp đặt máy móc thiết bị: được thu gom vào bể tự hoại đã được xây dựng sẵn của Nhà máy để xử lý sơ bộ trước khi thoát ra trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Amata.

❋ Giảm thiểu tác động do chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt: tất cả chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được thu gom và tập kết vào thùng chứa có nắp đậy và hợp đồng với Công ty cổ phần dịch vụ Sonadezi để thu gom, xử lý.

- Chất thải rắn do hoạt động lắp đặt máy móc thiết bị sẽ được phân loại tại nguồn. Đối với các loại chất thải có thể tái sử dụng như thùng carton, vỏ kiện chứa các thiết bị, máy móc, xốp chèn hàng, dây buộc,… ký hợp đồng chuyển giao với Công ty cổ phần dịch vụ Sonadezi hoặc đơn vị có chức năng theo quy định; Đối với chất thải không còn giá trị thương mại được chuyển giao cho đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý.

❋ Giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại: Bố trí thùng chứa có dung tích phù hợp để chứa các loại chất thải nguy hại cơ bản trong quá trình lắp đặt máy móc thiết bị như giẻ lau dính dầu, hộp đựng dầu,... sau mỗi ngày làm việc đơn vị thi công sẽ thu gom chất thải nguy hại vào kho chứa CTNH hiện có của Nhà máy và hợp đồng với Công ty Cổ phần Cù Lao Xanh là đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý .

5.4.1.2. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị.

- Có kế hoạch tổ chức sắp xếp thời gian hợp lý, điều tiết lượng phương tiện vận chuyển để hạn chế cộng hưởng tiếng ồn.

- Đối với phương tiện giao thông vận tải chở máy móc, tránh hoạt động vào giờ cao điểm, hạn chế ùn tắc giao thông

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động phù hợp cho cán bộ nhân viên để chống ô nhiễm và đảm bảo an toàn lao động.

- Nước mưa:

+ Khu vực thực hiện dự án đã xây dựng hệ thống thoát nước mưa hoàn chỉnh, nước mưa phát sinh được thu gom về hệ thống cống D300-D800 bao quanh công trình rồi dẫn vào hệ thống thoát nước mặt của KCN.

+ Trên hệ thống cống thoát nước mưa có bố trí hố ga để lắng đọng bùn đất trước khi thoát vào hệ thống thoát nước của khu công nghiệp;

+ Trong quá trình lắp đặt máy móc, các chất thải rắn và chất thải nguy hại sẽ được thu gom ngay tại nguồn và lưu giữ tại kho chứa chất thải, tránh gây bị rơi vãi gây ô nhiễm nguồn nước mặt khu vực;

- Chất thải nguy hại: Bố trí thùng chứa có dung tích phù hợp để chứa các loại chất thải nguy hại cơ bản trong quá trình lắp đặt máy móc thiết bị như giẻ lau dính dầu, hộp đựng dầu,... sau mỗi ngày làm việc đơn vị thi công sẽ thu gom chất thải nguy hại vào kho chứa CTNH hiện có của Nhà máy và hợp đồng với Công ty Cổ phần Cù Lao Xanh là đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý .

5.4.1.3. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị.

- Có quy định cụ thể về phòng chống cháy nổ;

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cũng như các thiết bị an toàn trong quá trình thi công lắp đặt máy móc.

- Quản lý máy móc, thiết bị trong quá trình lắp đặt, hệ thống điện an toàn, có dấu hiệu cảnh báo chất dễ cháy;

- Để phòng ngừa rủi ro tai nạn lao động trong quá trình lắp đặt máy móc thiết bị:

+ Sử dụng công nhân lành nghề, trang bị đầy đủ dụng cụ lao động, phương tiện và bảo hộ lao động phù hợp.

+ Tổ chức phổ biến và dự báo trước các tai nạn có thể xảy ra, các nội quy, quy định khi làm việc tại dự án không để xảy ra tai nạn lao động trên khu vực nhà xưởng trong suốt thời gian lắp đặt máy móc thiết bị cho dự án.

+ Tổ chức tổ cứu thương thường trực tại nhà xưởng để sơ cứu các trường hợp tai nạn lao động và vận chuyển tới bệnh viện khi cần thiết.

- Phòng ngừa sự cố cháy nổ: lên các phương án phòng cháy chữa cháy trong quá trình lắp đặt máy móc thiết bị.

- Đảm bảo hệ thống thông tin liên lạc với các phương án dự phòng khi có sự cố lớn.

- Sử dụng phương tiện đạt tiêu chuẩn lưu hành, không chở quá tải trọng cho phép, lái xe có kinh nghiệm xử lý các tình huống xảy ra trong quá trình vận chuyển.

Không chở máy móc trong ngày có mưa bão hoặc thời tiết xấu. Tránh vận chuyển vào giờ cao điểm (giờ đi làm, giờ tan ca).

- Thường xuyên kiểm tra sức khỏe, lập hồ sơ khai báo y tế hàng ngày cho cán bộ, người lao động trong cả quá trình lắp đặt máy móc thiết bị; Tuân thủ theo đúng hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thời gian làm việc, các chế độ bồi dưỡng để nâng cao sức khỏe và sức đề kháng cho người lao động từ đó hạn chế được việc nhiễm các dịch bệnh; Khuyến khích các lao động bị mắc các bệnh truyền nhiễm điều trị ở nhà hoặc các cơ sở y tế đảm bảo khỏi bệnh mới đi làm trở lại để tránh lây nhiễm cho các lao động khác. Tuân thủ theo đúng hướng dẫn của Bộ y tế về việc phòng chống dịch bệnh.

5.4.2. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động trong giai đoạn vận hành.

5.4.2.1. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn vận hành.

❋ Giảm thiểu tác động do bụi, khí thải

➢ Đối với bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm

- Bê tông hóa khuôn viên và đường nội bộ, thường xuyên phun nước tạo ẩm để hạn chế bụi phát tán;

- Hướng dẫn lưu thông hợp lý, tránh ùn tắc giao thông làm gia tăng hàm lượng khí thải ảnh hưởng đến chất lượng không khí;

- Trồng cây xanh dọc đường vận chuyển nội bộ và xung quanh khuôn viên dự án để tạo cảnh quan và chắn bụi;

- Phân cụm và bố trí các công trình trong khu vực hoạt động như khu nhà xưởng sản xuất, khu văn phòng, nhà kho, sân bãi, đường nội bộ, hệ thống cây xanh và các công trình phụ trợ khác một cách thuận tiện, hạn chế các phương tiện vận chuyển qua lại nhiều trong các khu chức năng trong khi hoạt động;

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng máy móc của phương tiện, sử dụng đúng nhiên liệu và vận chuyển đúng trọng tải theo đúng thiết kế của nhà sản xuất;

- Các xe lưu thông trong khu vực dự án cần giảm tốc độ để hạn chế bụi.

➢ Giảm thiểu bụi từ quá trình sản xuất

- Dự án sẽ thiết kế, xây dựng nhà xưởng cao, thoáng mát, có lắp đặt các quạt hút thông gió.

- Tại công đoạn mài và đánh bóng được bố trí chụp hút. Bụi được dẫn bằng các đường ống nhánh, đường ống trục chính trước khi dẫn vào hệ thống xử lý bụi. Khí thải sạch thoát ra ngoài môi trường đạt theo quy định (QCVN 19:2024/BTNMT cột B).

Công ty sẽ lắp đặt thêm 01 hệ thống thu gom, xử lý bụi tại công đoạn mài và đánh bóng theo quy trình công nghệ xử lý như sau:

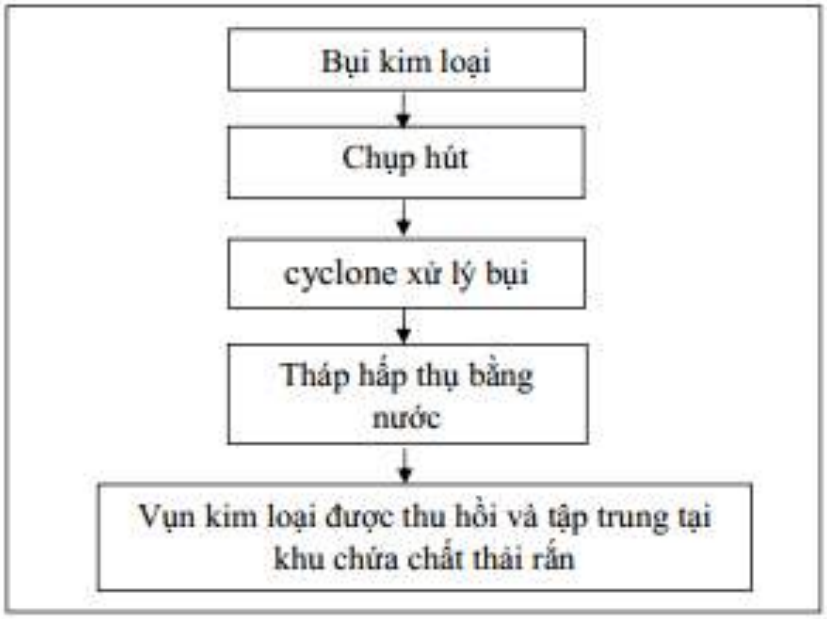

Hình 0.4: Quy trình hệ thống thu gom, xử lý bụi tại công đoạn mài và đánh bóng

- Ban hành quy định bắt buộc công nhân làm việc trong nhà xưởng phải luôn mang bảo hộ lao động.

➢ Giảm thiểu khí thải từ công đoạn gia nhiệt

Trong quá trình sản xuất, Nhà máy có công đoạn gia nhiệt kim loại bằng cách sử dụng
lò gia nhiệt bằng khí gas. Vì vậy khí thải phát sinh từ quá trình đốt gas ít gây tác động môi trường nên không cần hệ thống thu gom, xử lý khí thải. Công ty sẽ tháo dỡ hệ thống thu gom, xử lý khí thải từ lò hơi đốt dầu DO hiện hữu.

➢ Giảm thiểu bụi sơn và hơi dung môi từ công đoạn phun sơn, hấp sơn

- Dự án thiết kế, xây dựng nhà xưởng cao, thoáng mát, có lắp đặt các quạt hút thông gió.

- Tại công đoạn phun sơn được thực hiện bằng máy phun sơn tự động, công nhân chỉ tiến hành tao tác trên máy và kiểm tra chất lượng sản phẩm đầu ra để tiến hành điều chỉnh máy. Bụi sơn, khí thải được thu gom xử lý qua màng nước, sau đó được dẫn bằng các đường ống nhánh, đường ống trục chính trước khi dẫn vào tháp xử lý (tách ẩm, than hoạt tính). Khí thải sạch thoát ra ngoài môi trường đạt theo quy định (QCVN 19:2024/BTNMT cột B). Khí thải từ công đoạn hấp sơn được thu gom cùng với khí thải từ công đoạn phun sơn bằng các đường ống nhánh, đường ống trục chính trước khi dẫn vào tháp xử lý (tách ẩm, than hoạt tính). Khí thải sạch thoát ra ngoài môi trường đạt theo quy định (QCVN 19:2024/BTNMT cột B). Đối với bụi và hơi hóa chất từ công đoạn phun sơn: Công ty sẽ lắp đặt thêm 01 hệ thống thu gom, xử lý bụi và hơi hóa chất tại công đoạn phun sơn theo quy trình công nghệ xử lý như sau:

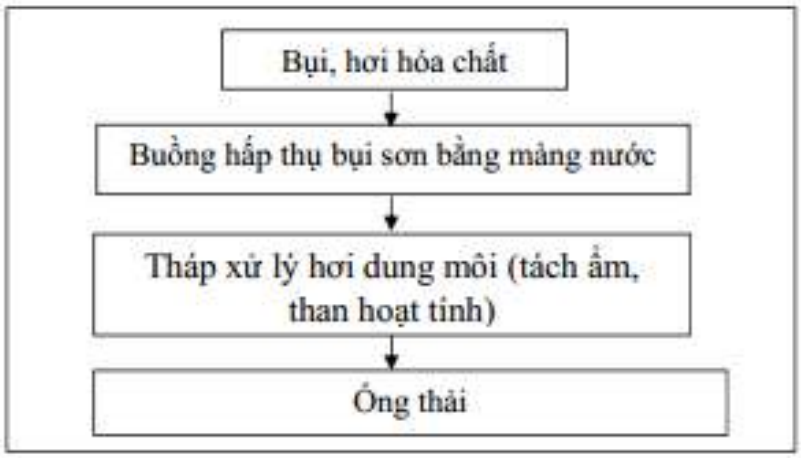

Hình 0.5: Quy trình hệ thống xử lý bụi và hơi hóa chất tại công đoạn phun sơn

Đối với bụi và hơi hóa chất từ công đoạn hấp sơn: Công ty sẽ lắp đặt thêm 01 hệ thống thu gom, xử lý hơi hóa chất tại công đoạn hấp sơn theo quy trình công nghệ xử lý như sau:

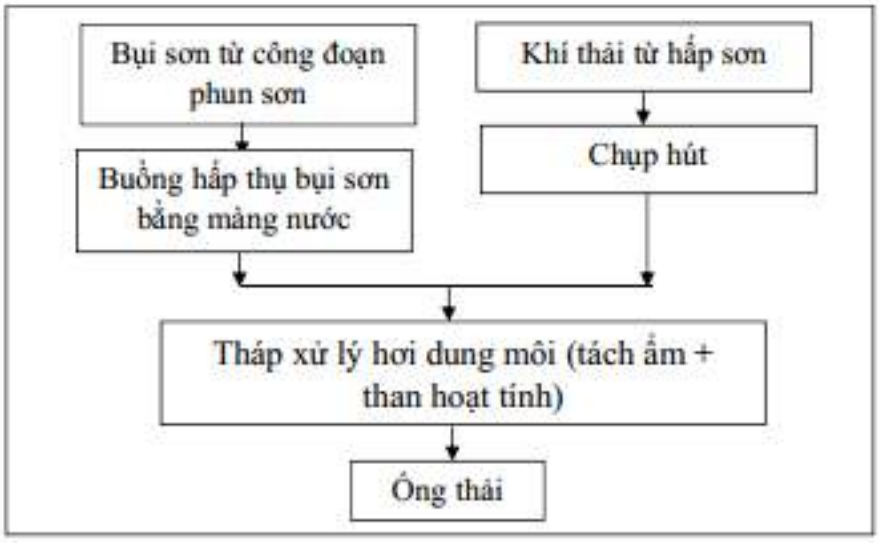

Hình 0.6 Quy trình hệ thống xử lý bụi và hơi hóa chất tại công đoạn hấp sơn

- Ban hành quy định bắt buộc công nhân làm việc trong nhà xưởng phải luôn mang bảo hộ lao động.

➢ Giảm thiểu hơi axít từ các bể xi mạ

Hơi axít từ các bể xi mạ được bố trí chụp hút. Khí thải được dẫn bằng các đường ống nhánh, đường ống trục chính trước khi dẫn vào hệ thống xử lý bằng cyclone và than hoạt tính. Khí thải sạch thoát ra ngoài môi trường đạt theo quy định (QCVN 19:2024/BTNMT cột B).

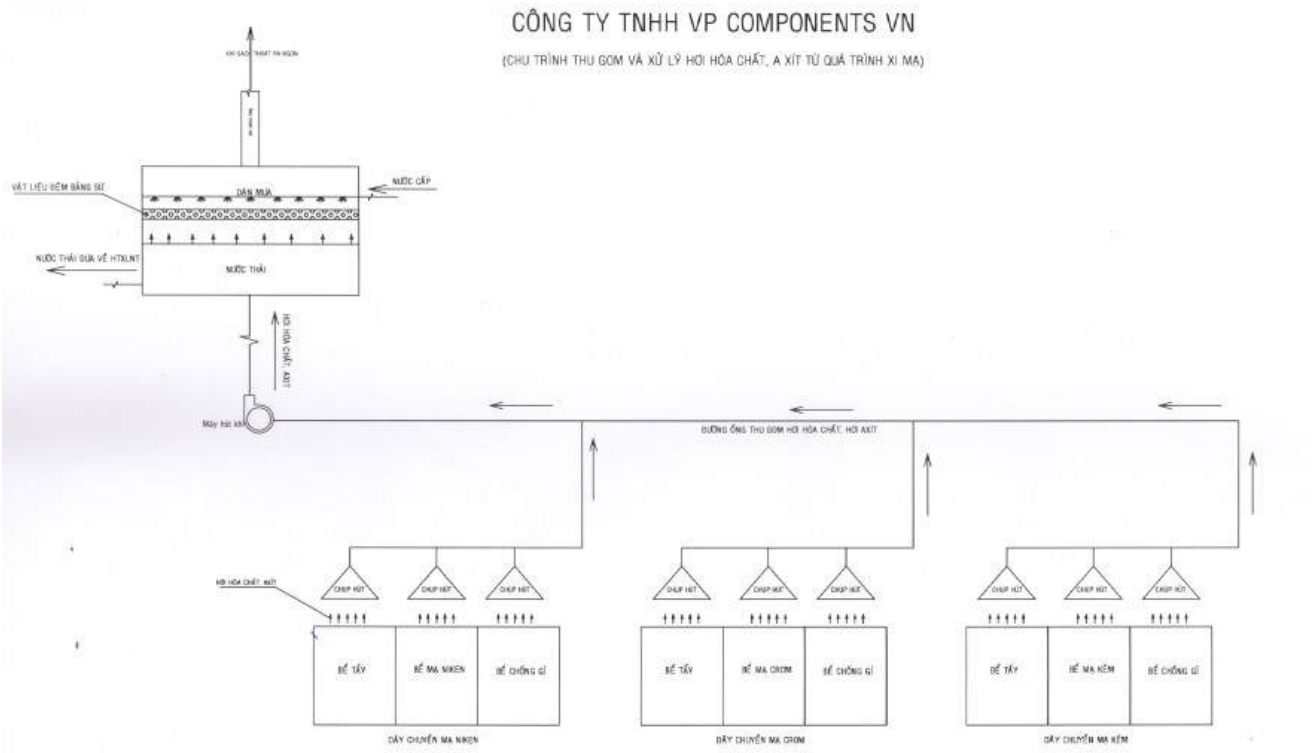

Công ty tiếp tục duy trì 02 hệ thống thu gom, xử lý khí thải từ bể mạ, bể tẩy hiện hữu và có cải tạo quy trình, công nghệ để xử lý khí thải tốt hơn. Cụ thể như sau:

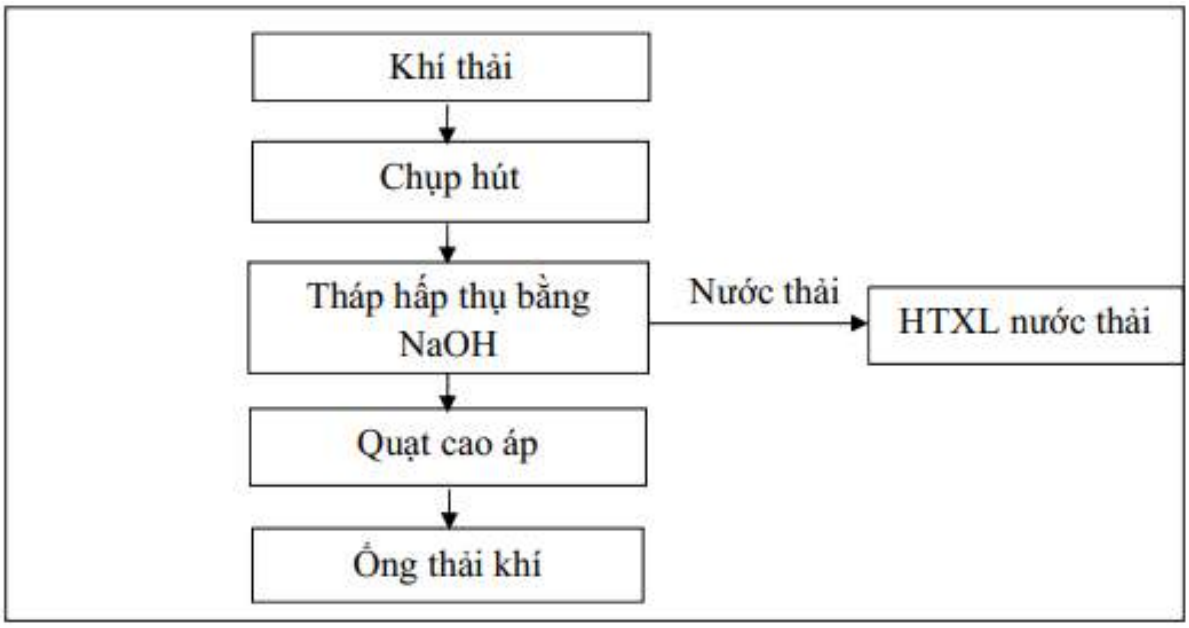

Hình 0.7 Quy trình hệ thống xử lý khí thải từ bể mạ, bể tẩy

➢ Mùi hôi phát sinh từ bể chứa nước thải

Để giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ bể chứa nước thải, do đó việc giảm thiểu mùi hôi ở khu vực này là cần thiết. Các biện pháp áp dụng bao gồm:

-Bùn thải và cặn bẩn được chứa trong các thùng kín và được phun chế phẩm EM khử mùi hôi trước khi đưa đi xử lý.

-Hệ thống xử lý nước thải cũng được phun dung dịch EM khử mùi.

❋ *Giảm thiểu tác động do nước thải*

Nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án bao gồm nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất. Nguyên lý thu gom và xử lý nước thải cho dự án được nêu ra như sau:

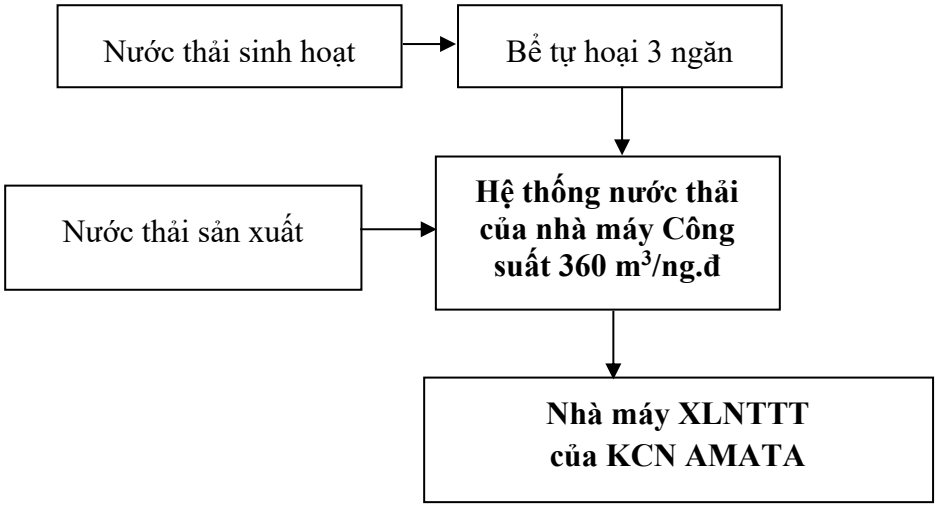

Hình 0.8: Quy trình thu gom, xử lý nước thải phát sinh của nhà máy

➢ Nước thải sinh hoạt

Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt của dự án được xử lý như sau:

- Nước thải từ bồn cầu được thu gom tách riêng, được dẫn về xử lý sơ bộ bằng bệ tự hoại 3 ngăn
- Nước thải sinh hoạt khác như nước tắm, rửa tay, vệ sinh văn phòng được dẫn qua song chắn rác để tách rác và chất thải rắn lẫn vào.
- Các nguồn này sau đó được gom chung với nhau trong cùng một đường cống thoát nước và dẫn vào bể chứa nước thải của dự án.

➢ Nước thải sản xuất

Toàn bộ lượng nước thải sản xuất phát sinh được đưa về hệ thống xử lý của nhà máy sau đó được chuyển đến nhà máy xử lý nước thải tập trung của khu xử lý AMATA để tiếp tục xử lý.

Nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất được dẫn theo đường ống và rãnh mương qua song chắn rác trước khi vào bể thu gom. Nước thải chứa crom, nước thải chứa Niken, nước thải từ hệ thống xử lý khí thải được thu gom riêng dẫn về các bể khác nhau.

Nước thải có chứa crom: nước thải từ quá trình mạ Crom có thành phần hóa học Cr^{6+}; trước hết được khử Cr^{6+} thành Cr^{3+}: Tại bể khử crom, H_2SO_4 và $Na_2S_2O_5$ được thêm vào đồng thời với quá trình sục khí, Cr^{6+} nhanh chóng chuyển thành Cr^{3+} theo phản ứng hóa học sau:

$$Cr_2O_7^{2-} + 3HSO_3 + 5H^+ \dashrightarrow 2\ Cr^{3+} + 3SO_4^{2-} + 4H_2O$$

Sau đó, nước thải chứa crom tiếp tục được đưa về bể chứa nước thải hỗn hợp cùng với nước thải Niken, nước thải kẽm, nước thải từ hệ thống xử lý khí thải và nước tahir sinh hoạt sau khi đã được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn.

Nước thải từ bể chứa hỗn hợp có tính axit, được đưa về xử lý tại bể điều hòa. Nước thải được trung hóa bằng cách thêm NaOH cùng với quá trình sục khí liên tục vào bể để điều chỉnh pH của nước thải.

Nước thải sau khi được điều hòa về lưu lượng và pH được đưa qua bể phản ứng. Tại đây Polyme và PAC được châm vào bể với mục đích keo tụ tạo bông các chất rắn lơ lửng trong nước, giúp tăng hiệu quả cho quá trình lắng. Nước thải lần lượt được đưa qua 4 bể lắng để lắng hoàn toàn các chất rắn, cặn lơ lửng.

Sau khi qua cụm bể lắng, nước thải tiếp tục được đưa về bể trung gian, rồi đưa về bể trung hòa. Tại bể trung hòa, tùy theo nồng độ của pH trong nước mà H_2SO_4 sẽ được châm thêm cùng với sục khí liên tục để điều chỉnh pH trong nước trước khi cho chảy về bể chứa nước sau xử lý.

Bùn thải từ các bể lắng được bơm về bể chứa bùn, tại đây các máy nén bùn hoạt động sẽ tách riêng phần bùn và phần nước lẫn trong bùn. Nước tách ra từ máy ép bùn được dẫn về bể điều hòa để xử lý. Bùn được thu gom và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng đến thu gom và đem đi xử lý.

Nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải nhà máy đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN AMATA, sau đó được đấu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN để đưa về nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN AMATA, tại đây tiếp tục được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi tahir ra môi trường.

❋ *Giảm thiểu tác động do chất thải rắn*

+ *Đối với chất thải sinh hoạt:* Chất thải sinh hoạt được chứa trong các thùng nhựa có nắp đậy kín (các thùng chứa được lót bên trong bằng túi nylon để tiện thu gom) và được bố trí trong khuôn viên. Vào cuối ngày làm việc, nhân viên mang các túi nylon chứa rác sinh hoạt về kho chứa chất thải thông thường. Công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ 2 ngày/lần đến thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định.

+ *Đối với chất thải công nghiệp không nguy hại:* Được thu gom và đưa về chứa trong kho chứa chất thải, sau đó chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

+ *Đối với chất thải nguy hại:* Chất thải nguy hại phát sinh tại dự án được lưu giữ tại kho chứa CTNH riêng biệt. Kho chứa CTNH được xây vách tôn và có cửa khóa an toàn.

+ Kết cấu: mái che bằng tôn, tường bao an toàn và nền được đổ bê tông chống thấm, được vệ sinh thường xuyên tránh ẩm ướt, bụi bẩn.

+ Đã phân loại triệt để các loại chất thải, dán nhãn chất thải tại kho chứa.

Các loại chất thải nguy hại được phân loại theo quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đóng gói, bảo quản CTNH theo chủng loại trong các cơ sở, thùng chứa, bao bì chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có dán nhãn bao gồm các thông tin sau:

- Tên CTNH, mã CTNH theo danh mục CTNH.

- Mô tả về nguy cơ do CTNH có thể gây ra.

- Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707 – 2009.

- Ngày bắt đầu được đóng gói, bảo quản.

Dự án sẽ sử dụng thùng chứa chuyên dụng (thùng kín, có nắp đậy) để chứa từng loại chất thải nguy hại theo mã CTNH, các chất thải sau khi thu gom theo từng loại được đưa về kho chứa, không để xảy ra tình trạng các thùng chứa chất thải bị phân hủy bởi nước mưa và ánh sáng mặt trời (đặc biệt là đối với một số loại chất thải có khả năng gây ô nhiễm đất, hoặc đối với những chất thải có thành phần dễ hòa tan trong nước hay dễ phân hủy, từ đó làm ô nhiễm nguồn nước mặt và nước ngầm). Trong mỗi khu vực phát sinh chất thải rắn, chủ dự án có kế hoạch thu gom thường xuyên không để chất thải rắn tràn lan hay bị phân hủy bởi các thành phần trong môi trường và định kỳ bàn giao cho đơn vị có chức năng thu gom xử lý chất thải nguy hại theo quy định và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định. Bên cạnh đó, dự án đã tiến hành để đảm bảo việc quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định cụ thể:

Một số biện pháp cụ thể:

- Chất thải sau khi phân loại tại nguồn và được chứa trong các thùng chứa chuyên dụng sẽ được đặt tại từng khu vực quy định cho từng chất thải.

- Kiểm soát và thu gom nước mưa để ngăn ngừa nước chảy vào khu vực chứa chất thải.

- Biện pháp hỗ trợ cho việc quản lý chất thải bằng bảng kê: hệ thống theo dõi bằng bảng kê chủ yếu bao gồm công việc cung cấp các tài liệu bằng một tập bản sao tài liệu chuyên chở chất thải. Nội dung của bảng kê chủ yếu bao gồm:

+ Tên, đặc tính, loại bao bì đóng gói, số lượng hay thể tích chất thải và thông báo cách xử lý đối với mỗi loại chất thải.

+ Ghi chú về kho chứa như: lô số, vùng số…

+ Tên đơn vị, tên, chức vụ người vận chuyển chất thải.

+ Thời gian vận chuyển chất thải.

- Mục đích theo dõi của hệ thống bản kê như sau:

+ Nhận diện được trách nhiệm của đơn vị xử lý chất thải.

- Cung cấp các thông tin cần thiết cho đơn vị xử lý chất thải, do đó phòng ngừa tai nạn trong quá trình thu gom, vận chuyển, xử lý và tiêu hủy chất thải.

- Đảm bảo có sẵn thông tin về vật liệu sử dụng trong trường hợp có tai nạn.

- Vận chuyển chất thải theo một thời biểu định sẵn.

5.4.2.2. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn vận hành.

❖ Nước mưa chảy tràn:

Vào mùa mưa, nước mưa chảy tràn trên mặt đất tại khu vực Nhà máy sẽ cuốn theo dầu mỡ, các chất cặn bã và đất cát xuống đường thoát nước.Tuân thủ quy định về thoát nước mưa, chủ đầu tư đã cho thiết kế tách riêng đường thoát nước mưa ra khỏi đường thoát nước thải. Đường thoát nước mưa sẽ có bộ phận chắn rác trước khi đổ ra cống thoát nước chung, tránh gây tắt nghẽn đường ống. Hệ thống kênh mương, hố ga thường xuyên được nạo vét và vệ sinh định kỳ.

Ngoài ra, trong quá trình hoạt động của Dự án sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn, cụ thể như sau:

- Toàn bộ dây chuyền sản suất, kho nguyên vật liệu của nhà máy đều lắp đặt mái che nhằm hạn chế nước mưa cuốn trôi CT rơi vãi, tràn đổ trong quá trình sản xuất.

- Hệ thống cống thoát nước mưa được thiết kế xây dựng bằng bêtông cốt thép...

- Nước mưa chảy tràn sau khi được thu gom vào mạng lưới thoát nước mưa của dự án sẽ được dẫn vào hệ thống thoát nước mưa của khu vực.

Để nước mưa chảy tràn không bị ô nhiễm bẩn do chảy qua khu vực lưu chứa chất thải thì các khu vực lưu trữ được xây dựng kín, có mái che, hệ thống máng xối hứng nước mưa và trên mặt sàn được xây các đê bao chắn nhằm cho nước mưa không rơi vào nhà xưởng và nước rửa sàn không tràn ra ngoài.

❖ Giảm thiểu ô nhiễm nhiệt cho nhà xưởng

Vấn đề khống chế ô nhiễm nhiệt bao gồm việc kiểm soát quá trình phát tán nhiệt trong các nhà xưởng sản xuất và bảo đảm các điều kiện vi khí hậu thuận lợi trong môi

trường lao động của công nhân. Chủ đầu tư sẽ áp dụng các biện pháp khống chế chủ yếu như sau:

- Tăng cường trồng cây xanh trên các khu vực bao quanh phân xưởng sản xuất để cải thiện điều kiện vi khí hậu và chất lượng môi trường không khí. Diện tích cây xanh (tối thiểu 20% tổng diện tích dự án) để hạn chế sự lan truyền bụi, ồn, nhiệt và khí thải ra môi trường xung quanh;

- Khu vực nhà xưởng sẽ được chống nóng bằng hệ thống quạt thông gió cục bộ. Lắp đặt máy điều hoà nhiệt độ cho khu vực văn phòng. Chủ dự án sẽ trang bị quạt công nghiệp, quạt hộp và quả cầu hút gió để đảm bảo duy trì nhiệt độ trong xưởng vào mùa khô 27 – 28^{o}C và tốc độ gió tại khu vực làm việc của công nhân: 1 – 1,5 m/s

❖ Giảm thiểu tiếng ồn, chấn động

- Hiện đại hóa thiết bị: Chủ đầu tư sẽ chủ động đầu tư các thiết bị sản xuất tối tân hiện đại, đảm bảo toàn bộ máy móc đều mới và đã được kiểm tra về công nghệ xử lý.

- Lắp đặt tại đầu ra của máy phát điện thiết bị giảm âm và bố trí máy trong buồng tiêu âm để hút tiếng ồn.

- Kiểm tra sự cân bằng của nhà máy khi lắp đặt, kiểm tra độ ổn định và thường kỳ cho dầu bôi trơn toàn bộ máy móc thiết bị của nhà máy.

- Lắp đặt đệm chống rung cho từng chi tiết máy.

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị máy móc để đảm bảo máy trong tình trạng hoạt động tốt.

Các biện pháp hạn chế ảnh hưởng của tiếng ồn, rung cho công nhân:

- Công nhân được trang bị đầy đủ các phương tiện tránh ồn, chống rung (như nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ, phòng làm việc cách âm...).

- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân.

❖ Các biện pháp vệ sinh và an toàn lao động, bảo vệ sức khỏe công nhân

- Trong môi trường làm việc tiếp xúc nhiều hóa chất độc hại của nhà máy, các cán bộ công nhân làm việc tại Nhà máy không thể tránh khỏi những rủi ro hoặc do bất cẩn xảy ra tai nạn. Do đó công tác bảo vệ an toàn trong lao động và bảo vệ sức khoẻ cho công nhân, nhân viên trong công ty là rất cần thiết.

- Đề ra nội quy an toàn lao động, và yêu cầu tuân thủ đối với tất cả công nhân viên trong nhà máy.

- Bố trí chế độ làm việc theo đúng qui định của nhà nước, đồng thời bố trí nghỉ ngơi và ăn uống hợp lý cho cán bộ công nhân.

- Có chế độ bảo trì, bảo dưỡng phương tiện vận chuyển và thiết bị thu gom tránh các sự cố, rủi ro môi trường.

- Các thủ tục, biện pháp bảo đảm an toàn trong quá trình lao động

- An toàn lao động và vệ sinh công nghiệp được quan tâm hàng đầu.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức các buổi huấn luyện về kỹ thuật an toàn lao động.

- Bố trí nhân sự chuyên trách về vấn đề an toàn vệ sinh lao động.

- Thực hiện chế độ làm việc theo ca, chế độ ăn uống, nghỉ ngơi thích hợp và đầy đủ cho công nhân.

- Lập kế hoạch và quy trình phòng ngừa và ứng cứu các dạng sự cố, trang bị các thiết bị phòng ngừa và ứng cứu sự cố tương ứng.

- Quy trình công nghệ, máy móc và thiết bị áp dụng xử lý được lựa chọn phù hợp để giảm nhẹ sức lao động và bảo đảm an toàn. Luôn giám sát và hướng dẫn công nhân thực hiện theo đúng quy trình, thao tác để đảm bảo an toàn trong lao động, sản xuất.

- Bố trí các khẩu hiệu, nhãn mác, ký hiệu phù hợp với chủng loại và mức độ yêu cầu trên các thùng chứa CTNH.

5.5 Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

Giám sát chất lượng không khí

Giám sát không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 02 điểm, trong đó:
  + KK1: Không khí khu vực khuôn viên nhà máy.
  + KT2: Không khí khu vực ngoài xưởng xi mạ.
- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.
- Các chỉ tiêu giám sát: Bụi, NO_2, SO_2, CO, Ni, HCl, Tiếng ồn.
- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 05:2023/BTNMT.

Giám sát khí thải

- Vị trí giám sát: 01 điểm, trong đó:
  + KT1: Khí thải ống thoát khí HTXLKT hơi dung môi từ công đoạn phun sơn.
  + KT 2,3: Khí thải ống thoát khí HTXLKT bể mạ.
  + KT 4: Khí thải từ ống thải sau hệ thống thu gom, xử lý bụi và hơi hóa chất tại công đoạn phun sơn
  + KT 5: Khí thải từ ống thải sau hệ thống thu gom, xử lý bụi và hơi hóa chất tại công đoạn phun sơn
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Các chỉ tiêu giám sát: Bụi, HCl, H_2SO_4.
- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT, cột B.

Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: 01 điểm, NT: Nước thải sau HTXLNT của nhà máy
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Các chỉ tiêu giám sát: pH, TSS, BOD5, Fe, Zn, Crom VI, Crom III, Ni, Dầu mỡ khoáng.
- Tiêu chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN AMATA.

Giám sát chất thải rắn

- Thường xuyên theo dõi, giám sát nguồn chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn sản xuất phát sinh.

- Các số liệu trên phải thường xuyên được cập nhật hoá, đánh giá và ghi nhận kết quả. Báo cáo định kỳ 6 tháng/lần.

- Nếu có phát sinh ô nhiễm, Công ty sẽ có các biện pháp xử lý thích hợp.

CHƯƠNG I: THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1.1.1. Tên dự án

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

1.1.2. Chủ dự án

Chủ dự án: Công ty TNHH VP Components (Việt Nam)

Đại diện theo pháp luật:

Ông LIAO, HAN MING Chức vụ: Tổng giám đốc

Người được ủy quyền theo phép luật: (Theo giấy ủy quyền số 012024/UQ-VP ngày 01 tháng 03 năm 2024)

Bà HO, CHIN – CHIH Chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0251.936579 Fax: 0251.936795

1.1.3. Vị trí địa lý

Nhà máy thực hiện dự án trên lô đất có diện tích 30.006 m^2 tại lô 104/2-1, đường số 2, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai.

Các mốc ranh giới khu đất được thể hiện trong Bảng 0.1. Vị trí khu đất được thể hiện trong **Error! Reference source not found.**.

Bảng 0.1: Bảng kê tọa độ khu đất dự án

Số hiệu mốc	Chiều dài (m)	Tọa độ (VN-2000)	
		X (m)	Y (m)
1		1.210.126,425	405.473,521
	157,35		
2		1.210.241,239	405.581,118
	12,15		
3		1.210.154,259	405.673,864
	38,38		
4		1.210.128,013	405.701,863
	25,21		

5		1.210.110,763	405.720,247
	55,61		
6		1.210.070,189	405.682,223
	101,79		
7		1.209.995,918	405.612,620
	190,74		
1		1.210.126,425	405.473,521

Nguồn: Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, tháng 9/2024.

Nhà máy tọa lạc tại lô 104/2-1, đường số 2, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai. Các hướng tiếp giáp của khu đất dự án như sau:

Hướng Tây – Bắc: Giáp đường số 2 của KCN Long Bình (Amata)

Hướng Tây – Nam: Giáp đường số 2A của KCN Long Bình (Amata)

Hướng Đông - Nam: Giáp Công ty TNHH JIANGSU JINGMENG.

Hướng Đông – Nam: Giáp Công ty CP STARPRINT VIỆT NAM.

Dự án nằm trong phạm vi nội thành, nội thị của đô thị theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị.

Xung quanh dự án trong vòng bán kính 1km có dân cư sinh sống, nhưng không có công trình văn hóa, tôn giáo, di tích lịch sử hay mồ mả. Khoảng cách gần nhất đến nhà dân khoảng 1,0 km. Khoảng cách từ dự án đến UBND phường Long Bình khoảng 4km. Xung quanh dự án là các doanh nghiệp, công ty, nhà xưởng sản xuất công nghiệp. Vị trí dự án nằm trong KCN Long Bình (Amata) đã được quy hoạch và xây dựng hoàn thiện về cơ sở hạ tầng và đã có đầy đủ thủ tục về môi trường nên việc thực hiện Cơ sở phù hợp với quy hoạch phát triển của khu vực, phù hợp với hệ thống pháp luật của nhà nước, phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2022 theo Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 20/4/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ Quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.

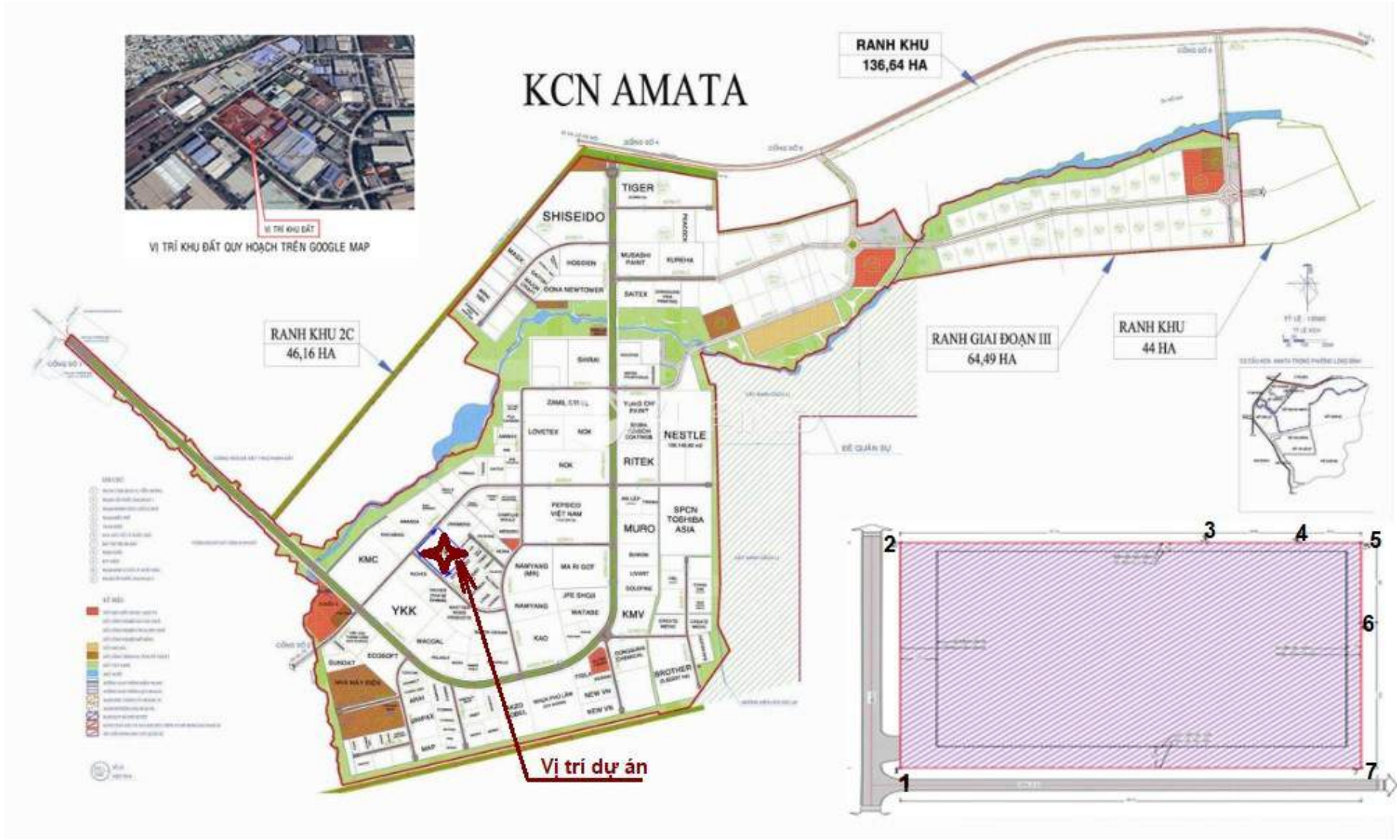

Hình 0.1: Sơ đồ vị trí địa lý khu đất dự án

1.1.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất, mặt nước của dự án

a) Hiện trạng quản lý và sử dụng đất của dự án

Khu đất thực hiện dự án có tổng diện tích là 30.006,0m^2 đã được Quy hoạch xây dựng các hạng mục công trình như sau:

Bảng 1.2: Hiện trạng sử dụng đất của dự án

STT	Hạng mục	Diện tích (m^2)	Số tầng	Tỷ lệ (%)
A	**XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**	**8.770,63**		**29,23**
I	**Công trình nhà xưởng, kho bãi**	**7.298,00**		**24,32**
1	Nhà xưởng 1	3.536,00	2	11,78
2	Nhà xưởng 2	1.404,00	3	4,68
3	Nhà xưởng 3	1.638,00	3	5,46
4	Nhà xưởng 4	720,00	3	2,40
II	**Công trình hành chính – phụ trợ**	**1.147,20**		**3,82**
5	Nhà ăn	1.040,00	2	3,47
6	Nhà bảo vệ	22,20	1	0,07
7	Nhà vệ sinh	85,00	1	0,28
III	**Hạ tầng kỹ thuật**	**325,43**		**1,08**
8	Bể nước	147,73		0,49
9	Bể nước ngầm	100,00		0,33
10	Nhà bơm PCCC	77,70		0,26
B	**ĐẤT GIAO THÔNG, SÂN BÃI**	**8.038,95**		**26,79**
C	**ĐẤT CÂY XANH, ĐẤT TRỐNG**	**13.196,95**		**43,98**
Tổng		**30.006,00**		**100,00**

Nguồn: Công ty TNHH VP Components (Việt Nam)

Như đã trình bày ở những phần trên, trước đây, nhà máy sản xuất các bàn đạp, các bộ phận của bàn đạp, các chi tiết bằng nhựa của xe đạp; các chi tiết ở trục giữa xe đạp và ổ trục điều khiển tay lái xe đạp với quy mô 39.600.000 bộ sản phẩm/năm (trong quy trình sản xuất bao gồm công đoạn xi mạ. Trong đó:

✓ Nhà xưởng (2 tầng) có diện tích 1.404 m^2 (diện tích sàn:2.808m^2) dùng để sản xuất sản xuất các chi tiết bằng nhựa của xe đạp như: bàn đạp như các bộ phận của bàn đạp, tay nắm nhựa, bánh xe phụ bằng nhựa, giá đỡ xích nhựa, nắp bánh xích nhựa, chắn bùn bằng nhựa….

✓ Nhà xưởng 1.638m^2 dùng để sản xuất các chi tiết bằng kim loại của bàn đạp, các bộ nắp chụp của bàn đạp, các chi tiết trục giữa xe đạp và ổ trục điều khiển tay lái xe đạp….

✓ Nhà xưởng 720m^2 dùng để xi mạ các chi tiết bằng kim loại của bàn đạp, các bộ nắp chụp của bàn đạp, các chi tiết trục giữa xe đạp và ổ trục điều khiển tay lái xe đạp….

- Pháp lý đất đai:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 950129 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp ngày 15/03/2001.

+ Giấy chứng nhận Quyền sở hữu công trình số 470125199 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai cấp ngày 28/04/2004.

1.1.5. Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

Các đối tượng tự nhiên xung quanh khu vực dự án: Dự án của Công ty nằm trong KCN Long Bình (AMATA), vì vậy cơ sở hạ tầng, đường giao thông nội bộ, giao thông đối ngoại đã hoàn chỉnh; có hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt. Hiện nay KCN đã có HTXL nước thải tập trung, đi vào vận hành ổn định.

Các đối tượng tự nhiên - kinh tế - xã hội xung quanh khu vực dự án như sau:

❖ **Các đối tượng tự nhiên:**

➢ *Sông ngòi:*

+ Suối Chùa: cách Dự án 280m về phía Bắc. Suối Chùa chảy dọc qua 2/3 đường chu vi của KCN Long Bình (Amata) và chảy theo hướng Đông Bắc - Tây Nam, đây được xem là mương dẫn tiếp nhận nước thải từ hoạt động sản xuất của một số KCN (KCN Long Bình (Amata), KCN Loteco, KCN Agtex Long Bình), từ hoạt động nông nghiệp và nước thải sinh hoạt từ các cụm dân cư ven suối. Suối Chùa dài khoảng 20 km là hệ thống thoát nước tự nhiên và tiêu lũ cho hàng ngàn hộ dân và các KCN trong khu vực, nối với suối Bà Lúa rồi đổ ra sông Đồng Nai.

+ Suối Bà Lúa: Suối Bà Lúa và suối Chùa chảy qua 2 địa phận phường Long Bình và Long Bình Tân là hệ thống thoát nước chính cho khu vực. Đoạn suối Chùa từ vị trí cống xả nước thải của nhà máy XLNT tập trung KCN Long Bình (Amata) đến hợp lưu giữa suối Chùa và suối Bà Lúa có chiều dài khoảng 5,56 km. Đoạn suối này là nguồn tiếp nhận nước thải của các KCN Long Bình (Amata), Loteco, Agtex Long Bình và một số khu dân cư sinh sống trong khu vực. Sau đó, nước từ suối Bà Lúa sẽ chảy cắt ngang qua đường Bùi Văn Hòa (quốc lộ 15 cũ), Quốc lộ 51 và Hương lộ 10 (tại cầu Long Bình Tân) và ra sông Đồng Nai. Đoạn này dài khoảng 4,53km, là khu vực tiếp nhận nước thải sinh hoạt của các hộ dân và các cơ sở sản xuất quy mô nhỏ thuộc phường Long Bình Tân. Vị trí hợp lưu giữa suối Bà Lúa và sông Đồng Nai nằm tại cù lao Ba Xê thuộc ấp Thái Hòa, phường Long Bình Tân, tỉnh Đồng Nai.

➢ *Các đối tượng sản xuất kinh doanh xung quanh dự án:*

Lân cận Dự án có các doanh nghiệp như sau:

+ Công Ty TNHH Jiangsu Jing Meng Việt Nam tiếp giáp với Dự án về phía Đông Nam.

Ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty là sản xuất Quần áo, may mặc.

+ Công Ty CP STARPRINT Việt Nam tiếp giáp với Dự án về phía Đông Nam. Ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty là in ấn, bao bì.

➢ *Các đối tượng khác:*

+ Khu dân cư: Dự án cách khu dân cư tập trung của Khu phố 7 thuộc phường Long Bình khoảng 400m về phía Tây Bắc.

+ Các đối tượng khác: Tại khu vực dự án và xung quanh khu vực dự án trong khoảng bán kính 1 – 2km không có các đối tượng nhạy cảm cần bảo vệ như khu rừng bảo hộ, khu rừng sinh quyển hoặc các khu vực bảo tồn thiên nhiên Quốc gia,...

❖ **Các đối tượng kinh tế - xã hội:**

➢ *Giao thông:*

+ Quốc lộ 1A cách dự án khoảng 2 km về phía Tây Bắc. Đây là tuyến đường quan trọng hàng đầu Việt Nam, nó đi qua trung tâm của một nửa số tỉnh thành Việt Nam, nối liền 4 thành phố lớn: Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ. Nằm rất gần với quốc lộ 1 huyết mạch là đường cao tốc Bắc – Nam, cũng nối thông suốt giữa 2 miền Nam và Bắc Việt Nam.

+ Quốc lộ 15 cách dự án khoảng 1,7km về phía Tây Nam. Quốc lộ 15 là tuyến đường từ ngã ba Vườn Mít, giao với quốc lộ 1K (nay là đường Nguyễn Ái Quốc) đến ngã ba cầu Suối Quan (Cổng 11), giao với quốc lộ 51. Quốc lộ 15 giao với Quốc lộ 1 tại ngã tư Tam Hiệp.

➢ *Về các cơ sở y tế:*

- Bệnh viện đa khoa Đồng Nai: Cách KCN Long Bình (Amata) khoảng 5 km (khoảng 15 phút di chuyển bằng ô tô).
- Bệnh viện quốc tế ITO: Cách KCN Long Bình (Amata) khoảng 6 km (khoảng 15 – 20 phút di chuyển).
- Phòng khám tư nhân và trạm y tế địa phương: Từ KCN Long Bình (Amata) đến các phòng khám gần nhất khoảng 1 – 3 km, thuận tiện cho người lao động trong việc tiếp cận các dịch vụ y tế.

➢ *Về giáo dục*

- Đại học Lạc Hồng: Cách KCN Long Bình (Amata) khoảng 6 km (khoảng 15 – 20 phút di chuyển).
- Đại học Đồng Nai: Cách KCN Long Bình (Amata) khoảng 10 km (khoảng 25 phút di chuyển).
- Trường tiểu học và trung học: Khu vực xung quanh có nhiều trường học cách KCN Long Bình (Amata) trong bán kính 3 – 5 km, thuận tiện cho con em của người lao động học tập.

➢ *Nhà ở và khu dân cư*

- Khu đô thị Long Bình: Cách KCN Long Bình (Amata) khoảng 2 km, gần khu công nghiệp nên rất thuận tiện cho người lao động di chuyển đi làm.
- Khu dân cư An Bình: Cách KCN Long Bình (Amata) khoảng 4 km (khoảng 10 phút di chuyển). Các khu căn hộ cho thuê: Có rất nhiều khu căn hộ cho thuê xung quanh KCN Long Bình (Amata), cách khoảng 2 – 5 km, phù hợp cho cả chuyên gia và công nhân làm việc tại đây.

➢ *Cơ sở hạ tầng thương mại và dịch vụ*

- Vincom Plaza Biên Hòa: Cách KCN Long Bình (Amata) khoảng 7 km (khoảng 15 – 20 phút di chuyển)

- Big C Đồng Nai: Cách KCN Long Bình (Amata) khoảng 5 km (khoảng 10 – 15 phút di chuyển).

- Chợ Tân Hiệp: Cách KCN Long Bình (Amata) khoảng 6 km (khoảng 15 phút di chuyển).

- Siêu thị, nhà hàng, quán cà phê: Trong bán kính từ 1 – 3 km xung quanh KCN Long Bình (Amata) có rất nhiều nhà hàng, quán ăn và dịch vụ giải trí đáp ứng nhu cầu của công nhân và chuyên gia.

➢ *Xã hội và văn hóa*

- Công viên Biên Hòa: Cách KCN Long Bình (Amata) khoảng 8 km (khoảng 20 phút di chuyển).

- Nhà văn hóa thiếu nhi Biên Hòa: Cách KCN Long Bình (Amata) khoảng 7 km.

- Trung tâm thể thao: Có nhiều trung tâm thể thao, phòng gym, và sân bóng đá mini nằm cách KCN Long Bình (Amata) trong phạm vi 3 – 5 km, phục vụ nhu cầu thể thao và giải trí của người dân và công nhân.

➢ *Về tôn giáo*

- Chùa Bửu Phong: Cách KCN Long Bình (Amata) khoảng 7 km (khoảng 20 phút di chuyển). Đây là một trong những ngôi chùa cổ nổi tiếng tại Biên Hòa, tọa lạc trên núi Bửu Long.

- Chùa Đại Giác: Cách KCN Long Bình (Amata) khoảng 8 km (khoảng 20 phút di chuyển), là ngôi chùa có kiến trúc cổ và được nhiều Phật tử trong khu vực đến hành hương.

- Chùa Long Thiền: Cách KCN Long Bình (Amata) khoảng 10 km (khoảng 25 phút di chuyển), là chùa lớn và lâu đời tại Biên Hòa.

- Nhà thờ Biên Hòa: Cách KCN Long Bình (Amata) khoảng 6 km (khoảng 15 phút di chuyển). Đây là một nhà thờ lớn và nổi tiếng, phục vụ cho cộng đồng Công giáo tại Biên Hòa.

- Nhà thờ Thánh Tâm: Cách KCN Long Bình (Amata) khoảng 4 km (khoảng 10 phút di chuyển), một nhà thờ nhỏ hơn nhưng rất gần KCN Long Bình (Amata), phù hợp cho người lao động Công giáo sống và làm việc tại khu vực.

- Nhà thờ An Bình: Cách KCN Long Bình (Amata) khoảng 5 km (khoảng 15 phút di chuyển).

Hình 0.2: Sơ đồ vị trí dự án so với các đối tượng xung quanh

1.1.6. Mục tiêu, loại hình, quy mô, công suất, công nghệ sản xuất của dự án

1.1.6.1. Mục tiêu của Dự án

- Góp phần cụ thể hóa quy hoạch phát triển kinh tế của tỉnh Đồng Nai, đóng góp vào ngân sách nhà nước thông qua các khoản đóng thuế.

- Tạo nguồn thu ngân sách tỉnh Đồng Nai thông qua các khoản thuế phải nộp và tạo công ăn việc làm cho nhân dân xung quanh dự án.

- Mục tiêu sản xuất:

+ Logo (tem nhãn) và các phụ kiện tem nhãn bằng nhựa: công suất 778 tấn sản phẩm/năm.

+ Logo (tem nhãn) và các phụ kiện tem nhãn bằng kim loại (bao gồm công đoạn mạ): công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm

+ Gia công cơ khí: công suất 7.895 tấn sản phẩm/năm

1.1.6.2. Loại hình dự án

Dự án "*Công ty TNHH VP Components (Việt Nam)*" với quy trình công nghệ hiện đại sản xuất các sản phẩm: logo (tem nhãn) và các phụ kiện tem nhãn bằng nhựa (công suất 778 tấn sản phẩm/năm); Sản xuất logo (tem nhãn) và các phụ kiện tem nhãn bằng kim loại (công suất 7.000 tấn/năm (bao gồm công đoạn xi mạ)); Gia công cơ khí (mài, tiện, ba via) (công suất 7.895 tấn sản phẩm/năm): thuộc loại hình nhà máy sản xuất gồm công nghệ mạ có công đoạn mạ bề mặt kim loại bằng hóa chất, dự án đầu tư nhóm II (Loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình quy định tại số thứ tự 10 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường) được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

Dự án thuộc loại hình dự án đầu tư thay đổi công nghệ sản suất, thay đổi sản phẩm sản xuất.

1.1.6.3. Quy mô công suất của dự án

Quy mô, công suất hoạt động sản xuất trong giai đoạn tới của công ty như sau:

Bảng 1.3: Công suất của nhà máy khi đi vào hoạt động ổn định

STT	Tên sản phẩm	Công suất (tấn sản phẩm/năm)
1	Logo (tem nhãn) và các phụ kiện tem nhãn bằng nhựa	778
2	Logo (tem nhãn) và các phụ kiện tem nhãn bằng kim loại	7.000
3	Gia công cơ khí	7.895

Nguồn: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, năm 2025

1.1.7 Phạm vi:

Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án:

- Lắp đặt máy móc thiết bị phục vụ cho Nhà máy sau khi thay đổi công nghệ sản xuất, mặt hàng sản xuất.
- Hoạt động sản xuất của nhà máy:

+ Xưởng sản xuất logo (tem nhãn) và các phụ kiện tem nhãn bằng nhựa

+ Xưởng sản xuất logo (tem nhãn) và các phụ kiện tem nhãn bằng kim loại

+ Xưởng gia công cơ khí (mài, tiện, ba via) (không bao gồm công đoạn xi mạ)

1.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.2.1. Các hạng mục công trình chính

Dự án được thực hiện trên khu đất có diện tích 30.006,0 m^2 tại Lô 104/2-1, đường số 2, KCN LONG BÌNH (AMATA), phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai. Trên khu đất hiện tại đã có một số nhà xưởng, các công trình phụ trợ có sẵn. Ngoài ra, khi thực hiện dự án này, Chủ đầu tư sẽ đầu tư xây dựng bổ sung thêm một số hạng mục công trình; cụ thể như trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 1.4: Nhu cầu sử dụng đất của dự án

STT	Hạng mục	Đã đầu tư xây dựng		Đầu tư bổ sung		Sau đầu tư bổ sung		
		Diện tích (m^2)	Số tầng	Diện tích (m^2)	Số tầng	Diện tích (m^2)	Số tầng	Tỷ lệ (%)
A	**XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**	**8.367,2**				**14.457,45**		**48,18**
I	**Công trình nhà xưởng, kho bãi**	**7.220,00**		**3.817,50**		**11.037,50**		**36,78**
1	Nhà xưởng 1	3.536,00	3			3.536,00	3	
2	Nhà xưởng 2	1.404,00	3			1.404,00	3	
3	Nhà xưởng 3	1.560,00	3			1.560,00	3	
4	Nhà xưởng 4	720,00	3			720,00	3	
5	Nhà kho		3	15,00		15,00	3	
6	Nhà xưởng 5			3.802,50	3	3.802,50	3	
II	**Công trình hành chính – phụ trợ**	**1.147,2**		**1.125,12**		**2272,32**		**7,57**
7	Nhà ăn	1.040,00	3			1.040,00	3	
8	Nhà bảo vệ	22,20	1			22,20	1	
9	Nhà vệ sinh	85,00	1			85,00	1	
10	Trạm khí nén			28,12	1	28,12	1	
11	Bãi xe 1			156,00	1	156,00	1	
12	Nhà văn phòng			861,00	3	861,00	3	
13	Bãi xe 2			80,00	1	80,00	1	
III	**Hạ tầng kỹ thuật**	**325.43**		**822,20**		**1.147,63**		**3,82**

14	Bể nước	147,73				147,73		
15	Bể nước ngầm	100,00				100,00		
16	Nhà bơm PCCC	77,70	1			77,70	1	
17	Khu lưu trữ chất thải 1			140,25	1	140,25	1	
18	Khu xử lý môi trường			145,00	1	145,00	1	
19	Khu lưu trữ chất thải 2			42,00	1	42,00	1	
20	Khu hạ tầng kỹ thuật khác			314,95	1	314,95	1	
21	Bể nước 2 và Nhà Bơm 2			180,00	1	180,00	1	
B	**ĐẤT GIAO THÔNG, SÂN BÃI**					**7.509,60**		**26,79**
C	**ĐẤT CÂY XANH, ĐẤT TRỐNG**					**8.038,95**		**25,03**
Tổng		**30.006,00**						**100,00**

Nguồn: Báo cáo dự án đầu tư, năm 2025

Sơ đồ bố trí các hạng mục công trình dự án được thể hiện trong sơ đồ mặt bằng tổng thể nhà máy dưới đây:

DỰ ÁN CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA ĐIỂM: LÔ 104/2-1, ĐƯỜNG SỐ 2, KCN AMTA, P.LONG BÌNH, TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT, PHƯƠNG ÁN KIẾN TRÚC CÔNG TRÌNH

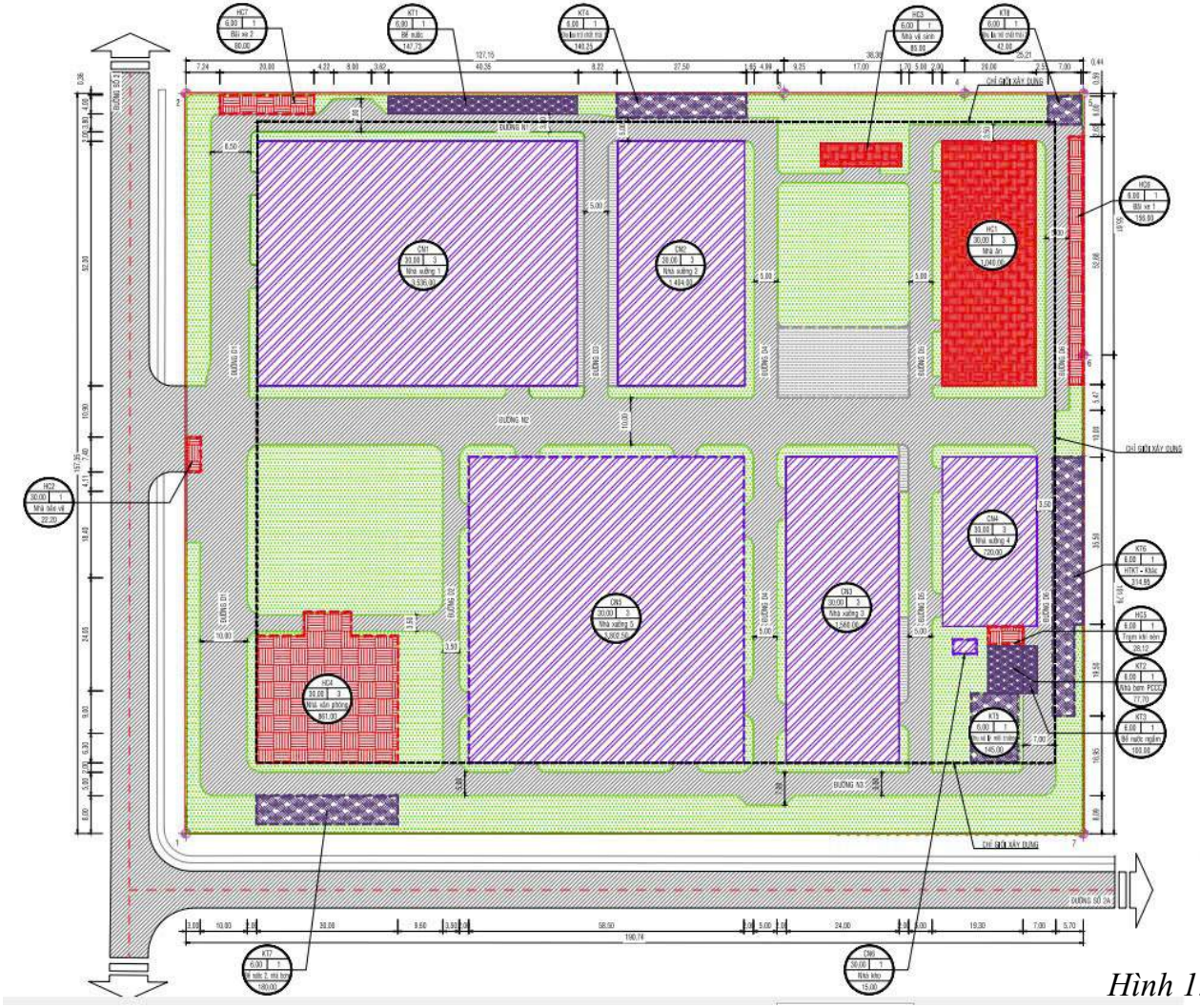

BẢNG THỐNG KÊ CHI TIẾT CÁC LÔ ĐẤT

STT	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH XD TỐI ĐA (m²)	DIỆN TÍCH SÀN XD TỐI ĐA (m²)	SỐ TẦNG	CHIỀU CAO (m)	TỈ LỆ (%)	GHI CHÚ
A	XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH		14.457,45	40.334,45	3	<30	48,18	
I	Công trình nhà xưởng, kho tàng	CN	11.037,50	33.112,50	3	<30	36,78	
1	Nhà Xưởng 1	CN1	5.536,00	16.608,00				
2	Nhà Xưởng 2	CN2	1.404,00	4.212,00				
3	Nhà Xưởng 3	CN3	1.560,00	4.680,00	3	<30		
4	Nhà Xưởng 4	CN4	720,00	2.160,00				
5	Nhà Xưởng 5	CN5	3.802,50	11.407,50				
6	Kho	CN6	15,00	45,00				
II	Công trình hành chính - phụ trợ	HC	2.272,32	6.074,32	3	<30	7,57	
1	Nhà ăn	HC1	1.040,00	3.120,00	3	<30		
2	Nhà Bảo vệ	HC2	22,20	22,20	1	<6		
3	Nhà vệ sinh	HC3	85,00	85,00	1	<6		
4	Văn phòng	HC4	861,00	2.583,00	3	<30		
5	Trạm khí nén	HC5	28,12	28,12	1	<6		
6	Bãi xe 1	HC6	156,00	156,00	1	<6		
7	Bãi xe 2	HC7	80,00	80,00	1	<6		
III	Hạ tầng kỹ thuật	KT	1.147,63	1.147,63	1	<6	3,82	
1	Bể nước	KT1	147,75	147,75	1			
2	Nhà bơm PCCC	KT2	77,70	77,70	1			
3	Bể nước ngầm	KT3	100,00	100,00	1			
4	Khu lưu trữ chất thải 1	KT4	140,25	140,25	1	<6		
5	Khu xử lý môi trường	KT5	145,00	145,00	1			
6	HTKT - khác	KT6	314,95	314,95	1			
7	Bể nước 2 và Nhà bơm 2	KT7	180,00	180,00	1			
8	Khu lưu trữ chất thải 2	KT8	42,00	42,00	1			
B	CÂY XANH	CX	7.509,60	-	-		25,03	
C	GIAO THÔNG SÂN BÃI	GT	8.038,95	-			26,79	
	TỔNG CỘNG (A+B+C)		30.006,00	-			100,00	

BẢNG THỐNG KÊ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (m^2)	TỶ LỆ (%)
I	XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	13.309,82	44,36
1	*Công trình nhà xưởng, kho tàng*	*11.037,50*	*36,78*
2	*Công trình hành chính - phụ trợ*	*2.272,32*	*7,57*
II	HẠ TẦNG KỸ THUẬT	1.147,63	-
III	CÂY XANH	7.509,60	25,03
IV	GIAO THÔNG SÂN BÃI	8.038,95	26,79
	TỔNG CỘNG	30.006,00	100,00

Hình 1.3: Sơ đồ bố trí mặt bằng tổng thể của dự

1.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của Dự án

Các hạng mục công trình phụ trợ đều là những công trình có sẵn. Do đó, Nhà máy không cần xây dựng thêm công trình phụ trợ. Cụ thể như sau:

** Hệ thống điện*

- Nguồn điện: Nguồn điện được lấy từ KCN Long Bình (Amata) Đồng Nai.

- Hệ thống cáp điện trục chính: Cáp PVC lõi đồng 2 lớp tiết diện 3x10+1x6mm^2

- Tủ điện: dùng loại tủ bằng tôn kích thước 400x500x150 có đặt các thiết bị bảo vệ (aptomat v.v..) và các đèn báo pha.

- Các thiết bị điện chính:

+ Dây dẫn dùng cho ổ cắm loại 2x2,5 mm^2, dây dẫn cho đèn dùng loại 2x1,5 mm^2. Các dây này đi trong ống nhựa cứng đi ngầm trong trần, tường.

+ Đèn chiếu sáng trong phòng dùng loại đèn huỳnh quang 220V/40W.

** Hệ thống cấp nước*

Nước từ KCN Long Bình (Amata) Đồng Nai đấu nối với Nhà máy qua đồng hồ đo rồi bơm cấp đi các khu vực dùng nước trong nhà máy. Vật liệu đường ống cấp nước dùng bằng ống nhựa PP-R (ống hàn nhiệt) có đường kính từ φ32 đến φ40. Đường ống cấp đi trong các hộp kỹ thuật, trên trần giả, ngầm trong sàn ngầm đường hoặc chân tường.

** Hệ thống phòng cháy chữa cháy*

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy được thiết kế theo các tiêu chuẩn hiện hành. Sử dụng hành lang trung tâm là lối thoát nạn, đặt các thiết bị cứu hỏa tại các khu vực nhà xưởng, nhà văn phòng. Thiết bị được đặt tại những vị trí thuận lợi theo chỉ dẫn của cán bộ phòng cháy chữa cháy.

- Hệ thống báo cháy tự động được lắp đặt tại các khu vực có nguy hiểm cháy của công trình bằng hệ thống báo cháy theo vùng. Tự động phát hiện cháy nhanh và thông tin chính xác địa điểm xảy ra cháy, chuyển tín hiệu báo cháy khi phát hiện cháy thành tín hiệu báo động rõ ràng bằng âm thanh đặc trưng, đồng thời phải thể hiện khu vực cháy trên màn hình hiển thị để những người có trách nhiệm có thể thực hiện ngay các giải pháp thích hợp.

- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler kết hợp với hệ thống chữa cháy họng nước vách tường. Đây là hệ thống chữa cháy hiện đại được áp dụng trên thế giới cùng lúc thực hiện được hai chức năng cơ bản đó là: Khả năng chữa cháy tự động bằng các đầu phun tự động Sprinkler. Chức năng tự động chữa cháy khi nhiệt độ tại khu vực bảo vệ đạt đến ngưỡng làm việc mà không cần tác động của con người. Hệ thống chữa cháy họng nước vách tường là hệ thống chữa cháy cơ bản bắt buộc phải có cho các công trình hiện nay và khả năng chữa cháy có hiệu quả cao. Tuy nhiên, chức năng chữa cháy chỉ được thực hiện khi có con người tác động.

- Ngoài hai hệ thống chữa cháy trên công trình còn được trang bị các bình chữa cháy xách tay phục vụ dập tắt đám cháy mới phát sinh chưa đủ thông số để hệ thống làm việc.

Công ty cam kết tuân thủ các quy định của Nhà nước về PCCC. Tiến hành kết hợp cùng Cảnh sát PCCC tỉnh Đồng Nai lập phương án PCCC cho Cơ sở (tính toán số lượng trang bị PCCC cần thiết, xác định vị trí lắp đặt, bố trí biển hiệu, tổ chức huấn luyện PCCC cho tất cả cán bộ công nhân viên).

Trang bị đầy đủ các dụng cụ, phương tiện chống cháy như nội dung hồ sơ thẩm duyệt thiết kế về PCCC đã được Cảnh sát PCCC tỉnh Đồng Nai cấp.

** Hệ thống chiếu sáng*

+ Được lắp đặt theo các tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành.

+ Dự án sẽ cung cấp hệ thống chiếu sáng phù hợp với các hoạt động sản xuất bình thường, hoạt động bảo trì và đảm bảo sự an toàn cho người lao động.

+ Các bóng đèn có tuổi thọ cao được lắp tại nhà kho. Các thiết bị chiếu sáng được lắp đặt bên trong khu nhà xưởng phù hợp với hoạt động sản xuất.

** Hệ thống chống sét*

Hệ thống chống sét được lắp đặt theo đúng tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành. Kim thu sét sử dụng loại kim thu sét phát tiên đạo loại EC – SAT (made in Spain) có bán kính bảo vệ là >72 m. Đầu kim thu sét được đặt cách mái nhà xưởng 5 mét nhờ trụ gắn kim, đến trụ kim. Trụ kim được chằng bằng dây kẽm ø4 mm, được chằng theo 4 góc để giữ cho kim được vững chắc. Dùng dây cáp đồng trần có tiết diện 50 mm^2 để làm dây dẫn sét từ kim thu sét đến hố nối đất. Dây dẫn đi trên mái nhà được cách ly với mái nhà ít nhất 60 mm. Dây dẫn sét đi trên mái nhà được đỡ bằng sứ đỡ, dây đi từ mái nhà xuống phải cách ly với nhà và được luồn vào ống nhựa PVC ø34 (mm) đi cách vách tường 50 mm. Khung thép của mái nhà phải nối tiếp đất với hố tiếp đất của hệ thống điện. Hố nối đất dùng 6 thanh thép đồng ø16 mm có chiều dài 2,4 m chôn cách nhau 3 mét theo đường thẳng chôn sâu cách mặt đất 1 mét. Dùng dây đồng trần có tiết diện 70 mm^2 để nối các cọc đồng lại bằng các ốc xiết. Dùng dây cáp đồng tiết diện 50 mm2 nối hệ thống cọc dẫn tới hộp kiểm tra nối đất. Hố nối đất phải có điện trở dưới 10Ω, nếu không phải đóng thêm cọc hoặc dùng hóa chất để xử lý.

1.2.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

** Hệ thống thoát nước:*

Hệ thống nước mưa được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước thải;

- Lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt đường giao thông nội bộ, sân, … được lọc rác có kích thước lớn bằng các tấm lưới thép hoặc các song chắn rác tại các hố ga trước khi chảy vào hệ thống cống thoát nước mưa. Các hố ga sẽ được định kỳ nạo vét, bùn thải thu gom sẽ thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý;

- Nước mưa từ mái tôn công trình sẽ được thu gom vào các ống đứng bằng nhựa uPVC đường kính D114, D168 sau đó sẽ được xả vào hệ thống thoát nước mưa của nhà máy bằng hệ thống cống bê tông ly tâm với đường kính D300, D500, D600, D800, i=0,5% rồi tự chảy ra hệ thống thoát nước mưa chung của KCN tại 02 vị trí hố ga 1 nằm cạnh cổng công ty trên đường đấu nối nước mưa trên đường số 2 và 1 điểm nằm cành đường 2A của KCN.

- Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải từ chậu rửa, phễu thu nước sàn được đưa vào ống đứng PVC. Nước từ ống đứng đưa vào các hố ga bên trong bằng ống PVC D110.

+ Dùng ống PVC D168 để thu nước phân, tiểu và dẫn nguồn thải này về bể phốt để xử lý sơ bộ nước thải rồi đưa về hệ thống xử lý ước thải của nhà máy để tiếp tục xử lý, sau đó thoát ra ngoài bằng đường ống BTCT D300 để dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Long Bình (Amata).

- Hệ thống thoát nước thải sản xuất:

+ Nước thải phát sinh từ xưởng sản xuất gia công xử lý bề mặt được dẫn về khu xử lý nước thải của nhà máy để xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của khu công nghiệp, sau đó thoát theo đường ống BTCT D300 để dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Long Bình (Amata).

** Công trình xử lý nước*

- Bể tự hoại 3 ngăn:

Bể này đã được xây dựng sẵn. Đây là công trình ngầm, gồm 3 bể với tổng thể tích là 12m^3. Bể được xây ngầm bằng gạch, tường 220, trát vữa xi măng, chống thấm trong và ngoài bể. Có nắp đậy bằng BTCT phía trên.

- Hệ thống xử lý nước thải của nhà máy

Nước thải sản xuất phát sinh tại các dây chuyền sản xuất được thu về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 360 m^3/ngày đêm.

Quy trình xử lý nước thải sản xuất của Dự án như sau: Nước thải từ bể chứa nước thải Crom →bể khử → Bể chứa nước thải niken + nước thải kẽm + nước thải từ hệ thống xử lý khí thải → bể điều hòa → bể phản ứng → bể lắng 1 → bể lắng 2 → bể lắng 3 → bể lắng 4 → bể trung gian → bể trung hòa → bể chứa nước sau xử lý→ Hệ thống xử lý nước thải chung của KCN LONG BÌNH (AMATA).

** Công trình xử lý bụi – khí thải:*

Hiện tại, Công ty đã đầu tư 02 hệ thống thu gom, xử lý khí thải từ bể mạ, bể tẩy và 01 hệ thống thu gom, xử lý khí thải từ lò hơi đốt dầu DO để cung cấp hơi nóng cho công đoạn sấy.

- Hệ thống xử hơi hóa chất, hơi axit từ bể mạ, bể tẩy: Hơi hóa chất, hơi axit từ các công đoạn mạ niken, mạ Crom, mạ kẽm (từ bể tẩy, bể mạ, bể chống gỉ) → Tháp phun → quạt cao áp → Ống khói → Khí sạch thoát ra ngoài môi trường.

-Hệ thống thu gom, xử lý khí thải từ lò hơi đốt dầu DO: Khí thải → Quạt hút → Tháp hấp thụ → Than hoạt tính →Ống khói

** Công trình lưu trữ, xử lý chất thải rắn*

- Kho chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Diện tích: 6m2 đặt phía trong nhà xưởng.

+ Kết cấu: phân chia với các khu vực khác trong xưởng bằng vạch trên nền nhà xưởng.

- Kho chất thải nguy hại:

+ Diện tích: 6m^2 đặt phía trong nhà xưởng.

+ Kết cấu: tường ngăn với các khu vực xung quanh bằng tấm di động. Trong kho bố trí:

• Rãnh mở xung quanh kho chứa và 01 hố ga thu gom chất thải lỏng đổ tràn trong kho chứa. Ngoài kho có dán biển cảnh báo chất thải nguy hại theo đúng quy định; cửa sắt có khóa.

• Thùng chứa chất thải nguy hại có nắp đậy, thể tích phù hợp; có dán nhãn, biển cảnh báo đối với từng loại chất thải nguy hại.

1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án

1.3.1. Nguyên, vật liệu và hóa chất sử dụng

- Nhu cầu hóa chất sử dụng:

Số lượng hóa chất sử dụng cho Dự án được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1.5: nhu cầu sử dụng hóa chất của dự án

STT	Tên hóa chất	Công thức hóa học	Số CAS	Số lượng (kg/năm)	Đặc tính
1	Sodium Hidero Sufits	Na_2SO_3 0,96	7757-83-7	30.000	Chất rắn màu trắng, không mùi, dễ tan trong nước với độ hòa tan là 678 g/l Điểm nóngchảy: 33,4 °C
2	Axit clohiđric,	HCl 32%	7647-01-0	12.000	là một axit vô cơ mạnh, là chất lỏng trong suốt, không màu, bốc khói trong không khí nếu cô đặc. Dùng cho công đoạn tẩy bề mặt

					Điểm nóng chảy: -43 °C Điểm sôi: 84 °C
3	Axit sunfuric CP	H_2SO_4 CP	7664-93-9	25.000	Nó là một chất lỏng ánh vàng, không mùi và sánh, hòa tan trong nước, tính ăn mòn cao. Có tính oxi hóa mạnh, ăn mòn, gây bỏng, kích thích mắt, hệ hô hấp, da Điểm nóng chảy: 33,4 °C Điểm sôi: 338 °C
4	Axit phosphoric	H_3PO_4	7664-38-2	22.000	Là chất rắn tinh thể không màu. Có tính oxi hóa trung bình, ăn mòn, gây bỏng, kích thích mắt, hệ hô hấp và da Điểm nóng chảy: 42.35°C (anhiđrơ) và 29.32 °C (hemihiđrat) Điểm sôi: 158 C
5	Axit nitric	HNO_3 68%	7697-37-2	18.000	Là chất lỏng không màu, bốc khói mạnh trong không khí ẩm, Nó là một chất acid độc và ăn mòn và dễ gây cháy Điểm nóng chảy: -42°C Điểm sôi: 86°C
6	Niken sunfat	$NiSO_4 \cdot 6H_2O$	7786-81-4	5.000	Là muối màu lục lam có độ hòa tan cao này là nguồn phổ biến của ion Ni^{2+} cho mạ điện Điểm nóng chảy: 100 °C Điểm sôi: 840 °C
7	Niken clorua	$NiCl_2$	7718-54-9	2.400	Muối khan này có màu vàng. dễ tan, hấp thụ độ

					ẩm từ không khí để tạo thành một dung dịch. Muối nickel là tác nhân gây ung thư với phổi và hệ hô hấp, nếu tiếp xúc trong thời gian dài. Điểm nóng chảy: 1.001 °C
8	Acid boric	H_3B0_3	10043-35-3	1.200	Dạng tinh thể không màu hoặc bột trắng, hòa tan trong nước và tồn tại trong tự nhiên dưới dạng khoáng chất sassolite. Điểm nóng chảy: 170,9 °C Điểm sôi: 300 °C
9	Cromic	CRO_3	7738-94-5	6.000	Là chất rắn có màu tím, là một chất oxi hóa mạnh và độc hại, có thể gây ăn mòn và là tác nhân gây ung thư. Là nguyên liệu cho mạ crom và được sử dụng làm phụ gia trong quá trình đánh bóng điện hóa để làm bề mặt kim loại trở nên sáng bóng và đồng đều. Nó cũng phản ứng với nhiều kim loại để tạo ra một lớp bảo vệ chống ăn mòn trên bề mặt kim loại. Điểm nóng chảy: 197 °C Điểm sôi: 250 °C
10	Ni 4*4 Electrolytic Unwrought Nickel	NI 4x4		10.000	Được sử dụng cho mạ niken

11	Đồng sunfat	$CuSO_4$	7758-98-7	3.000	Là chất bột màu trắng, hút mạnh hơi ẩm của không khí để tạo thành hydrat $CuSO_4 \cdot 5H_2O$ màu lam. Điểm nóng chảy: 110 °C
12	Đồng phốt pho			18.000	Là một thành viên của họ hợp kim đồng . Nó bao gồm đồng được hợp kim với 0,5–11% thiếc và 0,01–0,35% phốt pho
13	Đồng pyrophosphate	$Cu_2P_2O_7$	10102-90-6	3.000	Là chất rắn màu xanh lam nhạt, có mùi đặc trưng, thực tế không tan trong nước. Điểm nóng chảy: >1.050 °C
14	Kali pyrophosphate	$K_4P_2O_7$	7320-34-5	5.000	Dạng rắn. Không độc hại và được dùng làm phụ gia thực phẩm. Dùng cho công đoạn mạ
15	Chất tẩy dầu điện giải	RC-30		6.000	
16	Chất làm bóng niken			1.800	
17	Niken additive	A5(4X)		2.700	Là hóa chất được dùng trong bể mạ Nickel bóng hoặc bể mạ Nickel bán bóng cho lớp mạ bóng đẹp, khắc phục tình trạng không có lớp mạ ở vùng dòng thấp do nhiễm tạp đồng – kẽm
18	Chất làm bóng đồng sunfat			1.200	
19	Chất làm đầy đồng sunfat			1.500	
20	Chất mở hồ			1.800	

21	Chất bốc Niken phụ gia A			3.000	
22	Chất bốc Niken phụ gia B			3.000	
23	Hoá chất keo tụ- polymer PAM	C_3H_5N		500	Ở dạng thể rắn có màu trắng, không mùi và có khả năng hút ẩm cực mạnh. Có tác dụng làm tăng độ nhớt của nước và thúc đẩy quá trình keo tụ của các hạt có trong nước. Dùng trong xử lý nước thải
24	PAC Poly Aluminum Clorit	$[Al_2(OH)_nCl_{6-n}]m$		3.000	PAC là bột có màu trắng, màu vàng nghệ và màu vàng chanh. Là một chất keo tụ, chất trợ lắng mạnh. PAC có khả năng kết tủa các chất lơ lửng, chất keo trong nước, giúp nước trong hơn, loại bỏ các chất ô nhiễm, vi khuẩn, virus gây hại cho sức khỏe. Ứng dụng trong xử lý nước thải.
25	Palladium chloride			1.000	
26	Sắt(II) sunfat	$FeSO_4$	7720-78-7	5.000	Là một hợp chất muối của sắt có màu xanh tồn tại ở 2 dạng là bột hoặc tinh thể với công thức hóa học là $FeSO_4$. Là một hóa chất được ứng dụng khá rộng rãi trong cuộc sống của

					chúng ta như Nguyên liệu sản xuất phân bón, xử lý nước thải, hoặc được sử dụng chủ yếu như tiền thân của các hợp chất sắt khác.
27	Than hoạt tính			2.000	

1.3.2. Nhu cầu nhiên liệu, điện, nước và nguồn cung cấp

✓ Nước cấp sinh hoạt

Theo QCVN01:2021/BXD: "Nước sạch dùng cho sinh hoạt được dự báo dựa theo chuỗi số liệu hiện trạng, mức độ tiện nghi của khu đô thị, điểm dân cư nhưng phải đảm bảo: Tỷ lệ dân số khu vực nội thị được cấp nước là 100% trong giai đoạn dài hạn của quy hoạch; Chỉ tiêu cấp nước sạch dùng cho sinh hoạt của khu vực nội thị đô thị phụ thuộc vào loại đô thị nhưng tối thiểu là 80 lít/người.ngày đêm.

Tại quy chuẩn này chỉ nêu định mức sử dụng nước tối thiểu cho nội thị đô thị. Tuy nhiên, Đồng Nai là đô thị phát triển của cả nước nên định mức sử dụng nước sẽ cao hơn so với định mức nước tối thiểu, ước tính là 200 lit/người.ngày đêm bao gồm các mục đích: nấu ăn, tắm giặt, vệ sinh cá nhân,…

Công nhân hoạt động trong Nhà máy chủ yếu sử dụng nước với mục đích vệ sinh cá nhân, rửa tay chân nên lượng nước cấp cho cho mỗi công nhân làm việc ước tính là 30% lượng nước cấp cho đô thị là: 200 x 30% = 60 lít/người.ngày = 0,06 m^3/người.ngày. Số lượng công nhân viên của Nhà máy là 1.200 người. Lượng nước dùng cho mục đích sinh hoạt là: 1.200 người x 0,06 m^3/người.ngày = 72 m^3/ngày.

✓ Nước cấp cho sản xuất:

- Nước dùng cho tẩy rửa bể xi mạ dây chuyền mạ Niken – Crom sử dụng cho 9 bể rửa nước, ước tính lượng nước sử dụng khoảng 9 m^3/ngày.đêm (chỉ cung cấp lần đầu, sau đó tuần hoàn tái sử dụng).

Quá trình rửa trong hai dây chuyền xi mạ áp dụng cho dự án được thiết kế chế độ rửa chảy liên tục, nước được cấp cho mỗi cụm (gồm 1,2 hoặc 3 bể rửa liên tiếp) bằng đường ống D60mm, tốc độ chảy tại vòi nước là 0,154 mm/s, lưu lượng nước sử dụng cho mỗi cụm là 442 lít/giờ.

Dây chuyền mạ Niken – Crom của nhà máy có 25 cụm rửa, thời gian vận hành 12 giờ/ngày, như vậy tổng lượng nước dùng cho quá trình rửa trong dây chuyền xi mạ tại dự án ước tính khoảng 132,6 m^3 /ngày.

Ngoài ra nước còn được cấp cho các bể tẩy dầu, tẩy gỉ và các bể mạ (nước không chảy) với lưu lượng 15 m^3 /ngày (theo thông số thiết kế của bể).

- Nước sử dụng cho quá trình làm mát bán thành phẩm (lò nung) là 0,3 m^3/ngày.

- Nước sử dụng cho công đoạn mài dao: 1 m^3/ngày

- Nước sử dụng cho công đoạn vệ sinh bán thành phẩm: 2 m^3/ngày

=> Tổng lượng nước cấp cho hoạt động sản xuất của Nhà máy là: 150,9 m^3/ngày.đêm

✓ Nước sử dụng cho HTXL khí thải khoảng 5 m^3/ngày.đêm.

✓ Nước sử dụng cho quá trình làm mát nhà xưởng sản xuất khoảng 10 m^3/ngày.đêm

✓ Nước cấp cho các mục đích khác (tưới cây, rửa sân đường):

+ Hoạt động rửa đường cho Dự án (tưới bằng thủ công vỉa hè và mặt đường hoàn thiện): Căn cứ theo mục 2.10.2 của QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, lượng nước tối thiểu cho quá trình rửa đường là 0,4 lít/lần tưới/m^2. Diện tích sân đường nội bộ nhà máy là 7.509,6 m^2 (định kỳ tưới 01 lần/ngày). Tổng lượng nước cần sử dụng:

7.509,6 m^2 x 0,4 lit/m^2 = 3003,84 l/ngày ≈ 3m^3/ngày

+ Hoạt động tưới cây (thảm cỏ, cây xanh, bồn hoa):

Căn cứ theo mục 2.10.2 của QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, lượng nước cần sử dụng tối thiểu cho quá trình tưới thảm cỏ, cây xanh, bồn hoa là 3lít/lần tưới/m^2. Diện tích thảm cỏ, cây xanh của nhà máy là 8.038,95 m^2 (định kỳ tưới 01 lần/ngày). Tổng lượng nước cần sử dụng:

8.038,95 m^2 x 3 l/m^2 = 24.116,85 l/ngày ≈ 24,2 m^3/ngày

=> Tổng lượng nước cấp cho hoạt động tưới cây, rửa đường cho của Nhà máy là:

3 + 24,2 = 27,2 m^3/ngày.

✓ Nước dự phòng cho công tác phòng cháy chữa cháy:

Nước dự phòng cho công tác PCCC được chứa tại bể chứa có dung tích 300 m^3 và phân phối đến các đường ống dự trữ, họng chữa cháy tại nhà máy. Tuy nhiên, lượng nước này chỉ sử dụng khi có sự cố cháy nổ. Do đó, không có lượng cấp bổ sung hàng ngày cho PCCC.

Như vậy, Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của dự án được thể hiện ở bảng bên dưới:

Bảng 1.6: Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của dự án

STT	Mục đích sử dụng	Lượng nước sử dụng (m^3/ngày)
1	**Sinh hoạt của công nhân viên và nhà ăn**	**72,0**
2	**Trong quá trình sản xuất**	**174,9**
2.1	Nước dùng cho tẩy rửa bể xi mạ dây chuyền mạ Niken – Crom	9,0
2.3	Nước rửa sử dụng cho dây chuyền mạ Niken – Crom khoảng	132,6
2.4	Nước cấp cho các bể tẩy dầu, tẩy gỉ và các bể mạ (nước không chảy)	15,0
2.5	Nước sử dụng cho quá trình làm mát bán thành	0,3

	phẩm (lò nung)	
2.6	Nước sử dụng cho công đoạn mài dao	1,0
2.7	Nước sử dụng cho công đoạn vệ sinh bán thành phẩm	2,0
2.8	Nước sử dụng cho HTXL khí thải	5,0
2.9	Nước cho quá trình làm mát nhà xưởng sản xuất	10,0
3	**Tưới cây, rửa đường**	**27,2**
Tổng		**274,1**

1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành

1.4.1. Quy trình công nghệ sản xuất

a) Quy trình công nghệ sản xuất logo (tem nhãn) và các phụ kiện tem nhãn bằng nhựa (trong quy trình sản xuất không công đoạn xi mạ)

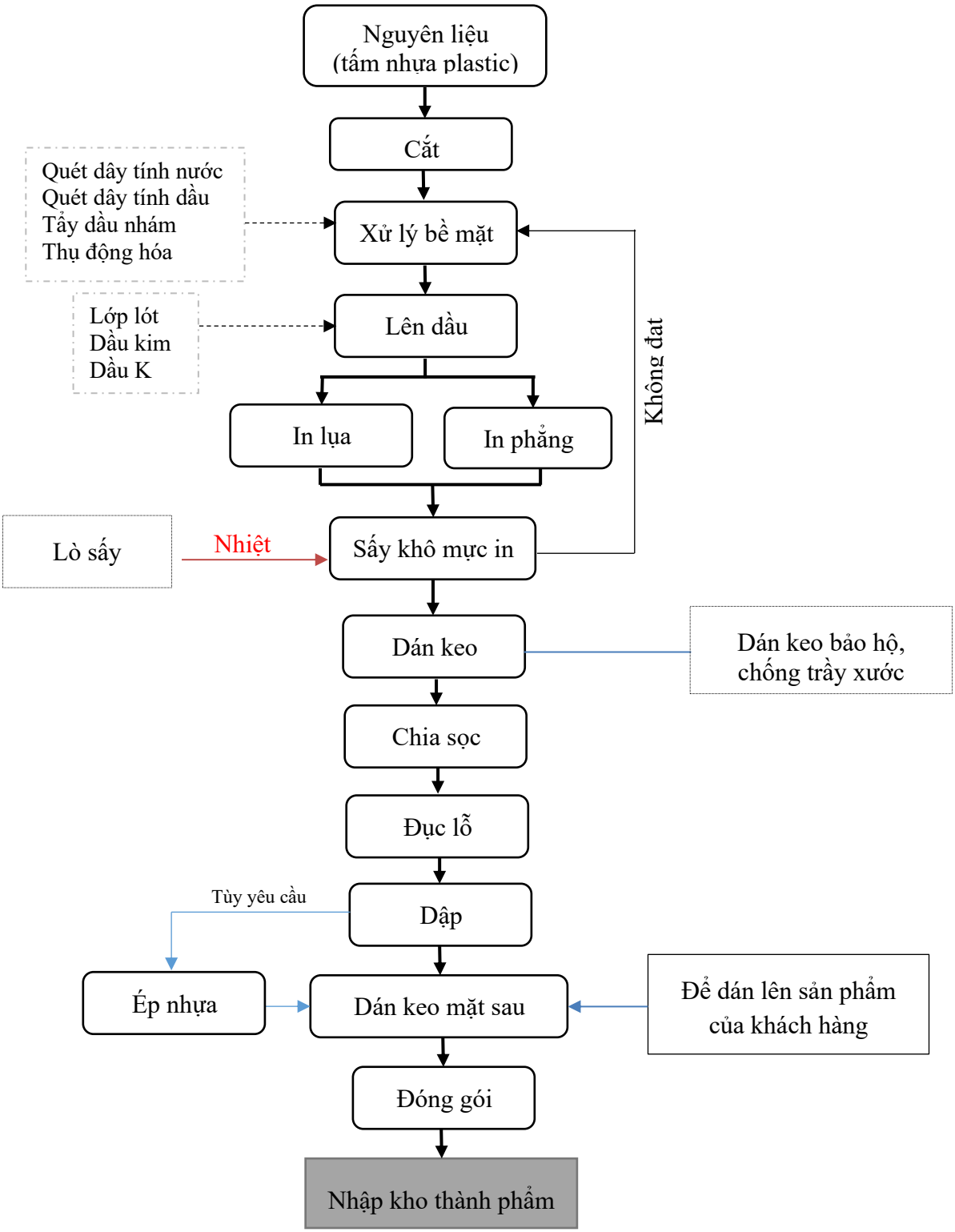

Hình 1.4: Quy trình công nghệ sản xuất logo (tem nhãn) và các phụ kiện tem nhãn bằng nhựa

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu đầu vào của dây chuyền sản xuất tem (logo) nhựa của nhà máy là các tấm nhựa plastic phẳng chất lượng cao. Các tấm nhựa được kiểm tra đạt tiêu chuẩn trước khi đưa vào nhập kho nguyên nhiệu để sản xuất. Tùy theo mẫu mã thiết kế của đơn hang, mà các tấm nhựa nguyên liệu được định vị để cắt theo hình dạng và kích thước thiết kế.

Sau khi cắt, các chi tiết nhựa này đươc mang đi xử lý bề mặt; tại đây, các chi tiết nhựa được vệ sinh, đánh bóng, cắt tỉa, mài dũa ba via,… sau đó, được chuyển đi phủ lớp dầu lót nền.

Tiếp theo, các chi tiết nhựa tiếp tục được đưa đến công đoạn in. Tùy theo tính chất và yêu cầu của sản phẩm, hay đặc điểm của hình ảnh, logo, kí hiệu (được thiết kế sẵn) mà chi tiết nhựa được in lụa hoặc in phẳng cho phù hợp.

Khi in xong, lập tức chúng được đưa đến công đoạn sấy để làm khô mực in (bằng lò sấy chuyên dụng) để tránh mực bị phai, mờ, tang độ bền màu cho mực in.

Sau khi mực in đã được sấy khô, các chi tiết này sẽ được dán phủ một lớp keo dán bảo hộ để hộ chống trầy xước.

Tiếp theo, các bán thành phẩm sẽ được phân loại căn cứ theo hoa văn để đưa đến các công đoạn đặc thù như đục lỗ, dập (dập lồi, dập hình, dập lỗ,…)

Tùy yêu cầu của từng đơn hàng mà bán thành phẩm được ép nhựa hoặc khoogn cần ép nhựa.

Cuối cùng các bán thành phẩm sẽ được dán keo 2 mặt chuyên dụng lên mặt sau để dán, đính lên sản phẩm của khách hàng.

Cuối cùng sản phẩm là các logo (tem nhựa) sẽ được đưa đi đóng gói và nhập kho thành phẩm để chờ xuất hàng.

b) Quy trình công nghệ sản xuất logo (tem nhãn) và các phụ kiện tem nhãn bằng kim loại (trong quy trình sản xuất bao gồm công đoạn xi mạ)

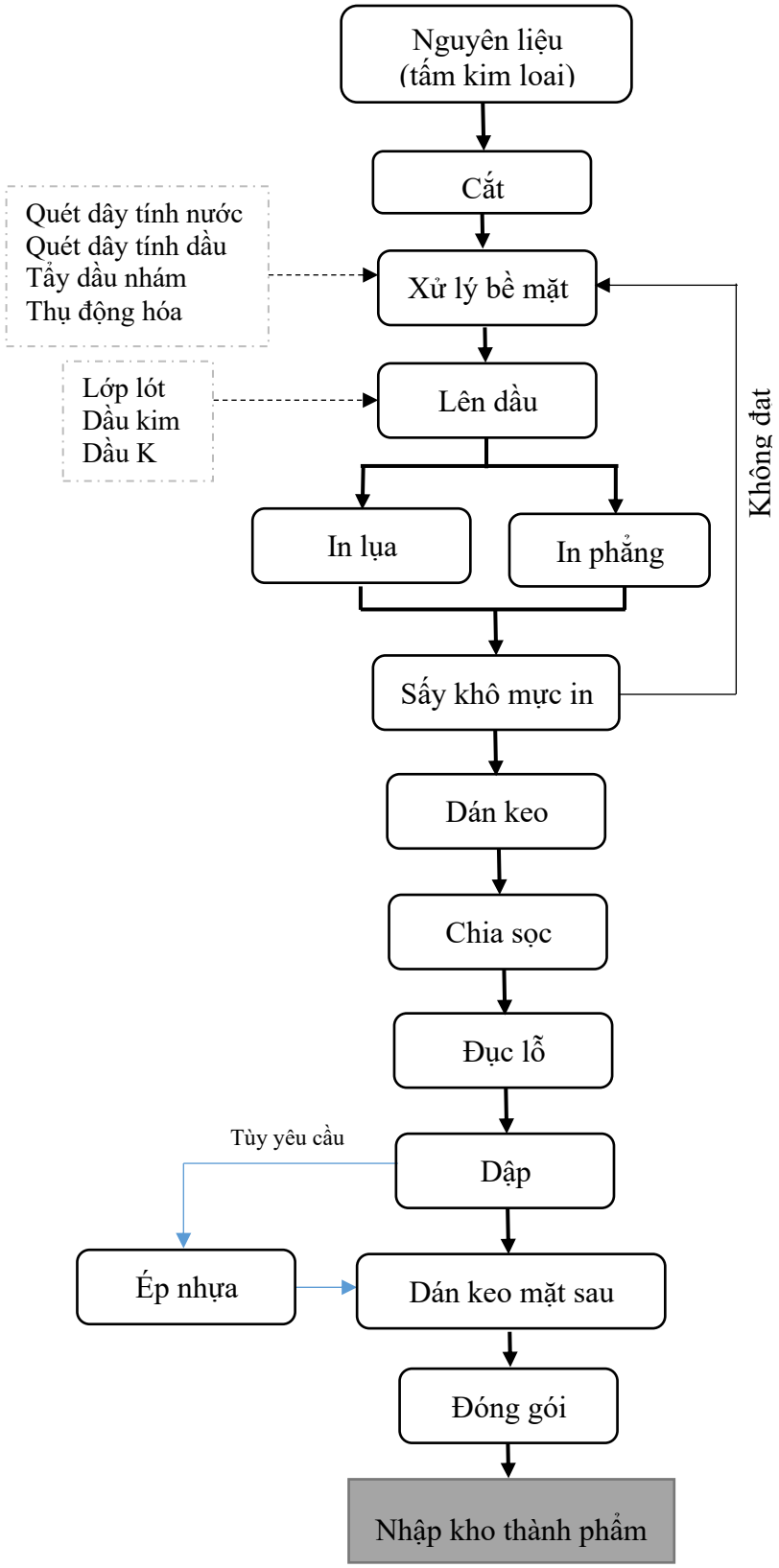

Hình 1.5: Quy trình công nghệ sản xuất logo (tem nhãn) và các phụ kiện tem nhãn bằng kim loại

Thuyết minh quy trình:

Nguyên lý hoạt động sản xuất của dây chuyền sản xuất logo (tem) kim loại của nhà

máy tương tự như quy trình sản xuất logo (tem) nhựa. Chỉ khác là nguyên liệu đầu vào là các tấm kim loại phẳng được chọn lựa đạt tiêu chuẩn đầu vào của nhà máy. Các tấm kim loại phẳng quá các công đoạn sản xuất tương tự như trình bày trong phần trên sẽ cho ra các logo (tem) kim loại chất lượng cao để dán, đính lên sản phẩm của khách hàng.

❖ **Quy trình xử lý bề mặt và tráng phủ kim loại:**

Hoạt động xử lý bề mặt và tráng phủ kim loại của nhà máy là xử lý bề mặt mạ niken, crom. Quy trình công nghệ sẽ được trình bày dưới đây:

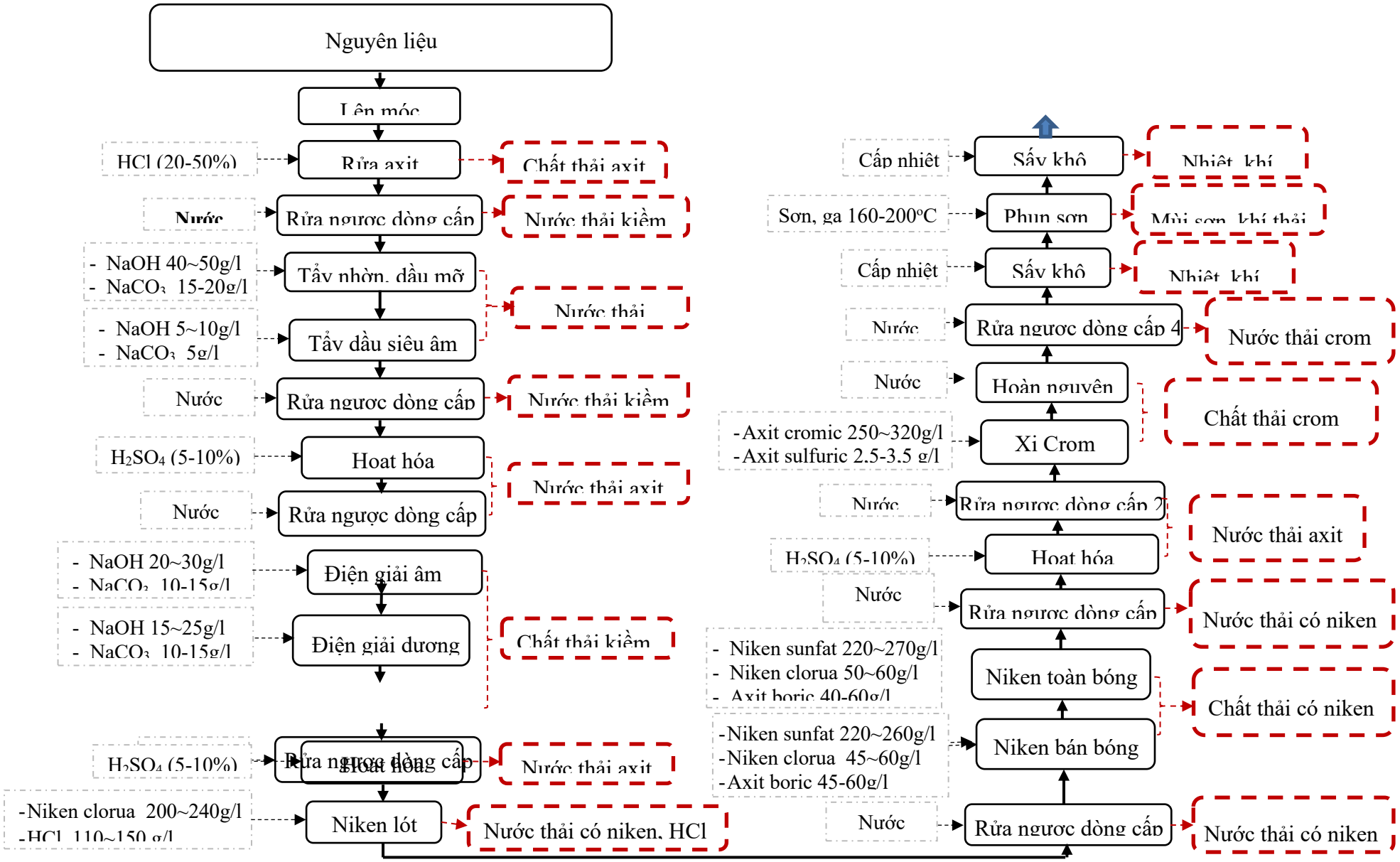

Hình 1.6: Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý bề mặt kim loại

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu đầu vào là các bán thành phẩm kim loại hoặc nhựa plastic sẽ được đưa lên móc để bắt đầu cho chu trình sản xuất xử lý bề mặt và tráng phủ kim loại. Các sản phẩm yêu cầu bề mặt trước khi mạ phải có độ sạch cao. Do đó các nguyên liệu đầu vào sẽ qua bước tiền xử lý nhằm làm sạch bề mặt để quá trình xi mạ đạt hiệu quả tốt nhất.

Sản phẩm bước đầu được tiến hành rửa bằng axit HCl (20-50%), trong khoảng 30 – 40 phút để loại bỏ lớp gỉ sét trên bề mặt sản phẩm -> rửa ngược dòng cấp 2 bằng nước máy để làm sạch dung dịch tẩy rửa.

Tiếp đó, tiến hành tẩy bằng hóa chất có tính kiềm (NaOH 40~50g/l, $NaCO_3$ 15-20g/l) trong khoảng thời gian từ 10-15 phút, có tác dụng tẩy sạch dầu mỡ trên bề mặt sản phẩm. Thành phần của các hóa chất tẩy dầu chủ yếu là NaOH, Na_2CO_3. Đó đều là các chất có tính kiềm, dầu mỡ trong dung dịch kiềm sẽ bị xà phòng hóa thành glicerin và muối axit béo dễ tan trong nước. Do đó dầu mỡ bị tẩy đi như phản ứng sau:

$$(C_{17}H_{35}COO)_3C_3H_5 + 3NaOH = 3C_{17}H_{35}COONa + C_3H_5(OH)_3$$

Dầu — Muối axit béo — Glicerin

Na_2CO_3 có tác dụng xà phòng hóa nhất định và có tác dụng đệm trong dung dịch tẩy dầu.

Sau đó sản phẩm được đưa sang bể tẩy sóng siêu âm là phương pháp tẩy hiện đại nhất hiện nay dùng dòng điện tạo tần số sóng trong nước để dung kết hợp với hóa chất AK-11 mang tính kiềm với tỉ lệ sử dụng khoảng 10-70g/l; trong bể tẩy sạch các tạp chất dầu mỡ ở các góc khuất khó tẩy -> rửa ngược dòng cấp 2 bằng nước máy để làm sạch dung dịch tẩy rửa.

Tiếp theo là công đoạn hoạt hóa: Hoá chất H_2SO_4 với tỉ lệ sử dụng khoảng 5-10% sẽ tẩy lớp gỉ sét oxy hóa trên bề mặt, bóc tách 1 lớp oxit bám trên bề mặt sản phẩm, cấu trúc tinh thể bị lộ ra, làm tăng hiệu quả của quá trình mạ -> rửa ngược dòng cấp 2 bằng nước máy để làm sạch hóa chất bám trên bề mặt.

Điện giải âm, điện giải dương: dưới tác dụng của hóa chất kiềm NaOH và $NaCO_3$ cùng với dòng điện ngược làm tăng tính bám dính, tách lớp oxy hóa bề mặt, tác dụng tẩy lớp dầu trên bề mặt, làm mềm lớp sáp bột đánh bóng -> rửa ngược dòng cấp 2 bằng nước máy để làm sạch hóa chất bám trên bề mặt. Tác dụng của quá trình này đơn giản chỉ để các chất tẩy không tác động với nhau, tạo hiệu ứng tốt nhất lên trên bề mặt sản phẩm. Thời gian xử lý cho công đoạn này là 30 giây. Nước rửa được thiết kế vận hành theo chế độ chảy liên tục, nước thải được thu gom về HTXL nước thải tập trung của nhà máy.

Sản phẩm tiếp tục được đưa quá quá trình hoạt hóa một lần nữa trước khi đưa đi mạ Niken.

Quá trình mạ Niken trải qua các công đoạn:

-*Niken lót* nhằm cân bằng bề mặt sản phẩm, tạo độ nền; dung dịch mạ bao gồm NiCl2 200~240g/l, HCl 110-150g/l. Bể mạ được duy trì ở nhiệt độ khoảng 45-60^{0}C. Sau mạ Niken lót sản phẩm được chuyển qua rửa nước máy để làm sạch.

-*Niken bán bóng* giúp chống ăn mòn sản phẩm; tạo lớp mạ có thành phần lưu huỳnh cao dung dịch mạ bao gồm $NiSO_4$ 220~260g/l, $NiCl_2$ 45~60g /l, H_3BO_3 45-60g/l.

-*Niken toàn bóng* giúp tạo lớp mạ Ni bóng; dung dịch mạ bao gồm $NiSO_4$ 220~270g/l, $NiCl_2$ 50~60g /l, H_3BO_3 40-60g/l.

Sau mạ Niken sản phẩm được chuyển qua rửa nước máy để làm sạch và đưa qua quá trình hoạt hóa, rửa nước trước khi đưa đi mạ crom. Quá trình mạ Cr: Giúp làm tăng t nh thẩm mỹ của sản phẩm, chống ăn mòn, tăng cường độ sáng bóng và làm tăng độ cứng bề mặt. Dung dịch mạ bao gồm CrO3 250~320g/l, H2SO4 2,5-3,5 g/l để trang trí sản phẩm, tạo màu theo yêu cầu sản phẩm. Nhiệt độ bể mạ luôn được duy trì ở khoảng 30^{0}C - 40^{0}C.

Để tránh độc hại và giảm thiểu ảnh hưởng tới môi trường sau công đoạn mạ crom, sản phẩm được đưa sang bể hoàn nguyên dưới tác dụng của hóa chất $Na_2S_2O_5$ giúp chuyển hóa hoàn toàn lượng Cr(VI) trên sản phẩm về Cr(III) (dạng ít độc hại và thân thiện với môi trường hơn) sau đó tiếp tục đưa sang các bể rửa nước máy để tráng rửa sạch hoàn toàn hóa chất bám dính trên sản phẩm.

Sau khi sấy ở nhiệt độ 80^{0}C trong khoảng 2-10 phút, sản phẩm sẽ được đưa đến khu vực kiểm tra, tại đây các nhân viên nhà máy sẽ kiểm tra bề mặt của sản phẩm xem lớp mạ đạt yêu cầu không. Sản phẩm đạt yêu cầu được chuyển sang bộ phận phun sơn để phun sơn theo yêu cầu của đơn hang. Sản phẩm sau công đoạn sơn được đưa sang khu vực sấy để làm khô lớp sơn trên bề mặt sản phẩm, rồi đưa đi đóng gói *(tùy theo yêu cầu của đơn hàng)*.

Sản phẩm không đạt yêu cầu sẽ được chỉnh sửa và mạ lại. Các sản phẩm sau khi mạ đạt yêu cầu sẽ được lưu kho, chờ xuất xưởng theo yêu cầu.

c) Quy trình gia công cơ khí

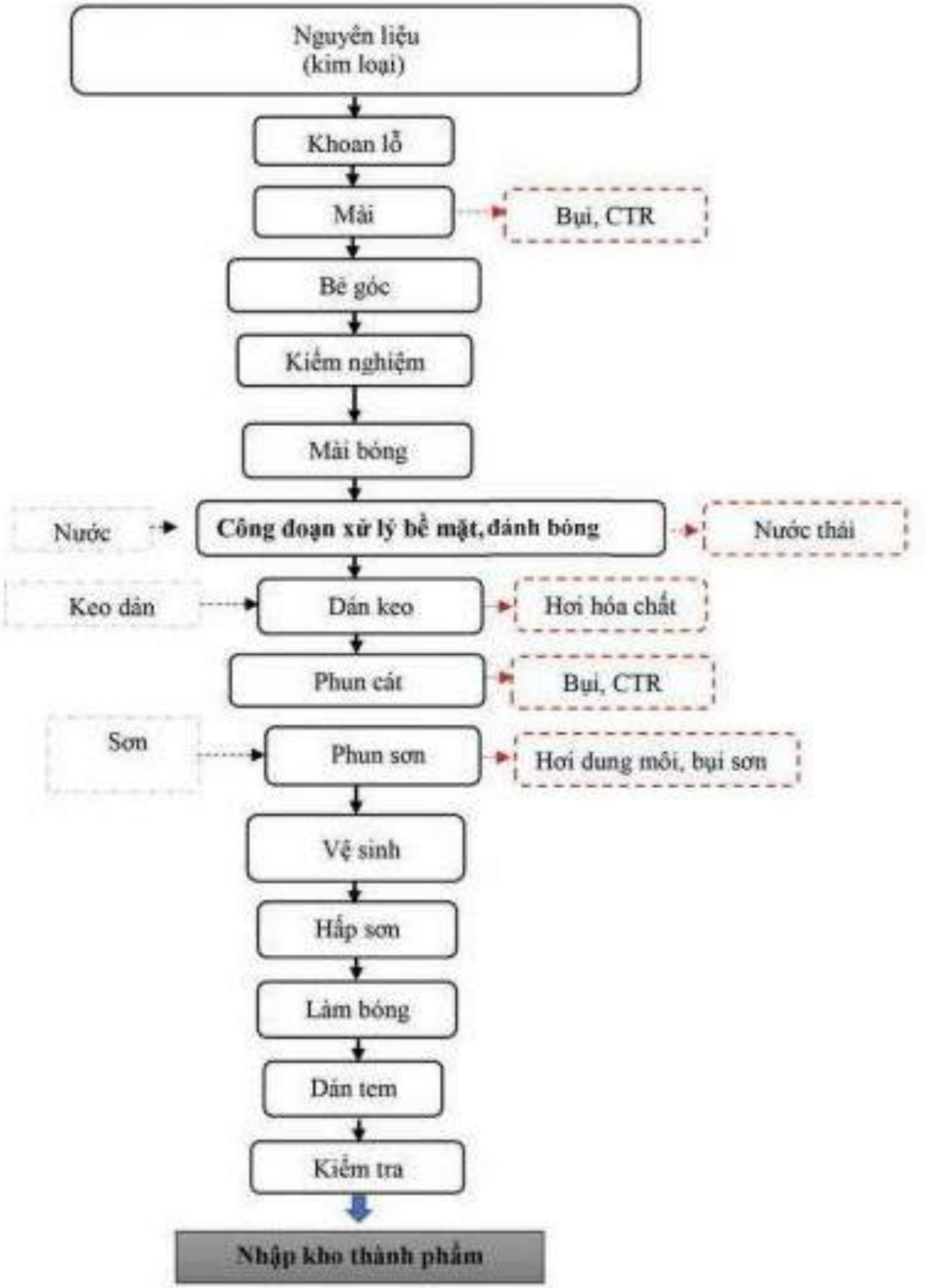

Hình 1.7 Sơ đồ quy trình công nghệ gia công cơ khí

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu (Bán thành phẩm từ kim loại hoặc nhựa plastic) được chuyển qua

xưởng gia công cơ khí để tiến hành các bước gia công cơ khí như sau:

- Khoan lỗ: bán thành phẩm được khoan các lỗ theo thiết kế.

- Mài: Sau đó được chuyển đến công đoạn mài, công nhân tiến hành mài các chi tiết dư thừa.

- Bẻ góc: bán thành phẩm được chỉnh sửa, bẻ góc đúng theo thông số của khách hàng yêu cầu.

- Kiểm nghiệm: Sau khi bẻ góc, bán thành phẩm được nhân viên kiểm nghiệm chất lượng trước khi chuyển qua công đoạn mài bóng.

- Mài bóng: Tại công đoạn này bán thành phẩm được công nhân mài ướt cho bóng sáng.

- Công đoạn xử lý bề mặt: tùy theo yêu cầu của khách hàng, bán thảnh phẩm sẽ chuyển qua công đoạn gia công xử lý.

Sau khi hoàn thành công đoạn xử lý bề mặt, bán thảnh phẩm sẽ được chuyển về xưởng gia công cơ khí để tiến hành các bước tiếp theo.

- Dán keo: Dán bọc lại các phần không cần phun cát để chuẩn bị cho bước tiếp theo.

- Phun cát: bán thành phẩm được phun cát đánh bóng các cần thiết.

- Phun sơn: Trước khi phun sơn, bán thành phẩm được dán keo các phần không cần sơn, sau đó đưa vào buồng phun sơn để tiến hành phun sơn. Sơn và dung môi nhậpvề được tiến hành pha trước khi đưa về các khu vực cần sơn.

- Vệ sinh: Công nhân sẽ tiến hành lau sạch, xử lý vết sơn lem ra ngoài bằng chất tẩy rửa, đánh bóng hoặc tẩy ố.

- Hấp sơn: Sau khi phun sơn bán thành phẩm được đưa vào máy hấp sơn sử dụng năng lượng điện với nhiệt độ hấp là 100-150°C trong khoảng thời gian 30 phút - 60 phút để giúp màu sơn được bám lâu hơn.

- Làm bóng: Hấp sơn xong và để nguội, bán thành phẩm được cắt keo dán và làm bóng lại phần không sơn đã được mài bóng bằng cách cho công nhân lau các chỉ tiết này bằng Aceton.

- Dán tem: Dán tem logo, mã sản phẩm cho thành phẩm theo từng mã hàng.

- Kiểm tra: Sau cùng thành phẩm được kiểm tra lại trước khi xuất xưởng. Đối với các thành phẩm có những lỗi chưa hoàn chỉnh sẽ được quay lại để xử lý. Các sản phẩm đạt yêu cầu sẽ xuất xưởng.

1.4.2. Danh mục máy móc, thiết bị

Danh mục máy móc thiết bị phục vụ cho Nhà máy sau khi thay đổi công nghệ sản xuất, mặt hàng sản xuất được liệt kê trong bảng sau:

Bảng 1.7. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ sản xuất

Stt	Thiết bị	Số lượng	Quy cách/Thông số kỹ thuật	Tình trạng (% mới)	Xuất xứ
I. Xưởng sản xuất logo (tem) nhựa					
1	Máy hút nguyên liệu hiệu Peng Qiang Zi Li 800G 1.1Kw	1	Peng Qiang Zi Li 800G , 1.1Kw	60%	Trung Quốc
2	Máy ép nhựa Hiệu Baizan V55R2 TK 102873368432	2	V55R2 , 13.5kW	50%~60%	Trung Quốc
3	Máy ép nhựa Hiệu Zhen De Li W120S TK 102872368432	1	W120S , 22.8kW	50%~60%	Trung Quốc
4	Khuôn sắt loại phun dùng đề đúc SP nhựa ABS cho tem nhãn, logo 210*150*165cm	4	210*150*165cm	90%	Trung Quốc
5	Khuôn sắt loại phun dùng đề đúc SP nhựa ABS cho tem nhãn, logo 200*150*180cm	4	200*150*180cm	90%	Trung Quốc
6	Khuôn sắt loại phun dùng đề đúc SP nhựa ABS cho tem nhãn, logo 200*150*165cm	4	200*150*165cm	90%	Trung Quốc
7	Khuôn sắt loại phun dùng đề đúc SP nhựa ABS cho tem nhãn, logo 200*150*150cm	4	200*150*150cm	90%	Trung Quốc
8	Khuôn sắt loại phun dùng đề đúc SP nhựa ABS cho tem nhãn, logo 200*150*145cm	4	200*150*145cm	90%	Trung Quốc
9	Khuôn sắt loại phun dùng để đúc sản phẩm nhựa ABS 25*20*24cm	6	25*20*24cm	90%	Trung Quốc
10	Máy phun cát	1	10kW	60%	Việt Nam
11	Máy cán ép phẳng màng keo kiểu trục lăn Model YF-700,3Kw, SX năm 2024	1	YF-700,3Kw	95%	Trung Quốc
II. Xưởng sản xuất logo (tem) kim loại					
1	Lò sấy	1		50%~60%	Việt Nam

2	Hệ thống làm mát	1		50%~60%	Việt Nam
3	Máy phun sơn Hiệu chouba 1Kw	2	1Kw	50%~60%	Trung Quốc
4	Máy dập kim loại 16T hiệu JunLi J23-16T	1	J23-16T , 1.5kW	50%~60%	
5	Máy nén khí 50HP Hiệu MuFong MSE37A	1	MSE37A , 37kW	50%~60%	
6	Máy làm khô kim loại Hiệu Mufong BL0080	1	BL0080 , 1.5kW	50%~60%	
7	Máy khoan lỗ Kim loại Hiệu Baoma DB703A	1	DB703A, 1.5kW	50%~60%	
8	Máy mài kim loại phẳng 0.01mm, máy biến đổi tĩnh điện chỉnh lưu	2		50%~60%	
9	Máy dập kim loại Hiệu De-ming Model DM-15 1.5Kw	3	DM-15, 1.5kW	50%~60%	
10	Máy tiện kim loại chiều cao tâm trên 300mm hiệu Dei-Su-Te Model ZNC-345-50A 6Kw	1	ZNC-345-50A , 6Kw	50%~60%	
11	Máy cắt khuôn kim loại hiệu Bing-Feng Model DK7745 1Kw	1	DK7745 ,1Kw	50%~60%	
12	Máy mài bóng kim loại Hiệu Ao-Zhuang Model MSE37A 0.5-	1	MSE37A ,0.5-1Kw	50%~60%	
13	Máy cắt keo 2 mặt hiệu Hong-Yu Model HY-Q-1600 4Kw	1	HY-Q-1600, 4Kw	50%~60%	
14	Máy khoan lỗ kim loại Hiệu Vility Model VTJS-01 2Kw	1	VTJS-01 ,2Kw	50%~60%	
15	Máy dập nổi kim loại Hiệu Da Zhen TC-4560 1.5Kw	2	TC-4560 ,1.5Kw	60%	
16	Máy ép thủy lực hiệu Heng Tong HTH-300A 7.5Kw	2	HTH-300A ,7.5Kw	60%	
17	Máy ép thủy lực hiệu Hong tong HTHe-300E1A 12Kw	1	HTHe-300E1A ,12Kw	60%	
18	Máy làm khô kim loại hiệu Sundail SDK-12Kw 12Kw	2	SDK-12Kw, 12Kw	60%	
19	Máy cắt kim loại Hiệu Ju Tao Q11-6x1500 7.5Kw	1	Q11-6x1500, 7.5Kw	60%	
20	Máy làm khô kim loại Hiệu Sundail SDK-80Kw 90-100Kw	1	SDK-80Kw , 90-100Kw	60%	Trung Quốc
21	Máy làm khô kim loại hiệu Sundail SDK-13Kw 12Kw	3	SDK-13Kw ,12Kw	60%	Trung Quốc
22	Máy hàn điện hiệu Sheng huo WSE-200A 15Kw	2	WSE-200A ,15Kw	60%	Trung Quốc

23	Tháp tản nhiệt Hiệu Mesan MKT-16 2.2Kw	1	MKT-16 , 2.2Kw	60%	Trung Quốc
24	Máy khoan lỗ kim loại hiệu Xi hu ZQ4113 370W	1	ZQ4113 , 370W	60%	Trung Quốc
25	Máy hút nguyên liệu hiệu Peng Qiang Zi Li 800G 1.1Kw	1	Peng Qiang Zi Li 800G , 1.1Kw	60%	Trung Quốc
26	Máy làm khô kim loại hiệu Peng Qiang Xi Li SF305000A 4Kw	1	SF305000A , 1Kw	60%	Trung Quốc
27	Máy ép kim loại 25T	1	25T	60%	Việt Nam
28	Máy sấy khô 30HP	1	30HP	60%	Việt Nam
29	Máy ép kim loại 45T	1	45T	60%	Việt Nam
30	Máy ép kim loại 6HP	1	6HP	60%	Việt Nam
31	Máy ép kim loại 7HP	1	7HP	60%	Việt Nam
32	Máy làm lạnh nước	2		60%	Việt Nam
33	Máy bắn cát	2		60%	Việt Nam
34	Máy ép kim loại 5HP	1		60%	Việt Nam
35	Máy khắc laser khắc chữ trên kim loại	1		60%	Việt Nam
36	Máy xử lý và làm sạch bề mặt	1		60%	Việt Nam
37	Máy điều chỉnh hướng	1		60%	Việt Nam
38	Máy ép logo thành hình	1		60%	Việt Nam
39	Máy làm mát không khí bằng nước	1		60%	Việt Nam
40	Máy tẩy rửa kim loại	1		60%	Việt Nam
41	Máy phun cát	1		60%	Việt Nam
42	Máy Nén Khí Trục Vít Hiệu Jaguar	1	Jaguar	60%	Việt Nam

43	Máy Thử Nghiệp Sức Kéo Đàn Hồi 0-200Kg	1	0-200Kg	60%	Việt Nam
44	Máy Chụp Bảng	1		60%	Việt Nam
45	Máy Đo Áp Suất	2		60%	Việt Nam
46	Máy Sấy Khô Ws-30Hp (Logo)	1	Ws-30Hp	60%	Việt Nam
47	Máy mài hoa văn	2		60%	Việt Nam
48	Dây chuyền sản xuất xi mạ	1		60%	Việt Nam
49	Thiết bị dương cực kiểu cần trục			55%	Việt Nam
50	Máy xi mạ lồng quay (máy mạ điện) 1P 220V- Lanoshine Enterprise SX năm 2023	1	260*280*210mm	80%	Đài Loan
51	Dây chuyền oxy hóa dương cực (Halo)		J480B-6	60%	Việt Nam
52	Máy đo độ bóng Elcometer J480B-6				
53	Bộ thiết bị rửa siêu âm loại HA1200WP2 (Gồm máy siêu âm, tấm rung)	2	HA1200WP2	70%	Việt Nam
III.	**Xưởng gia công cơ khí**				
1	Máy đúc phun nhựa, không nhãn hiệu, model: M1M-200, công suất: 34kW , hàng mới 100% + phụ kiện (Kệ để hàng, Khay để hàng, Tấm gốm lót)	1	model: M1M-200, công suất: 34kW	100%	Trung Quốc
2	Lò tẩy dầu mỡ bằng chất xúc tác hiệu Sibarer ,Model FT-1100L-III, 30kW	1	Model FT-1100L-III, 30kW	100%	Trung Quốc
3	Lò thiêu kết Model LQ/VDS-500, 15kW theo TK 105765358860	1	Model LQ/VDS-500, 15kW	100%	Trung Quốc
4	Thiết bị lò thiêu đốt Model LQ/VDS-500, 15kv nhãn hiệu Ningbo HengFu Vacuum	1	LQ/VDS-500, 15kv	100%	Trung Quốc
5	Máy đúc phun nhựa, không nhãn hiệu, model: M1M-200, công suất: 34kW , hàng mới 100% + phụ kiện	1	model: M1M-200, công suất: 34kW	100%	Trung Quốc

6	Máy nén khí biến tần vĩnh từ HD-VPM22 +Máy sấy khí RB-30	1		70%~80%	Việt Nam
7	Lò sấy sơn	1		70%	Việt Nam
8	Thiết bị đốt nóng	1		70%	Việt Nam
9	Băng chuyền treo 168M	1	168M	70%	Việt Nam
10	Phòng sơn 500W*4400T*3450H	1	500W*4400T*3450H	70%	Việt Nam
11	Súng phun sơn tĩnh điện nước	1		70%	Việt Nam
12	Máy tẩy rửa kim loại W21 bằng sóng siêu âm	1	W21	60%	Việt Nam
13	Máy đo chiều dày lớp mạ CT-4 hãng Densoku- Nhật bản	1	CT-4	70%	Nhật Bản
14	Máy đo độ nhám cầm tay SI-210	1	SI-210	80%	Việt Nam
15	Máy X ray đo chiều dày lớp mạ XRF-2000H	1	XRF-2000H	80%	Việt Nam
16	Máy kiểm tra phun muối TMJ-9701, 4.4Kw, hoạt động bằng điện	1	TMJ-9701, 4.4Kw	70%~80%	Việt Nam
17	Máy đo quang học VMS-4030G	1	VMS-4030G	70%~80%	Việt Nam
18	Máy Thử Nghiệm 3D	2		50%~60%	Việt Nam
19	Máy cắt kim loại tự động model JIH-NC24L+ phụ kiện HĐ 1807	1	JIH-NC24L	70%	Việt Nam
20	Máy phay kim loại CNC, điều khiển số, hiệu East, Model MC4 công suất 2.2Kw	2	MC4 , 2.2Kw	80%~90%	Trung Quốc
21	Hệ thống máy nén khí	1		70%	Việt Nam
22	Máy làm khô sơn bụi sơn bằng tia UV Model YJT-CT5-3000A hiệu YOUJIETE	1	YJT-CT5-3000A	80%~90%	Trung Quốc
23	Dây chuyền máy cắt băng keo (Gồm 4 máy) Model KL-MQ-320D, 3Kw, NSX Guangdong, SX năm 2023	1	KL-MQ-320D, 3Kw	90%	Việt Nam

24	Máy đục lỗ tự động điều khiển số 220V-1.5kw Model HSQ-500, Nhà SX Shenzhen, SX năm 2021	1	HSQ-500 , 220V-1.5kw	90%	Việt Nam
25	Máy phun màu sơn tự dộng, Model: JT-728	1	JT-728 , 2.2kW	90%	Trung Quốc
26	Lò tẩy dầu mỡ bằng chất xúc tác hiệu Sibarer ,Model FT-1100L-III, 30kW theo	1	Model FT-1100L-III, 30kW	100%	Trung Quốc
27	Lò thiêu kết Model LQ/VDS-500, 15kW	1	Model LQ/VDS-500, 15kW	100%	Trung Quốc
28	Thiết bị lò thiêu đốt Model LQ/VDS-500, 15kv nhãn hiệu Ningbo HengFu Vacuum	1	LQ/VDS-500, 15kv	100%	Trung Quốc
IV.	**Thiết bị xử lý môi trường**				
1	Hệ thống xử lý nước thải	1		70%	Việt Nam
2	Bể chứa nước thải dự phòng	1		80%	Việt Nam
3	Lắp đặt hệ thống xử lý nước thải nhiễm Cu, CN	1		80%	Việt Nam
4	Bơm Nước GSD G315-150-4P-15HP	1	G315-150-4P-15HP	80%	Việt Nam
5	CT thiết bị xử lý bụi đánh bóng	1		90%	Việt Nam
6	Tháp làm mát nhà xưởng	1		50%	Việt Nam
7	Công trình thiết bị điều hòa không khí			60%~70%	Việt Nam
8	Phòng xịt bụi 1200W*2250t*2500H	1	1200W*2250t*2500H	70%	Việt Nam
9	Hệ thống cấp gió 4400L*2080W*2200H	1	4400L*2080W*2200H	70%	Việt Nam
10	Bộ lọc khí Ø1400*4000H	1	Ø1400*4000H	70%	Việt Nam

11	Hệ thống hút hơi nhà xưởng	1		60%~70%	Việt Nam
12	Công trình thiết bị xử lý bụi	1		70%~80%	Việt Nam

Nguồn: báo cáo dự án đầu tư, Công ty TNHH VP Components (Việt Nam)

1.5. Biện pháp tổ chức thi công

** Biện pháp thi công xây dựng*

Do Nhà máy đã được xây dựng xong, sau khi thay đổi công nghệ sản xuất, sản phẩm sản xuất sẽ không cần xây dựng thêm hoặc cải tạo bất cứ hạng mục công trình hiện tại. Dự án chỉ dọn dẹp nhà xưởng để lắp đặt máy móc thiết bị. Do đó, tại phần này, báo cáo không trình bày về biện pháp tổ chức thi công của công trình.

** Biện pháp thi công lắp đặt máy móc thiết bị:*

Phương án tổ chức thi công: Các loại máy móc, thiết bị do nhà thầu cung cấp được vận chuyển từ cảng Tân Cảng và tập kết về mặt bằng nhà xưởng, cự ly vận chuyển là 50km. Sau đó sẽ được các xe nâng điện vận chuyển tiếp đến các vị trí cần lắp trong xưởng. Trong quá trình lắp đặt máy móc thiết bị bổ sung, các khu vực sản xuất hiện tại vẫn hoạt động.

Các máy móc sử dụng để lắp đặt máy móc chủ yếu là máy bắt vít, búa tay, máy cắt,…

Ngoài ra, trên mặt bằng lắp đặt máy móc, thiết bị nhà thầu bố trí: Các biển báo chỉ dẫn lối đi, biển báo nguy hiểm, biển cấm lửa, dễ cháy, nổ… Nội quy chung và nội quy riêng; hệ thống điện chiếu sáng bảo vệ máy móc thiết bị ban đêm.

1.6. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án

1.6.1. Tiến độ thực hiện Dự án

Tiến độ hạng mục đầu tư dây chuyền cho sản phẩm mới như sau:

+ Tháng 3/2026: Hoàn thiện thủ tục pháp lý của Dự án

+ Tháng 04/2026- 05/2026: Lắt đặt máy móc thiêt bị và vận hành thử nghiệm;

+ Tháng 06/2026: Sản xuất chính thức.

1.6.2. Vốn đầu tư

Tổng vốn đầu tư của Nhà máy hiện tại là 111.006.195.958 đồng Việt Nam.

Khi thực hiện Dự án, nhà máy bổ sung thêm 50.000.000 (Năm mươi tỷ) Việt Nam đồng.

Như vậy, tổng vốn đầu tư của Nhà máy sau khi thay đổi công nghệ sản xuất, sản phẩm sản xuất là: 161.006.000.000 đồng Việt Nam.

1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện Dự án

Công ty TNHH VP Components (Việt Nam) trực tiếp quản lý và thực hiện dự án.

- Tổng số cán bộ công nhân viên hiện tại của Nhà máy là khoảng 1.200 người (bao gồm 1.196 lao động Việt Nam, 06 lao động nước ngoài).

- Sau khi thực hiện dự án, Nhà máy sẽ giữ nguyên số lượng cán bộ công nhân nhà máy như hiện tại.

- Thời gian hoạt động sản xuất của Công ty như sau:

+ Số ngày làm việc trong tháng: 25 ngày/tháng.

+ Số ca làm việc trong ngày: 3 ca/ngày. + Số giờ làm việc trong 1 ca: 8h/ca.

- Về mặt quản lý môi trường:

Bộ phận môi trường, an toàn vệ sinh lao động gồm 1 bộ phận riêng biệt quản lý chung các vấn đề an toàn môi trường, an toàn lao động, sức khỏe của Công ty, có trách nhiệm báo cáo trực tiếp ban lãnh đạo. Tuân thủ luật Việt Nam, triển khai các trương trình an toàn cho tất cả cán bộ công nhân viên trong Công ty.

Chương 2

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

Dự án được thực hiện tại KCN Long Bình (Amata), tỉnh Đồng Nai. Khu công nghiệp Amata được thành lập vào năm với diện tích 513,01 ha, trong đó đất nhà xưởng công nghiệp là 348,69 ha, chiếm 67,97%; diện tích đất trồng cây xanh là 68,57 ha, chiếm 13,37% tổng diện tích của KCN. KCN Long Bình (Amata) ra đời đã thu hút được rất nhiều nhà đầu tư và tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương, tỉnh Đồng Nai nói riêng và cả khu vực Đông Nam Bộ nói chung.

- Các cơ sở pháp lý môi trường đã được KCN thực hiện theo Quy định bao gồm:

+ Phiếu thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1774/MTg ngày 29/07/1995 của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường đối với Dự án "Công ty liên doanh Phát triển Khu công nghiệp Long Bình hiện đại (Amata) Đồng Nai".

+ Giấy xác nhận hoàn thành các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường số 46/GXNTCMT ngày 11/06/2014 và số 62/GXN-TCMT ngày 08/06/2017 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp.

+ Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 2256/GP-BTNMT ngày 04//2019 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp.

+ Giấy phép môi trường số 356/GPMT-BTNMT ngày 12/9/2024 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp.

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

2.1.1.1. Địa hình

Khu đất dự án có địa hình với hướng nghiêng chủ đạo từ Đông sang Tây. Điểm có độ cao cao nhất tại góc ranh phía Đông Bắc với cao độ là 57,08 m. Điểm có độ cao thấp nhất là 46,46 m tại vị trí công ở góc Tây Nam khu đo. Nửa phía Bắc khu khảo sát độ cao giảm từ Đông sang Tây. Nửa Phía Nam địa hình thấp ở giữa do có dây núi đá nhỏ chạy từ Đông sang Tây. Nửa khu đất này có hướng dốc từ Đông xuống Tây Nam.

Toàn bộ địa hình nằm trên dạng địa mạo tích tụ. Cấu tạo nên bề mặt địa hình là các sản phẩm của các trầm tích Pleistocen. Với bề mặt địa hình nêu trên cần phải tính toán cốt cao công trình cho phù hợp với cốt cao qui hoạch đô thị.

2.1.1.2. Địa chất, thổ nhưỡng.

Khu đất thực hiện dự án nằm trong khu công nghiệp AMATA, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào kết quả phân tích, khảo sát các lớp đất từ bề mặt địa hình hiện hữu đến độ sâu 30,0m được phân bố thành 5 lớp và được mô tả như sau:

1) Lớp san lấp (SL): Đất, đá, sạn sỏi… san lấp

Lớp bắt gặp tại tất cả 02 vị trí khoan, phân bố từ mặt đất hiện hữu. Độ sâu phân bố của lớp bắt gặp trong các hố khoan như sau: HK1: Phân bố từ 0,0m – 0,6m. Bề dày là 0.6m. HK3: Phân bố từ 0,0m – 0,5m. Bề dày là 0,5m. Bề dày trung bình lớp là 0,55m. Thành phần chủ yếu của lớp là Đất, đá, sạn sỏi… san lấp.

2) Lớp 1: Đất cát sét (SC), nâu vàng, xám trắng, kết cấu rời rạc:

Lớp bắt gặp tại tất cả 03 vị trí khoan, phân bố dưới lớp san lấp tại hố HK1 và HK3 và phân bố từ mặt đất hiện hữu tại HK2. Độ sâu phân bố của lớp bắt gặp trong các hố khoan như sau:

HK1: Phân bố từ 0,6m – 3,0m. Bề dày là 2,4m.

HK2: Phân bố từ 0,0m – 2.5m. Bề dày là 2,5m.

HK3: Phân bố từ 0,5m – 3,0m. Bề dày là 2,5m. Bề dày trung bình lớp là 2,47m

Thành phần chủ yếu của lớp là cát, sét, màu nâu vàng, xám trắng, kết cấu rời rạc Giá trị xuyên tiêu chuẩn N30 thay đổi từ 6 búa đến 7 búa. Giá trị trung bình N30 = 7 búa. Áp lực tính toán quy ước của đất Ro = 234 kPa.

3) Lớp 2: Đất sét ít dẻo (CL), nâu đỏ, nâu vàng, trạng thái dẻo mềm đến dẻo cứng

Lớp bắt gặp tại tất cả 03 vị trí khoan, phân bố dưới lớp 1. Độ sâu phân bố của lớp bắt gặp trong các hố khoan như sau:

HK1: Phân bố từ 3,0m – 12,8m. Bề dày là 9.8m.

HK2: Phân bố từ 2,5m – 6,7m. Bề dày là 4,2m.

HK3: Phân bố từ 3,0m – 9,2m. Bề dày là 6,2m.

Bề dày trung bình lớp là 6,73m. Thành phần chủ yếu của lớp là sét, cát, màu nâu đỏ, nâu vàng, trạng thái dẻo mềm đến dẻo cứng. Giá trị xuyên tiêu chuẩn N30 thay đổi từ 6 búa đến 12 búa. Giá trị trung bình N30 = 8 búa. Áp lực tính toán quy ước của đất Ro = 164 kPa.

4) Lớp 3: Đất cát sét, Đất cát lẫn bụi - sét, (SC)-(SM-SC), đôi chỗ lẫn sạn sỏi Thạch anh, nâu đỏ, nâu vàng, nâu hồng, kết cấu chặt vừa

Lớp bắt gặp tại tất cả 05 vị trí khoan, phân bố dưới lớp (2). Độ sâu phân bố của lớp bắt gặp trong các hố khoan như sau:

HK1: Phân bố từ 12,8m – 17,7m. Bề dày là 4.9m.

HK2: Phân bố từ 6,7m – Chưa xác định đáy lớp do kết thúc khoan tại 30,0m. Bề dày chưa xác định > 23,3m.

HK3: Phân bố từ 9,2m – Chưa xác định đáy lớp do kết thúc khoan tại 30,0m. Bề dày chưa xác định > 20,8m.

Bề dày trung bình chưa xác định > 16,33m

Thành phần chủ yếu của lớp là cát, bụi, sét, đôi chỗ lẫn sạn sỏi Thạch anh, màu nâu đỏ, nâu vàng, nâu hồng, kết cấu chặt vừa. Giá trị xuyên tiêu chuẩn N30 thay đổi từ 12

búa đến 20 búa. Giá trị trung bình N30 = 15 búa. Áp lực tính toán quy ước của đất Ro = 275 kPa.

5) Lớp 4: Đất sét ít dẻo (CL), nâu đỏ, nâu vàng, nâu hồng, trạng thái dẻo mềm đến nửa cứng

Lớp bắt gặp tại hố khoan HK1, phân bố dưới lớp 3. Độ sâu phân bố từ 17,7m – Chưa xác định đáy lớp do kết thúc khoan tại 30.0m. Bề dày chưa xác định > 12,3m. Thành phần chủ yếu của lớp là sét, màu nâu đỏ, nâu vàng, nâu hồng, trạng thái dẻo mềm đến nửa cứng. Giá trị xuyên tiêu chuẩn N30 thay đổi từ 6 búa đến 16 búa. Giá trị trung bình N30 = 10 búa. Áp lực tính toán quy ước của đất Ro = 187 kPa.

Nhìn chung điều kiện địa chất công trình tại khu vực khảo sát thuận lợi cho việc làm nền thiên nhiên để xây dựng công trình mà không cần các xử lý đặc biệt.

2.1.1.3. Điều kiện khí tượng, thủy văn nước mặt

Khu đất dự án nằm trong KCN LONG BÌNH (AMATA), thuộc phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai, có đặc trưng của vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, với những đặc điểm như sau: Trong năm khí hậu được phân thành 2 mùa rõ rệt: Mùa mưa từ tháng 5 ÷ 11, chế độ thời tiết bị chi phối bởi sự thịnh hành của gió mùa Tây Nam, trong mùa này quan trắc được độ ẩm không khí cao. Tháng 11 là thời kỳ chuyển tiếp giữa mùa mưa và mùa khô, tuy mưa vẫn còn nhưng đã giảm đáng kể về lượng và diện. Mùa khô từ tháng 12 ÷ 4 năm sau, chế độ thời tiết chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc với nhiệt độ và lượng mưa ẩm thấp. Khí hậu có tính chất ổn định cao, sự thay đổi giữa các năm nhỏ. Do nằm sâu trong đất liền nên hầu như không có bão lụt hoặc chỉ bị ảnh hưởng nhẹ, không đáng kể.

- ***Nhiệt độ***

Nền nhiệt có nhiệt độ trung bình hàng năm 25^{o}C - 27^{o}C, biên độ nhiệt theo mùa trung bình 8^{o}C – 10^{o}C; nhiệt độ thấp nhất trong năm có nơi có thể xuống đến 16^{o}C - 17^{o}C tập trung vào khoảng từ tháng 12 đến tháng 1 năm sau, nhiệt độ cao nhất có nơi có thể lên đến 40 ÷ 43^{0}C tập trung vào tháng 4 tháng 5.

Độ chênh lệch giữa nhiệt độ trung bình tháng cao nhất và tháng thấp nhất (biên độ năm) của tỉnh dao động từ 3,40^{o}C đến 4,50^{o}C.

Bảng 2.1: Các đặc trưng nhiệt độ không khí tháng, năm từ năm 2019-2023 (°C)

Năm / Tháng	2019	2020	2021	2022	2023
Tháng 1	25,5	25,6	24,3	25,3	25,0
Tháng 2	26,8	25,8	23,9	26,3	26,0
Tháng 3	27,8	25,8	27,4	27,6	26,2
Tháng 4	29,1	28,5	28,0	27,4	28,5
Tháng 5	27,8	29,1	28,1	27,1	27,8
Tháng 6	27,4	26,8	27,1	26,9	27,3
Tháng 7	26,7	26,9	26,7	26,2	26,4
Tháng 8	26,4	26,6	26,8	26	27,2
Tháng 9	26,0	26,5	25,7	25,9	26,5
Tháng 10	26,6	25,6	25,9	26,1	26,8
Tháng 11	25,5	26,1	26,4	26	26,5
Tháng 12	24,5	25,2	25,2	24,6	26,4
Bình quân năm	26,7	26,7	26,3	26,3	26,7

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2023 – Trạm Long Khánh).

- ***Độ ẩm không khí***

Độ ẩm tương đối của không khí trung bình từ 70 - 80%, độ ẩm cao nhất vào mùa mưa khoảng 83 - 91% và thấp nhất 46 - 60% vào mùa khô. Độ ẩm trung bình các tháng trong năm của tỉnh Đồng Nai được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 2.2: Các đặc trưng độ ẩm không khí tháng, năm từ năm 2019-2023 (%)

Tháng \ Năm	2019	2020	2021	2022	2023
Tháng 1	70	71	75	75	76
Tháng 2	68	69	72	73	71
Tháng 3	69	70	71	73	70
Tháng 4	71	71	76	80	75
Tháng 5	81	78	81	86	82
Tháng 6	85	86	85	85	85
Tháng 7	85	86	85	87	89
Tháng 8	88	87	88	88	86
Tháng 9	89	88	89	89	88
Tháng 10	83	91	90	85	87
Tháng 11	83	83	84	86	84
Tháng 12	76	81	79	78	74
Bình quân năm	79	80	81	82	81

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2023 – Trạm Long Khánh).

- ***Chế độ mưa***

Khu vực có chế độ mưa tương đối cao, mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc vào khoảng cuối tháng 11. Hạn chế rõ nét nhất bảng dưới đây: trong chế độ mưa ở đây là thường có những đợt hạn ngắn vào đầu vụ Hè Thu. Lượng mưa nhiều nhất trong năm vào khoảng tháng 7 đến tháng 9, kết hợp với độ ẩm không khí cao. Lượng mưa trung bình hàng năm 2.070,0mm (năm 2023), lượng mưa ngày lớn nhất trong ngày 242mm.

Bảng 2.3: Các đặc trưng lượng mưa tháng, năm từ năm 2019-2023 (mm)

Tháng \ Năm	2019	2020	2021	2022	2023
Tháng 1	2,3	-	-	20,8	36,5
Tháng 2	-	1,4	38,8	48,2	0,7
Tháng 3	-	-	2,9	25,3	-
Tháng 4	22,8	112,2	126,6	172,2	70,4
Tháng 5	277,2	79,1	269,5	272,1	313,4
Tháng 6	240,4	395,5	138,4	283,5	264,0
Tháng 7	227,4	206,5	325,4	225,0	477,5
Tháng 8	260,8	327,3	263,7	342,5	194,5
Tháng 9	323,1	225,5	466,6	328,0	349,9
Tháng 10	173,9	256,7	312,5	126,3	301,3
Tháng 11	89,8	55,6	72,1	104,2	48,9
Tháng 12	-	48,0	16,0	23,2	12,9
Cả năm	1.617,7	1.707,8	2.032,5	1.971,3	2.070,0

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2023 – Trạm Long Khánh)).

- ***Chế độ nắng***

Tại Đồng Nai, số giờ nắng tăng lên trong mùa khô và giảm xuống trong mùa mưa. Số giờ nắng xuất hiện nhiều vào tháng 3, tại các nơi đều đạt từ 236 giờ/tháng trở lên, sang tháng 4 số giờ nắng đã bắt đầu giảm vì xuất hiện các trận mưa trong thời kỳ chuyển tiếp giữa mùa khô và mùa mưa.

Tháng có số giờ nắng ít nhất thường rơi vào tháng 7 và tháng 8. Số ngày nắng dồi dào, tổng số giờ nắng trong năm trung bình có 2.281,3 - 2.564,1 giờ, tức là từ 6 -7 h/ngày. Số giờ nắng trung bình trong mùa khô từ 200 – 260 h/tháng, trong khi mùa mưa từ 158 – 180h/tháng. Số giờ nắng các tháng trong năm của tỉnh Đồng Nai được trình bày trong bảng dưới đây.

Bảng 2.4: Số giờ nắng trung bình tháng, năm từ năm 2009-2013 (Hr)

Tháng \ Năm	2019	2020	2021	2022	2023
Tháng 1	222,5	255,7	201,2	238	168,1
Tháng 2	248,3	248,5	213,2	206,5	211,8
Tháng 3	270,6	335,1	269,5	219,2	260,8
Tháng 4	242,2	233,3	226,6	226,7	219,2
Tháng 5	211,2	235,6	204,3	171,4	192,8
Tháng 6	160,0	176,3	212,1	209,3	203,7
Tháng 7	193,0	203,1	190,4	165,5	158,8
Tháng 8	181,6	195,9	200,2	183,8	212
Tháng 9	151,5	172,3	170,1	149,4	163,4
Tháng 10	238,4	94	136,4	150,9	184,8
Tháng 11	196,7	172,5	144,5	159,2	164,2
Tháng 12	248,1	156,6	191,8	201,4	194,5
Cả năm	2.564,1	2.478,9	2.360,3	2.281,3	2.334,1

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2023 – Trạm Long Khánh).

- ***Chế độ gió:***

Gió là nhân tố quan trọng trong quá trình phát tán và lan truyền chất ô nhiễm trong không khí. Nói chung khi vận tốc gió càng lớn, mức độ phát tán càng tăng nghĩa là chất ô nhiễm lan truyền càng xa và pha loãng càng tốt hơn.

Tốc độ gió có sự thay đổi theo mùa trong năm tại tỉnh thành thuộc vùng Đông Nam Bộ này. Từ cuối tháng 5 đến giữa tháng 9, gió thổi mạnh hơn, tốc độ trung bình khoảng 5,6 km/giờ. Tháng gió thổi mạnh nhất trong năm là tháng 8, bình quân đạt mức 7 km/giờ. Từ giữa tháng 9 đến cuối tháng 5, trời lặng gió hơn. Tháng 10 được xem là tháng êm ả nhất ở Đồng Nai, gió thổi trung bình 4,4km.giờ.

Gió chủ yếu thổi từ hướng Nam từ giữa tháng 2 đến cuối tháng 5 và cuối tháng 9 đến cuối tháng 10. Phần lớn gió thổi từ hướng Tây bắt đầu từ đầu tháng 6 đến cuối tháng 9. Thời gian gió thổi chủ yếu từ hướng Bắc diễn ra từ cuối tháng 10 đến giữa tháng 2 năm sau.

- ***Các hiện tượng thời tiết dị thường***

Khu vực dự án nói riêng và tỉnh Đồng Nai nói chung hầu như không bị ảnh hưởng của thiên tai như: bão, lụt, rất thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

- ***Đặc điểm thủy văn nước mặt***

Chế độ thủy văn của sông Đồng Nai ảnh hưởng trực tiếp đến hệ thống sông rạch trong khu vực. Chế độ thủy văn sông phụ thuộc vào chế độ bán nhật triều không đều của biển Đông. Khi chưa có nhà máy thủy điện Trị An, vào mùa kiệt, lưu lượng xuống còn

50m^3/sec, nước mặn thâm nhập sâu đến trên trạm bơm Hóa An (397 mg/l). Sau khi có nhà máy thủy điện Trị An, biên độ mặn đã bị đẩy lùi về hạ lưu.

Ngoài sông Đồng Nai, trên địa bàn thành phố còn có hệ thống các sông suối, kênh rạch và ao hồ khác như: sông Buông, suối Săn Máu, suối Linh, suối Chùa, rạch Lung, rạch Chạy, rạch Cầu,… chủ yếu tiêu thoát nước trong mùa mưa.

2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Kinh tế của phường rất đa dạng, trong đó ngành công nghiệp và dịch vụ là thế mạnh trong phát triển kinh tế, xong ngành dịch vụ vẫn là nguồn sống của đại bộ phận dân cư trên địa bàn phường.

Tổng diện tích đất tự nhiên là 3.500,12 ha; trong đó có tới 1.667 ha đất an ninh quốc phòng và 621 ha đất công nghiệp tập trung. Diện tích còn lại được sử dụng chủ yếu cho mục đích phi nông nghiệp, diện tích đất nông nghiệp đang có xu thế chuyển đổi sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

2.2. Hiện trạng chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực thực hiện dự án

2.2.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường

Kết quả phân tích và đánh giá chất lượng môi trường hiện trạng khu vực dự án như sau:

a) Nước thải

Để đánh giá hiện trạng nước thải của dự án, báo cáo sử dụng các kết quả giám sát môi trường định kỳ trong năm 2025. Cụ thể như sau:

Ngày lấy mẫu: 19/06/2025 và 24/10/2025

Thời tiết lấy mẫu: Trời nắng, ráo;

Bảng2.5: Hiện trạng chất lượng nước thải

Stt	Vị trí quan trắc	Thời gian quan trắc	Chỉ tiêu quan trắc	Đơn vị	Kết quả quan trắc	Giá trị Tiêu chuẩn tiếp nhận KCN Long Bình (Amata)
1	Nước thải đầu vào	19/06/2025	pH	mg/L	2,57	5-9
2			BOD5	mg/L	3	500
3			COD	mg/L	32	530
4			TSS	mg/L	83	200
5			Crôm VI	mg/L	KPH (MDL=0,005)	0,041
6			Crôm III	mg/L	26,1	0,162
7			Kẽm (Zn)	mg/L	2,99	2,43
8			Niken	mg/L	23,6	0,162
9			Fe	mg/L	10,0	0,81
10			Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (MDL=0,5)	4,05
11			Tổng Coliform	MPN/100 ml	KPH (MDL=2)	KGH
1		24/10/2025	pH	mg/L	6,47	5-9
2			BOD5	mg/L	2	500
3			COD	mg/L	10	530
4			TSS	mg/L	52	200
5			Crôm VI	mg/L	0,658	0,041
6			Crôm III	mg/L	0,905	0,162
7			Kẽm (Zn)	mg/L	KPH (MDL=0,02)	2,43
8			Niken	mg/L	0,122	0,162
9			Fe	mg/L	0,2115	0,81
10			Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (MDL=0,5)	4,05
11			Tổng Coliform	MPN/100 ml	KPH (MDL=2)	KGH
1	Nước thải đầu ra	19/06/2025	pH	mg/L	2,57	5-9

2			BOD5	mg/L	3	500
3			COD	mg/L	32	530
4			TSS	mg/L	83	200
5			Crôm VI	mg/L	KPH (MDL=0,005)	0,041
6			Crôm III	mg/L	26,1	0,162
7			Kẽm (Zn)	mg/L	2,99	2,43
8			Niken	mg/L	23,6	0,162
9			Fe	mg/L	10,0	0,81
10			Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (MDL=0,5)	4,05
11			Tổng Coliform	MPN/100 ml	$7,9x10^2$	KGH
1		24/10/2025	pH	mg/L	6,74	5-9
2			BOD5	mg/L	90	500
3			COD	mg/L	137	530
4			TSS	mg/L	136	200
5			Crôm VI	mg/L	KPH (MDL=0,005)	0,041
6			Crôm III	mg/L	2,49	0,162
7			Kẽm (Zn)	mg/L	0,037	2,43
8			Niken	mg/L	0,996	0,162
9			Fe	mg/L	0,733	0,81
10			Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	0,8	4,05
11			Tổng Coliform	MPN/100 ml	240	KGH

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2025

Nhận xét:

Kết quả phân tích chất lượng nước thải tại điểm đấu nối ra KCN Long Bình (Amata) cho thấy hầu hết các thông số phân tích trong tất cả các đợt quan trắc đều đạt giới hạn tiếp nhận theo quy định của KCN Long Bình (Amata). Tuy nhiên, vẫn còn ba chỉ tiêu vượt ngưỡng giới hạn tiếp nhận, Công ty cam kết thực hiện các biện pháp khắc phục và sẽ báo cáo kết quả cải thiện trong kỳ báo cáo năm 2026.

b) Khí thải

Để đánh giá hiện trạng khí thải của dự án, báo cáo sử dụng các kết quả giám sát môi trường định kỳ trong năm 2025. Cụ thể như sau:

- Thời gian quan trắc
  + Đợt 1: 19/06/2025;
  + Đợt 2: 24/10/2025.
- Tần suất quan trắc: 02 lần/năm
- Vị trí điểm quan trắc:
  + Ống thải sau HTXL xưởng tem
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng QCVN: QCVN 19:2024/BTNMT
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung tâm Công nghệ và Quản lý Môi trường.
- Kết quả:

Bảng2.6: Kết quả quan trắc chất lượng khí thải tại hệ thống xử lý khí thải

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả quan trắc		QCVN 19:2024/BTNMT, Cột B
			Mẫu đợt 1 (19/06/2025)	Mẫu đợt 2 (24/10/2025)	
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	KPH (MDL = 10)	20	≤ 40
2	HCl	mg/Nm^3	KPH (MDL = 10)	KPH (MDL = 2)	≤15
3	H_2SO_4	mg/Nm^3	KPH (MDL = 10)	KPH (MDL = 0,5)	≤30
4	Lưu lượng	m^3/h	5.733	5574	-

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2025

Nhận xét:

Kết quả phân tích chất lượng khí thải cho thấy hầu hết các thông số phân tích trong tất cả các đợt quan trắc đều đạt giới hạn cho phép theo QCVN 19:2024/BTNMT, Cột B.

b) Không khí xung quanh

Để đánh giá hiện trạng môi trường không khí của dự án, đơn vị tư vấn đã phối hợp với đơn vị quan trắc tiến hành lấy mẫu. Cụ thể như sau:

- Thời gian quan trắc: 14/01/2026
- Vị trí điểm quan trắc: Khu vực ngoài trời, giữa 2 xưởng
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng QCVN: QCVN 05:2023/BTNMT
- Kết quả:

Bảng 2.7: kết quả phân tích hiện trạng không khí môi trường làm việc

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				Trung bình 1 giờ(1)
1	Tiếng ồn	dBA	63,2	**70**(2)
2	Rung	dB	31,1	**70**(3)
3	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm^3	125	**300**(4)
4	NO_2	µg/Nm^3	58	**200**(4)
5	SO_2	µg/Nm^3	56	**350**(4)
6	CO	µg/Nm^3	< 9.000	**30.000**(4)

Ghi chú:

(1): Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ.

(2): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường (từ 6 giờ - 21 giờ).

(3): QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Độ rung - Giá trị tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ, khu vực thông thường (từ 6 giờ - 21 giờ).

(4): QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

Nhận xét:

Kết quả phân tích chất lượng khí thải cho thấy hầu hết các thông số phân tích trong tất cả các đợt quan trắc đều đạt giới hạn cho phép.

c) Không khí khu vực sản xuất

Để đánh giá hiện trạng môi trường không khí xung quanh của dự án, đơn vị tư vấn đã phối hợp với đơn vị quan trắc tiến hành lấy mẫu. Cụ thể như sau:

- Thời gian quan trắc: 14/01/2026
- Vị trí điểm quan trắc:
  + Khu vực xưởng 2
  + Khu vực xưởng 4
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng QCVN: Không khí khu vực làm việc
- Kết quả:

Bảng2.8: Kết quả phân tích hiện trạng không khí môi trường làm việc

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN Không khí KVLV
			Khu vực xưởng 2	Khu vực xưởng 4	
1	Bụi toàn phần	mg/m^3	0,152	0,142	8(1)
2	NO_2	mg/m^3	0,064	0,06	10(2)

3	SO_2	mg/m^3	<0,03	0,058	10(2)
4	CO	mg/m^3	< 9	< 9	40(2)
5	Tiếng ồn	dBA	72,4	78,1	85(3)
6	Rung	dB	33,4	40,5	-

Ghi chú: (1): QCVN 02: 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA).

(2): QCVN 03: 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

(3): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

Nhận xét:

Kết quả phân tích chất lượng không khí khu vực sản xuất cho thấy hầu hết các thông số phân tích trong đợt quan trắc đều đạt giới hạn cho phép theo QCVN cho phép.

2.2.2. Hiện trạng đa dạng sinh học

Dự án Dự án nằm trong Khu công nghiệp Amata, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai đã được Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường cấp Phiếu thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1744/MTg ngày 29/7/1995. Vì vậy báo cáo không trình bày về hiện trạng đa dạng sinh học của Khu vực.

2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án

2.3.1. Nhận dạng các đối tượng bị tác động

Các đối tượng bị tác động bởi dự án có thể kế đến như:

Các khu dân cư:

- Khu đô thị Long Bình: Cách KCN Long Bình (Amata) khoảng 2 km, gần khu công nghiệp nên rất thuận tiện cho người lao động di chuyển đi làm.

- Khu dân cư An Bình: Cách KCN Long Bình (Amata) khoảng 4 km (khoảng 10 phút di chuyển). Các khu căn hộ cho thuê: Có rất nhiều khu căn hộ cho thuê xung quanh KCN Long Bình (Amata), cách khoảng 2 – 5 km, phù hợp cho cả chuyên gia và công nhân làm việc tại đây.

Cơ sở hạ tầng thương mại và dịch vụ

- Vincom Plaza Biên Hòa: Cách KCN Long Bình (Amata) khoảng 7 km (khoảng 15 – 20 phút di chuyển).

- Big C Đồng Nai: Cách KCN Long Bình (Amata) khoảng 5 km (khoảng 10 – 15 phút di chuyển).

- Chợ Tân Hiệp: Cách KCN Long Bình (Amata) khoảng 6 km (khoảng 15 phút di chuyển).

- Siêu thị, nhà hàng, quán cà phê: Trong bán kính từ 1 – 3 km xung quanh KCN Long Bình (Amata) có rất nhiều nhà hàng, quán ăn và dịch vụ giải trí đáp ứng nhu cầu của công nhân và chuyên gia.

2.3.2. Nhận dạng yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án

+ Dự án có vị trí tại Lô 104/2-1, KCN Long Bình (Amata), P. Long Bình, Đồng Nai. Dự án thuộc phụ lục II của Nghị định 08/2022/NĐ-CP và nằm trong khu vực nội thành nên là yếu tố nhạy cảm. Tuy nhiên yếu tố nhạy cảm này chúng tôi thấy không giống như các doanh nghiệp khác nằm ngoài KCN. Chúng tôi thấy quan điểm của 1 số nhà quản lý, nhà khoa học và hiện trạng thực tế rất đúng trường hợp như Công ty chúng tôi không cần tính yếu tố nhạy cảm nội thành. Bởi lẽ thực tế là:

+ Nước thải của công ty được xử lý bới hệ thống xử lý nước thải công suất 360 m^3/ngày.đêm của nhà máy; sau đó tiếp tục được đấu nối dẫn về HTXL nước thải tập trung của KCN không xả trực tiếp ra môi trường nên không có yếu tố nhạy cảm.

+ Các xưởng sản xuất được bố trí phù hợp với phân khu chức năng của khu công nghiệp. Dự án nằm trong KCN Long Bình (Amata) Đồng Nai đã hoàn thiện mặt bằng nên không có hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa; không sử dụng đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, rừng tự nhiên, rừng phòng hộ; không di dân tái định cư. Trên khu đất thực hiện dự án không có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

+ Hạ tầng xử lý nước thải của KCN đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy xác nhận hoàn thành các công trình Bảo vệ môi trường

Như vậy, khu vực thực hiện Dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường là Dự án thuộc phụ lục II của Nghị định 08/2022/NĐ-CP và nằm trong khu vực nội thành.

2.4. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án

Dự án được đầu tư xây dựng tại KCN Long Bình (AMATA); KCN đã được cấp các văn bản pháp lý về môi trường bao gồm:

+ Phiếu thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1774/MTg ngày 29/07/1995 của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường đối với Dự án "Công ty liên doanh Phát triển Khu công nghiệp Long Bình hiện đại (Amata) Đồng Nai".

+ Giấy xác nhận hoàn thành các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường số 46/GXNTCMT ngày 11/06/2014 và số 62/GXN-TCMT ngày 08/06/2017 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp.

+ Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 2256/GP-BTNMT năm 2019 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp.

+ Giấy phép môi trường số 356/GPMT-BTNMT ngày 12/9/2024 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp.

2.4.1. Đánh giá sự phù hợp của địa điểm thực hiện Dự án với hiện trạng cơ sở hạ tầng của KCN Long Bình (Amata) Đồng Nai

a. Hiện trạng sử dụng đất của KCN Long Bình (Amata) Đồng Nai.

Đơn vị đầu tư hạ tầng KCN do Công ty CP Đô thị Amata Việt Nam làm chủ tại Phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai.

- Tổng diện tích mặt bằng: 513,01 ha, trong đó:

+ Diện tích đất cho thuê: 364,19 ha

+ Diện tích đất đã cho thuê: 350,71 ha.

+ Diện tích trồng cây xanh của KCN: 69,87 ha, chiếm 13,6 % diện tích.

Hiện nay tại KCN có tổng số 169 dự án đầu tư, trong đó 156 doanh nghiệp đang hoạt động (và Công ty CP Đô thị Amata Việt Nam)

Khoảng cách theo đường bộ từ KCN Long Bình (Amata) đến các thành phố lớn, nhà ga, bến cảng và sân bay quốc tế như sau:

+ Cách ga Sài Gòn 32 Km;

+ Cách cảng Đồng Nai 4 Km, Tân Cảng 26 Km, Cảng Sài Gòn 32 Km, Cảng Phú Mỹ 40 Km;

+ Cách Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất 32 Km.

b. Hệ thống cơ sở hạ tầng

❖ Hệ thống cấp nước

Công ty CP Đô thị Amata Việt Nam phân phối nước trực tiếp đến các doanh nghiệp từ nguồn nước do Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai cung cấp.

❖ Hệ thống cấp điện

Nguồn điện được cấp từ mạng lưới điện quốc gia và được duy trì bởi nguồn điện từ nhà máy điện Amata công suất 20 MVA trong trường hợp mất điện lưới quốc gia.

❖ Hệ thống thoát nước

- Hiện trạng thoát nước mưa: Hệ thống thoát nước mưa và nước thải tách riêng.

+ Thoát ra suối Chùa rồi ra suối Bà Lúa theo địa hình tự nhiên.

+ Hệ thống thoát nước mưa bên ngoài khu vực dự án đã thực hiện hoàn chỉnh. Hệ thống thoát nước mưa KCN Long Bình (Amata) được thiết kế dọc theo các trục đường và nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Đồng Nai.

- Hiện trạng thoát nước thải:

+ Hệ thống thoát nước bẩn chung bên ngoài khu vực dự án đã thực hiện hoàn chỉnh, nhà máy chỉ cần đấu nối vào hệ thống thoát nước chung của KCN và được dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN.

+ Toàn bộ nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN sẽ thoát vào suối Chùa qua suối Bà Lúa rồi ra nguồn tiếp nhận của sông Đồng Nai.

- Công ty đã xây dựng và vận hành 5 trạm xử lý nước thải tập trung: trạm 1 và 2 công suất mỗi trạm là 1.000 m^3/ngày.đêm, trạm 3 công suất 3.000 m^3/ngày.đêm, trạm 4 công suất 2.000 m^3/ngày.đêm, và trạm 5 công suất 5.000 m^3/ngày.đêm để xử lý toàn bộ khối lượng nước thải công nghiệp phát sinh từ KCN.

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung trạm 1 và 2 đã được cải tạo, nâng cấp và chính thức đưa vào hoạt động từ tháng 07/2010. Hệ thống đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai kiểm tra hiệu quả xử lý theo văn bản số 1809/TNMT-CCBVMT ngày 14/6/2010.

+ Hệ thống xử lý nước thải tại trạm 3 với công suất 3.000 m^3/ngày.đêm đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai kiểm tra hiệu quả xử lý theo văn bản số 3215/TNMT-CCBVMT ngày 20/11/2008.

+ Hệ thống xử lý nước thải Trạm 4 với công suất 2.000 m^3/ngày.đêm, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường – Chi cục Bảo vệ Môi trường kiểm tra hiệu quả xử lý và đưa vào vận hành chính thức theo văn bản số 621/STNMT-CCBVMT ngày 27/12/2013.

+ Hệ thống xử lý nước thải Trạm 5 với công suất 5.000 m^3/ngày.đêm, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường – Chi cục Bảo vệ Môi trường kiểm tra hiệu quả xử lý và đưa vào vận hành chính thức theo văn bản số 3979/STNMT-CCBVMT ngày 31/10/2014.

- Hoạt động xả thải của Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Long Bình (Amata) đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 2256/GPBTNMT ngày 4/9/2019.

- Công ty đã được cấp Giấy xác nhận hoàn thành các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường số 46/GXN-TCMT ngày 11/06/2014 và số 62/ GXN-TCMT ngày 8/6/2018 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp.

Do Trạm XLNT số 1 và số 2 đã ngừng hoạt động, Công ty CP Đô thị Amata Việt Nam chỉ hoạt động NMXLNT số 3, số 4 và số 5 với tổng công suất 10.000 m^3/ngày đêm, thực tế vận hành của khu công nghiệp tới đầu năm 2019 với lưu lượng trung bình khoảng 7.000 m^3/ ngày đêm. Công ty CP Đô thị Amata Việt Nam đang tiến hành nâng cấp trạm 3 từ 3000 m^3/ngày.đêm lên 5000 m^3/ngày.đêm, đảm bảo tổng công suất NMXLNT hoạt động với tổng công suất 12.000 m^3/ngày đêm theo giấy phép xả thải đã được cấp. Công ty CP Đô thị Amata Việt Nam đã báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường tại văn bản số 126/CV-Water/Env, ngày 05 tháng 6 năm 2019 gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc nâng cấp trạm xử lý nước thải số 3 tại KCN Long Bình (Amata) và đã nhận được công văn phản hồi của BTNMT số 3073/BTNMT-TCMT ngày 27/06/2019 của BTNMT V/v Nâng cấp nhà máy xử lý nước thải số 03 tại KCN Long Bình (Amata).

Theo nội dung văn bản số 126/CV-Water/Env, ngày 05 tháng 6 năm 2019 gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc nâng cấp trạm xử lý nước thải số 3 tại KCN Long Bình (Amata), trong thời gian cải tạo Công ty sẽ chỉ ngưng hoạt động 01 line của NMXLNT số 3.

Nhằm kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào và đảm bảo hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung, Công ty thường xuyên kiểm tra hệ thống thoát nước thải và nước mưa của các doanh nghiệp với tần suất 2 - 4 lần trong tuần; đối với những doanh nghiệp có nước thải gây ô nhiễm thì thường được kiểm tra liên tục và khi cần thiết sẽ tiến hành thu mẫu nước thải để phân tích.

Định kỳ 02 lần/năm tiến hành thu mẫu nước thải của các doanh nghiệp trong KCN để kiểm tra chất lượng nước thải trước khi đấu nối vào HTXL nước thải tập trung theo chương trình giám sát môi trường.

Hiện tại, hàng ngày công ty kiểm tra các thông số cơ bản như COD, Tổng N, Tổng P, TSS, Amoni đầu vào, đầu ra… để vận hành Nhà máy xử lý nước thải tập trung của

KCN. Hàng tháng, Công ty kiểm tra và phân tíchìmẫu nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

Công ty đã lắp đặt và đưa vào sử dụng hệ thống quan trắc tự động gồm các chỉ tiêu: Lưu lượng, pH, TSS, COD (theo Thông tư 35/2015/BTNMT), và đã thực hiện truyền dữ liệu kết quả quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường theo đúng quy định.

Theo Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của KCN, trung bình trong 6 tháng đầu năm 2022, lượng nước thải bình quân là 6.554m^3/ng. Do đó, hệ thống xử lý nước thải của KCN hoàn toàn có khả năng đáp ứng được khả năng xử lý nước thải cho Dự án sau thay công nghệ sản xuất, sản phẩm sản suất.

❖ Hệ thống thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Đối với Amata:

+ Chất thải rắn nguy hại: Đã có sổ chủ nguồn thải và hợp đồng thu gom với Công ty Cổ phần Cù Lao Xanh để thu gom, vận chuyển và xử lý.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường: ký hợp đồng thu gom với Công ty Cổ phần Cù Lao Xanh để thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Đối với các nhà máy thành viên:

Các nhà máy tự ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý với đơn vị có chức năng trên địa bàn tỉnh và các tỉnh thành lân cận để xử lý chất thải rắn phát sinh trong hoạt động của mỗi nhà máy.

❖ Hệ thống đường giao thông

Đường giao thông nội bộ đã được Công ty CP Đô thị Amata Việt Nam đầu tư xây dựng đạt 90% theo quy định. Dự án nằm trên đường số 12 thuộc KCN Long Bình (Amata), thuận lợi cho công tác lưu thông vận chuyển hàng hóa sau này.

Nhận xét chung: Dự án nằm trong khu công nghiệp Amata, các điều kiện hạ tầng của khu vực bao gồm hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải đã có sẵn, đầy đủ cung cấp cho các nhu cầu của dự án; do vậy thuận lợi rất nhiều trong cho quá trình hoạt động của dự án. Bên cạnh đó, dự án nằm tách biệt so với các khu vực dân cư xung quanh nên các tác động phát sinh từ hoạt động của dự án đến môi trường lân cận cũng được giảm thiểu đáng kể.

2.4.2. Đánh giá sự phù hợp của dự án với điều kiện kinh tế - xã hội khu vực

Nhìn chung, Khu công nghiệp Amata là khu vực đầu tư lý tưởng cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước với hệ thống cơ sở hạ tầng đảm bảo chất lượng và thuận tiện cho hoạt động giao thông cung cấp và vận chuyển hàng hóa trên cả ba loại hình giao thông đường biển; đường bộ và đường không.

Dự án "*Công ty TNHH VP Components (Việt Nam)*" của Công ty TNHH VP Components (Việt Nam) nằm trong khu vực quy hoạch cũng như hệ thống cấp điện, cấp nước tốt, dịch vụ an sinh tốt... đảm bảo đáp ứng nhu cầu của dự án khi đi vào hoạt động.

CHƯƠNG 3. ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Dự án thực hiện tại nhà máy đã xây dựng sẵn tại Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai. Khi thực hiện, dự án sẽ thay đổi công nghệ sản xuất, sản phẩm sản xuất này, các hạng mục công trình chính và công trình phụ trợ hiện tại của Nhà máy không có sự thay đổi, không cải tạo lại nhà xưởng mà chỉ lắp đặt máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất mới vào các vị trí dự kiến của nhà xưởng. Các công việc cần thực hiện trong quá trình triển khai dự án bao gồm:

- Lắp đặt máy móc thiết bị;

- Vận hành ổn định công ty.

Do vậy, báo cáo sẽ đánh giá các tác động và đưa ra biện pháp giảm thiểu trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị và giai đoạn vận hành của Dự án.

3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng và lắp đặt máy móc.

3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động

Trong quá trình này, nhà máy sẽ lắp đặt các máy móc thiết bị phục vụ quá trình sản xuất sản phẩm mới vào các nhà xưởng hiện tại. Quá trình triển khai, bố trí sắp xếp máy móc được thực hiện trong 01 tháng. Tải lượng, mức độ và phạm vi tác động môi trường do chất thải trong giai đoạn này tính toán như sau:

Bảng 3.1: Đánh giá, dự báo tác động của dự án

TT	Nguồn phát sinh	Chất thải phát sinh	Đối tượng bị tác động	Phạm vi, mức độ tác động
I	***Các nguồn tác động liên quan đến chất thải***			
1	Lắp đặt máy móc thiết bị	- Chất thải rắn (vỏthùng hộp, nilôngchứa thiết bị, vỏ dâyđiện,…) - Bụi, khí thải do cácphương tiện vậnchuyển máy móc thiếtbị đến công trình. - Chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt do công nhân lắp đặt máy móc thiết bị. - CTNH từ quá trìnhtra dầu mỡ cho máymóc	Công nhân trên công trường	- Mức độ vừa - Tác động ngắn hạn. - Phạm vi trong khuvực Dự án. - Có thể hạn chế được.
II	***Nguồn tác động không liên quan đến chất thải***			
1	Tiếng ồn, độ rung do vận	Các nhà máy tại 2 bên tuyến đường vận chuyển	Toàn bộ khu vực thực hiện dự án,	Tác động ở mức trung bình, mang

	chuyển máy móc thiết bị		dọc 2 bên tuyến đường vận chuyển và người lao động của các công ty lân cận.	tính tạm thời, diễn ra trong thời gian ngắn, có thể kiểm soát
	Ùn tắc giao thông	Tuyến đường vận chuyển	- Người tham gia giao thong - Các nhà máy tại hai bên tuyến đường vận chuyển và các công nhân viên của công ty lân cận	Tác động ở mức trung bình, mang tính tạm thời, diễn ra trong thời gian ngắn, có thể kiểm soát

Quá trình lắp đặt máy móc thiết bị được thực hiện trong thời gian 01 tháng. Tải lượng, mức độ và phạm vi tác động môi trường do chất thải trong giai đoạn này như sau:

3.1.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động có liên quan đến chất thải

a. Tác động do bụi, khí thải

➢ *Bụi, khí thải do hoạt động của các phương tiện vận chuyển máy móc thiết bị*

- Nguồn phát sinh: từ hoạt động vận chuyển máy móc, thiết bị bổ sung.

- Thành phần: Bụi và khí thải (SO_2, NO_2, CO, VOCs,...)

- Lượng thải: Tải lượng bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận tải vận chuyển vật tư, máy móc, thiết bị:

+ Phương thức vận chuyển: máy móc thiết bị được vận chuyển về cảng Tân Cảng. Sau đó, sử dụng xe container có tải trọng trung bình khoảng 22 tấn để vận chuyển máy móc thiết bị từ cảng về nhà máy. Thời gian vận chuyển tập trung trong 10 ngày.

+ Với số lượng máy móc, thiết bị cần lắp đặt tại dự án, công ty tính toán cần số lượng 15 chuyến xe để vận chuyển, tương đương khoảng từ 2-3 chuyến/ngày.

Cung đường vận chuyển là tuyến đường từ cảng Tân Cảng và đường quốc lộ 1, quốc lộ 51 và đường nội bộ KCN Long Bình (Amata). Toàn bộ tuyến đường vận chuyển đã được bê tông hóa, đường khá rộng, phân thành 2 làn đường rõ rệt, chất lượng đường tốt.

Do số lượng xe vận chuyển ít và chất lượng đường tốt nên hoạt động này phát sinh chất ô nhiễm không đáng kể.

➢ *Tác động của bụi do hoạt động lắp đặt máy móc thiết bị*

Các máy móc, thiết bị sau khi vận chuyển đến nhà xưởng sẽ được các xe nâng điện vận chuyển đến các vị trí cần lắp đặt trong nhà máy. Các xe nâng sử dụng năng lượng điện để vận hành nên hoạt động của xe nâng không làm phát sinh bụi và khí thải.

Các máy móc sử dụng để lắp đặt máy móc, thiết bị của dự án chủ yếu là máy khoan, máy bắt vít, búa tay, máy cắt... các máy móc này sử dụng nhiên liệu là điện. Từ thực tế cho thấy, hầu như không có bụi và khí thải phát sinh từ công đoạn này.

Bên cạnh đó, bụi còn phát sinh do hoạt động cắt các chi tiết phụ để lắp đặt máy móc. Tuy nhiên, lượng bụi phát sinh do hoạt động này nhỏ và bụi có kích thước lớn nên không có khả năng phát tán đi xa mà chỉ ảnh hưởng đến công nhân làm việc trực tiếp tại các vị trí phát sinh.

b. Tác động do nước thải

Trong giai đoạn này, nguồn phát sinh chất ô nhiễm gây ảnh hưởng tới môi trường nước bao gồm: nước thải sinh hoạt và nước mưa chảy tràn trong khu vực dự án cuốn theo cặn bẩn trên sân đường.

+ Nước thải sinh hoạt:

Lượng lao động tập trung thường xuyên tại Nhà máy trong quá trình lắp đặt máy móc thiết bị là 30 lao động.

Theo QCVN01:2021/BXD: "Nước sạch dùng cho sinh hoạt được dự báo dựa theo chuỗi số liệu hiện trạng, mức độ tiện nghi của khu đô thị, điểm dân cư nhưng phải đảm bảo: Tỷ lệ dân số khu vực nội thị được cấp nước là 100% trong giai đoạn dài hạn của quy hoạch; Chỉ tiêu cấp nước sạch dùng cho sinh hoạt của khu vực nội thị đô thị phụ thuộc vào loại đô thị nhưng tối thiểu là 80 lít/người.ngày đêm.

Tại quy chuẩn này chỉ nêu định mức sử dụng nước tối thiểu cho nội thị đô thị. Tuy nhiên, Đồng Nai là đô thị phát triển của cả nước nên định mức sử dụng nước sẽ cao hơn so với định mức nước tối thiểu, ước tính là 200 lit/người.ngày đêm bao gồm các mục đích: nấu ăn, tắm giặt, vệ sinh cá nhân,…

Công nhân hoạt động trong Nhà máy giai đoạn này chủ yếu sử dụng nước với mục đích vệ sinh cá nhân, rửa tay chân nên lượng nước cấp cho cho mỗi công nhân làm việc ước tính là 30% lượng nước cấp cho đô thị là: 200 x 30% = 60 lít/người.ngày = 0,06 m^3/người.ngày.

Như vậy, dự báo lượng nước thải sinh hoạt phát sinh (định mức nước sử dụng 60 lít/người.ngày, nước thải tính bằng 100% lượng nước cấp: 60 lít/người.ngày x 30 người = 1,8 m^3/ngày.

Thành phần nước thải dạng này gồm các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N) và các vi sinh vật, lôi kéo các ký sinh trùng có hại (ruồi, muỗi,...) có thể gây ô nhiễm và lây lan ô nhiễm ra môi trường xung quanh theo nguồn tiếp nhận. Nước thải sinh hoạt của 30 công nhân lắp đặt máy móc, thiết bị sẽ được

thu gom xử lý sơ bộ qua bể phốt hiện có của nhà máy rồi thu gom về HTXL nước thải hiện có của Công ty và đấu nối với trạm xử lý nước thải tập trung của KCN.

Hiện tại nhà máy đã có sẵn các bể tự hoại tổng dung tích 7m^3 để xử lý sơ bộ nước thải. Vì vậy, đây là nguồn ô nhiễm không đáng kể.

+ Nước mưa chảy tràn:

Lượng nước mưa chảy tràn trên khu vực Dự án được tính toán theo phương pháp cường độ giới hạn như sau:

$$Q = q*F*\varphi \ (m^3/s)$$

Trong đó:

Q: Lưu lượng tính toán (m^3/s);

q: Cường độ mưa tính toán (l/s.ha);

F: Diện tích lưu vực thoát nước mưa (30.006 m^2 ≈ 3,0006 ha);

φ: Hệ số dòng chảy, lấy trung bình bằng 0,8

Cường độ mưa tính toán được xác định theo công thức:

$$q = \frac{(20+b)^n * q_{20}(1+ClgP)}{(t+b)^n}$$

Trong đó:

P: Chu kỳ ngập lụt (năm);

q20, b, C, n, t: Đại lượng phụ thuộc đặc điểm khí hậu tại khu vực cơ sở.

(*Tham khảo: Giáo trình thoát nước dân dụng và công nghiệp – Dương Thanh Lượng*)

Đối với một trận mưa tính toán, chu kỳ ngập lụt P= 1; q20= 183,4l/s.ha; b= 21,48; C= 0,25; n= 0,84 thì cường độ mưa là:

$$q = [(20+21,48)^{0,84}\times 183,4\times (1+0,25\times lg1)]/(0,8+21,48)^{0,84} = 309(l/s.ha)$$

Vậy lưu lượng nước mưa ở khu vực dự án là:

$$Q = (309\times 3,006\times 0,8)/1000 \approx 0,74 m^3/s$$

Tải lượng cặn: Trong nước mưa thường chứa lượng lớn các chất bẩn tích luỹ trên bề mặt từ những ngày không mưa. Lượng chất bẩn tích tụ trong một khoảng thời gian được xác định theo công thức:

$$G = Mmax .[1 - exp (-kz.T)]. F (kg)$$

Trong đó:

Mmax: Lượng bụi tích luỹ lớn nhất trong khu vực, 50 kg/ha

k_z : Hệ số động học tích luỹ chất bẩn ở khu vực, kz = 0,4 ng^{-1}

T : Thời gian tích luỹ chất bẩn, T = 15 ngày.

F : Diện tích lưu vực thoát nước mưa: 3,006 ha.

Vậy tải lượng chất ô nhiễm trong nước mưa là:

$$G = 50\times[1 - \exp(- 0,4\times15)] \times3,006 \approx 150 \text{ (kg)}.$$

Như vậy, lượng chất bẩn tích tụ trong khoảng 15 ngày ở khu vực Dự án không lớn, với thành phần chủ yếu là đất, cát. Tuy nhiên, do hạ tầng sân, đường đã được hoàn thiện bởi đơn vị cho thuê nhà xưởng nên nước mưa trong giai đoạn này sẽ cuốn theo đất cát, lá cây,... trên sân đường xuống hệ thống thoát nước nên có thể đánh giá tác động này là không đáng kể.

c. Tác động do chất thải rắn sinh hoạt

Lượng lao động trong quá trình lắp đặt máy móc thiết bị khoảng 30 người là những chuyên gia của đơn vị cung cấp máy móc thiết bị và kỹ sư điện, kỹ sư máy của công ty.

Lượng chất thải rắn sinh hoạt được ước tính theo số lao động của Nhà máy với mức thải trung bình 1,3 kg/người/ngày (Định mức thải tính bằng 1/3 theo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng). Tuy nhiên, mỗi công nhân chỉ làm việc 1 ca/ngày (tương đương 8h/ngày). Vậy lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh cho 1 người trong 1 ca là (1,3 x 8)/24 = 0,43 kg/người/ca. Vậy, lượng rác thải sinh hoạt phát sinh tại công trường là: 30 người × 0,43 kg/người/ca = 12,9 kg/ngày.

Rác thải sinh hoạt có thành phần gồm nhiều chất khó phân hủy (túi nilon, vỏ chai,…) và chất hữu cơ dễ phân hủy gây ra mùi hôi thối (thực phẩm thừa, giấy,…) là môi trường tốt cho các loài gây bệnh như ruồi, muỗi, chuột, gián,... qua các trung gian có thể gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Chất thải rắn sinh hoạt nếu không được thu gom tốt sẽ cuốn theo nước mưa làm đường ống dẫn nước bị tắc nghẽn, gây ngập úng cục bộ, làm mất mỹ quan, gây mùi hôi thối,... ảnh hưởng đến môi trường đất, nước và không khí của khu vực. Các chất thải này được chủ đầu tư thuê đơn vị có chức năng thu gom và đem đi xử lý hàng ngày.

d. Tác động do chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn do hoạt động quét dọn nhà xưởng, lắp đặt máy móc, thiết bị

Các chất thải phát sinh từ quá trình quét dọn nhà xưởng, lắp đặt máy móc, thiết bị chủ yếu là thùng carton, bao bì đựng hàng hóa, miếng xốp, dây buộc hàng, bụi rác do quét dọn nhà xưởng... Tham khảo số liệu từ quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị tại các công ty lân cận, lượng chất thải trong quá trình lắp đặt máy móc thiết bị ước tính là 500kg trong cả quá trình. Các chất thải rắn này sẽ được phân loại ngay tại nguồn và tập trung tại vị trí chứa rác thải của Công ty để thu gom, xử lý.

e. Tác động do chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình này chủ yếu là giẻ lau dính dầu (mã số 18 02 01), vỏ hộp dầu (mã số 18 01 03). Tham khảo số liệu từ quá trình lắp đặt máy móc

thiết bị tại các nhà máy lân cận, lượng chất thải trong quá trình lắp đặt máy móc thiết bị ước tính là 25kg trong suốt quá trình lắp đặt máy móc thiết bị.

Chất thải nguy hại phát sinh tại khu vực trên nếu không được thu gom thường xuyên, chúng sẽ trở thành yếu tố gây ô nhiễm môi trường đất, nước và không khí. Tác động này cần kiểm soát, có biện pháp giảm thiểu và các loại chất thải này yêu cầu cần được xử lý theo đúng các nghị định và thông tư của nhà nước quy định.

3.1.1.2. Nguồn gây tác động không liên quan tới chất thải

✓ Tiếng ồn

Trong giai đoạn này tiếng ồn chủ yếu phát sinh do hoạt động lắp đặt máy móc thiết bị, hoạt động cắt các chi tiết phụ.

Tham khảo đo tiếng ồn tại một số công trình, mức độ gây ồn của một số loại máy được liệt kê trong bảng sau:

Bảng 3.2. Nguồn phát sinh và mức độ ảnh hưởng của tiếng ồn tại điểm cách nguồn gây ồn 1,5m

Stt	**Nguồn gây ồn**	**Mức độ ồn cách nguồn 1m (dBA)**	**Mức ồn cách nguồn 20m (dBA)**	**Mức ồn cách nguồn 50m (dBA)**
1	Máy cắt tôn	81	56,6	49,1
2	Máy hàn	76,5	53,5	46,4
3	Máy khoan	81,5	57,0	49,5
4	Máy cắt uốn cốt thép	80,5	56,3	48,8
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn		**70 dBA**		
QCVN 24:2016/BYT (thời gian tiếp xúc là 8 giờ)		**≤85 dBA**		

Nguồn: (Bolt et al.,1971,1987); Western Highway Institute,1971);(WSDOT,1991);(LSA Associates, 2002)

Từ bảng trên cho thấy: So với tiêu chuẩn môi trường không khí xung quanh, ở vị trí cách nguồn gây ồn 1 m, các nguồn gây ồn đều vượt trong giới hạn cho phép. Tuy nhiên, khối lượng lắp đặt máy móc ít, chủ yếu trong nhà xưởng kín và các máy móc không hoạt động đồng thời nên tiếng ồn chỉ ảnh hưởng tới người lao động trực tiếp tại công trường.

Mức ồn tối đa do hoạt động của các máy móc thiết bị tại vị trí cách nguồn 20m nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 24/2016/BYT. Tác động này chỉ kéo dài trong khoảng thời gian thi công. Chủ dự án sẽ trang bị bảo hộ lao động cho công nhân để làm giảm tác động của tiếng ồn tới sức khỏe của công nhân.

Tác hại của tiếng ồn:

- Mức ồn 50dBA: làm suy giảm hiệu suất làm việc nhất là đối với lao động trí óc.
- Mức ồn 70dBA: làm tăng nhịp thở và nhịp đập của tim, tăng nhiệt độ cơ thể.
- Mức ồn 90dBA: gây mệt mỏi, mất ngủ, ảnh hưởng đến thính giác và hệ thần kinh.
- Tuy nhiên thời gian và tần suất sử dụng thiết bị này trong quá trình thi công không thường xuyên và liên tục. Do đó sự ảnh hưởng từ tiếng ồn không nhiều.
- Hơn nữa, vị trí dự án nằm trong Khu công nghiệp, hiện nay xung quanh dự án chủ yếu là giáp ranh đường giao thông KCN và các Nhà máy sản xuất khác nằm trong KCN, không giáp ranh các khu dân cư xung quanh. Do đó, tác động này chủ yếu chỉ tác động trực tiếp đến công nhân thi công xây dựng và các Nhà máy sản xuất liền kề. Vì vậy, chúng tôi sẽ thực hiện một số biện pháp nhằm giảm thiểu tiếng ồn được trình bày cụ thể trong báo cáo này.

✓ ***Ảnh hưởng tới giao thông***

Số phương tiện giao thông dự báo gia tăng trong thời gian lắp đặt máy móc thiết bị là 2 lượt xe/h. Do lưu lượng giao thông tại khu vực khá lớn nên khi có thêm số lượng xe vận chuyển máy móc thiết bị của Dự án sẽ càng làm tăng thêm lưu lượng xe tại khu vực. Do vậy, chủ dự án sẽ có phương án bố trí xe vận chuyển hợp lý để giảm thiểu các ảnh hưởng này.

✓ ***Ảnh hưởng đến an ninh trật tự khu vực:***

Do sự khác nhau về điều kiện sống, tập quán sinh hoạt giữa các công nhân tham gia thi công lắp đặt máy móc, thiết bị và công nhân khu vực xung quanh dễ dẫn đến các bất đồng, tranh cãi gây mất an ninh trật tự khu vực. Do đó hạn chế công nhân xây dựng ở qua đêm tại công trình.

✓ ***Ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng***

Quá trình lắp đặt máy móc thiết bị sẽ làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân do các yếu tố: Khí thải, nước thải, chất thải rắn, CTNH. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng này là không đáng lo ngại bởi các lý do sau:

–Dự án nằm trong KCN, được tách biệt riêng với khu dân cư

–Tiếng ồn có gây ảnh hưởng nhưng mức độ không cao.

–Rác thải từ quá trình sinh hoạt của công nhân được chủ đầu tư cho người thu gom và hợp đồng với đội thu gom rác của khu vực đến thu gom, đưa đi xử lý đúng nơi quy định nên không gây mất vệ sinh môi trường khu vực.

–Trong giai đoạn này sẽ sử dụng các nhà vệ sinh hiện hữu tại các xưởng của nhà máy. Do đó công nhân đi vệ sinh có nhà vệ sinh nên không mất vệ sinh và mỹ quan khu vực.

3.1.1.3. Tác động do các rủi ro, sự cố trong quá trình lắp đặt máy móc thiết bị

✓ ***Sự cố tai nạn lao động***

Công nhân làm việc trong quá trình này trong điều kiện thủ công hay cơ giới sẽ thường xuyên tiếp xúc với nhiều loại thiết bị công suất lớn, môi trường làm việc có gia tăng nồng độ bụi, khí thải và có thể gây ảnh hưởng đến sức khỏe, năng suất làm việc. Các loại tai nạn thường gặp là:

- Tai nạn xảy ra khi làm việc với các loại thiết bị bốc dỡ, các loại vật liệu chất đống cao có thể rơi, vỡ,…

- Tai nạn lao động từ khi sử dụng các thiết bị điện như điện giật do thiết bị hở điện, chập cháy dây dẫn điện hoặc các thiết bị điện chập gây cháy nổ …

- Trượt, ngã khi thi công trên cao.

✓ ***Sự cố cháy nổ***

Sự cố cháy nổ có thể xảy ra trong trường hợp vận chuyển và tồn chứa nhiên liệu, hoặc do sự thiếu an toàn về hệ thống cấp điện tạm thời, gây nên các thiệt hại về người và của trong quá trình thi công. Có thể xác định các nguyên nhân cụ thể như sau:

- Các kho chứa nguyên nhiên liệu tạm thời phục vụ cho lắp đặt máy móc thiết bị là các nguồn có thể gây cháy nổ. Khi sự cố xảy ra có thể gây ra thiệt hại nghiêm trọng về người, kinh tế và môi trường.

- Hệ thống cấp điện tạm thời cho các máy móc, thiết bị thi công hoặc máy móc sử dụng điện có thể quá tải, chập điện gây cháy nổ,… gây thiệt hại về kinh tế hay tai nạn lao động cho công nhân.

✓ ***Sự cố tai nạn giao thông***

Khi lắp đặt máy móc thiết bị, số phương tiện giao thông tăng thêm 2 lượt xe/giờ và tập trung trong khoảng 10 ngày. Như vậy, nguy cơ gây tai nạn giao thông là không lớn. Tuy nhiên sự cố này vẫn có khả năng xả ra. Nguyên nhân gây ra tai nạn có thể là:

- Do lái xe không chấp hành luật giao thông, thiếu kiến thức cũng như kỹ năng khi tham gia giao thông, xử lý tình huống bất ngờ. Đặc biệt lái xe trong thời điểm tập trung nhiều phương tiện (thời điểm tan ca, bắt đầu vào giờ làm việc).

- Tham gia giao thông trong điều kiện thời tiết xấu (mưa lớn, gió bão, lũ lụt,..) làm giảm tầm nhìn, cản trở giao thông.

- Sử dụng phương tiện không đảm bảo an toàn, không đúng quy định khi tham gia giao thông.

Do đó, nhà máy sẽ có các biện pháp để giảm thiểu sự cố này.

✓ ***Sự cố do dịch bệnh***

Do khí hậu thường xuyên thay đổi cùng với độ ẩm lớn nên khả năng xảy ra dịch bệnh là khá lớn. Các dịch bệnh thường xuất hiện theo mùa như bệnh sởi, quai bị, đậu mùa, sốt vi rút, lao... đặc biệt trong những năm trở lại đây. Dịch bệnh xuất hiện làm ảnh

hưởng đến sức khỏe của công nhân. Dự án tiến hành lắp đặt máy móc thiết bị trong khoảng thời gian là 1 tháng, thời gian diễn ra không quá dài tuy nhiên nhà máy sẽ đặc biệt chú ý đến vấn đề vệ sinh, an toàn lao động để hạn chết tối đa tác động này.

3.1.2. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của Dự án trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị

Hoạt động lắp đặt máy móc thiết bị của dự án dự kiến diễn ra trong thời gian ngắn (1 tháng) với số người tham gia lắp đặt ít (30 người). Theo đánh giá ở trên, các tác động đến môi trường nước, không khí tại giai đoạn này là tương đối thấp. Tuy nhiên các hoạt động lắp đặt máy sẽ gây ra các tác động đến môi trường, an toàn lao động và sức khỏe của công nhân. Để hạn chế những tác động từ hoạt động này, Chủ dự án cam kết thực hiện tốt các biện pháp đề ra dưới đây trong quá trình lắp đặt máy móc nhằm giảm thiểu tối đa các ảnh hưởng tới môi trường và người lao động.

3.1.2.1. Các biện pháp quản lý

- Bố trí thời gian lắp đặt máy móc thiết bị hợp lý về kỹ thuật, tiến độ, có chú ý tới giảm thiểu tác động môi trường như thời gian vận chuyển, tập kết máy móc thiết bị, thời gian vận hành các thiết bị có mức ồn cao,... nhằm hạn chế tối đa ô nhiễm bụi, khí thải và tiếng ồn.

- Lên kế hoạch lắp đặt máy móc thiết bị hợp lý, đảm bảo các yêu cầu về giao thông và an toàn lao động.

- Thông báo các nội dung về bảo vệ môi trường Dự án cho các bên liên quan:Nhà thầu cung cấp máy móc cho nhà máy.

- Bố trí hợp lý thời gian vận chuyển máy móc thiết bị và chất thải ra vào khu vực Dự án hợp lý, tránh giờ cao điểm.

- Trang bị bảo hộ lao động (khẩu trang, mũ bảo hộ, găng tay…) phù hợp với từng vị trí làm việc của công nhân trong giai đoạn này.

- Thành lập tổ công tác an toàn lao động và bảo vệ môi trường, có nhiệm vụ đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nội quy về vệ sinh môi trường; kiểm soát việc thu gom chất thải, hệ thống xử lý chất thải và thoát nước mặt, xử lý bụi, thu gom rác công nghiệp tại khu vực nhà xưởng.

3.1.2.2. Các biện pháp kỹ thuật

➢ *Nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải*

- Chất thải rắn sinh hoạt: tất cả chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được thu gom và tập kết vào thùng chứa có nắp đậy và hợp đồng với Công ty cổ phần dịch vụ Sonadezi để thu gom, xử lý.

- Chất thải rắn do hoạt động lắp đặt máy móc thiết bị sẽ được phân loại tại nguồn. Đối với các loại chất thải có thể tái sử dụng như thùng carton, vỏ kiện chứa các thiết bị, máy móc, xốp chèn hàng, dây buộc,… ký hợp đồng chuyển giao với Công ty cổ phần

dịch vụ Sonadezi hoặc đơn vị có chức năng theo quy định; Đối với chất thải không còn giá trị thương mại được chuyển giao cho đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý.

- Bụi, khí thải:

+ Không sử dụng các phương tiện cũ, hết hạn đăng kiểm;

+ Tập kết máy móc, thiết bị đúng nơi quy định, không gây ảnh hưởng đến giao thông hoặc đến cơ sở sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp;

- Nước thải sinh hoạt của công nhân lắp đặt máy móc thiết bị: được thu gom vào bể tự hoại đã được xây dựng sẵn của Nhà máy để xử lý sơ bộ trước khi thoát ra trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Amata.

- Nước mưa:

+ Khu vực thực hiện dự án đã xây dựng hệ thống thoát nước mưa hoàn chỉnh, nước mưa phát sinh được thu gom về hệ thống cống D300-D800 bao quanh công trình rồi dẫn vào hệ thống thoát nước mặt của KCN.

+ Trên hệ thống cống thoát nước mưa có bố trí hố ga để lắng đọng bùn đất trước khi thoát vào hệ thống thoát nước của khu công nghiệp;

+ Trong quá trình lắp đặt máy móc, các chất thải rắn và chất thải nguy hại sẽ được thu gom ngay tại nguồn và lưu giữ tại kho chứa chất thải, tránh gây bị rơi vãi gây ô nhiễm nguồn nước mặt khu vực;

- Chất thải nguy hại: Bố trí thùng chứa có dung tích phù hợp để chứa các loại chất thải nguy hại cơ bản trong quá trình lắp đặt máy móc thiết bị như giẻ lau dính dầu, hộp đựng dầu,... sau mỗi ngày làm việc đơn vị thi công sẽ thu gom chất thải nguy hại vào kho chứa CTNH hiện có của Nhà máy và hợp đồng với Công ty Cổ phần Cù Lao Xanh là đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý .

➢ *Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải*

- Có kế hoạch tổ chức sắp xếp thời gian hợp lý, điều tiết lượng phương tiện vận chuyển để hạn chế cộng hưởng tiếng ồn.

- Đối với phương tiện giao thông vận tải chở máy móc, tránh hoạt động vào giờ cao điểm, hạn chế ùn tắc giao thông

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động phù hợp cho cán bộ nhân viên để chống ô nhiễm và đảm bảo an toàn lao động.

3.1.2.3. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị

- Có quy định cụ thể về phòng chống cháy nổ;

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cũng như các thiết bị an toàn trong quá trình thi công lắp đặt máy móc.

- Quản lý máy móc, thiết bị trong quá trình lắp đặt, hệ thống điện an toàn, có dấu hiệu cảnh báo chất dễ cháy;

- Để phòng ngừa rủi ro tai nạn lao động trong quá trình lắp đặt máy móc thiết bị:

+ Sử dụng công nhân lành nghề, trang bị đầy đủ dụng cụ lao động, phương tiện và bảo hộ lao động phù hợp.

+ Tổ chức phổ biến và dự báo trước các tai nạn có thể xảy ra, các nội quy, quy định khi làm việc tại dự án không để xảy ra tai nạn lao động trên khu vực nhà xưởng trong suốt thời gian lắp đặt máy móc thiết bị cho dự án.

+ Tổ chức tổ cứu thương thường trực tại nhà xưởng để sơ cứu các trường hợp tai nạn lao động và vận chuyển tới bệnh viện khi cần thiết.

- Phòng ngừa sự cố cháy nổ: lên các phương án phòng cháy chữa cháy trong quá trình lắp đặt máy móc thiết bị.

- Đảm bảo hệ thống thông tin liên lạc với các phương án dự phòng khi có sự cố lớn.

- Sử dụng phương tiện đạt tiêu chuẩn lưu hành, không chở quá tải trọng cho phép, lái xe có kinh nghiệm xử lý các tình huống xảy ra trong quá trình vận chuyển.

Không chở máy móc trong ngày có mưa bão hoặc thời tiết xấu. Tránh vận chuyển vào giờ cao điểm (giờ đi làm, giờ tan ca).

- Thường xuyên kiểm tra sức khỏe, lập hồ sơ khai báo y tế hàng ngày cho cán bộ, người lao động trong cả quá trình lắp đặt máy móc thiết bị; Tuân thủ theo đúng hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội về thời gian làm việc, các chế độ bồi dưỡng để nâng cao sức khỏe và sức đề kháng cho người lao động từ đó hạn chế được việc nhiễm các dịch bệnh; Khuyến khích các lao động bị mắc các bệnh truyền nhiễm điều trị ở nhà hoặc các cơ sở y tế đảm bảo khỏi bệnh mới đi làm trở lại để tránh lây nhiễm cho các lao động khác. Tuân thủ theo đúng hướng dẫn của Bộ y tế về việc phòng chống dịch bệnh.

3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành

3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động

3.2.1.1. Nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải

a) Bụi – Khí thải

Nguồn phát sinh và tải lượng bụi, khí thải trong quá trình hoạt động của nhà máy như sau:

- *Bụi, khí thải do hoạt động của các phương tiện giao thông của cán bộ nhân viên trong Công ty và phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu*

Nguồn phát sinh bụi, khí thải trên đường giao thông nội bộ của Nhà máy chủ yếu từ hoạt động của phương tiện đi lại của cán bộ nhân viên của Nhà máy và xe vận chuyển

nguyên vật liệu, thành phẩm. Thành phần của khí thải gồm: CO, SO, NO_x, bụi, muội khói,…

- Lượng nguyên vật liệu và sản phẩm cần vận chuyển là:

+ Tổng lượng nguyên vật liệu đầu vào và nguyên liệu đóng gói của nhà máy là: 20.375 tấn/năm;

+ Tổng lượng sản phẩm đầu ra của cả nhà máy là 15.673 tấn/năm;

=> Tổng lượng nguyên vật liệu, sản phẩm của nhà máy là 20.375+ 15.673 = 36.048 tấn/năm.

Dự án sử dụng xe container 20ft để vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm, lượng hàng hóa tối đa chuyên chở trong 1 chuyến là 22 tấn. Thời gian vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm chỉ tập trung khoảng 3 ngày/tuần tức là 156 ngày/năm.

=> Tổng số xe cần để vận chuyển là 1.639 chuyến/năm ~ 11 chuyến xe/ngày. Như vậy, số lượng xe ra vào nhà máy lớn nhất là 8 lượt xe/giờ.

Quãng đường di chuyển của xe vận chuyển nguyên vật liệu trung bình là 3km (quãng đường nội bộ của KCN).

Vậy, tổng quãng đường xe di chuyển trong 1 giờ là: 8 x 3 = 24km.

- Phương tiện giao thông của cán bộ công nhân trong Nhà máy:

+ Ước tính số lượng ô tô lớn nhất ra vào Công ty tại thời điểm nhất định là 5 xe.

+ Toàn bộ Nhà máy có 1.200 cán bộ nhân viên và làm việc 2 ca/ngày. Như vậy, số lượng xe tập trung lớn nhất tại 1 thời điểm là 600 xe/giờ

➡ Lưu lượng xe lớn nhất trong 1 giờ ra vào khu vực Nhà máy là 600 xe máy và 5 xe ô tô.

+ Quãng đường di chuyển của các phương tiện giao thông của cán bộ công nhân tính trung bình là 3km (quãng đường nội bộ của KCN), vậy:

• Tổng số quãng đường xe máy di chuyển là: 600 * 3km = 1.800km.

• Tổng số quãng đường ô tô di chuyển là: 5 * 3km = 15 km.

Theo tổ chức Y tế Thế giới (WHO), hệ số phát thải của các loại xe cho trong bảng sau:

Bảng 3.3 Hệ số ô nhiễm không khí đối với các loại xe

Các loại xe	Đơn vị (U)	TSP (kg/U)	SO_2 (kg/U)	NO_x (kg/U)	CO (kg/U)	VOC (kg/U)
- Xe tải lớn (động cơ > 16 tấn)	1000 km	1,6	7,26.S	18,2	7,3	5,8
- Xe ô tô	1000 km	0,07	2,05.S	1,13	6,46	0,6
- Xe máy (động cơ >50cc, 4 kỳ)	1000 km	-	0,76.S	0,3	20	3

(Nguồn: Bảng 5.12- trang 182 theo Môi trường không khí của GS.TS Phạm Ngọc Đăng. Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật năm 1997).

S: Hàm lượng lưu huỳnh trong nhiên liệu, S = 0,05%

Lượng phát thải ô nhiễm của các phương tiện giao thông trong khu vực dự án được cho trong bảng sau.

Bảng 3.4. Tải lượng phát thải ô nhiễm của các phương tiện giao thông

Các loại xe	**Khoảng cách di chuyển (km)**	**TSP (kg/U)**	**SO_2 (kg/U)**	**NO_x (kg/U)**	**CO (kg/U)**	**VOC (kg/U)**
1. Xe tải lớn (động cơ > 16 tấn)						
Hệ số ô nhiễm trung bình	1000	1,6	0,00363	18,2	7,3	5,8
Tải lượng ô nhiễm	24	0,0144	0,00003	0,1638	0,0657	0,0522
2. Xe ô tô và xe con						
Hệ số ô nhiễm trung bình	1000	0,07	0,00103	1,13	6,46	0,6
Tải lượng ô nhiễm	15	0,0011	0,0000	0,0170	0,0969	0,0090
3. Xe máy:						
Hệ số ô nhiễm trung bình	1000	-	0,00038	0,3	20	3
Tải lượng ô nhiễm	450	-	0,00022	0,16676	11,11765	1,6676
Tổng tải lượng phát thải		**0,0155**	**0,00025**	**0,34756**	**11,28025**	**1,7288**

Tải lượng, nồng độ bụi và các chất ô nhiễm được tính toán theo mô hình khuếch tán nguồn đường như sau:

$$C = 0{,}8E\frac{\left\{exp\left[\frac{-(z+h)^2}{2\partial_z^2}\right]+exp\left[\frac{-(z-h)^2}{2\partial_z^2}\right]\right.}{\partial_z\, u}$$ (* Công thức Sutton)

Nguồn: Theo Môi trường không khí – Phạm Ngọc Đăng. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật).

Trong đó:

$\partial_z = 0{,}53\ x^{0,73}$ là hệ số khuếch tán của khí quyển theo phương thẳng đứng

C: Nồng độ chất ô nhiễm trong không khí (mg/m^3);

E: Lưu lượng nguồn thải (mg/m.s);

z: độ cao điểm tính (m);

u: tốc độ gió trung bình thổi vuông góc với nguồn đường (m/s); u = 3,5m/s (lấy vận tốc gió trung bình tại Đồng Nai).

h: độ cao của mặt đường so với mặt đất xung quanh (m); h = 0,3m.

Độ cao điểm tính được lấy là độ cao con người chịu tác động trực tiếp của bụi, khí thải chưa bị khí quyển pha loãng; *x* là khoảng cách (tọa độ) của điểm tính so với nguồn

thải, tính theo chiều gió thổi. Để đơn giản cho việc tính toán, ta lấy biến thiên mỗi khoảng tọa độ ngang và tọa độ thẳng đứng là như nhau hay *x*= z =1,5 m.

Thay các thông số vào công thức trên ta tính toán được nồng độ của các khí thải phát sinh do hoạt động giao thông của Nhà máy như sau:

Bảng 3.5. Nồng độ khí - bụi do hoạt động giao thông của Nhà máy

STT	Chỉ tiêu	Tải lượng E (mg/m.s)	Nồng độ tính toán (mg/m^3)	QCVN 05:2023/BTNMT (mg/m^3)
1	Khí CO	1,44517	1,53300	**30**
2	Khí SO_2	0,00004	0,00003	**0,35**
3	Khí NO_x	0,07121	0,03612	**0,2**
4	Bụi	0,00429	0,00145	**0,3**
5	HC	0,22700	0,18050	**5***

(*) QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

Dựa vào bảng kết quả trên ta thấy, tất cả các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép. Do đó, hoạt động giao thông nội bộ trong Công ty tác động đến môi trường không khí trong mức độ chấp nhận được.

- **Bụi, khí thải do hoạt động sản xuất**
  - ***Bụi kim loại từ hoạt động gia công cơ khí***

Trong quá trình gia công tạo hình các chi tiết kim loại, các hoạt động gia công thô như dập, khoan hay công đoạn gia công tinh tạo bề mặt trước khi mạ bằng phương pháp cơ học như mài, đánh bóng sẽ phát sinh bụi kim loại như bụi Fe, Zn, Cu, CrO_3… Bụi kim loại có tỷ trọng cao vì không thể phát tán đi xa được, khả năng ô nhiễm thấp. Quá trình mài tại dự án sử dụng phương pháp mài rung với hạt mài và nước do đó quá trình này hầu như không phát sinh bụi. Bên cạnh đó, các sản phẩm của dự án là các logo (tem) với kích thước nhỏ, quá trình thao tác đánh bóng mỗi sản phẩm riêng biệt nên lượng bụi kim loại phát sinh là không đáng kể.

Tuy khối lượng phát sinh được đánh giá là thấp nhưng bụi kim loại có cơ chế tích lũy, đi sâu vào phổi gây bệnh bụi phổi, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe con người, ngoài ra còn có thể gây viêm da, tổn thương niêm mạc mũi, họng… Đối tượng chịu tác động chủ yếu là công nhân trực tiếp tham gia sản xuất tại khu vực. Khi đi vào hoạt động, Chủ dự án cũng sẽ có những biện pháp để giảm thiểu đến mức thấp nhất tác động từ bụi kim loại đến người lao động. Theo chương trình Nghiên cứu sản xuất cơ khí quốc gia Mỹ thì số lượng bụi thải ra môi trường sẽ phụ thuộc vào phương pháp làm sạch khác nhau, cụ thể như sau:

Bảng 3.6: Nồng độ bụi phát sinh từ quá trình gia công kim loại.

TT	Phương pháp gia công làm sạch bề mặt kim loại	Nồng độ không khí (µg/m^3)
1	Gia công làm sạch trong buồng hở	13.439
2	Gia công làm sạch trong buồng kín	3.015
3	Gia công làm sạch bằng dụng cụ cầm tay	680
4	Phun rửa nước áp lực thấp	5
5	Phun nước siêu cao áp	8

(Nguồn: Nghiên cứu sản xuất cơ khí quốc gia Mỹ, 1999)

Dự án sử dụng phương pháp làm sạch bằng dụng cụ máy mài nên tải lượng bụi phát sinh là 680 µg/m^3; vượt 2,2 lần so với QCVN 02:2019/BYT (C = 300 µg/m^3). Quá trình cắt dập kim loại chủ yếu phát sinh bavia kim loại, các mạt kim loại, một số ít bụi từ quá trình mài biên. Tuy nhiên, đặc điểm của bụi kim loại là có tỷ trọng lớn, dễ sa lắng, khó phát tán lở lửng trong không khí nên tác động ở công đoạn này tương đối thấp. Tuy nhiên, để hạn chế tác động từ quá trình này, Chủ dự án sẽ có các phương án bố trí biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường và sức khỏe người lao động.

❖ ***Hơi axit (H_2SO_4) từ quá trình làm sạch bề mặt sau công đoạn tẩy dầu và xi mạ***

Quá trình sản xuất của dự án có sử dụng axit H_2SO_4 (98%) pha loãng 5% để phục vụ cho các công đoạn sau: Quá trình hoạt hóa - xử lý bề mặt nhằm làm sạch bề mặt kim loại sau tẩy dầu, sau điện giải và sau mạ niken của quy trình công nghệ gia công xử lý bề mặt kim loại. Hơi axit H_2SO_4 bay hơi phát tán vào môi trường không khí do axit H_2SO_4 tự có khả năng bay hơi qua bề mặt thoáng của bể làm sạch và xi mạ.

Để đánh giá tác động của hơi axit từ quá trình tẩy rửa bề mặt phát tán vào môi trường không khí đến môi trường và sức khỏe người lao động, có thể tính toán hơi axit (H_2SO_4) bay hơi. Theo tài liệu "Estimating Release and Waste Treatment Efficiencies for the Toxic Chemical Release Inventory Form ", EPA - 560-008-002, Trang 122- 123, Cục Bảo vệ môi trường Mỹ thì lượng H_2SO_4 phát sinh từ quá trình xử lý bề mặt được tính toán theo công thức sau:

$$Q = \frac{MxAxPxKx3600}{RxT} \qquad \textbf{(1)}$$

Trong đó:

Q: Lượng hóa chất bay hơi (g/h);

M: Khối lượng mol của hóa chất (g/mol);

A: Diện tích mặt tiếp xúc của hóa chất với môi trường không khí (m^2);

P: Áp suất bão hòa của hóa chất (P H_2SO_4 98% = 0,0000039 atm);

K: Hệ số chuyển khí (K H_2SO_4 98% = 0,00106 m/s)

R: Hằng số khí = 8,314 J/K.mol = 0,00008205 m^3 .atm/K.mol

T: Nhiệt độ dung dịch hóa chất

Áp dụng vào điều kiện thực tế tại dự án thì lượng hơi axit H_2SO_4 phát sinh như sau:

M: Khối lượng mol của H_2SO_4 là 98,078 g/mol;

A: Nhà máy sử dụng các bể với tổng diện tích mặt tiếp xúc là 32 m^2

T: Nhiệt độ của bể tẩy axit là 28^oC = 301,15^oK

Thay các dữ liệu vào công thức (1) ta có được lượng hơi axit H_2SO_4 bay hơi được tính như sau:

$$Q = \frac{98,078x32x0,0000039x0,00106x3600}{0,00008205x301,15} = 1,8903 \text{ (g/h)} \approx 1.890 \text{ (mg/h)}$$

Với thể tích trung bình của các bể là 32 m^3 thì nồng độ axit phát sinh tại khu vực tẩy rửa bề mặt, khu vực xi mạ được tính toán như sau: C_{H2SO4} = 1890/32 = 59 (mg/m^3) ≈ 116,5 mg/Nm^3 Theo tính toán nồng độ H_2SO_4 phát sinh lớn hơn 50 mg/Nm^3 (QCVN 19:2009/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ).

Hơi axit khi xâm nhập vào cơ thể con người sẽ gây co thắt thanh quản, ảnh hưởng tới quá trình hô hấp, thậm chí gây tử vong nếu tiếp xúc ở nồng độ cao. Ngoài những ảnh hưởng đến sức khỏe con người, các khí này có khả năng kết hợp với hơi nước trong không khí tạo thành mưa axit gây thiệt hại cho cây trồng và các công trình xây dựng. Axit khi tiếp xúc với cơ thể sẽ phá hủy cấu trúc mô như da, mỡ, gân, cơ… gây hoại tử từ ngoài vào trong theo cơ chế đông vón protein của cơ thể.

Để giảm thiểu tác động của hơi xút đến môi trường xung quanh và sức khỏe của công nhân, chủ dự án sẽ có biện pháp thu gom và xử lý hiệu quả. Các biện pháp được trình bày trong phần sau của báo cáo.

❖ ***Hơi hóa chất phát sinh từ công đoạn xi mạ***

Trong quá trình sản xuất, dự án có sử dụng một số hóa chất xi mạ như sau:

Bản 3.7: Nhiệt độ nóng chảy và nhiệt độ sôi của một số hóa chất sử dụng trong xi mạ của dự án

TT	Tên hóa chất	Tính chất
1	HCl	Điểm nóng chảy–27,32°C (247 K), điểm sôi: 110^oC
2	NaOH	Điểm nóng chảy 318°C, điểm sôi: 1.390 °C
3	Na_2CO_3	Điểm nóng chảy :851°C; điểm sôi: 1.600 °C
4	$NiCl_2$	Điểm nóng chảy : 1.001°C
5	$NiSO_4$	Điểm nóng chảy: 100°C; điểm sôi: 840°C

6	H_3BO_3	Điểm nóng chảy: 170,9 °C; điểm sôi: 300 °C
7	H_2CrO_4	Điểm nóng chảy: 197 °C; điểm sôi: 250°C
8	C_4H_6NiO4	Điểm nóng chảy: phân hủy khi đun nóng

Nguồn: Tổng hợp, 2025

b) Nước thải

Khi dự án đi vào hoạt động, các nguồn nước thải phát sinh bao gồm:

+ Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên;

+ Nước thải từ hoạt động sản xuất;

+ Nước mưa chảy tràn trong khuôn viên dự án

❖ **Nước thải sinh hoạt**

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt ăn uống, vệ sinh của cán bộ công nhân viên Công ty:

Nước cấp sử dụng cho mục đích rửa tay chân và sử dụng cho nhà vệ sinh và không phát thải nước thải từ hoạt động nấu ăn do nhà máy thuê đơn vị cung cấp suất ăn công nghiệp, đơn vị này sẽ nấu ăn sẵn và vận chuyển đến Nhà máy để chia suất ăn, không rửa dụng cụ tại Nhà máy.

Tại Chương 1 của Báo cáo, nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt của Công ty là 72,0 m^3/ngày đêm. Định mức nước thải bằng 100% lượng nước cấp (theo khoản 1, điều 39 nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 về thoát nước và xử lý nước thải.)

Vậy lưu lượng nước thải phát sinh của công ty là: 72,0 m^3/ngày đêm x 100% = 72,0 m^3/ngày đêm.

- Đặc trưng và tải lượng của nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và các vi sinh vật. Dựa vào hệ số tải lượng các chất bẩn trong nước cống thải đô thị của Tổ chức Y tế Thế giới, WHO, 1993. Tập 1. "Phương pháp đánh giá nhanh ô nhiễm môi trường" đã xác định được tải lượng các chất gây ô nhiễm tại và nồng độ các chất gây ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt của công nhân viên nhà máy khi Dự án đi vào hoạt động:

Bảng 3.8: Hệ số tải lượng chất bẩn trong nước cống thải đô thị

TT	**Thông số**	**Hệ số tải lượng g/người/ngày)**
1	BOD5	45 ÷ 54
2	Tổng chất rắn (TS)	170 ÷220
3	Amoni (tính theo N)	3,6 - 7,2

4	Nitrat (tính theo N)	0,3 - 0,6
5	Photphat (tính theo P)	0,42 - 3,15
6	Dầu mỡ	10 - 30
7	Tổng Coliform (MNP/100ml)	$10^6 \div 10^9$

Nguồn: WHO, 1993

Bảng 3.9. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

TT	**Thông số**	**Thông số**	
		Chưa xử lý	**Qua bể phốt**
1	BOD5	281,2 ÷ 337,5	62,5 ÷ 125
2	Tổng chất rắn (TS)	437,5 ÷ 906	31,2 ÷ 134,5
3	Amoni (tính theo N)	80–160	20 ÷ 50
4	Nitrat (tính theo N)	6,7–13,3	3,2 ÷ 6,5
5	Photphat (tính theo P)	9,3–70	10 ÷ 20
6	Dầu mỡ	222,2–666,7	85 ÷ 100
7	Tổng Coliform (MNP/100ml)	$0,6.10^7 \div 0,6.10^{10}$	-

Ghi chú: Cmax = C.K trong đó:
- CBOD = 50mg/l, CTSS = 100mg/l (áp dụng cột B, bảng 1, QCVN 14:2008/BTNMT - nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt).

Có thể thấy, ngay khi nước thải vệ sinh đã được xử lý sơ bộ bằng bể phốt, các chất gây ô nhiễm trong cống rãnh vẫn vượt Cmax theo QCVN 14:2025/BTNMT. Lưu ý rằng nếu không qua bể phốt nồng độ BOD5 còn cao hơn khoảng 4,5 lần; COD – khoảng 4 lần; và TSS – khoảng 14 lần.

Nếu để các loại chất thải này xâm nhập vào các nguồn nước mặt trong dự án sẽ gây ra tình trạng ô nhiễm chất hữu cơ. Các khu vực nước nơi bị ô nhiễm loại chất thải có nguy cơ bị phú dưỡng, gây độc hoặc chết đối với hệ sinh thái thủy sinh.

- Tác nhân ảnh hưởng: chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, vi sinh vật....;

- Mức độ tác động: mức nhỏ, ảnh hưởng tới các khu vực tiếp nhận nước thải. Do chủ dự án đã xây dựng và vận hành hệ thống các nhà vệ sinh tự hoại, sau đó được xử lý qua hệ thông xử lý nước thải nên nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ trước khi đấu nối vào hệ thống thoát nước thải của khu công nghiệp. Do đó, tác động của nước thải được giảm thiểu đáng kể;

- Khả năng phục hồi của đối tượng chịu tác động: phục hồi nhanh sau khi nguồn tác động dừng (khi ngừng xả thải).

❖ **Nước thải sản xuất**

Nước thải sản xuất của dự án phát sinh từ các hoạt động sau:

- Nước cho tẩy rửa bể xi mạ
- Nước thải từ quá trình xi mạ
- Nước thải từ các hệ thống xử lý khí thải
- Nước thải từ hệ thống lọc RO

Lưu lượng nước thải ra được ước tính bằng 80% nhu cầu nước sử dụng và được tổng hợp tại bảng sau:

Bảng 3.10 Tổng hợp lượng nước thải phát sinh của dự án

STT	Mục đích sử dụng	Lượng nước sử dụng (m^3/ngày)	Định mức xả thải (%)	Lưu lượng xả thải (m^3/ngày)
1	Nước dùng cho tẩy rửa bể xi mạ dây chuyền mạ Niken – Crom	9,00	80	7,20
2	Nước rửa sử dụng cho dây chuyền mạ Niken – Crom	132,60	80	106,08
3	Nước cấp cho các bể tẩy dầu, tẩy gỉ và các bể mạ (nước không chảy)	15,00	80	12,00
4	Nước sử dụng cho công đoạn mài dao	1,0	80	0,8
5	Nước sử dụng cho công đoạn vệ sinh bán thành phẩm	2,0	80	1,6
6	Nước sử dụng cho quá trình làm mát bán thành phẩm (lò nung)	0,3	80	0,24
7	Nước sử dụng cho HTXL khí thải	5,00	80	4,00
Tổng				**131,92**

Thành phần và tính chất của từng loại nước thải được đánh giá cụ thể như sau:

- **Nước thải từ quá trình xi mạ**

Toàn bộ quá trình mạ tiêu tốn một lượng nước tương đối lớn bởi hầu hết mọi công đoạn trong dây chuyền mạ điện mà dự án áp dụng đều phải sử dụng nước.

Nước thải xi mạ tại nhà máy có thể tách ra thành từng dòng riêng biệt dựa theo thành phần và nồng độ chất ô nhiễm, bao gồm:

Dung dịch thải đậm đặc từ các bể nhúng, bể ngâm

+ Nước thải dầu lão hóa từ quá trình tẩy dầu.

+ Nước thải axít lão hóa từ quá trình tẩy gỉ.

Nước rửa có hàm lượng chất bẩn trung bình

+ Từ quá trình rửa sau phosphat hóa

+ Nước thải chứa xyanua

+ Nước thải chứa nikel

Nước rửa loãng (nước thải tổng hợp)

+ Nước rửa sau tẩy dầu

+ Nước rửa sau tẩy gỉ

+ Nước rửa sau hoạt hóa

+ Nước rửa sau xi đồng axit

Chất gây ô nhiễm trong nước thải có thể chia làm các nhóm sau:

+ Chât ô nhiễm độc hại như , Cr^{6+}, F^{-}…

+ Chất ô nhiễm làm thay đổi pH dòng thải gồm axit và kiềm.

+ Chất ô nhiễm hình thành cặn lơ lửng như hydroxit, cacbonat và photphat.

+ Chất ô nhiễm hữu cơ như dầu mỡ, chelate

Chi tiết từng nguồn thải được đánh giá như sau:

+ Nước thải dầu lão hóa từ quá trình tẩy dầu: Quá trình tẩy dầu sử dụng nước pha dung dịch tẩy dầu là các chất điện giải gốc kiềm. Nước thải từ quá trình này thường chứa dầu mỡ, dung môi hữu cơ, và cặn kim loại có độ kiềm cao.

+ Nước thải axít lão hóa từ quá trình tẩy gỉ: Quá trình tẩy gỉ sử dụng axit H_2SO_4 nên nước thải từ quá trình này mang tính axít và chứa hàm lượng Fe^{2+} khá cao.

+ Nước thải tổng hợp (nước rửa loãng): Là nước thải ra từ các bể rửa sau quá trình tẩy dầu, tẩy gỉ, hoạt hóa và đồng axit. Đây là nguồn nước thải có lưu lượng lớn nhất khi dự án đi vào vận hành.

Nước thải niken: Thải ra từ quá trình sửa sau mạ niken, niken đen và niken free gun, dòng thải này được tách riêng do niken dễ dàng tạo kết tủa trong môi trường kiềm. Đặc trưng chung của nước thải ngành mạ là chứa hàng lượng cao các muối cô cơ và kim loại nặng như đồng, kẽm, niken, sắt… Trong nước thải xi mạ thường có sự thay đổi pH rất rộng từ rất axit (pH = 2-3) đến rất kiềm (pH = 10-11). Các chất hữu cơ thường có rất ít trong nước thải xi mạ, phần đóng góp chính là các chất tạo bóng, chất hoạt động bề mặt nên các chỉ số BOD, COD của nước thải mạ điện thường rất nhỏ và không thuộc đối tượng cần xử lý. Đối tượng cần xử lý chính trong nước thải là các muối kim loại nặng như crôm, đồng, kẽm, sắt, photpho… Tham khảo kết quả phân tích chất lượng nước thải đầu vào của Công ty cổ phần Công nghiệp Kim Bình có công đoạn xi mạ ngày 16/7/2020 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả phân tích
1	pH	mg/l	6,9
2	BOD	mg/l	326

3	TSS	mg/l	852,5
4	COD	mg/l	524
5	Zn	mg/l	32
6	Ni	mg/l	5,23
7	Fe	mg/l	62
8	Cu	mg/l	28

Nguồn: Công ty TNHH Tân Huy Hoàng -2020

Kết quả phân tích cho thấy nồng độ tính chất nước thải trong quá trình sản xuất bị nhiễm kim loại nặng. Nếu lượng nước thải này không được xử lý triệt để, sẽ gây ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, lượng nước thải này sẽ được xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom thoát nước thải của KCN LONG BÌNH (AMATA).

➢ **Tác động của nước thải xi mạ:**

- Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người: Các ion kim loại nặng Pt, Cu, Cr, Ni…có thể gây bệnh viêm loét dạ dày, viêm đường hô hấp, bệnh eczema, ung thư…
- Ảnh hưởng đến hệ sinh thái: Các thành phần kim loại nặng ảnh hưởng rất lớn tới quá trình sinh trưởng phát triển của con người, động và thực vật. Với nồng độ đủ lớn sinh vật có thể bị chết hoặc bị thoái hóa, với nồng độ nhỏ có thể gây ngộ độc mãn tính hoặc tích tụ sinh học.
- Ảnh hưởng trực tiếp đối với cá và thức ăn, đầu độc các sinh vật làm cho các nguồn phù du để nuôi cá, gây bệnh cho cá và biến đổi các tính chất hóa lý của nước.
- Ảnh hưởng tới hệ thống cống thoát nước, nước ngầm, nước mặt. Nước thải công nghiệp có tính axit, ăn mòn các đường ống dẫn bằng kim loại, bêtông. Mặt khác, do các quá trình xà phòng hóa tạo thành váng ngăn của quá trình thoát nước và thâm nhập của oxi không khí vào nước thải, cản trở quá trình tự làm sạch. Các ion kim loại nặng khi thâm nhập vào bùn trong các mương thoát nước còn ức chế hoạt động của các vi sinh vật kị khí làm mất khả năng hoạt động hóa của bùn.

➢ Nước thải từ các hệ thống xử lý khí:

Dự án có lắp đặt 4 hệ thống xử lý khí thải để xử lý bụi, hơi hóa chất từ quá trình xi mạ sử dụng nguyên tắc rửa nước. Tổng nhu cầu sử dụng nước cho quá trình này là 5,0 m^3 /ngày. Thành phần nước thải từ quá trình này chủ yếu chứa axit, xút và chất lơ lửng

❖ **Nước mưa chảy tràn**

Tại khu vực dự án nói riêng cũng như khu vực tỉnh Đồng Nai nói chung, mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 10.

- Lượng mưa ngày lớn nhất: 12 mm

- Tính toán lượng nước mưa phát sinh trong khu vực dự án như sau:

Công thức tính toán lưu lượng cực đại nước mưa chảy tràn:

$$Q = K*I*A$$

Trong đó:

- Q: ưu ượng cực đại (m^3/s).
- I: cường độ mưa (mm/ngày).
- A: diện tích ưu vực.
- K: hệ số chảy tràn phụ thuộc vào đặc điểm bề mặt đất.

Hệ số được ác định dựa vào bảng sau.

Bảng 3.11. Hệ số chảy tràn K

Đặc điểm bề mặt	K
Vùng thị tứ	0,70 – 0,95
Vùng dân cư (khu tập thể)	0,50 – 0,70
Vùng nhà dân riêng lẻ	0,30 – 0,70
Khu công vi n nghĩa trang	0,10 – 0,25
Đường có lát nhựa	0,80 – 0,90
Bãi cỏ, phụ thuộc vào độ dốc và tầng	0,10-0,25

(Nguồn: Trịnh Xuân Lai, Thoát nước, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ Thuật, 2000)

Xét tại khu vực dự án: Sau khi xây dựng dự án, đường đã được lát nhựa

- Chọn hệ số chảy tràn K = 0,9.
- Diện tích mặt đất toàn khu vực dự án: 30.006,0 m^2
- Tính lượng mưa ngày lớn nhất tại khu vực dự án:

$$Q= 0,9 \times 0,012 \times 30.006,0= 324,06\ m^3/ngày.$$

Nhận xét: Lượng mưa trong toàn bộ khu vực dự án chỉ tập trung vào mùa mưa (từ tháng 5 đến tháng 10). Trong quá trình hoạt động nước mưa tại khu vực sẽ cuốn theo nhiều chất ô nhiễm như bụi, cát, đất đá, lượng dầu mỡ rơi vãi,…

Về cơ bản, nước mưa được quy ước là nước sạch, nếu không chảy tràn qua các khu vực ô nhiễm, ước tính nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa như sau:

Bảng 3.12. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa

Chỉ tiêu	Nồng độ (mg/l)
Tổng Nitơ	0,5 - 1,5
Phospho	0,004 - 0,03
Nhu cầu oxi hoá học (COD)	10-20
Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	10-20

c) Chất thải rắn

❖ ***Chất thải rắn sinh hoạt***

Tổng số lượng lao động lớn nhất làm việc tại Dự án là 1.200 người. Theo QCXDVN 01:2019/BXD, hệ số phát thải CTR sinh hoạt khoảng 0,9 kg/người/ngày (áp dụng đối với đô thị loại III). Tổng lượng chất thải răn sinh hoạt phát sinh là: 1.080 kg/ngày.

Chất thải sinh hoạt chứa nhiều chất hữu cơ, dễ phân hủy (trừ bao bì, nylon). Khối lượng rác thải sinh hoạt nếu không có biện pháp thu gom tập trung hợp lý thì khả năng tích tụ trong theo thời gian và gây tác động đến chất lượng không khí do phân hủy chất thải hữu cơ. Bên cạnh đó, chất thải rơi vãi có thể bị nước mưa cuốn trôi gây bồi lắng, tắt nghẽn hệ thống cống thoát nước.

Thành phần rác thải sinh hoạt được tổng hợp và trình bày trong bảng sau:

Bảng 3.13: Thành phần rác thải sinh hoạt

STT	Thành phần	Tỷ lệ (%)	
		Khoảng dao động	**Trung bình**
1	Thực phẩm	61,0 – 96,6	79,17
2	Giấy	1,0 – 19,7	5,18
3	Carton	0 – 4,6	0,18
4	Nilon	0 – 36,6	6,84
5	Nhựa	0 – 10,8	2, 05
6	Vải	0 - 14,2	0,98
7	Gỗ	0 – 7,2	0,66
8	Cao su cứng	0 – 2,8	0,13
9	Thủy tinh	0-25,0	1,94
10	Lon đồ hộp	0-10,2	1,05
11	Kim loại màu	0 -3,3	0,36
12	Sành sứ	0 -10,5	0,74
13	Xà bần	0 – 9,3	0,69
14	Styrofoam	0 – 1,3	0,12

(Nguồn: Trung tâm Centema, 2010)

Chất thải rắn sinh hoạt có thành phần chất hữu cơ cao nên dễ phân hủy gây mùi hôi, khó chịu. Lượng nước thải rỉ từ rác có nồng độ chất ô nhiễm rất cao nên rất dễ gây ô nhiễm môi trường đất và mạch nước ngầm. Trong thành phần của chất thải rắn sinh hoạt có những thành phần rất khó phân hủy nên sẽ là một nguồn gây ô nhiễm lâu dài đến môi trường đất như bọc nilon, nhựa…..

❖ ***Chất thải rắn công nghiệp thông thường***

Chất thải rắn công nghiệp thông thường trong quá trình hoạt động của Dự án báo gồm: phế liệu thép, vụn kim loại, Bố đánh bóng hư, bụi đánh bóng, Thùng nhựa, pallet nhựa các loại bao bì giấy, bao PE, bao PP thải, giấy carton, giấy văn phòng thải, Bùn thải phát sinh từ quá trình mài nước. Tổng khối lượng chất thải khoảng 420 kg/tháng.

Chất thải rắn sản xuất thông thường về tính chất không nguy hại nhưng nếu thải bỏ ra ngoài môi trường không đúng quy định có thể gây cản trở lối đi, tai nạn lao động hoặc gây ô nhiễm nguồn nước mặt (làm bồi lắng nguồn nước mặt, tăng độ đục và hàm lượng chất rắn lơ lửng...) tiếp nhận nó. Chất thải rắn là sản phẩm hư hỏng, nguyên liệu hao hụt có khả năng là nguyên nhân gây phát tán bụi vào không khí và gây ảnh hưởng đến chất lượng nước khi theo nước mưa chảy tràn vào nguồn tiếp nhận. Đồng thời, lượng chất thải này có thể gây mất tính thẩm mỹ, cảnh quan của công ty. Do đó, các phế phẩm sẽ được thu gom và tiếp tục sử dụng lại để hoạt động sản xuất. Các chất thải khác sẽ thực hiện các giải pháp xử lý như chất thải rắn thông thường.

d) Chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại trong trường hợp không được thu gom, lưu giữ và chuyển giao theo đúng quy định sẽ tác động đến môi trường, làm suy giảm chất lượng đất, nước ảnh hưởng đến đời sống động thực vật và con người.

- Nguồn phát sinh:

+ Từ hoạt động sản xuất

+ Từ công đoạn tháo dỡ bao bì, thùng chứa hóa chất, dầu nhớt phục vụ cho sản xuất.

+ Từ hệ thống xử lý nước; xử lý khí thải.

+ Từ quá trình bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển.

+ Từ hệ thống chiếu sáng toàn công ty.

Dự án vào hoạt động, dự báo thành phần và khối lượng chất thải nguy hại được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3.14: Các loại chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của dự án

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Phôi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	07 03 11	Rắn	1.200
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thuỷ tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	12
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm	18 02 01	Rắn	120

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
	cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (cao su kẹp, bao tay, vải lau ,…)			
4	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình gia công, xi mạ	07 01 05	Bùn	202,000
5	Các vật liệu mài dạng hạt thải có các thành phần nguy hại (cát, bột mài, bụi đánh bóng, …)	07 03 08	Rắn	947,000
6	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại (ví dụ đá mài, giấy ráp, bố đánh bóng, ...)	07 03 10	Rắn	5000
7	Chất kết dính và chất bịt kín (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất)	08 03 01	Rắn	200
8	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	Lỏng	200
9	Cặn xi mạ	01 01 02	Rắn	30
10	Nước thải nguy hại từ quá trình xi mạ	19 10 01	Lỏng	30
	Tổng cộng			**1.152.000**

Ngoài ra dự án còn có bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải với khối lượng ước tính khoảng 5.600 kg/năm theo phân loại chất thải tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 có mã chất thải là 12 06 05 thuộc loại chất thải cần phải được kiểm soát (Mã KS).

Do đó, trước khi thu gom, xử lý Chủ dự án sẽ thực hiện công tác phân định chất thải là CTNH hay CTTT trước khi thu gom, xử lý theo đúng quy định. Các thành phần của chất thải rắn nguy hại khi thải vào môi trường mà không qua xử lý thích hợp sẽ gây ra nhiều tác hại cho môi trường sống. Do đó, Chủ dự án sẽ đưa ra các biện pháp quản lý và xử lý thích hợp đối với từng loại chất thải này để không làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường tại khu vực. Toàn bộ lượng chất thải phát sinh này sẽ được thu gom tập trung tại khu vực lưu trữ CTNH của nhà máy theo đúng quy định và giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.2.1.2. Nguồn tác động không liên quan đến chất thải:

- **Tác động do tiếng ồn, độ rung**
  - Tiếng ồn

Trong quá trình hoạt động của dự án, tiếng ồn và độ rung phát sinh từ các nguyên nhân chính như sau:

- Từ hoạt động các phương tiện giao thông trong khuôn viên nhà máy: Hoạt động của các xe tải vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm ra vào nhà máy. Hoạt động của các phương tiện giao thông, vận tải, các phương tiện máy móc thiết bị trong phạm vi Dự án gây tiếng ồn do động cơ và sự rung động của các bộ phận xe, tiếng ồn từ ống xả,... Các loại xe khác nhau sẽ phát sinh mức độ ồn khác nhau. Tuy nhiên đây là nguồn gây ồn không liên tục do Nhà máy có quy định thời gian nhập xuất nguyên liệu và sản phẩm riêng.

- Tiếng ồn và độ rung phát sinh chủ yếu từ máy móc thiết bị sản xuất, dây chuyền đóng gói,… Tuy nhiên nhà máy xây dựng ở khu vực rộng và thoáng nên mức độ tiếng ồn ảnh hưởng không đáng kể chủ yếu ảnh hưởng công nhân làm việc trong nhà máy.

- Trong các nguồn gây ồn trên thì mức ồn phát sinh từ dây chuyền sản xuất, đóng gói là liên tục nhất.

Để dự báo tiếng ồn lớn nhất trong trường hợp giờ cao điểm, khi mật độ giao thông là lớn nhất và hoạt động của máy móc trong nhà máy cùng một lúc trong quá trình Dự án đi vào hoạt động. Dựa trên cơ sở nghiên cứu kết quả thống kê đo lường thực tế – Tài liệu "Môi trường Không khí" – Phạm Ngọc Đăng, mức ồn của các nguồn phát sinh trong nhà máy được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3.15: Mức ồn của các nguồn phát sinh trong nhà máy

STT	Loại xe	Tiếng ồn (dBA)	Tiêu chuẩn độ ồn cho phép môi trường làm việc theo QCVN 24/2016/BYT
1	Xe tải	80	85
2	Xe mô tô 4 thì	86	
3	Xe mô tô 2 thì	75-80	
4	Máy móc thiết bị trong nhà máy	80-85	

(Nguồn: Phạm Ngọc Đăng, Môi trường không khí, NXB KHKT Hà Nội, 1997)

Lao động trong môi trường có tiếng ồn cao, con người bị mệt mỏi, bị ức chế, gia tăng sự tiêu hao năng lượng, giảm năng suất lao động, giảm tập trung tư tưởng, bị rối loạn suy nghĩ, bị chậm phản xạ, dễ bị tai nạn lao động. Nói chung, khi cường độ tiếng ồn tăng lên 25% thì bình quân năng suất lao động giảm đi 25%, sự lầm lẫn trong thao tác sẽ tăng lên 12,5%. Ngược lại, nếu giảm tiếng ồn đi 20 dBA thì năng suất lao động tăng lên 9% và sai sót giảm đi 29%.

Tiếng ồn của máy móc thiết bị không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh nhưng gây ảnh hưởng cục bộ trong nhà máy, ảnh hưởng đến công nhân làm việc tại phân xưởng sản xuất. Nếu làm việc trong môi trường có tiếng ồn kéo dài có thể gây ra các bệnh nghề nghiệp như điếc, giảm thính lực.... nếu không có biện pháp khống chế. Tuy nhiên, các máy móc thiết bị công nghệ dự án được hoạt động không liên tục, với công suất vừa phải nên khả năng gây ồn không cao.

Tiếng ồn có những tác động nhất định lên các bộ phận của cơ thể người như được tóm tắt trong Bảng sau:

Bảng 3.16: Tác động của tiếng ồn ở các dải tần số

STT	Mức ồn (dba)	Tác động đến người nghe
1	0	Ngưỡng nghe thấy
2	100	Bắt đầu làm biến đổi nhịp đập của tim
3	110	Kích thích mạnh màng nhĩ
4	120	Ngưỡng chói tai
5	130-135	Gây bệnh thần kinh và nôn mửa, làm yếu xúc giác và cơ bắp
6	140	Đau chói tai, nguyên nhân gây bệnh mất trí, điên
7	145	Giới hạn mà con người có thể chịu đựng được với tiếng ồn
8	150	Nếu mức chịu đựng lâu sẽ bị thủng màng tai
9	160	Nếu tiếp xúc lâu sẽ gây hậu quả nguy hiểm lâu dài

(Nguồn: Environmental technology series, 1993)

➢ **Độ rung**

Quá trình sản xuất của dự án sẽ phát sinh rung động do va đập của các bộ phận cơ học của các máy móc, thiết bị và các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy.

Độ rung có thể gây ra những tác động có hại:

- Đối với các công trình xây dựng: độ rung có thể làm hư hỏng các công trình xây dựng: giảm độ bền vững của kết cấu, nền móng,…

- Đối với con người: độ rung và tiếng ồn do rung có thể gây đau đầu, chóng mặt, buồn nôn giống trạng thái say tàu xe do thế đứng không vững, từ đó ảnh hưởng tới trực tiếp tới sức khỏe công nhân trực tiếp vận hành, hiệu suất làm việc cũng như lan truyền trên nền đất ra môi trường xung quanh.

Chủ Dự án sẽ có các biện pháp để giảm thiểu độ rung khi hoạt động của thiết bị, máy móc.

❖ **Tác động đến phát triển kinh tế - xã hội khu vực**

Dự án được triển khai không những khả thi về mặt kinh tế tài chính mà còn mang lại nhiều hiệu quả về mặt kinh tế - xã hội như:

- Đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hoá và hiện đại hoá của tỉnh Đồng Nai nói chung và phường Long Bình nói riêng, thúc đẩy sự phát triển cơ sở hạ tầng giao thông.

- Đóng góp của dự án vào ngân sách Nhà nước, tạo công ăn việc làm với thu nhập ổn định, góp phần ổn định đời sống nhân dân, giảm áp lực của nạn thất nghiệp và các tệ nạn xã hội. Đồng thời khuyến khích và góp phần thúc đẩy quá trình phát triển ngành kinh doanh dịch vụ...

- Điều chỉnh cơ cấu kinh tế, tăng tỷ lệ sản xuất công nghiệp cũng như lao động sản xuất công nghiệp, giảm tỷ lệ sản xuất và lao động nông nghiệp.

Bên cạnh các tác động tích cực, hoạt động của dự án có thể có các tác động tiêu cực như:

Cùng với những lợi ích tăng trưởng kinh tế - xã hội, dự án cũng sẽ gây ra những ảnh hưởng tiêu cực, tạo ra nhiều mâu thuẫn xã hội do làm thay đổi điều kiện sinh hoạt, việc làm, thu nhập của người dân địa phương, gia tăng dân số cơ học trong khu vực, gây ra nhiều vấn đề phức tạp trong văn hoá và trật tự trị an tại khu vực dự án.

❖ **Tác động đến giao thông khu vực**

Khi dự án đi vào hoạt động, do việc tăng mật độ giao thông trên các tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm từ khu vực dự án đến nơi tiêu thụ (11lượt xe/h) và phương tiện cá nhân của cán bộ công nhân viên (600 lượt xe/h (xe máy) và 5 lượt xe/h (xe ô tô) vào giờ cao điểm) sẽ kéo theo nguy cơ gia tăng tai nạn giao thông và khí thải từ các phương tiện thải vào môi trường.

Tuy nhiên, khi các cơ quan chức năng cùng nhau phối hợp thực hiện đồng thời với việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu, các tác động tiêu cực trên sẽ không còn đáng kể.

❖ **Tác động qua lại giữa hoạt động của dự án với các đơn vị xung quanh**

Khi dự án đi vào hoạt động sản xuất ổn định, các biện pháp quản lý và xử lý chất thải được áp dụng và tuân thủ chặt chẽ sẽ làm hạn chế khả năng phát sinh chất thải có khả năng gây ô nhiễm ra môi trường xung quanh, điều này sẽ làm hạn chế các tác động tiêu cực có thể làm ảnh hưởng đến các nhà máy xung quanh. Mặt khác, với mô hình hoạt động sản xuất của dự án, nhà máy sẽ tuân thủ nghiêm ngặt các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường để hạn chế tối đa chất thải phát tán ra môi trường xung quanh nên những tác động trong quá trình hoạt động đến các đơn vị xung quanh được dự báo là không đáng kể.

❖ **Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn tiếp nhận**

Để đảm bảo tất cả các doanh nghiệp hoạt động tại KCN Long Bình (Amata) tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, KCN Long

Bình (Amata) đã đầu tư và xây dựng 05 trạm xử lý nước thải và hệ thống thu gom nước thải tập trung để xử lý nước thải công nghiệp do các doanh nghiệp trong KCN Long Bình (Amata) thải ra. Đến thời điểm hiện tại còn 03 trạm hoạt động với tổng công suất là 12.000m^3/ng.đ. Theo số liệu cung cấp từ KCN Long Bình (Amata) thì hiện tại khối lượng nước thải của toàn khu thải ra trung bình khoảng 6.554 m^3/ngày.đêm. Lượng nước thải phát sinh tại Nhà máy là 119,68 m^3/ng.đ. Như vậy, khi dự án đi vào hoạt động thì hệ thống XLNT tập trung của KCN hoàn toàn có khả năng đáp ứng được nhu cầu xử lý nước thải từ dự án.

3.2.1.3. Tác động do các rủi ro, sự cố trong giai đoạn vận hành

❖ **Sự cố cháy nổ:**

Trong quá trình vận hành dự án, một trong những sự cố gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng con người và tài sản có thể xảy ra là cháy, nổ nhà máy. Các nguyên nhân xảy ra cháy nổ có thể được liệt kê như sau:

- Các kho chứa nguyên nhiên liệu tạm thời phục vụ cho máy móc, thiết bị kỹ thuật (xăng, dầu DO, dầu FO...) là các nguồn gây cháy nổ. Khi sự cố xảy ra có thể gây ra thiệt hại nghiêm trọng về người, kinh tế và môi trường.

+ Tại cơ sở có nhiều máy móc thiết bị, trong quá trình sản xuất nếu không chấp hành quy định an toàn PCCC sẽ sinh ma sát, tia lửa điện và có thể gây ra chập, cháy bất cứ lúc nào. Ngoài ra, quá trình sử dụng điện phục vụ sản xuất và chiếu sáng, nếu không tuân thủ các quy định an toàn, tự ý đấu mắc thêm nhiều thiết bị sẽ gây sự cố về điện (quá tải, chập cháy) gây cháy. Những nguyên nhân gây cháy điện có thể kể đến:

✓ Cháy do dùng điện quá tải: quá tải là hiện tượng tiêu thụ điện quá mức tải của dây dẫn.

✓ Cháy do chập mạch điện.

✓ Cháy do nối dây không tốt (lỏng, hở)

✓ Cháy do tia lửa tĩnh điện: tĩnh điện phát sinh ra do sự ma sát giữa các vật cách điện với nhau hoặc giữa các vật cách điện và vật dẫn điện, do va đập của các chất lỏng cách điện (xăng, dầu) hoặc va đập của chất lỏng các điện với kim loại. Tĩnh điện còn tạo ra ở trên các hạt nhỏ rắn cách điện trong quá trình nghiền nát. Sự xuất hiện điện tích tĩnh điện là kết quả của những quá trình phức tạp liên quan đến sự phân bố tại các điện tử và ion khi có sự tiếp xúc hai vật khác dấu nhau. Trong điều kiện sản xuất, điện tích tĩnh điện phát sinh và tích lũy khi vận chuyển các chất lỏng không dẫn điện trong thùng chứa không được tiếp đất và ở trong các đường ống đặt cách ly với đất, khi chất khí trong đó chứa bụi hoặc chất lỏng ở dạng sương mù bị nén hoặc đốt xì ra hỏi ống hay bình chứa, khi vận chuyển hỗn hợp bụi không khí bằng đường ống (vận chuyển bằng hơi,…), khi đai truyền ma sát vào trục và các quá trình khác có ma sát. Việc tích điện áp lớn rất nguy hiểm, thí nghiệm cho biết khi hiệu điện thế 3 KV tia lửa điện có thể gây cháy phần lớn các khí cháy, còn khi hiệu điện thế 5 KV sẽ gây cháy các chất dễ cháy như bông bụi, cao su,…

+ Do đặc điểm công nhân của Công ty có sử dụng xe máy làm phương tiện đi lại. Xe của công nhân viên được để tại khu vực nhà xe trong thời gian dài, tập trung vào mọi thời điểm trong ngày. Trong xe có chứa nhiều xăng làm nguyên liệu. Đây cũng là một loại chất cháy nguy hiểm. Nếu sự cố cháy xảy ra đám cháy sẽ lan rất nhanh, theo hơi xăng thoát ra từ van xăng của các xe dẫn đến cháy lan toàn bộ nhà xe, gây hậu quả nghiêm trọng.

+ Mặt khác trình độ nhận thức cũng như ý thức của mỗi người là khác nhau nên có thể dẫn đến việc vi phạm nội quy an toàn PCCC như đun nấu, hút thuốc, sử dụng ngọn lửa trần trong khu vực cấm lửa gây cháy. Khi xảy ra cháy có thể dẫn đến tình trạng chen lấn, xô đẩy gây thương vong.

Do đó, Nhà máy vẫn có nguy cơ mất an toàn cháy nổ, nếu không được phát hiện, chữa cháy, tổ chức chữa cháy kịp thời sẽ gây ra những hậu quả và thiệt hại lớn về tài sản và tính mạng của công nhân trong Công ty nói riêng, các đơn vị, doanh nghiệp xung quanh và làm ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí một cách nghiêm trọng.

Do các trường hợp sự cố này có thể xảy ra bất kỳ lúc nào, nên chủ đầu tư bảo đảm áp dụng các biện pháp phòng chống, khống chế hiệu quả nhằm hạn chế tối đa các tác động tiêu cực này.

❖ **Sự cố tai nạn lao động**

Trong quá trình sản xuất, việc vận hành hệ thống thiết bị máy móc nếu không cẩn thận có thể gây ra tai nạn lao động ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân như:

- Tai nạn về điện như: bị điện giật, chập điện và bất cẩn khi đóng ngắt điện;
- Tai nạn trong quá trình vận chuyển nguyên, nhiên liệu, sản phẩm;
- Tai nạn khi bốc dỡ hàng hóa, nguyên vật liệu trong quá trình bốc dỡ nếu có thể xảy ra sự cố sẽ gây tai nạn nguy hiểm đến tính mạng con người;
- Tai nạn khi vận hành các máy móc, thiết bị trong Nhà máy.
- Tiếp xúc hóa chất không tuân thủ qui trình an toàn.

Các tai nạn lao động có thể xảy ra trong quá trình vận hành máy móc hoặc vận chuyển nguyên vật liệu cũng như sản phẩm của dự án xảy ra chủ yếu là do công nhân không chấp hành nội quy an toàn lao động, do thiếu ý thức trong quá trình làm việc. Tác động này đánh giá là đáng kể; tuy nhiên, vấn đề này sẽ khó xảy ra nếu được trang bị đầy đủ các thiết bị phòng hộ, tuân thủ đúng nội quy an toàn lao động và các biện pháp hạn chế tai nạn lao động.

Tai nạn lao động là dạng tai nạn thường xuyên xảy ra đối với bất kỳ một loại hình sản xuất, kinh doanh nào. Hậu quả mà tai nạn lao động để lại sẽ gây ảnh hưởng đến tâm lý của công nhân lao động, suy giảm sức khỏe, thậm chí là cướp đi tính mạng của công nhân làm việc. Vậy nên, chủ đầu tư sẽ chú trọng đến sự cố này và đưa ra các biện pháp giảm thiểu cụ thể để hạn chế sự cố gây ảnh hưởng đến sức khỏe của con người.

❖ **Sự cố hóa chất**

Quá trình hoạt động của Công ty sử dụng các loại hóa chất phục vụ quá trình xử lý về mặt, xi mạ với số lượng tương đối lớn.

Khi làm việc với hóa chất dù là trực tiếp hay gián tiếp đều khó tránh khỏi các trường hợp bị nhiễm độc mạn tính. Tức là nhiễm độc sẽ xảy ra từ từ, mỗi ngày một ít, nhưng rồi đến một lúc nào đó, lượng chất độc tích tụ vượt quá khả năng tự đào thải của cơ thể, sẽ sinh bệnh có thể dẫn đến suy giảm chức năng hô hấp, chức năng gan, viêm và thoái hóa da, thậm chí ung thư…

Một trường hợp nhiễm độc khác sẽ xảy ra tức thời do bị chất độc hại bắn vào da, vào mặt, vào mắt hoặc do những rủi ro hay tai nạn trong khi làm việc gây những hậu quả đáng tiếc tức thì.

Vì vậy, trong quá trình hoạt động sản xuất, Chủ đầu tư sẽ đặc biệt chú trọng đến an toàn hóa chất trong sản xuất. Đưa ra và nghiêm túc thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với sự cố này.

❖ **Sự cố hệ thống xử lý khí thải**

Hệ thống xử lý khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất của dự án đóng vai trò quan trọng trong việc xử lý nguồn thải phát sinh đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường, giảm thiểu tác động tiêu cực đến chất lượng nguồn tiếp nhận và sức khỏe của công nhân làm việc. Việc các bộ phận, linh kiện của hệ thống gặp trục trặc do bất kỳ nguyên nhân nào sẽ ảnh hưởng đến hiệu suất xử lý của công trình bảo vệ môi trường và tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Vậy nên, chủ đầu tư sẽ chú trọng và đưa ra các biện pháp giảm thiểu cụ thể đối với nguồn thải này.

3.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường

3.2.2.1. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải liên quan đến chất thải:

3.2.2.1.1 Đối với công trình xử lý nước thải:

❖ ***Mạng lưới thu gom, thoát nước mưa***

Sơ đồ thu gom nước mưa chảy tràn được thể hiện trên sơ đồ như sau:

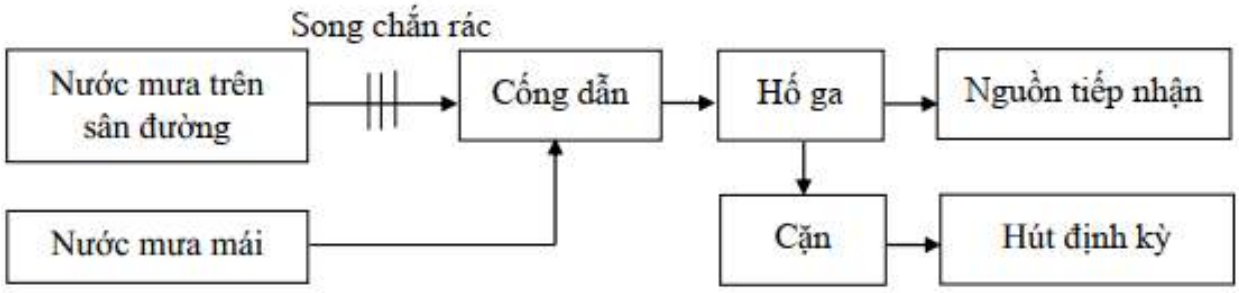

Hình 3.2. Sơ đồ thu gom nước mưa chảy tràn

<u>*Mô tả quy trình:*</u>

Hệ thống nước mưa được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước thải;

Lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt đường giao thông nội bộ, sân, … được lọc rác có kích thước lớn bằng các tấm lưới thép hoặc các song chắn rác tại các hố ga trước khi chảy vào hệ thống cống thoát nước mưa. Các hố ga sẽ được định kỳ nạo vét, bùn thải thu gom sẽ thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý;

Nước mưa từ mái tôn công trình sẽ được thu gom vào các ống đứng bằng nhựa uPVC đường kính ø90 sau đó sẽ được xả vào hệ thống thoát nước mưa của nhà máy bằng hệ thống cống bê tông ly tâm với đường kính D300, D500, D600, D800, i=0,5% rồi tự chảy ra hệ thống thoát nước mưa chung của KCN tại 02 vị trí hố ga đấu nối nước mưa trên đường số 02 và 2A của KCN.

Đảm bảo duy trì các tuyến hành lang an toàn cho toàn hệ thống thoát nước mưa. Không để các loại rác thải, chất lỏng độc hại xâm nhập vào đường thoát nước.

Thực hiện tốt các công tác vệ sinh toàn bộ khuôn viên dự án để giảm bớt nồng độ các chất bẩn trong nước mưa.

(Bản vẽ thoát nước mưa của nhà máy được đính kèm phụ lục báo cáo)

❖ ***Hệ thống thu gom và xử lý nước thải***

Nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án bao gồm nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất từ hai dây chuyền xi mạ. Sơ đồ nguyên lý thu gom nước mưa, nước thải và xử lý nước cho dự án được nêu ra như sau:

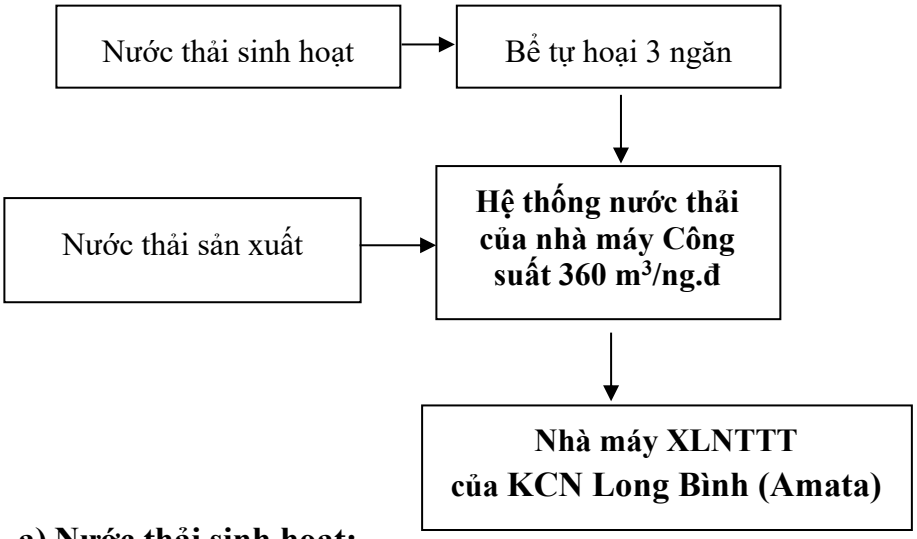

a) Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt sản bộ công nhân viên nhà máy được thu gom xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 03 ngăn có ngăn lọc.

Bể tự hoại với 3 ngăn xử lý là ngăn chứa nước vào, ngăn lắng và ngăn lọc. Bể này có hai chức năng chính là lắng và phân hủy cặn lắng. Cặn được giữ lại trong ngăn chứa từ 3 - 6 tháng, dưới ảnh hưởng của hệ vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo ra các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hoà tan .

Quá trình lên men chủ yếu diễn ra trong giai đoạn đầu là lên men axit, các chất khí tạo ra trong quá trình phân giải CH_4, CO_2, H_2S,...

Bùn cặn đã phân hủy trong bể tự hoại được lấy ra định kỳ, mỗi lần lấy phải để lại khoảng 20% lượng cặn đã lên men lại trong bể để làm giống men cho bùn cặn tươi mới lắng, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phân hủy cặn.

Nước thải ở trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng cao rồi mới chuyển qua ngăn lọc và thoát ra ngoài đường ống dẫn.

Mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy

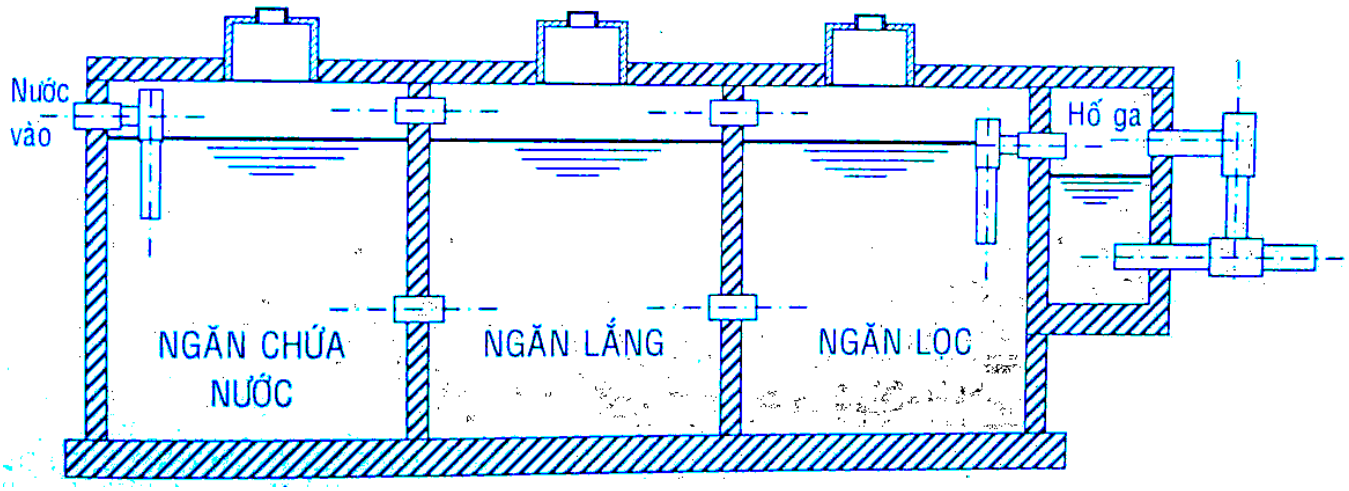

Hình 3.4. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại

1 - Ống dẫn nước thải vào bể;

2 - Ống thông hơi;

3 - Nắp thăm (để hút cặn);

4 - Ngăn định lượng xả nước thải

Phần cặn được lưu lại phân hủy kỵ khí trong bể, phần nước theo hệ thống thoát nước đấu nối vào HTXLNT tập trung của nhà máy.

b) Nước thải sản xuất

- Nước thải sản xuất: Quá trình hoạt động sản xuất của nhà máy có phát sinh lượng nước thải khoảng 131,92 m^3/ngày.

Toàn bộ lượng nước thải này cùng với nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 360 m^3/ngày.đêm của nhà máy để tiếp tục xử lý.

Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải nhà máy được trình bày trong hình dưới đây:

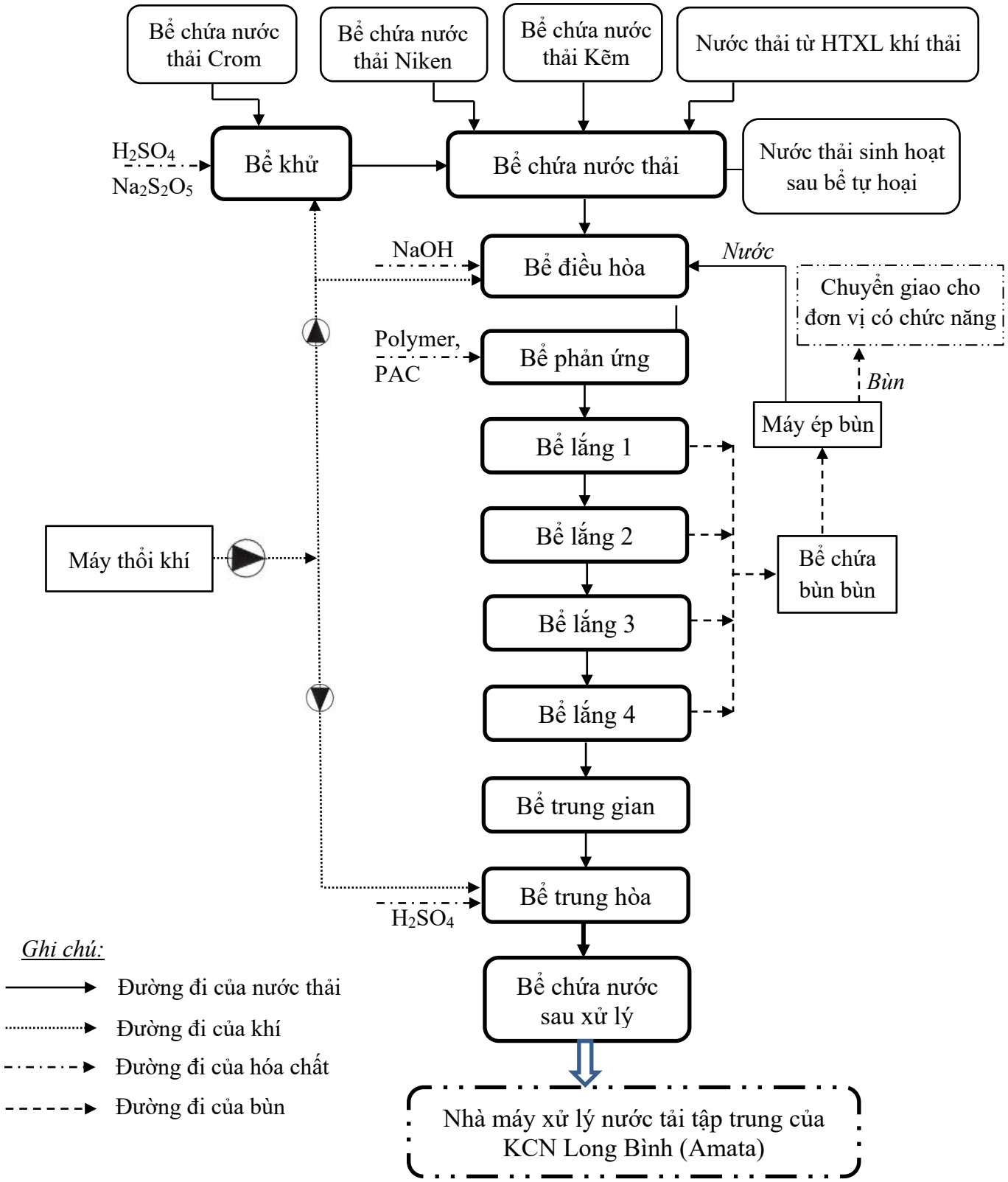

Hình 3.5: Quy trình hệ thống xử lý nước thải của nhà máy

Thuyết minh quy trình công nghệ:

Nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất được dẫn theo đường ống và rãnh mương qua song chắn rác trước khi vào bể thu gom. Nước thải chứa crom, nước thải

chứa Niken, nước thải từ hệ thống xử lý khí thải được thu gom riêng dẫn về các bể khác nhau.

Nước thải có chứa crom: nước thải từ quá trình mạ Crom có thành phần hóa học Cr^{6+}; trước hết được khử Cr^{6+} thành Cr^{3+}: Tại bể khử crom, H_2SO_4 và $Na_2S_2O_5$ được thêm vào đồng thời với quá trình sục khí, Cr^{6+} nhanh chóng chuyển thành Cr^{3+} theo phản ứng hóa học sau:

$$Cr_2O_7^{2-} + 3HSO_3 + 5H^{+} \dashrightarrow 2\ Cr^{3+} + 3SO_4^{2-} + 4H_2O$$

Sau đó, nước thải chứa crom tiếp tục được đưa về bể chứa nước thải hỗn hợp cùng với nước thải Niken, nước thải kẽm, nước thải từ hệ thống xử lý khí thải và nước tahir sinh hoạt sau khi đã được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn.

Nước thải từ bể chứa hỗn hợp có tính axit, được đưa về xử lý tại bể điều hòa. Nước thải được trung hóa bằng cách thêm NaOH cùng với quá trình sục khí liên tục vào bể để điều chỉnh pH của nước thải.

Nước thải sau khi được điều hòa về lưu lượng và pH được đưa qua bể phản ứng. Tại đây Polyme và PAC được châm vào bể với mục đích keo tụ tạo bông các chất rắn lơ lửng trong nước, giúp tăng hiệu quả cho quá trình lắng. Nước thải lần lượt được đưa qua 4 bể lắng để lắng hoàn toàn các chất rắn, cặn lơ lửng.

Sau khi qua cụm bể lắng, nước thải tiếp tục được đưa về bể trung gian, rồi đưa về bể trung hòa. Tại bể trung hòa, tùy theo nồng độ của pH trong nước mà H_2SO_4 sẽ được châm thêm cùng với sục khí liên tục để điều chỉnh pH trong nước trước khi cho chảy về bể chứa nước sau xử lý.

Bùn thải từ các bể lắng được bơm về bể chứa bùn, tại đây các máy nén bùn hoạt động sẽ tách riêng phần bùn và phần nước lẫn trong bùn. Nước tách ra từ máy ép bùn được dẫn về bề điều hòa để xử lý. Bùn được thu gom và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng đến thu gom và đem đi xử lý.

Nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải nhà máy đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN Long Bình (Amata), sau đó được đấu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN để đưa về nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Long Bình (Amata), tại đây tiếp tục được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi tahir ra môi trường.

3.2.2.1.2. Đối với công trình xử lý bụi, khí thải:

Để giảm thiểu ô nhiễm môi trường bởi bụi và khí thải do quá trình hoạt động sản xuất và phương tiện giao thông gây ra, Công ty đã và sẽ áp dụng một số biện pháp giảm thiểu sau:

❖ ***Giảm thiểu bụi, khí thải do hoạt động của các phương tiện giao thông:***

- Trên đường giao thông nội bộ, quy định giảm tốc độ của các phương tiện vận tải, thường xuyên quét sân, đường, tưới nước xung quanh tạo độ ẩm để giảm lượng bụi vào không khí trong những ngày nắng to, gió nhiều.

Bê tông hóa các tuyến đường giao thông bên trong khuôn viên khu nhà văn phòng, thường xuyên vệ sinh các tuyến đường nội bộ.

- Bố trí các loại xe ra vào bãi đỗ xe hợp lý, phương tiện ra vào phải theo đúng quy định hướng dẫn của phòng bảo vệ.

-Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an toàn và vệ sinh môi trường đối với các phương tiện giao thông.

- Thường xuyên phun nước tạo ẩm sân bãi nhằm giảm bụi do xe vận chuyển ra vào nhà máy, đặc biệt là vào mùa khô.

- Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ cán bộ nhân viên trong Công ty để họ ý thức được lợi ích và trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ môi trường.

❖ ***Các biện pháp thông gió nhà xưởng***

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị máy móc để giảm thiểu đáng kể phát thải bụi vào môi trường.

- Thiết kế nhà xưởng hợp lý, đảm bảo tận dụng được thông gió tự nhiên kết hợp với thông gió cưỡng bức để giảm thiểu nồng độ khí thải tại khu vực này, cụ thể như sau: nhà xưởng được thiết kế có cửa mái và cửa chớp trên tường. Gió tươi sẽ được cấp vào từ các cửa chớp, khí nóng sẽ được thoát ra ngoài qua hệ thống cửa mái.

- Hiện tại, khu nhà đã lắp đặt sẵn 4 quạt thông gió cho nhà xưởng với lưu lượng 42.000 m3/h/quạt.

- Trang bị các thiết bị bảo hộ lao động như găng tay, quần áo, mũ bảo hộ, khẩu trang,… và nâng cao ý thức thực hiện an toàn lao động của người công nhân.

❖ ***Xử lý khí thải, hơi dung môi từ các bể mạ, bể tẩy.***

Hiện tại, Công ty đã đầu tư 02 hệ thống thu gom, xử lý khí thải từ bể mạ, bể tẩy với quy trình công nghệ như sau:

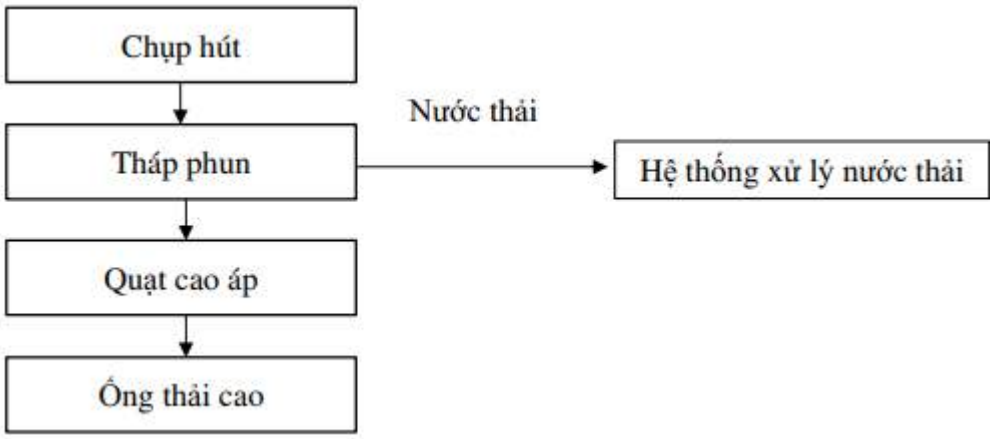

Hình 3.6: Quy trình công nghệ xử lý khí thải, hơi dung môi từ các bể mạ, bể tẩy hiện hữu

Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục duy trì 02 hệ thống thu gom, xử lý khí thải từ bể mạ, bể tẩy này và có cải tạo quy trình, công nghệ để xử lý khí thải tốt hơn. Cụ thể như sau:

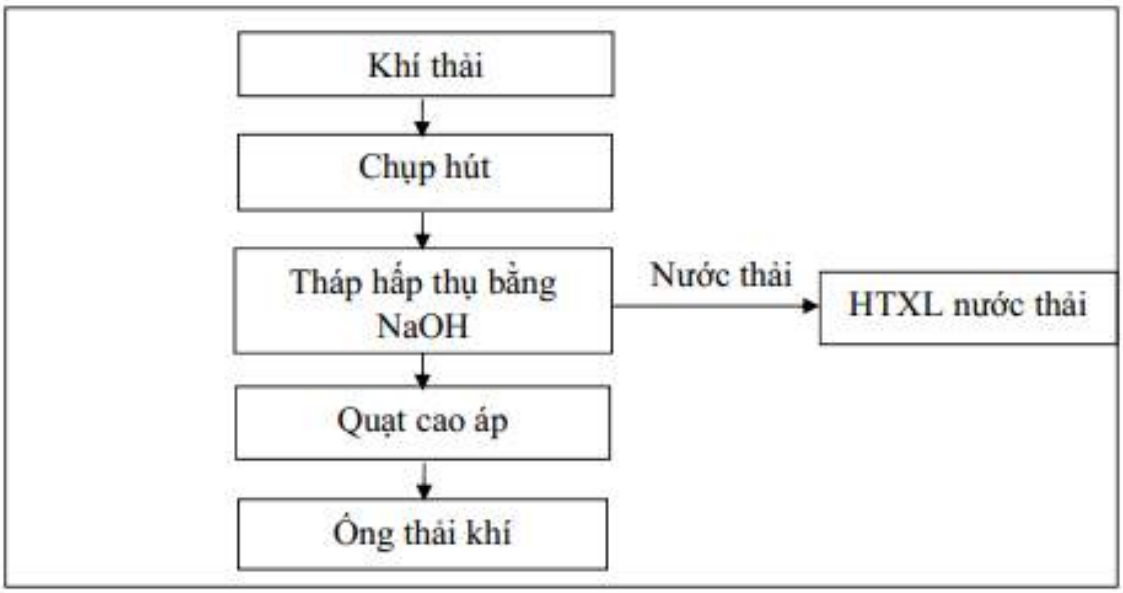

Hình 3.7: Quy trình công nghệ hệ thống xử khí thải, hơi dung môi từ các bể mạ, bể tẩy

Thuyết minh quy trình:

- Khí thải, hơi dung môi từ các bể mạ, bể tẩy được hút lên bởi các chụp hút. Nhà máy bố trí các chụp hút ngang đặt trên thành bể. Việc bố trí như vậy vừa đảm bảo hút hết lượng hơi dung môi, khí thải mà không ảnh hưởng đến thao tác của công nhân vận hành tại đây.

- Khí thải, hơi dung môi từ các chụp hút được đưa tới tháp phun nhờ các quạt hút công suất 15 Kw. Bên trong tháp phun được bố trí lớp vật liệu tiếp xúc (là các khâu sứ) để làm tăng khả năng tiếp xúc gữa dòng khí với nước. Bên trên tháp bố trí những vòi phun nước.`

- Khí thải, hơi dung môi sau khi vào tháp phun sẽ đi qua lớp vật liệu tiếp xúc, nước trong các vòi phun sẽ chảy trong các vậy liệu này. Trong quá trình tiếp xúc giữa 2 pha khí và pha lỏng, các hơi dung môi, khí thải sẽ tan vào trong nước. Để đảm bảo hiệu quả xử lý của hệ thống, nước tưới sẽ được bổ sung thường xuyên (với lưu lượng khoảng 3m^3/giờ).

- Nước nhiễm bụi, hơi khí độc được thu gom đưa về bể chứa, một phần được tuần hoàn nhờ bơm nước

Khí sau khi qua lớp vật liệu tiếp xúc được quạt hút lên. Khí thải sạch thoát ra ngoài môi trường đạt QCVN 19:2024/BTNMT cột B và được thải ra ngoài qua ống thoát khí (chiều cao 10m, đường kính miệng ống Φ40).

❖ ***Giảm thiểu bụi từ quá trình mài, đánh bóng***

Công ty sẽ lắp đặt thêm 01 hệ thống thu gom, xử lý bụi tại công đoạn mài và đánh bóng theo quy trình công nghệ xử lý như sau:

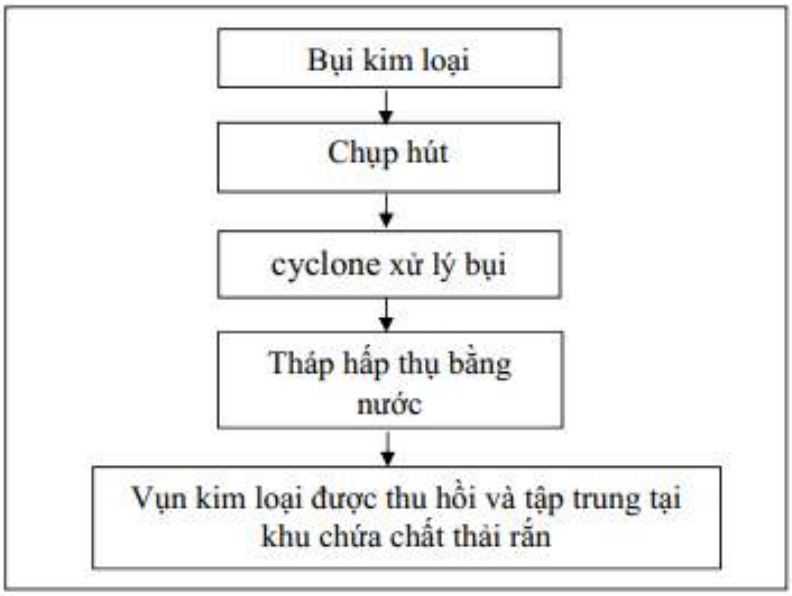

Hình 3.8: Quy trình công nghệ xử lý bụi từ công đoạn mài, đánh bóng

Tại công đoạn mài và đánh bóng chụp hút được bố trí để thu lại lượng bụi phát sinh. Bụi được chụp hút hút cưỡng bức, sau đó dẫn bằng các đường ống nhánh, đường ống trục chính vào hệ thống lọc bụi bằng cyclone, sau đó tiếp tục được đưa qua thấp hấp thụ bằng nước. Vụn kim loại được thu hồi, khí thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 19:2024/BTNMT cột B sẽ được thoát ra ngoài môi trường qua ống thải.

❖ ***Giảm thiểu bụi, khí thải lò hơi***

Hiện tại, nhà máy đang hoạt động 01 hệ thống thu gom, xử lý khí thải từ lò hơi đốt dầu DO để cung cấp hơi nóng cho công đoạn sấy. Quy trình công nghệ của hệ thống như sau:

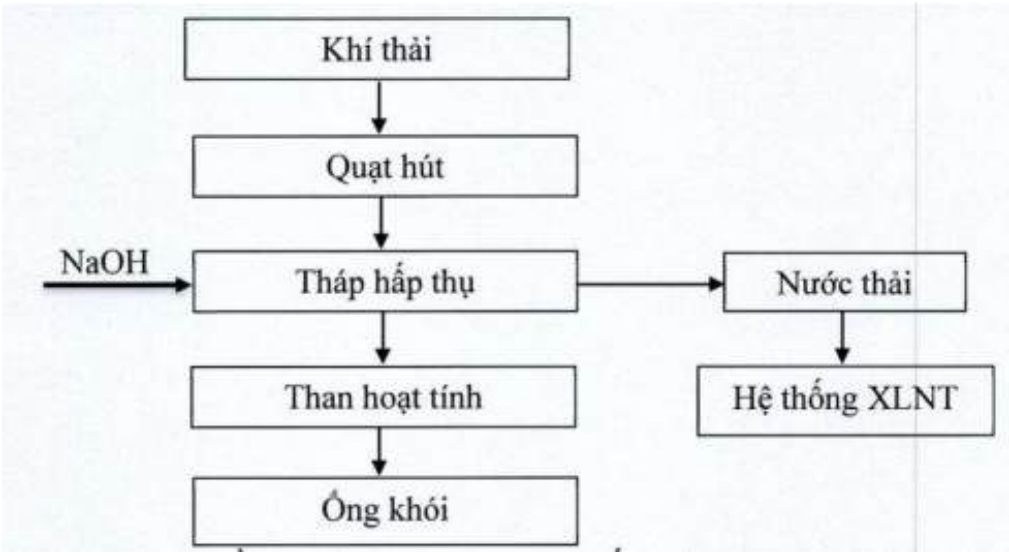

Hình 3.9: Quy trình xử lý khí thải lò hơi hiện hữu

Trong thời gian tới, Công ty sử dụng lò gia nhiệt bằng khí gas. Vì vậy khí thải phát sinh từ quá trình đốt gas ít gây tác động môi trường nên không cần hệ thống thu gom, xử

lý khí thải. Công ty sẽ tháo dỡ hệ thống thu gom, xử lý khí thải từ lò hơi đốt dầu DO hiện hữu.

❖ ***Giảm thiểu khí thải từ quá trình sơn***

Đối với bụi và hơi hóa chất từ công đoạn phun sơn: Công ty sẽ lắp đặt thêm 01 hệ thống thu gom, xử lý bụi và hơi hóa chất tại công đoạn phun sơn theo quy trình công nghệ như sau:

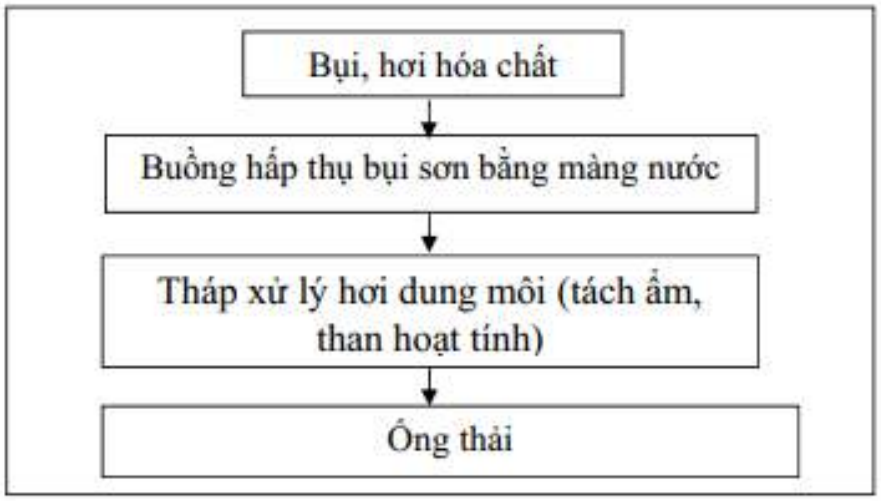

Hình 3.10: Sơ đồ quy trình xử lý bụi, hơi dung môi từ công đoạn phun sơn

Đối với bụi và hơi hóa chất từ công đoạn hấp sơn: Công ty sẽ lắp đặt thêm 01 hệ thống thu gom, xử lý hơi hóa chất tại công đoạn hấp sơn theo quy trình công nghệ xử lý như sau:

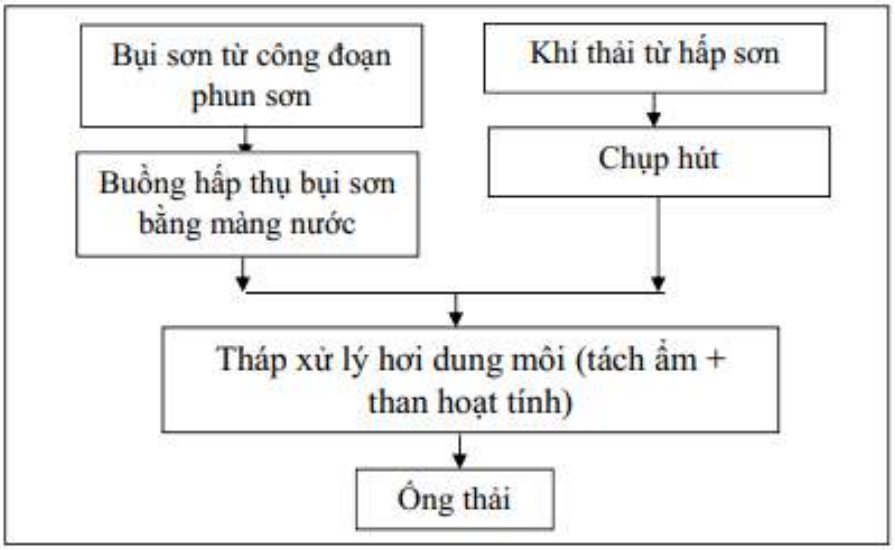

Hình 3.11: Sơ đồ quy trình xử lý bụi sơn, khí thải từ công đoạn phun sơn, hấp sơn

3.2.2.3. Đối với chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a) Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải sinh hoạt được chứa trong các thùng nhựa có nắp đậy kín (các thùng chứa được lót bên trong bằng túi nylon để tiện thu gom) và được bố trí trong khuôn viên. Vào

cuối ngày làm việc, nhân viên mang các túi nylon chứa rác sinh hoạt về kho chứa chất thải thông thường. Công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ 2 ngày/lần đến thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định.

b) Chất thải rắn sản xuất

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động nhà máy được đưa qua công đoạn phân loại và xử lý sơ bộ.

Được thu gom và đưa về chứa trong kho chứa chất thải, sau đó chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

c) Chất thải nguy hại

Toàn bộ CTNH phát sinh từ hoạt động của nhà máy sau khi nâng công suất sẽ được quản lý theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT. Cụ thể như sau:

+ Chất thải nguy hại phát sinh tại dự án được lưu giữ tại kho chứa CTNH riêng biệt. Kho chứa CTNH được xây vách tôn và có cửa khóa an toàn. Kết cấu: mái che bằng tôn, tường bao an toàn và nền được đổ bê tông chống thấm, được vệ sinh thường xuyên tránh ẩm ướt, bụi bẩn.

+ Các loại chất thải nguy hại được phân loại theo quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đóng gói, bảo quản CTNH theo chủng loại trong các cơ sở, thùng chứa, bao bì chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có dán nhãn bao gồm các thông tin sau:

- Tên CTNH, mã CTNH theo danh mục CTNH.
- Mô tả về nguy cơ do CTNH có thể gây ra.
- Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707 – 2009.
- Ngày bắt đầu được đóng gói, bảo quản.

Dự án sẽ sử dụng thùng chứa chuyên dụng (thùng kín, có nắp đậy) để chứa từng loại chất thải nguy hại theo mã CTNH, các chất thải sau khi thu gom theo từng loại được đưa về kho chứa CTNH theo đúng quy định.

3.2.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải không liên quan đến chất thải:

1) Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Công ty sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, đáp ứng QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung được thực hiện như sau:

❖ **Các giải pháp giảm thiểu tiếng ồn**

- Sử dụng đệm chống ồn được lắp tại chân quạt và thiết bị.
- Nhà điều hành sản xuất được cách ly riêng.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt.
- Kiểm tra độ mòn chi tiết và cho bôi trơn định kỳ.
- Quy hoạch trồng cây xanh: các dải cây xanh có tác dụng phản xạ âm, hút âm, do đó làm giảm mức ồn trong nhà máy.

❖ **Các biện pháp giảm thiểu độ rung**

- Đúc móng máy đủ khối lượng (bê tông mác cao), tăng chiều sâu móng.
- Lắp đặt thêm đệm cao su và lò xo chống rung với các thiết bị có công suất lớn.

2) Giảm thiểu ô nhiễm nhiệt:

Các biện pháp khống chế và giảm thiểu ô nhiễm nhiệt như sau:

+ Nhà xưởng được xây dựng thông thoáng, xung quanh mỗi nhà xưởng đều có cây xanh cách ly;

+ Lắp đặt quạt công nghiệp tại các vị trí công nhân đang vận có nhiệt độ cao như lò hơi….

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân đồng thời giám sát, yêu cầu công nhân sử dụng đúng và đầy đủ.

3.2.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.2.3.1. Phương án phòng ngừa

a) Biện pháp phòng chống sự cố cháy nổ

- Thiết kế đường xe chạy rộng xung quanh nhà xưởng; tính toán dự trù nguồn nước chữa cháy, bể cấp nước chữa cháy ở vị trí thuận lợi cho việc lấy nước và có lượng nước đủ để có thể dập tắt đám cháy nhanh chóng.

- Bố trí đủ, hợp lý các họng cứu hỏa ở ngoài khuôn viên phân xưởng sản xuất, bố trí hộp cứu hỏa trong phân xưởng sản xuất, các hộp đều có hệ thống ống đủ dài để kéo đến mọi điểm trong nhà máy.

- Theo quy chuẩn xây dựng Việt Nam, thiết kế nhà kho được tuân thủ qui định của TCVN 4317-86, trong đó ngoài những qui định chung về kết cấu công trình, thiết kế các kho lưu giữ chất nguy hại cần đặc biệt quan tâm đến các tiêu chuẩn phòng chống cháy nổ: tính chịu lửa; ngăn cách cháy; thoát hiểm; vật liệu trang trí, hoàn thiện, cách nhiệt; hệ thống báo cháy; hệ thống chữa cháy; phòng trực chống cháy.

- Trong các nhà xưởng sản xuất đều có trang bị đầy đủ dụng cụ PCCC, hệ thống báo cháy điện tử tự động, có phương án PCCC và tuân theo mọi quy định nghiêm ngặt về PCCC.

- Chủ cơ sở sẽ phối hợp với công an PCCC tỉnh Đồng Nai lập kế hoạch và triển khai các công việc cụ thể nhằm đảm bảo an toàn lao động tuyệt đối cho lao động.

b) Giảm thiểu và ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất

- Tiến hành kiểm tra và sửa chữa theo định kỳ tất cả các máy móc, thiết bị, đường ống, nhà kho và bồn chứa tần số 3 tháng/lần;

- Thiết kế các hệ thống báo cháy, thiết bị chữa cháy hợp lý. Có hệ thống chống sét và có kịch bản ứng phó đối với khu vực nhà xưởng mới;

- Không được xếp cùng kho các loại chất thải có tính chất kỵ nhau hoặc có cách chữa cháy khác nhau;

- Các khâu bốc dỡ, cấp phát, vận chuyển phải cơ giới hóa cao;

- Khoảng cách giữa các nhà kho với nhau phải đảm bảo đủ rộng để xe cứu hỏa có thể ra vào dễ dàng;

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra độ an toàn của bồn, thùng chứa tần số 1 tháng/lần

- Xây dựng tường bao quanh bồn và khu lưu giữ thùng chứa chất thải sao cho thể tích đảm bảo chứa hết chất thải khi sự cố xảy ra.

c) Giảm thiểu tai nạn lao động trong quá trình vận hành tại nhà máy

Để giảm thiểu tai nạn trong quá trình lao động tại nhà máy, chủ dự án có các chính sách về an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe cho cán bộ công nhân viên cụ thể:

- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động đầy đủ và phù hợp cho cán bộ, nhân viên nhà máy.

- Đề ra các nội quy an toàn lao động, nội quy vận hành máy móc, thiết bị.

- Kiểm tra thường xuyên việc tuân thủ các nội quy về an toàn trong lao động như: trang bị đủ bảo hộ lao động trước khi làm việc, vận hành máy móc, thiết bị đúng quy trình...

- Bố trí thời gian làm việc, nghỉ ngơi hợp lý.

- Tiến hành khám sức khỏe định kỳ cho công nhân viên nhà máy (02 lần/năm).

- Nhà xưởng được thiết kế xây dựng thông thoáng, có hệ thống quạt thông gió nhằm hạn chế nhiệt dư và hơi dung môi, khí thải trong khu vực làm việc của công nhân viên.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các hệ thống trang thiết bị, máy móc của nhà máy.

- Xây dựng phương án ứng cứu khi có tai nạn lao động xảy ra.

- Thường xuyên đào tạo, phổ biến và hướng dẫn về an toàn lao động, sức khoẻ môi trường và cách vận hành an toàn hệ thống máy móc thiết bị, quy trình xử lý, các biện pháp phòng tránh khi có sự cố xảy ra cho nhân viên Công ty.

3.2.3.2. Phương án ứng phó sự cố môi trường của nhà máy

Nhằm đảm bảo hoạt động ứng phó sự cố khi xảy ra sự cố tại cơ sở. Công ty đã bố trí lực lượng ứng phó sự cố và phân công nhiệm vụ cho các cá nhân, cụ thể như sau:

Bảng 3.17 Trách nhiệm lực lượng ứng phó sự cố môi trường

Nhiệm vụ ứng phó	**Người phụ trách/nhiệm vụ**	
	Chức vụ	**Công việc phụ tránh**
Điều hành chung	Giám đốc	- Chỉ đạo hành động ứng phó khẩn cấp. - Yêu cầu hỗ trợ từ các lực lượng chức năng bên ngoài nếu cần thiết.
Chỉ huy hiện trường	Trưởng ca sản xuất	- Chỉ đạo hành động ứng phó khẩn cấp tại hiện trường. - Chịu trách nhiệm kiểm soát toàn bộ sự cố. - Kiểm soát hoạt động của các bộ phận bị ảnh hưởng bởi sự cố. - Xem xét, đánh giá tình hình. - Đảm bảo huy động đội ứng phó sự cố, xử lý kịp thời. - Chỉ huy cứu hộ và ứng phó sự cố. - Báo cáo trực tiếp cho Ban Giám đốc. - Kiểm soát sự khắc phục, làm sạch môi trường.
Tham gia ứng phó	Bảo vệ, phòng hành chính	- Thông báo cho toàn nhà máy trong trường hợp khẩn cấp qua loa hoặc qua bộ đàm. - Cách ly hiện trường, cảnh báo về an toàn, nắm thông tin, đảm bảo an ninh trật tự.
	Nhân viên trong nhà máy	- Xử lý sự cố môi trường theo chỉ đạo của trưởng ca sản xuất. - Báo cáo tình hình sự cố cho Ban lãnh đạo Công ty. - Sơ cấp cứu, điểm danh nhân viên và hướng dẫn thoát hiểm.

<u>Quy trình ứng phó khẩn cấp các sự cố môi trường</u>

a) Đối với sự cố cháy nổ

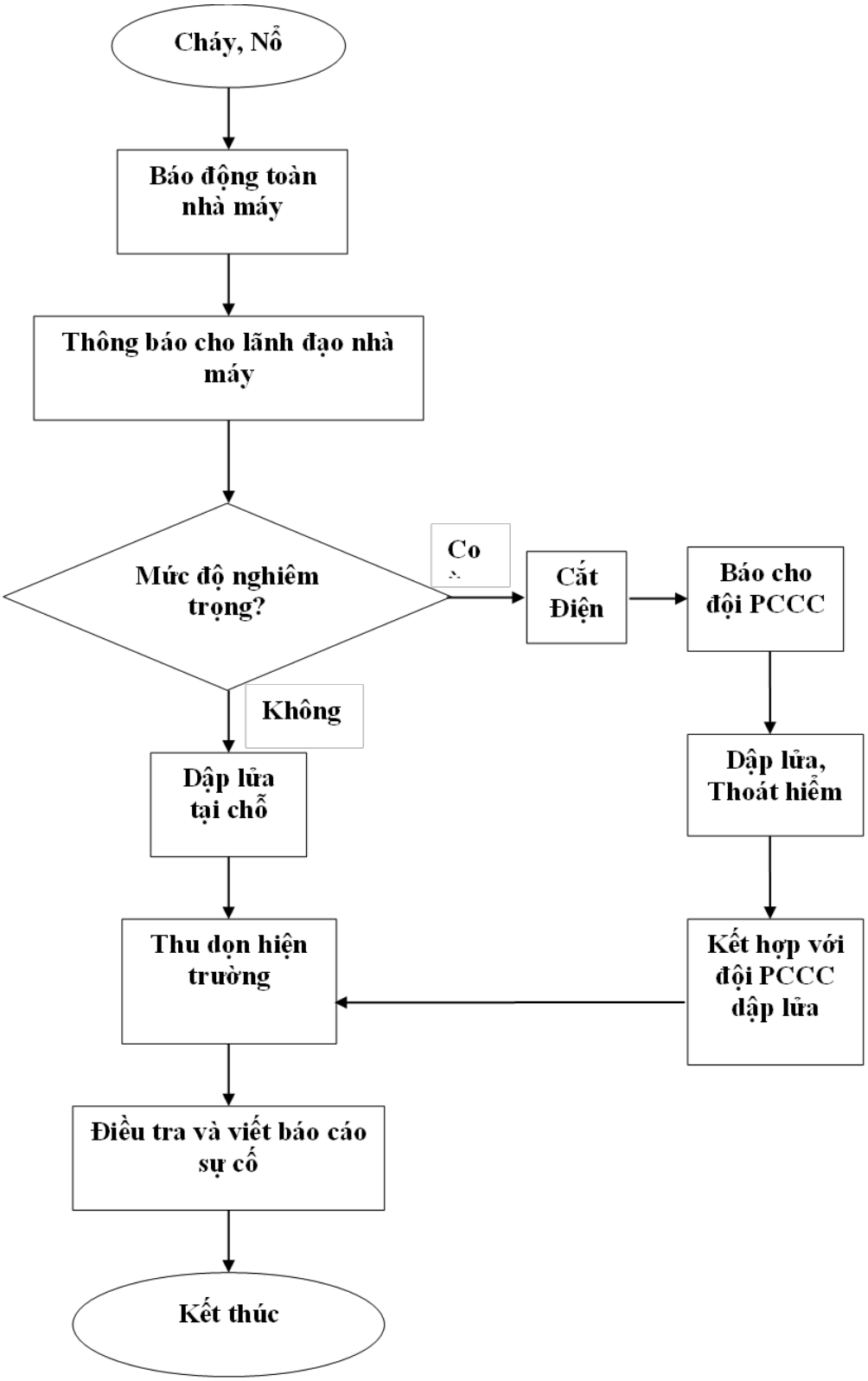

Hình 3.12 Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ

b) Đối với sự cố tràn đổ hóa chất:

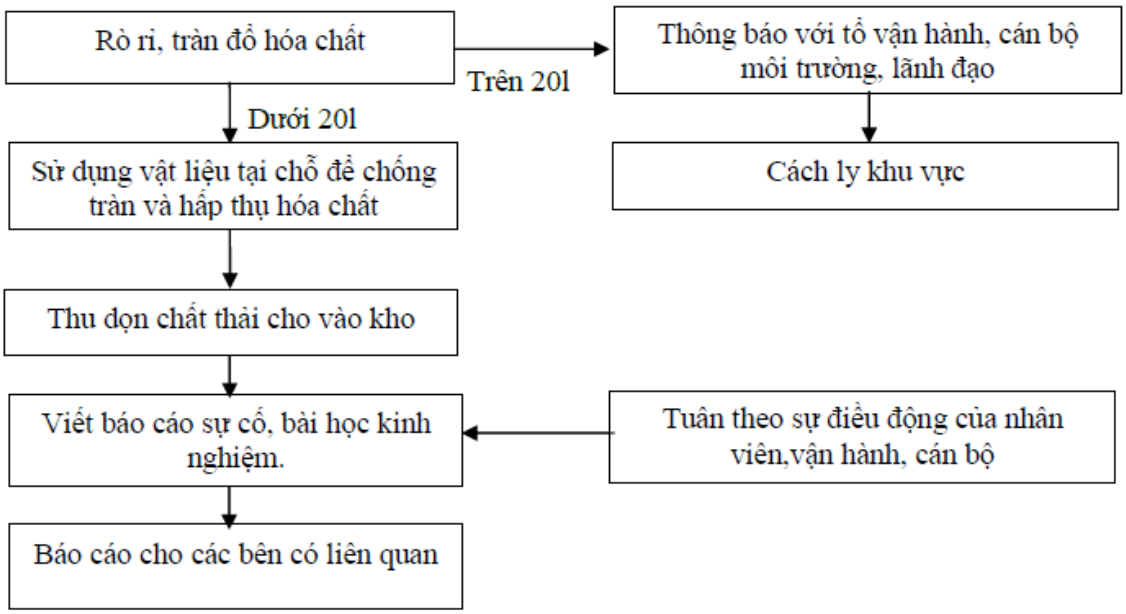

Hình 3.13 Hình quy trình ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất

c) Đối với tai nạn lao động

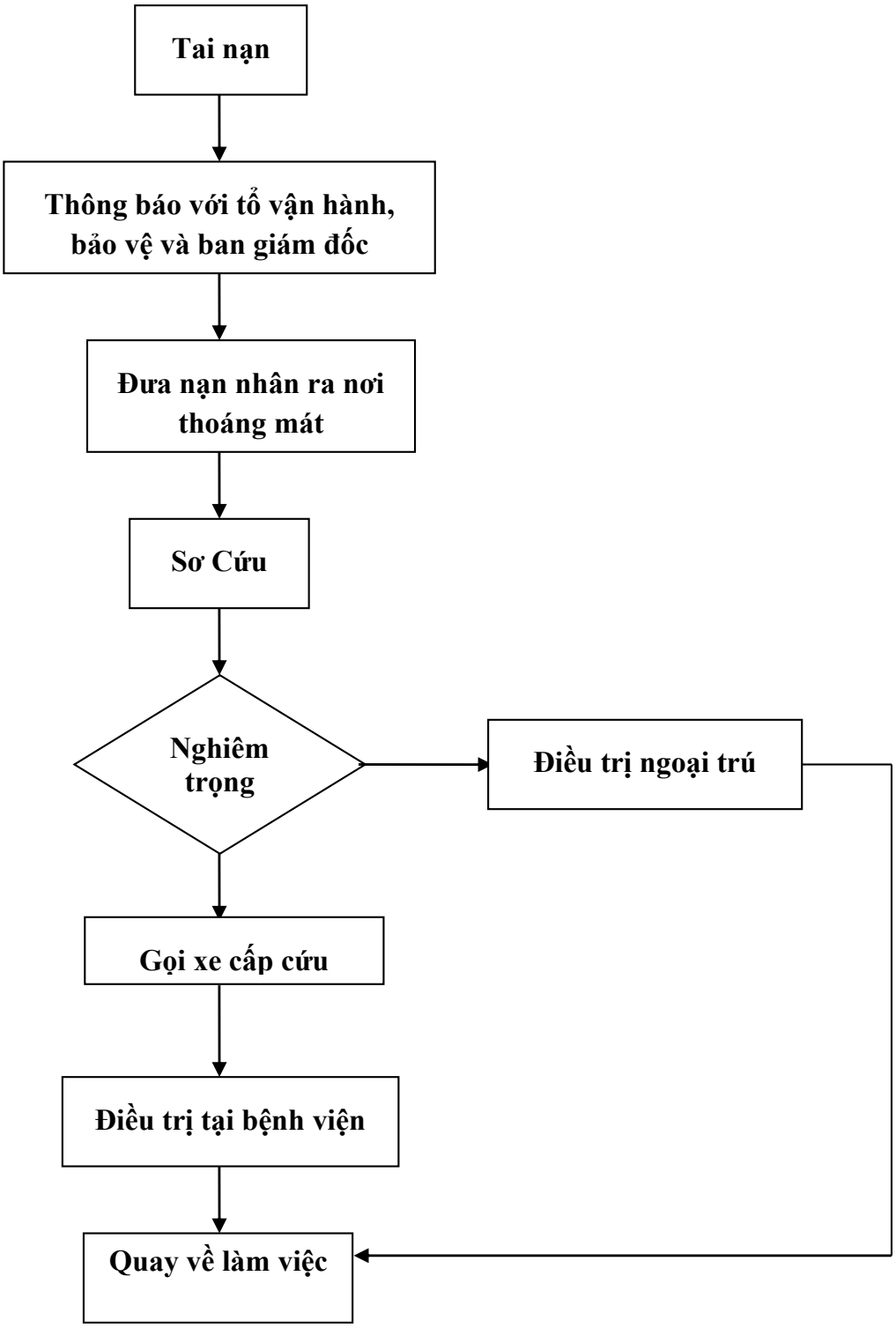

Hình 3.14 Quy trình ứng phó tai nạn lao động

d) Đối với tai nạn giao thông

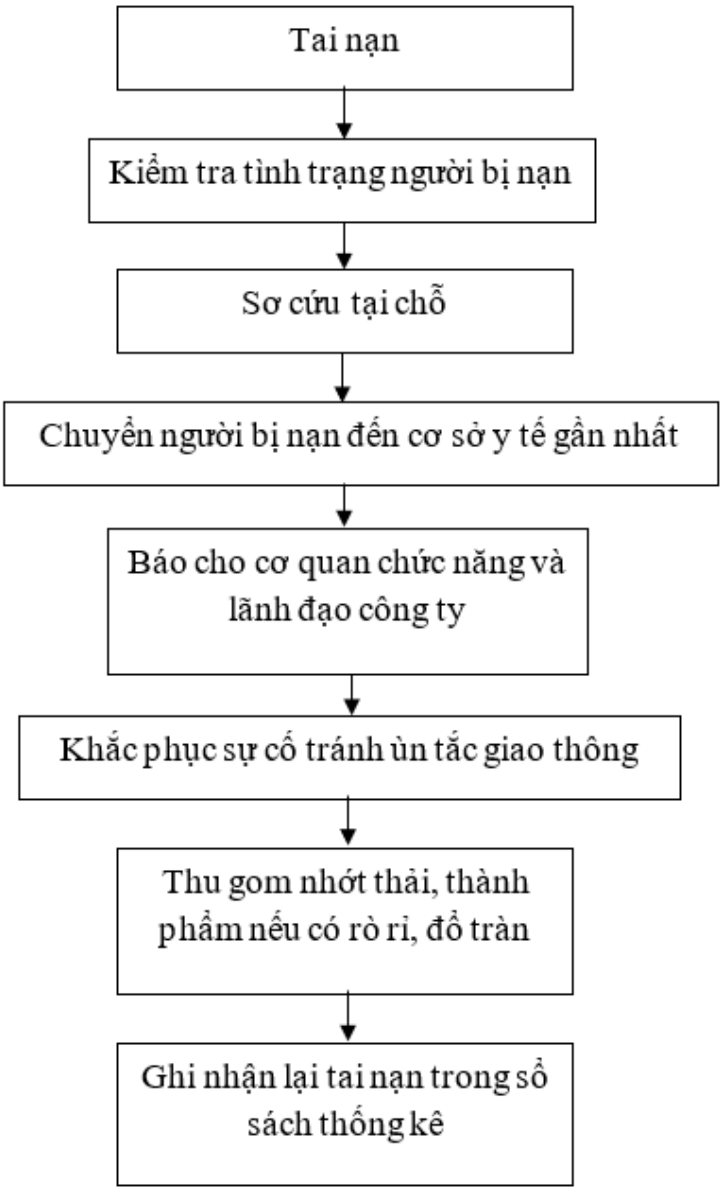

Hình 3.15 Quy trình ứng phó tai nạn giao thông

a) Đối với sự cố hệ thống xử lý nước thải, khí thải hoạt động không hiệu quả

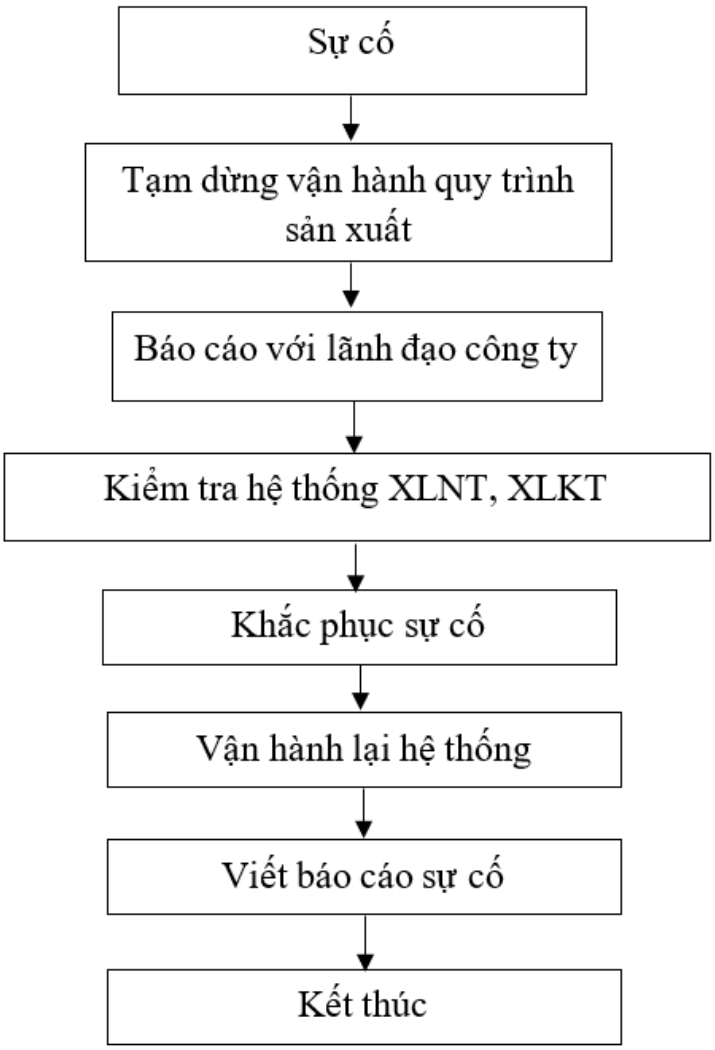

Hình 3.16 Quy trình ứng phó sự cố thống xử lý nước thải, khí thải hoạt động không hiệu quả

3.3. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

3.3.1. Mức độ chi tiết của các đánh giá

Báo cáo nhận dạng tác động của Dự án đã được xây dựng trên cơ sở xem xét từng hoạt động của Dự án đối với môi trường tiếp nhận tương ứng với các đặc trưng về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và kinh tế xã hội khu vực. Nếu thực hiện dự án sẽ xuất hiện các tác động tới chất lượng môi trường không khí, ồn, rung, chất lượng nước, đất, tác động tới giao thông, tác động do tập trung công nhân và các vấn đề kiểm soát quản lý chất thải, những sự cố rủi ro,.. Trong trường hợp không thực hiện Dự án sẽ không xuất hiện những tác động này nhưng lại hạn chế sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

Mức độ chi tiết của các đánh giá cũng được thể hiện trong các tính toán về nguồn thải dựa trên các số liệu về phương tiện, máy móc, vật liệu sử dụng, công nghệ áp dụng, nhân lực thực hiện Dự án và theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức được quy định trong các văn bản pháp lý của Nhà nước Việt Nam, các tổ chức quốc tế.

3.3.2. Độ tin cậy của các đánh giá

Độ tin cậy của các đánh giá tác động môi trường liên quan đến chất thải được trình bày tại Bảng sau:

3.4.2. Độ tin cậy của các đánh giá

Độ tin cậy của các đánh giá tác động môi trường liên quan đến chất thải được trình bày tại Bảng sau:

STT	Các đánh giá	Mức độ chi tiết	Độ tin cậy	Diễn giải
1	Nước thải sinh hoạt phát sinh từ CBCN	Định lượng tác động	Cao	Xác định thành phần và tính chất nước thải; Định lượng cụ thể tải lượng và lưu lượng nước thải phát sinh; Độ tin cậy cao sử do sử dụng các số liệu của dự án (căn cứ trên các định mức cụ thể).
2	CTR sinh hoạt	Định lượng tác động	Cao	Xác định thành phần và tính chất CTR sinh hoạt và sản xuất; Định lượng cụ thể khối lượng; Độ tin cậy cao do sử dụng các số liệu trong giáo trình quản lý và xử lý CTR.
3	Chất thải công nghiệp thông thường, CTNH	Định lượng tác động	Cao	
4	Bụi, khí thải	Định lượng tác động	Cao	Bụi, khí thải
5	Rủi ro sự cố	Định tính tác động	Trung bình	Mức độ tin cậy trung bình do tác động ở mức định tính.

CHƯƠNG 4.
PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

(Chỉ yêu cầu đối với các dự án khai thác khoáng sản, dự án chôn lấp chất thải, dự án có phương án bồi hoàn đa dạng sinh học). Dự án không thuộc hạng mục này.

CHƯƠNG 5.
CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

5.1 Chương trình quản lý môi trường của chủ dự án

Để đảm bảo quá trình hoạt động của Dự án không gây tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên, kinh tế xã hội của địa phương, mặt khác, nhằm đánh giá hiệu quả của các biện pháp khống chế, giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong suốt thời gian hoạt động của Dự án. Chủ Dự án xây dựng chương trình quản lý môi trường như sau:

Giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị của Dự án: Chính vì vậy, để thực hiện tốt và giám sát việc thực hiện theo các biện pháp đã đề ra, chủ Dự án sẽ giao trách nhiệm cho cán bộ có nhiệm vụ quản lý thi công trong công trường, đồng thời hướng dẫn, nhắc nhở thực hiện các nội quy, quy định về bảo vệ môi trường cho toàn bộ công nhân.

Giai đoạn đi vào hoạt động của Dự án: Sau khi đi vào hoạt động, Chủ Dự án sẽ bố trí cán bộ đảm nhiệm thực hiện quản lý các vấn đề môi trường cho Dự án như:

- Quản lý việc lưu trữ, thu gom và xử lý CTR và CTNH;

- Quản lý việc thu gom xử lý nước mưa, nước thải sản xuất;

- Quản lý các vấn đề về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ

Tổ chức phối hợp quan trắc, đánh giá hiện trạng môi trường, tổng hợp, xây dựng báo cáo môi trường và định kỳ báo cáo cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường, thực hiện chế độ báo cáo về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Trong quá trình hoạt động cán bộ chuyên trách về môi trường sẽ đưa ra những giải pháp và kiến nghị với Ban lãnh đạo kịp thời giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh hoặc những tồn tại trong suốt quá trình hoạt động của Dự án.

Chương trình quản lý môi trường được tổng hợp dưới dạng bảng như sau:

Bảng 5.1 Chương trình quản lý môi trường của Dự án

Các giai đoạn của dự án	**Các hoạt động của dự án**	**Các tác động môi trường**	**Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường**	**Thời gian thực hiện và hoàn thành**
1	2	3	4	5
Lắp đặt máy móc, thiết bị	Các phương tiện vận chuyển nhiên, nguyên vật liệu	Môi trường không khínhư: Bụi, độ ồn, SO_2,NOx; CO; CO_2; THC. - Chất thải lỏng rò rỉ - Sức khỏe của các hộ dân cư hai bên đường	- Điều phối các phương tiện ra vào dự án một cách hợp lý; - Phun nước chống bụi, dùng bạt che kín thùng xe khi vận chuyển nguyên liệu; - Dưới gầm xe có bố trí thùng thu gom chất thải lỏng phòng trường hợp rò rỉ. - Sử dụng xe chuyên dụng để vận chuyển nhiên liệu.	Thực hiện trong suốt quá trình lắp đặt máy móc thiết bị –1 tháng
	Lắp đặt thiết bị máy móc	Ô nhiễm nhiệt, độ ồn, độrung, không khí như:Bụi, độ ồn, SO_2; NOx; CO; CO_2;	- Bố trí lắp đặt đúng theo bản vẽ và đúng quy trình. - Bố trí các công nhân có chuyên môn và đủ trình độ tay nghề thao tác, lắp đặt. - Có kế hoạch làm việc khoa học, phù hợp khi thi công lắp đặt từng hạng mục không chồng chéo, cản trở nhau. - Quản lý tốt để hạn chế dầu mỡ, chất thải khác rơi vãi.	Thực hiện trong suốt quá trình lắp đặt máy móc thiết bị
	Sự cố như: cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông	Môi trường: không khí, đất, nước và hệ sinh thái. - Tính mạng con người và kinh tế.	- Trang bị thiết bị PCCC (thùng cát, bình CO_2, xẻng, nước cứuhỏa...). - Lưu trữ nhiên liệu theo đúng quy chuẩn an toàn. - Thành lập đội quản lý - Tuyên truyền, diễn tập ứng phó sự cố cháy nổ. - Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động khi làm việc.	Sử dụng hệ thống, trang thiết bị PCCC của nhà máy hiện hữu, tuân thủ các quy trình phòng chống cháy

			- Có kế hoạch ứng phó sự cố, dụng cụ thuốc men để sơ cứu, cấp cứu	nổ
	Sinh hoạt của công nhân	Nước thải sinh hoạt chứa cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh.	Đối với nước thải sinh hoạt, công nhân tham gia quá trình lắp đặt máy móc thiết bị, cải tạo hệ thống xử lý nước thải sẽ sử dụng nhà vệ sinh hiện tại của Nhà máy - Thu gom vào các thùng chứa rác chuyên dụng, thuê đơn vị cóchức năng xử lý. - Đăng ký tạm trú, tạm vắng cho công nhân; đăng kí số lượng công nhân và phối hợp với chính quyền địa phương giải quyết kịp thời khi xảy ra sự cố gây mất an ninh trật tự.	Hoàn thành trước khi đi vào xây dựng là 15 ngày Trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị
Giai đoạn vận hành	Hoạt động sản xuất	Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông vận chuyển nguyên vật liệu;	- Thường xuyên phun nước trên các tuyến đường nội bộ tại dự án nhất là vào các ngày nắng nóng - Giảm vận tốc xe khi vào trong khu vực dự án; - Hạn chế máy nổ không tải trong khu vực dự án; - Khi lưu thông trên đường phải chạy đúng theo vận tốc quy định để giảm thiểu tối đa bụi và khí thải cho khu vực dân cư sống hai bên đường. - Các loại xe vận tải phải đạt tiêu chuẩn quy định về đăng kiểm; - Không sử dụng xe quá cũ để vận chuyển, không chuyên chở quá trọng tải quy định nhằm giảm thiểu	Trong suốt quá trình hoạt động

			ảnh hưởng của khí thải.	
		Khí thải từ quá trình sản xuất	+ Công ty đã lắp đặt 01 hệ thống xử lý bụi công đoạn mài, đánh bóng + Công ty đã lắp đặt 04 hệ thống xử lý hơi dung môi từ công đoạn mạ	Thực hiện trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
		Chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp không nguy hại	Bố trí khu vực lưu chứa CTCN Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định	Thực hiện trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
		CTNH	Bố trí khu vực lưu chứa CTNT Trang bị thùng chứa CTNH CTNH sẽ được thu gom, phân loại, lưu giữ riêng biệt với các loại chất thải khác. Có dán nhãn, dấu hiệu nhận biết và cảnh báo Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định	
		Nước thải sản xuất:	Thu gom về hệ thống XLNT công suất 360 m^3/ngày để xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN, sau đó đấu nối vào trạm XLNT tập trung của KCN Long Bình (Amata) để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường.	Thực hiện trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
		Tiếng ồn và nhiệt thừa	Lắp đặt máy móc thiết bị vững chắc, lót đệm cao su chống ồn cho máy móc Lắp đặt quạt công nghiệp thông thoáng nhà xưởng	Thực hiện trong suốt quá trình hoạt động sản xuất

				kinh doanh của Công ty.
		Tác động kinh tế, xã hội	Ưu tiên tuyển dụng công nhân cho nhà máy là người lao động tại địa phương. Công nhân của nhà máy không lưu trú tại khu vực nhà máy sau giờ làm việc. Yêu cầu công nhân viên nghiêm chỉnh chấp hành Luật giao thông, không tụ tập trước cổng Công ty. Nghiêm cấm các hành vi gây rối trật tự trong khuôn viên nhà máy nói riêng và khu vực xung quanh nhà máy nói chung	Thực hiện trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
		Nước thải sinh hoạt	Xử lý qua bể tự hoại hiện hữu của nhà máy, dẫn về hệ thống XLNT của nhàmaáyđể xử lý. Sau đó dẫn về HTXLNT của KCN Long Bình (Amata) để xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường.	Thực hiện trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
	Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân	Chất thải rắn sinh hoạt	Trang bị thùng chứa; Thu gom và phân loại tại nguồn CTR sinh hoạt Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý.	Thực hiện trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.2. Chương trình giám sát môi trường

5.2.1. Giám sát nước thải:

Nước thải được quan trắc định kỳ đảm bảo yêu cầu đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Long Bình (Amata).

Bảng 5.2 Chương trình quan trắc nước thải

STT	Vị trí	Tần suất	Thông số giám sát	Quy chuẩn áp dụng
1	Cống đấu nối nước thải của Nhà máy vào Hệ thống thoát nước thải của KCN Long Bình (Amata)	3 tháng/ lần	pH, TSS, BOD_5, COD, Crôm IV, Crôm III, kẽm, Niken, Fe, Tổng dầu mỡ khoáng, Tổng coliform	Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Long Bình (Amata)

5.2.2. Giám sát bụi, khí thải công nghiệp

Bảng 5.3 Chương trình quan trắc bụi, khí thải công nghiệp

STT	Vị trí	Tần suất	Thông số giám sát	Quy chuẩn áp dụng
1	Ống thải sau hệ thống thu gom, xử lý bụi tại công đoạn mài và đánh bóng	3 tháng/lần	Bụi tổng, HCl, H_2SO_4.	QCVN 19:2024/BTNMT, Cột B
2	2 Ống thải sau 2 hệ thống thu gom, xử lý khí thải từ bể mạ, bể tẩy	3 tháng/lần	Bụi tổng, HCl, H_2SO_4.	QCVN 19:2024/BTNMT, Cột B
3	Ống thải sau hệ thống thu gom, xử lý bụi và hơi hóa chất tại công đoạn phun sơn	3 tháng/lần	Bụi tổng, HCl, H_2SO_4.	QCVN 19:2024/BTNMT, Cột B
4	Ống thải sau hệ thống xử lý bụi và hơi hóa chất từ công đoạn hấp sơn	3 tháng/lần	Bụi tổng, HCl, H_2SO_4.	QCVN 19:2024/BTNMT, Cột B

CHƯƠNG 6

KẾT QUẢ THAM VẤN

6.1. THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

6.1.1. Quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng

Dự án "*Công ty TNHH VP Components (Việt Nam)*" của Công ty TNHH VP Components (Việt Nam) được thực hiện tại KCN Long Bình (Amata) - Đây là khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và có Giấy phép môi trường số 356/GPMT-BTNMT ngày 12/9/2024 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp. Căn cứ vào điểm h, khoản 4, Điều 26, Nghị định số 08/2022/NĐCP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường nên không cần phải tiến hành tổ chức tham vấn cộng đồng.

6.1.2. Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử:

6.1.3. Tham vấn bằng văn bản theo quy định.

6.2. KẾT QUẢ THAM VẤN

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

I. Kết luận:

Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án về cơ bản đã liệt kê, xác định và định lượng được hầu hết các nguồn thải và các sự cố có thể xảy ra; từ đó đề xuất các giải pháp giảm thiểu tác động môi trường có tính thực tế và khả thi, đảm bảo xử lý các nguồn thải đại quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường. Báo cáo đã xây dựng được chương trình quản lý và quan trắc môi trường phù hợp trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn vận hành.

Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đã được thực hiện đầy đủ theo hướng dẫn theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên Môi trường.

Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích, đánh giá tác động môi trường một cách chi tiết, toàn diện cho dự án có thể rút ra một số kết luận sau:

- Báo cáo đã nhận dạng và đánh giá khá đầy đủ các tác động do hoạt động lắp đặt máy móc thiết bị, vận hành dự án ảnh hưởng đến môi trường, kinh tế, xã hội của địa phương

- Bác cáo đã xác định được mức độ, quy mô của các tác động theo từng giai đoạn của dự án. Theo đó:

+ Trong giai đoạn xây dựng tác động chủ yếu của dự án là hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị. Tác động này ở mức độ thấp và quy mô không lớn chủ yếu là trên tuyến vận chuyển và trong khuôn viên dự án do thời gian thi công không nhiều.

+ Trong giai đoạn hoạt động của dự án, các tác động chủ yếu được xác định như:

Bụi và khí thải, hơi dung môi từ các nguồn: các bể tẩy, mạ.. .

Nước thải phát sinh từ các nguồn: nước thải sinh hoạt; nước thải sản xuất từ; nước rửa xe, nước thải vệ sinh công nghiệp …

Chất thải rắn phát sinh từ các nguồn: các chất thải nguy hại, CTR phát sinh trong quá trình sinh hoạt của cán bộ nhân viên, từ sản xuất.

Qua đánh giá tác động tại chương 3 của báo cáo cho thấy, các tác động của khí thải, nước thải ảnh hưởng trực tiếp tới môi trường trong nhà máy và môi trường xung quanh, gây ô nhiễm môi trường và cần có biện pháp xử lý đảm bảo quy chuẩn hiện hành về môi trường. Chất thải rắn phát sinh lượng lớn nhưng được thu gom, đồng thời hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, đem đi xử lý. Vì vậy, tác động của chất thải rắn của Dự án là không đáng kể.

- Báo cáo đã đưa ra các biện pháp giảm thiểu tác động xấu phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với khả năng thực hiện của chủ dự án và có mức độ khả thi cao trong vấn đề giảm thiểu các tác động xấu.

- Báo cáo đã đưa ra đầy đủ các sự cố, rủi ro trong quá trình xây dựng, hoạt động của nhà máy và các biện pháp có tính khả thi cao trong ngăn ngừa, giảm thiểu và ứng cố sự cố.

II. Kiến nghị:

Trong suốt thời gian chuẩn bị và hoạt động của dự án, chủ dự án rất mong nhận được sự quan tâm, giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi của các cấp chính quyền, các ban ngành ở địa phương cho việc triển khai thực hiện Dự án. Chủ dự án cũng kiến nghị với Ban quản lý các khu kinh tế, khu công nghiệp Đồng Nai thẩm định và thông qua báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án để làm cơ sở tiến hành các thủ tục tiếp theo cho Dự án.

III. Cam kết của chủ dự án đầu tư

1. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu đã nêu ở báo cáo này, đảm bảo các nguồn thải phát sinh do hoạt động của dự án nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn Việt Nam (QCVN) về môi trường trong các giai đoạn hoạt động của dự án;

2. Thực hiện theo hướng dẫn các biện pháp phòng chống sự cố và khống chế nguồn ô nhiễm phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng phương án kỹ thuật đã nêu trong Báo cáo này;

3. Công khai thông tin, lưu giữ, cập nhật số liệu môi trường và báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo của dự án;

4. Cam kết tuân thủ, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo pháp luật và các văn bản dưới luật liên quan;

5. Cam kết các thông tin, số liệu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường (sau khi chỉnh sửa, hoàn thiện) bảo đảm tính rõ ràng, chính xác, tin cậy và đầy đủ;

6. Cam kết nội dung trong báo cáo đúng theo thực tế xây dựng và phù hợp với quyết định phê duyệt Kế hoạch môi trường của dự án đã được phê duyệt;

7. Chủ dự án xin chịu trách nhiệm trước Pháp luật Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các Công ước Quốc tế, các Tiêu chuẩn Việt Nam khi để xảy ra sự các trường hợp gây ô nhiễm môi trường trong các hoạt động xây dựng dự án và các sự cố khi dự án hoàn thành, ngoại trừ những sự cố bất khả kháng, do thiên tai hoặc đại dịch ngoài tầm kiểm soát của chủ dự án.

PHỤ LỤC 1

HỒ SƠ PHÁP LÝ

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp 3600485577 đăng ký lần đầu ngày 11/12/2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 17/09/2025 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.
2. Giấy ủy quyền số 012024/UQ-VP ngày 01/03/2024 của Tổng giám đốc Công ty TNHH VP Components ủy quyền cho bà Ho, Chin-Chih
3. Giấy xác nhận số 87599/25 ngày 17/09/2025 về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai.

Giấy chứng nhận đầu tư

4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 5406055642 chứng nhận lần đầu ngày 11/12/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 19/111/2025 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp.

Giấy tờ đất

5. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R950129 cấp ngày 15/3/2001
6. Hợp đồng thuê đất giữa Công ty TNHH Amata (Việt Nam) và Công ty TNHH VP Components ngày 28/12/2000.
7. Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình số 61/GP-KCN-ĐN ngày 11/12/2000
8. Phiếu xác nhận số 315/BĐK.KHCNMT ngày 28/03/2001 về Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.
9. Phiếu xác nhận số 329/BĐK-TNMT ngày 14/11/2004 về Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.

Hợp đồng thu gom chất thải

10. Hợp đồng kinh tế số 40/2025/HĐKT.CTNH ngày 02/05/2025 giữa Công ty TNHH VP Components Việt Nam và Công ty Cổ phần Cù Lao Xanh về việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại.

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

M.S.D.N:3600485577-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
P. LONG BÌNH - T. ĐỒNG NAI

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 3600485577

Đăng ký lần đầu: ngày 11 tháng 12 năm 2000

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 17 tháng 09 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VP COMPONENTS (VIETNAM) CO., LTD.

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: *0251.936579* Số Fax: *0251.936795*

Thư điện tử: *vp_lin@vpcomposents.com* Website: *www.vpcomponents.znn.vn*

3. Vốn điều lệ : 64.458.244.134 đồng.

Bằng chữ: Sáu mươi bốn tỷ bốn trăm năm mươi tám triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm ba mươi bốn đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: VP COMPONENTS (DELAWARE, U.S.A.) INTERNATIONAL L.L.C

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 3221184

Ngày cấp: 02/05/2000 Nơi cấp: Delaware, U.S.D

Địa chỉ trụ sở chính: 15 East North Street, Dover, Delaware 19901, Mỹ

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: LIAO, HAN- MING Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *20/06/1952* *Quốc tịch: Trung Quốc*

Hộ chiếu nước ngoài: *360361245*

Ngày cấp: *10/02/2022* Nơi cấp: *Bộ Ngoại giao Đài Loan (Trung Quốc)*

Chức danh: Tổng giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *B670, Làng chuyên gia The Oasis II, Đường D16, KDC Việt Sing, KP4, Phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
D/C: Lô 104/2-1 Đường số 2, KCN Amata,
P. Long Bình,TP Biên Hòa, T. Đồng Nai

Số: 012024/UQ-VP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----*****-----

GIẤY UỶ QUYỀN 授權書

Căn cứ vào Bộ luật dân sự 2015 do Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2015;根據越南國會 2015 年 11 月 24 日頒發的 2015 人事法律

Căn cứ Luật doanh nghiệp 2020 do Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ban hành thay thế, sửa đổi, bổ sung cho luật doanh nghiệp 2014, có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021;

根據越南國會 2021 年 01 月 01 日有效的 2020 營業代替更換，補充法律

Căn cứ vào Điều lệ hiện hành của Công ty TNHH VP Components (Việt Nam);

根據宏光車料（越南）責任有限公司現行的條例

Căn cứ Quyết định số: 012024/QĐ- VP ngày 01/03/2024 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH VP Components (Việt Nam về việc phân công, ủy quyền cho bà Ho Chin Chih như sau;

根據宏光車料（越南）責任有限公司的總經理分工，委託給何金芝女士，決定書號碼：012024/QĐ- VP

NGƯỜI UỶ QUYỀN 立授權書人: Ông LIAO HAN MING - 廖漢明 先生

Chức danh: Tổng Giám Đốc Công ty TNHH VP Components (Việt Nam)

職務：總經理

Sinh ngày 出生日期: 20/06/1952 Quốc tịch 國籍: Đài Loan –Trung Quốc

Hộ chiếu số護照號: 360361245, ngày cấp 發行日期 10/02/2022, nơi cấp 發行地 :Bộ Ngoại giao Đài Loan

Địa chỉ地址: 5F, No.125, Ln.363, Jinhu Road, Neihu District, Taipei City 114, Taiwan R.O.C

NGƯỜI NHẬN ỦY QUYỀN 被授權人: Bà HO, CHIN - CHIH – 何金芝女士

Chức danh: Giám đốc Công ty TNHH VP Components (Việt Nam)

職務：經理

Được quét bằng CamScanner

Số hộ chiếu 護照號: 361451037 ngày cấp 發行日期 16/01/2023 nơi cấp 發行由 :Bộ Ngoại giao Đài Loan

Quốc Tịch 國籍 :Trung Quốc (Đài Loan)

Bằng giấy ủy quyền này Người Nhận uỷ quyền được quyền thay mặt Người Ủy quyền thực hiện các công việc sau:

依照這份授權書，被授權人代替立授權人實現以下工作：

Điều 1 第一條: Phân công và ủy quyền cho Bà Ho Chin-Chih- Giám đốc như sau:

分工委託給何金芝女士-經理如下：

1. Được quyền ký các chứng từ giao dịch của Công ty liên quan đến Tài chính, Ngân hàng 可以跟財政，銀行交易各種資料簽訂。

2. Được toàn quyền quyết định và ký kết các hợp đồng dịch vụ, mua, bán, gia công của Công ty 可以全權決定及簽訂公司的各種合約（服務合約，買賣合約，加工合約。。。）.

3. Được ký kết hợp đồng lao động với cán bộ quản lý, nhân viên, công nhân của Công ty 可以跟公司的管理幹部，人員，工人簽訂合約.

4. Được quyền ký các báo cáo, văn bản liên quan đến các Cơ Quan quản lý Nhà nước như: Thuế, Bảo Hiểm, Thống kê, Hải quan...關於國家機關管理各種報告，文件可以簽訂（如：稅局，保險局，統計局，海關局。。。）

Điều 2 第二條: Giấy Ủy Quyền này có hiệu lực kể từ ngày 01/03/2024 cho đến khi có thông báo thay đổi

這份授權書從 2024/03/01 日有效至有新的通報時。

Điều 3 第三條: Bà Ho Chin-Chih và các bộ phận liên quan của Công ty có trách nhiệm thi hành theo Giấy Ủy Quyền này 何金芝女士及公司相關部門有責任依照這份授權書執行。

Bình Dương, ngày 01 tháng 03 năm 2024

Bên Được Ủy Quyền	**Bên Ủy Quyền**
被授權人	立授權書人
何金芝	
HO CHIN CHIH	**LIAO HAN MING**

Được quét bằng CamScanner

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 17 tháng 09 năm 2025

Số: 87599/25

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH: Tỉnh Đồng Nai
Địa chỉ trụ sở: *108 đường Hà Huy Giáp, Phường Trung Dũng, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*
Điện thoại: 0251 885 0777 Số Fax: 0251 394 1718
Thư điện tử: dkkd.skhdt@dongnai.gov.vn Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
Mã số doanh nghiệp: 3600485577

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Xi mạ các sản phẩm	2592(Chính)
2	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	2219
3	Sản xuất sản phẩm từ plastic (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	2220
4	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (trừ xi mạ, trừ sơn tĩnh điện) (không gia công tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).	2599
5	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật Chi tiết: Sản xuất bàn đạp, các bộ phận của bàn đạp và các chi tiết bằng nhựa của xe đạp, sản xuất các chi tiết của trục giữa xe đạp và ổ trục điều khiển tay lái xe đạp. Các sản phẩm nêu trên, ít nhất 80% dùng để nhập khẩu, số sản phẩm còn lại tiêu thụ tại thị trường Việt Nam. Thuê gia công và nhận gia công các công đoạn của các sản phẩm phù hợp với mục tiêu quy định tại giấy phép đầu tư.	3092

STT	Tên ngành	Mã ngành
6	- Doanh nghiệp phải thực hiện đúng những ngành nghề phù hợp quy hoạch trong Khu/cụm công nghiệp ...; doanh nghiệp chỉ được hoạt động kinh doanh khi thực hiện đúng quy định pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. - Đối với ngành, nghề kinh doanh thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại Phụ lục IV của Luật Đầu tư, doanh nghiệp phải đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Người đại diện theo ủy quyền

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Quốc tịch của người đại diện theo ủy quyền	Địa chỉ liên lạc	Số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài	Vốn được ủy quyền		
						Tổng giá trị vốn được đại diện (*VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài nếu có*)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn
1	VP COMPONENTS (DELAWARE, U.S.A.) INTERNATIONAL L.L.C	CHANG, SU- JEN	Trung Quốc	No.16, Alley 45, Lane 97, Chung Hsiao Rd., Yu Shih Vill., Chiao Hsi Township, Yi Lan County, Trung Quốc	363998834	64458244134	100,000%	20/11/2020

Thông tin đăng kí thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): LIAO, HAN- MING Điện thoại: 0985831062
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: NGUYỄN THỊ DIỆU HIỀN Điện thoại: 028 38 239 539

3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam Điện thoại: *02513936579* Fax: *02513936795* Email: *vp_lin@vpcomposents.com*
4	Hình thức hạch toán: *Hạch toán độc lập*
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày *1/1* đến ngày *31/12*
6	Tổng số lao động: *300*
7	Phương pháp tính thuế GTGT: *Khấu trừ*

Thông tin chủ sở hữu hưởng lợi

STT	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy tờ pháp lý của cá nhân	Quốc tịch	Dân tộc	Địa chỉ liên lạc	Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp	
								Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ	Quyền chi phối
1	CHANG, SU- JEN	17/03/1957	Nam	352394249	Trung Quốc		No.16, Alley 45, Lane 97, Chung Hsiao Rd., Yu Shih Vill., Chiao Hsi Township, Yi Lan County, Trung Quốc	100,00	

Nơi nhận:
-CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM) . Địa chỉ:Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

-.....;
- Lưu: Lê Văn Tấn.....

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Trịnh Ngọc Linh

BAN QUẢN LÝ **CÁC KHU CÔNG NGHIỆP,** **KHU KINH TẾ TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 5406055642

Chứng nhận lần đầu: ngày 11 tháng 12 năm 2000

Chứng nhận thay đổi lần thứ hai: ngày 14 tháng 01 năm 2021

Chứng nhận thay đổi lần thứ ba: ngày 19 tháng 11 năm 2025

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5406055642 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 14 tháng 01 năm 2021;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM) nộp ngày 17 tháng 11 năm 2025,

Chứng nhận:

Dự án đầu tư CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM); mã số dự án 5406055642 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 14 tháng 01 năm 2021;

Được đăng ký:

- Cập nhật thông tin hộ chiếu người đại diện của Nhà đầu tư.
- Điều chỉnh thông tin tổ chức kinh tế thực hiện dự án.
- Hủy mục tiêu: Sản xuất các bàn đạp, các bộ phận của bàn đạp, các chi tiết bằng nhựa của xe đạp; các chi tiết của ổ trục giữa xe đạp và ổ trục điều khiển tay lái xe đạp.
- Bổ sung mục tiêu:

+ Sản xuất logo (tem nhãn) và các phụ kiện tem nhãn bằng nhựa với quy mô 778 tấn/năm.

+ Sản xuất logo (tem nhãn) và các phụ kiện tem nhãn bằng kim loại (bao gồm công đoạn xi mạ) với quy mô 7.000 tấn/năm.

+ Gia công cơ khí (mài, tiện, ba via) (không bao gồm công đoạn xi mạ) với quy mô 7.895 tấn/năm.

- Tăng vốn góp đầu tư từ 5.600.000 đô la Mỹ lên 7.600.000 đô la Mỹ (tăng 2.000.000 đô la Mỹ).

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

VP COMPONENTS (DELAWARE, U.S.A.) INTERNATIONAL L.L.C; Giấy phép thành lập số 3221184 cấp ngày 02 tháng 5 năm 2000 tại Hoa Kỳ; trụ sở chính đặt tại: 15 East North Street, Dover, Delaware 19901, United States of America.

Người đại diện: Bà CHANG, SU - JEN; chức vụ: Giám đốc; sinh ngày 17 tháng 3 năm 1957; quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan); hộ chiếu số: 363998834 cấp ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại Trung Quốc (Đài Loan); địa chỉ thường trú: No. 16, Alley 45, Lane 97, Chung Hsiao Rd., Yu Shih Vill., Chiao Hsi Township, Yi Lan County, Taiwan, China.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600485577 đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 12 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 17 tháng 9 năm 2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư: **CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM).**

2. Mục tiêu và quy mô của dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Quy mô	Mã ngành theo VSIC
01	Sản xuất logo (tem nhãn) và các phụ kiện tem nhãn bằng nhựa.	778 tấn/năm.	2220
02	Sản xuất logo (tem nhãn) và các phụ kiện tem nhãn bằng kim loại (bao gồm công đoạn xi mạ).	7.000 tấn/năm.	2592
03	Gia công cơ khí (mài, tiện, ba via) (không bao gồm công đoạn xi mạ).	7.895 tấn/năm.	2599

* Không thực hiện gia công xi mạ.

3. Địa điểm thực hiện dự án: Lô 104/2-1, đường số 2, Khu công nghiệp Long Bình (Amata), phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai.

4. Diện tích đất sử dụng: 30.006 m^2.

5. Tổng vốn đầu tư của dự án: 161.006.000.000 (một trăm sáu mươi mốt tỷ, không trăm lẻ sáu triệu) đồng, tương đương 7.600.000 (bảy triệu, sáu trăm nghìn) đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 64.458.244.134 (sáu mươi bốn tỷ, bốn trăm năm mươi tám triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn, một trăm ba mươi bốn) đồng Việt Nam, tương đương 3.592.789,93 (ba triệu, năm trăm chín mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi chín phẩy chín mươi ba) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 47% tổng vốn đầu tư, do VP COMPONENTS (DELAWARE, U.S.A.) INTERNATIONAL L.L.C góp; tiến độ góp vốn: Đã góp đủ.

6. Thời hạn hoạt động của dự án: 45 (bốn mươi lăm) năm kể từ ngày 11 tháng 12 năm 2000.

7. Tiến độ thực hiện dự án: Đi vào hoạt động từ tháng 6 năm 2001.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

1. Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo quy định về Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Thuế nhập khẩu và các loại thuế khác: Theo quy định tại thời điểm nộp thuế.

Điều 3: Các quy định đối với Nhà đầu tư, Tổ chức kinh tế thực hiện dự án:

1. Thực hiện thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng và báo cáo định kỳ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Triển khai dự án đầu tư theo mục tiêu, nội dung, tiến độ cam kết và tuân thủ các quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, các quy định pháp luật về

đầu tư, đất đai, quy hoạch, môi trường, xây dựng, lao động và pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai dự án.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5406055642 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 14 tháng 01 năm 2021.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM) được cấp 01 (một) bản, 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Lưu: VT, P. ĐT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Nguyễn Minh Chiến

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

SốR 950129

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN

Tỉnh: Đồng Nai

CHỨNG NHẬN

Công ty TNHH VP Components (Việt Nam)

Được quyền sử dụng (Thuê lại đất) *30.006,0* m^2 đất.

Tại: *Phường Long Bình*
TP Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai

Theo bảng liệt kê dưới đây:

Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m^2)	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Phần ghi thêm
60	*56*	*30.006,0*	*XD*	*Đến ngày 31/12/2044*	Thuê lại đất của Công ty Liên doanh Phát triển Khu công nghiệp Long Bình Hiện Đại.

Ngày 15 tháng 3 năm 2001

Chủ tịch UBND

Vào sổ cấp giấy chứng nhận
Quyền sử dụng đất
Số T0060 QSDĐ/700/QĐ-UB

NHỮNG THAY ĐỔI SAU KHI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Ngày tháng năm	Số và nội dung quyết định	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
06/11/2019	- Số thửa đất thay đổi lại là 38, số mới của tờ bản đồ là 14 (do thay đổi hệ thống bản đồ địa chính phường Long Bình).	Giám đốc VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI Lê Thanh Tuấn

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý !

1- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo các điều 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79 Luật Đất đai 1993.

2- Khi có thay đổi về hình thể, quy mô sử dụng, mục đích sử dụng và người sử dụng khu đất, phải mang giấy chứng nhận này đến đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ một nội dung nào trong giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc làm hư hỏng giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 56(cũ)38(mới) **Tờ bản đồ số:** 60(cũ) 14(mới)

Số phát hành GCN: R950129 **Số vào sổ cấp GCN:** T00010

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
- Thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất (Hợp đồng thế chấp số: **192015-HDTC** ngày 06/11/2019) tại Ngân hàng SINOPAC - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Tòa nhà Trung tâm Văn phòng Sài Gòn Riverside, số 2A-4A Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh theo hồ sơ số 003055.TC.003./.	**Ngày 06/11/2019** **GIÁM ĐỐC** VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI **Lê Thanh Tuấn**

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

Trang bổ sung số: .01.

AMATA
(VIETNAM) COMPANY LIMITED

HỢP ĐỒNG THUÊ BẤT ĐỘNG SẢN

Giữa

CÔNG TY TNHH AMATA (VIỆT NAM)

Và

CÔNG TY TNHH
VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

****

Amata 与 VP in 不动产 (东西)

Ngày 28 tháng 12 năm 2000

HỢP ĐỒNG THUÊ BẤT ĐỘNG SẢN

Hợp đồng này được làm tại TP HCM vào ngày 28 tháng 12 năm 2000 bởi và giữa:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Amata (Việt Nam), một công ty liên doanh thành lập và hoạt động theo luật pháp Việt Nam, theo Giấy phép đầu tư số 1100/GP cấp ngày 31/12/94 bởi Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư, trụ sở đăng ký đặt tại phường Long Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam; (Dưới đây gọi là "Bên cho thuê"); và

Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn VP Components (Việt Nam), một công ty được thành lập và hoạt động theo luật pháp Việt Nam, Giấy phép đầu tư số 61/GP-KCN-ĐN được cấp bởi Ban Quản Lý Các Khu Công Nghiệp Đồng Nai ngày 11 tháng 12 năm 2000, trụ sở đăng ký tại 104/2-1, Đường Amata số 2, Khu Công Nghiệp Hiện Đại Amata, Phường Long Bình. Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam, (Dưới đây gọi là "Bên thuê")

Xét rằng, Bên cho thuê nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C060756 QSDĐ/UBT-LB do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp ngày 2/5/96 cho một khu vực đất 100 ha tại phường Long Bình, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam để xây dựng một khu công nghiệp hiện đại còn gọi là Amata City (Biên Hoà) hoặc Khu Công Nghiệp Long Bình Hiện Đại, bao gồm cơ sở hạ tầng và các hệ thống tiện ích cần thiết hỗ trợ cho việc sản xuất của các nhà đầu tư, theo thiết kế chi tiết đã được Bộ Xây dựng Việt Nam phê duyệt, và được phép cho các nhà đầu tư thuê các lô đất ở Amata City (Biên Hòa) trong thời hạn 50 năm, kết thúc vào ngày 31/12/2044.

Xét rằng, Bên cho thuê muốn cho thuê và Bên thuê muốn thuê lô đất số 104/2-1 có diện tích 30.006 m^2 trong Amata City (Biên Hòa) được xác định trên "Bản đồ phân bố đất tại Amata" đính kèm Phụ lục 1 như một bộ phận không thể tách rời (Bất động sản cho thuê)

Do đó, nay các bên đồng ý thực hiện Hợp đồng này theo những điều khoản và điều kiện dưới đây:

1.Thời hạn thuê và mục đích thuê

Bên thuê đồng ý thuê Bất động sản cho thuê từ Bên cho thuê và Bên cho thuê đồng ý để Bất động sản cho Bên thuê sử dụng bắt đầu từ ngày ký Hợp đồng thuê Bất động sản tới hết ngày 31/12/2044 (Thời hạn thuê) theo các điều khoản và điều kiện quy định trong Hợp đồng thuê Bất động sản này.

Bên thuê được sử dụng Bất động sản cho thuê trong suốt Thời hạn thuê để thực hiện công việc kinh doanh theo Điều 5.4 như được phê chuẩn trong Giấy phép đầu tư do cấp có thẩm quyền cấp, với điều kiện là nếu việc kinh doanh phát triển sản xuất những sản phẩm có tính chất khác liên quan đến các chất ô nhiễm và độc hại

thì phải có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên cho thuê.

2. Quyền sở hữu và sử dụng Bất động sản cho thuê của Bên thuê

2.1. Bên cho thuê đồng ý để Bên thuê được vào Bất động sản cho thuê để kiểm tra, thử nghiệm đất và khoan thăm dò trên Bất động sản cho thuê theo luật pháp Việt Nam.

2.2. Bên thuê được phép khởi công xây dựng và hoạt động trên phần Bất động sản cho thuê khi: 1) Bên thuê nhận được giấy phép xây dựng do Sở xây dựng tỉnh Đồng Nai cấp với sự đồng ý trước của Bên cho thuê về bản vẽ nhà máy của Bên thuê ; và 2)Bên thuê ký Bản ghi nhớ của Hợp đồng thuê Bất động sản, về: Tiêu chuẩn chung cho Nhà thầu xây dựng, qui định trong Phụ lục V đính kèm.

Bất cứ nhà xưởng, kho bãi, tòa nhà, công trình kiến trúc, công trình xây dựng bao gồm cả cải tạo hoặc bổ sung xây dựng thêm khác trong Bất động sản cho thuê để Bên Thuê thực hiện hoạt động kinh doanh như được nêu trong điều khoản 1 đều sẽ là tài sản của Bên Thuê và sẽ không được xem là một phần thuộc Bất động sản cho thuê.

3. Tiền thuê Bất động sản và phương thức thanh toán:

3.1. Bên cho thuê và Bên thuê thỏa thuận khoản Tiền thuê Bất động sản trong suốt Thời hạn thuê là 45USD (bốn mươi lăm Đô la Mỹ) một mét vuông không bao gồm thuế Gía Trị Gia Tăng mà sẽ được trả bởi Bên Thuê, tổng cộng là 1.350.270 USD (Một triệu ba trăm năm mươi ngàn hai trăm bảy mươi Đô la Mỹ) (Tiền thuê Bất động sản)

Tiền thuê Bất động sản sẽ bao gồm trách nhiệm của Bên cho thuê trong việc: 1) Xin Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, và 2) Hoạt động, phát triển đất đai và xây dựng các cơ sở hạ tầng cần thiết trong suốt quá trình thực hiện phát triển giai đoạn I của Amata City (Biên Hòa) theo bản thiết kế chi tiết được Bộ Xây dựng phê duyệt.

Amata sẽ nộp thuế VAT cho mỗi lần thanh toán tiền thuê bất động sản cho Cục Thuế Tỉnh Đồng Nai thay cho Bên thuê và Bên thuê sẽ chuyển ngay tiền hoàn thuế VAT hoặc thuế VAT khấu trừ đầu ra theo hóa đơn cho mỗi kỳ thanh toán tiền thuê bất động sản cho Amata trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận được khoản hoàn thuế VAT từ Cục Thuế Tỉnh Đồng Nai hoặc khoản được khấu trừ từ VAT đầu ra.

Bên thuê sẽ đăng ký và kê khai thuế tại Cục Thuế Tỉnh Đồng Nai trong vòng 30 ngày sau khi nhận được giấy phép đầu tư từ Ban Quản Lý Khu Công Nghiệp Đồng Nai. Bên thuê đồng ý kê khai VAT mỗi tháng theo quy định của Tổng Cục Thuế Việt Nam.

Nếu bên thuê không hoàn thuế VAT đúng hạn hoặc cũng không kê khai VAT mỗi thánng như được nêu trong đoạn 3 và 4 của Điều 3.1 này, Amata sẽ có quyền tính vào khoản trả quá hạn với mức lãi suất 15% một năm cho tới ngày Bên cho thuê nhận được khoản thanh toán quá hạn đó mà không cần đưa ra bất cứ thông báo bằng văn bản nào cho Bên thuê.

3.2. Tiền thuê Bất động sản sẽ được Bên thuê trả cho Bên cho thuê theo các phương thức thanh toán sau đây:

3.2.1. Lần trả thứ nhất là 540.108 USD (năm trăm bốn mươi ngàn một trăm lẽ tám Đôla Mỹ) bằng 40% (bốn mươi phần trăm) Tiền thuê Bất động sản, được trả vào ngày 28/8/2000.

3.2.2. Lần trả thứ hai là 270.054 USD (hai trăm bảy mươi ngàn không trăm năm mươi bốn Đô la Mỹ) bằng 20% (hai mươi phần trăm) Tiền thuê Bất động sản, được trả vào ngày 16/10/2000.

3.2.3. Lần trả thứ ba là 540.108 USD (năm trăm bốn mươi ngàn một trăm lẽ tám Đôla Mỹ) sẽ được trả vào ngày 1/6/2001.

Số tiền 66.000USD (sáu mươi sáu ngàn Đô la Mỹ) đã được trả bởi Bên xúc tiến cho Bên cho thuê là tiền ký qũy theo Hợp đồng giữ chỗ đã được ký giữa Bên xúc tiến và Bên cho thuê, sẽ được ghi có vào lần trả thứ nhất nói trên.

Bên thuê sẽ thanh toán phí chuyển khoản của ngân hàng hoặc khỏan thuế khác (nếu có) ở Việt Nam hoặc từ nước ngoài cho mỗi lần thanh toán trên.

Bên thuê đồng ý rằng bất kỳ lần trả đến hạn nào của Bất động sản cho thuê, theo yêu cầu của Bên cho thuê, Bên thuê sẽ giử lại số tiền phải trả bằng đôla Mỹ trong một thời hạn do Bên cho thuê ấn định. Trong trường hợp này Bên thuê đồng ý phát một đơn bảo lãnh của ngân hành từ ngân hàng của Bên thuê để đảm bảo rằng số tiền đến hạn bằng đô la Mỹ sẽ trả cho Bên cho thuê. Bên thuê đồng ý trả toàn bộ số tiền lãi phát sinh trên số tiền đô đến hạn cho Bên cho thuê dựa trên mức lãi suất hiện hành cao nhất đối với tiền gởi ngoại tệ có thời hạn được ngân hàng của Bên thuê ban hành bảo lãnh công bố. Phí bảo lãnh ngân hàng và các loại thuế (nếu có) phát sinh trên tiền lãi này sẽ do Bên cho thuê chịu.

Khi nhận khoản thanh toán từ Bên thuê, Bên cho thuê sẽ phát hành biên nhận cho số tiền tương ứng đã nhận được.

4. Nghiã vụ của Bên cho thuê đối với Bất động sản cho thuê

4.1. Bên cho thuê sẽ bàn giao hiện trạng Bất động sản cho thuê cho Bên Thuê khi nhận được chứng nhận quyền sử dụng đất đối với bất động sản cho thuê từ Sở Địa Chính Tỉnh Đồng Nai.

4.2. Bên cho thuê xác nhận đã được thuê quyền sử dụng đất của Bất Động Sản cho thuê từ các cấp có thẩm quyền của tỉnh Đồng Nai cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2044 và việc cho Bên thuê thuê lại là đúng luật pháp, và quyền này không bị chi phối bởi bất kỳ quyền để đương hoặc quyền địa dịch, quyền hưởng hoa lợi, quyền chọn lựa, quyền cho thuê, quyền chiếm dụng dưới bất kỳ hình thức nào khác.

4.3. Bên cho thuê thỏa thuận bảo đảm cung cấp 6 đường dây điện thoại tới bìa ngoài của Bất động sản cho thuê trước cuối tháng 4 năm 2001, với điều kiện là Bên thuê phải nộp cho Bên cho thuê một bộ hồ sơ đầy đủ cho việc xin sử dụng các đường dây điện thoại đó trước 60 ngày để Bên cho thuê nộp lên Bưu chính viễn thông tỉnh Đồng Nai trong vòng 7 ngày sau khi nhận hồ sơ này. Bên thuê sẽ thanh toán lại cho Bên cho thuê tất cả những chi phí theo mức giá mà Bên cho thuê/bên được bên cho thuê ủy quyền định ra đã được các cấp thẩm quyền phê duyệt mà Bên cho thuê đã thanh toán thay cho Bên thuê trong việc lắp đặt và treo cáp từ tổng đài gần đó vào tới bên trong của Bất động sản cho thuê.

Tùy vào số đường dây điện thoại còn dư ngoài những số đã được đăng ký để lắp đặt cho các khách hàng khác ở Amata City (Biên Hòa), Bên cho thuê sẽ lắp đặt thêm các đường dây điện thoại trong Bất động sản cho thuê theo yêu cầu của Bên thuê với giá 1.000USD mỗi dây. Bên cho thuê sẽ không chịu trách nhiệm cho bất cứ trì hoãn nào gây ra bởi bất cứ cơ quan nhà nước nào trong việc lắp đặt thêm các đường dây điện thoại phụ thêm đó.

4.4. Bên cho thuê đồng ý cung cấp điện cho Bên thuê với tổng công suất là 2.000 KVA từ nguồn điện của Nhà máy điện tại chỗ và nguồn điện hỗ trợ từ Công ty Điện lực Việt Nam (EVN) qua đường dây phân phối điện 22KV từ trạm biến thế đã được lắp đặt của Amata đến ngoài trước ranh giới của Bất động sản cho thuê vào cuối tháng 4, 2000.

Bên thuê sẽ tự lắp máy biến thế trong Bất Động sản cho thuê và nối dây từ đường dây phân phối điện của Bên cho thuê vào trạm biến thế của Bên thuê với chi phí tự trả. Bên thuê sẽ trình bản vẽ lắp đặt máy biến thế có sự chấp thuận của các cấp có thẩm quyền để Bên cho thuê/bên ủy quyền của Bên cho thuê (Công ty TNHH Điện Lực Amata Biên Hòa: APBH) đồng ý trước khi bắt đầu xây dựng trạm biến thế. Bên thuê và Bên cho thuê/ APBH sẽ ấn định giờ cắt điện để đấu nối đường dây phân phối của Bên cho thuê vào trạm biến thế của Bên thuê. Bên thuê sẽ đề nghị Bên cho thuê/APBH cho thuê kiểm tra trạm biến thế của Bên thuê sau khi hoàn tất việc đóng điện.

Bên được ủy quyền của Bên cho thuê là Công ty TNHH Điện Lực Amata

Biên Hòa(APBH) sẽ đảm bảo cung cấp nguồn điện đầy đủ và ổn định từ trạm điện cho khách hàng trong Amata City (Biên Hòa), việc đầu tư và quản lý trạm điện này do bên ủy quyền của Bên cho thuê thực hiện. Bên thuê sẽ thực hiện đúng các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng Mua Điện (HĐMĐ) được ký kết giữa Bên thuê và Công ty TNHH Điện Lực Amata Biên Hòa.

Bên cho thuê/ Công ty TNHH Điện Lực Amata Biên Hòa là người cung cấp điện duy nhất cho tất cả các khách hàng hoạt động trong Amata. Bên thuê không được phép sử dụng nguồn điện từ các nhà cung cấp điện khác cho hoạt động của mình trong Amata City (Biên Hòa).

4.5. Bên cho thuê bảo đảm việc cung cấp nước theo tiêu chuẩn nước sinh hoạt của Việt Nam cho Bên thuê không dưới 120 m^3 mỗi ngày, trước cuối tháng 4 năm 2001. Bên cho thuê/bên được ủy quyền của Bên cho thuê sẽ sắp xếp để lắp đặt đồng hồ nước và hệ thống ống từ hệ thống phân phối nước của Amata City (Biên Hoà) vào bên trong Bất động sản cho thuê, chi phí do Bên thuê chịu.

Tùy thuộc vào lượng nước còn dư ngoài lượng nước đã ký hợp đồng cung cấp cho các khách hàng khác của Amata City (Biên Hòa), lượng nước yêu cầu thêm sẽ được tính theo giá thị trường được cung cấp bằng xe bồn chở nước (giá hiện hành là 2,5USD/m^3)

4.6. Bên cho thuê / bên được ủy quyền của Bên cho thuê sẽ bảo trì cơ sở hạ tầng của Amata trong suốt Thời hạn thuê bằng nguồn phí quản lý do các khách thuê ở Amata City (Biên Hòa) trả và sẽ cung cấp cho Bên thuê các dịch vụ tiện ích theo Hợp đồng thuê bất động sản nếu Bên thuê tuân thủ các qui định được đặt ra cho mình và có liên quan đến việc cung cấp tiện ích và theo các điều kiện nêu trên và trả phí quản lý cùng tất cả các phí dịch vụ như được nêu ở Phụ lục III.

5. Giải trình, bảo đảm, và thỏa thuận của Bên thuê với Bên cho thuê

Bên thuê giải trình, bảo đảm, và thỏa thuận với Bên cho thuê như sau:

5.1. Bên thuê là một công ty trách nhiệm hữu hạn được tổ chức và hoạt động theo luật pháp Việt Nam, đã được cấp giấy phép để thực hiện hoạt động kinh doanh trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam và được quyền thuê Bất động sản cho thuê.

5.2. Hợp đồng thuê Bất động sản này sẽ không vi phạm vào bất cứ điều khoản nào của Giấy phép đầu tư, Điều lệ thành lập công ty và Hợp đồng liên doanh, hay bất cứ hợp đồng nào khác trong đó Bên thuê tham gia với tư cách là một bên.

5.3. Bên thuê đã được Hội đồng Quản trị và các cổ đông của mình chấp thuận và giao đủ thẩm quyền cần thiết để tham gia vào Hợp đồng thuê bất động sản này và thực hiện các nghĩa vụ theo các điều khoản đã đưa ra.

5.4. Bên thuê sẽ sử dụng Đất thuê cho nhà máy sản xuất bàn đạp, các bộ phận của bàn đạp và các chi tiết bằng nhựa của xe đạp như được nêu trong Giấy phép đầu tư và không được thuê đất cho mục đích đầu cơ mua bán.

5.5. Bên thuê chủ định và mong muốn khởi công xây dựng nhà máy của mình vào tháng 2, 2001 và hoàn thành việc xây dựng nhà máy, bắt đầu sản xuất vào tháng 5, 2001. Bên thuê sẽ thực hiện những nỗ lực hợp lý nhằm khởi công xây dựng nhà máy và bắt đầu hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian như đã được ấn định trong Giấy phép đầu tư.

5.6. Bên thuê sẽ chuẩn bị cẩn thận tất cả những tài liệu cần thiết để xin cấp Giấy phép xây dựng và sử dụng điện, nước và điện thoại.

5.7. Bên thuê sẽ ký kết bản ghi nhớ của Hợp đồng thuê Bất động sản (Về: Tiêu chuẩn chung cho Nhà thầu xây dựng) được đính kèm trong Phụ lục V trước khi khởi công xây dựng.

5.8. Bên thuê sẽ xây dựng Nhà máy và hoạt động kinh doanh trên Bất động sản cho thuê trong khuôn khổ luật pháp Việt Nam cũng như các quy tắc và quy định đính kèm trong Phụ lục II. Các qui định đó sẽ được áp dụng cho tất cả các khách thuê đất ở Amata City (Biên Hòa)

5.9. Bên thuê sẽ chuẩn bị một bồn chứa nước trong khu vực Bất động sản cho thuê với dung tích đủ sử dụng trong 5 (năm) ngày nhằm dự trữ trong trường hợp xảy ra tình trạng khan hiếm nước máy hay hỏa hoạn bằng chi phí của mình.

5.10. Bên thuê đồng ý xây một hàng rào bên trong ranh giới đất của Bất động sản cho thuê. Trong trường hợp cần thiết, Bên thuê đồng ý xây một bức tường ngăn cách để tạo điều kiện cho việc xây hàng rào ở ranh giới tiếp giáp giữa Bất động sản cho thuê với lối đi chung hay khu vực bên ngoài khu công nghiệp có mặt đất thấp hơn so với Bất động sản cho thuê bằng chi phí của Bên thuê. Ngoài ra, Bên thuê đồng ý xây dựng công trình cách hàng rào đối diện Đường chính đi ngang qua Bất động sản cho thuê ít nhất 25m và cách hàng rào đối diện đường phụ ít nhất 15m nhằm mục đích tạo cảnh quan và trồng vườn ở phía trước trong phạm vi hàng rào của Bất động sản cho thuê. Hơn nữa, Bên thuê phải tuân thủ các quy tắc và quy định liên quan đến việc xây dựng nhà máy của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Bên thuê cũng đồng ý sẽ xây nhà để xe có mái che ở bất kỳ bên nào của hàng rào bên cạnh, chứ không phải ở nơi hàng rào đối diện với đường.

5.11. Bên thuê sẽ nhận được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên cho thuê về bản vẽ sơ đồ Nhà máy trước khi nộp đơn xin giấy phép xây dựng lên Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai.

Bên thuê sẽ xin Bên cho thuê một văn bản chấp thuận (sự chấp thuận này không được cản trở một cách vô cớ) sơ đồ, các bản vẽ, đặc điểm kỹ thuật và chi tiết của việc xây dựng con đường nối từ đường đi chung vào Bất động sản cho thuê, nhất là những phần có thể gây ảnh hưởng đến tiện nghi hay tiện ích công cộng như cây cối, bãi cỏ, lối đi bộ, hệ thống thoát nước, cống rãnh, hố ga, trụ và đường dây cáp điện/điện thoại.... trước khi Bên thuê tiến hành xây dựng đường nối.

Trong trường hợp Bên cho thuê chấp thuận, Bên thuê đồng ý đền bù cho Bên cho thuê các khoản chi phí hợp lý phát sinh do việc Bên cho thuê xây dựng đường dẫn từ Bất động sản đến đường đi chung. Về việc di dời và trồng lại cây trên lề đường đi bộ, bãi cỏ Bên thuê đồng ý không tự di dời và sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên cho thuê về việc di dời. Sau đó Bên cho thuê sẽ thực hiện việc di dời các cây từ khu vực dự kiến cho đường nối trong vòng 30 ngày từ khi có thông báo của Bên thuê và sau đó trồng lại cây ở những khu vực lân cận (nếu có). Chi phí cho việc di chuyển và trồng lại cây được đề cập ở trên sẽ do Bên thuê trả.

Ngay sau khi xây dựng xong nhà máy trên đất thuê, Bên thuê phải có trách nhiệm cải tạo hoặc trồng mới lại cỏ, cây, nâng cấp các hố ga và mương hở như quy định của Bên cho thuê trên diện tích giữa hàng rào phía trước của bên thuê đối diện với đường và đường đi bộ chung, những nơi mà đã bị hư hại trong thời gian xây dựng của Bên thuê để phục hồi lại những tiện ích đó trở về tình trạng như trước khi xây dựng.

5.12. Trừ khi trong Hợp đồng thuê Bất động sản có quy định khác, Bên thuê phải chịu tất cả các khoản thuế và lệ phí được hoặc sẽ được các cơ quan chức năng của Việt Nam yêu cầu trong suốt Thời hạn thuê.

5.13. Bên thuê đồng ý ký kết HĐMĐ (Hợp Đồng Mua Điện) với Nhà cung cấp điện để mua số lượng điện quy định trong khoản 4.4 theo các điều khoản của HĐMĐ.

Bên thuê đồng ý cho Bên cho thuê thay mặt Bên thuê nộp đơn xin cấp đường dây điện thoại lên các cơ quan thẩm quyền có liên quan.

Về bất cứ sự sai lệch về số lương các tiện ích đã nêu trong hợp đồng, Bên thuê phải nhận được văn bản chấp thuận trước của Bên cho thuê.

5.14. Bên thuê đồng ý trả phí quản lý và tất cả phí dịch vụ khác cho Bên cho thuê/bên được ủy quyền của Bên cho thuê cho tất cả các dịch vụ do Bên cho thuê/bên được ủy quyền của Bên cho thuê cung cấp theo Phụ lục III trong suốt thời hạn thuê.

5.15 Bên thuê đồng ý xả nước thải vào hệ thống thoát nước thải của Bên cho thuê và Bên thuê đồng ý trả phí xử lý nước thải cho Bên cho thuê theo quy định về phí dịch vụ ở Phụ lục III. Bên cho thuê chịu trách nhiệm lấy mẫu nước thải tại hố thu nước thải của Bên thuê vào các khoản thời gian đều đặn mà không thu thêm phí với sự chứng kiến của Bên thuê để phân tích nước thải của Bên thuê để đảm bảo rằng nước thải từ Bên thuê đạt tiêu chuẩn của Amata tại Phụ lục IV.

Bên thuê chịu trách nhiệm về sự hư hỏng và chi phí phát sinh thêm trong việc vận hành nhà máy xử lý nước thải do vượt qua giới hạn cao nhất của mức tiêu chuẩn Amata.

5.16 Bên thuê sẽ có các chất thải chứa độc tố sau đây:..... Phát sinh ra trong quá trình sản xuất. Bên thuê phải trả các chi phí để xử lý một cách thích hợp hoặc tồn trữ tại Bất động sản cho thuê những chất thải chứa độc tố theo những luật lệ và quy định của Sở Khoa Học Công Nghệ Môi Trường tỉnh Đồng Nai để không gây ra bất cứ thiệt hại và vấn đề môi trường nào cho Amata City (Biên Hòa), cho Bên cho thuê và những người khác.

5.17 Bên thuê sẽ chịu trách nhiệm và đền bù đầy đủ cho Bên cho thuê nếu Bên cho thuê bị thiệt hại vì bất cứ lý do nào phát sinh từ những hành động cố ý hoặc cẩu thả của Bên thuê, hay nhân viên, đại lý, người phục vụ hay khách mời của Bên thuê.

5.18. Bên thuê không được sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Bất động sản cho thuê để ký quỹ vay mượn hoặc cho mục đích khác trừ khi đã trả đủ tiền thuê Bất Động Sản cho Bên cho thuê.

5.19. Bên thuê có thể cho thuê lại hoặc chuyển nhượng toàn bộ hay một phần Bất động sản cho thuê, hoặc lợi tức thu được cho bất cứ một bên thứ ba khác vào bất cứ lúc nào, nếu nhận được sự chấp thuận cần thiết của các cơ quan thẩm quyền ở Việt Nam, và với điều kiện bên thứ ba liên quan sẽ ký một hợp đồng với Bên cho thuê mà trong đó bên thứ ba đồng ý chịu sự ràng buộc bởi các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng cho thuê Bất động sản này.

5.20. Tất cả những tuyên bố về sự việc có liên quan tới Bên thuê và nội dung bản Hợp đồng thuê Bất động sản này là và sẽ tiếp tục là sự thật trong suốt thời hạn thuê.

6. Giải trình, đảm bảo và thỏa thuận của Bên cho thuê với Bên thuê

Bên cho thuê giải trình, đảm bảo và thỏa thuận với Bên thuê rằng:

6.1. Bên cho thuê là công ty liên doanh TNHH được tổ chức và hoạt động theo luật pháp Việt Nam, được cấp giấy phép hợp pháp để tiến hành công việc kinh doanh ở Việt Nam và được phép cho thuê Bất động sản cho thuê.

6.2. Hợp đồng thuê Bất động sản này sẽ không vi phạm vào bất cứ điều khoản nào của Giấy phép đầu tư, Điều lệ thành lập công ty và Hợp đồng liên doanh, hay bất cứ hợp đồng nào khác trong đó Bên cho thuê tham gia với tư cách là một bên

6.3. Bên cho thuê đã được Hội đồng quản trị và các cổ đông chấp thuận và giao đủ thẩm quyền cần thiết để tham gia vào Hợp đồng thuê bất động sản này và thực hiện các nghĩa vụ phù hợp với các điều khoản nêu trên.

6.4. Bên cho thuê không có trách nhiệm đối với các khoản thuế tồn đọng liên quan đến Bất động sản cho thuê cho đến ngày Giấy phép sử dụng đất được ban hành.

6.5. Bên cho thuê có và sẽ tiếp tục có quyền sử dụng đất hợp lệ đối với Bất động sản cho thuê và có đầy đủ thẩm quyền và quyền hạn cho Bên thuê thuê Bất động sản trong suốt Thời hạn thuê theo các điều khoản quy định trong Hợp đồng thuê Bất động sản này.

6.7. Bên cho thuê cam kết rằng tất cả những tuyên bố về sự việc liên quan tới Bất động sản cho thuê và Bên cho thuê và trong Hợp đồng thuê Bất động sản này là và sẽ tiếp tục là sự thật trong suốt Thời hạn thuê.

7. Thông báo

Bất cứ thông báo nào gởi đến các địa chỉ dưới đây đều được coi là đến tay người nhận, nếu được viết bằng văn bản và gửi tay hoặc bằng thư bảo đảm, bưu phí trả trước, theo hệ thống chuyển phát bưu phẩm quốc tế hay bằng telefax:

*** Bên cho thuê:**

- Công ty TNHH Amata (Việt Nam)
  Phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai - Việt Nam
  Tel: (84-61) 883 007 Fax: (84-61) 891251
- Văn phòng giao dịch
  157 Nguyễn Văn Trỗi, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
  Tel. (84-8) 845 0007 Fax. (84-8) 845 1462

*** Bên thuê:**

- Công ty TNHH VP Components (Việt Nam)
  Lô 104/2-1, Đường Amata 2, Khu Công Nghiệp Hiện Đại Amata,
  Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
  Tel Fax

8. Kết thúc Hợp đồng thuê Bất động sản và điều khoản dự phat

8.1. Kết thúc Thời hạn thuê như đã nêu ở điều khoản 1, Hợp đồng thuê Bất động sản này sẽ tự động kết thúc, và Bên thuê đồng ý ngưng hoạt động ngay và hoàn tất việc di chuyển tất cả các tòa nhà, công trình, thiết bị và nguyên vật liệu ra khỏi Bất động sản cho thuê; chi phí do Bên thuê chịu, và trả Bất động sản cho thuê cho Bên cho thuê trong tình trạng không xấu hơn so với lúc ban đầu của thời hạn thuê, trừ phi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt sự gia hạn vào trước ngày kết thúc hạn thuê.

8.2. Ngoại trừ hai bên cùng có những thỏa thuận khác, nếu Bên cho thuê vi phạm về bất cứ sự giải trình, đảm bảo, thỏa thuận, điều khoản hoặc điều kiện nêu trên, Bên thuê sẽ có quyền chấm dứt Hợp đồng này với điều kiện Bên thuê đã thông báo bằng văn bản tới Bên cho thuê về những vi phạm, nếu những vi phạm như vậy có thể được khắc phục, Bên cho thuê có cơ hội để khắc phục trong khoảng thời gian không ít hơn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo đã nêu trên. Nếu qúa thời hạn đã được xác định trong thời gian thông báo, mà những vi phạm hoặc thiếu sót vẫn không được khắc phục và nếu chấm dứt Hợp Đồng thuê Bất động sản, Bên cho thuê sẽ hoàn trả cho Bên thuê, trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo chấm dứt Hợp đồng của Bên thuê, từng khoản tiền thuê Bất động sản do Bên thuê đóng với lãi suất 15%/năm (mười lăm phần trăm) kể từ ngày nhận được từ Bên thuê từng khoản chi trả cho đến lúc chấm dứt Hợp đồng.

Các khoản bồi thường trên là duy nhất và thay cho tất cả những chi phí khắc phục và các tổn thất. Bên cho thuê sẽ không chịu trách nhiệm về bất cứ biện pháp khắc phục nào khác bao gồm, nhưng không giới hạn: trách nhiệm về những thiệt hại hoặc tổn thất trực tiếp hoặc gián tiếp, liên đới, chính yếu hoặc thứ yếu; và bất cứ quyền nào mà Bên thuê từ bỏ.

8.3. Nếu Bên thuê không trả được tiền thuê đất vào ngày đã định theo khoản 3.2, Bên cho thuê sẽ có quyền tính lãi suất vào khoản trả quá hạn với mức 15%/năm cho tới ngày Bên cho thuê nhận được khoản thanh toán quá hạn mà không cần đưa ra bất cứ thông báo bằng văn bản nào cho Bên thuê.

Nếu Bên thuê không trả được tiền thuê đất vào ngày đã định theo khoản 3.2 hoặc không thực hiện các nghĩa vụ hay bất cứ điều khoản nào trong Hợp đồng này, sau khi Bên cho thuê đã thông báo bằng văn bản cho Bên

thuê về những vi phạm và với điều kiện Bên thuê có cơ hội để khắc phục trong khoảng thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo đã nêu trên và nếu những thiếu sót này tiếp tục không được khắc phục, Bên cho thuê có quyền chấm dứt Hợp đồng này và thông báo bằng văn bản cho Bên thuê. Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng bởi Bên cho thuê, tất cả các khoản thanh toán cho Tiền thuê bất động sản nêu trong điều 3.2 tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng sẽ thuộc về Bên cho thuê; bên cạnh quyền sử dụng đất và quyền sở hữu công trình xây dựng, các công trình thay đổi cải tiến, nguyên vật liệu được làm hoặc đem vào Bất động sản cho thuê bởi Bên thuê sẽ tự động chuyển sang cho Bên Cho thuê, hoặc của Bên thuê có quyền chọn lựa tháo dỡ và di dời khỏi Bất động sản cho thuê các tòa nhà, công trình xây dựng, các thiết bị và nguyên liệu trong vòng 90 ngày và cải tạo lại Bất Động Sản Cho Thuê ở tình trạng tốt như lúc bắt đầu Thời hạn thuê với chi phí của Bên thuê. Và sau đó, Bên cho thuê sẽ khước từ mọi quyền yêu cầu hoặc khiếu nại về bất kỳ thiệt hại nào khác.

Các khoản bồi thường trên là duy nhất và thay cho tất cả những chi phí khắc phục và tổn thất phát sinh. Bên thuê sẽ không chịu trách nhiệm về bất cứ biện pháp khắc phục nào khác bao gồm, nhưng không giới hạn: trách nhiệm về những thiệt hại hoặc tổn thất trực tiếp hoặc gián tiếp, liên đới, chính yếu hoặc thứ yếu; và bất cứ quyền nào mà Bên cho thuê từ bỏ.

9. Trường hợp bất khả kháng.

Không bên nào phải chịu trách nhiệm với bên kia về tổn thất, thương tổn, trì hoãn, thiệt hại hoặc những tổn thất khác mà bên kia phải chịu phát sinh do sự chấp thuận, quy định hay chỉ thị của Chính phủ, tình trạng khẩn cấp, thiên tai, chiến tranh, sự phá hoại của kẻ địch, dân biến, bạo động, nạn dịch, bão, hỏa hoạn, đình công và bất cứ nguyên nhân nào khác tương tự vượt khỏi tầm kiểm soát hợp lý của mỗi bên làm tiến trình kinh doanh của họ bị ảnh hưởng. Bất cứ khoản phí nào để khôi phục lại những thiệt hại mà Bất động sản cho thuê có liên hệ trực tiếp, hoặc có liên quan, hoặc đang được Bên thuê trực tiếp sử dụng, (như đường dẫn vào, cơ sở hạ tầng ...) sẽ được bút toán hoặc tính cho Bên thuê tương ứng tỷ lệ Bất động sản cho thuê trên tổng diện tích Amata City (Biên Hòa) đã được phân lô để cho thuê lại theo chi tiết của Quy hoạch tổng thể đã được Bộ Xây dựng phê duyệt.

10. Ngôn ngữ , Luật chi phối, Sửa đổi bổ sung.

Tiếng Anh sẽ được sử dụng để soạn thảo, giải thích và điều chỉnh Hợp đồng này và sử dụng trong tất cả các cuộc giao dịch cũng như thông báo giữa các bên. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của luật pháp Việt Nam và ràng buộc các bên và những người được chuyển nhượng hay kế thừa hợp đồng.
Hợp đồng này sẽ không thể được một trong các bên chuyển nhượng nếu không có sự chấp thuận bằng văn bản của bên còn lại và không được phép bổ

sung, điều chỉnh hoặc có những thay đổi khác trừ khi có thỏa thuận bằng văn bản do hai bên ký kết.

Việc không thực thi bất kỳ một điều khoản nào trong Hợp đồng này sẽ không được lý giải như việc khước từ các điều khoản đó hoặc không được coi là quyền của mỗi bên được không thực thi những điều khoản đó.Việc thừa nhận các vi phạm không được coi như là một thỏa thuận để miễn trừ các vi phạm về sau cho cùng một điều khoản.

11. Tranh tụng

Trong trường hợp xảy ra tranh chấp, hai bên đồng ý đưa vấn đề tranh chấp ra tòa án hoặc cơ quan chức năng của tỉnh Đồng nai, bên thua kiện sẽ trả mọi phí tổn bao gồm án phí, chi phí trọng tài và các khoản chi phí chính đáng khác mà bên kia đã chịu theo yêu cầu của cơ quan trọng tài.

12. Điều khoản chung

Hợp đồng này thay thế tất cả cam kết, thỏa thuận bằng miệng và bằng văn bản trước đây, ngoại trừ tài liệu được cung cấp trong bản Hợp đồng này.

Hợp đồng này được lập thành bốn bản như nhau. Tất cả các bên đã đọc, hiểu đầy đủ nội dung hợp đồng và nghiêm chỉnh thực hiện.

Với sự có mặt của các nhân chứng, các bên đã ký hợp đồng này tại địa điểm và ngày tháng nêu trên.

Bên cho thuê
Công Ty TNHH Amata (Việt Nam)

.....
Bởi Ông Charles Lewis Sims
Tổng Giám Đốc

.....
Bởi Ông Nguyễn Văn Dũng
Phó Tổng Giám Đốc thứ nhất

.....Chứng kiến
bởi Ông Kunihiro Nakashima
Phó Tổng Giám Đốc

Bên thuê
Công Ty TNHH VP Components (Việt Nam)

.....
Bởi Ông Wang Pai-Shiang
Tổng Giám Đốc

.....
Bởi Ông .....
.....

PHỤ LỤC I

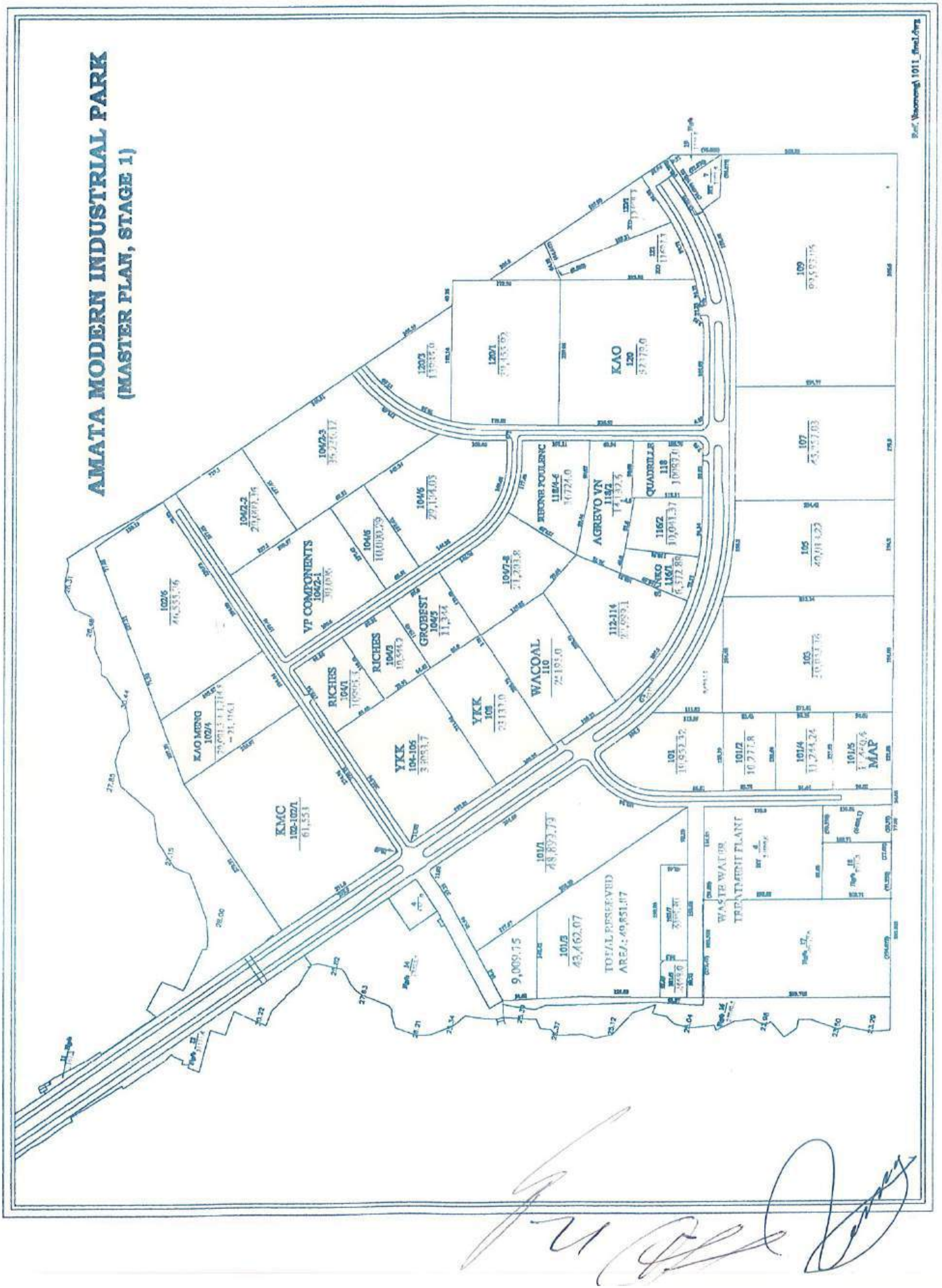
AMATA MODERN INDUSTRIAL PARK
(MASTER PLAN, STAGE 1)
KAO
120
120/1
120/3
109
107
105
105
101
101/2
101/4
101/5
MAP
101/1
101/3
43,462.07
9,009.15
WASTE WATER TREATMENT PLANT
KMC
102-102/1
61,551
KAO MUONG
102/4
102/6
YKK
104-105
YKK
105
WACOAL
110
RICHES
104/1
RICHES
104/3
GROBEST
104/5
VP COMPONENTS
104/2-1
1042/2
1042/3
1046
1046
1047-8
112-114
AGRIVO VN
113/2
QUADRILLE
118
1162
1161
SANKO
1161
1154-6
1154-5

GHI CHÚ:

1. Bản đồ này không được dùng cho thiết kế nhà máy
2. Hình dạng và kích thước thật sự sẽ được xác định dựa bằng sự phân chia ranh giới bởi bên cho thuê và bên thuê.

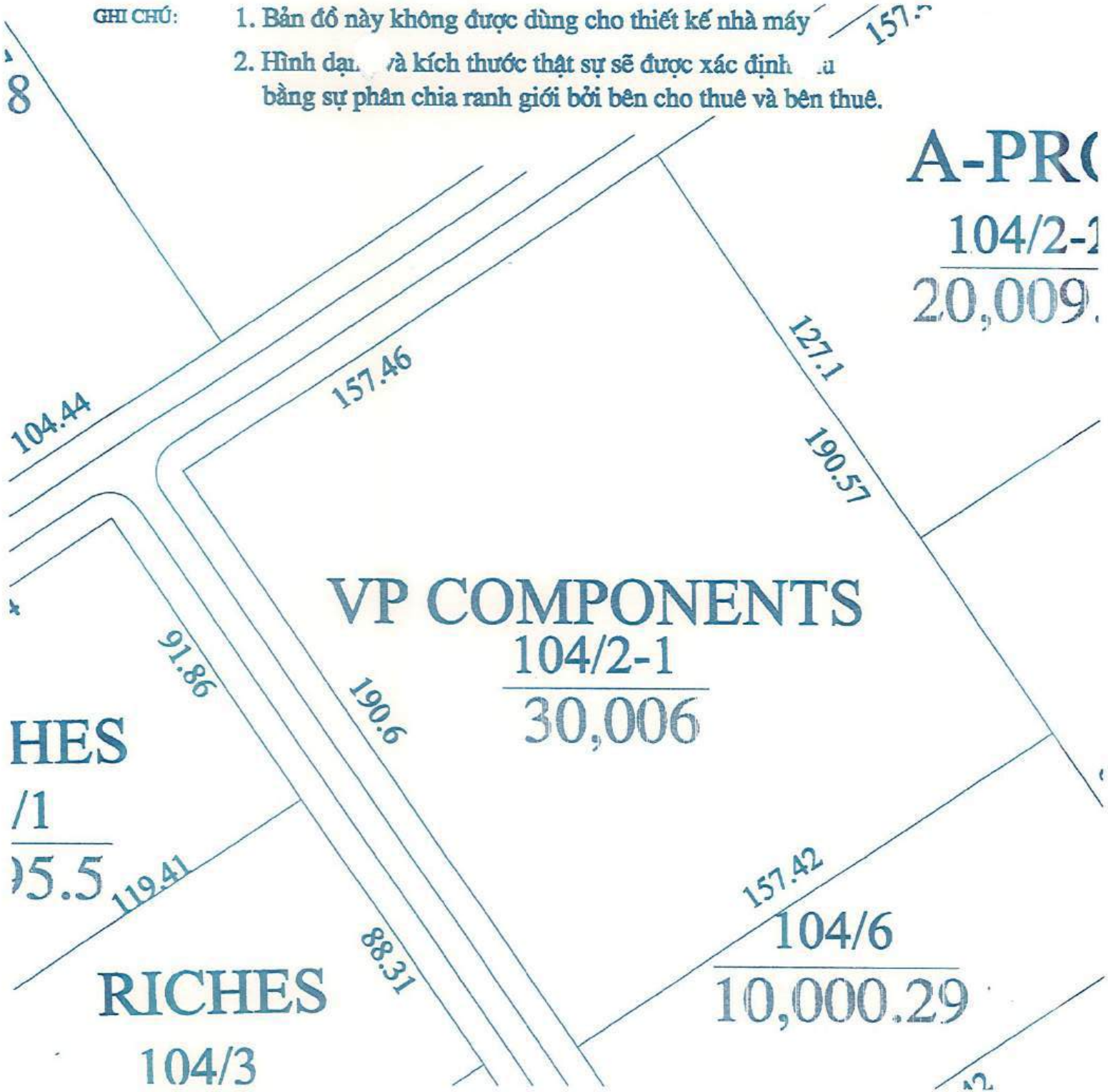

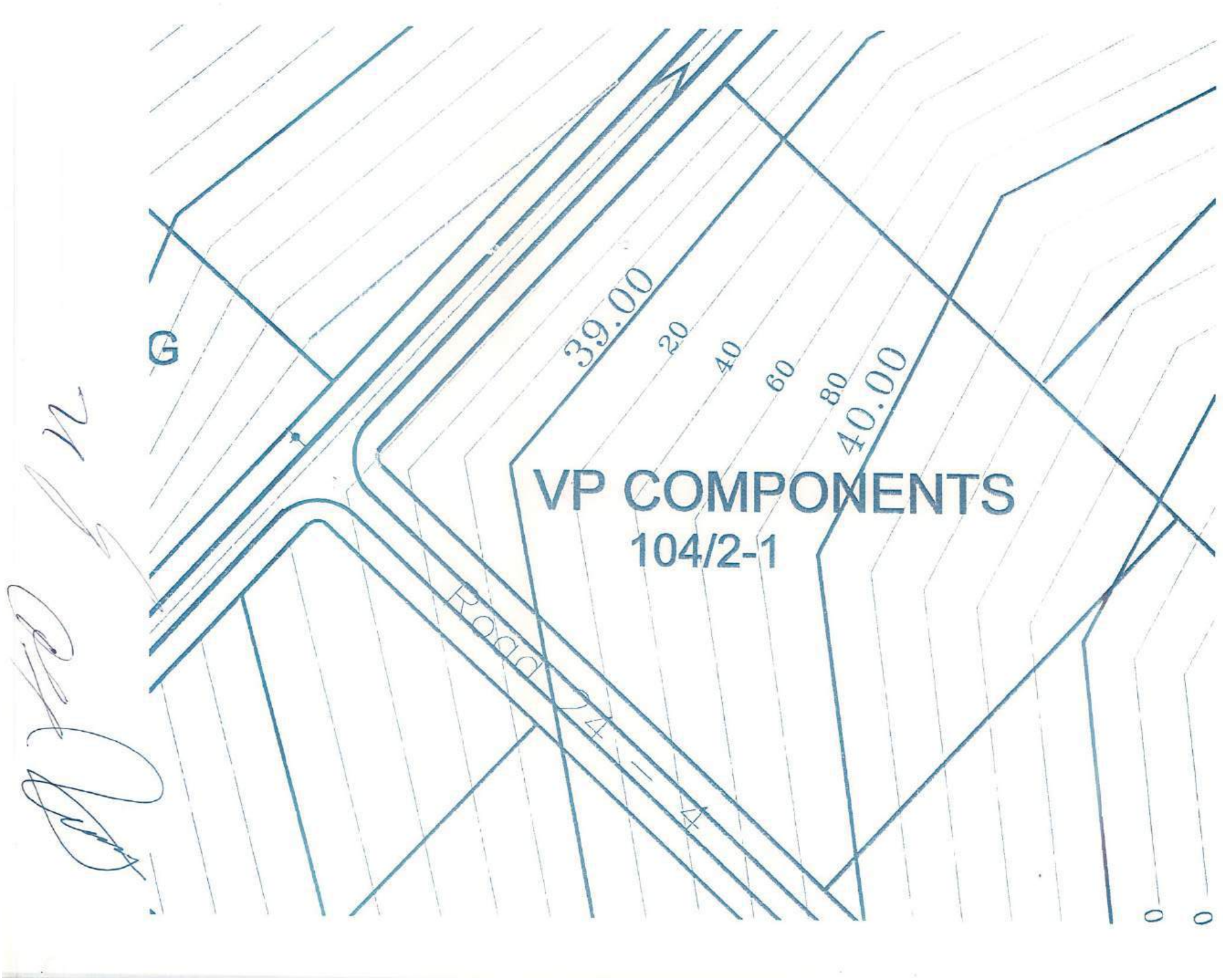
G
39.00
20
40
60
80
40.00
VP COMPONENTS
104/2-1
Road 24 - A
0
0

PHỤ LỤC II

QUY TẮC VÀ QUY ĐỊNH CỦA AMATA TRONG VIỆC SỬ DỤNG BẤT ĐỘNG SẢN CHO THUÊ

1. Trong các Quy tắc và Quy định này:

   1.1. "Amata" có nghĩa là Công ty trách nhiệm hữu hạn Amata (Việt Nam), nhà phát triển dự án Amata City (Biên Hòa).

   1.2. "Amata City (Biên Hòa)" có nghĩa là dự án phát triển hạ tầng công nghiệp, được thực hiện bởi Công ty TNHH Amata (Việt Nam), có diện tích 700 Ha tọa lạc tại phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

   1.3. "Tài sản Công cộng" có nghĩa là đất, các trục lộ, đường bộ, hệ thống thoát nước mưa, cây cối, vườn và các tiện nghi khác (trừ hệ thống cấp nước, nhà máy nước,hệ thống cung cấp điện, hệ thống thoát và xử lý nước thải, lò đốt rác) được sử dụng chung cho tất cả những người sử dụng đất.

   1.4. "Bên sử dụng Bất động sản" có nghĩa là Công ty trách nhiệm hữu hạn VP Components (Việt Nam), Bên Thuê Bất động sản cho thuê.

   1.5. "Bất động sản cho thuê" có nghĩa là lô đất và các công trình xây dựng đã hoặc sẽ được xây dựng trên lô đất mà Bên sử dụng Bất động sản đã thuê của Amata theo Hợp đồng thuê Bất động sản ký ngày 28 tháng 12 năm 2000

   1.6. "Nhà máy" có nghĩa là một hoặc nhiều tòa nhà hay cấu trúc được Bên sử dụng Bất động sản xây dựng trên Bất động sản cho thuê để chứa hàng, sản xuất, lắp ráp, đóng gói, sửa chữa, bảo quản, thí nghiệm, điều chỉnh bất cứ hàng hóa nào thuộc lĩnh vực công nghiệp hoặc dịch vụ.

2. Để công việc phát triển địa ốc theo dự án Amata City (Biên Hòa) được thực hiện theo cách thích hợp nhất và để những người thuê các lô đất sử dụng đất đúng mục đích và không sử dụng vào mục đích khác làm giảm

giá trị của lô đất kế cận, Bên sử dụng Bất động sản phải tuân thủ nghiêm ngặt các Quy tắc và Quy định sau đây:

2.1 Bất động sản cho thuê sẽ không được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài việc xây dựng và vận hành Nhà máy của Bên thuê và đặc biệt sẽ không được sử dụng để làm nhà ở. Sau khi hoàn thành việc xây dựng Nhà máy, không được xây dựng bất cứ công trình mới nào (vĩnh viễn hay tạm thời) trên Bất động sản cho thuê hoặc thay đổi cấu trúc của Nhà máy hiện hữu mà không có sự chấp thuận bằng văn bản của chính quyền và thông báo cho Amata.

Bên sử dụng Bất Động Sản có thể xây một phòng nghỉ để sử dụng tạm thời vào ban đêm cho những giám sát viên làm việc vào ca đêm mà không tiện trở về nhà sau khi đổi ca.

2.2 Bên sử dụng bất động sản sẽ không được đào lỗ hoặc hạ thấp mặt đất bằng cách đào trên hiện trạng Bất động sản cho thuê đã được bàn giao cho Bên sử dụng bất động sản trừ khi do nhu cầu kỹ thuật và phải có sự chấp thuận bằng văn bản của Amata.

Bên sử dụng bất động sản sẽ không tăng hoặc giảm cao độ mặt đất ở khu vực ranh giới sát bên khu đất kế cận sai lệch so với cao độ của thiết kế san nền, vì như vậy sẽ có thể gây hư hại cho bức tường của người bên cạnh và gây khó khăn cho việc xây dựng tường trong tương lai của người bên cạnh, và cũng để giúp cả Bên sử dụng bất động sản và Người bên cạnh xây dựng bờ tường thống nhất chiều cao 2m từ hiện trạng cao độ mặt đất trong thiết kế san nền điều quan trọng vì lợi ích an ninh cho cả Bên sử dụng bất động sản và Người bên cạnh. Bên sử dụng bất động sản sẽ chịu trách nhiệm cho bất kỳ hư hại nào đối với bức tường bên cạnh hoặc chịu thêm chi phí có thể phát sinh trong việc xây dựng tường của Người bên cạnh trong tương lai do độ cao mặt đất thấp hơn trong phạm vi khu vực ranh giới của Bên sử dụng bất động sản.

Nếu như có bất kỳ phần đất đã được đào còn lại mà không được sử dụng nữa trong ranh giới của Bất động sản cho thuê, Bên sử dụng bất động sản sẽ chịu chi phí chuyển phần đất không sử dụng tới một nơi gần đó do Amata ấn định trong phạm vi Amata City (Biên

Hoà). Bên sử dụng bất động sản sẽ thực hiện việc vận chuyển di dời đất theo cách thích hợp nhằm tránh đất rơi vãi trên đường.

2.3 Nhà máy sẽ chỉ được vận hành theo đúng các văn bản pháp luật liên quan và các quy định của các cấp có thẩm quyền.

2.4 Việc xây dựng các tòa nhà trong Khu công nghiệp này phải tuân thủ các quy tắc và quy định của cấp có thẩm quyền. Ngoài ra tòa nhà phải được xây lùi vào một khoảng cách từ hàng rào đối diện mặt đường, như đã nêu trong điều khoản 5.10 của Hợp đồng thuê bất động sản, và cách hàng rào hông và hàng rào phía sau không ít hơn 5 mét. Cạnh ngoài của mái nhà (nếu có) phải cách hàng rào phía sau và hàng rào hông không ít hơn 5 mét để đảm bảo an toàn trong phòng chống cháy nổ.

2.5 Bệ đặt máy biến thế trong phạm vi phần đất lùi vào sẽ được xây không có mái che và bản thiết kế phải được Amata chấp thuận.

2.6 Trong khi sử dụng Bất động sản cho thuê để xây dựng nhà máy một tầng, Bên sử dụng Bất động sản phải để khoảng trống không có mái che không dưới 30% diện tích của Bất động sản cho thuê. Tuy nhiên, tòa nhà văn phòng có thể được xây dựng nhiều hơn một tầng trong cùng diện tích xác định cho việc xây nhà máy, không dưới 40% đối với nhà máy hai tầng và không dưới 50% đối với nhà máy ba tầng.

2.7 Nước thải của Bên sử dụng Bất động sản phải được dẫn ra hệ thống cống trung tâm. Chất lượng nước thải phải phù hợp với quy định trong QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN NƯỚC THẢI ĐƯA VÀO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRUNG TÂM CỦA AMATA CITY (BIÊN HÒA) được đính kèm ở Phụ lục 4. Để tiện cho Amata / cấp có thẩm quyền kiểm tra chất lượng nước thải, một cái hố thử phải được đặt ở ngay cửa cống thoát nằm bên trong khu vực Bất động sản cho thuê nối với hố ga của hệ thống nước thải trung tâm theo bản vẽ đính kèm phụ lục 7, chi phí này do Bên sử dụng Bất động sản thuê trả. Nếu chất lượng nước thải không đạt tiêu chuẩn đã nêu trên, Bên sử dụng Bất động sản phải xử lý trước khi đổ vào hệ thống cống trung tâm. Amata được phép đóng van xả nước thải nếu Bên thuê không kiểm soát nước thải theo tiêu chuẩn cho phép của Amata

2.8 Hệ thống thoát nước mưa và nước thải phải được tách ra rõ ràng. Hệ thống thoát nước mưa từ tòa nhà hoặc từ mặt đất bên trong Bất động sản cho thuê phải có đặc điểm giúp dễ kiểm soát và làm sạch dễ dàng. Trong trường hợp sử dụng hệ thống thoát nước dạng ngầm, cứ cách tối đa mỗi 50 mét và ở tất cả các góc phải đặt một hố ga. Bên sử dụng Bất động sản phải cho thoát nước mưa từ bên trong Bất động sản cho thuê ra bên ngoài qua một hệ thống hố ga kiểm tra và hệ thống lược rác đặt ở phía ngoài nơi tiếp giáp với cống trung tâm của hệ thống thoát nước mưa, sao cho việc kiểm tra của Amata và các cơ quan chức năng được thực hiện dễ dàng.

2.9 Đối với các chất thải rắn thải ra từ Nhà máy, Bên sử dụng Bất động sản thỏa thuận sẽ phân theo các loại: chất thải có chất độc, chất thải từ nhà ăn, chất thải gỗ/kim loại/thủy tinh và các chất thải khác; và không được vứt ra bên ngoài Bất động sản cho thuê bất kỳ loại chất thải nào. Bên sử dụng Bất động sản sẽ chịu trách nhiệm tiêu hủy chất thải có chất độc theo đúng các quy tắc và quy định của các cấp có thẩm quyền. Các chất thải khác phải được phân loại và chứa trong thùng rác và sẽ được Amata hoặc cơ quan chức năng thu gom với chi phí do Bên sử dụng Bất động sản chịu. Phí thu gom rác này sẽ được ấn định bởi Amata/cơ quan có thẩm quyền.

2.10 Không được nuôi súc vật trong khuôn viên Bất động sản cho thuê ngoại trừ các súc vật cần thiết cho việc nghiên cứu.

2.11 Bên sử dụng Bất động sản được phép dựng một bảng hiệu tên và biểu tượng của Bên sử dụng Bất động sản ở lối vào chính của Bất động sản cho thuê hoặc phía trước toà nhà chính. Bên sử dụng Bất động sản sẽ không dựng thêm bất cứ phương tiện quảng cáo nào như bảng quảng cáo, bảng hiệu trên hàng rào đối diện đường trong phạm vi 25 mét lùi về phía sau tính từ hàng rào đối diện đường chính và 15 mét tính từ hàng rào đối diện đường phụ vì mục đích cảnh quang như nêu ở điều khoản 5.10

Trường hợp Bên sử dụng Bất động sản dự định lắp đặt thêm bất kỳ phương tiện quảng cáo phụ nào về tên và biểu tượng của mình bên ngoài khu vực bị hạn chế như đã nêu trên, bảng hiệu đó phải được đặt đối diện dọc theo đường và không được đặt cao hơn mái toà nhà chính của mình. Ngoài ra, nếu không có sự đồng ý trước bằng

văn bản của Amata, bảng hiệu phụ đó sẽ không được lắp đặt. Tuy nhiên, Amata sẽ không phản đối vô lý trong trường hợp bảng hiệu như thế có kích thước hợp lý và thiết kế thích hợp.

2.12 Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Amata, Bất động sản cho thuê sẽ không được tách ra, phân chia hoặc chia nhỏ để cho thuê lại, bán, bán lại, tặng, chuyển nhượng hoặc dưới các hình thức khác, Amata sẽ chỉ đồng ý khi người được chuyển nhượng được các cấp thẩm quyền chấp thuận và có thoả thuận bằng văn bản với Amata để tiếp nhận quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của người chuyển nhượng khi việc chuyển nhượng có hiệu lực.

2.13 Bên sử dụng Bất động sản sẽ không được khoan giếng nước ngầm trong khuôn viên Bất động sản cho thuê.

2.14 Hàng rào của phần Bất động sản cho thuê phải cao 2m. Hàng rào mặt tiền đối diện đường và màu sắc được xây theo đúng thiết kế đính kèm ở Phụ lục VI. Hàng rào giữa các Nhà máy phải theo dạng kín và phải làm bằng bê tông. Hàng rào đối diện với các lối đi công cộng bên trong khu công nghiệp phải được nhìn xuyên qua để Amata/các cấp thẩm quyền có thể kiểm tra. Hàng rào đối diện với khu vực bên ngoài khu công nghiệp có thể làm theo dạng nhìn xuyên được hay dạng kín.

Bên sử dụng Bất động sản sẽ xây dựng hàng rào của mình và bức tường kế cận trong phạm vi ranh giới Tài sản thuê trên cùng độ cao hiện tại của thiết kế san nền.

Bên sử dụng Bất động sản sẽ cho phép người bên cạnh (nếu Bên sử dụng Bất động sản muốn) mà không đòi bất kỳ khoản bồi thường nào để làm láng bề mặt ngoài của bức tường kế bên do Bên sử dụng Bất động sản xây dựng đối diện với khu đất của người bên cạnh và sơn màu trơn lên phía ngoài của bức tường kế bên của Bên sử dụng Bất động sản mà không gây hư hại hoặc làm giảm giá trị chất lượng của tường và móng tường của Bên sử dụng Bất động sản, và ngược lại, Bên sử dụng Bất động sản có thể thực hiện điều tương tự trong cùng điều kiện đối với bức tường phía ngoài do người bên cạnh xây dựng. Cả hai Bên sử dụng Bất động sản và người bên cạnh hiểu rằng bức tường kề cận được xây dựng trong

phạm vi ranh giới của bất kỳ bên nào sẽ thuộc về tài sản của bên xây dựng bức tường đó.

2.15 Bên sử dụng Bất động sản sẽ không làm các lối thoát (đường đi) riêng nối khuôn viên Bất động sản cho thuê với khu vực bên ngoài Amata City (Biên Hoà)

2.16 Bên sử dụng Bất động sản phải bảo dưỡng và giữ gìn khu vườn, luống cỏ, sân, hàng rào, mái và các phần tường bên ngoài của Nhà máy xây dựng trong khuôn viên Bất động sản cho thuê trong tình trạng sạch sẽ và trật tự; các màu tối, màu phản chiếu hoặc màu tương phản sẽ bị cấm dùng cho các bức tường bên ngoài của Nhà máy.

Trong trường hợp Bất động sản cho thuê không sử dụng để xây nhà máy và bỏ trống để cỏ hoang mọc đầy gây dơ bẩn cho môi trường xung quanh, Amata sẽ gởi thông báo bằng văn bản đến cho Bên sử dụng Bất động sản yêu cầu dọn sạch cỏ trong sân thuộc khuôn viên Bất động sản cho thuê trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Amata bằng chi phí của Bên sử dụng. Bên sử dụng Bất động sản có thể dùng lao công do Amata cung cấp với giá hợp lý hoặc Bên sử dụng Bất động sản có thể thuê riêng lao công để dọn sạch cỏ theo lịch do Amata qui định.

2.17 Nhà máy sẽ được vận hành sao cho không gây ra tiếng ồn, độ rung, mùi, hơi nồng, hơi ẩm, khói, bồ hóng, tro, bụi, đá mạt ở mức độ mà các cấp có thẩm quyền của Việt Nam/Amata coi như là quá mức, theo sự nhận xét của họ sẽ gây nguy hiểm cho sức khỏe của công nhân, những người xung quanh hoặc làm giảm giá trị của đất trong thành phố Amata (Biên Hoà).

2.18 Bên sử dụng Bất động sản sẽ không đậu bất kỳ loại xe nào bên ngoài Bất động sản cho thuê.

2.19 Bên sử dụng Bất động sản cho phép Amata/cấp có thẩm quyền kiểm tra Nhà máy và Bất động sản cho thuê trong giờ làm việc của Bên sử dụng Bất động sản để bảo đảm rằng Bên sử dụng Bất động sản đã tuân thủ các luật lệ và quy định của cấp thẩm quyền/Amata cũng như bảo đảm các thiết kế đã được phê duyệt bởi cấp thẩm quyền.

PHỤ LỤC III

PHÍ BẢO TRÌ VÀ DỊCH VỤ CỦA AMATA

Bên Thuê đồng ý trả phí bảo trì và các phí dịch vụ sau:

PHÍ BẢO TRÌ:

Bên Thuê sẽ trả 0,08 USD/m^2/tháng cho phí bảo trì và các phí dịch vụ đến hết ngày 31/12/2044. Các phí này sẽ được thanh toán cho Amata/Bên được ủy quyền của Amata và sẽ được dùng như một quỹ để sửa chữa và bảo dưỡng tất cả các cơ sở hạ tầng trong khu công nghiệp và bao gồm cho cả công việc bảo vệ, làm vườn, làm vệ sinh, chi phí chiếu sáng đường trong suốt Thời hạn thuê. Bên Thuê sẽ trả phí bảo trì từ khi bên thuê bắt đầu vận hành Nhà máy. Trong vòng 10 ngày kể từ khi nhận được giấy báo thu tiền, Bên Thuê thanh toán cho Amata/ bên được ủy quyền của Amata bằng tiền đồng Việt Nam dựa theo tỷ gía chính thức vào ngày thanh toán.

CHI PHÍ XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

Kể từ khi Bên Thuê bắt đầu sử dụng nước máy và trong vòng 10 ngày kể từ khi nhận được giấy báo thu tiền, Bên Thuê phải trả cho Amata/bên được ủy quyền của Amata 0,28USD/m^3 bằng đồng Việt Nam dựa theo tỷ gía hối đoái chính thức ban hành vào ngày thanh toán. Lượng nước thải này được tính tương đương với 80% lượng nước sử dụng.

TIỀN ĐIỆN:

Tính theo giá do Amata/hoặc nhà cung cấp điện được ủy quyền của Amata (Amata Power Biên Hòa: APBH) qui định, và đã được cơ quan chức năng chấp thuận, Bên thuê trả tiền điện cho Amata hoặc nhà cung cấp điện của Amata theo các điều khoản điều kiện quy định trong HĐMĐ ký kết giữa Bên thuê và Amata hoặc APBH.

TIỀN NƯỚC:

Tính theo giá chính thức của Công ty cấp nước tỉnh Đồng Nai áp dụng cho các khách hàng ở Amata City (Biên Hòa). Tiền nước tiêu thụ sẽ được trả cho Amata hoặc Bên được ủy quyền của Amata trong vòng 10 ngày kể từ khi nhận được hóa đơn.

TIỀN ĐIỆN THOẠI:

Tính theo giá chính thức sẽ được thanh toán cho Bưu Chính Viễn Thông tỉnh Đồng Nai.

CHI PHÍ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN:

Căn cứ theo giá thị trường về thu gom rác, tiền thu gom rác được trả cho bên thu gom rác theo giá thỏa thuận. Bên Thuê đồng ý sử dụng dịch vụ thiêu hủy chất thải không có chất độc bằng lò đốt rác bên trong khu công nghiệp khi lò này hoạt động. Khoản tiền này sẽ do Amata/Bên được ủy quyền của Amata ấn định dựa trên giá hòa vốn và sẽ được trong vòng 10 ngày sau khi nhận được hóa đơn yêu cầu thanh toán bằng tiền đồng Việt Nam tính theo tỷ giá hối đoái chính thức ban hành vào ngày thanh toán.

LƯU Ý:

- *Bên thuê sẽ chịu trách nhiệm trả các khoản thuế gía trị gia tăng cho các phí bảo trì và các phí dịch vụ kể trên.*
- *Các phí dịch vụ, phí xử lí nước thải, tiền điện, tiền tiêu thụ nước và phí xử lý chất thải rắn nêu trên sẽ được điều chỉnh hợp lý bởi Amata hoặc các cơ quan nhà nước dựa trên sự gia tăng các khoản thuế, lạm phát, giá lao động, chi phí sinh hoạt, sự thay đổi về quy định của nhà nước....*

PHỤ LỤC IV

CÁC TIÊU CHUẨN CỦA AMATA CITY (BIÊN HÒA) VỀ CHẤT THẢI LỎNG ĐƯA VÀO TRUNG TÂM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

	Đơn vị	Giới hạn tối đa
1. Nhiệt độ	^{o}C	40
2. pH		5- 9
3. BOD ($20^{0}C$)	mg/l	500
4. COD	,,	530
5. Chất rắn lơ lửng	,,	200
6. Amoniac (NH_3)	,,	0,1
7. Chlo hữu cơ (Cl)	,,	5,0
8. Chlorua (Cl-1)	,,	300
9. Coliform	MPN/100ml	5.000
10. Xyanua (CN-1)	mg/l	0,2
11. Thuốc tẩy (Synthetic)	,,	30
12. Sắt (Fe)	,,	1,0
13. Flourua (F)	,,	1,0
14. Formaldehit	,,	2,0
15. Ni tơ (tổng)	,,	30
16. Dầu/ Mỡ	,,	10
17. Phenola	,,	0,001
18. Phốt pho (Hữu cơ)	,,	0,2
19. Phốt pho (Tổng)	,,	4,0
20. Hợp chất phóng xạ		
20.1 Tổng hoạt độ phóng xạ (α)	Becqurel/l	0,1
20.2 Tổng hoạt độ phóng xạ (β)	Becqurel/l	1,0
21. Asen (As)	mg/l	0,05
Cadmi (Cd)	,,	0,01
Crom 4 (Cr +6)	,,	0,05
Crom 3 (Cr + 3)	,,	0,2
Đồng (Cu)	,,	0,2
Chì (Pb)	,,	0,1
Mangan (Mn)	,,	0,2
Thủy ngân (Hg)	,,	0,005
Nicken (Ni)	,,	0,2

Lưu Huỳnh (S)	,,	0,2
Thiếc (Sn)	,,	0,2
Kẽm (Zn)	,,	1,0
Trichloroethylene	,,	0,05
Tetrachloroethylene	,,	0,02
22. Các loại thuốc trừ sâu		
22.1 Aldrin & Dieldrin	µg/l	0,03
22.2 αBHC	,,	0,02
22.3 Chlordane	,,	0,3
22.4 DDT	,,	1,0
22.5 2,4-dichlorophenoxyacetic acid	,,	100
22.6 Endrin	,,	0,2
22.7 (-HCH	,,	3,0
22.8 Heptachlor & Heptachlor epoxide	,,	0,1
22.9 Hexachhloro benzene	,,	0,01
22.10 Lindance	,,	4,0
22.11 Methoxy chloride	,,	30
22.12 Toxaphene	,,	5,0
22.13 2,4,5-TP silvex	,,	10

23.. Các chất khác :

- Chất có độ quánh cao	Không được phép
- Chất thải cacbua canxi	Không được phép
- Cặn hoặc bùn làm tắc ống nước thải	Không được phép

Bổ sung cùng với tiêu chuẩn nước thải nêu trên, tất cả những dự án nào được thực hiện ở Việt Nam phải tuân theo tiêu chuẩn môi trường đã và sẽ được ban hành trong tương lai của Bộ Khoa Học Công Nghệ và Môi Trường.

Bên thuê sẽ cung cấp bản báo cáo phân tích nước thải của các hạng mục No.20 và 22 không quá hai lần một năm với chi phí của Bên Thuê. Bảng phân tính nước thải sẽ được thực hiện bởi một tổ chức khảo sát có uy tín và độc lập.

PHỤ LỤC IV/I
TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG KHÍ TẠI AMATA CITY (BIÊN HÒA)

Chất lượng khí	Tiêu chuẩn	Phương pháp đo
1. Lượng bụi lơ lửng		
1.1 Tại nơi làm việc	Lượng bụi trong hô hấp không qúa 15 triệu hạt /feet khối hoặc 5mg/m3.	Kỷ thuật dùng giấy lọc mẫu khí tại nơi làm việc
	Tổng số lượng bụi không qúa 50 triệu hạt/feet hoặc 15 mg/m3.	Kỷ thuật dùng giấy lọc mẫu khí tại nơi làm việc
1.2 Từ ống khói	Lượng bụi lơ lửng không qúa 400 mg/Ncu.m	Kỷ thuật dùng giấy lọc mẫu khí tại nơi làm việc, mẩu lấy tại lổ thử trên đầu ra của ống khói.
1.3 Khí vùng quanh	Lượng bụi lơ lửng không qúa 0.33 mg/cu.m. (trung bình 24 giờ)	Kỷ thuật lọc giấy bằng phương pháp lấy mẫu cột gravimetric-high. Thời gian thử mẫu phải từ 3-7 ngày để có kết qủa trung bình cho 24 giờ.
2. Lượng hóa chất		
2.1 Tiêu chuẩn cho khí tỏa ra	1. Acetone 2. Acetaldehyde 3. Acrolein 4. Aniline 5. Benzene 6. Formaldehyde 7. n-Hexone 8. Isopropylamine 9. Isobutanol 10. Methanol 11. Nitrobenzene 12. Phenol 13. Pyrindine	Không vượt qúa 2400mg/m^3 Không vượt qúa 270mg/m^3 Không vượt qúa 1.2mg/m^3 Không vượt qúa 19mg/m^3 Không vượt qúa 80mg/m^3 Không vượt qúa 6mg/m^3 Không vượt qúa 450mg/m^3 Không vượt qúa 12mg/m^3 Không vượt qúa 360mg/m^3 Không vượt qúa 260mg/m^3 Không vượt qúa 5mg/m^3 Không vượt qúa 19mg/m^3 Không vượt qúa 30mg/m^3

	14. Styrene	Không vượt qúa 420mg/m^3
	15. Toluene	Không vượt qúa 750mg/m^3
	16. Xylene (o-, m-, p-)	Không vượt qúa 870mg/m^3
	17. Sulfurdioxide	Không vượt qúa 1.300mg/m^3
	18. Nitrogendioxide	Không vượt qúa 470mg/m^3
	19. Lead	Không vượt qúa 30mg/m^3
	20. Carbonmonoxide	Không vượt qúa 1.000mg/m^3

PHỤ LỤC V

BẢN THOẢ THUẬN GHI NHỚ VỀ: CÁC TIÊU CHUẨN CHUNG CHO CÁC NHÀ THẦU XÂY DỰNG

Bản thoả thuận ghi nhớ này được làm vào ngày .....và được ký bởi:

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn Amata (Việt Nam), đại diện bởi..... các giám đốc có thẩm quyền, có trụ sở đặt tại xã Long Bình, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (sau đây được gọi là "Công Ty")

2. ..... đại diện bởi ..... các giám đốc có thẩm quyền, có trụ sở chính đặt tại .....(sau đây được gọi là "Bên sử dụng Bất động sản")

3. ..... đại diện bởi ..... các giám đốc có thẩm quyền, có trụ sở chính đặt tại ..... (sau đây được gọi là "Nhà thầu"); và

Xét rằng, Công ty tham gia và thực hiện Dự án Amata City (Biên Hòa) (Sau đây được gọi là "Dự án") tọa lạc tại xã Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam theo luật pháp Việt Nam; và

Xét rằng, Bên sử dụng Bất động sản là người thuê lô đất.....theo Bản đồ phân bố đất của Amata đính kèm theo đây (sau đây được gọi là "Bất động sản cho thuê") trong dự án nói trên và muốn thuê một Nhà thầu để xây dựng các công trình đã được Công ty đồng ý và được các cấp có thẩm quyền liên quan chấp thuận; và để thực hiện công trình xây dựng nói trên một cách chuẩn xác và suôn sẻ phù hợp với mục tiêu của Công ty và các bên sử dụng trong dự án;

DO ĐÓ, NAY CÁC BÊN THỎA THUẬN NHƯ SAU:

1. Bên sử dụng Bất động sản giải trình, bảo đảm và thỏa thuận với Công ty rằng:

   1.1 Nhà thầu dưới đây là Nhà thầu được thuê bởi Bên sử dụng Bất động sản xây dựng các công trình của Bên sử dụng Bất động sản theo hợp đồng xây dựng ký giữa Bên sử dụng Bất động sản và Nhà thầu.

1.2 Bên sử dụng Bất động sản phải giám sát việc thực hiện công trình xây dựng của Nhà thầu theo đúng giấy phép xây dựng và các bản thiết kế đã được Công ty và các cấp chính quyền liên quan phê duyệt.

1.3 Bên sử dụng Bất động sản sẽ chịu trách nhiệm về các khoản mất mát, thiệt hại bên ngoài Bất động sản cho thuê của Bên sử dụng Bất động sản do Nhà thầu gây ra trong quá trình xây dựng.

1.4 Bên sử dụng Bất động sản sẽ chịu trách nhiệm về các mất mát, thiệt hại do lỗi của Nhà thầu nếu vượt trội khoản tiền bảo đảm theo qui định ở điều khoản 3 dưới đây.

1.5 Bên sử dụng Bất động sản sẽ thông báo ngay bằng văn bản cho Công ty về việc chấm dứt hợp đồng xây dựng hoặc khi Nhà thầu hoàn thành công trình xây dựng theo hợp đồng xây dựng.

1.6 Trước khi bắt đầu xây dựng, Bên sử dụng Bất động sản sẽ nộp các bản thiết kế, bản vẽ, các chi tiết và các đặc điểm kỹ thuật cho việc xây dựng đường nối với bên trong khu đất của Bên sử dụng Bất động sản cho Công ty phê duyệt bằng văn bản, đặc biệt là các phần gây ảnh hưởng đến tiện nghi và lợi ích công cộng như cây xanh, thảm cỏ, lối đi bộ, rãnh thoát nước mưa, hệ thống nước thải, hố ga, các ống ngầm...

Kể cả khi đã được Công ty chấp thuận, Bên sử dụng Bất động sản thoả thuận không tự ý di dời cây mà phải thông báo bằng văn bản cho Công ty trước ít nhất 30 ngày để thực hiện việc di dời cây và trồng lại các cây xanh ở khu vực dự kiến có đường nối. Bên sử dụng Bất động sản sẽ chịu các phí tổn và chi phí cho việc đốn cây và trồng lại cũng như các chi phí cho việc sửa chữa các hư hại của các tiện nghi và lợi ích công cộng phát sinh từ việc xây dựng đường nối.

1.7 Trong khi và sau khi xây dựng, không được nhổ hoặc di dời các cột mốc ranh giới trong phần Bất động sản cho thuê của Bên sử dụng Bất động sản. Nếu bất kỳ một cột mốc ranh giới nào bị mất hoặc bị dời đến chỗ khác, Bên sử dụng Bất động sản và Nhà thầu phải có trách nhiệm trả chi phí cho việc đo đạc và dựng lại các cột mốc mới bao gồm các mất mát và thiệt hại phát sinh.

1.8 Bên sử dụng Bất động sản sẽ không khiếu nại hay khởi kiện Công ty vì những mất mát hoặc thiệt hại trong trường hợp Công ty đã thực hiện bất cứ quyền nào theo Hợp đồng này.

2. Nhà thầu giải trình, bảo đảm và thỏa thuận với Công ty rằng:

2.1 Nhà thầu sẽ bao gồm Nhà thầu phụ, các nhân viên và người lao động của Nhà thầu và/hoặc Nhà thầu phụ và bao gồm cả những nhân sự khác được Nhà thầu hoặc các Nhà thầu phụ mời tham gia.

2.2 Nhà thầu sẽ nộp bản vẽ, phần trình bày thiết kế của bất kỳ công trình nào sẽ được xây dựng trên lô đất của Bên sử dụng Bất động sản để Công ty phê duyệt bằng văn bản trước khi khởi công xây dựng.

2.3 Nhà thầu phải thông báo cho công ty về các nhân viên điều hành được giao nhiệm vụ phối hợp với giám đốc dự án của Công ty trước khi khởi công xây dựng.

2.4 Nhà thầu phải bảo đảm rằng tất cả các loại xe mà Nhà thầu sử dụng/hoặc dùng cho việc liên hệ công tác và/hoặc dùng để chuyên chở các vật liệu, thiết bị sẽ không vượt quá tiêu chuẩn trọng tải quy định bởi Bộ Giao thông Vận tải và sẽ tuân thủ các luật lệ, quy tắc hoặc qui định riêng của Công ty liên quan đến giao thông và an toàn.

2.5 Nhà thầu sẽ không chất đống, tích trữ, phế bỏ , đổ, cho thoát hoặc đánh rơi một cách cố tình hay vô ý bất kỳ một vật tư, hàng hóa, vật dụng thừa, chất thải, rác rưởi bên ngoài phần Bất động sản cho thuê của Bên sử dụng Bất động sản. Nếu có bất kỳ các vật kể trên, Nhà thầu sẽ dọn sạch, thu gom, quét và làm sạch ngay lập tức.

2.6 Nhà thầu sẽ không gây ra tiếng động, ánh sáng, khói, bụi, mùi hôi, hoặc bồ hóng gây hại cho môi trường của Dự án, làm phiền hoặc gây nguy hiểm cho người khác trong Dự án nói chung.

2.7 Nhà thầu sẽ không sử dụng phần ngoại vi của Bất động sản cho thuê của Bên sử dụng Bất động sản cho các mục đích khác ngoài những mục đích qui định bởi Công ty.

2.8 Nhà thầu sẽ xử lý rác, chất thải rắn, hoặc các vật liệu thừa sau khi sử dụng bằng cách thu gom và thiêu hủy chúng tại một địa điểm

được qui định trong khu vực Bất động sản cho thuê của Bên sử dụng Bất động sản. Phần vật liệu thừa, gạch, xi măng, cát, đất có thể dùng để lấp các phần đất thấp trong khu vực Bất động sản cho thuê hoặc được đưa ra khỏi khu vực Dự án.

2.9 Nước thải, nước cống, nước tiểu, nước cầu tiêu thải ra sẽ được xử lý trong các hầm cầu tự hoại với số lượng đủ và thích hợp với số người sử dụng, và sẽ được lấp lại và dọn sạch nếu không tiếp tục sử dụng.

2.10 Nhà thầu sẽ quản lý, giám sát nhân viên, công nhân và những người trực thuộc để ngăn cấm họ không uống rượu, sử dụng ma túy, đánh bạc, và ngăn chặn họ gây gổ với nhau và với người khác.

2.11 Nhà thầu phải tuân thủ các luật lệ của Công ty, các quy định, các mệnh lệnh được công bố hoặc sẽ được công bố với mục đích giữ trật tự, sạch sẽ, ngăn nắp và an toàn trong Dự án vì các lợi ích chung.

2.12 Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường mất mát, thiệt hại về người và tài sản thuộc khu vực Dự án phát sinh do hành động cố ý hay vô tình của Nhà thầu hoặc nhân viên của họ, không kể việc mất mát thiệt hại đó xảy ra do thi công công trình theo hợp đồng xây dựng hay không. Đối với bất kỳ các mất mát, thiệt hại các phụ kiện và linh kiện của điện thoại, hệ thống cấp điện, nước v.v.. gây tác hại vật chất cho các Nhà máy khác trong Dự án, Nhà thầu sẽ bị phạt ngay lập tức không dưới 4.000 USD cho mỗi lần xảy ra.

2.13 Nhà thầu sẽ xây dựng một hàng rào tạm bằng các tấm tráng kẽm chống rỉ sạch sẽ chung quanh khu vực sinh hoạt của công nhân Nhà thầu trong thời gian xây dựng để duy trì trật tự.

2.14 Nhà thầu được chấp thuận cho sử dụng các tiện ích như điện và nước do Công ty cung cấp và phải trả ngay cho Công ty tiền lắp đặt các tiện ích nói trên, và phí dịch vụ do Công ty ấn định (hiện tại Nhà thầu phải trả tiền cho việc sử dụng nước máy do Công ty cung cấp nếu có với giá 2,5USD/m^3 căn cứ trên giá nước máy cung cấp bởi xe bồn)

2.15 Ngay sau khi xây dựng xong hàng rào mặt tiền của Bất động sản cho thuê, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cải thiện khu vực có thảm cỏ kể cả miệng hố và rãnh nước hoặc trồng cỏ/cây mới trong khu

vực giữa phía ngoài hàng rào mặt tiền và lối đi bộ công cộng để giữ cho khu vực này trong điều kiện như trước khi xây dựng Nhà máy.

3. Để đảm bảo cho việc thực hiện các nghĩa vụ thường xuyên dưới đây của Nhà thầu và để giảm thiểu các tổn thất và thiệt hại cho Công ty do lỗi của Nhà thầu hoặc do vi phạm bất kỳ một điều khoản nào của Hợp đồng này, Nhà thầu đồng ý ký gửi một khoản bảo đảm cho Công ty bằng tiền mặt. hoặc cung cấp cho Công ty một phiếu bảo đảm do một ngân hàng thương mại phát hành với khoản tiền là 4.000USD cho đến khi Bên sử dụng Bất động sản thông báo bằng văn bản cho Công ty rằng Nhà thầu không còn bị ràng buộc bởi các nghĩa vụ trong hợp đồng xây dựng.

   Thêm vào đó, bất cứ một khoản thất thoát hay thiệt hại nào mà Công ty phải trả do lỗi hay việc không thực hiện nghĩa vụ của Nhà thầu, nếu Công ty yêu cầu mà Nhà thầu không thanh toán được, Nhà thầu đồng ý rằng Công ty sẽ trừ vào khoản tiền ký gửi bảo đảm nói trên hoặc yêu cầu ngân hàng phát hành phiếu bảo đảm thanh toán ngay.

4. Ngoài các quyền nêu ở Khoản 3 ở trên, nếu Bên sử dụng Bất động sản và/hoặc Nhà thầu vi phạm bất kỳ một điều khoản nào trong Hợp đồng này và Công ty đã thông báo về vi phạm đó và tìm giải pháp khắc phục nhưng vi phạm đó vẫn không được khắc phục trong khuôn khổ các điều khoản quy định ở đây, Công ty có quyền cấm bất kỳ xe cộ hoặc nhân sự nào của Bên sử dụng Bất động sản hoặc của Nhà thầu vào khu vực Dự án, cho đến khi Bên sử dụng Bất động sản hoặc Nhà thầu tuân thủ thỏa thuận này; trong trường hợp như vậy, Bên sử dụng Bất động sản hoặc Nhà thầu sẽ không có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện Công ty về những thất thoát và thiệt hại của họ.

5. Bất kỳ thông báo hay thông tin liên lạc nào của Công Ty gửi đến các nhân viên của Nhà thầu tại văn phòng của họ ở công trường nêu tại khoản 2.3 sẽ được xem như là đã được Nhà thầu nhận đầy đủ.

Hợp đồng này được làm thành 3 bản như nhau, các bên đã đọc và hiểu toàn bộ các điều khoản ở đây phù hợp với ý định và mục đích của mỗi bên.

Với sự có mặt của các nhân chứng, các bên đã ký và đóng dấu vào Bản Thỏa Thuận này vào ngày và năm đã viết ở trên, mỗi bên giữ một bản.

Bởi .....Công ty
(.....)

Bởi .....Công ty
(.....)

..... Nhân Chứng

(.....)

Bởi .....Bên sử dụng
(.....)

Bởi.....Bên sử dụng
(.....)

..... Nhân Chứng

(.....)

Bởi .....Nhà thầu

(.....)

Bởi.....Nhà thầu

(.....)

PHỤ LỤC 6

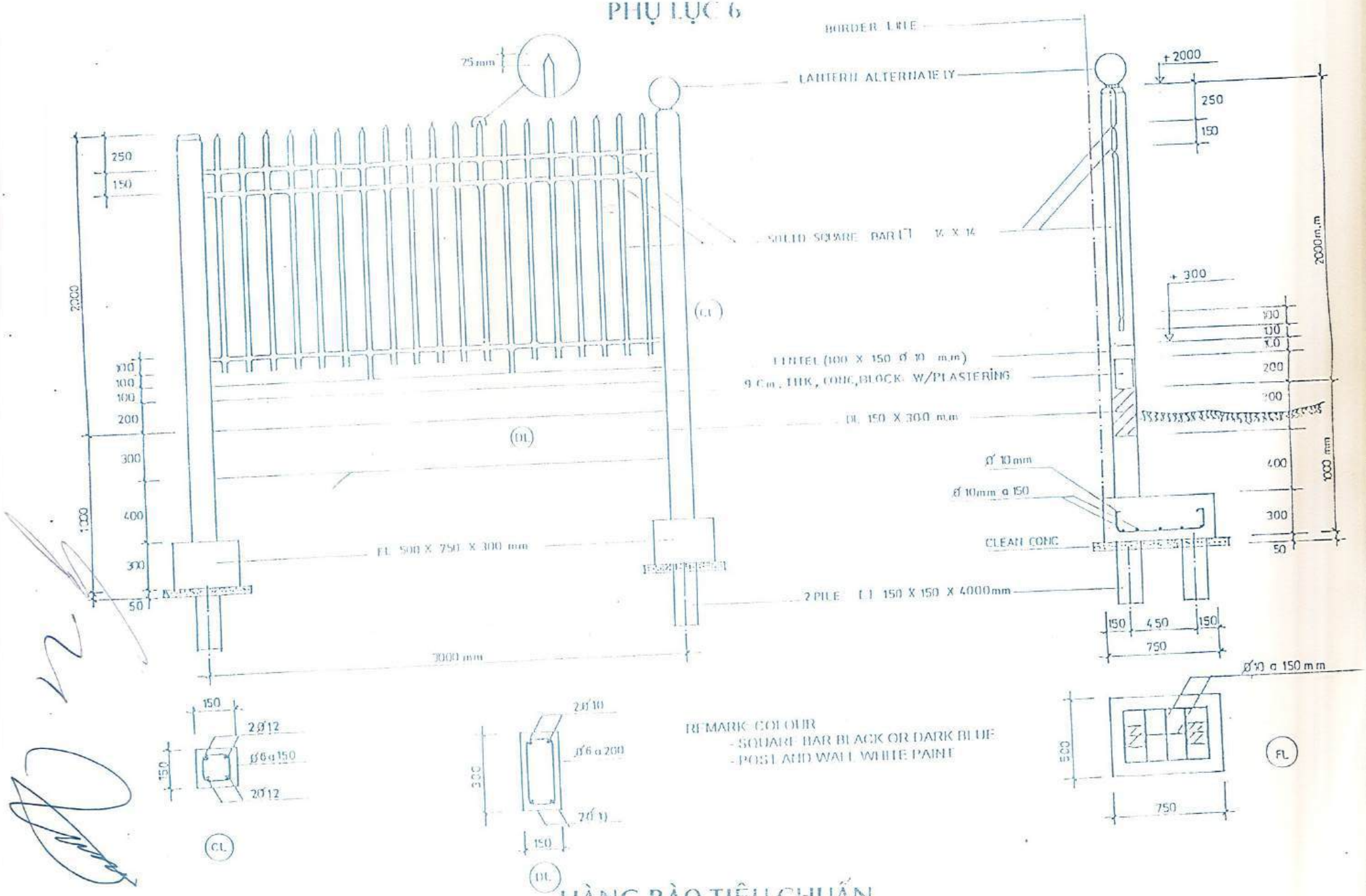

REMARK COLOUR
- SQUARE BAR BLACK OR DARK BLUE
- POST AND WALL WHITE PAINT

HÀNG RÀO TIÊU CHUẨN

ANNEX VII

DESIGNS OF WASTEWATER EFFLUENT SAMPLING PIT, GATE VALVE AND MANHOLES WITH CONNECTING PIPE

TYPE OF INSPECTION MANHOLE

TYPE	D	W1	W2	T
	DIAMETER OFF PIPE (MM)	WIDTH OF MANHOLE (MM)	WIDTH OF BAR SCREEN (MM)	WALL THICKNESS (MM)
A	Ø 150	700	730	100
B	Ø 200	800	850	120
C	Ø 300	1000	1100	150

NOTE:

SIZE OF BAR SCREEN AND WIDTH OF INSPECTION MANHOLE SHALL BE ADJUSTED TO THE FLOW RATE AND THE CHARACTERISTIC OF WASTE WATER OR CONFORMED TO THE ABOVE TABLE

VALVE BOX
SECTION Ⓐ-Ⓐ

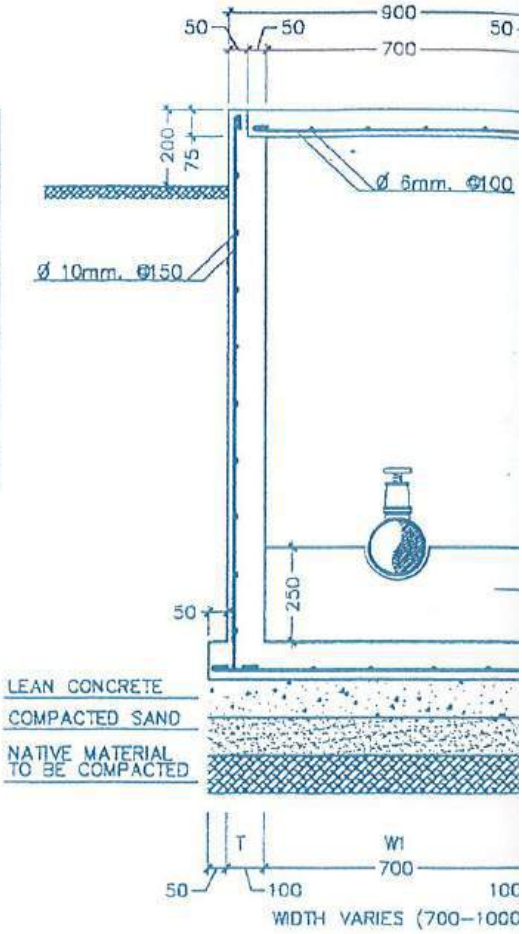

(TYPE A/B/C)

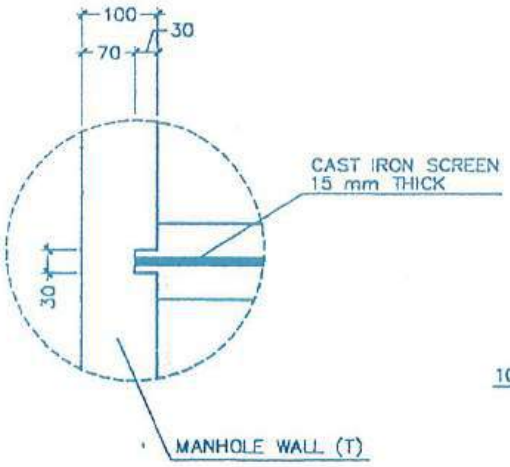

DETAIL ①

IRON BAR SCREEN (W2)

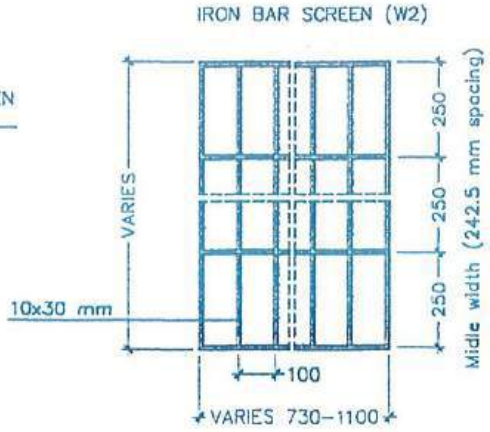

DETAIL ②

INSPECTION MANHOLE
SECTION Ⓑ-Ⓑ

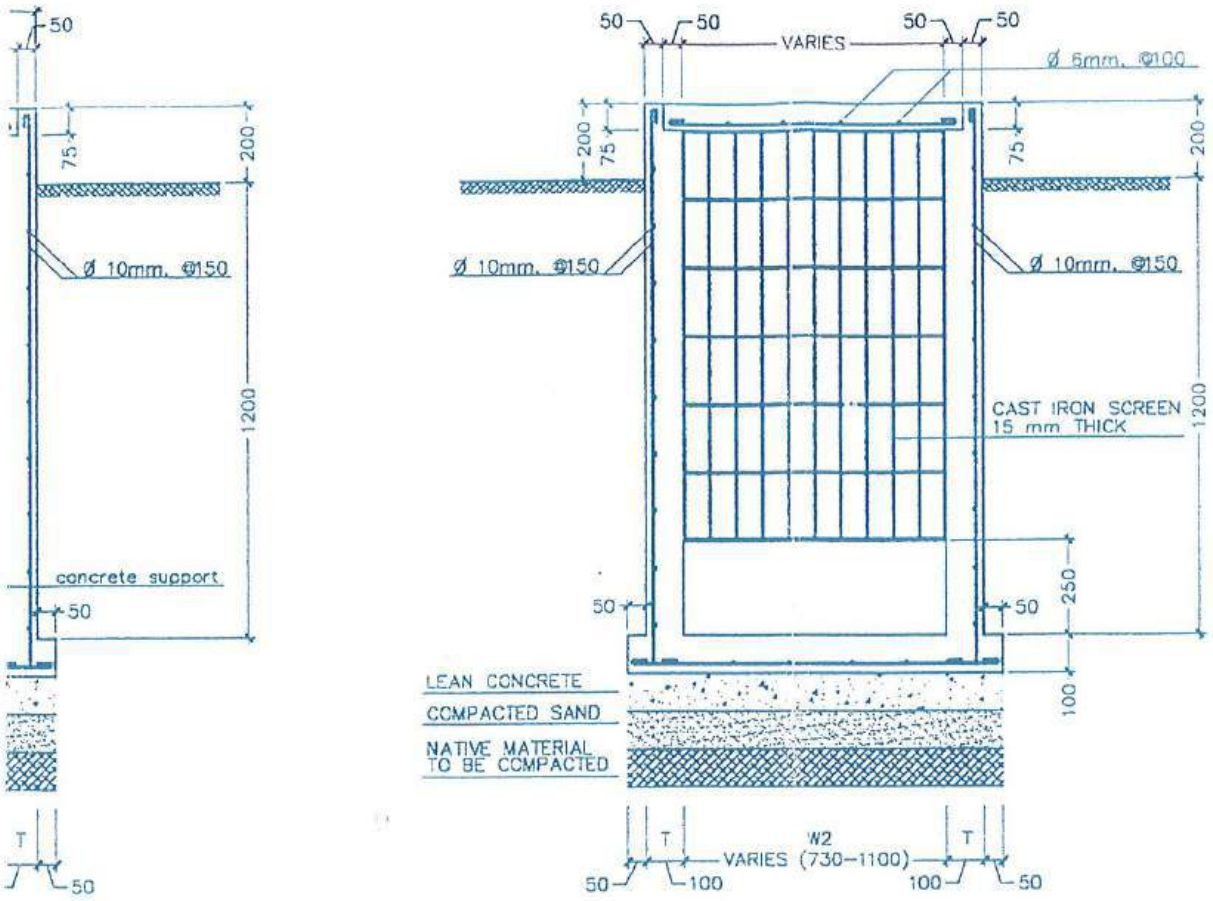

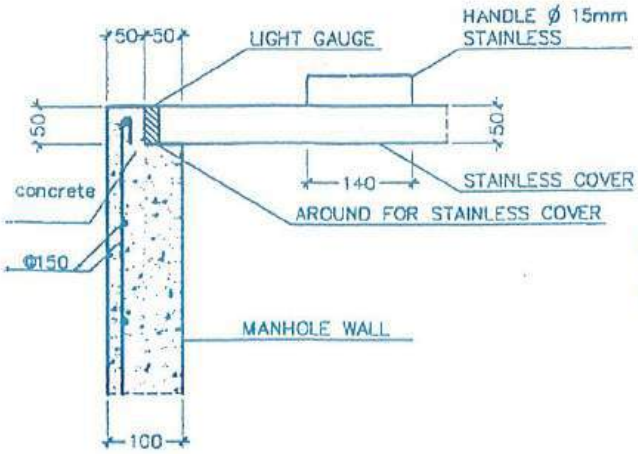

DETAIL ③

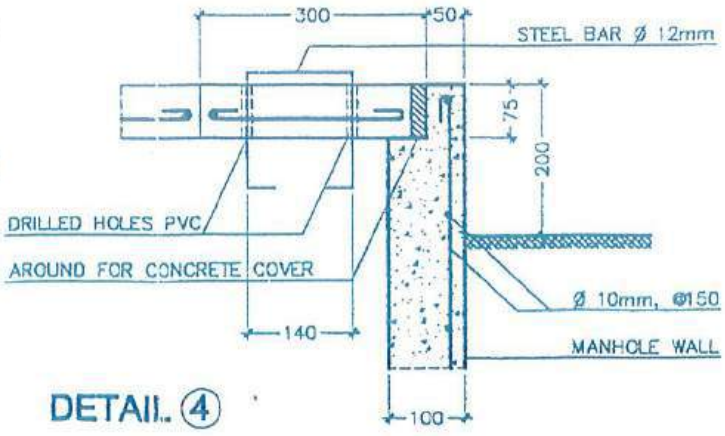

DETAIL ④

AMATA MODERN INDUSTRIAL PARK
VALVE BOX, INSPECTION MANHOLE

ANNEX VII

DESIGNS OF WASTEWATER EFFLUENT SAMPLING PIT, GATE VALVE AND MANHOLES WITH CONNECTING PIPE

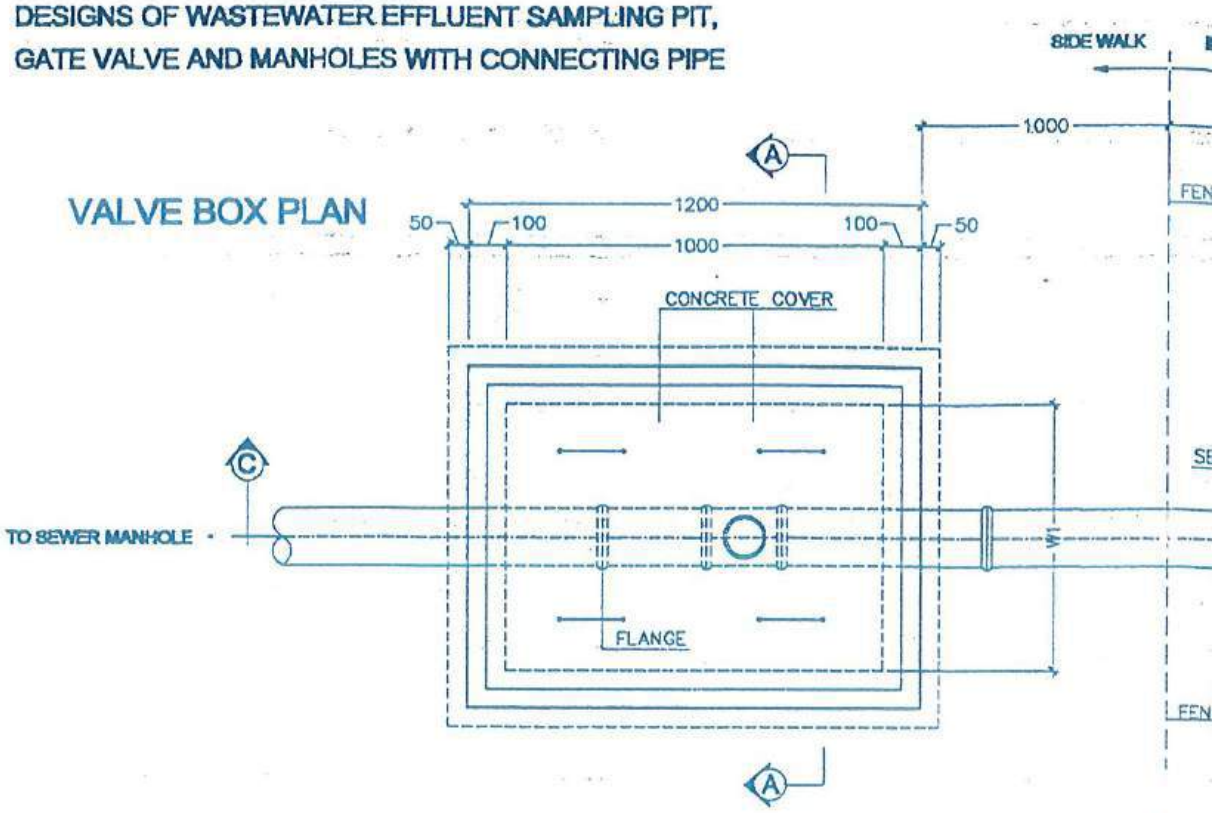

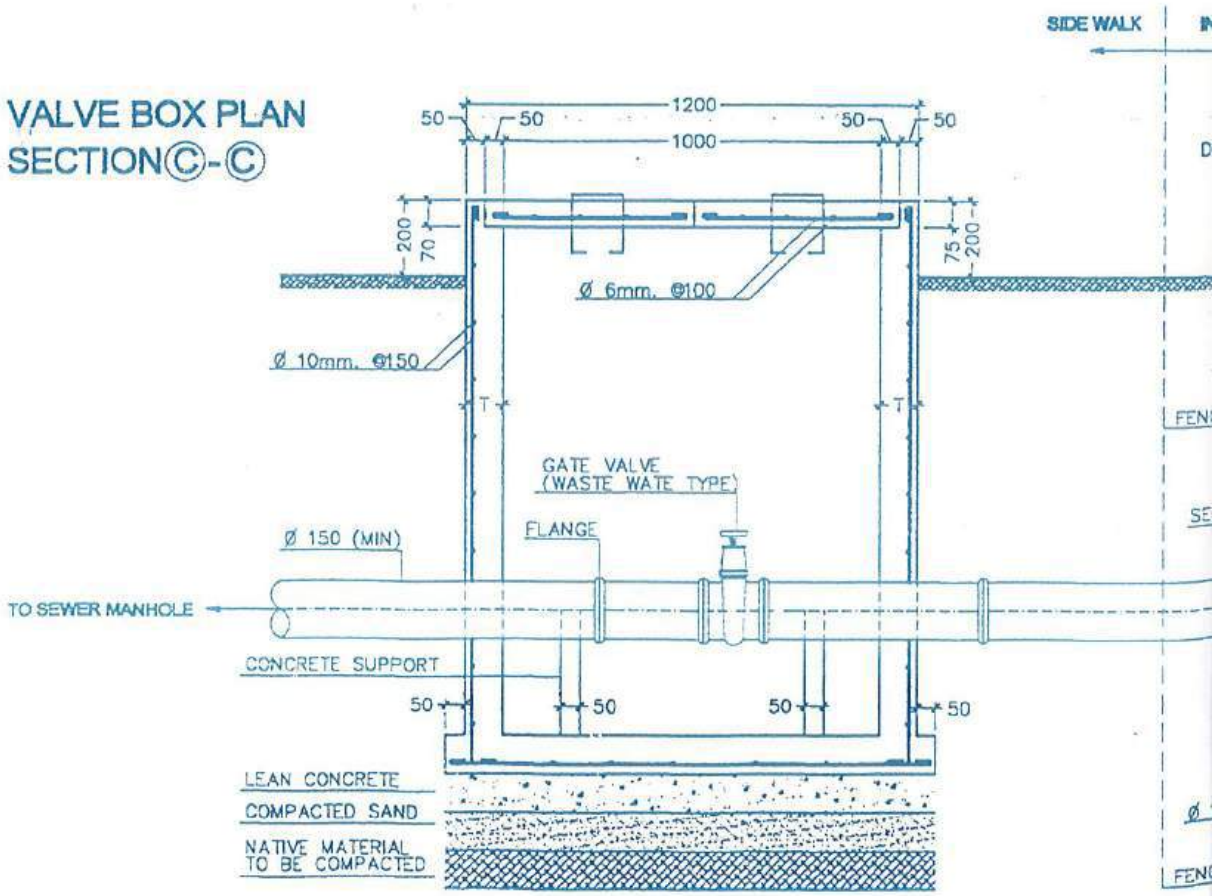

IDE FACTORY

INSPECTION MANHOLE PLAN

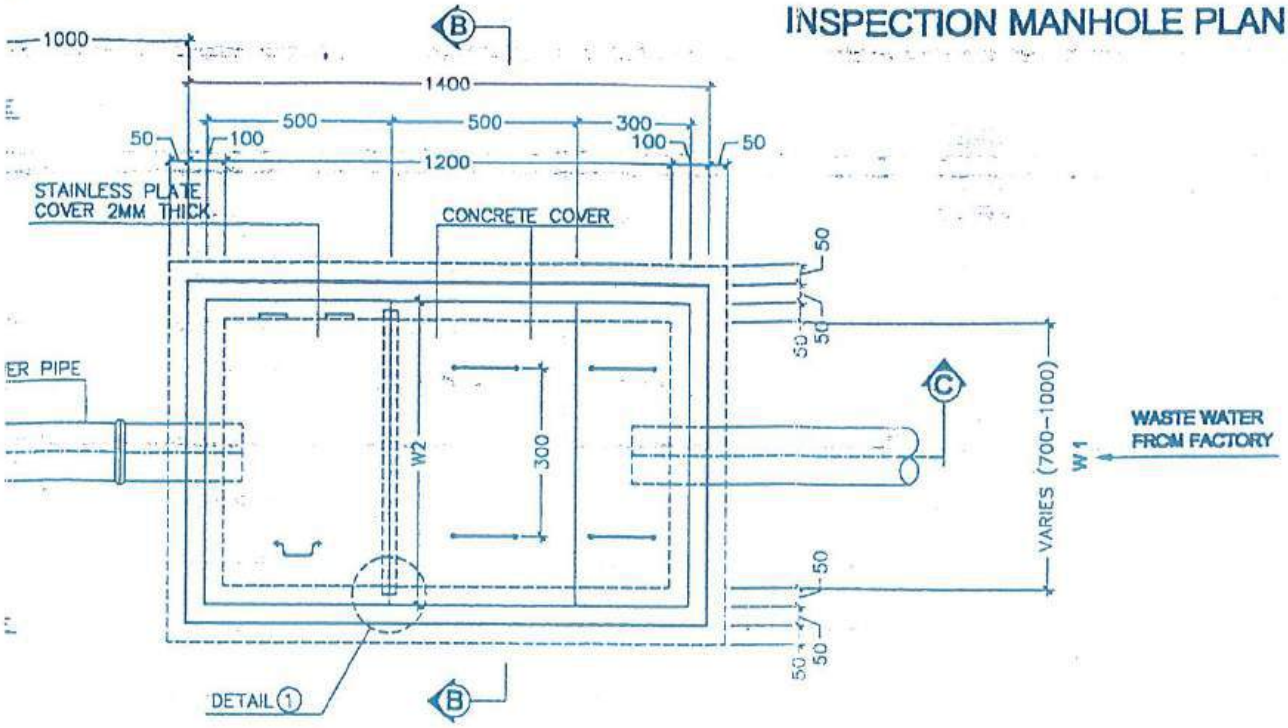

IDE FACTORY

INSPECTION MANHOLE SECTION Ⓒ-Ⓒ

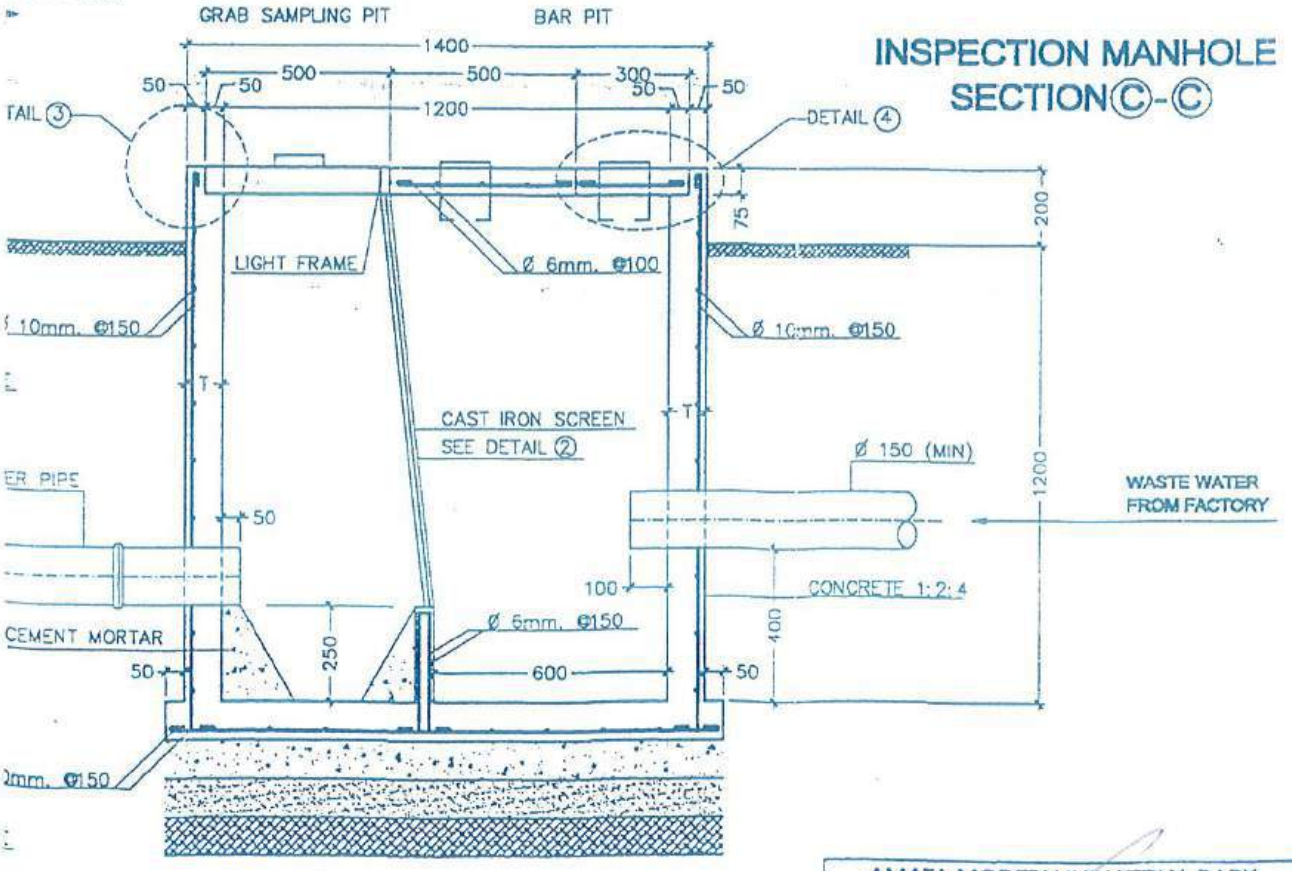

AMATA MODERN INDUSTRIAL PARK

VALVE BOX, INSPECTION MANHOLE

SỞ XÂY DỰNG
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

4 7 0 1 2 5 1 9 9

GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỞ HỮU CÔNG TRÌNH

Tên Công Trình : Nhà máy sản xuất bàn đạp, các bộ phận của bàn đạp và các chi tiết bằng nhựa của xe đạp

Chủ Đầu tư : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

Hồ sơ gốc số : 199/

SỞ XÂY DỰNG TỈNH ĐỒNG NAI
CHỨNG NHẬN QUYỀN SỞ HỮU CÔNG TRÌNH

Tên công trình : Nhà máy sản xuất bàn đạp, các bộ phận của bàn đạp và các chi tiết bằng nhựa của xe đạp.
Hạng mục: Từ số 01 đến số 06 theo sơ đồ

Chủ đầu tư : CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

Giấy phép đầu tư, Thành Lập Doanh nghiệp :
Số : 61/GP-KCN-ĐN Ngày 11 tháng 12 năm 2000
Cơ quan cấp : Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai

Quyết định (Hợp đồng) Thuê cấp quyền sử dụng đất : Thuê đất
Số : Ngày 28 tháng 12 năm 2000
Cơ quan cấp (cho thuê) : Công ty Liên doanh Phát triển khu CN Long Bình hiện đại (AMATA)

Diện tích đất sử dụng : 30.006,0 m^2
Thời hạn sử dụng đất : đến hết ngày 31/12/2044
Địa điểm xây dựng : Khu công nghiệp Amata
Phường (Xã) : Long Bình Huyện (TP) Biên Hòa Tỉnh Đồng Nai.
Diện tích xây dựng : 6.307,0 m^2
Đơn vị Thiết Kế : Xí nghiệp Tư vấn và Thiết kế XD- C.ty Xây lắp thương mại 2
Giấy phép xây dựng : 81/SXD ngày 12/4/2001
Đơn vị cấp : Sở Xây dựng Đồng Nai
Biên bản nghiệm thu ngày : 06/2/2002

Biên Hòa, ngày 28 tháng 4 năm 2004

SỞ XÂY DỰNG TỈNH ĐỒNG NAI

KT/ GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ XÂY DỰNG TỈNH ĐỒNG NAI

Nguyễn Sỹ Mơn

SƠ ĐỒ

THỬA ĐẤT VÀ MẶT BẰNG CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

TỈ LỆ : 1/2000

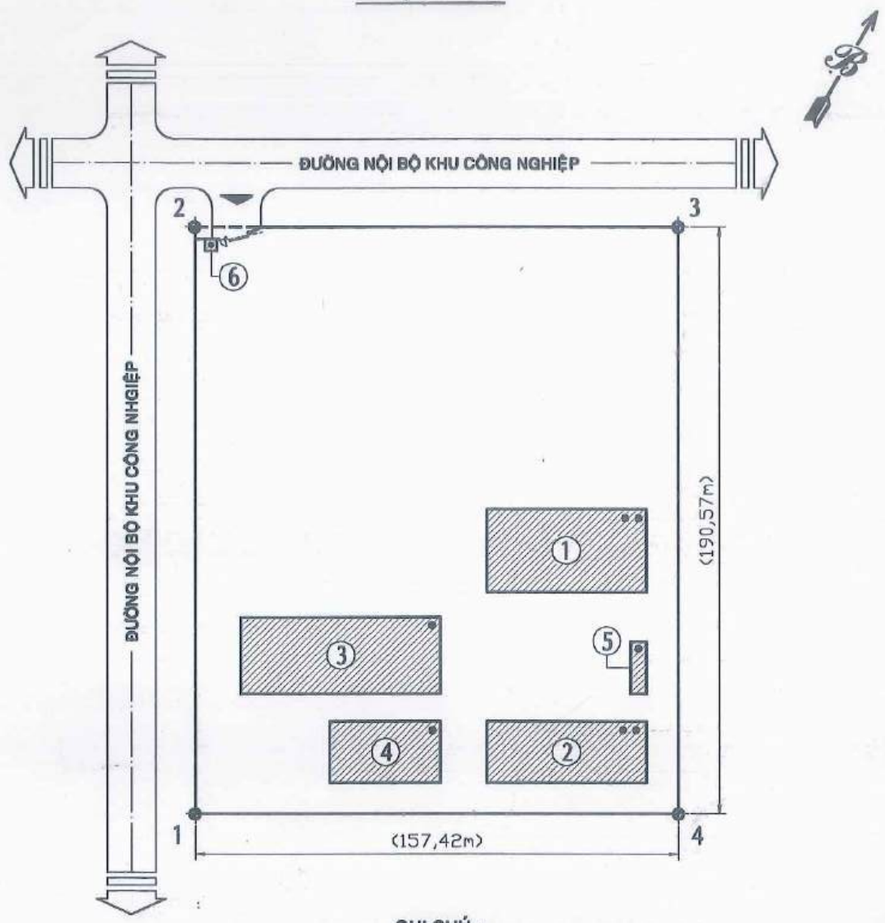

GHI CHÚ :

1. NHÀ XƯỞNG (2 TẦNG)	:	2.808,0 m^2	4. NHÀ NHUỘM MÀU	:	720,0 m^2
2. NHÀ ĂN + NGHỈ GIỮA CA (2 TẦNG)	:	1.040,0 m^2	5. NHÀ VỆ SINH	:	85,0 m^2
3. NHÀ XỬ LÝ NHIỆT	:	1.638,0 m^2	6. NHÀ BẢO VỆ	:	16,0 m^2

- TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG : 6.307,0 m^2
- DIỆN TÍCH THỬA ĐẤT GIỚI HẠN BỞI CÁC MỐC (1,2,3,4,1) LÀ: 30.006,0 m^2

UBND Tỉnh Đồng Nai
SỞ KH, CN & MÔI TRƯỜNG

Số : 315/BĐK.KHCNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biên Hòa, ngày 28 tháng 3 năm 2001

PHIẾU XÁC NHẬN
BẢN ĐĂNG KÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG

Dự án: Công ty TNHH VP Components Việt Nam.

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI XÁC NHẬN

Điều 1. Dự án Công ty TNHH VP Components Việt Nam đặt tại lô 104/2-1, đường Amata 2-4, Khu công nghiệp Amata, phường Long Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã trình nội dung Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường ngày 15 tháng 3 năm 2001.

Điều 2. Công ty có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và những yêu cầu đối với Công ty kèm theo Phiếu xác nhận này.

Điều 3. Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của Công ty và những yêu cầu đối với Công ty tại điều 2 của Phiếu xác nhận này, là cơ sở để các Cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi trường của Công ty.

Điều 4. Sau khi hoàn tất các hạng mục công trình về môi trường, Công ty phải có báo cáo bằng văn bản gửi Cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường để kiểm tra.

Nơi nhận :
-UBND Tỉnh (để b/c)
-Ban Quản lý các KCN (để biết)
-CTy VP Components VN (để thực hiện)
-Lưu VP, P. QLMT
Đồng kính gửi:
-Cục Môi trường (để b/c)

Q. GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC, CN VÀ MT

TS. Trần Toản

T/BĐK. 6

NHỮNG YÊU CẦU ĐỐI VỚI CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 345 /BĐK.KHCNMT ngày 28 /3/2001 của Giám đốc Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Đồng Nai)

1- Qui hoạch diện tích cây xanh tối thiểu 15% trên tổng diện tích mặt bằng để tạo cảnh quan và thoáng mát trong khuôn viên Công ty.

2- Tách riêng tuyến thoát nước thải và nước mưa của Công ty. Nước thải sinh hoạt và sản xuất phải được xử lý cục bộ tại Công ty đạt tiêu chuẩn theo qui định của KCN Amata trước khi được đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

3- Đầu tư hệ thống xử lý khí thải (từ bể mạ và bể axít) đạt tiêu chuẩn nguồn loại B, TCVN 5939- 1945. Thực hiện các biện pháp đảm bảo môi trường không khí đạt theo tiêu chuẩn qui định TCVN 5937-1995, TCVN 5938-1995, TCVN 5940-1995.

4- Thường xuyên vệ sinh mặt bằng nhà xưởng; phối hợp với đơn vị chức năng thu gom và xử lý các loại chất thải rắn không nguy hại hợp vệ sinh, đúng qui định. Đối với các chất thải công nghiệp nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất (dầu mỡ thải, phẩm màu, bùn thải chứa kim loại nặng,...), Công ty phải xử lý theo đúng Qui chế Quản lý chất thải nguy hại ban hành kèm theo Quyết định số 155/1999/QĐ-TTg ngày 16/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ.

5- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân. Thực hiện các biện pháp đảm bảo môi trường vi khí hậu.

6- Thực hiện chương trình giám sát môi trường đối với hoạt động của nhà máy và báo cáo kết quả thực hiện về Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Đồng Nai (02 lần trong 1 năm).

7- Hoạt động đúng qui mô đăng ký 39.600.000 bộ sản phẩm các loại (pêdan, bộ nắp chụp pêdan, bộ nắp chụp dưới, trục pêdan,...). Mọi sự thay đổi về ngành nghề hay qui mô hoạt động, Công ty phải báo cáo Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Đồng Nai để được xem xét.

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 329 /BĐK-TNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biên Hòa, ngày 16 tháng 11 năm 2004

PHIẾU XÁC NHẬN
BẢN ĐĂNG KÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG

Dự án mở rộng - xây dựng nhà xưởng xi mạ của
CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
XÁC NHẬN

Điều 1. Công ty TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM) đã trình bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường đối với dự án mở rộng- xây dựng nhà xưởng xi mạ vào ngày 15/10/2004, đặt tại Lô 204/2-1, KCN Amata, Biên Hòa, Đồng Nai (theo giấy phép đầu tư số 61/GPĐC1-KCN-ĐN ngày 11/8/2004 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai).

Điều 2. Công ty TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM) có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và những yêu cầu đối với chủ dự án kèm theo phiếu xác nhận này.

Điều 3. Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và những yêu cầu đối với chủ dự án tại điều 2, là cơ sở để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện về bảo vệ môi trường của Công ty.

Điều 4. Sau khi hoàn thành các hạng mục công trình về môi trường, Công ty phải có báo cáo bằng văn bản gửi cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường để kiểm tra.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (b/c)
- Ban QLKCN Đồng Nai
- Cty VP Components VN (để thực hiện)
- Giám đốc, các Phó GĐ Sở
- Lưu VT, MT- 15

Đồng kính gửi:
-Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c)

ThT/bdk.morong.VPComponents/ 7

KT. GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI

Phan Văn Hết

NHỮNG YÊU CẦU ĐỐI VỚI CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VN)

(Ban hành kèm theo Phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 2229 /BĐK-TNMT ngày 16 /11/2004 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai)

---

1. Thực hiện trồng cây xanh tối thiểu 15% trên tổng diện tích mặt bằng của nhà máy để tạo môi trường cảnh quan và điều hòa khí hậu.
2. Thực hiện việc tách riêng tuyến thoát nước mưa và nước thải các loại đối với mặt bằng nhà xưởng. Nước thải sinh hoạt và sản xuất phải được xử lý cục bộ theo hợp đồng thỏa thuận giữa Công ty VP Components và Công ty Liên doanh Phát triển KCN Long Bình hiện đại (Amata) trước khi đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Amata.
3. Xử lý các nguồn phát sinh khí thải đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường qui định theo tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường TCVN 5939-1995 (cột B), TCVN 5940-1995 hay TCVN 6991-2001, 6994-2001; các nguồn gây ô nhiễm không khí đạt tiêu chuẩn TCVN 5937-1995, 5938-1995.
4. Thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp không nguy hại hợp vệ sinh, đúng quy định. Soát xét các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất (như các loại hóa chất, bột kim loại sau sử dụng hay quá hạn sử dụng; dầu nhớt thải, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải; bao bì chứa chất thải nguy hại,...) phải đăng ký quản lý chất thải nguy hại của chủ nguồn thải theo Quy chế quản lý chất thải nguy hại ban hành kèm theo Quyết định số 155/1999/QĐ-TTg ngày 16/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ và quyết định số 2582/2001/QĐ.CT.UBT ngày 30/7/2001 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.
5. Hoạt động đúng ngành nghề và quy mô sản xuất đã đăng ký (xi mạ 24.000.000 sản phẩm/năm). Trong trường hợp thay đổi ngành nghề, thay đổi công nghệ sản xuất hoặc mở rộng quy mô sản xuất ở những giai đoạn tiếp theo, Công ty phải báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai xem xét các biện pháp cần thiết về bảo vệ môi trường.
6. Thực hiện chương trình giám sát chất lượng môi trường định kỳ 06tháng/lần và gửi báo cáo kết quả giám sát về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai để theo dõi, kiểm tra.
7. Tuân thủ thực hiện các tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường được ban hành kèm theo Quyết định số 35/2002/QĐ-BKHCNMT ngày 25/6/2002 của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và các quy định khác có liên quan.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Xuân Lộc, ngày 02 tháng 05 năm 2025

Số: 40-2025/HĐKT.CTNH

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(V/v: Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại)

- *Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015;*
- *Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/06/2005;*
- *Căn cứ vào Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022.*
- *Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*
- *Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường*
- *Căn cứ Giấy phép môi trường số 219/GPMT-BTNMT được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 17/06/2024;*
- *Căn cứ vào nhu cầu của quý công ty và giấy phép kinh doanh chức năng thực hiện của Công ty Cổ phần Cù Lao Xanh;*

Chúng tôi, đại diện hai bên gồm có:

BÊN A : **CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS VIỆT NAM**
Địa chỉ : Lô 104/2-1, Đường số 2, KCN Amata, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai.
Điện thoại : 02513 936579
Mã số thuế : 3600485577
Đại diện : **Ông Horng Yih Laing** Chức vụ: Tổng giám đốc

BÊN B : **CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH.**
Địa chỉ : Tổ 11, Ấp 7, Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
Đại diện Ông : **NGUYỄN VÕ NGỌC TIẾN** Chức vụ: Giám Đốc Điều Hành
Điện thoại : 02513.743 473. Fax: 02513 740 470
Mã số thuế : 3600974514
Tên tài khoản : **CT CP CU LAO XANH**
Tài khoản số : 0121 000 631 881
Tên ngân hàng : Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Đồng Nai.
Địa chỉ ngân hàng: 53-55 đường Võ Thị Sáu, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hoà, Đồng Nai

Sau khi thoả thuận, hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1.1. Bên B nhận xử lý chất thải phát sinh sau quá trình sản xuất tại nhà máy của Bên A tại địa chỉ: Lô 104/2-1, Đường số 2, KCN Amata, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai. *(Danh mục chất thải được ghi rõ tại điều 2 của hợp đồng này).*

1.2. Các loại chất thải của bên A được xử lý theo đúng quy trình kỹ thuật đã được thống nhất giữa hai bên và được cơ quan chức năng cho phép thực hiện.

1.3. Toàn bộ chất thải của bên A sẽ được bên B thu gom, vận chuyển về đến nhà máy xử lý cuả bên B tại địa chỉ: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

1.4. Thời gian và địa điểm thu gom chất thải: Chất thải được thu gom hàng tháng theo yêu cầu của Bên A. Sau khi nhận yêu cầu trong vòng 03 (ba) ngày, Bên B cần tiến hành thu gom vận chuyển chất thải.

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ – PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1 Đơn giá (đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý):

STT	TÊN CHẤT THẢI	TRẠNG THÁI	MÃ CTNH	ĐVT	ĐƠN GIÁ XỬ LÝ (VNĐ)	PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ
01	Bùn thải và bã lọc có chứa các thành phần nguy hại	Rắn	07 01 05	Kg	2.000	TĐ-HR
02	Các vật liệu mài mòn thải có chứa các thành phần nguy hại	Rắn	07 03 08	Kg	6.000	TĐ-HR
03	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	Kg	6.000	TĐ-HR
04	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại chất thải khác có chứa thủy ngân	Rắn	16 01 06	Kg	6.000	Nghiền - HR
05	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	Lỏng	17 06 01	Kg	6.000	TĐ
06	Bao bì mềm thải có chứa hoặc nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 01 01	Kg	6.000	TĐ-HR
07	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	Kg	6.000	TĐ-HR
Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT						

Ghi chú: *TĐ-HR: Thiêu đốt – Hóa rắn*

2.2 Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản VNĐ trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được hóa đơn tài chính do bên B cung cấp.

ĐIỀU 3 TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

3.1 Trách nhiệm của bên A

- Toàn bộ chất thải phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất của bên A phải được tập

trung thu gom, phân loại và lưu giữ an toàn trong kho chứa chờ tiến hành bàn giao cho bên B thu gom, vận chuyển, xử lý.

- Khi có phát sinh, Bên A thông báo bằng fax hoặc điện thoại cho Bên B về thông tin chất thải trước 24 giờ cho nhân viên phụ trách trực tiếp của bên B.
- Khi có phát sinh chất thải ngoài danh mục hợp đồng thu gom, chất thải dễ cháy nổ, hóa chất có tính nguy hại cao, bên A phải cảnh báo cho bên B trước khi thu gom để có biện pháp phòng ngừa và xử lý kịp thời.
- Bên A bố trí nhân viên hướng dẫn, phối hợp giám sát, hỗ trợ xe nâng trong quá trình thu gom chất thải (nếu cần) và cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng nhà máy.
- Trong thời hạn hợp đồng có hiệu lực, bên A không được phép giao chất thải cho đơn vị khác xử lý, nếu vi phạm phải chịu trách nhiệm theo pháp luật hiện hành.
- Thanh toán chi phí xử lý cho bên B đúng thời hạn.

3.2 Trách nhiệm của bên B

- Cung cấp phương tiện vận chuyển và mang đầy đủ các trang thiết bị dụng cụ an toàn cần thiết khi đến thu gom chất thải tại nhà máy bên A.
- Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải nguy hại – phòng cháy chữa cháy theo pháp luật hiện hành trong quá trình vận chuyển, bảo quản và xử lý.
- Cán bộ, nhân viên của bên B khi ra vào làm việc tại khu vực của bên A phải chấp hành nội quy nơi làm việc, thực hiện theo đúng hệ thống quản lý an toàn và bảo vệ môi trường của bên A để đảm bảo trật tự an toàn nơi làm việc của bên A, nhân viên của bên B phải tuyệt đối chấp hành mọi chỉ dẫn của người đại diện bên A về việc đi lại, vị trí thu gom rác thải.
- Sau khi chất thải cuả Bên A bàn giao cho Bên B, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra (thất thoát, làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường) trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- Bên B chịu trách nhiệm xuất trình với các cơ quan có thẩm quyền các giấy tờ có liên quan đến hoạt động xử lý rác thải và các giấy chứng nhận cho phép hoạt động của các xe chở rác thải chuyên dụng của bên B.

ĐIỀU 4: THỜI HẠN VÀ ĐIỀU KIỆN CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

4.1 Thời hạn hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày **02/05/2025 đến hết ngày 01/05/2026.** Ngày hết hạn hợp đồng cũng là ngày thanh lý hợp đồng.

4.2 Điều kiện chấm dứt hợp đồng

Hợp đồng này sẽ chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Một trong hai bên không thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm của mình nêu tại điều 2 của hợp đồng này
- Hai bên thoả thuận chấm dứt hợp đồng trước thời hạn
- Hợp đồng hết thời hạn hiệu lực nêu tại điều 4.1 mà không được hai bên gia hạn tiếp
- Trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng, bên A không thông báo thu gom, xử lý chất thải hoặc trong thời gian 90 ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục chuyển giao chất thải cho bên B thì bên B có thể kết thúc hợp đồng trước thời hạn và hợp đồng mặc nhiên không còn giá trị.

ĐIỀU 5: CAM KẾT CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng theo những điều khoản đã nêu trong hợp đồng này trên tinh thần thiện chí và hợp tác. Mọi tranh chấp phát sinh đều được ưu tiên giải quyết bằng con đường thương lượng, trường hợp không tự giải quyết được thì vấn đề sẽ

được đưa ra giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành và theo quyết định của Toà án nhân dân hoặc Toà án kinh tế có thẩm quyền

- Mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng đều phải lập thành văn bản có sự xác nhận của hai bên.
- Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
HORNG YIH LAING	NGUYỄN VÕ NGỌC TIỀN

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C25TYY

Số *(No.)*: **00000307**

Ngày (Date) 27 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 00D4335D0982CB486089F5F9C2C898DEDA

Đơn vị bán hàng *(Seller)*: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH**

Mã số thuế *(Tax code)*: 3600974514

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 11, Ấp 7, Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại *(Tel)*: 0251 3743 473

Số tài khoản *(Bank account)*: 050075561099 - Sacombank PGD Xuân Lộc

Số tài khoản *(Bank account)*: 0121000631881 - Vietcombank PGD Đồng Nai

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

Mã số thuế *(Tax code)*: 3600485577

Địa chỉ *(Address)*: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK Số tài khoản *(Bank account)*:

Đồng tiền thanh toán *(Payment Currency)*: VND

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	Xử lý bùn thải và bã lọc có chứa các thành phần nguy hại	kg	24.030,00	2.000,00	48.060.000
				Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**48.060.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:		**8%**		Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**3.844.800**
				Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**51.904.800**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Năm mươi mốt triệu chín trăm linh bốn nghìn tám trăm đồng chẵn.***					

Người mua hàng *(Buyer)*

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng *(Seller)*

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(E-signature, Digital signature)

Signature Valid

***Ký bởi (Signed By)*: CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH**

***Ký ngày (Signing Date)*: 27/02/2025**

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu *(Invoice code)*: **Q5H7TLNZQQJ7**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C25TYY

Số *(No.)*: **00000507**

Ngày (Date) 21 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 00DCC88C9E09D74168A0A3DB3304855864

Đơn vị bán hàng *(Seller)*: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH**

Mã số thuế *(Tax code)*: 3600974514

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 11, Ấp 7, Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại *(Tel)*: 0251 3743 473

Số tài khoản *(Bank account)*: 050075561099 - Sacombank PGD Xuân Lộc

Số tài khoản *(Bank account)*: 0121000631881 - Vietcombank PGD Đồng Nai

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

Mã số thuế *(Tax code)*: 3600485577

Địa chỉ *(Address)*: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK Số tài khoản *(Bank account)*:

Đồng tiền thanh toán *(Payment Currency)*: VND

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	Xử lý bùn thải và bã lọc có chứa các thành phần nguy hại	kg	18.590,00	2.000,00	37.180.000
				Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**37.180.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:		**8%**		Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**2.974.400**
				Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**40.154.400**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Bốn mươi triệu một trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm đồng chẵn.***					

Người mua hàng *(Buyer)*

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng *(Seller)*

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(E-signature, Digital signature)

Signature Valid

***Ký bởi (Signed By)*: CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH**

***Ký ngày (Signing Date)*: 21/05/2025**

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu *(Invoice code)*: **WGHLFN0XPKVK**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C25TYY

Số *(No.)*: **00000681**

Ngày (Date) 30 tháng (month) 07 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 00922947EDCD594B3496FC2615532008E3

CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH

Mã số thuế *(Tax code)*: 3600974514

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 11, Ấp Xuân Tâm 7, Xã Xuân Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại *(Tel)*: 0251 3743 473

Số tài khoản *(Bank account)*: 050075561099 - Sacombank PGD Xuân Lộc

Số tài khoản *(Bank account)*: 0121000631881 - Vietcombank PGD Đồng Nai

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

Mã số thuế *(Tax code)*: 3600485577

Địa chỉ *(Address)*: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK Số tài khoản *(Bank account)*:

Đồng tiền thanh toán *(Payment Currency)*: VND

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	Xử lý bùn thải và bã lọc có chứa các thành phần nguy hại	kg	13.080,00	2.000,00	26.160.000
	Đính kèm bảng kê khối lượng xử lý chất thải nguy hại số 7 ngày 30/07/2025, hành trình đi từ Công ty cổ phần Cù Lao Xanh đến Công ty TNHH VP Components Việt Nam và ngược lại, với biển số xe 60C-535.46 ngày 14/07/2025				
				Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**26.160.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:		**8%**		Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**2.092.800**
				Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**28.252.800**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Hai mươi tám triệu hai trăm năm mươi hai nghìn tám trăm đồng chẵn.***					

Người mua hàng ***(Buyer)***

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng ***(Seller)***

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(E-signature, Digital signature)

Signature Valid

***Ký bởi (Signed By)*: CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH**

***Ký ngày (Signing Date)*: 30/07/2025**

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu *(Invoice code)*: **LJHXUAXXRM92**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C25TYY

Số *(No.)*: **00000746**

Ngày (Date) 21 tháng (month) 08 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 001757407B7BF846B89A0D2471E747BD51

CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH

Mã số thuế *(Tax code)*: 3600974514

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 11, Ấp Xuân Tâm 7, Xã Xuân Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại *(Tel)*: 0251 3743 473

Số tài khoản *(Bank account)*: 050075561099 - Sacombank PGD Xuân Lộc

Số tài khoản *(Bank account)*: 0121000631881 - Vietcombank PGD Đồng Nai

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

Mã số thuế *(Tax code)*: 3600485577

MSĐVCQHVNS *(Budgetary unit code)*:

Địa chỉ *(Address)*: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Căn cước công dân *(Citizen identification)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK Số tài khoản *(Bank account)*:

Đồng tiền thanh toán *(Payment Currency)*: VND

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	Xử lý bùn thải và bã lọc có chứa các thành phần nguy hại	kg	10.190,00	2.000,00	20.380.000
	Đính kèm bảng kê chi tiết thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 8 ngày 21/08/2025, hành trình đi từ Công ty cổ phần Cù Lao Xanh đến Công ty TNHH VP Components Việt Nam và ngược lại, với biển số xe 60C-259.10 ngày 07/08/2025				
				Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**20.380.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:	**8%**			Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**1.630.400**
				Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**22.010.400**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Hai mươi hai triệu không trăm mười nghìn bốn trăm đồng chẵn.***					

Người mua hàng *(Buyer)*

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng *(Seller)*

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(E-signature, Digital signature)

Signature Valid

***Ký bởi (Signed By)*: CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH**

***Ký ngày (Signing Date)*: 21/08/2025**

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu *(Invoice code)*: **WGHPI17LXZVD**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C25TYY

Số *(No.)*: **00000848**

Ngày (Date) 25 tháng (month) 09 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 00EEB43AAF8E30402DB808437FECF4B9C2

CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH

Mã số thuế *(Tax code)*: 3600974514

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 11, Ấp Xuân Tâm 7, Xã Xuân Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại *(Tel)*: 0251 3743 473

Số tài khoản *(Bank account)*: 050075561099 - Sacombank PGD Xuân Lộc

Số tài khoản *(Bank account)*: 0121000631881 - Vietcombank PGD Đồng Nai

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

Mã số thuế *(Tax code)*: 3600485577

MSĐVCQHVNS *(Budgetary unit code)*:

Địa chỉ *(Address)*: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Căn cước công dân *(Citizen identification)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK Số tài khoản *(Bank account)*:

Đồng tiền thanh toán *(Payment Currency)*: VND

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	Xử lý bùn thải và bã lọc có chứa các thành phần nguy hại	kg	10.100,00	2.000,00	20.200.000
	Đính kèm bảng kê chi tiết thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 9 ngày 25/09/2025, hành trình đi từ Công ty cổ phần Cù Lao Xanh đến Công ty TNHH VP Components Việt Nam và ngược lại, với biển số xe 60C-535.46 ngày 11/09/2025				
				Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**20.200.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:	**8%**			Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**1.616.000**
				Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**21.816.000**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Hai mươi mốt triệu tám trăm mười sáu nghìn đồng chẵn.***					

Người mua hàng *(Buyer)*

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng *(Seller)*

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(E-signature, Digital signature)

Signature Valid

***Ký bởi (Signed By)*: CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH**

***Ký ngày (Signing Date)*: 25/09/2025**

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu *(Invoice code)*: **3JHMTPW1A59N**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C25TYY

Số *(No.)*: **00001003**

Ngày (Date) 24 tháng (month) 11 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 00628959F9CEE14741BBF2DDB786D8B1F2

CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH

Mã số thuế *(Tax code)*: 3600974514

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 11, Ấp Xuân Tâm 7, Xã Xuân Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại *(Tel)*: 0251 3743 473

Số tài khoản *(Bank account)*: 050075561099 - Sacombank PGD Xuân Lộc

Số tài khoản *(Bank account)*: 0121000631881 - Vietcombank PGD Đồng Nai

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

Mã số thuế *(Tax code)*: 3600485577

MSĐVCQHVNS *(Budgetary unit code)*:

Địa chỉ *(Address)*: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Căn cước công dân *(Citizen identification)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK Số tài khoản *(Bank account)*:

Đồng tiền thanh toán *(Payment Currency)*: VND

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	Xử lý bùn thải và bã lọc có chứa các thành phần nguy hại	kg	12.400,00	2.000,00	24.800.000
	Đính kèm bảng kê chi tiết thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 11 ngày 24/11/2025, hành trình đi từ Công ty cổ phần Cù Lao Xanh đến Công ty TNHH VP Components Việt Nam và ngược lại, với biển số xe 60C-535.46 ngày 10/11/2025				
				Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**24.800.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:	**8%**			Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**1.984.000**
				Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**26.784.000**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Hai mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn đồng chẵn.***					

Người mua hàng *(Buyer)*

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng *(Seller)*

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(E-signature, Digital signature)

Signature Valid

***Ký bởi (Signed By)*: CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH**

***Ký ngày (Signing Date)*: 24/11/2025**

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu *(Invoice code)*: **9VHMHR2J6W7K**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C25TYY

Số *(No.)*: **00001108**

Ngày (Date) 25 tháng (month) 12 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 00ABAEF8F7DF544015B656C3E580C29D91

CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH

Mã số thuế *(Tax code)*: 3600974514

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 11, Ấp Xuân Tâm 7, Xã Xuân Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại *(Tel)*: 0251 3743 473

Số tài khoản *(Bank account)*: 050075561099 - Sacombank PGD Xuân Lộc

Số tài khoản *(Bank account)*: 0121000631881 - Vietcombank PGD Đồng Nai

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

Mã số thuế *(Tax code)*: 3600485577

MSĐVCQHVNS *(Budgetary unit code)*:

Địa chỉ *(Address)*: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Căn cước công dân *(Citizen identification)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK Số tài khoản *(Bank account)*:

Đồng tiền thanh toán *(Payment Currency)*: VND

STT *(No)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Name of goods and services)*	**Đơn vị tính** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
1	Xử lý bùn thải và bã lọc có chứa các thành phần nguy hại	kg	11.750,00	2.000,00	23.500.000
	Đính kèm bảng kê chi tiết thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 12 ngày 25/12/2025, hành trình đi từ Công ty cổ phần Cù Lao Xanh đến Công ty TNHH VP Components Việt Nam và ngược lại, với biển số xe 60C-535.46 ngày 12/12/2025				
				Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**23.500.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:	**8 %**			Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**1.880.000**
				Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**25.380.000**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Hai mươi lăm triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.***					

Người mua hàng ***(Buyer)***

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng ***(Seller)***

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(E-signature, Digital signature)

Signature Valid

***Ký bởi (Signed By)*: CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH**

***Ký ngày (Signing Date)*: 25/12/2025**

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu *(Invoice code)*: **PZHNF_V33AQN**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

PHỤ LỤC 2

PHỤ LỤC BẢN VẼ

CÔNG TY TNHH HỒNG QUANG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

HỆ THỐNG : ĐIỆN,NƯỚC,KHÍ

NGÀY: 19 THÁNG 10 NĂM 2001

HOÀN CÔNG: FULLPOWER ENGINEERING VIET NAM Co.,LTD

DRAWING NO.	DESCRIPTION	MÔ TẢ
E-00	INDEX	PHỤ LỤC
E-01	SINGLE LINE	SƠ ĐỒ ĐƠN DÂY
E-02	SINGLE LINE	SƠ ĐỒ ĐƠN DÂY
E-03		
E-04	GENERAL POWER SUPPLY SYSTEM	HỆ THỐNG CẤP NGUỒN TỔNG
E-05	OUT SIDE LAMP	ĐÈN CHIẾU SÁNG NGOÀI
E-06	LIGHTNING	CHIẾU SÁNG
E-07	GENERAL TELEPHONE PIPE SYSTEM	HỆ THỐNG ỐNG ĐIỆN THOẠI CHUNG
E-08	TELEPHONE,CAMERA,SPEAKER SYSTEM OF FACTORY AND OFFICE	HỆ THỐNG THÔNG TIN XƯỞNG VÀ VĂN PHÒNG
E-09	ISOMETRIC TELEVISION,TELEPHONE,CAMERA,SPEAKER	SƠ ĐỒ KHÔNG GIAN HỆ THỐNG THÔNG TIN
E-10	FACTORY A LIGHTING&POWER SYSTERM	HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG ĐỘNG LỰC XƯỞNG A
E-11	FACTORY A EXHAUST FAN SYSTEM	HỆ THỐNG QUẠT HÚT XƯỞNG A
E-12	FACTORY A COOLING TOWER AND CHILLER SYSTEM	HỆ THỐNG LÀM LẠNH VÀ GIẢI NHIỆT XƯỞNG A
E-13	FACTORY A AIR COMPRESSOR SYSTEM	HỆ THỐNG KHÍ NÉN XƯỞNG A
E-14	FACTORY B LIGHTING&POWER SYSTEM	HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG ĐỘNG LỰC XƯỞNG B
E-15	FACTORY B EXHAUST FAN SYSTEM	HỆ THỐNG QUẠT HÚT XƯỞNG B
E-16	FACTORY F LIGHTING&POWER SYSTEM	HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG ĐỘNG LỰC XƯỞNG F
E-17	FACTORY F EXHAUST FAN SYSTEM	HỆ THỐNG GIẢI NHIỆT XƯỞNG F
E-18	FACTORY F COOLING TOWER AND CHILLER SYSTEM	HỆ THỐNG LÀM LẠNH VÀ GIẢI NHIỆT XƯỞNG
E-19	FACTORY F AIR COMPRESSOR SYSTEM	HỆ THỐNG KHÍ NÉN XƯỞNG F
E-20	FACTORY F METHANOL AIR SYSTEM	HỆ THỐNG MÊTANOL XƯỞNG F
E-21	FACTORY F GAS SYSTEM	HỆ THỐNG CẤP GA XƯỞNG F
E-22	CHEMICAL AREA LIGHTING&POWER SYSTEM	HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG ĐỘNG LỰC KHU GIẢI NHIỆT VÀ HOÁ CHẤT
E-23	CANTEEN LIGHTING&POWER SYSTEM	HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG ĐỘNG LỰC CĂN TIN
E-24	DOMITORY LIGHTING&POWER SYSTEM	HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG ĐỘNG LỰC NHÀ NGHỈ
E-25	GENERAL WATER SUPLLY	HỆ THỐNG CẤP NƯỚC TỔNG
E-26		
E-27	CANTEEN PLUMBING SYSTEM	HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC CĂN TIN
E-28	DORMITRY PLUMBING SYSTEM	HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC NHÀ NGHỈ

SYMBOL	DESCRIPTION
	BỒN CẦU NGỒI
	BỒN CẦU BỆT
	CHẬU RỬA
	BỒN TIỂU
	MÁY NƯỚC NƯỚC NÓNG
	VÒI NƯỚC
	VÒI SEN
	THOÁT SÀN
	THOÁT SÀN
	THÔNG NGHIỆT
	THÔNG NGHIỆT
	ỐNG MỀN
	VAN KHÓA
	VAN KHÓA ĐẶT TRONG HỘP SẮT
	VAN KIỂM TRA
	ỐNG ĐỨNG
	ỐNG CẤP NƯỚC
	ỐNG NƯỚC NÓNG
	ỐNG NƯỚC THẢI
	ỐNG NƯỚC THẢI
	ỐNG THÔNG HƠI

KÝ HIỆU	MÔ TẢ
	LBS
	VCB
	ATS
	NFB
	ACB
	ELCB
	BỘ BẢO VỆ CAO ÁP &TIẾP ÁP
	VOLTAGE KẾ
	AMPERE KẾ
	CẦU CHÌ
	CÔNG TẮC
	CÔNG TẮC
	MÁY BIẾN DÒNG
	BỘ TỤ ĐIỆN
	CÔNG TẮC TỪ
	BỘ ĐIỀU KHIỂN BÙ CÔNG SUẤT TỰ ĐỘNG
	TỦ ĐIỆN
	MÔTƠ ĐIỆN
	ĐÈN HALOGEN 250W
	ĐÈN TRỤ400W
	ĐÈN THỦY NGÂN 400W
	ĐÈN HALOGEN250W
	ĐÈN HUỲNH QUANG(10WFL*4)
	ĐÈN HUỲNH QUANG (36W*1)
	ĐÈN HUỲNH QUANG40W-2
	ĐÈN HUỲNH QUANG 40W-2 (T-BAR)
	ĐÈN HUỲNH QUANG 40W-1
	ĐÈN HUỲNH QUANG40WFL-2 (FACTORY)
	ĐÈN HUỲNH QUANG 40WFL-1 (FACTORY)
	ĐÈN CỔNG 100W
	ĐÈN TƯỜNG60Wx1
	ĐÈN 250W
	ĐÈN100W
	ĐÈN TƯỜNG 200W
	CHUÔNG
EXIT	ĐÈN CHỈ HƯỚNG
	ĐÈN THOÁT HIỂM
	ĐÈN CHIẾU SÁNG KHẨN CẤP TỰ ĐỘNG
	ĐÈN TÍN HIỆU
1	CÔNG TẮC 1CHIỀU
2	CÔNG TẮC 2CHIỀU
	Ổ CẮM 220V
	Ổ CẮM SÂN 220V
	Ổ CẮM MÁY LẠNH 220V
	Ổ CẮM MÁY LẠNH CÔNG NGHIỆP
	QUẠT HÚT220V-50Hz
	QUẠT TRẦN220V-50Hz
	QUẠT HÚT 220V-50Hz
	MÁY NƯỚC NÓNG
	HỐ GA
FS	VAN PHAO
	MĂNG ĐIỆN
	MĂNG CÁP
	ỐNG PVC
	HỘP NỐI

CHÚ THÍCH

1. XƯỞNG
2. NHÀ ĂN
3. NHÀ XỬ LÝ NHIỆT
4. NHÀ NHUỘM MÀU
5. NHÀ VỆ SINH
6. HỒ NƯỚC
7. NHÀ BẢO VỆ
8. HỒ NƯỚC CHO SẢN XUẤT PHÒNG MÁY NÉN KHÍ
9. KHO HOÁ CHẤT
10. PHÒNG GA

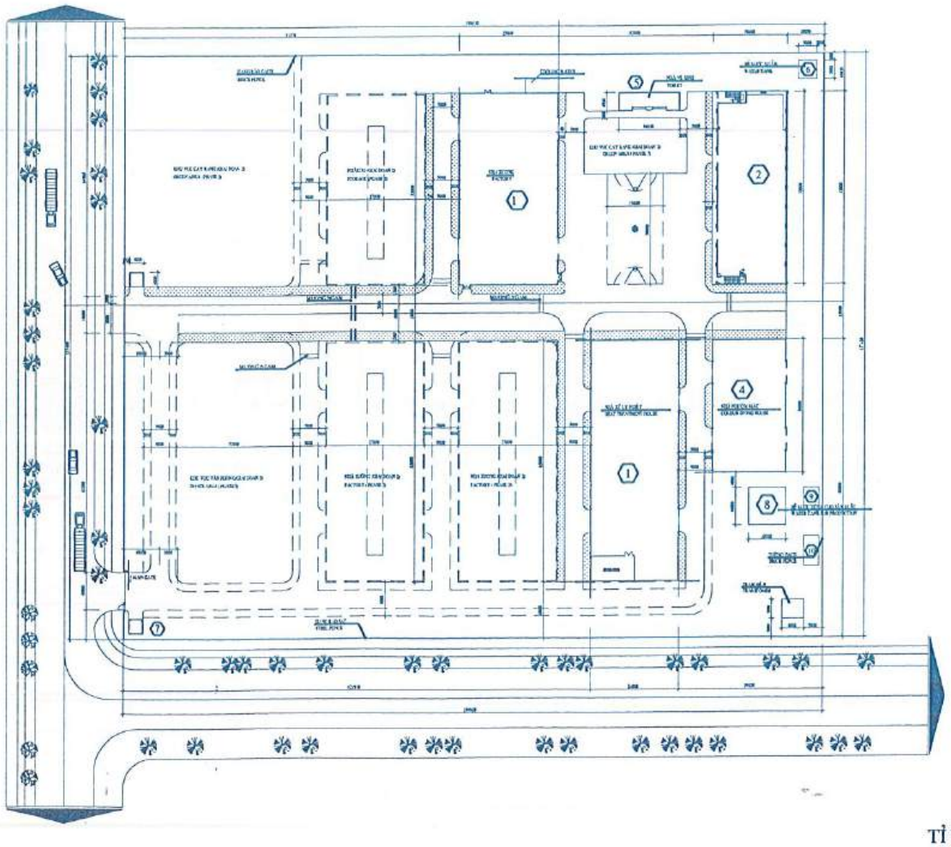

TỈ LỆ 1:50

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTOR	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ ENGINEERING CONSULTANTS	ĐƠN VỊ THI CÔNG MAIN CONTRACTOR	PROJECT : VP COMPONENTS FACTORY LOCATION : ANATA INDUSTRIAL ZONE DONG NAI PROVINCE	BẢN VẼ HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWING
VP COMPONENTS Co.,LTD	MINISTRY OF TRADE ARCHITECTS AND CONSTRUCTION SERV.Co. CONSULTANT & DESIGN CONSTRUCTION ENTERPRISE	FULL-POWER ENGINEERING VIETNAM CO.,LTD	PHỤ LỤC	E 02/10
GIÁM ĐỐC-DIRECTOR	GIÁM ĐỐC DIRECTOR	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ DESIGN	GIÁM ĐỐC DỰ ÁN PROJECT MANAGER	SITE MANAGER / VẼ-DRAWN BY / KIỂM TRA CHECKED
	ENG. NGUYỄN VĂN HƯỜNG	ENG CHIÊN ÍCH CHƯƠNG	ENG.NGUYỄN TRÍ DŨNG	ENG.LÊ MINH TÂM / ENG. TRẦN TRỌNG HẢI / ENGINEER IN CHARG

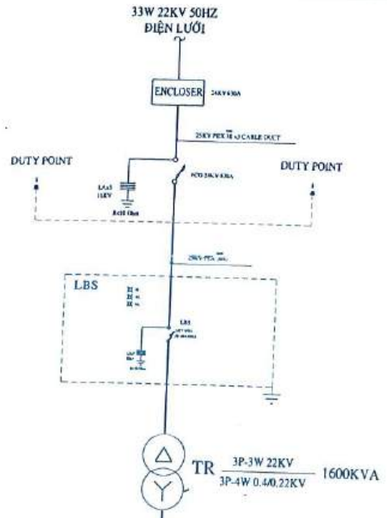

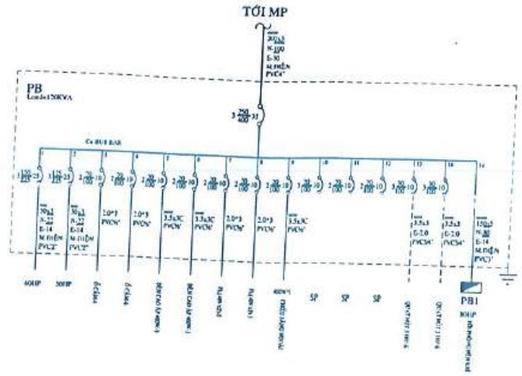

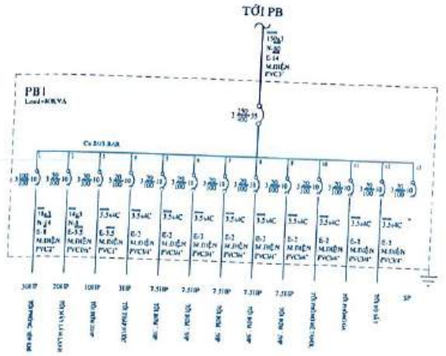

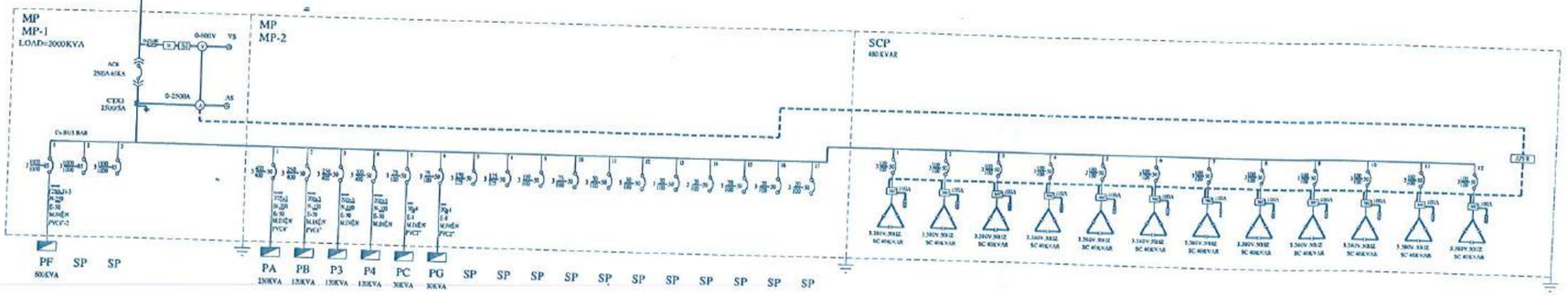

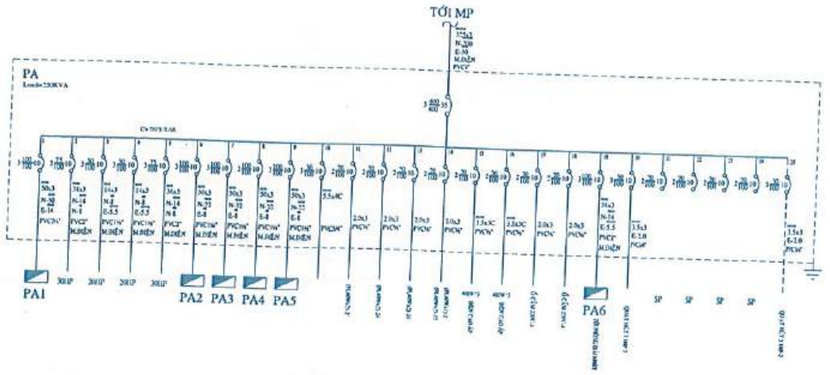

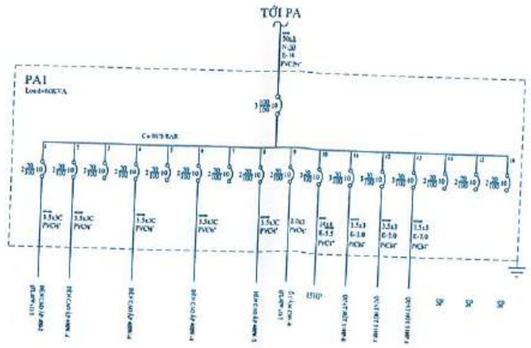

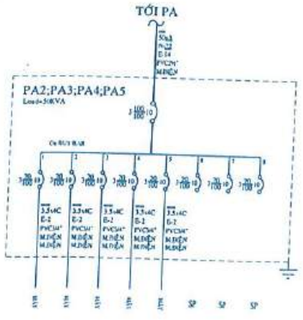

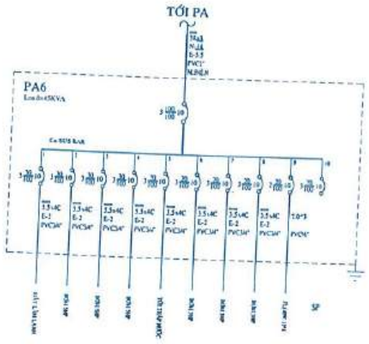

TỈ LỆ 1:100

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTOR	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ ENGINEERING CONSULTANTS	ĐƠN VỊ THI CÔNG MAIN CONTRACTOR	PROJECT : VP COMPONENTS FACTORY LOCATION : AMATA INDUSTRIAL ZONE-DONG NAI PROVINCE	BẢN VẼ HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWING
VP COMPONENTS Co.,LTD	ACSC MINISTRY OF TRADE ARCHITECTS AND CONSTRUCTION SERV Co. CONSULTANTA DESIGN CONSTRUCTION ENTERPRISE	FULL-POWER ENGINEERING VIETNAM CO.,LTD	SƠ ĐỒ ĐƠN DÂY	E 33/50
GIÁM ĐỐC-DIRECTOR	GIÁM ĐỐC-DIRECTOR / CHỦ TRÌ THIẾT KẾ-DESIGN	GIÁM ĐỐC DỰ ÁN-PROJECT MANAGER	SITE MANAGER / VẼ-DRAWN BY / KIỂM TRA-CHECKED	
	ENG.NGUYỄN VĂN HƯỜNG / ENG.CHIỀM KIM CHƯƠNG	ENG.NGUYỄN VĂN SƠN	ENG.LÊ MINH TÂM / ENG.TRẦN TRUNG HẢI / ENG.CHIỀM KIM CHƯƠNG	

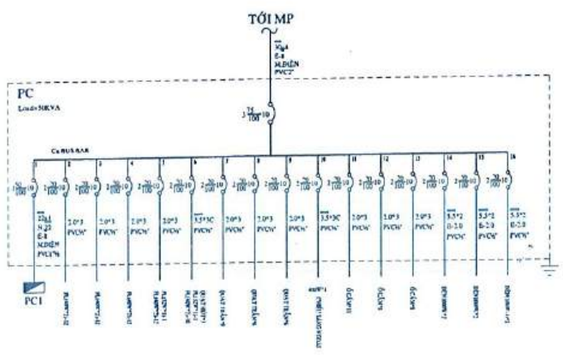

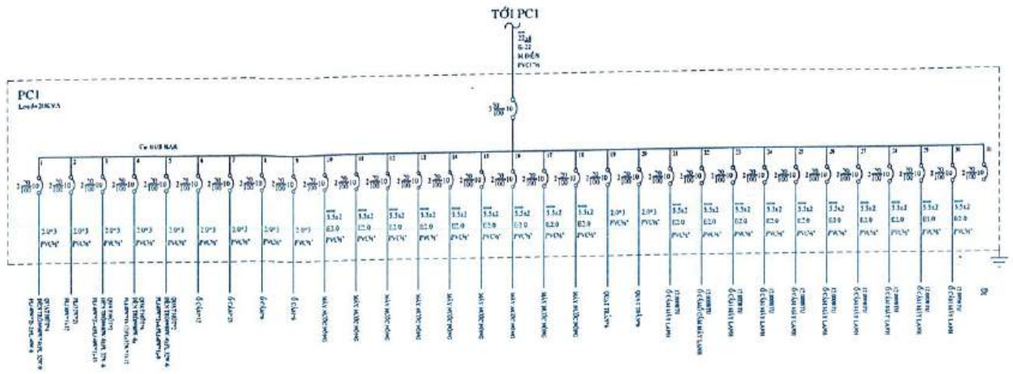

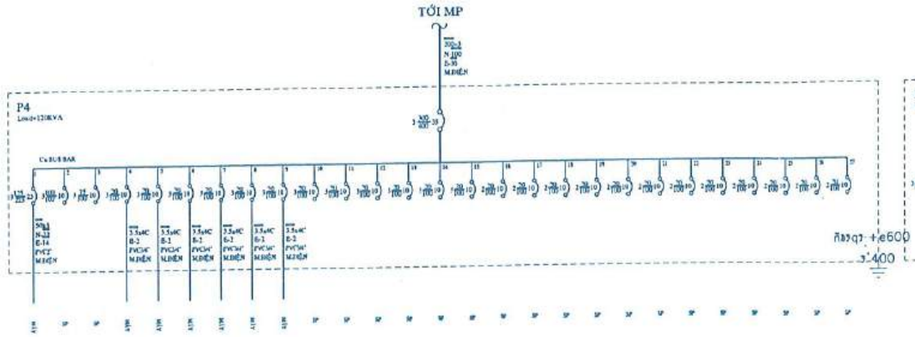

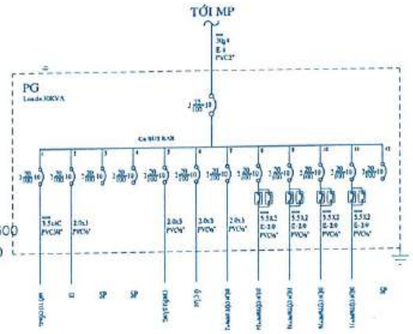

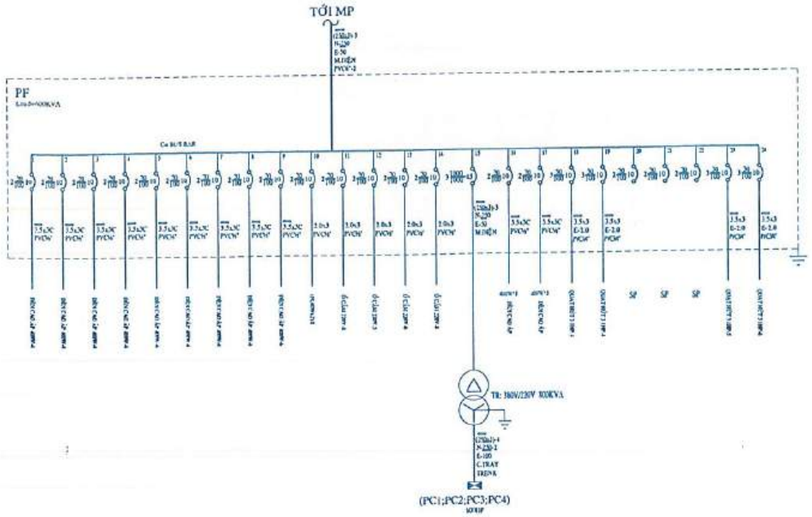

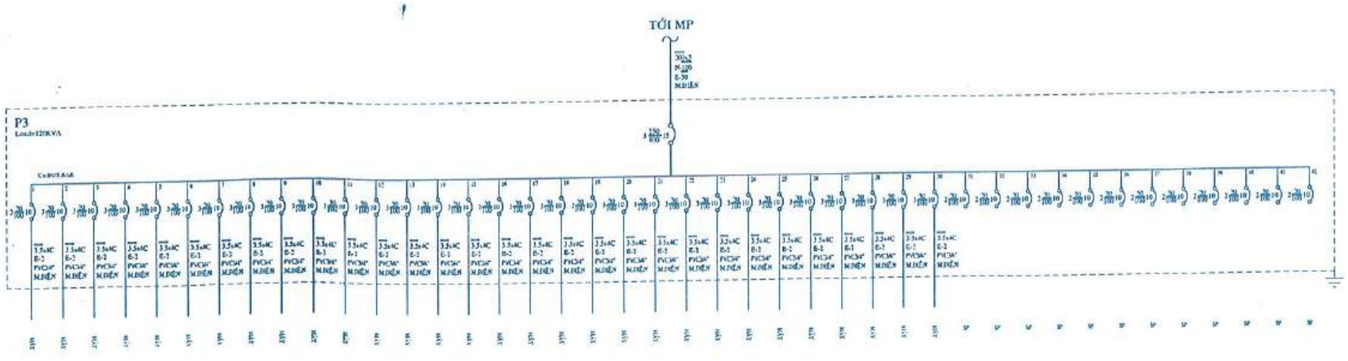

TỈ LỆ 1:100

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTOR	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ ENGINEERING CONSULTANTS		ĐƠN VỊ THI CÔNG MAIN CONTRACTOR	PROJECT : VP COMPONENTS FACTORY LOCATION : AMATA INDUSTRIAL ZONE-DONG NAI PROVINCE	BẢN VẼ HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWING
VP COMPONENTS Co.,LTD	ACSC MINISTRY OF TRADE ARCHITECTS AND CONSTRUCTION SERV.Co. CONSULTANTS & DESIGN CONSTRUCTION ENTERPRISE		FULL-POWER ENGINEERING VIETNAM CO.,LTD	SƠ ĐỒ ĐƠN DÂY	E 07
GIÁM ĐỐC-DIRECTOR	GIÁM ĐỐC-DIRECTOR	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ-DESIGN	GIÁM ĐỐC DỰ ÁN-PROJECT MANAGER	SITE MANAGER / VẼ-DRAWN BY	KIỂM TRA-CHECKED
	ENG. NGUYỄN VĂN HƯỜNG	ENG CHIÊM KIM CHƯƠNG	ENG NGUYỄN TẤT ĐỒNG	ENG LÊ MINH TÂM / ENG TRẦN TRỌNG HẢI	ENG CHIÊM KIM CHƯƠNG

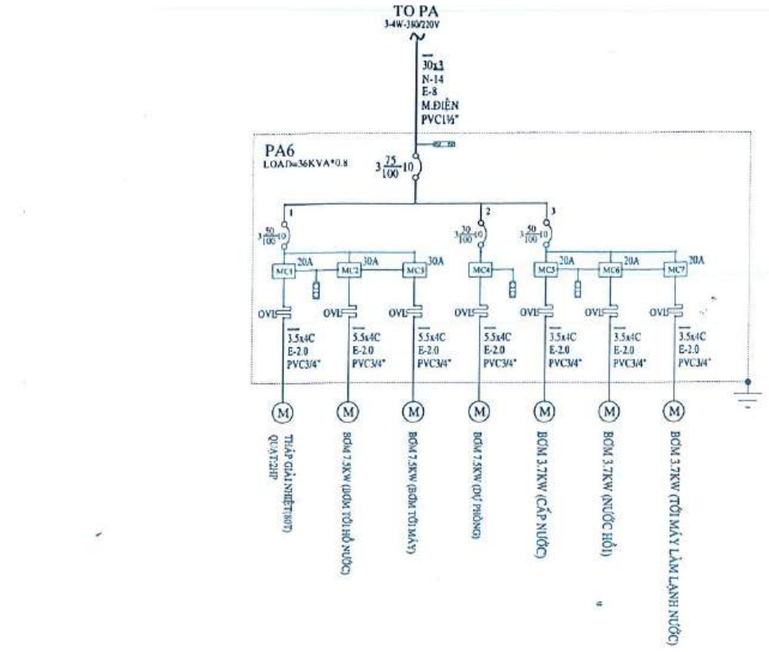

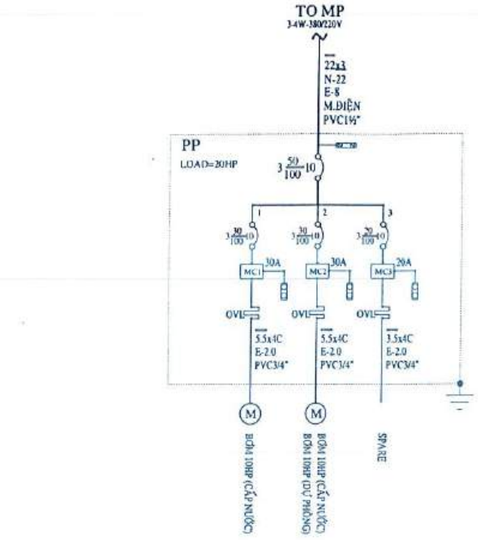

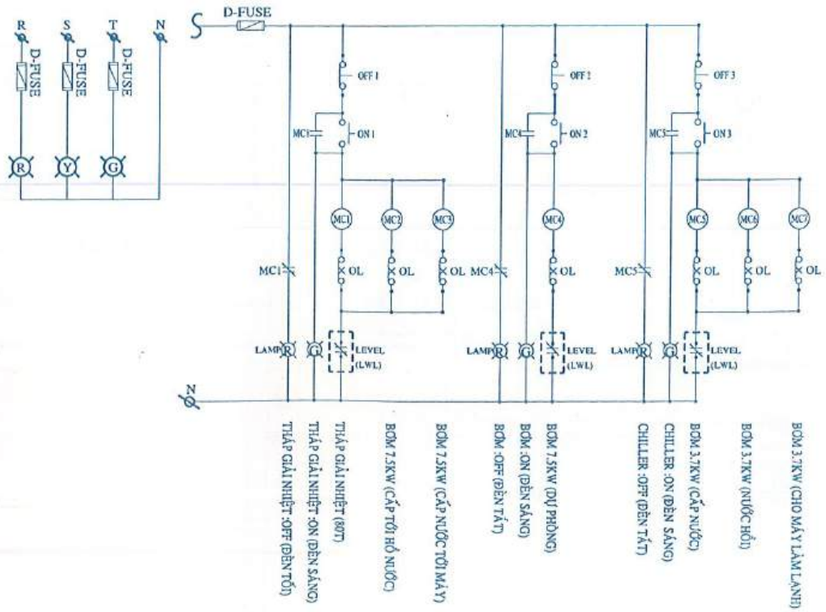

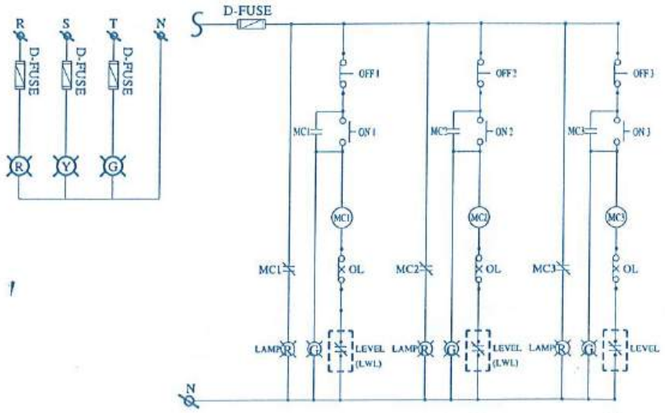

XƯỞNG:A

KHU BƠM NƯỚC

TỈ LỆ 1:100

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTOR	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ ENGINEERING CONSULTANTS		ĐƠN VỊ THI CÔNG MAIN CONTRACTOR	PROJECT : VP COMPONENTS FACTORY LOCATION : AMATA INDUSTRIAL ZONE-DONG NAI PROVINCE	BẢN VẼ HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWING
COMPONENTS Co.,LTD	MINISTRY OF TRADE ARCHITECTS AND CONSTRUCTION SERV.Co. CONSULTANTS& DESIGN CONSTRUCTION ENTERPRISE		FULL-POWER ENGINEERING VIETNAM CO.,LTD	SƠ ĐỒ ĐIỀU KHIỂN	E 03/30
GIÁM ĐỐC-DIRECTOR	GIÁM ĐỐC-DIRECTOR	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ DESIGN	GIÁM ĐỐC DỰ ÁN PROJECT MANAGER	SITE MANAGER	VẼ-DRAWN BY	KIỂM TRA-CHECKED
	ENG NGUYỄN VĂN HƯƠNG	ENG CHIÊM ĐỨC CHƯƠNG	ENG NGUYỄN TRÍ DŨNG	ENG LÊ MINH TÂM	ENG THÂN TRỌNG HẢI	ENG CHIÊM ĐỨC CHƯƠNG

GHI CHÚ

1. XƯỞNG
2. NHÀ ĂN
3. NHÀ XỬ LÝ NHIỆT
4. NHÀ HUỘM MÀU
5. NHÀ VỆ SINH
6. HỒ NƯỚC
7. NHÀ BẢO VỆ
8. HỒ NƯỚC CHO XẢN XUẤT
9. KHO HÓA CHẤT
10. PHÒNG GA

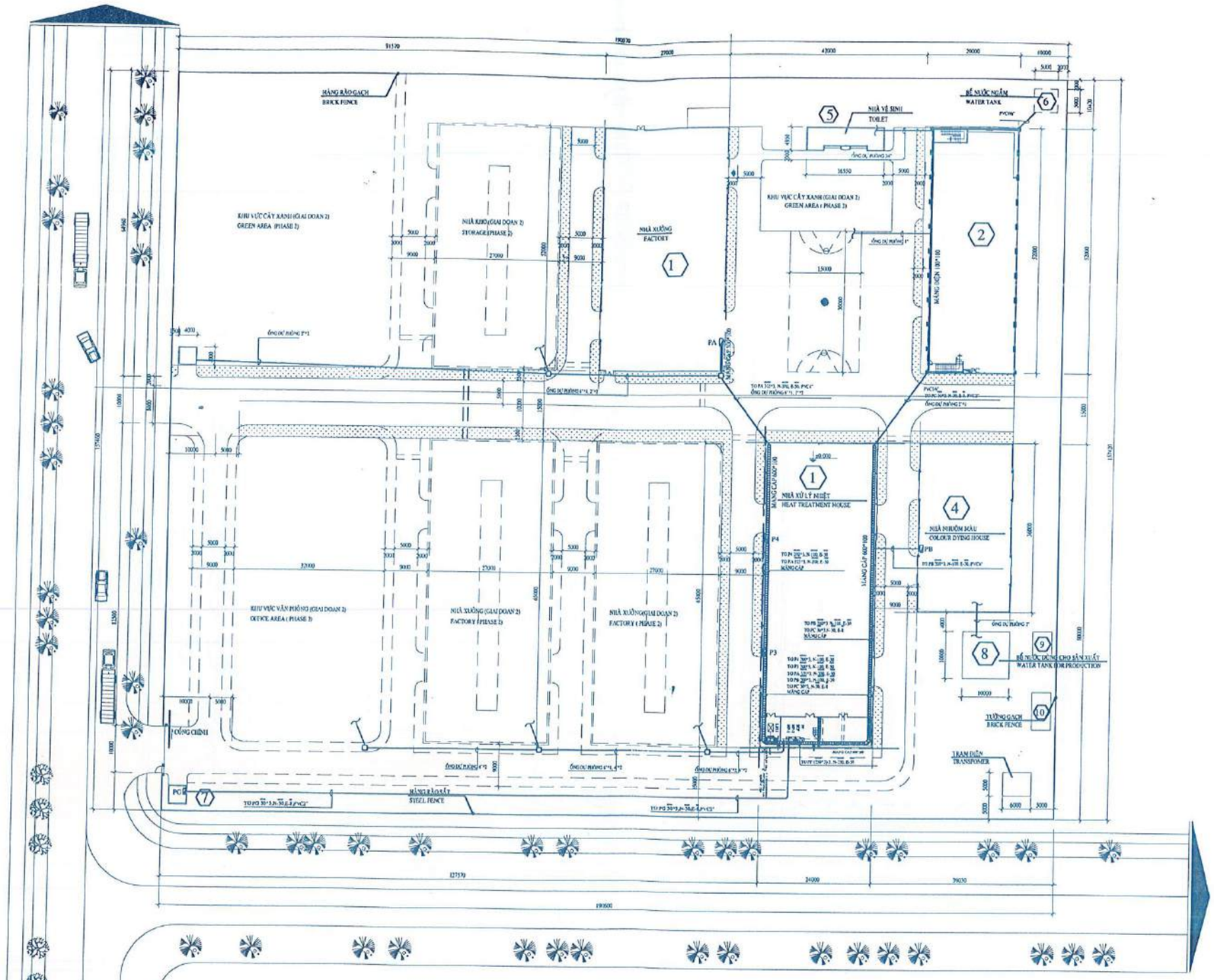

MẶT BẰNG TỔNG

TỈ LỆ 1:500

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTOR	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ ENGINEERING CONSULTANTS		ĐƠN VỊ THI CÔNG MAIN CONTRACTOR	PROJECT : VP COMPONENTS FACTORY LOCATION : AMATA INDUSTRIAL ZONE, DONG NAI PROVINCE		BẢN VẼ HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWING
VP COMPONENTS Co.,LTD	ACSC MINISTRY OF TRADE ARCHITECTS AND CONSTRUCTION SERV.Co. CONSULTANT & DESIGN CONSTRUCTION ENTERPRISE		FULL-POWER ENGINEERING VIETNAM CO.,LTD	HỆ THỐNG ĐỘNG LỰC TỔNG		E
GIÁM ĐỐC-DIRECTOR	GIÁM ĐỐC DIRECTOR	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ-DESIGN	GIÁM ĐỐC DỰ ÁN-PROJECT MANAGER	SITE MANAGER	VẼ DRAWN BY	KIỂM TRA CHECKED
	ENG. NGUYỄN VĂN HƯỜNG	ENG CHIÊM ÍCH CHƯƠNG	ENG NGUYỄN VĂN TÀI CÔNG	ENG LÊ MINH TÂM	ENG THÂN THỐNG HẢI	ENG CHIÊM ÍCH CHƯƠNG

GHI CHÚ

1. XƯỞNG
2. CĂN TIN
3. NHÀ XỬ LÝ NHIỆT
4. NHÀ NHUỘM MÀU
5. NHÀ VỆ SINH
6. HỒ NƯỚC
7. NHÀ BẢO VỆ
8. HỒ NƯỚC CHO SẢN XUẤT
9. KHO HÓA CHẤT
10. PHÒNG GA

KÍ HIỆU

- 1000W*2
- 100W*4
- 250W
- 100W
- 60W

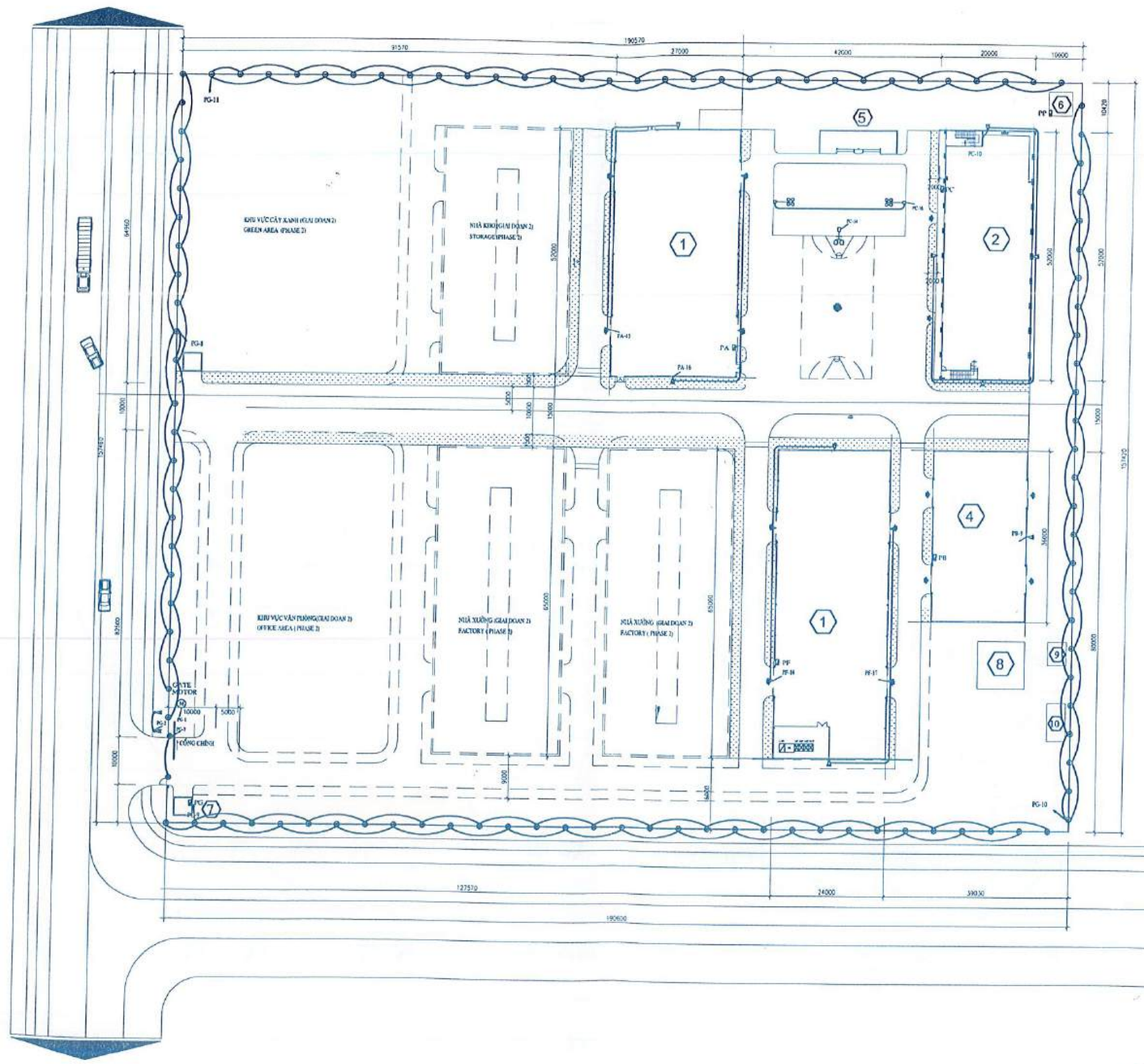

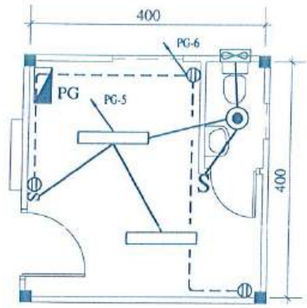

MẶT BẰNG NHÀ BẢO VỆ
TỈ LỆ 1:75

TỈ LỆ 1:750

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTOR	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ ENGINEERING CONSULTANTS		ĐƠN VỊ THI CÔNG MAIN CONTRACTOR	PROJECT : VP COMPONENTS FACTORY LOCATION : SAIGA INDUSTRIAL ZONE,DONG NAI PROVINCE		BẢN VẼ HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWING
VP COMPONENTS Co.,LTD	ACSC MINISTRY OF TRADE ARCHITECTS AND CONSTRUCTION SERV.Co. CONSULTANT & DESIGN CONSTRUCTION ENTERPRISE		FULL-POWER ENGINEERING VIETNAM CO.,LTD	CHIẾU SÁNG NGOÀI		E 02
GIÁM ĐỐC DIRECTOR	GIÁM ĐỐC DIRECTOR	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ DESIGN	GIÁM ĐỐC DỰ ÁN PROJECT MANAGER	SITE MANAGER	VẼ DRAWN BY	KIỂM TRA CHECKED
	ENG. NGUYỄN VĂN HƯỜNG	ENG CHIÊM ĐỨC CHƯƠNG	ENG NGUYỄN TRỌNG	ENG LÊ MINH TÂM	ENG TRẦN TRỌNG HẢI	ENG CHIÊM ĐỨC CHƯƠNG

GHI CHÚ

1. XƯỞNG
2. NHÀ ĂN
3. NHÀ XỬ LÝ NHIỆT
4. NHÀ NHUỘM MÀU
5. NHÀ VỆ SINH
6. HỒ NƯỚC
7. NHÀ BẢO VỆ
8. HỒ NƯỚC CHO SẢN XUẤT
9. KHO HÓA CHẤT
10. PHÒNG GA

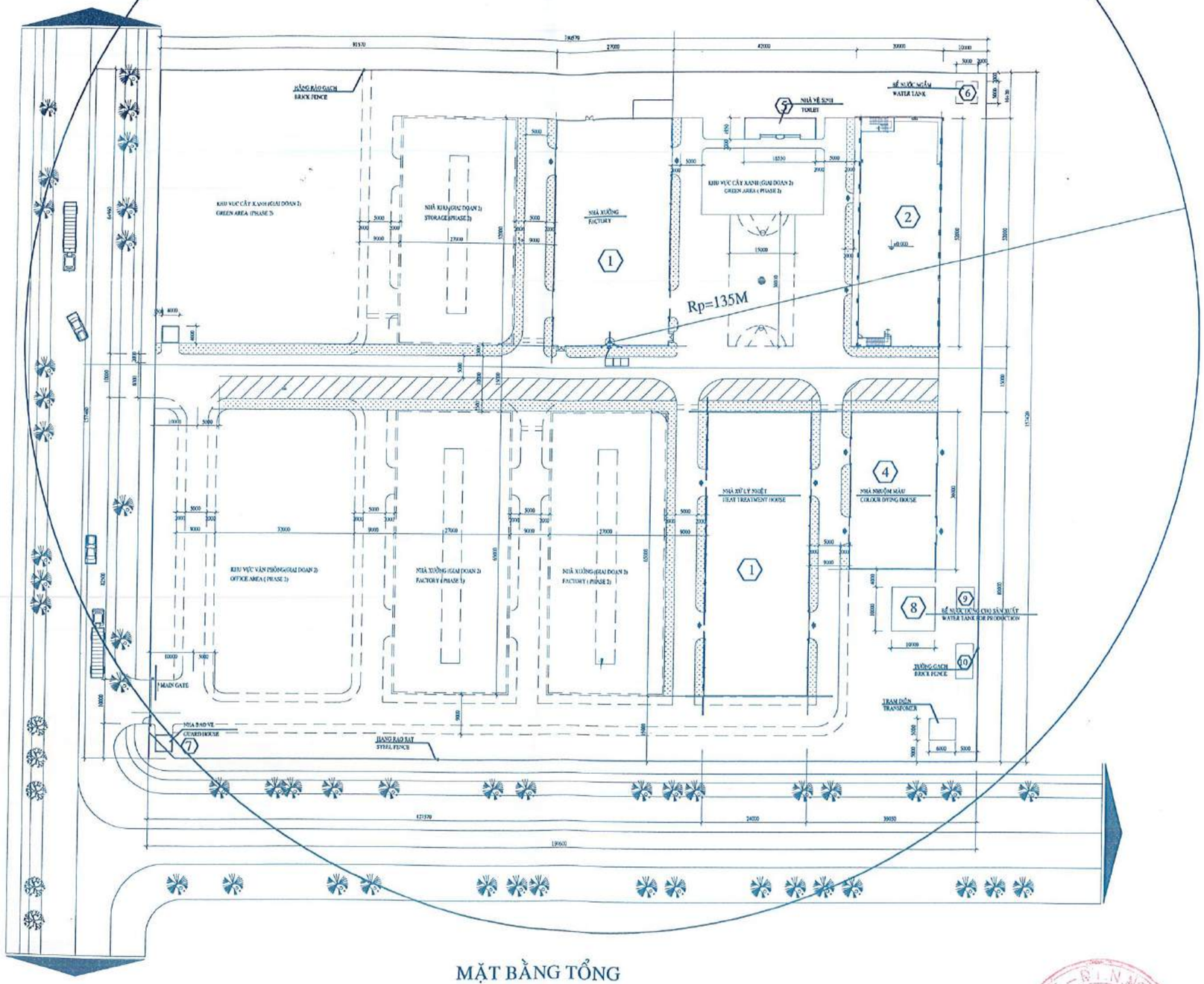

MẶT BẰNG TỔNG

TỈ LỆ 1:500

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTOR	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ ENGINEERING CONSULTANTS		ĐƠN VỊ THI CÔNG MAIN CONTRACTOR	PROJECT : VP COMPONENTS FACTORY LOCATION : AMATA INDUSTRIAL ZONE DONG NAI PROVINCE	BẢN VẼ HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWING
VP COMPONENTS Co.,LTD	ACSC MINISTRY OF TRADE ARCHITECTS AND CONSTRUCTION SERV.Co. CONSULTANT & DESIGN CONSTRUCTION ENTERPRISE		FULL-POWER ENGINEERING VIETNAM CO.,LTD	HỆ THỐNG CHỐNG SÉT	E
GIÁM ĐỐC DIRECTOR	GIÁM ĐỐC DIRECTOR	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ DESIGN	GIÁM ĐỐC DỰ ÁN PROJECT MANAGER	SITE MANAGER	VẼ DRAWN BY	KIỂM TRA CHECKED
	ENG. NGUYỄN VĂN HƯƠNG	ENG CHÂM KIM CHƯƠNG	ENG NGUYỄN TRÍ DŨNG	ENG LÊ MINH TÂM	ENG THÂN TRỌNG HẢI	ENG CHÂM KIM CHƯƠNG

GHI CHÚ

ƯỜNG

HÀ ĂN

HÀ XỬ LÝ NHIỆT

HÀ NHUỘM MÀU

HÀ VỆ SINH

Ó NƯỚC

HÀ BẢO VỆ

Ó NƯỚC CHO SẢN XUẤT

HO HÓA CHẤT

ÒNG GA

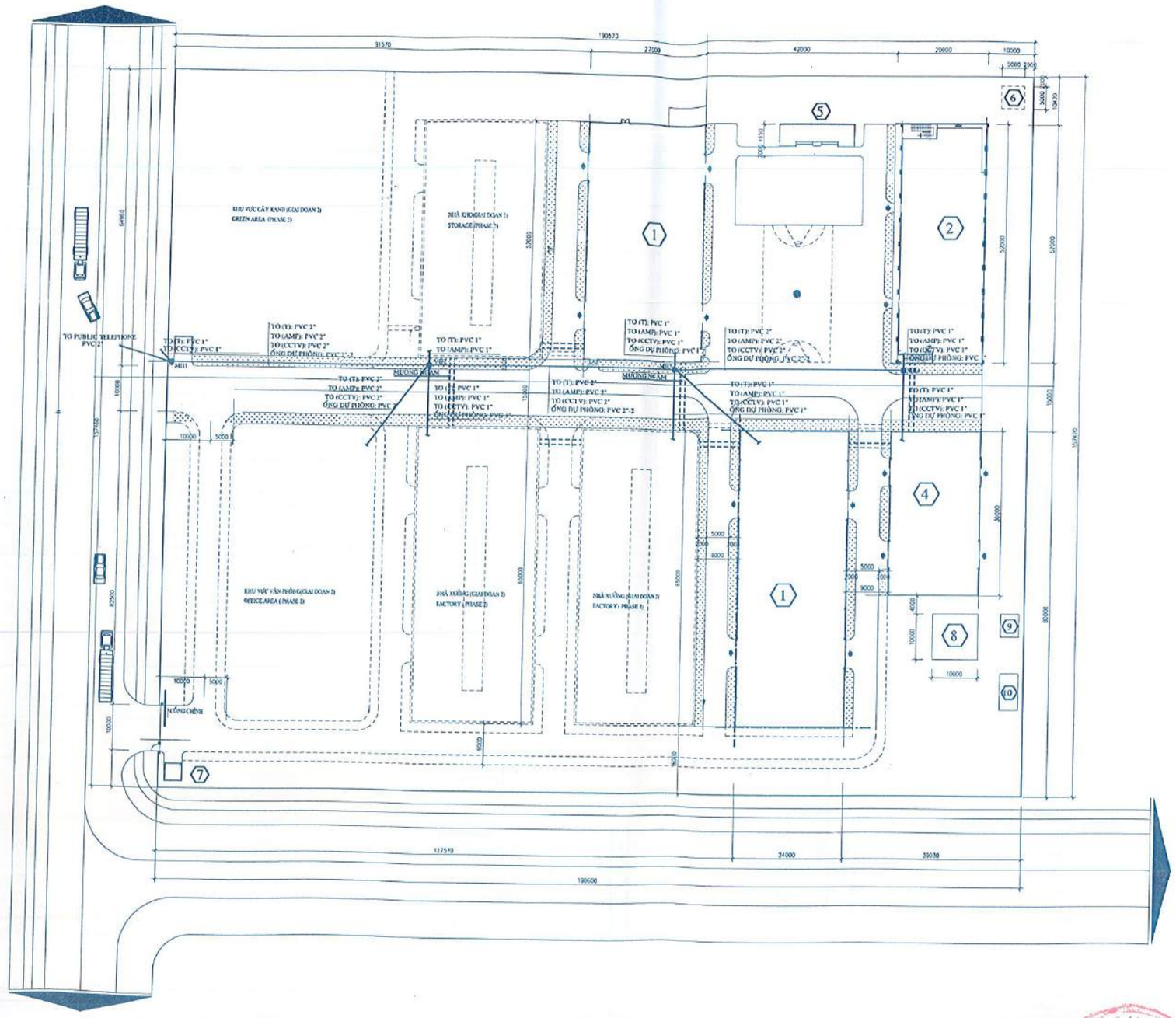

TỈ LỆ 1:750

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTOR	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ ENGINEERING CONSULTANTS		ĐƠN VỊ THI CÔNG XÂY LẮP CONTRACTOR	PROJECT : VP COMPONENTS FACTORY LOCATION: AMATA INDUSTRIAL ZONE,DONG NAI PROVINCE	BẢN VẼ HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWING
COMPONENTS Co.,LTD	MINISTRY OF TRADE ARCHITECTS AND CONSTRUCTION SERV.Co. CONSULTANTS & DESIGN CONSTRUCTION ENTERPRISE		FULL-POWER ENGINEERING VIETNAM CO.,LTD	HỆ THỐNG ỐNG THÔNGTIN NHÀ MÁY	B 07
GIÁM ĐỐC-DIRECTOR	GIÁM ĐỐC-DIRECTOR	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ-DESIGN	GIÁM ĐỐC DỰ ÁN-PROJECT MANAGER	SITE MANAGER	VẼ-DRAWN BY	KIỂM TRA-CHECKED
	ENG. NGUYỄN VĂN HƯỜNG	ENG.CHIÊM ÍCH CHƯƠNG	ENG.NGUYỄN TRÍ ĐÔNG	ENG.LÊ MINH TÂM	ENG.TRẦN TRỌNG HẢI	ENG.CHIÊM ÍCH CHƯƠNG

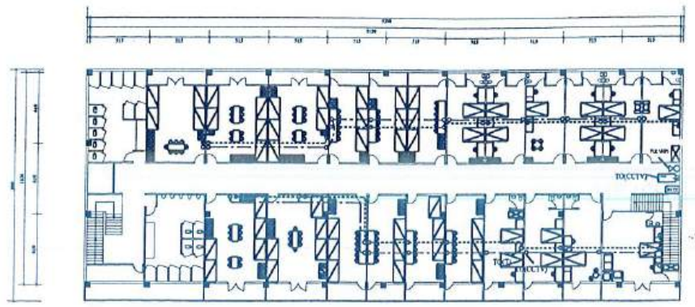

NHÀ NGHỈ

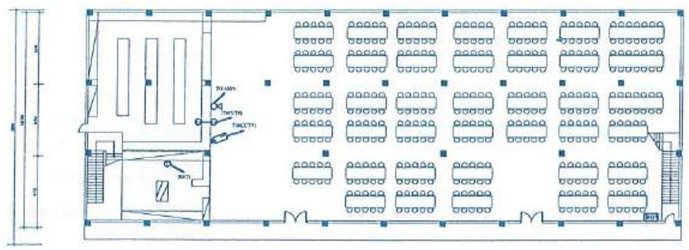

NHÀ ĂN

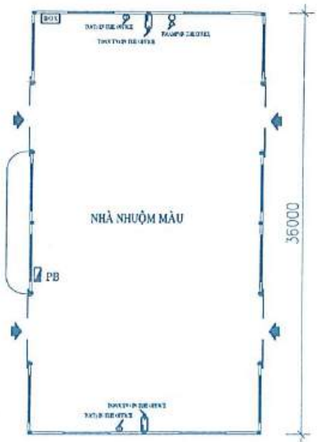

MÀN HÌNH
BỘ KHUẾCH ĐẠI
TỦ ĐIỆN THOẠI
CAMERA
LOA
Ổ CẮM ĐIỆN THOẠI
Ổ CẮM TIVI
HỘP ĐẤU NỐI (TELEPHONE,CAMERA,TELEVISION,SPEAKER)

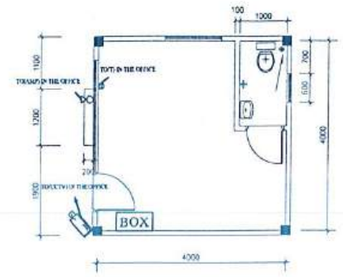

NHÀ BẢO VỆ TỈ LỆ:1/100

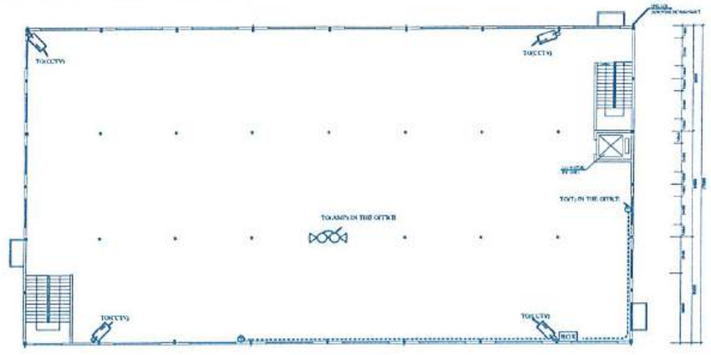

XƯỞNG ĐÓNG GÓI

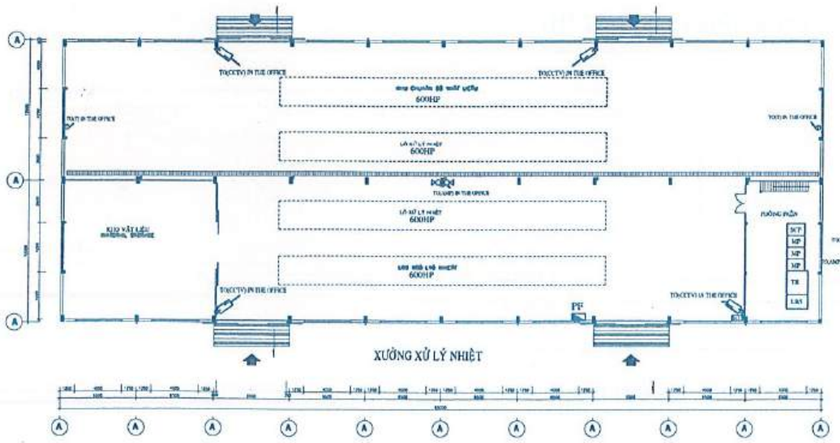

MẶT BẰNG LẦU
NHÀ XỬ LÝ NHIỆT

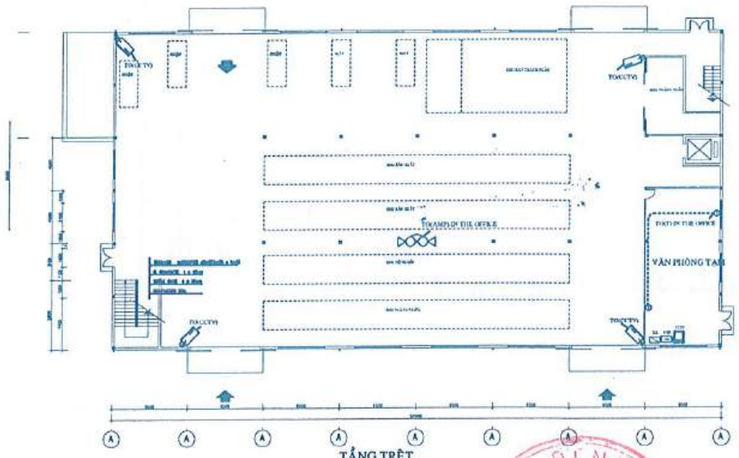

TẦNG TRỆT
XƯỞNG ĐÓNG GÓI

1:750

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ / ENGINEERING CONSULTANTS	ĐƠN VỊ THI CÔNG / MAIN CONTRACTOR	PROJECT : VP COMPONENTS FACTORY LOCATION : AMATA INDUSTRIAL, DONG NAI PROVINCE	BẢN VẼ HOÀN CÔNG / AS BUILT DRAWING
VP COMPONENTS Co.,LTD	MINISTRY OF TRADE ARCHITECTS AND CONSTRUCTION SERV.Co. CONSULTANT & DESIGN CONSTRUCTION ENTERPRISE	FULL POWER ENGINEERING VIETNAM CO.,LTD	HỆ THỐNG THÔNG TIN XƯỞNG VÀ VĂN PHÒNG	E
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR	GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / DESIGN	GIÁM ĐỐC DỰ ÁN / PROJECT MANAGER	SITE MANAGER	VẼ / DRAWN BY — KIỂM TRA / CHECKED
	ENG. NGUYỄN VĂN HƯNG — ENG. CHIÊM ĐỨC CHƯƠNG	ENG. NGUYỄN TRÍ DŨNG	ENG. LÊ MINH TÂM	ENG. PHẠM TRỌNG HẢI — ENG. CHIÊM ĐỨC CHƯƠNG

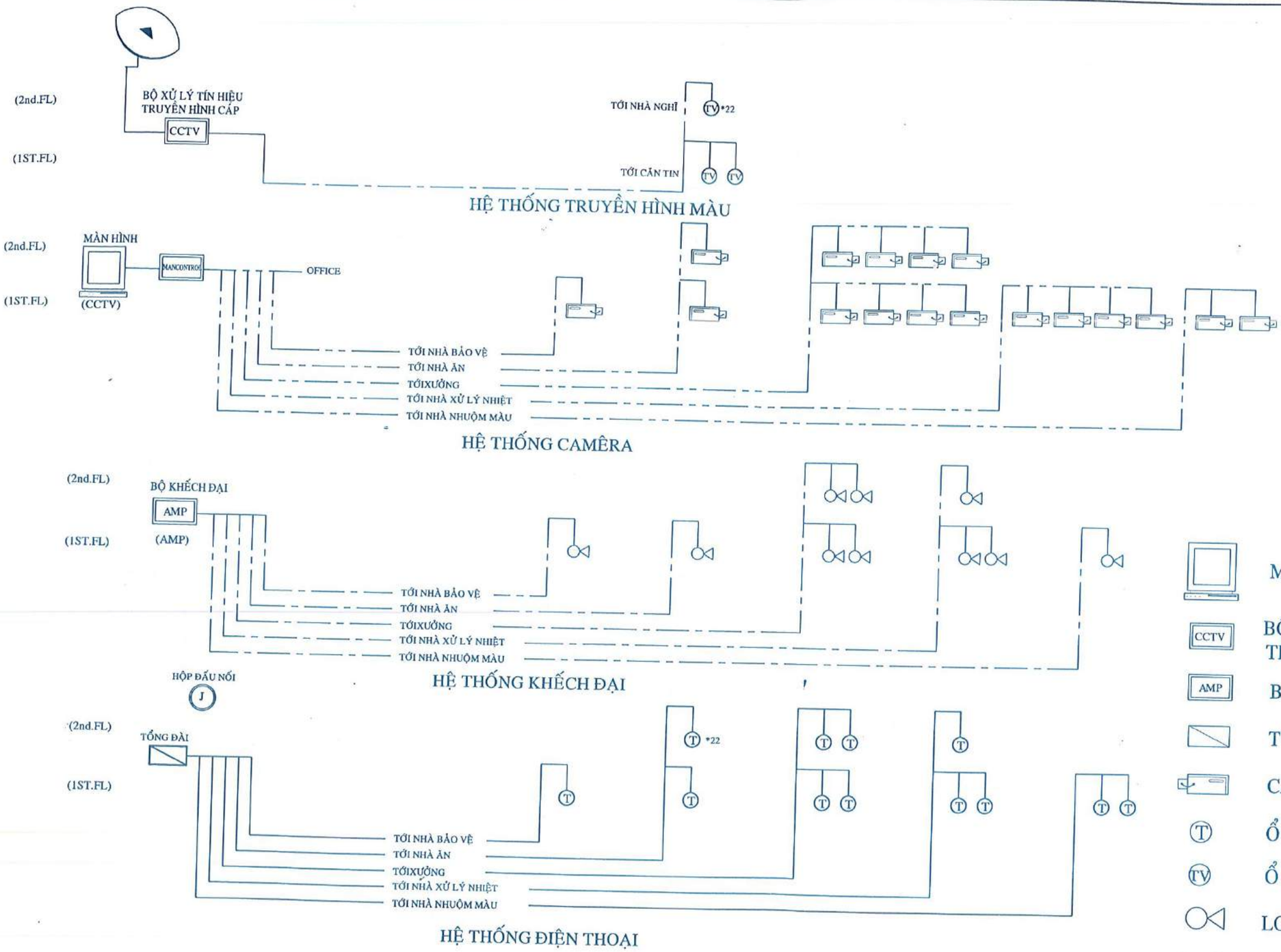

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTOR	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ ENGINEERING CONSULTANTS		ĐƠN VỊ THI CÔNG MAIN CONTRACTOR	PROJECT : VP COMPONENTS FACTORY LOCATION : ANATA INDUSTRIAL ZONE,DONG MAI PROVINCE	BẢN VẼ HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWING
COMPONENTS Co.,LTD	MINISTRY OF TRADE ARCHITECTS AND CONSTRUCTION SERV.Co. CONSULTANTS & DESIGN CONSTRUCTION ENTERPRISE		FULL-POWER ENGINEERING VIETNAM CO.,LTD	SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ HỆ THỐNG THÔNG TIN	E
GIÁM ĐỐC DUECTOR	GIÁM ĐỐC DIRECTOR	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ DESIGN	GIÁM ĐỐC DỰ ÁN PROJECT MANAGER	SITE MANAGER / VẼ DRAWN BY	KIỂM TRA CHECKED
	ENG. NGUYỄN VĂN HƯỜNG	ENG.TRẦN M.ICH CHƯƠNG	ENG.NGUYỄN VĂN ĐỒNG	ENG.LÊ MINH TÂM / ENG.TRẦN TRỌNG HẢI	ENG.TRẦN KIM CHƯƠNG

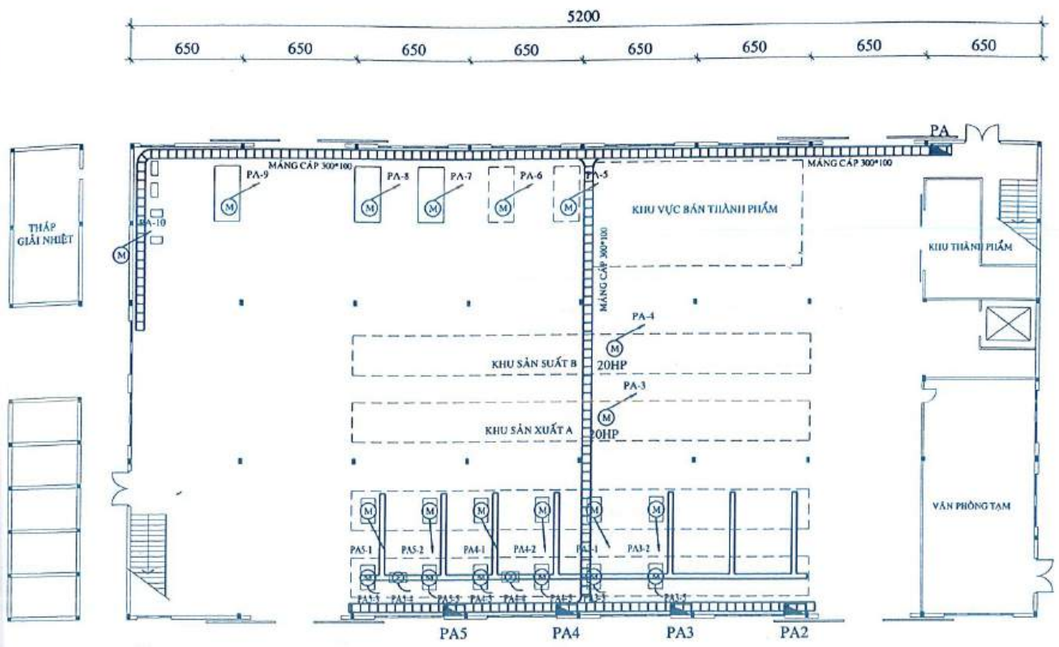

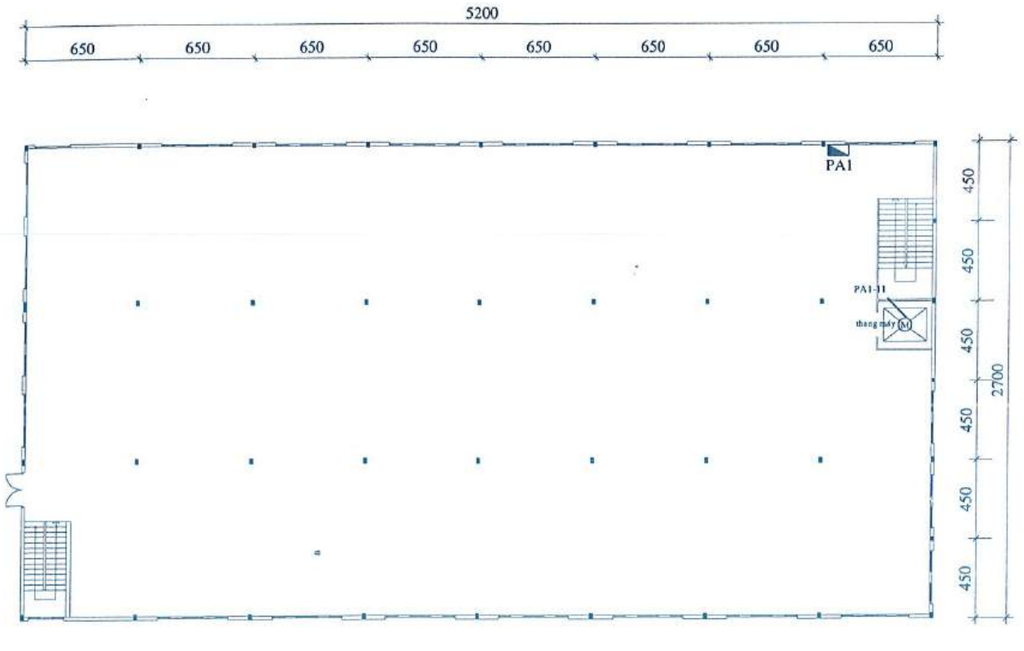

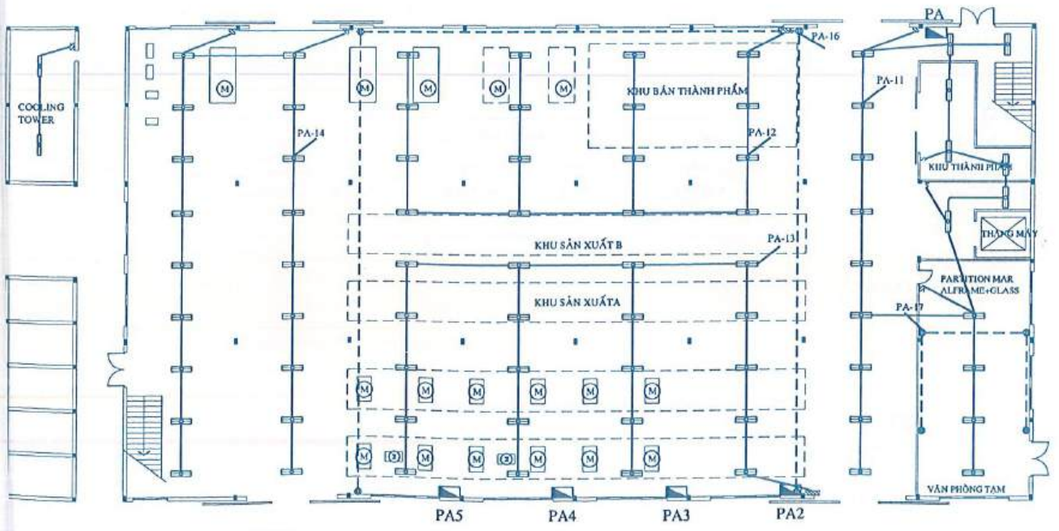

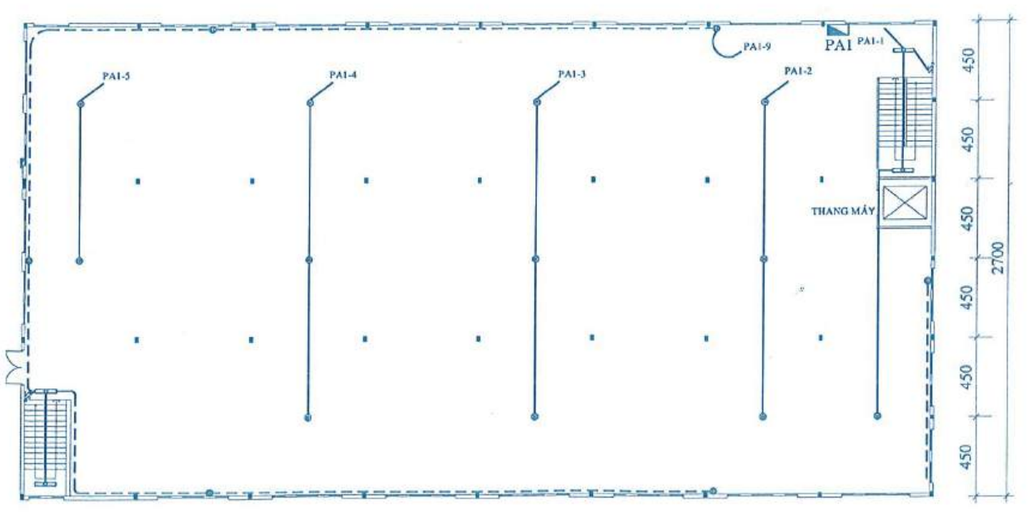

TỈ LỆ 1:100

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTOR	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ ENGINEERING CONSULTANTS		ĐƠN VỊ THI CÔNG MAIN CONTRACTOR	PROJECT : VP COMPONENTS FACTORY LOCATION : ANATA INDUSTRIAL ZONE-DONG NAI PROVINCE		BẢN VẼ HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWING
COMPONENTS Co.,LTD	MINISTRY OF TRADE ARCHITECTS AND CONSTRUCTION SERV.Co. CONSULTANT& DESIGN CONSTRUCTION ENTERPRISE		FULL-POWER ENGINEERING VIETNAM CO.,LTD	HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG ĐỘNG LỰC XƯỞNG A		E 42/50
GIÁM ĐỐC DIRECTOR	GIÁM ĐỐC-DIRECTOR	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ-DESIGN	GIÁM ĐỐC DỰ ÁN-PROJECT MANAGER	SITE MANAGER	VẼ-DRAWN BY	KIỂM TRA-CHECKED
	ENG. NGUYỄN VĂN HƯƠNG	ENG CHIÊM ICH CHƯƠNG	ENG.NGUYỄN TRÍ ĐỒNG	ENG LÊ MINH TÂM	ENG TUẤN TRỌNG HẢI	ENG CHIÊM ICH CHƯƠNG

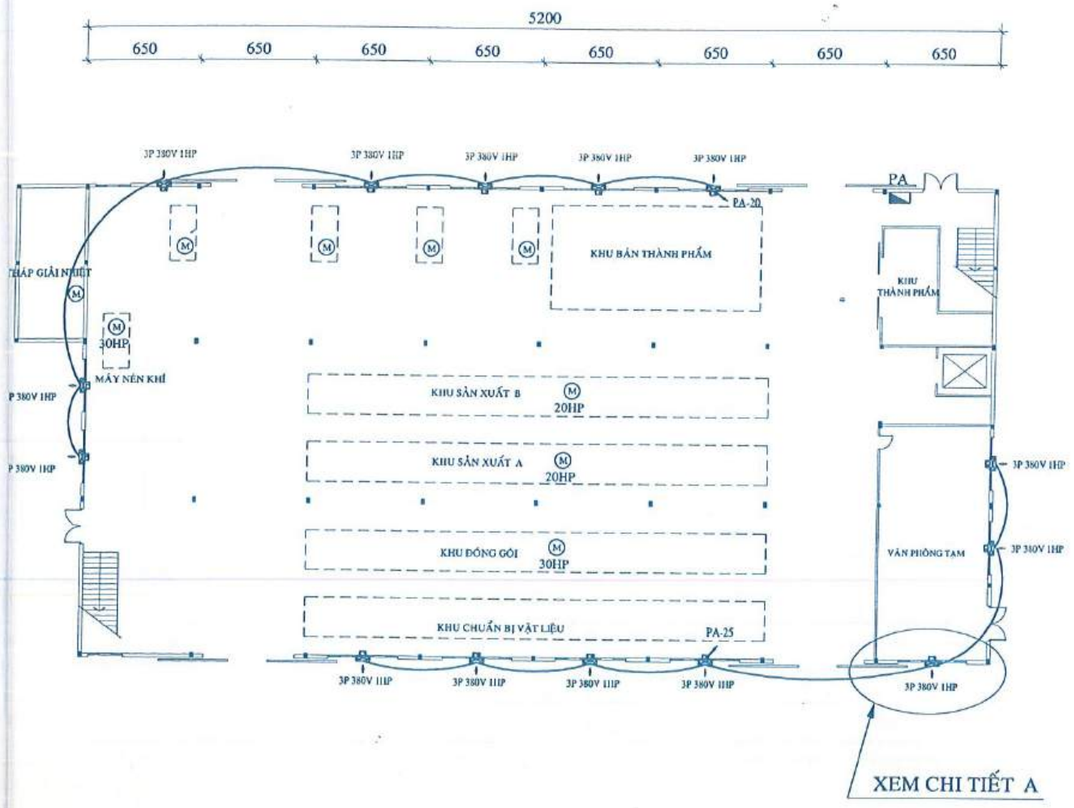

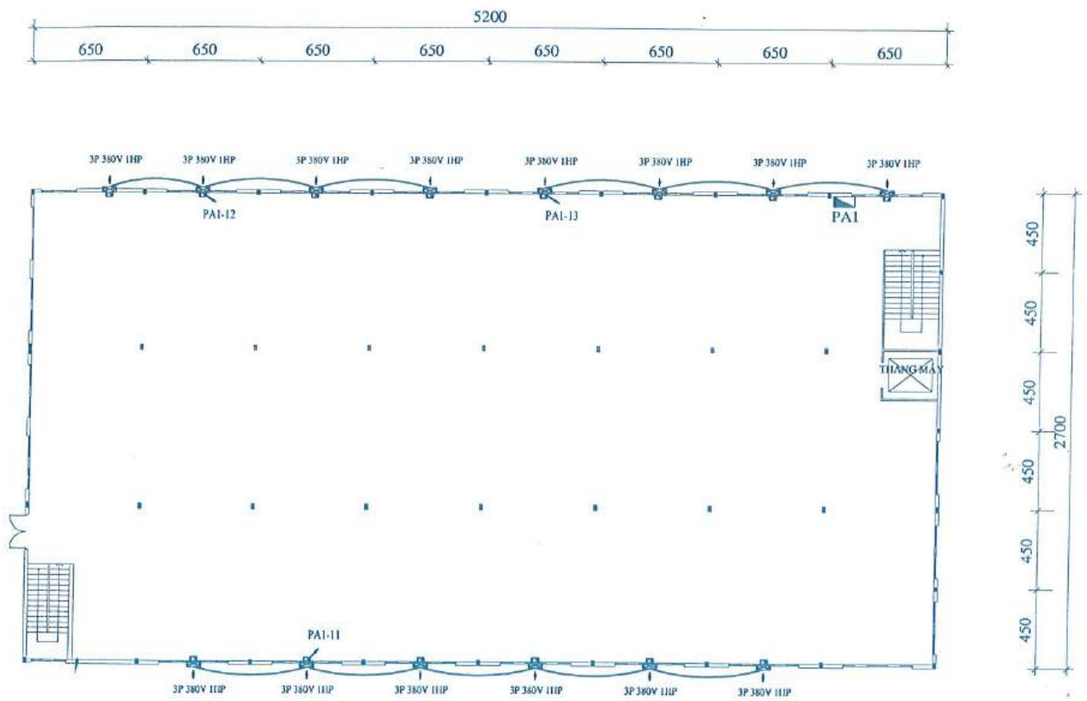

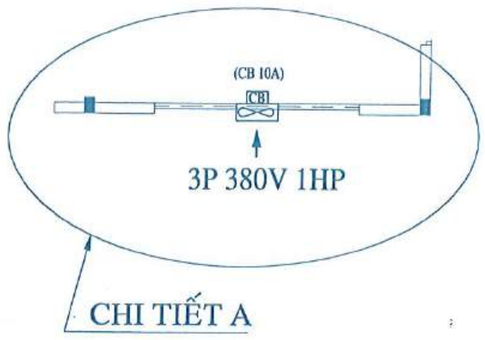

TỈ LỆ 1:250

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTOR	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ ENGINEERING CONSULTANTS		ĐƠN VỊ THI CÔNG MAIN CONTRACTOR	PROJECT : VP COMPONENTS FACTORY LOCATION : AMATA INDUSTRIAL ZONE-DONG NAI PROVINCE		BẢN VẼ HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWING
VP COMPONENTS Co.,LTD	ACSC MINISTRY OF TRADE ARCHITECTS AND CONSTRUCTION SERV.Co. CONSULTANT& DESIGN CONSTRUCTION ENTERPRISE		FULL-POWER ENGINEERING VIETNAM CO.,LTD	HỆ THỐNG THÔNG GIÓ XƯỞNG A		E##
GIÁM ĐỐC-DIRECTOR	GIÁM ĐỐC-DIRECTOR	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ-DESIGN	GIÁM ĐỐC DỰ ÁN-PROJECT MANAGER	SITE MANAGER	VẼ-DRAWN BY	KIỂM TRA-CHECKED
	ENG. NGUYỄN VĂN HƯƠNG	ENG.TRẦN ICH CHƯƠNG	ENG.NGUYỄN TRÍ ĐỒNG	ENG.LÊ MINH TÂM	ENG.TRẦN TRỌNG HẢI	ENG.TRẦN ICH CHƯƠNG

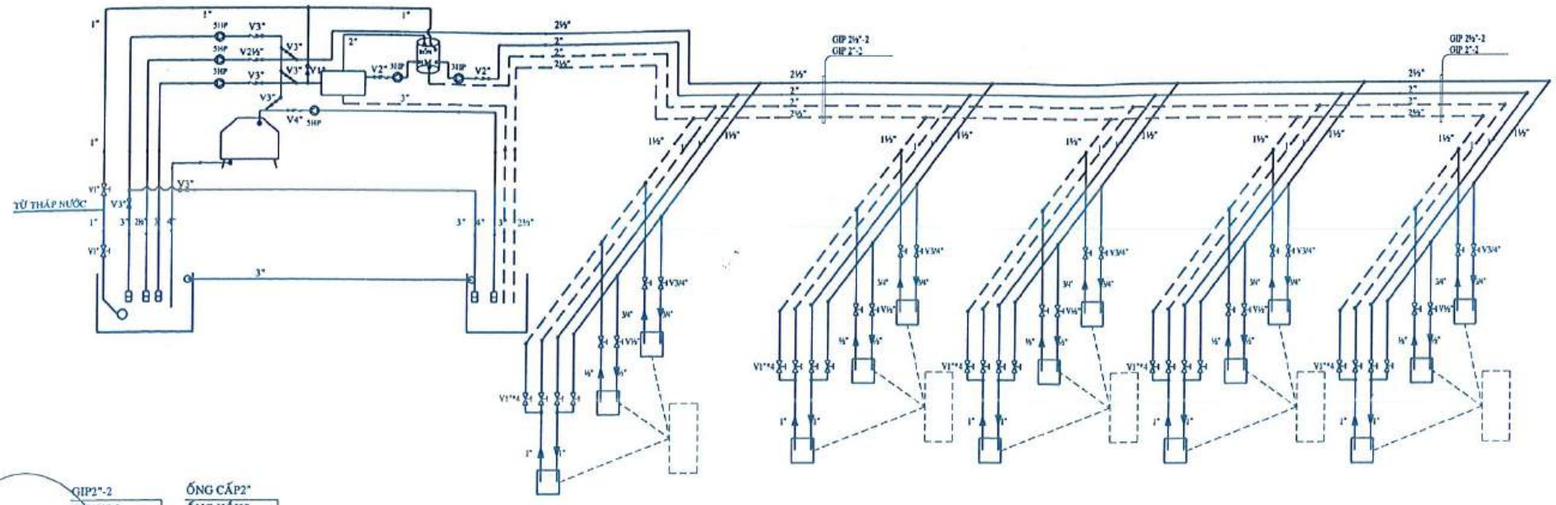

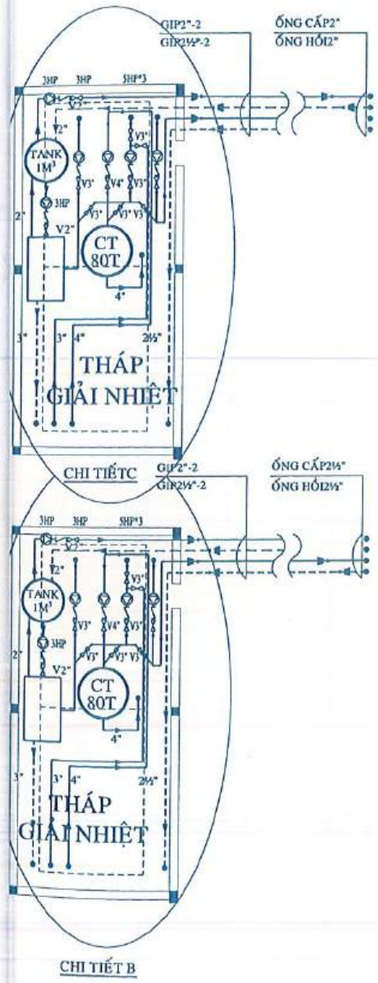

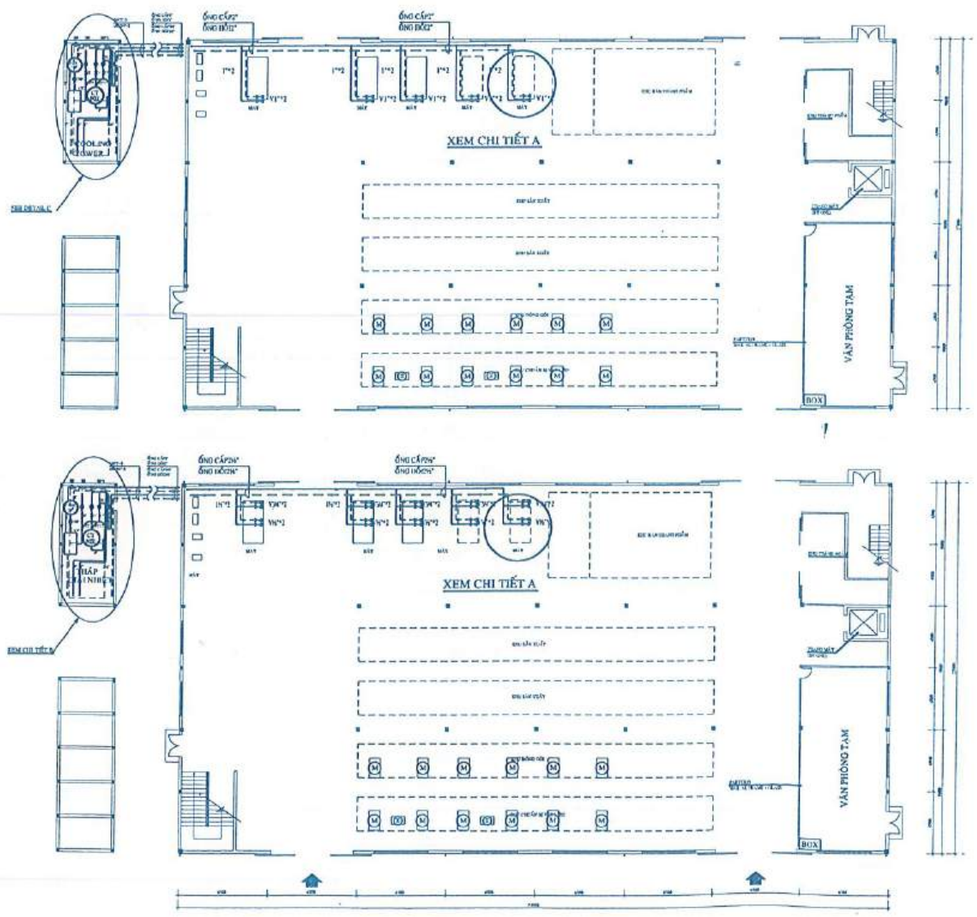

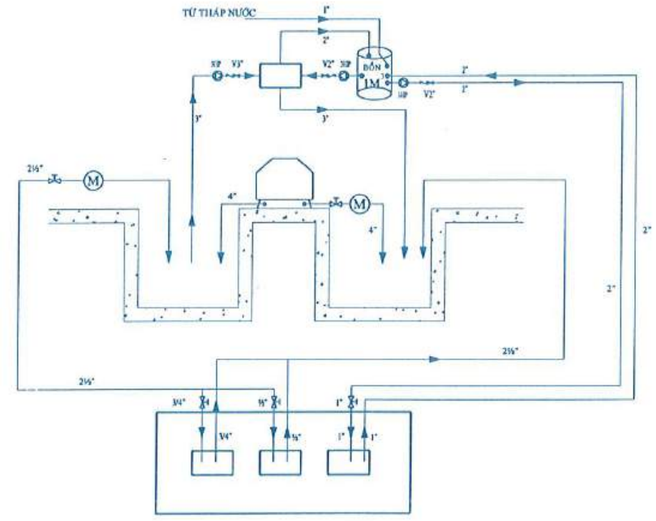

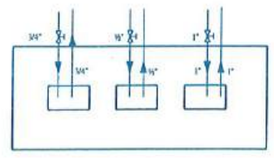

CHI TIẾT A

TỈ LỆ 1:450

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTOR	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ ENGINEERING CONSULTANTS	ĐƠN VỊ THI CÔNG MAIN CONTRACTOR	PROJECT : VP COMPONENTS FACTORY LOCATION : AMATA INDUSTRIAL ZONE-DONG NAI PROVINCE	BẢN VẼ HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWING
VP COMPONENTS Co.,LTD	ACSC MINISTRY OF TRADE ARCHITECTS AND CONSTRUCTION SERV Co. CONSULTANT & DESIGN CONSTRUCTION ENTERPRISE	FULL-POWER ENGINEERING VIETNAM CO.,LTD	HỆ THỐNG GIẢI NHIỆT XƯỞNG A	E 12/50
GIÁM ĐỐC-DIRECTOR	GIÁM ĐỐC-DIRECTOR / CHỦ TRÌ THIẾT KẾ-D.DIGN	GIÁM ĐỐC DỰ ÁN-PROJECT MANAGER / MVE MANAGER / VẼ-DRAWN BY		KIỂM TRA-CHECKED
	ENG. NGUYỄN VĂN HƯƠNG / ENG. CHIỀM KIM CHƯƠNG	ENG NGUYỄN TRÍ DŨNG / ENG LÊ MINH TÂM / ENG TRẦN TRỌNG HẢI		ENG CHIỀM KIM CHƯƠNG

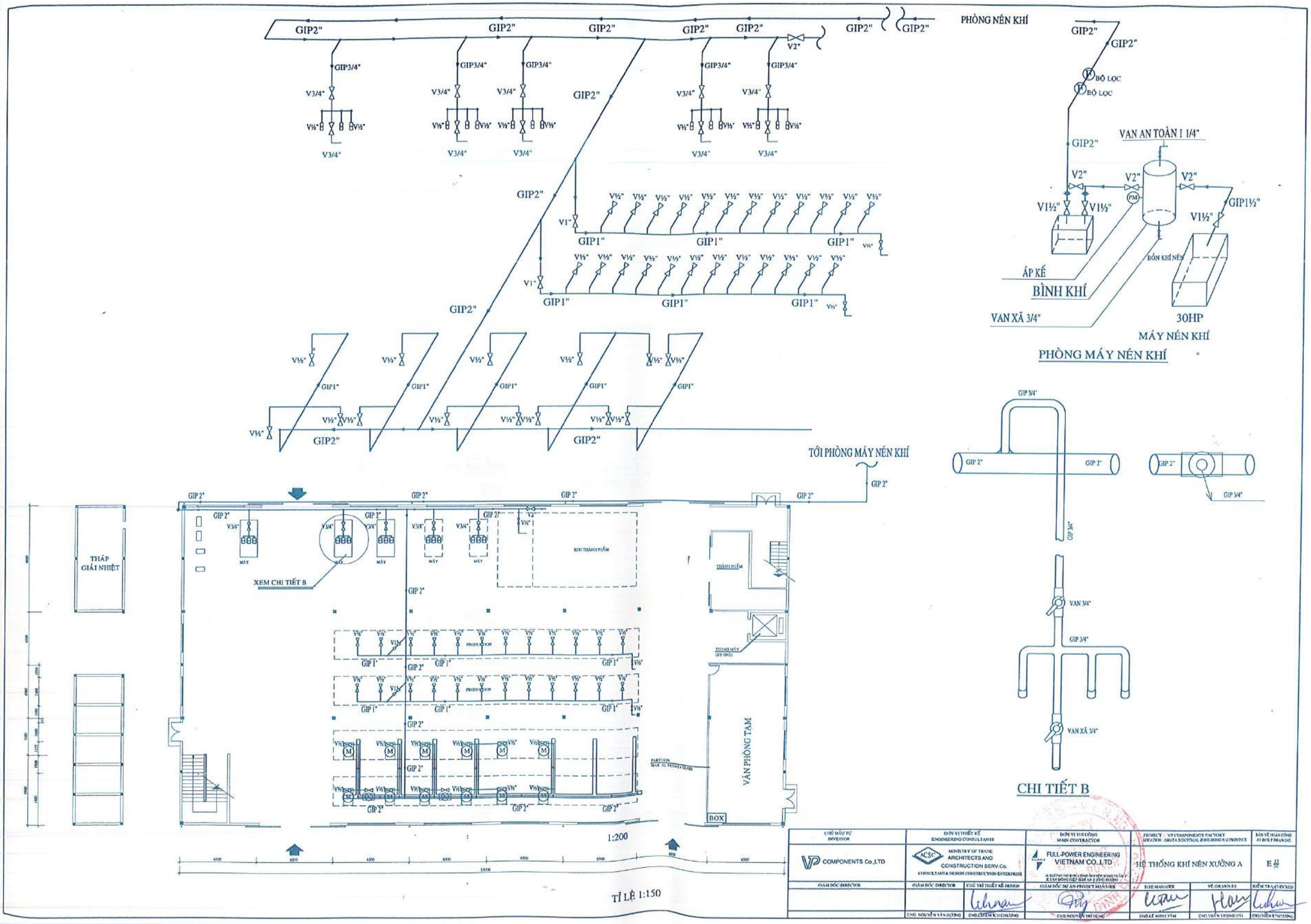

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ / ENGINEERING CONSULTANTS	ĐƠN VỊ THI CÔNG / MAIN CONTRACTOR	PROJECT / LOCATION	BẢN VẼ HOÀN CÔNG / AS BUILT DRAWING
COMPONENTS Co.,LTD	MINISTRY OF TRADE ARCHITECTS AND CONSTRUCTION SERV.Co.	FULL-POWER ENGINEERING VIETNAM CO.,LTD	HỆ THỐNG KHÍ NÉN XƯỞNG A	E 33/37
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR	GIÁM ĐỐC / DIRECTOR — CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / DESIGN	GIÁM ĐỐC DỰ ÁN / PROJECT MANAGER	SITE MANAGER	VẼ / DRAWN BY — KIỂM TRA / CHECKED
	ENG. NGUYỄN VĂN HƯỜNG — ENG. CHIEM ICH CHUONG	ENG. NGUYỄN TRÍ DŨNG	ENG. LÊ MINH TÂM	ENG. TRẦN TRỌNG HIẾU — ENG. CHIEM ICH CHUONG

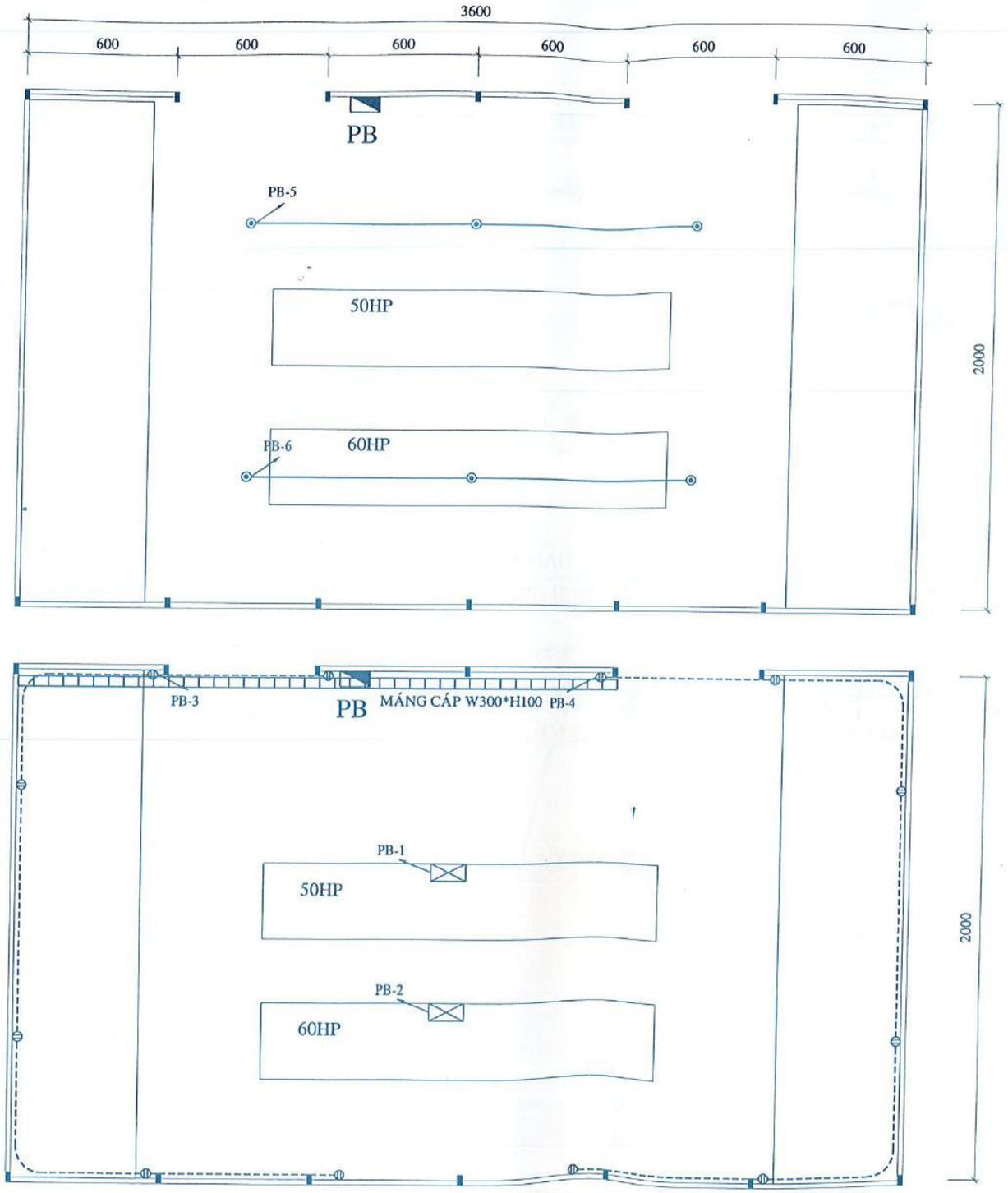

TỈ LỆ 1:200

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTOR	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ ENGINEERING CONSULTANTS		ĐƠN VỊ THI CÔNG MAIN CONTRACTOR	PROJECT : VP COMPONENTS FACTORY LOCATION : AMATA INDUSTRIAL ZONE,DONG NAI PROVINCE	BẢN VẼ HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWING
COMPONENTS Co.,LTD	MINISTRY OF TRADE ARCHITECTS AND CONSTRUCTION SERV.Co. CONSULTANT & DESIGN CONSTRUCTION ENTERPRISE		FULL-POWER ENGINEERING VIETNAM CO.,LTD	HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG ĐỘNG LỰC XƯỞNG B	E##
GIÁM ĐỐC DIRECTOR	GIÁM ĐỐC DIRECTOR	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ DESIGN	GIÁM ĐỐC DỰ ÁN PROJECT MANAGER	SITE MANAGER / VẼ DRAWN BY	KIỂM TRA CHECKED
	ENG. NGUYỄN VĂN HƯỜNG	ENG.CHIÊN KH CHƯƠNG	ENG.NGUYỄN TRÍ ĐỒNG	ENG.LÊ NINH TÂM / ENG.TRẦN TRỌNG HẢI	ENG.CHIÊN KH CHƯƠNG

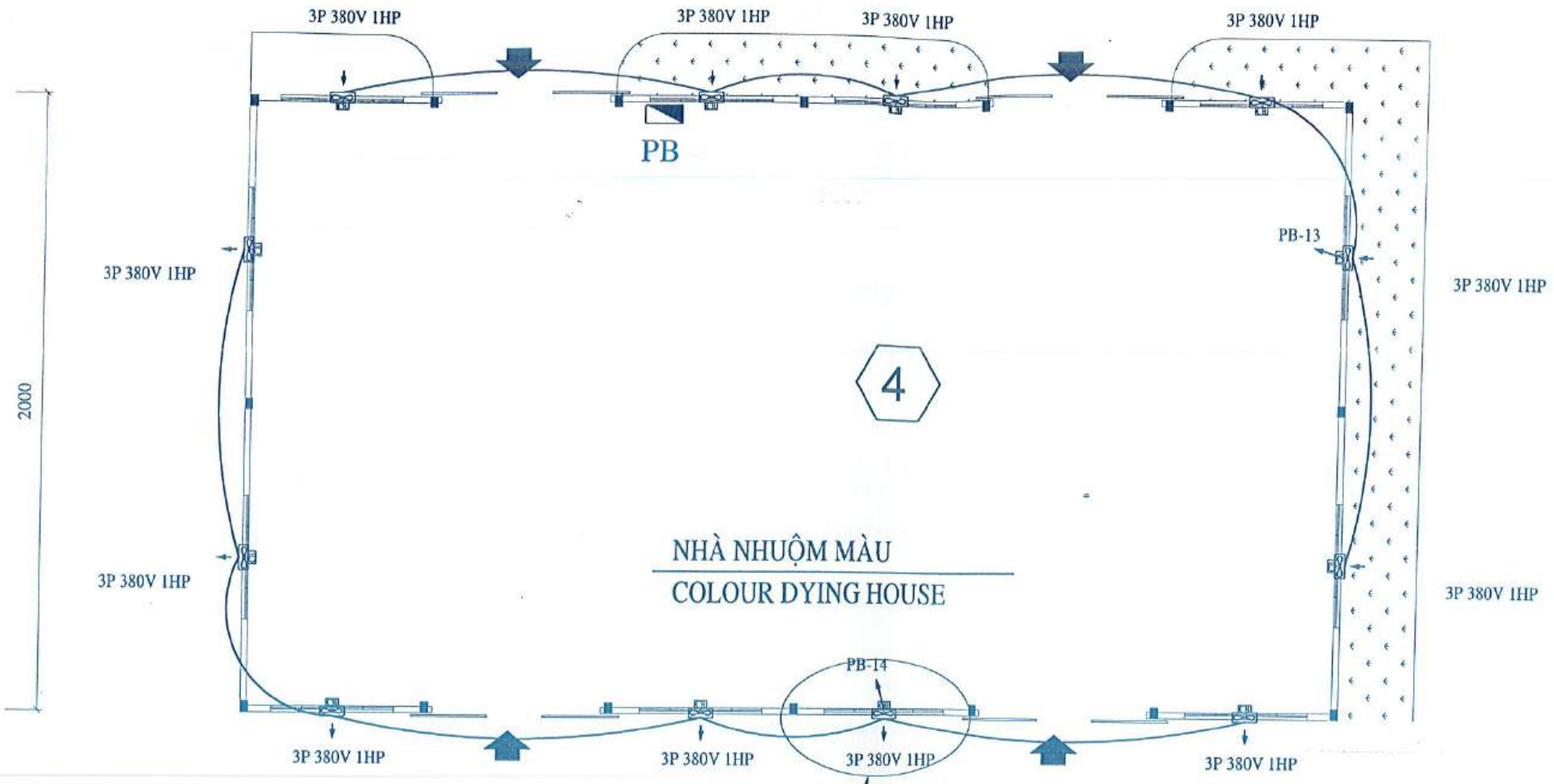

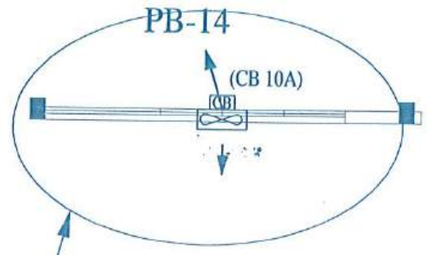

3P 380V 1HP

CHI TIẾT A

TỈ LỆ 1:150

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTOR	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ ENGINEERING CONSULTANTS		ĐƠN VỊ TỔ ĐỒNG MAIN CONTRACTOR	PROJECT : VP COMPONENTS FACTORY LOCATION : AMATA INDUSTRIAL ZONE, DONG NAI PROVINCE		BẢN VẼ HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWING
VP COMPONENTS Co.,LTD	ACSC MINISTRY OF TRADE ARCHITECTS AND CONSTRUCTION SERV.Co. CONSULTANTS & DESIGN CONSTRUCTION ENTERPRISE		FULL-POWER ENGINEERING VIETNAM CO.,LTD	HỆ THỐNG THÔNG GIÓ XƯỞNG B		E##
GIÁM ĐỐC DIRECTOR	GIÁM ĐỐC DIRECTOR	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ DESIGN	GIÁM ĐỐC DỰ ÁN PROJECT MANAGER	SITE MANAGER	VẼ DRAWN BY	KIỂM TRA CHECKED
	ENG. NGUYỄN VĂN HƯƠNG	ENG.CHIÊM ÍCH CHƯƠNG	ENG.NGUYỄN TRÍ DŨNG	ENG.LÊ MINH TÂM	ENG.THÂN TRỌNG HẢI	ENG.CHIÊM ÍCH CHƯƠNG

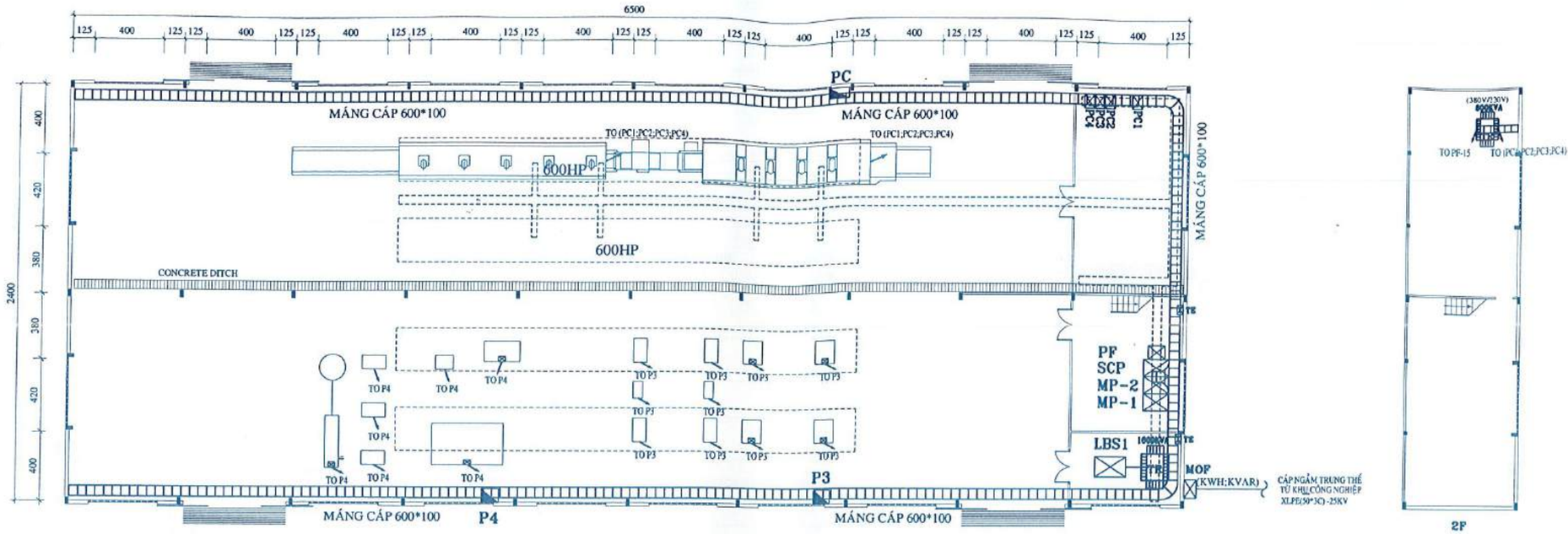

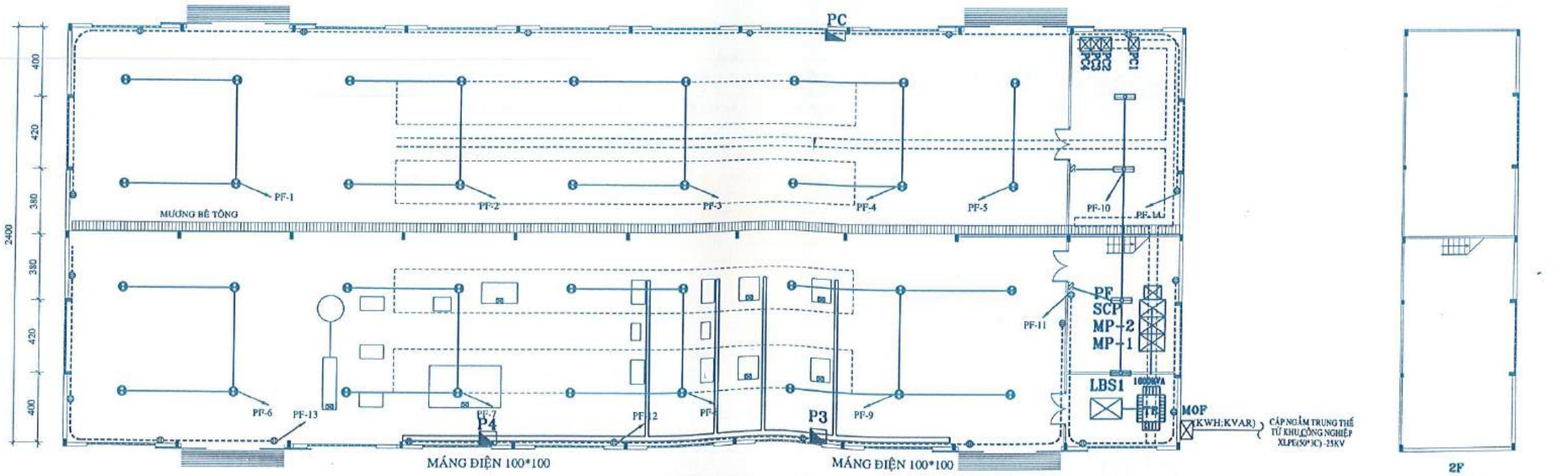

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTOR	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ ENGINEERING CONSULTANTS		ĐƠN VỊ THI CÔNG MAIN CONTRACTOR	PROJECT : VP COMPONENTS FACTORY LOCATION : AMATA INDUSTRIAL ZONE-DONG NAI PROVENCE		BẢN VẼ HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWING
VP COMPONENTS Co.,LTD	ACSC MINISTRY OF TRADE ARCHITECTS AND CONSTRUCTION SERV.Co. CONSULTANTS & DESIGN CONSTRUCTION ENTERPRISE		FULL-POWER ENGINEERING VIETNAM CO.,LTD	HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG ĐỘNG LỰC XƯỞNG F		E 45/50
GIÁM ĐỐC DIRECTOR	GIÁM ĐỐC DIRECTOR	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ DESIGN	GIÁM ĐỐC DỰ ÁN PROJECT MANAGER	SITE MANAGER	VẼ-DRAWN BY	KIỂM TRA-CHECKED
	ENG. NGUYỄN VĂN HƯỜNG	ENG CHIẾM ÍCH CHƯƠNG	ENG.NGUYỄN TRÍ DŨNG	ENG.LÊ MINH TÂN	ENG. THÂN TRỌNG HẢI	ENG CHIẾM ÍCH CHƯƠNG

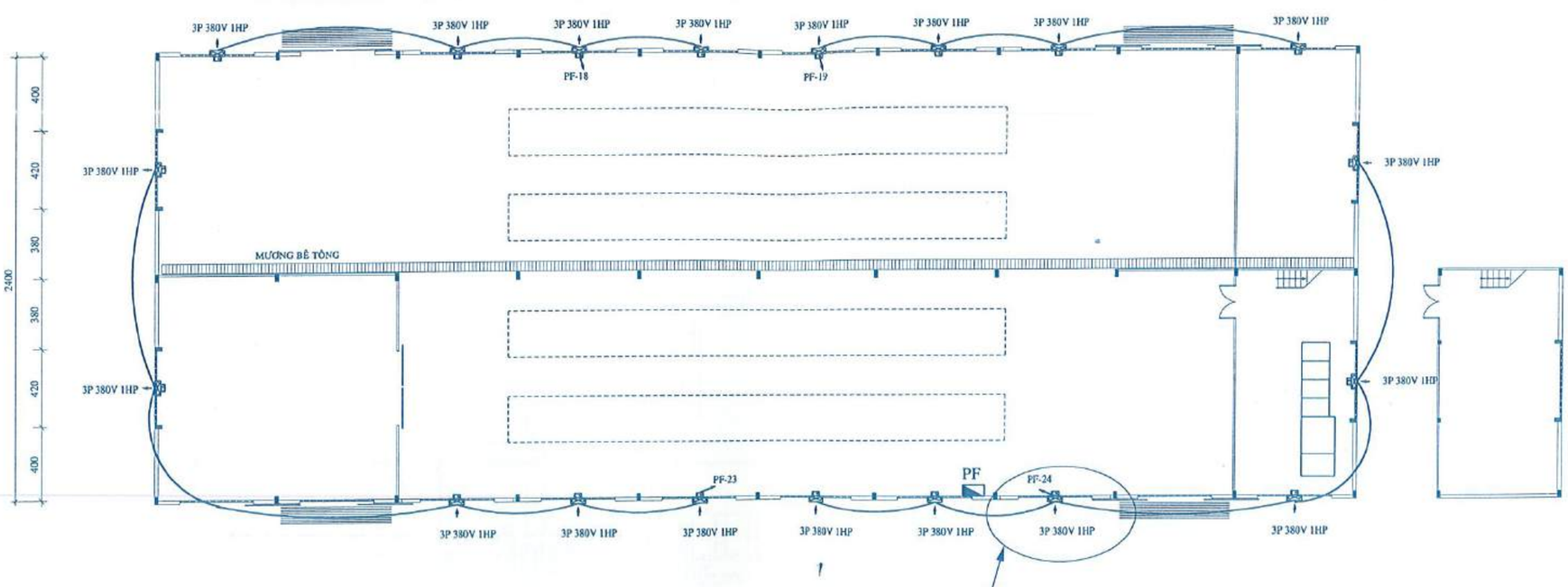

CHI TIẾT A

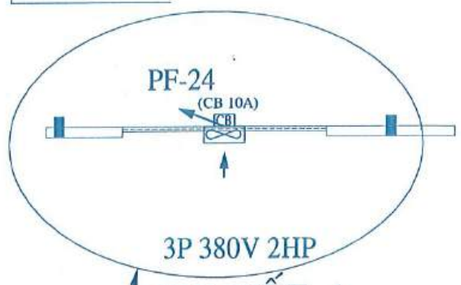

CHI TIẾT A

TỈ LỆ 1:300

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTOR	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ ENGINEERING CONSULTANTS	ĐƠN VỊ THI CÔNG MAIN CONTRACTOR	PROJECT : VP COMPONENTS FACTORY LOCATION : HOA LA POLITICAL ZONE, HOA BINH PROVINCE	BẢN VẼ HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWING
VP COMPONENTS Co.,LTD	MINISTRY OF TRADE ARCHITECTS AND CONSTRUCTION SERV.Co. CONSULTANTS DESIGN CONSTRUCTION ENTERPRISE	FULL-POWER ENGINEERING VIETNAM CO.,LTD	HỆ THỐNG THÔNG GIÓ XƯỞNG F	E##
GIÁM ĐỐC DIRECTOR	GIÁM ĐỐC-DIRECTOR / CHỦ TRÌ THIẾT KẾ DESIGN	GIÁM ĐỐC DỰ ÁN PROJECT MANAGER	SITE MANAGER / VẼ DRAWN BY	KIỂM TRA CHECKED
	ENG. NGUYỄN VĂN HƯỜNG / ENG. CHIẾN ÍCH CHƯƠNG	ENG. NGUYỄN VĂN ĐỒNG	ENG. LÊ MINH TÂM / ENG. TRẦN TRỌNG HẢI	ENG. CHIẾN ÍCH CHƯƠNG

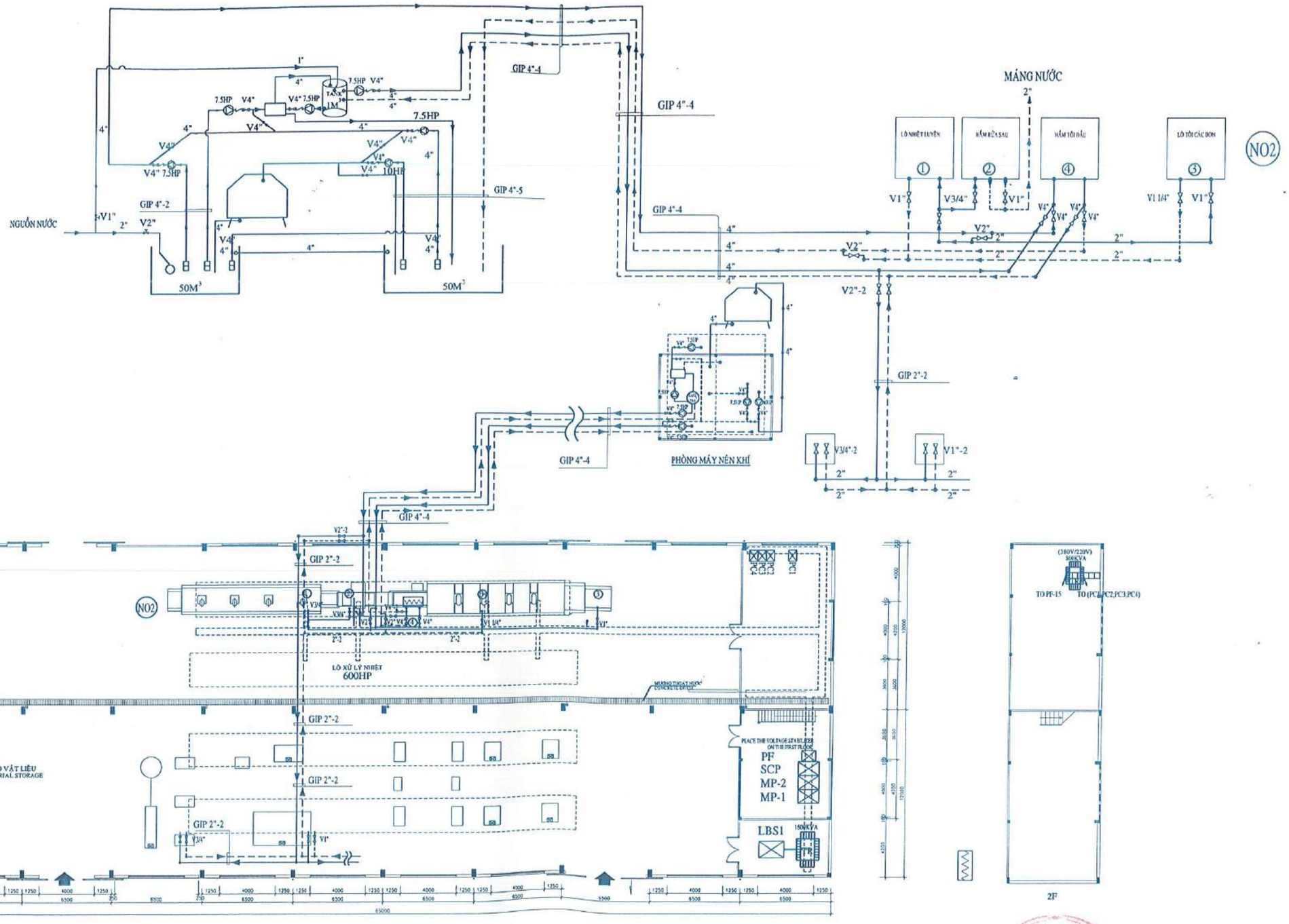

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTOR	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ ENGINEERING CONSULTANTS	ĐƠN VỊ THI CÔNG MAIN CONTRACTOR	PROJECT : VP COMPONENTS FACTORY LOCATION : AMATA INDUSTRIAL ZONE DONG NAI PROVINCE	BẢN VẼ HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWING
COMPONENTS Co.,LTD	MINISTRY OF TRADE ARCHITECTS AND CONSTRUCTION SERV.Co. CONSULTANT & DESIGN CONSTRUCTION ENTERPRISE	FULL-POWER ENGINEERING VIETNAM CO.,LTD	HỆ THỐNG KHÍ NÉN XƯỞNG A	E 4/5
GIÁM ĐỐC-DIRECTOR	GIÁM ĐỐC-DIRECTOR / CHỦ TRÌ THIẾT KẾ DESIGN	GIÁM ĐỐC DỰ ÁN-PROJECT MANAGER	SITE MANAGER / VẼ-DRAWN BY	KIỂM TRA CHECKED
	ENG. NGUYỄN VĂN HƯƠNG / ENG.CHIỀM KIM CHƯƠNG	ENG.NGUYỄN TRÍ DŨNG	ENG.LÊ MINH TÂM / ENG.TRẦN TRỌNG HẢI	ENG.TRẦN VĂN TƯỜNG

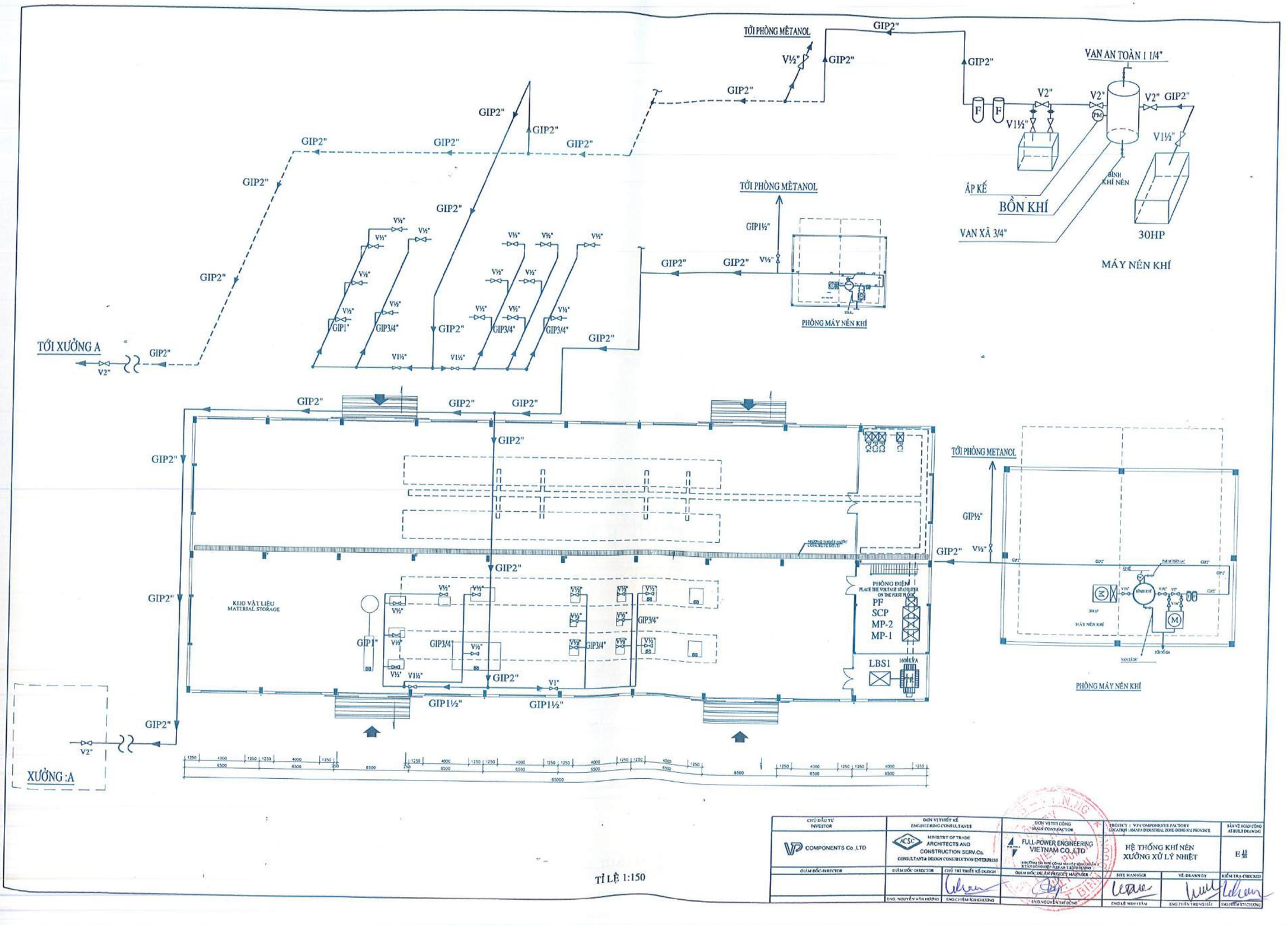

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTOR	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ ENGINEERING CONSULTANTS	ĐƠN VỊ THI CÔNG MAIN CONTRACTOR	PROJECT : VP1 COMPONENTS FACTORY LOCATION : AMATA INDUSTRIAL ZONE DONG NAI PROVINCE	BẢN VẼ HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWING
COMPONENTS Co.,LTD	MINISTRY OF TRADE ARCHITECTS AND CONSTRUCTION SERV.Co. CONSULTANTS & DESIGN CONSTRUCTION ENTERPRISE	FULL-POWER ENGINEERING VIETNAM CO.,LTD	HỆ THỐNG KHÍ NÉN XƯỞNG XỬ LÝ NHIỆT	E 42/48
GIÁM ĐỐC DIRECTOR	GIÁM ĐỐC DIRECTOR / CHỦ TRÌ THIẾT KẾ DESIGN	GIÁM ĐỐC DỰ ÁN PROJECT MANAGER / SITE MANAGER	VẼ DRAWN BY	KIỂM TRA CHECKED
	ENG. NGUYỄN VĂN HƯỜNG / ENG CHIỀM KIM CHƯƠNG	ENG NGUYỄN THẾ ĐỒNG / ENG LÊ MINH TÂM	ENG THÂN TRỌNG HẢI	ENG PHẠM KIM CHƯƠNG

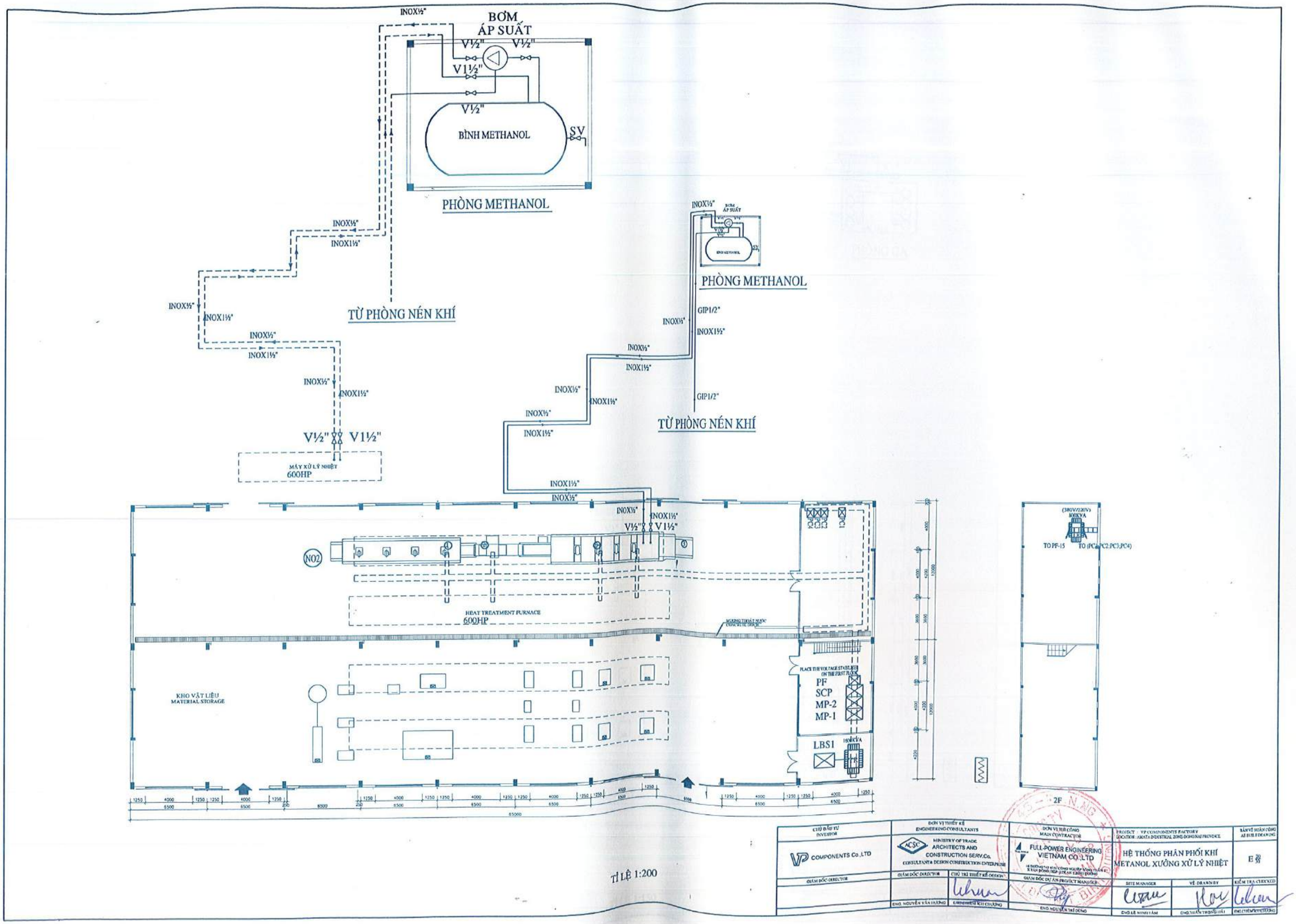

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTOR	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ ENGINEERING CONSULTANTS	ĐƠN VỊ THI CÔNG MAIN CONTRACTOR	PROJECT / VP COMPONENTS FACTORY LOCATION : AMATA INDUSTRIAL ZONE-DONGNAI PROVINCE	BẢN VẼ HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWING
VP COMPONENTS Co.,LTD	MINISTRY OF TRADE ARCHITECTS AND CONSTRUCTION SERV.Co. CONSULTANTS & DESIGN CONSTRUCTION ENTERPRISE	FULL-POWER ENGINEERING VIETNAM CO.,LTD	HỆ THỐNG PHÂN PHỐI KHÍ METANOL XƯỞNG XỬ LÝ NHIỆT	E 22
GIÁM ĐỐC/DIRECTOR	GIÁM ĐỐC/DIRECTOR: ENG. NGUYỄN VĂN HƯƠNG	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/DESIGN: ENGINEER NGUYỄN THỊ CHƯƠNG	GIÁM ĐỐC DỰ ÁN/PROJECT MANAGER: ENG. NGUYỄN TRẺ DŨNG	SITE MANAGER: ENG. LÊ NINH TÂM / VẼ/DRAWN BY: ENG. TRẦN THỊ HẰNG / KIỂM TRA/CHECKED: ENG. TRẦN THỊ CHƯƠNG

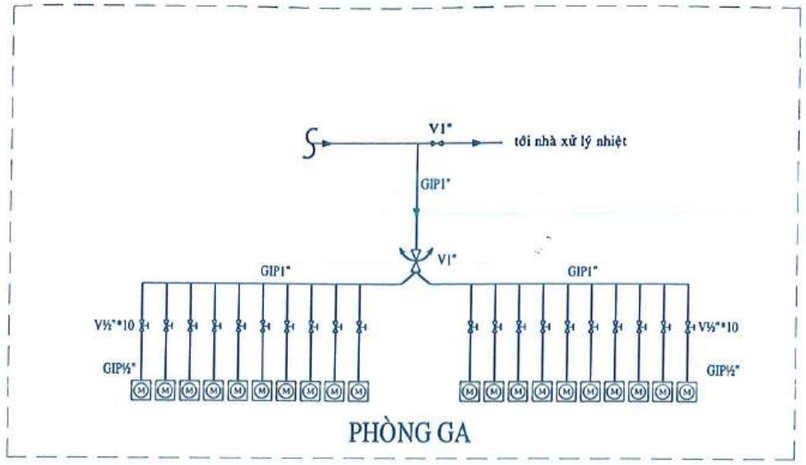

PHÒNG GA

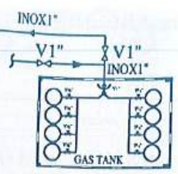

PHÒNG GA

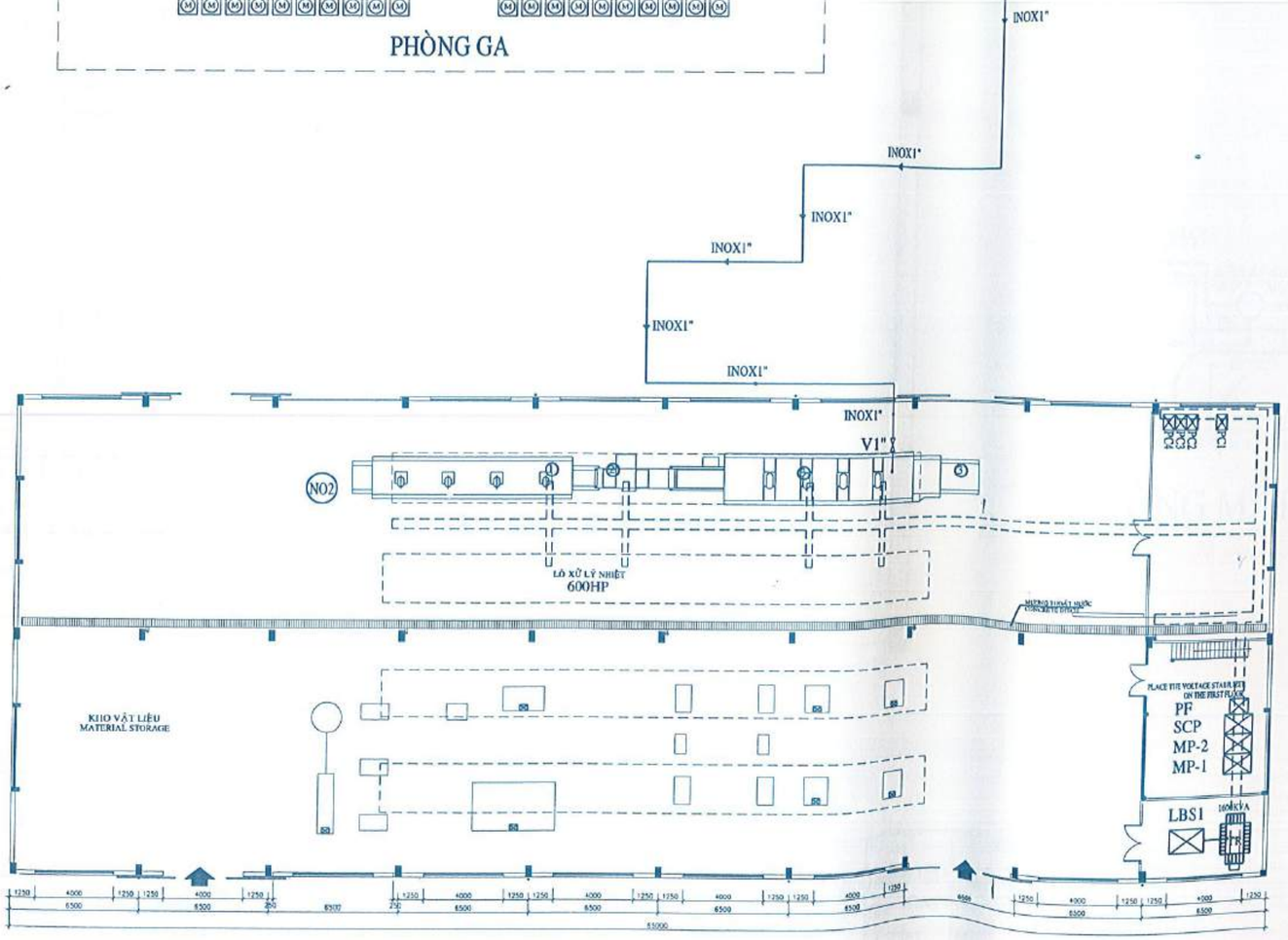

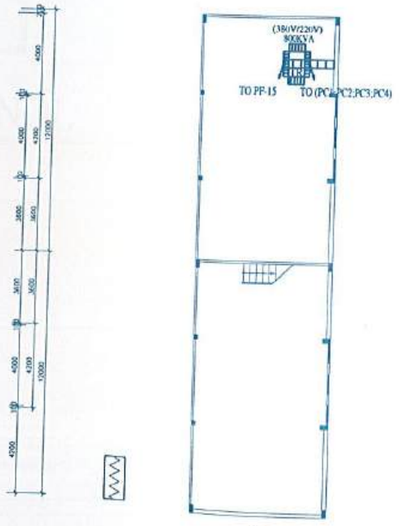

TỈ LỆ 1:150

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR: VP COMPONENTS Co.,LTD	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ / ENGINEERING CONSULTANTS: MINISTRY OF TRADE ARCHITECTS AND CONSTRUCTION SERV Co. CONSULTANTS DESIGN CONSTRUCTION ENTERPRISE	ĐƠN VỊ THI CÔNG / MAIN CONTRACTOR: FULL-POWER ENGINEERING VIETNAM CO.,LTD	PROJECT: VP COMPONENTS FACTORY LOCATION: AMATA INDUSTRIAL ZONE-DONG NAI PROVINCE	BẢN VẼ HOÀN CÔNG AS-BUILT DRAWING
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR	GIÁM ĐỐC / DIRECTOR; CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / DESIGN	GIÁM ĐỐC DỰ ÁN / PROJECT MANAGER	HỆ THỐNG CẤP GA XƯỞNG XỬ LÝ NHIỆT	E 44/50
	ENG. NGUYỄN VĂN HƯỜNG; ENG. KIỂM KÊ / CHECKING	ENG. NGUYỄN THẾ DŨNG	SITE MANAGER: ENG LÊ MINH TÂM; VẼ / DRAWN BY: ENG TUẤN TRỌNG HẢI; KIỂM TRA / CHECKED: ENG. HIỆM KIỂM CHỨNG	

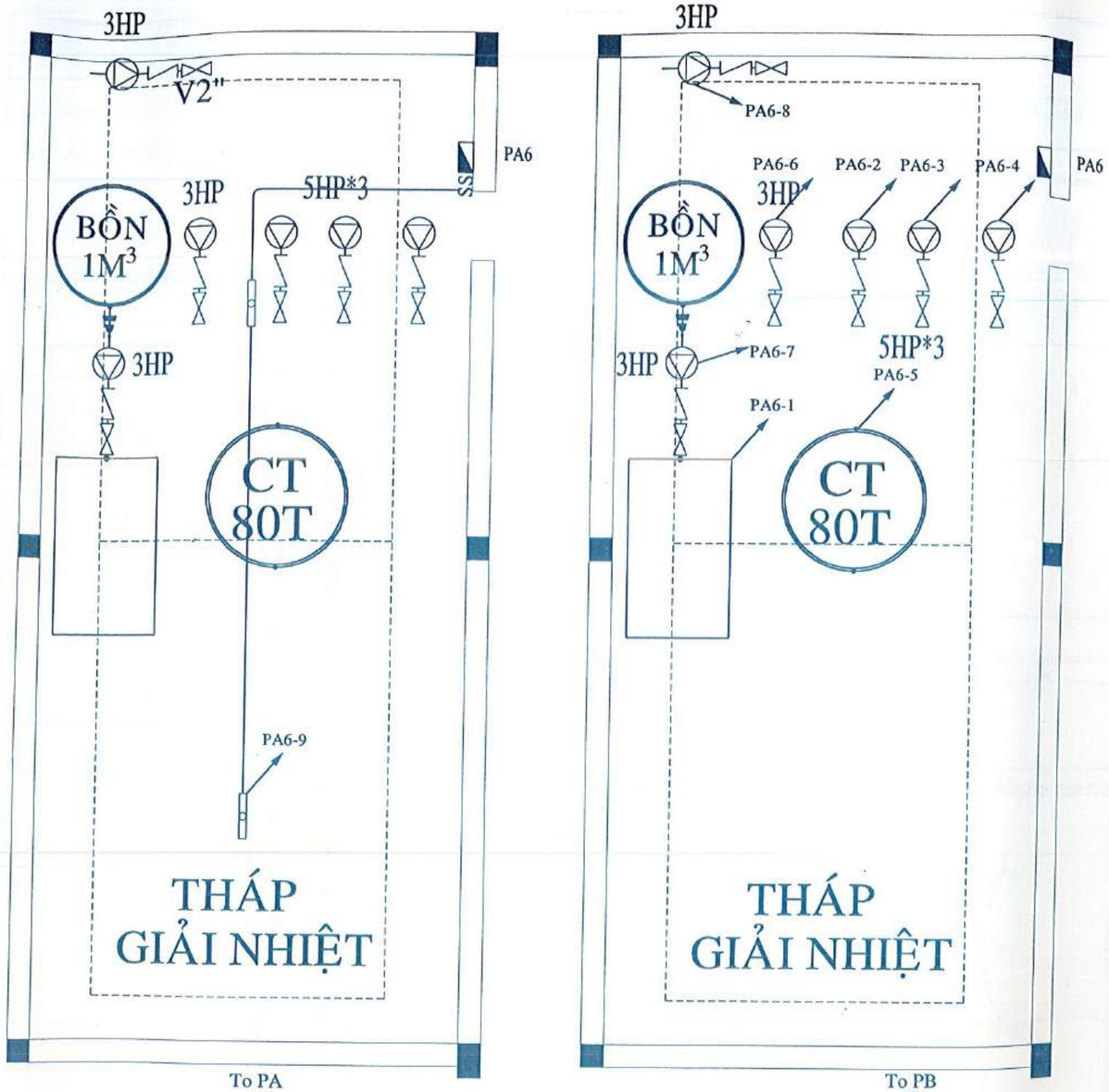

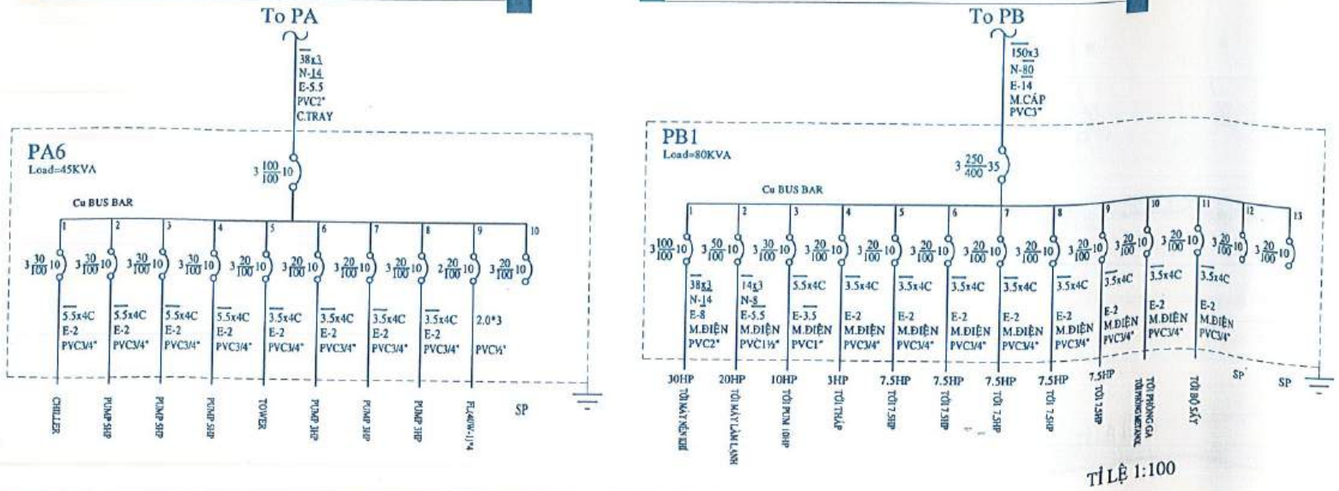

TỈ LỆ 1:100

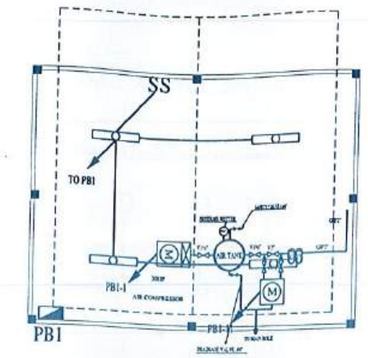

PHÒNG MÁY NÉN KHÍ

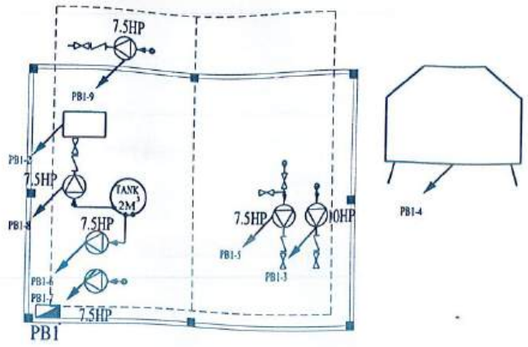

PHÒNG MÁY NÉN KHÍ

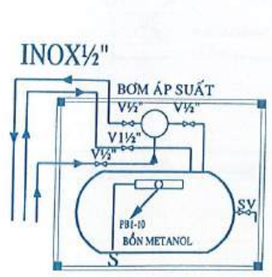

PHÒNG MÊTANOL

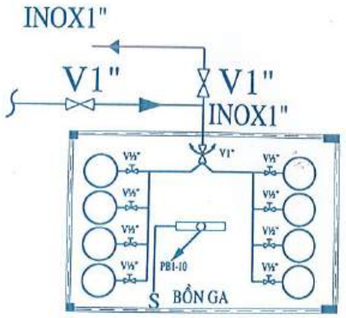

PHÒNG GA

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR: VP COMPONENTS Co.,LTD — GIÁM ĐỐC / DIRECTOR	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ / ENGINEERING CONSULTANTS: NCSC MINISTRY OF TRADE ARCHITECTS AND CONSTRUCTION SERV.Co. CONSULTANT & DESIGN CONSTRUCTION ENTERPRISE — GIÁM ĐỐC / DIRECTOR; CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / DESIGN: ENG. NGUYỄN VĂN HƯỜNG — ENG CHỨNG KHÁM ĐỊNH	ĐƠN VỊ THI CÔNG / MAIN CONTRACTOR: FULL POWER ENGINEERING VIETNAM CO.,LTD — GIÁM ĐỐC DỰ ÁN / PROJECT MANAGER: ENG.NGUYỄN TRÍ ĐỘNG	PROJECT : VP COMPONENTS FACTORY LOCATION : AMATA INDUSTRIAL ZONE-DONG NAI PROVINCE HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG ĐỘNG LỰC KHU GIẢI NHIỆT VÀ HOÁ CHẤT	BẢN VẼ HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWING E 22/50
		SITE MANAGER: ENG LÊ MINH TÂM	VẼ / DRAWN BY: ENG THÂN TRỌNG HẢI	KIỂM TRA / CHECKED: ENG CHỨNG KHÁM ĐỊNH

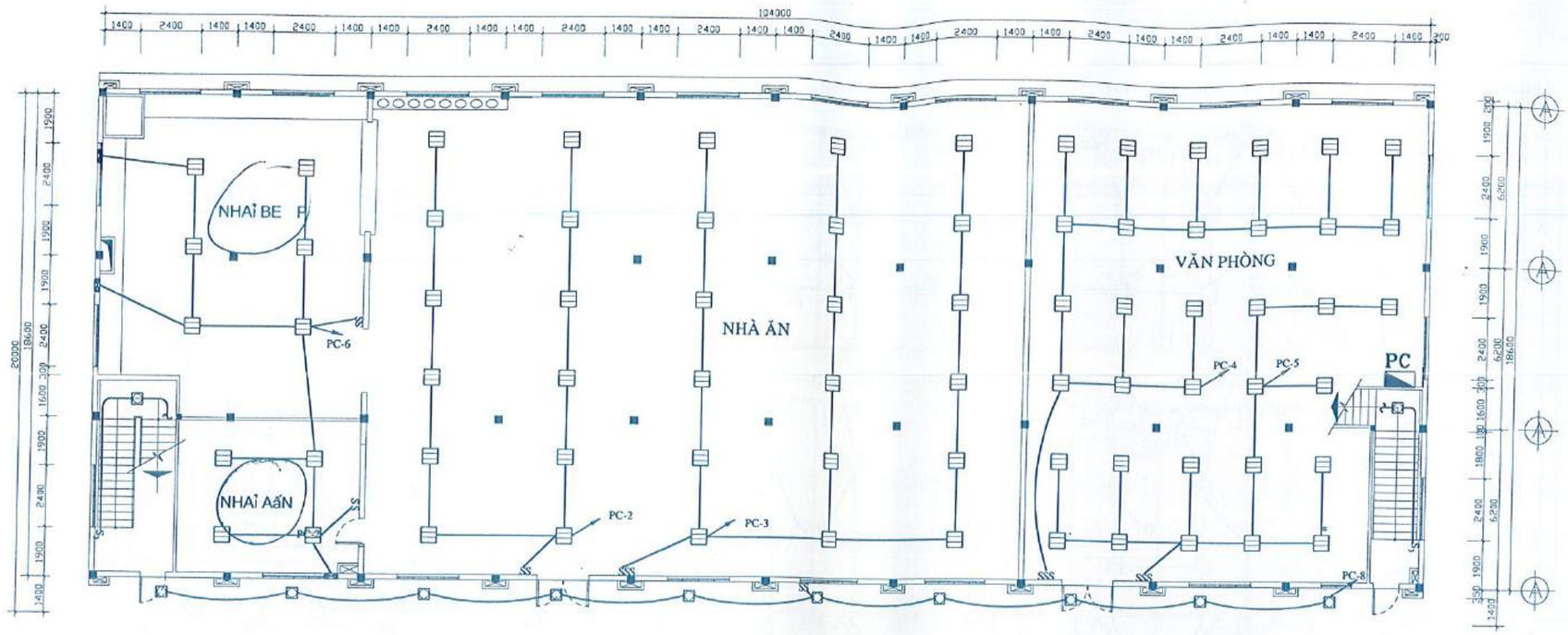

TỈ LỆ 1:100

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTOR	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ ENGINEERING CONSULTANTS	ĐƠN VỊ THI CÔNG MAIN CONTRACTOR	PROJECT : VP COMPONENTS FACTORY LOCATION : AMATA INDUSTRIAL ZONE DONG NAI PROVINCE	BẢN VẼ HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWING
VP COMPONENTS Co.,LTD	ACSC MINISTRY OF TRADE ARCHITECTS AND CONSTRUCTION SERV.Co. CONSULTANTS DESIGN CONSTRUCTION ENTERPRISE	FULL POWER ENGINEERING VIETNAM CO.,LTD	CHIẾU SÁNG ĐỘNG LỰC CĂN TIN	E44
GIÁM ĐỐC DIRECTOR	GIÁM ĐỐC DIRECTOR / CHỦ TRÌ THIẾT KẾ DESIGN	GIÁM ĐỐC DỰ ÁN PROJECT MANAGER	SITE MANAGER / VẼ DRAWN BY / KIỂM TRA CHECKED	
	ENG. NGUYỄN VĂN HƯƠNG / ENG CHIÊM RỊCH CHƯƠNG	ENG NGUYỄN TRÍ DŨNG	ENG LÊ MINH TÂM / ENG THÂN TRỌNG HẢI / ENG CHIÊM RỊCH CHƯƠNG	

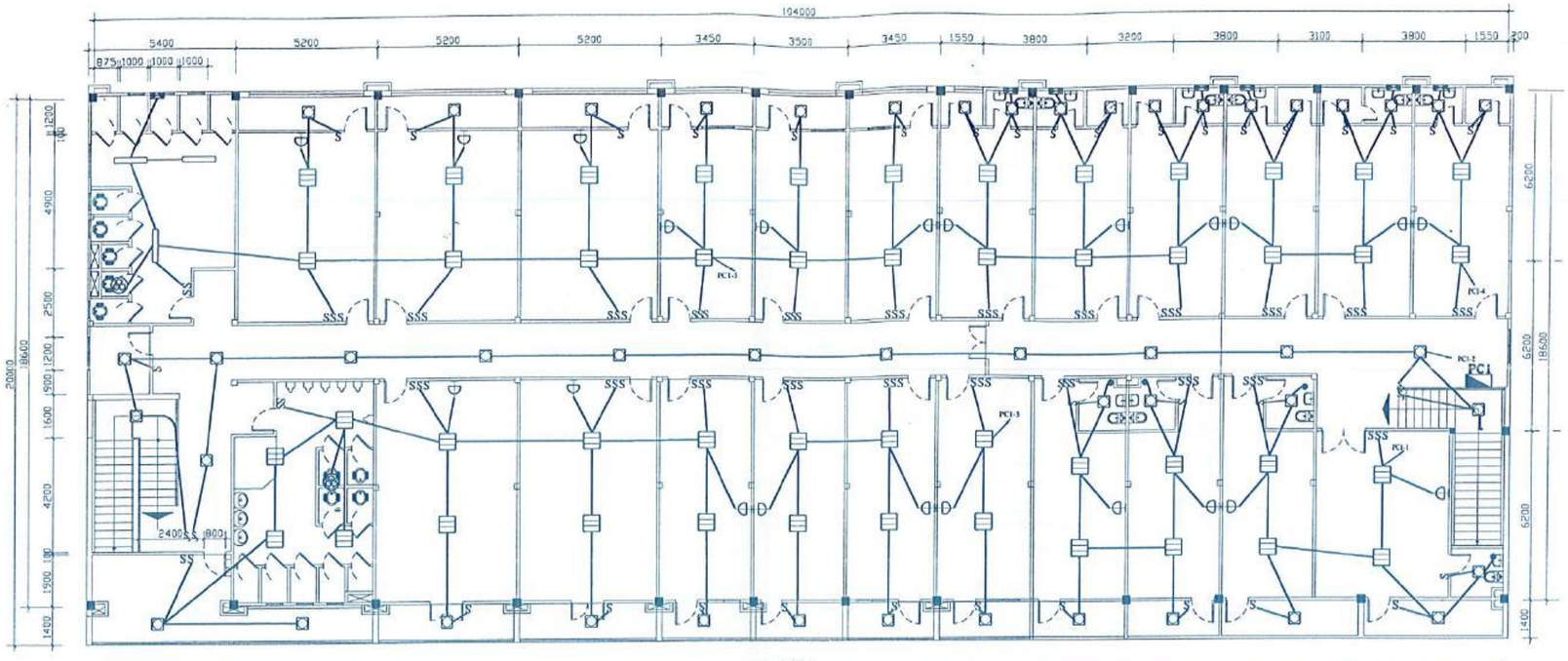

TỈ LỆ 1:100

CHỦ ĐẦU TƯ / DIVESTOR	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ / ENGINEERING CONSULTANTS	ĐƠN VỊ THI CÔNG / MAIN CONTRACTOR	PROJECT : VP COMPONENTS FACTORY LOCATION : AMATA INDUSTRIAL ZONE-DONG NAI PROVINCE	BẢN VẼ HOÀN CÔNG / AS BUILT DRAWING
VP COMPONENTS Co.,LTD	MINISTRY OF TRADE ARCHITECTS AND CONSTRUCTION SERV.Co. CONSULTANTS& DESIGN CONSTRUCTION ENTERPRISE	FULL-POWER ENGINEERING VIETNAM CO.,LTD	CHIẾU SÁNG ĐỘNG LỰC NHÀ NGHỈ	E##
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR	GIÁM ĐỐC / DIRECTOR	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / DESIGN	GIÁM ĐỐC DỰ ÁN / PROJECT MANAGER	SITE MANAGER	VẼ / DRAWN BY	KIỂM TRA / CHECKED
	ENG. NGUYỄN VĂN HƯỜNG	ENG CHIÊM ĐỨC CHƯƠNG	ENG.NGUYỄN TRÍ DŨNG	ENG.LÊ MINH TÂM	ENG.TRẦN TRỌNG HẢI	ENG CHIÊM ĐỨC CHƯƠNG

GHI CHÚ

1. XƯỞNG
2. NHÀ ĂN
3. NHÀ XỬ LÝ NHIỆT
4. NHÀ NHUỘM MÀU
5. NHÀ VỆ SINH
6. HỒ NƯỚC
7. NHÀ BẢO VỆ
8. HỒ NƯỚC CHO SẢN XUẤT
9. KHO HÓA CHẤT
10. PHÒNG GA

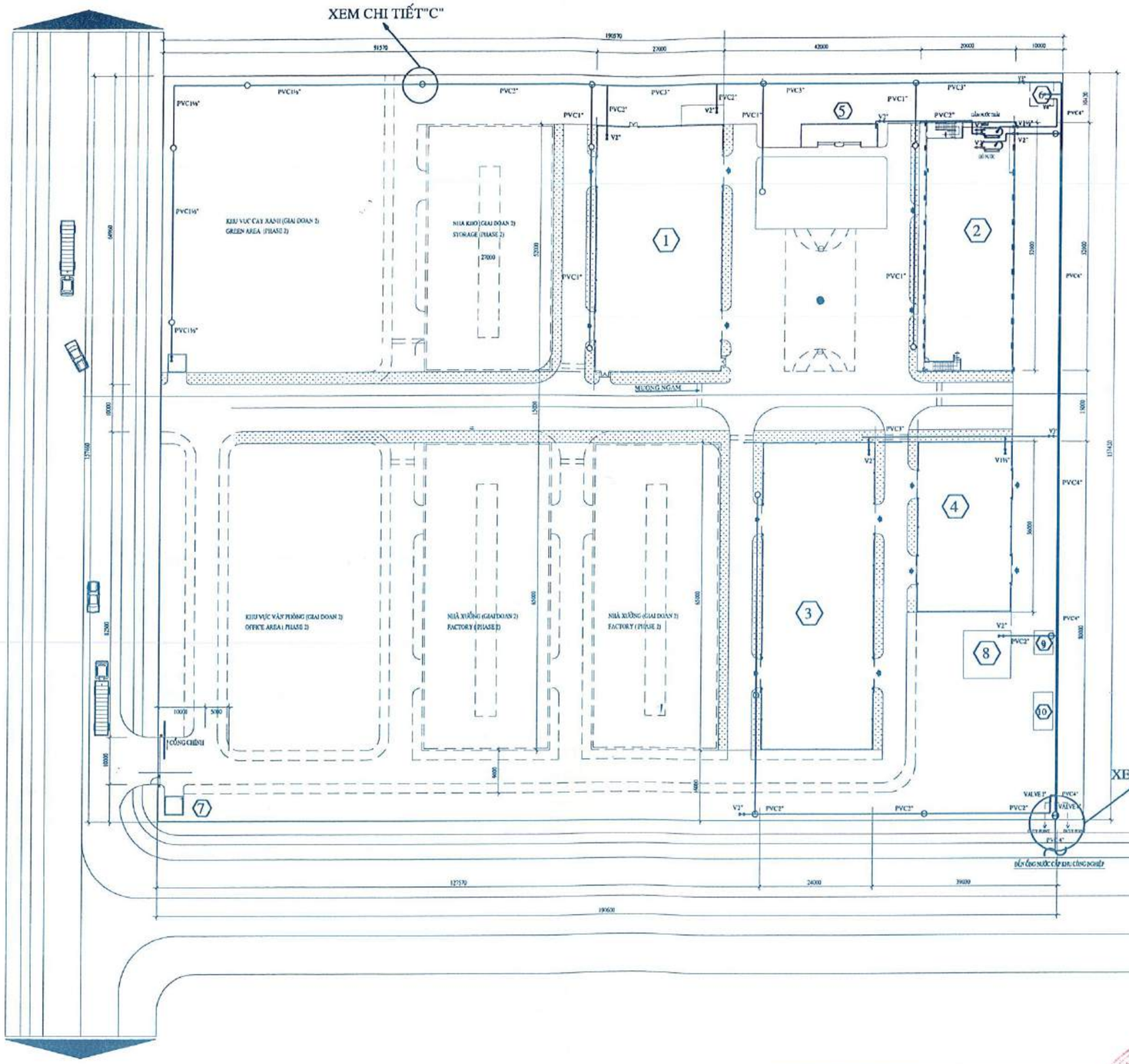

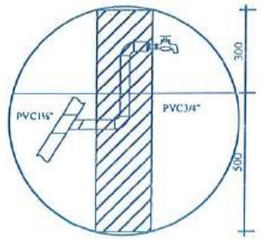

CHI TIẾT"C"

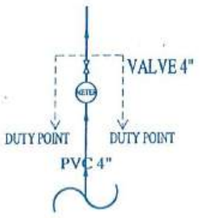

ĐẾN ỐNG NƯỚC CẤP KHU CÔNG NGHIỆP

CHI TIẾT"B"

TỈ LỆ 1:750

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTOR	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ ENGINEERING CONSULTANTS		ĐƠN VỊ THI CÔNG MAIN CONTRACTOR		PROJECT : VP COMPONENTS FACTORY LOCATION : ANJAS INDUSTRIAL (TYPE) DONG NAI PROVINCE		BẢN VẼ HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWING
VP COMPONENTS Co.,LTD	AC SC MINISTRY OF TRADE ARCHITECTS AND CONSTRUCTION SERV.Co. CONSULTANTA DESIGN CONSTRUCTION ENTERPRISE		FULL-POWER ENGINEERING VIETNAM CO., LTD		HỆ THỐNG CẤP NƯỚC TỔNG		E 50
GIÁM ĐỐC DIRECTOR	GIÁM ĐỐC DIRECTOR	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ DESIGN	GIÁM ĐỐC DỰ ÁN PROJECT MANAGER		SITE MANAGER	VẼ DRAWN BY	KIỂM TRA CHECKED
	ENG: NGUYỄN VĂN HƯỜNG	ENG:CHIÊM ĐỨC CHƯƠNG	ENG:NGUYỄN TRÍ DŨNG		ENG:LÊ MINH TÂM	ENG:TRẦN TRỌNG HẢI	ENG:CHIÊM ĐỨC CHƯƠNG

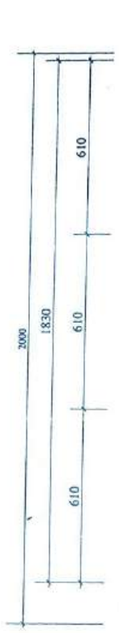

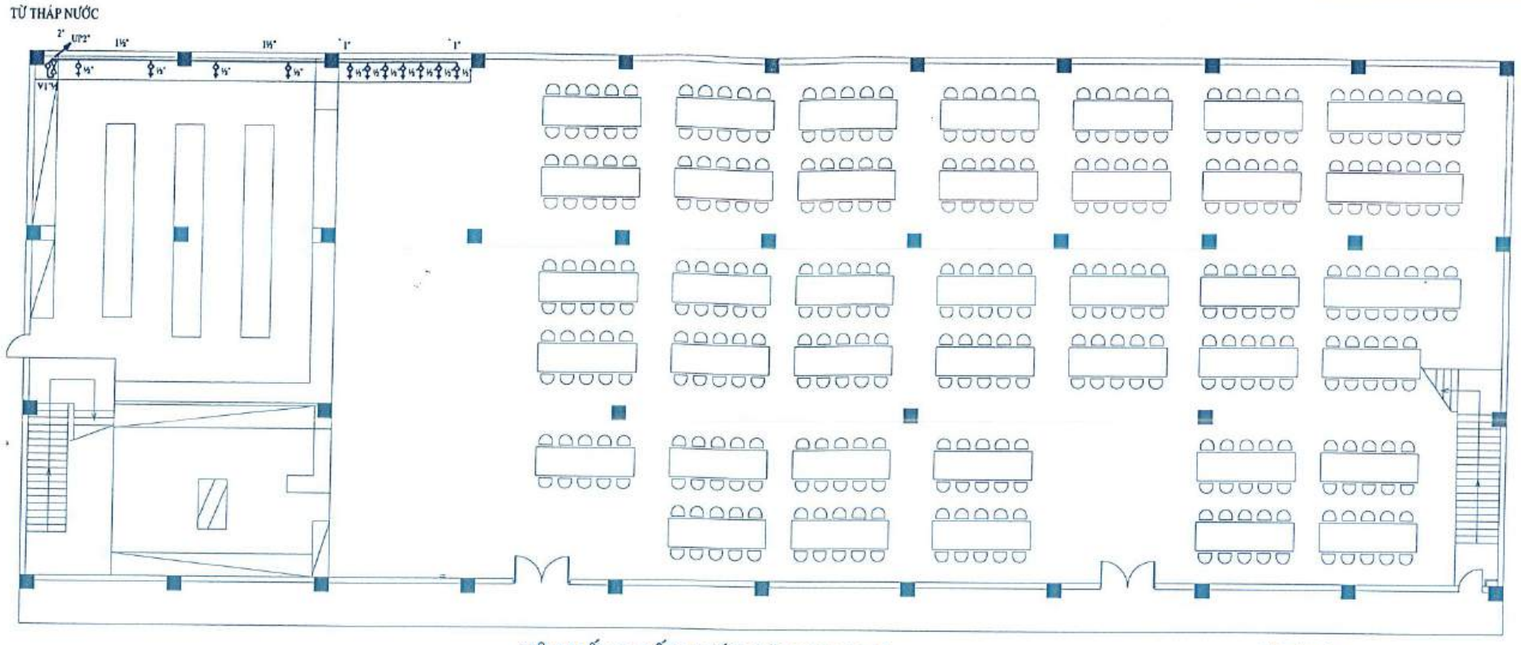

HỆ THỐNG CẤP NƯỚC CĂN TIN (1FL)

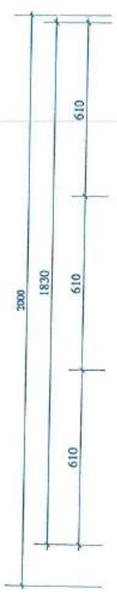

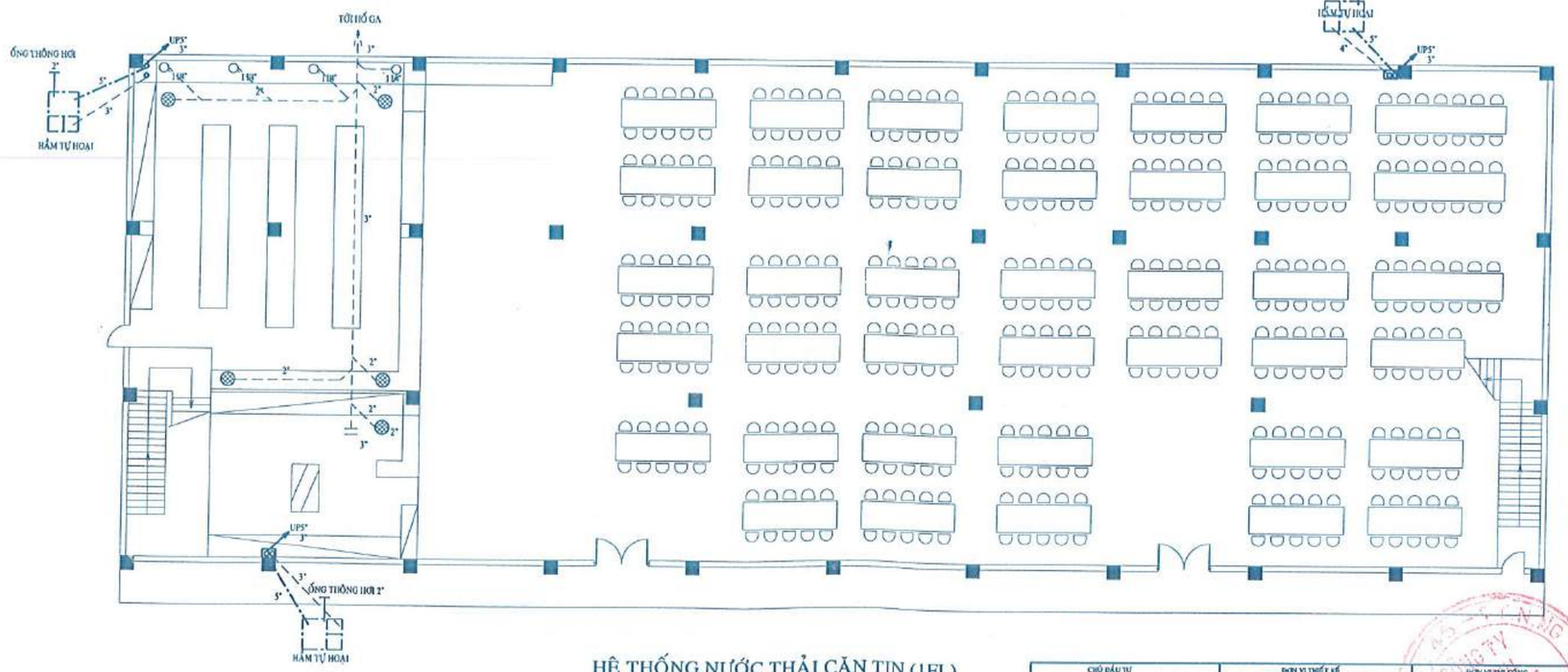

HỆ THỐNG NƯỚC THẢI CĂN TIN (1FL)

ỐNG NƯỚC CẤP
ỐNG NƯỚC NÓNG
ỐNG NƯỚC THẢI
ỐNG PHÂN
MẶT BÍT
ỐNG THÔNG HƠI
MÁY NƯỚC NÓNG
VÒI SEN
THOÁT SÀN
VÒI NƯỚC
VAN

TỈ LỆ 1:100

CHỦ ĐẦU TƯ INVESTOR	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ ENGINEERING CONSULTANTS		ĐƠN VỊ THI CÔNG MAIN CONTRACTOR	PROJECT : VP COMPONENTS FACTORY LOCATION : SHATA INDUSTRIAL, DONG NAI PROVINCE	BẢN VẼ HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWING
VP COMPONENTS Co.,LTD	ACSC MINISTRY OF TRADE ARCHITECTS AND CONSTRUCTION SERV.Co. CONSULTANTA DESIGN CONSTRUCTION ENTERPRISE		FULL-POWER ENGINEERING VIETNAM CO.,LTD.	CẤP THOÁT NƯỚC CĂN TIN	E33
GIÁM ĐỐC DIRECTOR	GIÁM ĐỐC DIRECTOR	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ DESIGN	GIÁM ĐỐC DỰ ÁN PROJECT MANAGER	SITE MANAGER	VẼ DRAWN BY	KIỂM TRA CHECKED
	ENG. NGUYỄN VĂN HƯỜNG	ENG.LÊ MINH CHƯƠNG	ENG.NGUYỄN VĂN ĐỒNG	ENG.LÊ MINH TÂM	ENG.TRẦN TRỌNG HẢI	ENG.ĐIỂM ĐỨC CHƯƠNG

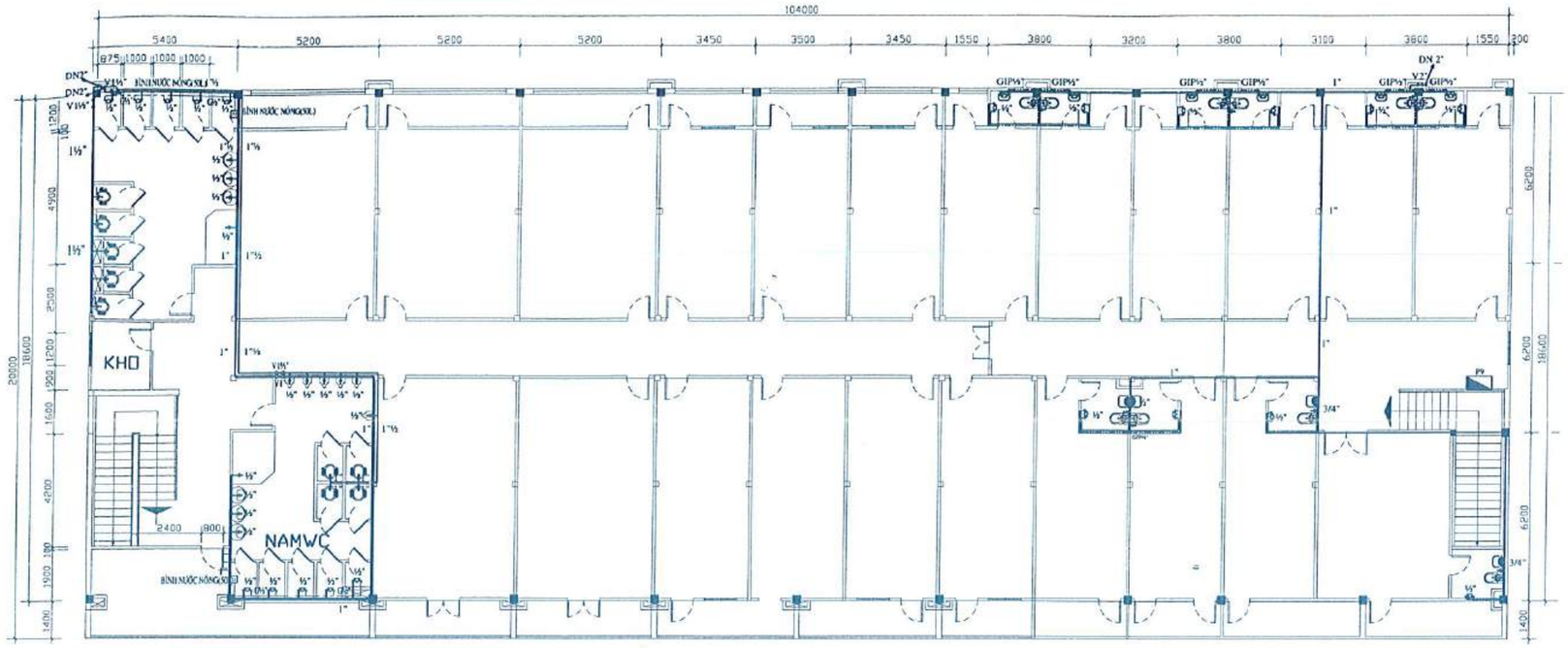

CẤP NƯỚC CHO NHÀ NGHỈ (2FL)

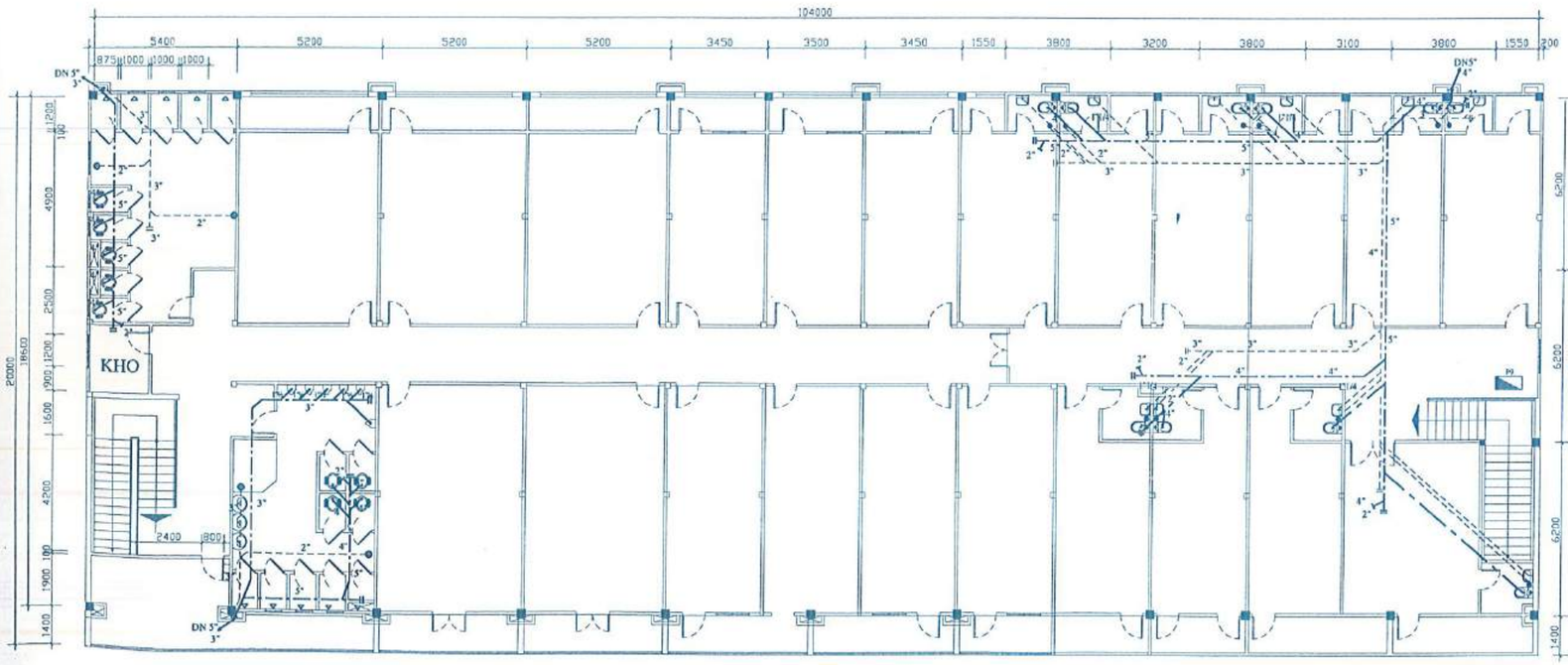

THOÁT NƯỚC CHO NHÀ NGHỈ (2FL)

TỈ LỆ 1:150

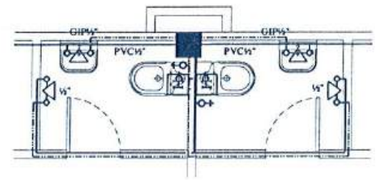

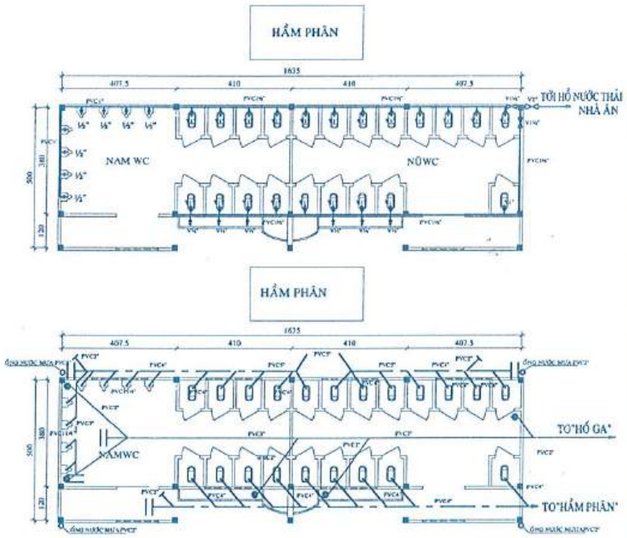

NHÀ VỆ SINH NGOÀI

- ỐNG NƯỚC CẤP
- ỐNG NƯỚC NÓNG
- ỐNG NƯỚC THẢI
- ỐNG PHÂN
- THÔNG NGHẸT
- ỐNG THÔNG HƠI
- MÁY NƯỚC NÓNG
- VÒI SEN
- THOÁT SÀN
- VÒI NƯỚC
- VANKHOÁ

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ / ENGINEERING CONSULTANTS	ĐƠN VỊ THI CÔNG / MAIN CONTRACTOR	PROJECT : VP COMPONENTS FACTORY LOCATION : AMATA INDUSTRIAL ZONE DONG NAI PROVINCE	BẢN VẼ HOÀN CÔNG / AS BUILT DRAWING
VP COMPONENTS Co.,LTD	ACSC MINISTRY OF TRADE ARCHITECTS AND CONSTRUCTION SERV.Co. CONSULTANTS & DESIGN CONSTRUCTION ENTERPRISE	FULL-POWER ENGINEERING VIETNAM CO.,LTD	HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC NHÀ NGHỈ	E
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR	GIÁM ĐỐC / DIRECTOR — CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / DESIGN	GIÁM ĐỐC DỰ ÁN / PROJECT MANAGER	SITE MANAGER — VẼ / DRAWN BY — KIỂM TRA / CHECKED	
	ENG. NGUYỄN VĂN HƯỜNG — ENG. CHIÊM KH CHƯƠNG	ENG. NGUYỄN TRÍ DŨNG	ENG. LÊ NINH TÂM — ENG. THÂN TRỌNG HẢI — ENG. CHIÊM KH CHƯƠNG	

BẢN VẼ ĐẤU NỐI HẠ TẦNG

CÔNG TRÌNH : CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

HẠNG MỤC : ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT

ĐỊA ĐIỂM : LÔ 104/2-1, KCN AMATA, P. LONG BÌNH, TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN ĐỊNH

NĂM 2024

BẢN VẼ ĐẤU NỐI HẠ TẦNG

CÔNG TRÌNH : CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

HẠNG MỤC : ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT

ĐỊA ĐIỂM : LÔ 104/2-1, KCN AMATA, P. LONG BÌNH, TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN ĐỊNH

CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN ĐỊNH
HO CHIN CHIH	Đặng Ngọc Tuấn

NĂM 2024

DANH MỤC BẢN VẼ

STT	HẠNG MỤC	TÊN BẢN VẼ	KÝ HIỆU
1	TỔNG THỂ	MẶT BẰNG TỔNG THỂ	TT-01
2	TỔNG THỂ	MẶT BẰNG MÁI TỔNG THỂ	TT-02
3	TỔNG THỂ	MẶT BẰNG CAO ĐỘ HIỆN TRẠNG TỔNG THỂ	TT-03
4	TỔNG THỂ	MẶT BẰNG HÀNG RÀO TỔNG THỂ	TT-04
5	TỔNG THỂ	MẶT ĐỨNG ĐIỂN HÌNH HÀNG RÀO	TT-05
6	TỔNG THỂ	CHI TIẾT MÓNG, CỘT HÀNG RÀO ĐỐI DIỆN ĐƯỜNG	TT-06
7	TỔNG THỂ	CHI TIẾT MÓNG, CỘT HÀNG RÀO GIỮA 2 NHÀ MÁY	TT-07
8	ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT	MẶT BẰNG CỐNG DI DỜI MỚI	DNHT-01
9	ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT	MẶT BẰNG CỐNG DI DỜI MỚI	DNHT-02
10	ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT	CHI TIẾT CỐNG ĐẤU NỐI	DNHT-03
11	ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT	MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN TỔNG THỂ	DNHT-04
12	ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT	MẶT BẰNG CẤP NƯỚC TỔNG THỂ	DNHT-05
13	ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT	ĐẤU NỐI NƯỚC CẤP ĐẶC TRƯNG	DNHT-06
14	ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT	MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA TỔNG THỂ	DNHT-07
15	ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT	CHI TIẾT HỐ GA THOÁT NƯỚC MƯA NẰM TRONG BỐ VỈA ĐƯỜNG	DNHT-08
16	ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT	CHI TIẾT HỐ GA THOÁT NƯỚC MƯA NẰM NGOÀI ĐƯỜNG	DNHT-09
17	ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT	CHI TIẾT ĐIỂM ĐẤU NỐI THOÁT NƯỚC MƯA SỐ 1	DNHT-10
18	ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT	CHI TIẾT ĐIỂM ĐẤU NỐI THOÁT NƯỚC MƯA SỐ 2	DNHT-11
19	ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT	MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI TỔNG THỂ	DNHT-12
20	ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT	CHI TIẾT HỐ GA THOÁT NƯỚC THẢI	DNHT-13
21	ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT	CHI TIẾT ĐIỂM ĐẤU NỐI THOÁT NƯỚC THẢI SỐ 1	DNHT-14
22	ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT	CHI TIẾT ĐIỂM ĐẤU NỐI THOÁT NƯỚC THẢI SỐ 2	DNHT-15
23	NHÀ XƯỞNG 1	MẶT BẰNG TẦNG TRỆT	NX1-01
24	NHÀ XƯỞNG 1	MẶT BẰNG MÁI	NX1-02
25	NHÀ XƯỞNG 1	MẶT ĐỨNG	NX1-03
26	NHÀ XƯỞNG 1	MẶT ĐỨNG	NX1-04
27	NHÀ XƯỞNG 2	MẶT BẰNG TẦNG TRỆT	NX2-01
28	NHÀ XƯỞNG 2	MẶT BẰNG MÁI	NX2-02
29	NHÀ XƯỞNG 2	MẶT ĐỨNG	NX2-03
30	NHÀ XƯỞNG 2	MẶT ĐỨNG	NX2-04
31	NHÀ XƯỞNG 3	MẶT BẰNG TẦNG TRỆT	NX3-01
32	NHÀ XƯỞNG 3	MẶT BẰNG MÁI	NX3-02
33	NHÀ XƯỞNG 3	MẶT ĐỨNG	NX3-03
34	NHÀ XƯỞNG 3	MẶT ĐỨNG	NX3-04
35	NHÀ XƯỞNG 4	MẶT BẰNG	NX4-01
36	NHÀ XƯỞNG 4	MẶT ĐỨNG	NX4-02
37	NHÀ ĂN	MẶT BẰNG	NA-01
38	NHÀ ĂN	MẶT ĐỨNG	NA-02
39	NHÀ ĂN	MẶT ĐỨNG	NA-03
40	NHÀ ĂN	MẶT ĐỨNG	NA-04
41	NHÀ VĂN PHÒNG	MẶT BẰNG TẦNG 1	NVP-01
42	NHÀ VĂN PHÒNG	MẶT BẰNG TẦNG 2	NVP-02
43	NHÀ VĂN PHÒNG	MẶT BẰNG TẦNG 3	NVP-03
44	NHÀ VĂN PHÒNG	MẶT BẰNG SÂN THƯỢNG	NVP-04
45	NHÀ VĂN PHÒNG	MẶT BẰNG MÁI	NVP-05
46	NHÀ VĂN PHÒNG	MẶT ĐỨNG	NVP-06
47	NHÀ VĂN PHÒNG	MẶT ĐỨNG	NVP-07
48	NHÀ VĂN PHÒNG	MẶT ĐỨNG	NVP-08
49	NHÀ VĂN PHÒNG	MẶT ĐỨNG	NVP-09

HẠNG MỤC : TỔNG THỂ

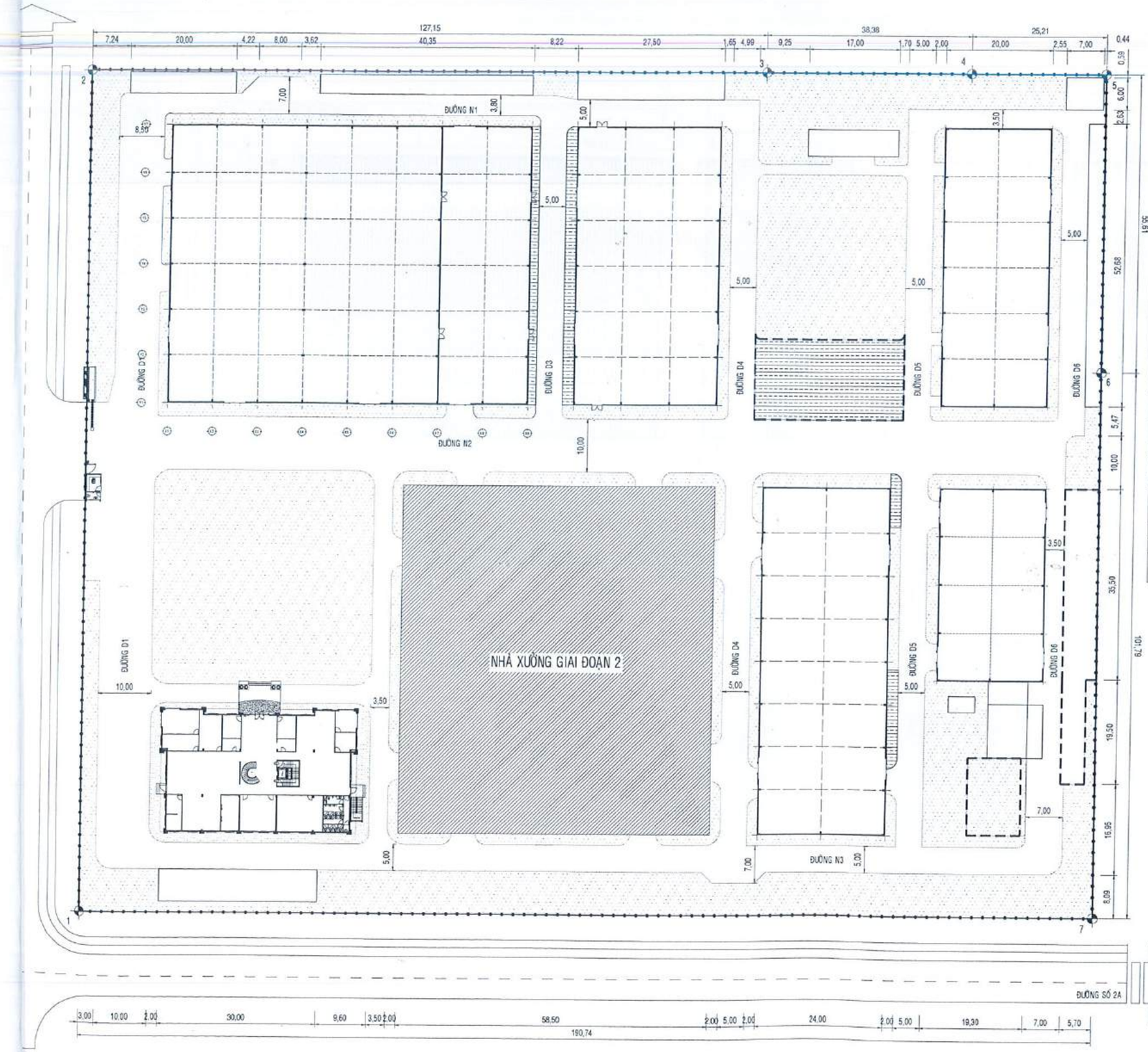

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

BẢNG THỐNG KÊ CHI TIẾT CÁC LÔ ĐẤT

STT	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH XD TỐI ĐA (m²)	DIỆN TÍCH SÀN XD TỐI ĐA (m²)	SỐ TẦNG	CHIỀU CAO (m)	TỈ LỆ (%)	GHI CHÚ
A	XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH		14.457,45	49.334,45	3	<30	48,18	
I	Công trình nhà xưởng, kho hàng	CN	11.037,50	33.112,50	3	<30	36,78	
1	Nhà Xưởng 1	CN1	3.536,00	10.608,00	3	<30		
2	Nhà Xưởng 2	CN2	1.404,00	4.212,00				
3	Nhà Xưởng 3	CN3	1.560,00	4.680,00				
4	Nhà Xưởng 4	CN4	720,00	2.160,00				
5	Nhà Xưởng 5	CN5	3.802,50	11.407,50				
6	Kho	CN6	15,00	45,00				
II	Công trình hành chính - phụ trợ	HC	2.452,32	6.254,32	3	<30	9,17	
1	Nhà ăn	HC1	1.040,00	3.120,00	3	<30		
2	Nhà Bảo vệ	HC2	22,20	22,20	1	<6		
3	Nhà vệ sinh	HC3	85,00	85,00	1	<6		
4	Văn phòng	HC4	861,00	2.583,00	3	<30		
5	Trạm khiom	HC5	28,12	28,12	1	<6		
6	Bảo vệ 1	HC6	156,00	156,00	1	<6		
7	Bảo vệ 2	HC7	80,00	80,00	1	<6		
8	Bảo vệ 3	HC8	180,00	180,00	1	<6		
III	Hạ tầng kỹ thuật	KT	967,63	967,63	1	<6	3,22	
1	Bể nước	KT1	147,73	147,73	1			
2	Nhà bơm PCCC	KT2	77,36	77,36	1			
3	Bể nước ngầm	KT3	100,00	100,00	1			
4	Kho lưu trữ chất thải 1	KT4	140,25	140,25	1	<6		
5	Khu xử lý môi trường	KT5	145,60	145,60	1			
6	HTKT - khác	KT6	314,95	314,95	1			
7	Kho lưu trữ chất thải 2	KT4	42,00	42,00	1			
B	CÂY XANH	CX	7.509,69	-	-		25,03	
C	GIAO THÔNG SÂN BÃI	GT	8.035,95				26,79	
	TỔNG CỘNG (A+B+C)		30.000,00	-			100,00	

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ: 11A0 / TỔ 11, KP1, P. TÂN HIỆP, TP BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 082
Email: Congtyanginh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

TỔNG THỂ

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

DOCUMENT N° : 241031	DRAWING N°
TL:1/100	TT-01

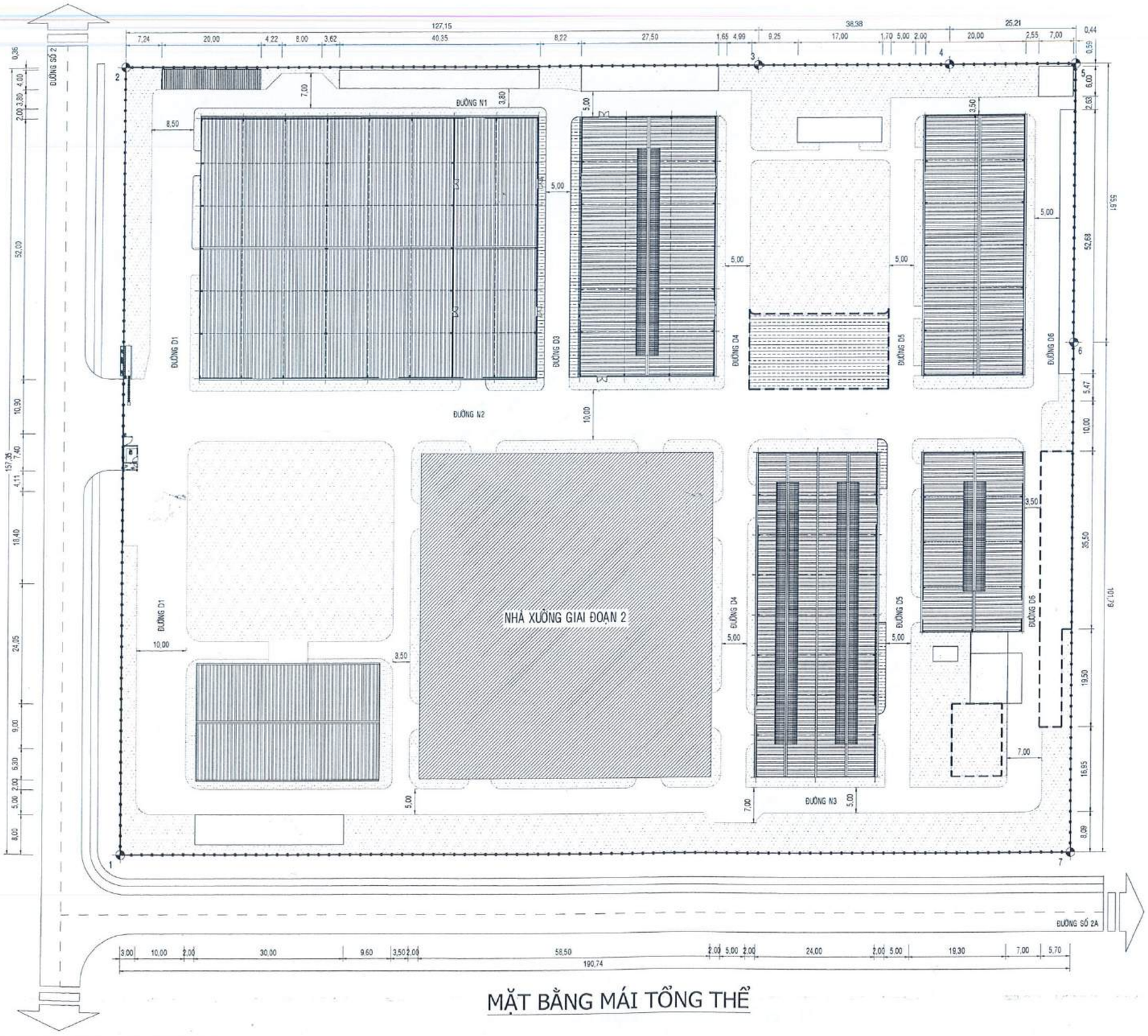

MẶT BẰNG MÁI TỔNG THỂ

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-3, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ: 1140 TỔ 11, KP1, P. TÂN HIỆP, TP BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 741 662
Email: Congtyanginh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-3, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

TỔNG THỂ

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

MẶT BẰNG MÁI TỔNG THỂ

DOCUMENT N° : 241031	DRAWING N°
TL:1/100	TT-02

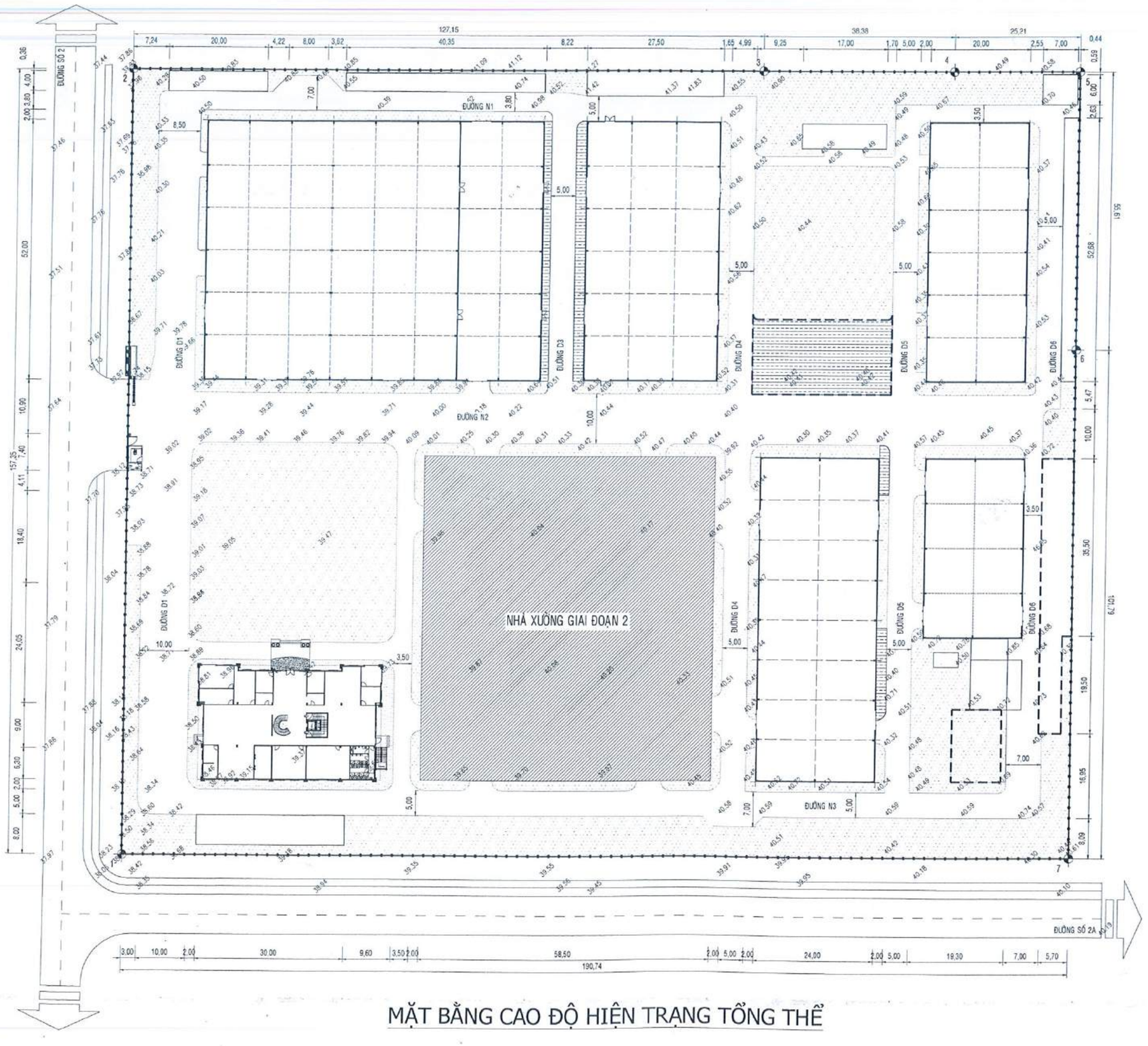

MẶT BẰNG CAO ĐỘ HIỆN TRẠNG TỔNG THỂ

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 101/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ : 11/43, TỔ 11, KP1, P. TÂN HIỆP, TP BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 082
Email: Congtyxaydinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 101/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

TỔNG THỂ

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

MẶT BẰNG CAO ĐỘ HIỆN TRẠNG TỔNG THỂ

DOCUMENT N° :241031	DRAWING N°
TL:1/100	TT-03

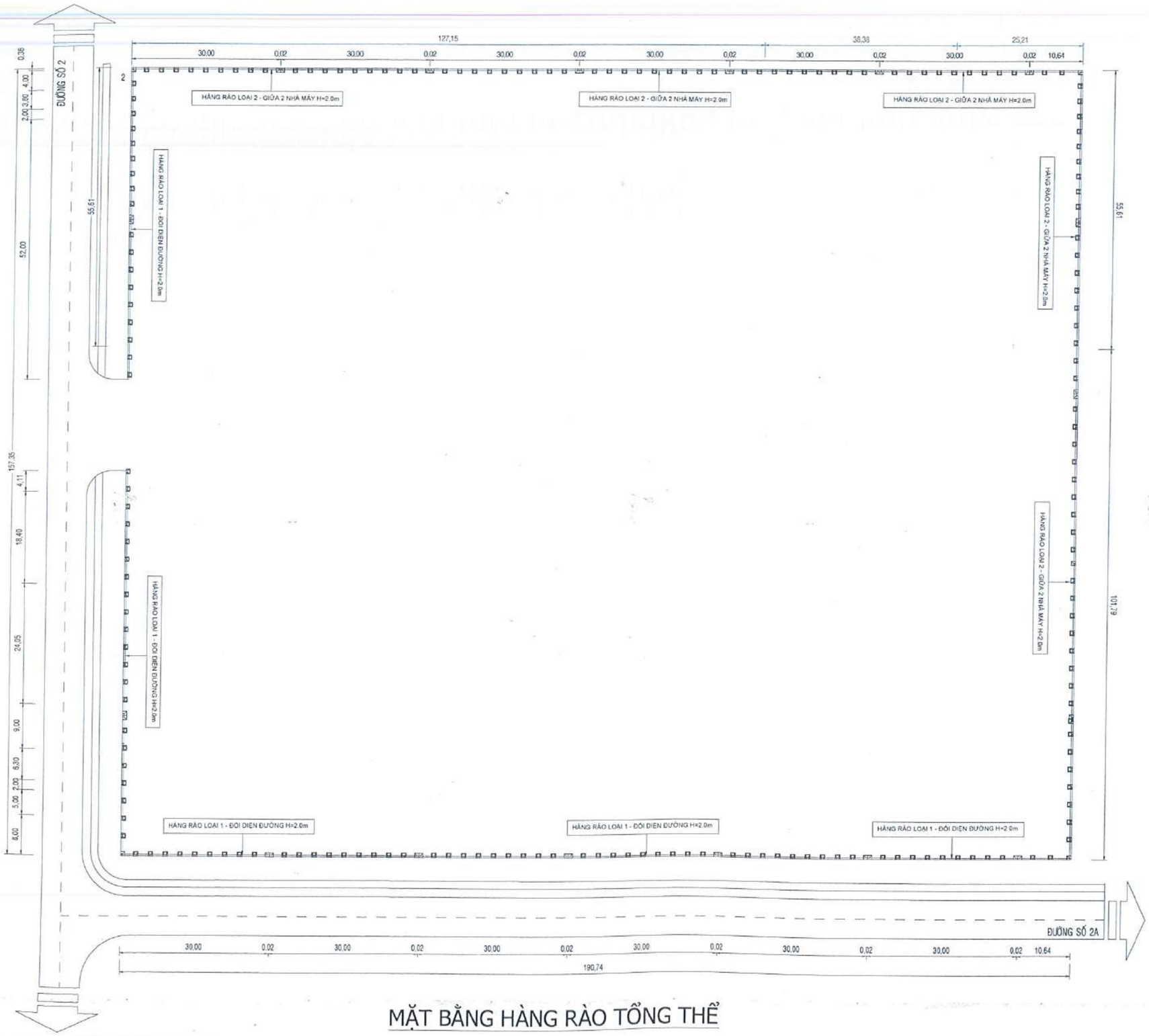

MẶT BẰNG HÀNG RÀO TỔNG THỂ

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ: 11/40, Tổ 11, KP1, P. TÂN HIỆP, TP BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 882
Email: Congtyanginh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

TỔNG THỂ

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

MẶT BẰNG HÀNG RÀO TỔNG THỂ

DOCUMENT N° : 241031	DRAWING N°
TL:1/100	TT-04

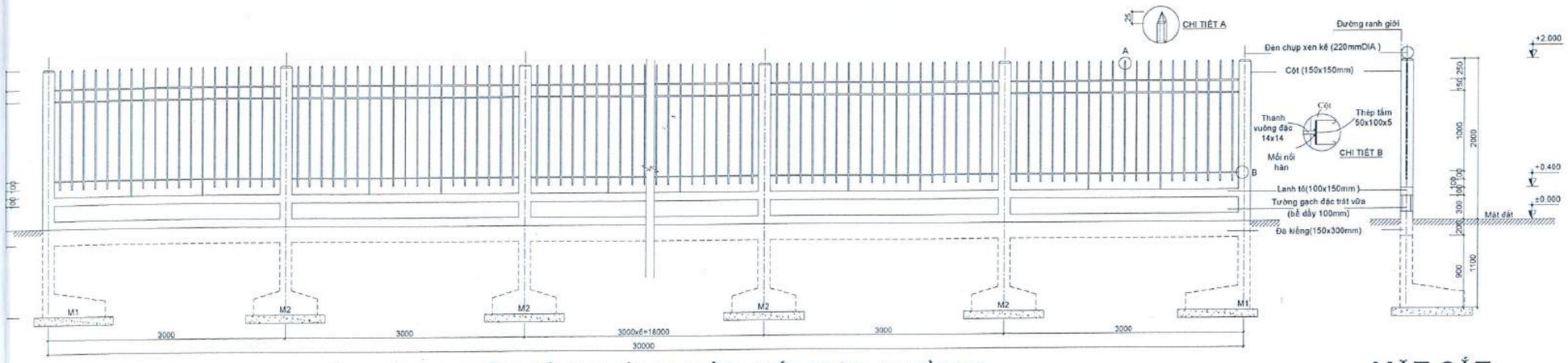

MẶT ĐỨNG ĐIỂN HÌNH HÀNG RÀO ĐỐI DIỆN ĐƯỜNG

MẶT CẮT

GHI CHÚ
- Thanh vuông : sơn dầu màu xanh đậm
- Cột trụ và tường: sơn nước màu trắng
- Đèn chụp : màu trắng, ánh sáng vàng

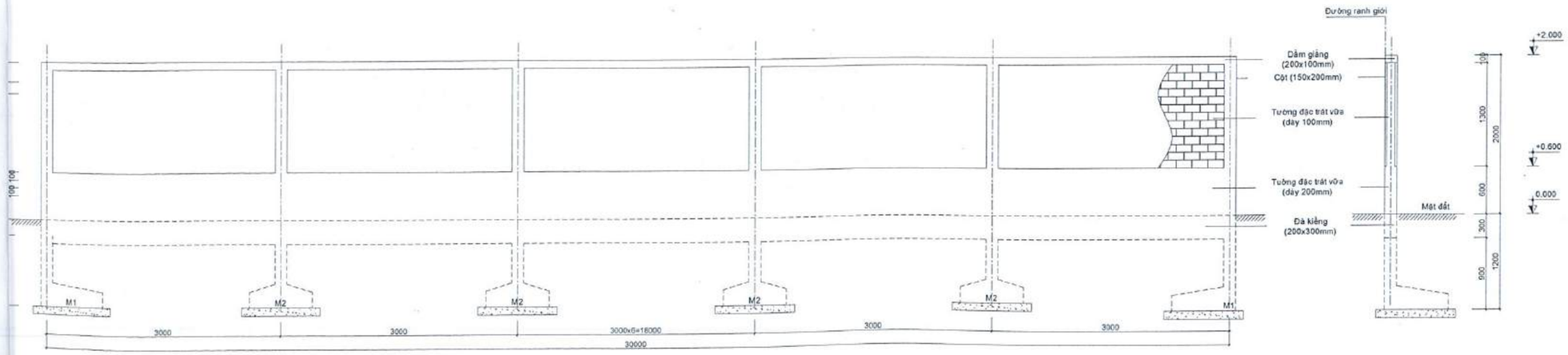

MẶT ĐỨNG ĐIỂN HÌNH HÀNG RÀO GIỮA 2 NHÀ MÁY

MẶT CẮT

GHI CHÚ
Trụ và tường: sơn nước màu trắng

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
AN ĐỊNH
AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ : 19/8D, TỔ 11, KP1 , P. TÂN HIỆP , TP BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 062
Email: Conglyaodinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC
ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ
Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU
Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC
Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN
Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH
CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM
TỔNG THỂ

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE
MẶT ĐỨNG ĐIỂN HÌNH HÀNG RÀO

DOCUMENT Nº :241031	DRAWING Nº
TL:1/100	TT-05

MẶT CẮT A-A

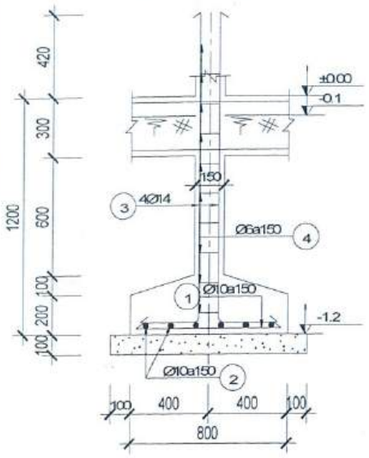

MẶT CẮT B-B

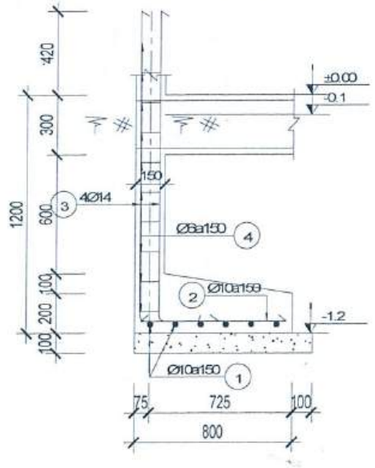

MẶT CẮT A-A

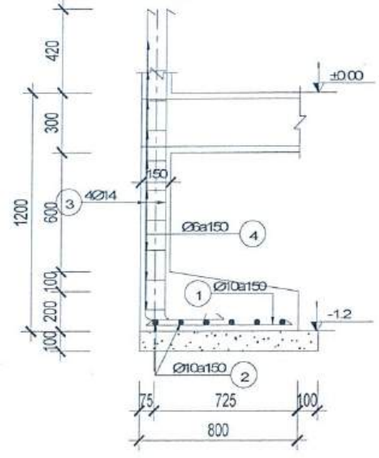

MẶT CẮT B-B

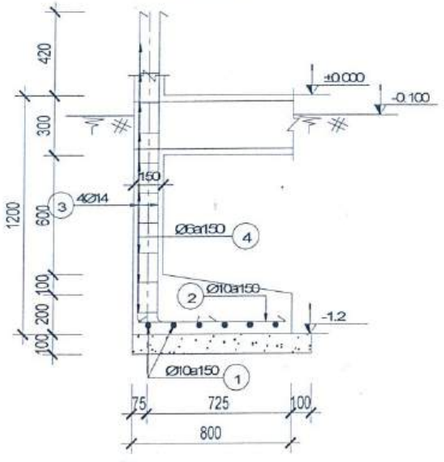

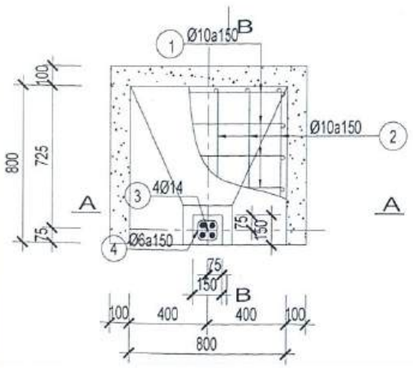

MẶT BẰNG MÓNG M1

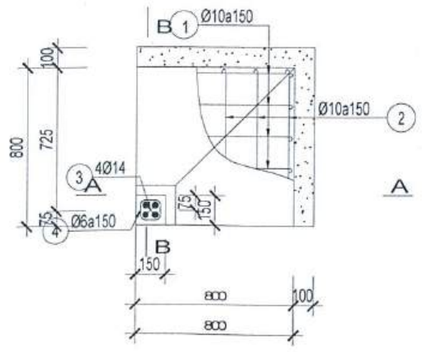

MẶT BẰNG MÓNG M2

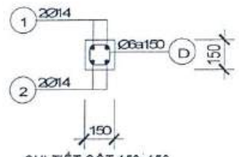

CHI TIẾT CỘT 150x150

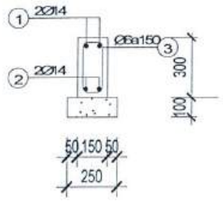

ĐK 150x300

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ: 1140 (Tổ 11 KP 1, P. TÂN HIỆP, TP BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 082
Email: Congtyandinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

TỔNG THỂ

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

CHI TIẾT MÓNG, CỘT HÀNG RÀO ĐỐI DIỆN ĐƯỜNG

DOCUMENT N° :241031	DRAWING N°
TL:1/100	TT-06

MẶT CẮT A-A

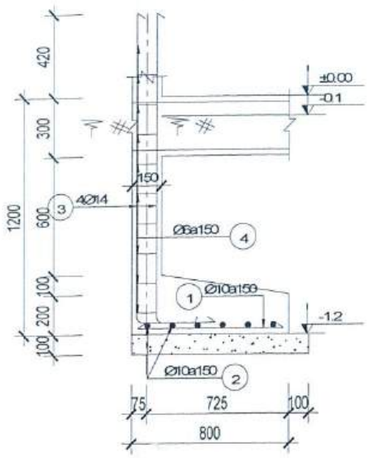

MẶT CẮT B-B

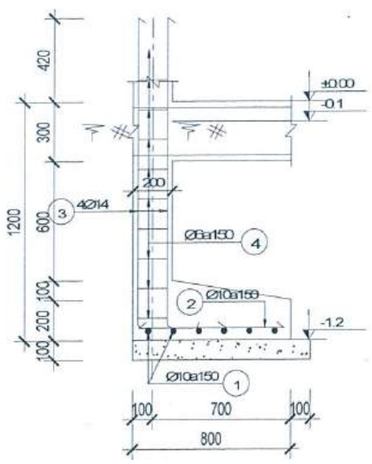

MẶT CẮT A-A

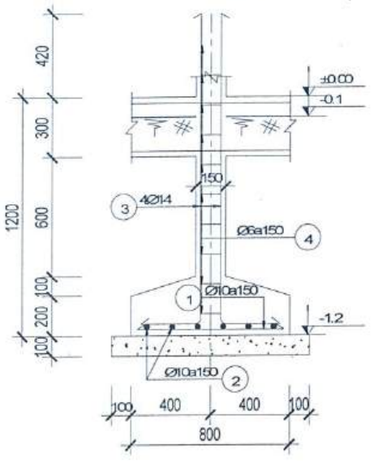

MẶT CẮT B-B

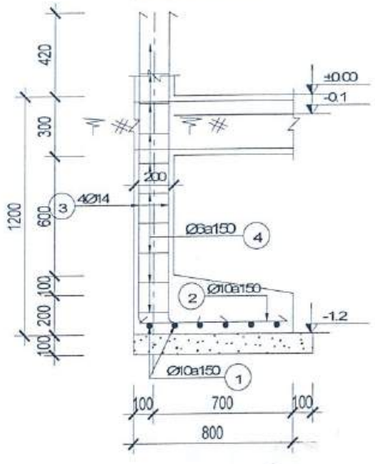

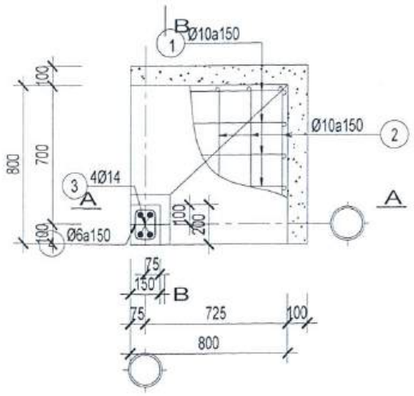

MẶT BẰNG MÓNG MĐ1 (SL: 1)

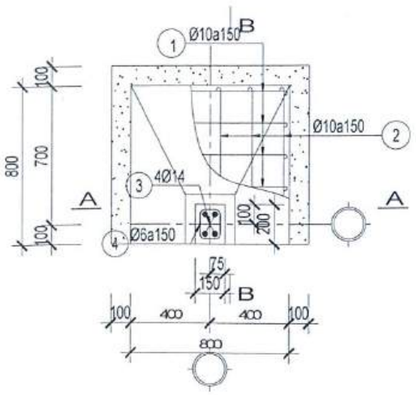

MẶT BẰNG MÓNG MĐ1 (SL: 1)

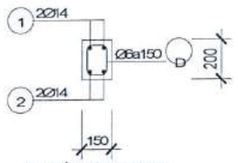

CHI TIẾT CỘT 150x150

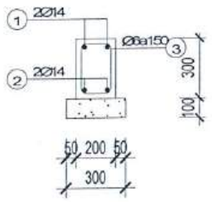

ĐK 150x300

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ : 11/42, TỔ 11, KP1, P. TÂN HIỆP, TP BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 022
Email: Congtyandinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

KIs.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

TỔNG THỂ

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

CHI TIẾT MÓNG, CỘT HÀNG RÀO GIỮA 2 NHÀ MÁY

DOCUMENT N° :241031	DRAWING N°
TL:1/100	TT-07

HẠNG MỤC : HẠ TẦNG ĐẤU NỐI

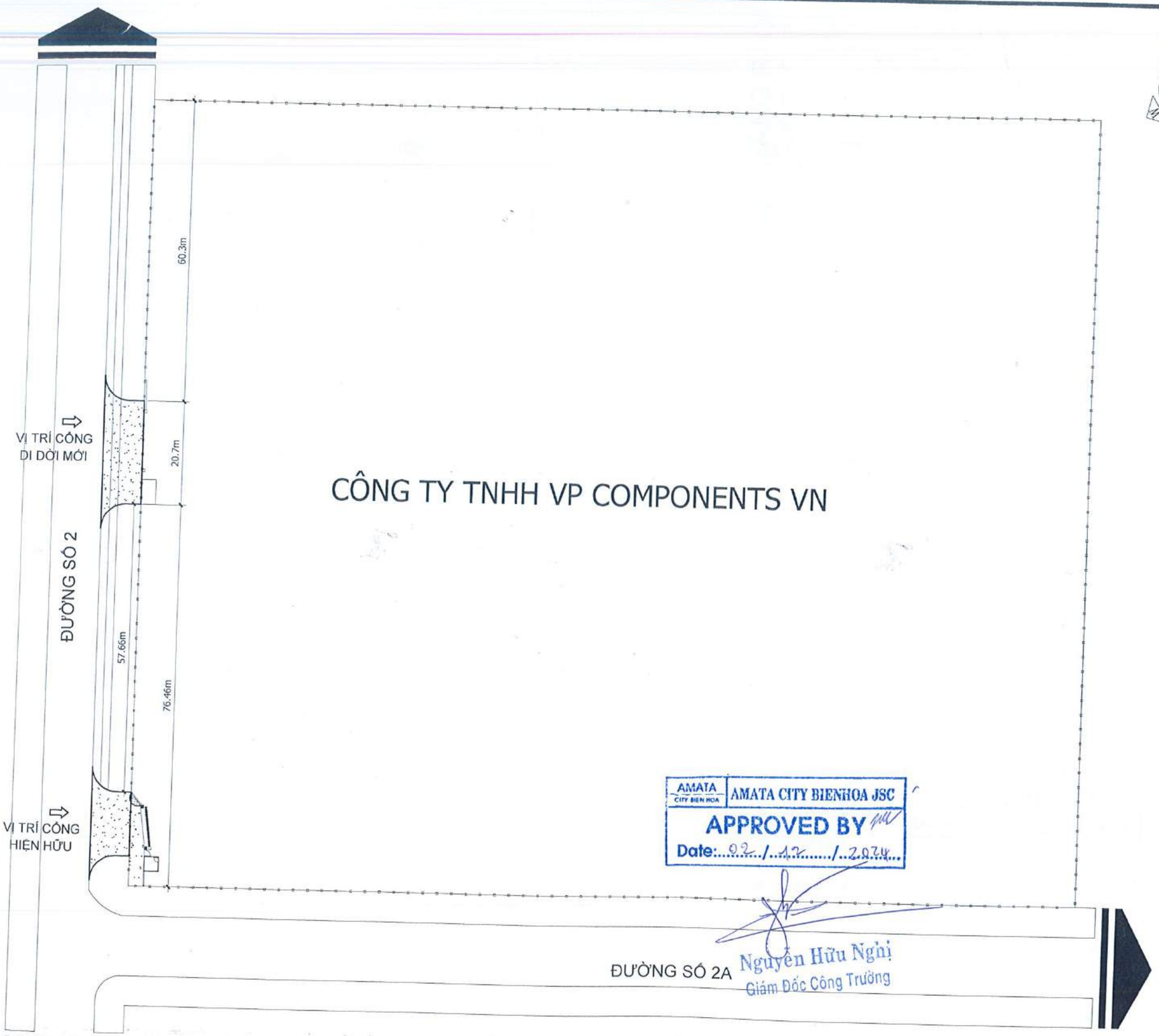

MẶT BẰNG CỔNG DI DỜI MỚI

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P.LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ: 1140 Tổ 11, KP1, P. TÂN HIỆP, TP BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 082
Email: Congtyandinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

MẶT BẰNG CỔNG DI DỜI MỚI

DOCUMENT N° :241031	DRAWING N°
TL:1/100	DNHT-01

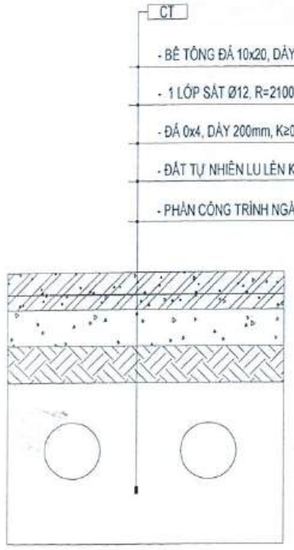

MẶT CẮT CẤU TẠO CỐNG

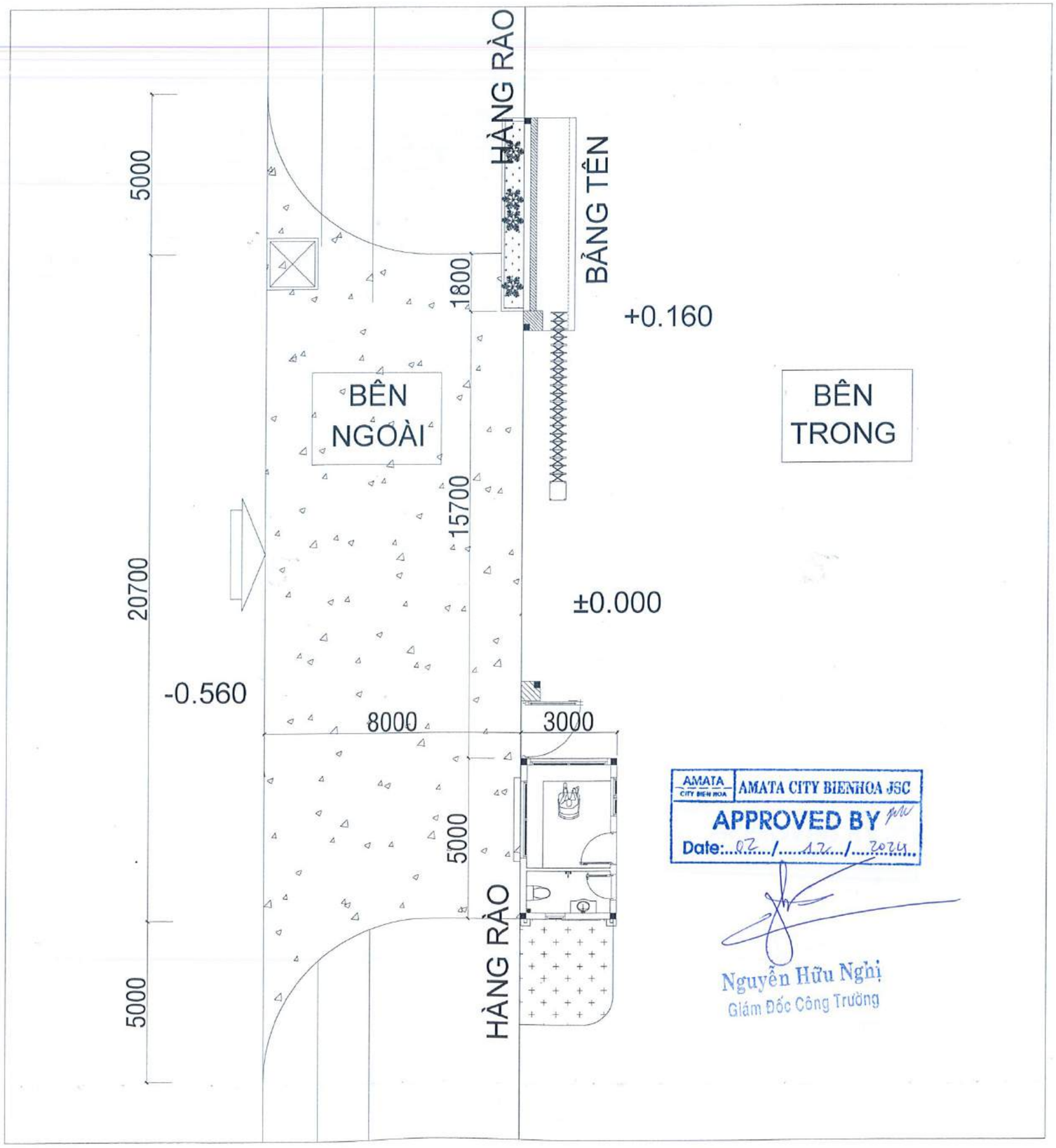

AMATA CITY BIEN HOA | AMATA CITY BIENHOA JSC
APPROVED BY
Date: 07 / 12 / 2024

Nguyễn Hữu Nghị
Giám Đốc Công Trường

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
AN ĐỊNH
AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ: 1140, TỔ 11, KP 1, P. TÂN HIỆP, TP BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 888
Email: Congtyandinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH
CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM
ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE
MẶT BẰNG CỐNG DI DỜI MỚI

DOCUMENT N° : 241031	DRAWING N°
TL:1/100	DNHT-02

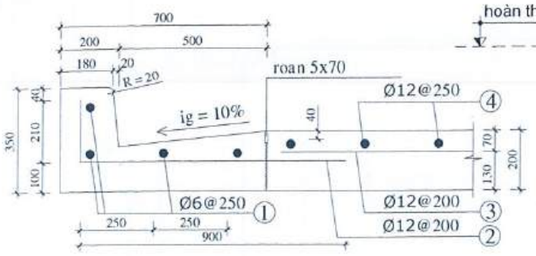

A-A (TL: 1/20)

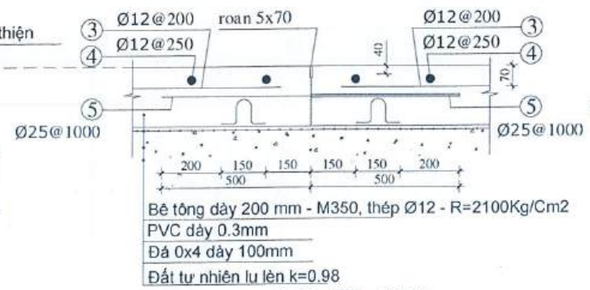

B-B (TL: 1/20)

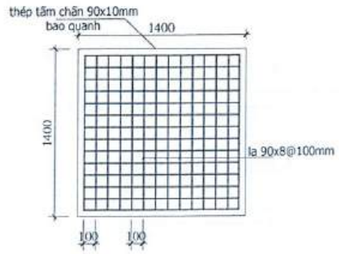

NẮP ĐAN SẮT CẢI TẠO

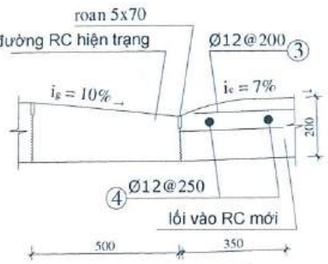

C-C (TL: 1/20)

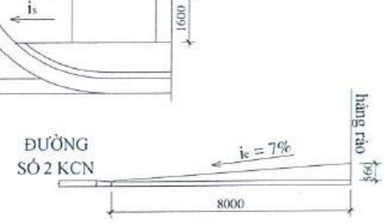

1-1 (TL: 1/100)

BẢN VẼ CỔNG ĐẤU NỐI MỚI

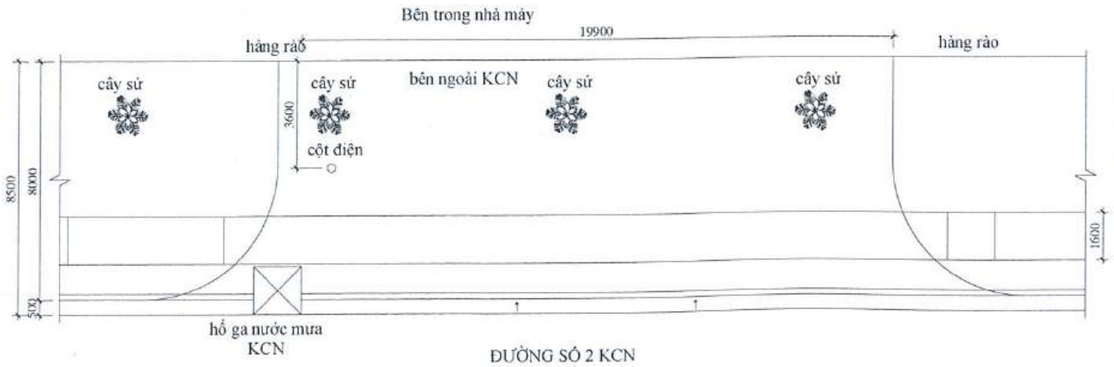

AMATA CITY BIENHOA JSC
APPROVED BY
Date: 02/12/2024

Nguyễn Hữu Nghị
Giám Đốc Công Trường

BẢN VẼ HIỆN TRẠNG

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HỒ CHÍN CHÍNH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ : 11/40, Tổ 11 , KP1 , P. TÂN HIỆP , TP BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 882
Email: Congtyandinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

CHI TIẾT CỔNG ĐẤU NỐI

DOCUMENT N° : 241031	DRAWING N°
TL:1/100	DNHT-03

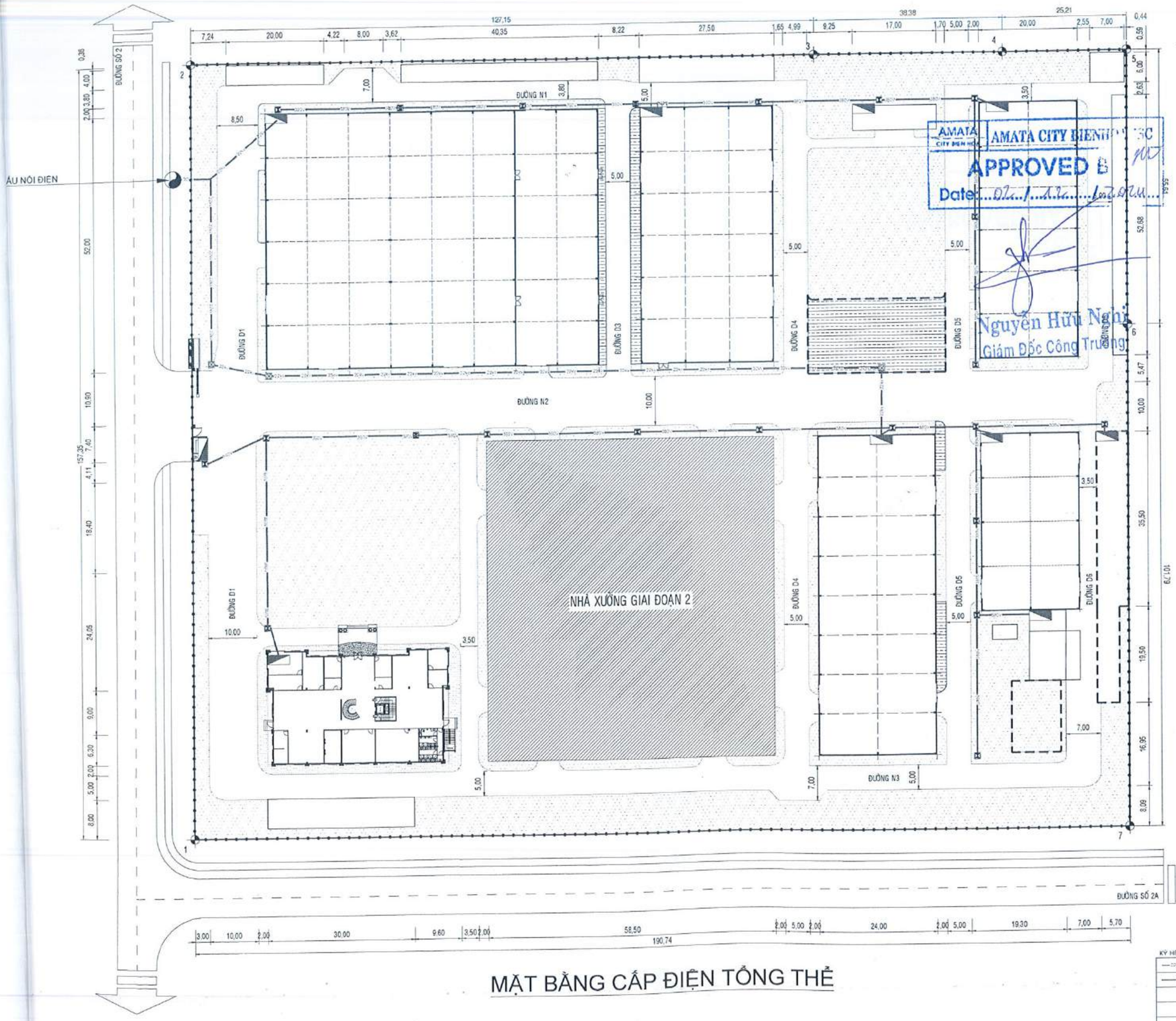

MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN TỔNG THỂ

KÝ HIỆU HỆ THỐNG ĐIỆN

	TUYẾN CÁP ĐIỆN TRUNG THẾ 22KV
	TUYẾN ĐƯỜNG DÂY HẠ THẾ
	HỐ GA ĐIỆN TRUNG THẾ -22kV
	HỐ GA ĐIỆN HẠ THẾ -380/220V
	TRỤ ĐIỆN TRUNG THẾ
	SỨ ĐIỆN

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ: 11/40, 10, KP4, P. TÂN HIỆP, TP BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 082
Email: Congtyanminh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kls.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN TỔNG THỂ

DOCUMENT N° : 241031	DRAWING N°
TL:1/100	DNHT-04

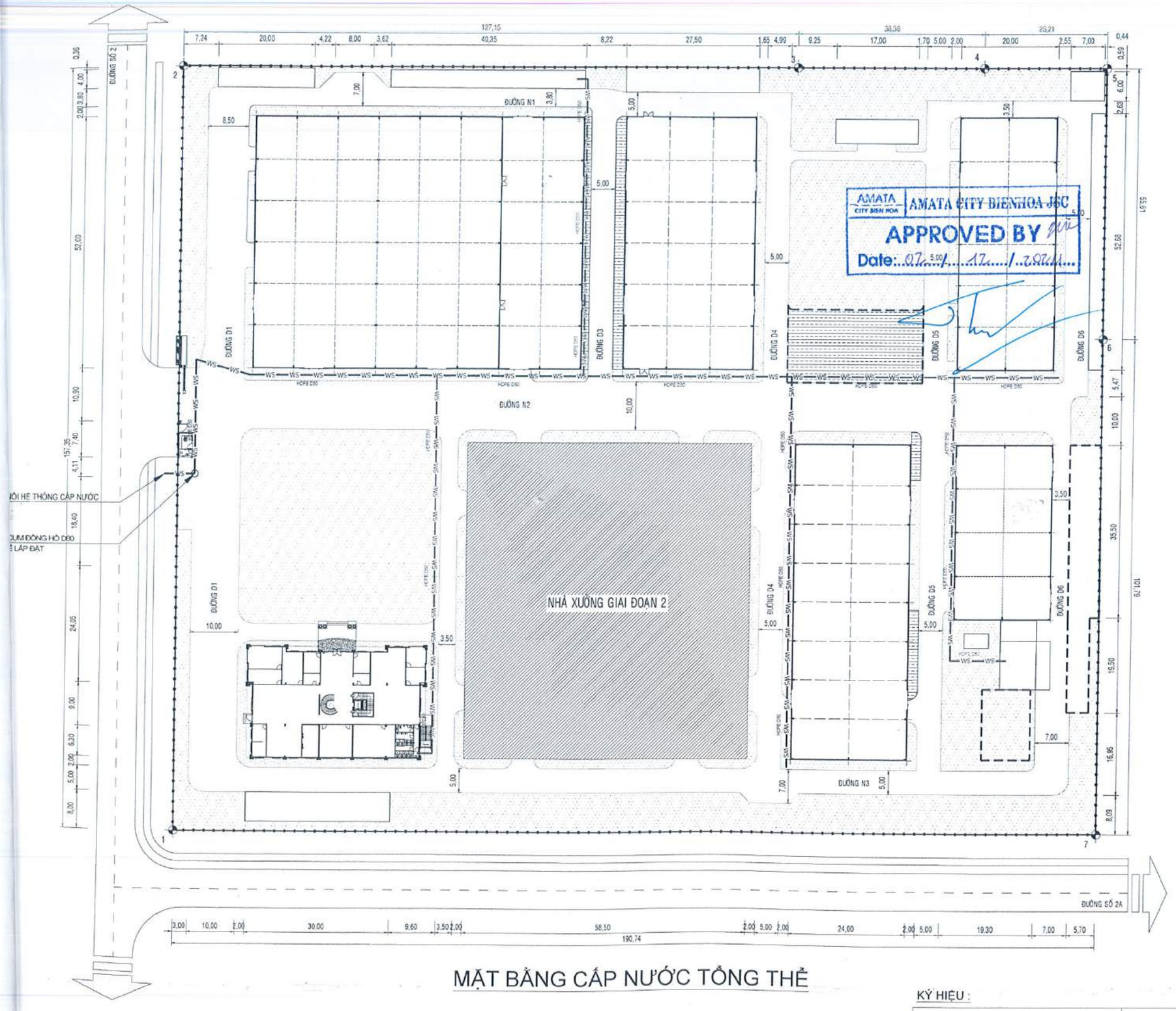

MẶT BẰNG CẤP NƯỚC TỔNG THỂ

KÝ HIỆU :

ĐƯỜNG CẤP NƯỚC SẠCH ỐNG HDPE D50 HIỆN HỮU	WS WS WS WS WS WS WS
ĐƯỜNG CẤP NƯỚC SẠCH ỐNG HDPE D50 GIAI ĐOẠN 2	WS WS WS WS WS WS WS

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ : 11/40, tổ 1Y, KP1, P. Văn Hiệp, TP. Biên Hòa, ĐN
Tel: 0944 744 082
Email: Congtyxaydungandinh@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

MẶT BẰNG CẤP NƯỚC TỔNG THỂ

DOCUMENT N° :241031	DRAWING N°
TL:1/100	DNHT-05

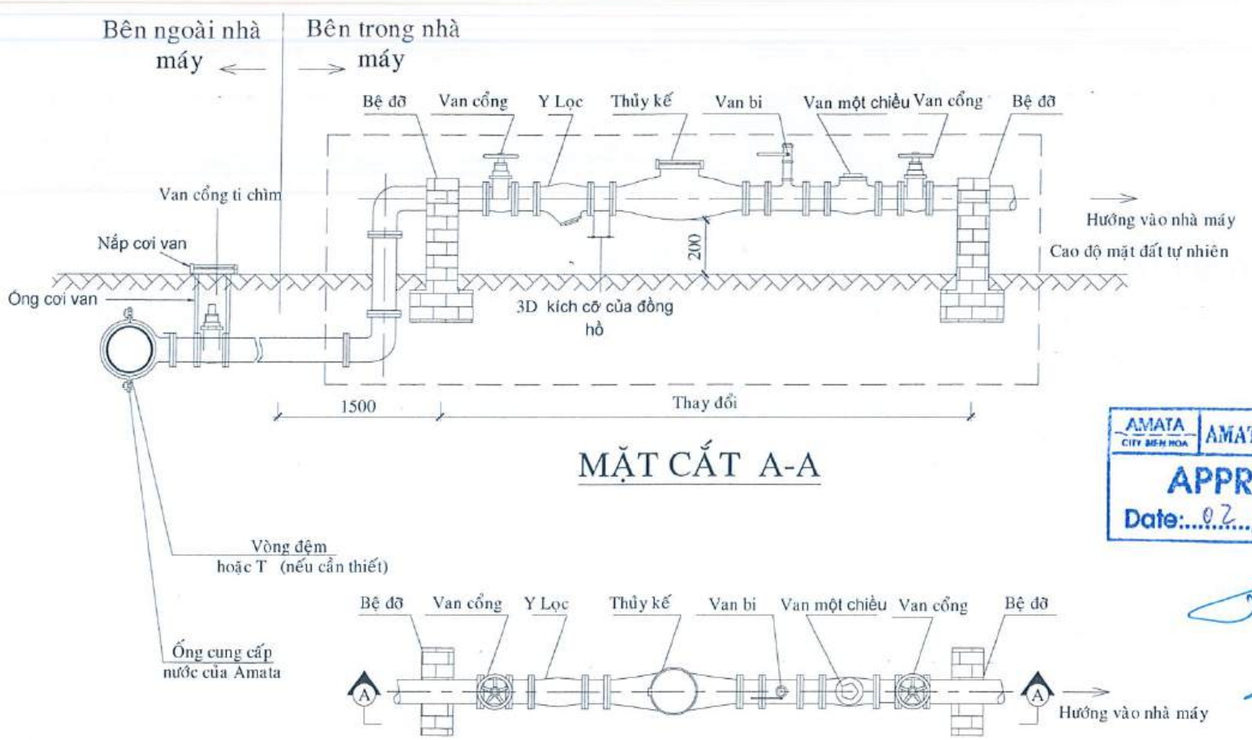

MẶT CẮT A-A

ĐẤU NỐI NƯỚC CẤP ĐẶC TRƯNG

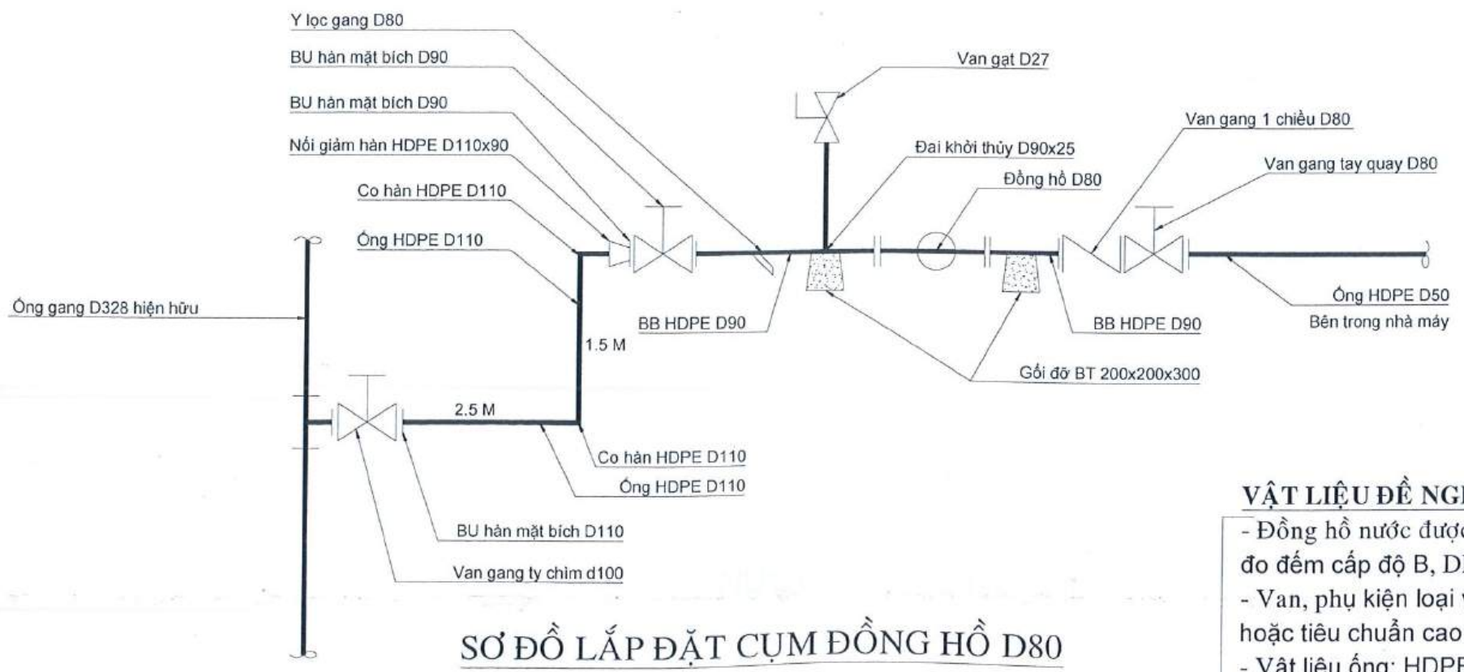

SƠ ĐỒ LẮP ĐẶT CỤM ĐỒNG HỒ D80

VẬT LIỆU ĐỀ NGHỊ

- Đồng hồ nước được sản xuất bởi Sensus, Đức, đo đếm cấp độ B, DN>100 sử dụng đồng hồ từ.
- Van, phụ kiện loại van cổng ti chìm (PN16) hoặc tiêu chuẩn cao hơn.
- Vật liệu ống: HDPE (PN 12 trở lên). Kích thước ống căn cứ trên lượng nước sử dụng.

AMATA CITY BIENHOA JSC
APPROVED BY
Date: 02/12/2024

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.
GIÁM ĐỐC
HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
AN ĐỊNH
AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd
Địa chỉ : 17/40, TỔ 31, KP1, P. TÂN HIỆP, TP. BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 082
Email: Congtyaadinh2019@gmail.com
GIÁM ĐỐC
ĐẶNG NGỌC TUẤN
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ
Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU
Ks.NGUYỄN PHONG OANH
THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC
Ks.PHẠM NGỌC HÀ
THIẾT KẾ ĐIỆN
Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH
CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.
HẠNG MỤC - ITEM
ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT
TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE
ĐẤU NỐI NƯỚC CẤP ĐẶC TRƯNG

DOCUMENT N°:241031	DRAWING N°
TL:1/100	DNHT-06

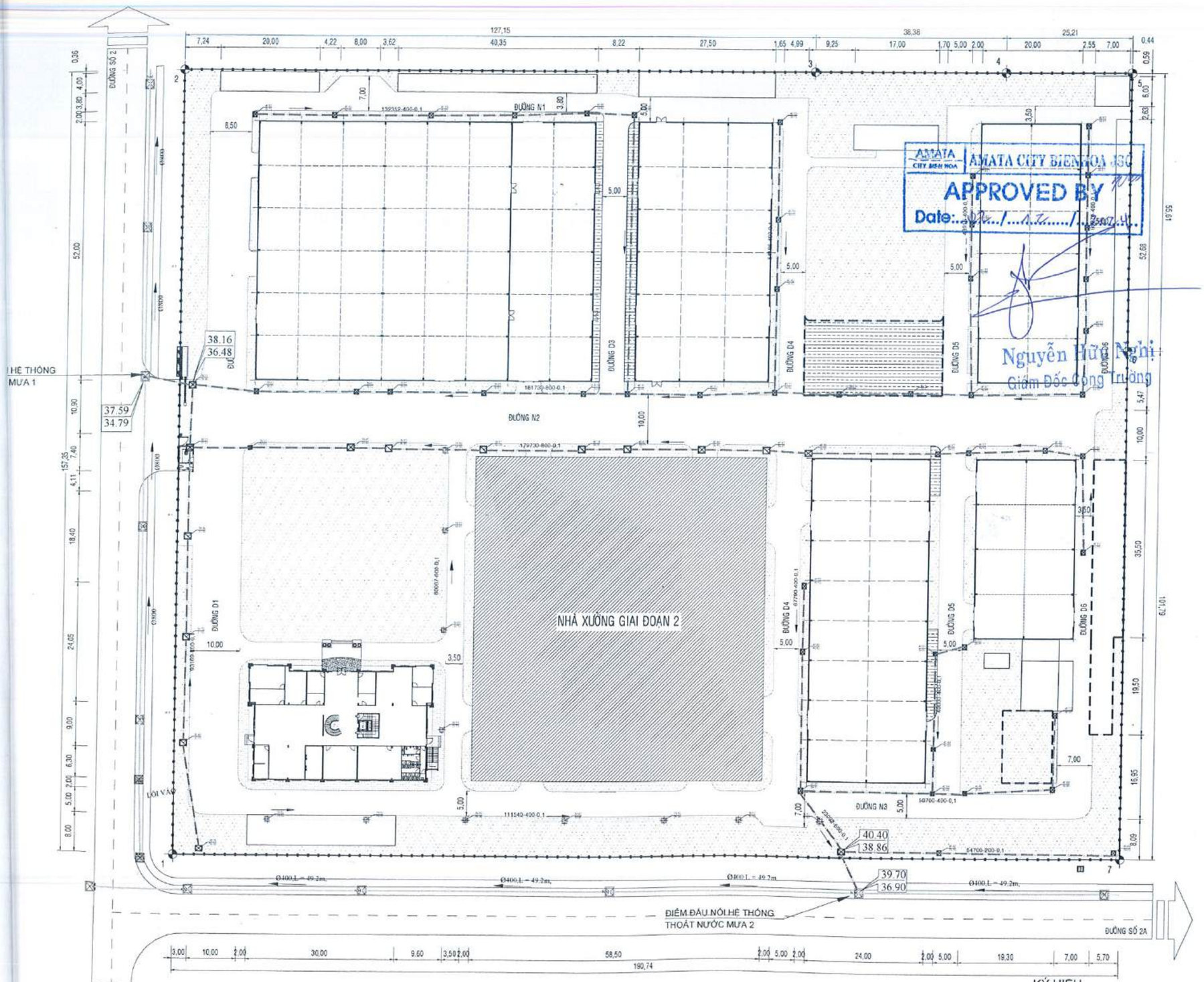

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA TỔNG THỂ

ĐỘ ĐỈNH HỐ GA
ĐỘ ĐÁY HỐ GA

KÝ HIỆU

CỐNG TRÒN THOÁT NƯỚC MƯA D200÷D600 HIỆN HỮU	L-D-I
HỐ GA THU NƯỚC MƯA	
HƯỚNG THOÁT NƯỚC	
CỐNG TRÒN THOÁT NƯỚC MƯA GIAI ĐOẠN 2	L-D-I

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ : 1141, Tổ 11, Kp.1, P.Tân Hiệp, TP Biên Hòa, ĐN
Tel: 0944 744 082
Email: Congtyandinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA TỔNG THỂ

DOCUMENT N° :241031	DRAWING N°
TL:1/100	DNHT-07

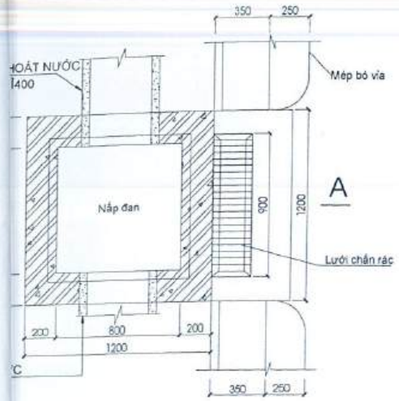

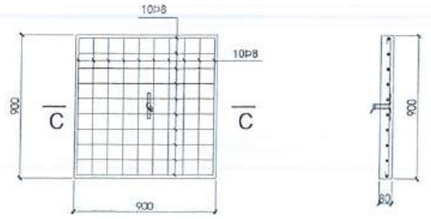

CHI TIẾT NẮP HỐ GA TỈ LỆ: 1/25 MẶT CẮT C-C
ĐAN KT 900x900x80 TỈ LỆ : 1/25

G HỐ GA THOÁT NƯỚC 1200x1200
TỈ LỆ:1/25

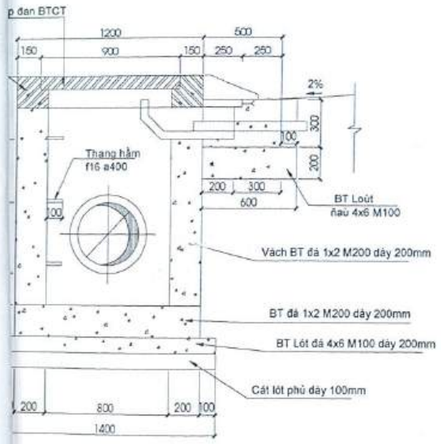

T CẮT A-A TỈ LỆ: 1/25

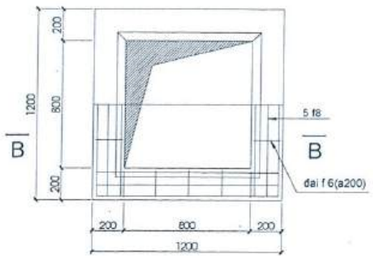

CHI TIẾT KHUÔN HẦM TỈ LỆ :1/25

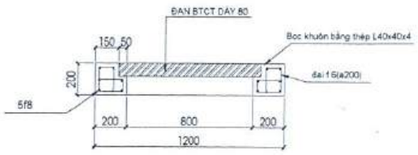

MẶT CẮT B-B TỈ LỆ : 1/25

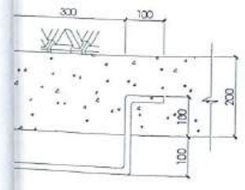

THANG HẦM TỈ LỆ:
1/10

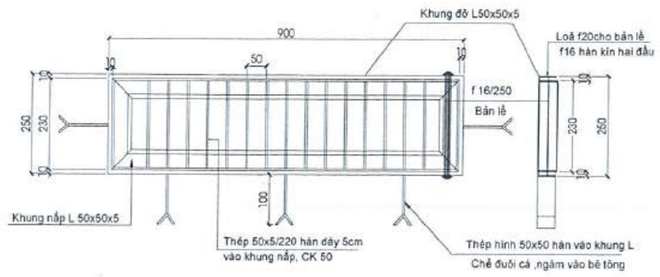

CHI TIẾT KHUNG LƯỚI CHẮN RÁC TỈ LỆ: 1/10

CHI TIẾT HỐ GA THOÁT NƯỚC A1 : 1200x1200

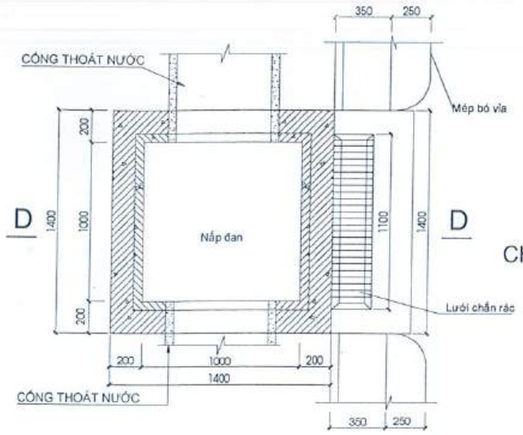

MẶT BẰNG HỐ GA THOÁT NƯỚC
1400x1400 TỈ LỆ:1/25

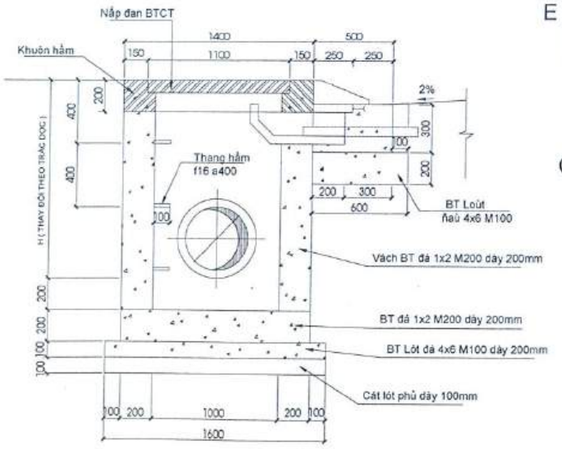

MẶT CẮT D-D TỈ LỆ: 1/25

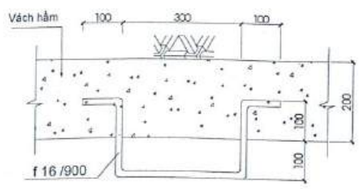

CHI TIẾT THANG HẦM TỈ LỆ:
1/10

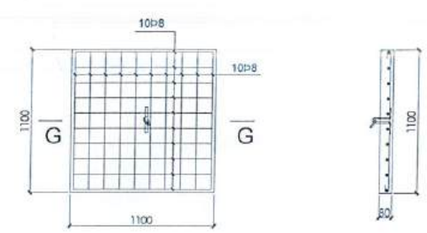

CHI TIẾT NẮP HỐ GA TỈ LỆ: 1/25 MẶT CẮT G-G
ĐAN KT 1100x1100x80 TỈ LỆ : 1/25

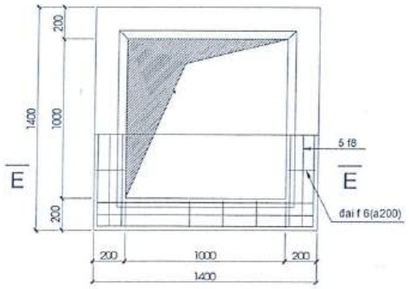

CHI TIẾT KHUÔN HẦM TỈ LỆ :1/25

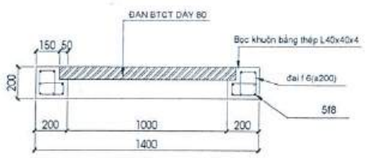

MẶT CẮT E-E TỈ LỆ : 1/25

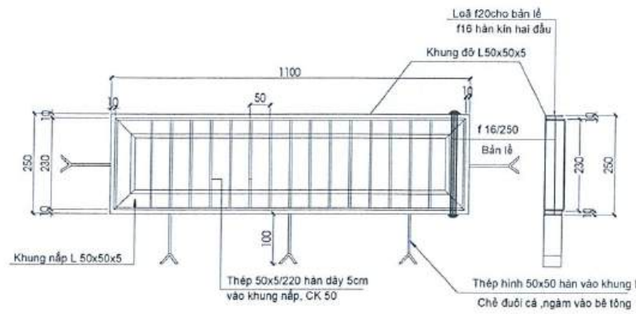

CHI TIẾT KHUNG LƯỚI CHẮN RÁC TỈ LỆ: 1/10

CHI TIẾT HỐ GA THOÁT NƯỚC A2 : 1400x1400

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
AN ĐỊNH
AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ : 11/49, TỔ 17, KP 3, P. TÂN HIỆP, TP BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 082
Email: Congtyandinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC
ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ
Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU
Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC
Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN
Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH
CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM
ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE
CHI TIẾT HỐ GA THOÁT NƯỚC MƯA NẰM TRONG BÓ VỈA ĐƯỜNG

DOCUMENT N° :241031	DRAWING N°
TL:1/100	DNHT-08

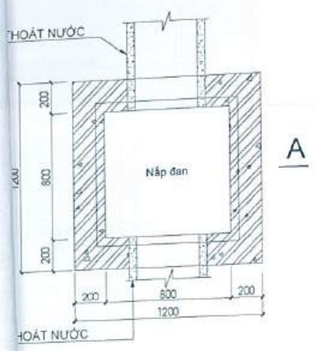

BẢNG HỐ GA THOÁT NƯỚC 1200x1200
TỈ LỆ:1/25

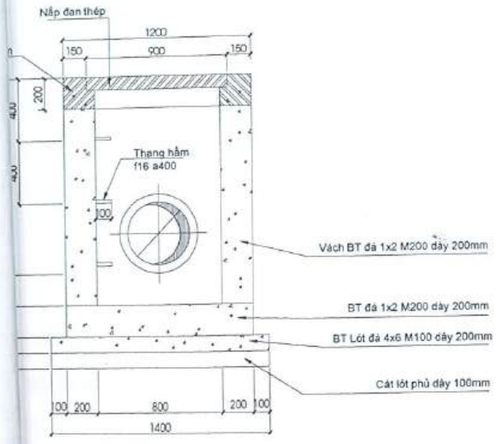

MẶT CẮT A-A TỈ LỆ: 1/25

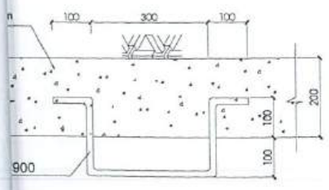

HI TIẾT THANG HẦM TỈ LỆ:
1/10

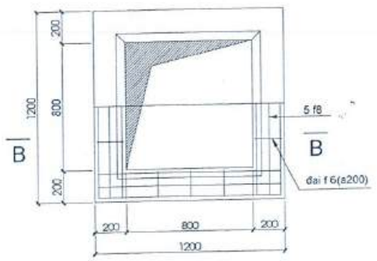

CHI TIẾT KHUÔN HẦM TỈ LỆ :1/25

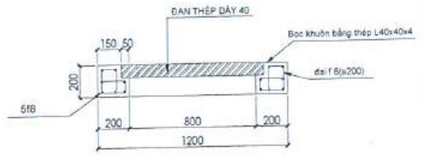

MẶT CẮT B-B TỈ LỆ : 1/25

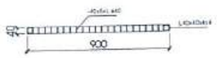

MẶT CẮT C-C
TỈ LỆ : 1/25

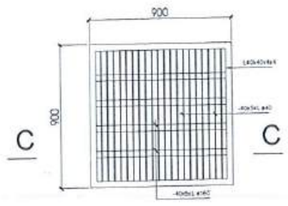

CHI TIẾT NẮP ĐAN HỐ GA TỈ LỆ:
1/25
ĐAN KT 900x900x40

CHI TIẾT HỐ GA THOÁT NƯỚC A3 : 1200x1200

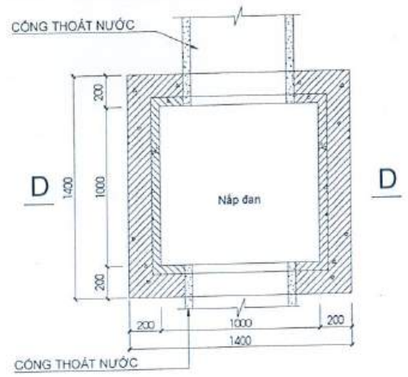

MẶT BẰNG HỐ GA THOÁT NƯỚC 1400x1400
TỈ LỆ:1/25

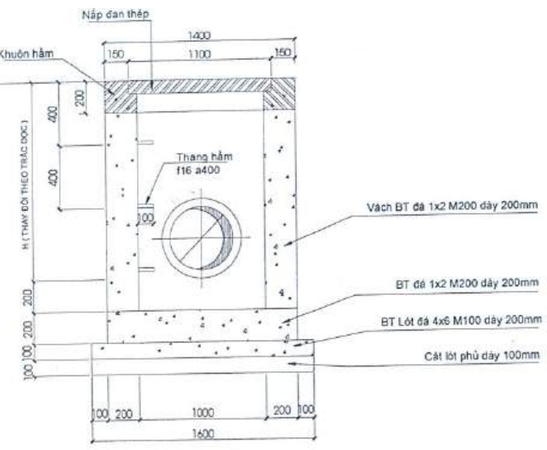

MẶT CẮT D-D TỈ LỆ: 1/25

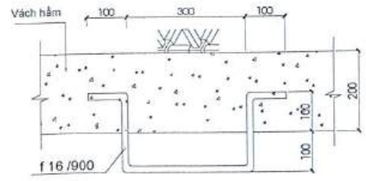

CHI TIẾT THANG HẦM TỈ LỆ:
1/10

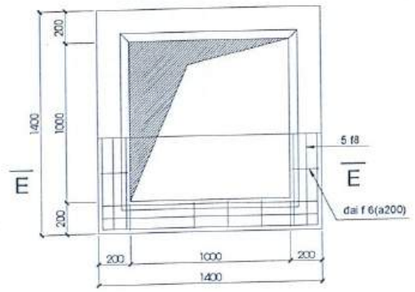

CHI TIẾT KHUÔN HẦM TỈ LỆ :1/25

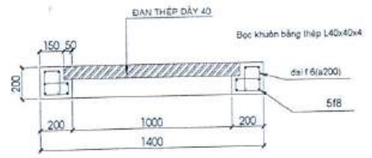

MẶT CẮT E-E TỈ LỆ : 1/25

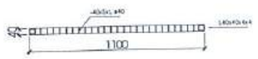

MẶT CẮT G-G
TỈ LỆ : 1/25

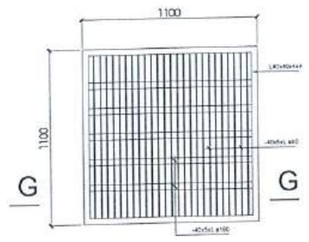

CHI TIẾT NẮP ĐAN HỐ GA TỈ LỆ:
1/25
ĐAN KT 1100x1100x40

CHI TIẾT HỐ GA THOÁT NƯỚC A4 : 1400x1400

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
AN ĐỊNH
AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ : Tổ 10, Kp 1, P.Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai
Tel: 0944 744 082
Email: Congtyandinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH
CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM
ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE
CHI TIẾT HỐ GA THOÁT NƯỚC MƯA NẰM NGOÀI ĐƯỜNG

DOCUMENT N° : 241031	DRAWING N°
TL:1/100	DNHT-09

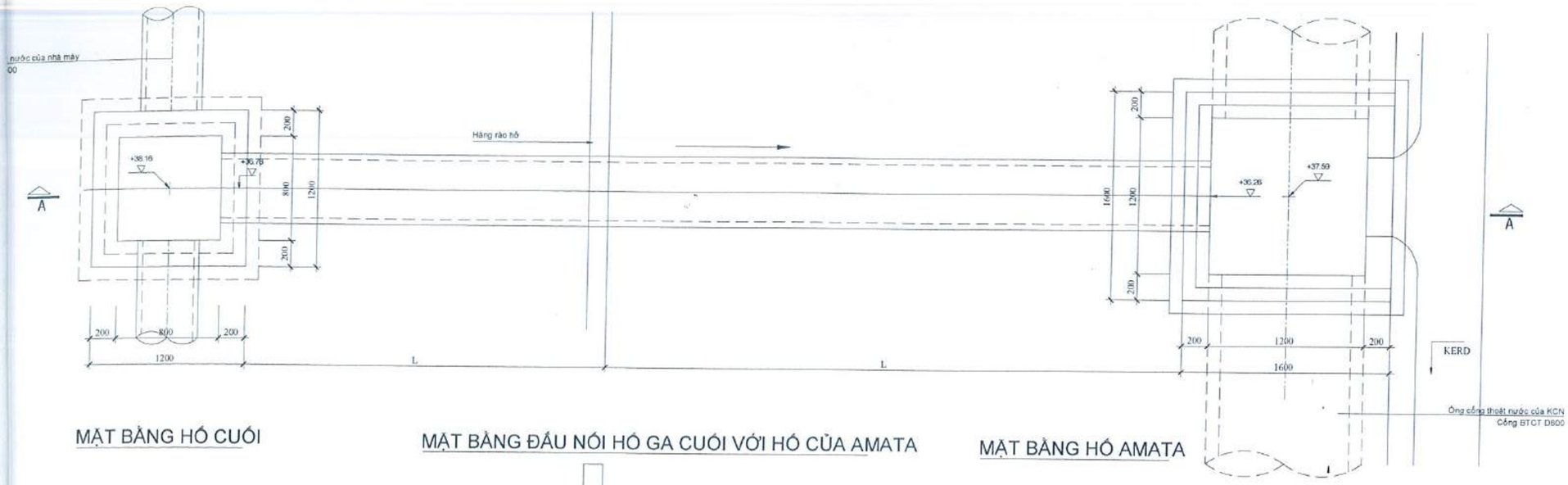

MẶT BẰNG HỐ CUỐI

MẶT BẰNG ĐẤU NỐI HỐ GA CUỐI VỚI HỐ CỦA AMATA

MẶT BẰNG HỐ AMATA

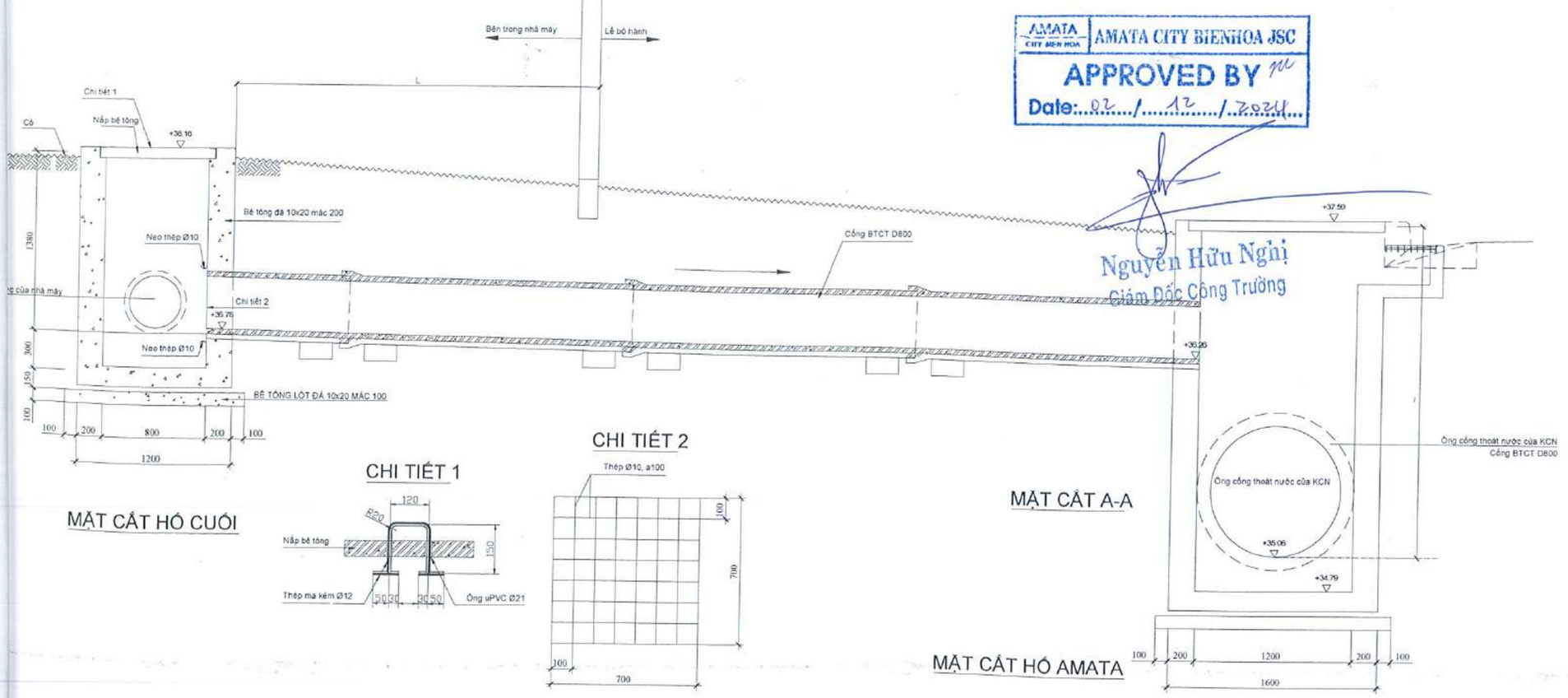

AMATA CITY BIENHOA JSC
APPROVED BY
Date: 02/12/2021

Nguyễn Hữu Nghị
Giám Đốc Công Trường

MẶT CẮT HỐ CUỐI

CHI TIẾT 1

CHI TIẾT 2

MẶT CẮT A-A

MẶT CẮT HỐ AMATA

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ: 11 ĐD 10, KP1, P. TÂN HIỆP, TP BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 082
Email: Congtrandinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

CHI TIẾT ĐIỂM ĐẤU NỐI THOÁT NƯỚC MƯA SỐ 1

DOCUMENT N° : 241031	DRAWING N°
TL:1/100	DNHT-10

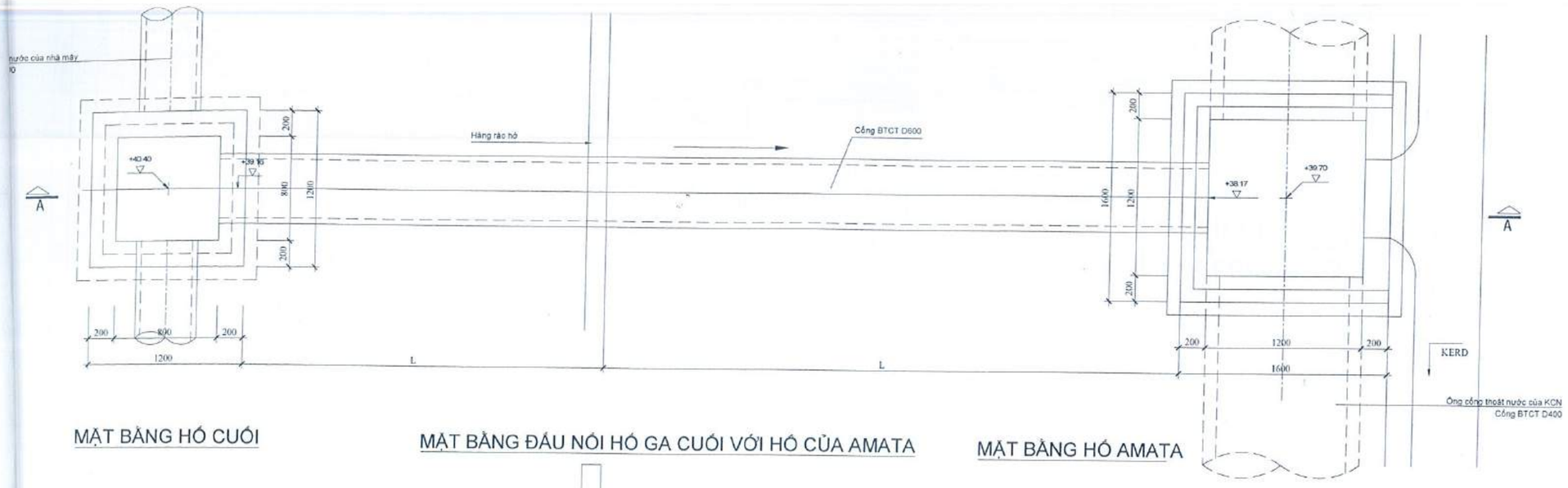

MẶT BẰNG HỐ CUỐI

MẶT BẰNG ĐẤU NỐI HỐ GA CUỐI VỚI HỐ CỦA AMATA

MẶT BẰNG HỐ AMATA

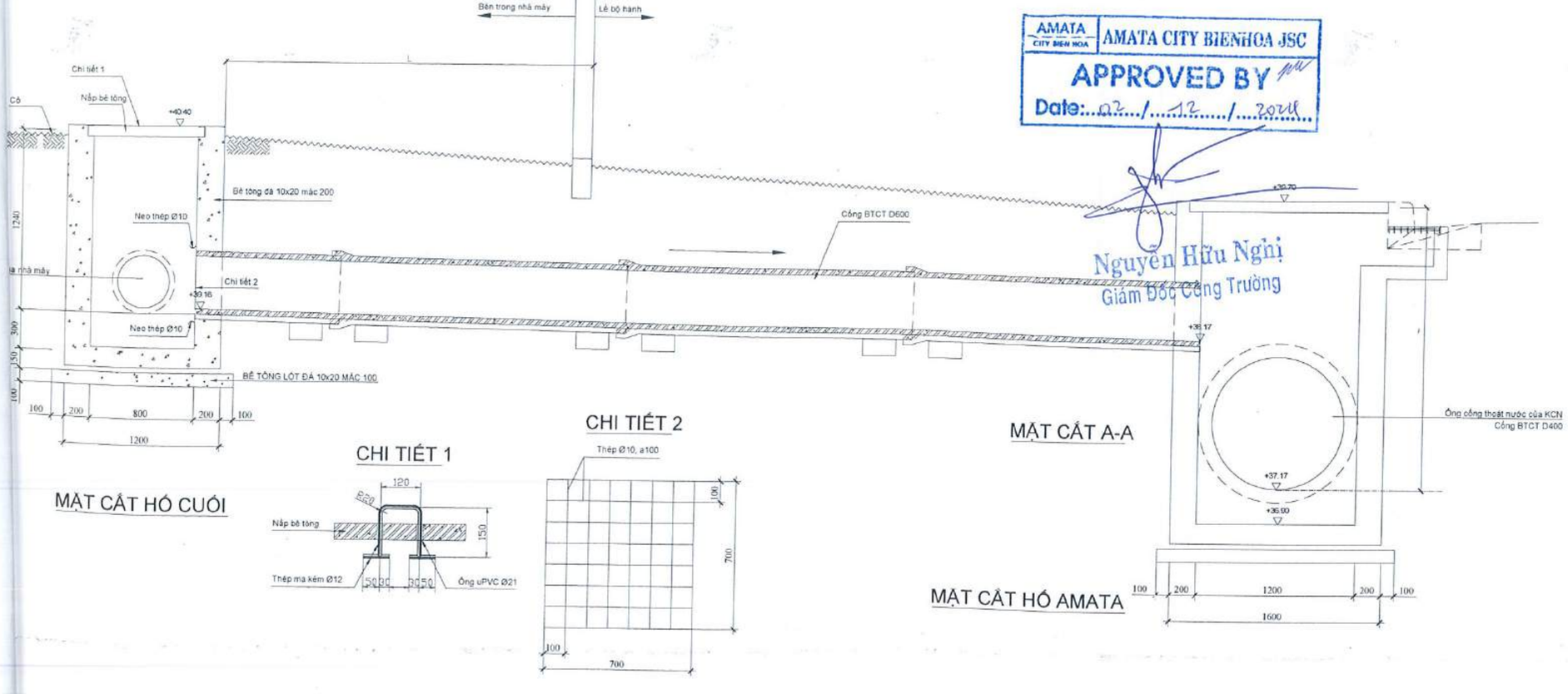

MẶT CẮT HỐ CUỐI

CHI TIẾT 1

CHI TIẾT 2

MẶT CẮT A-A

MẶT CẮT HỐ AMATA

AMATA CITY BIENHOA JSC
APPROVED BY
Date: 02/12/2024

Nguyễn Hữu Nghị
Giám Đốc Công Trường

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ: 11/40, tổ 31, KP 4, P. TÂN HIỆP, TP BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 082
Email: Congtyandinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

CHI TIẾT ĐIỂM ĐẤU NỐI THOÁT NƯỚC MƯA SỐ 2

DOCUMENT N° : 241031	DRAWING N°
TL:1/100	DNHT-11

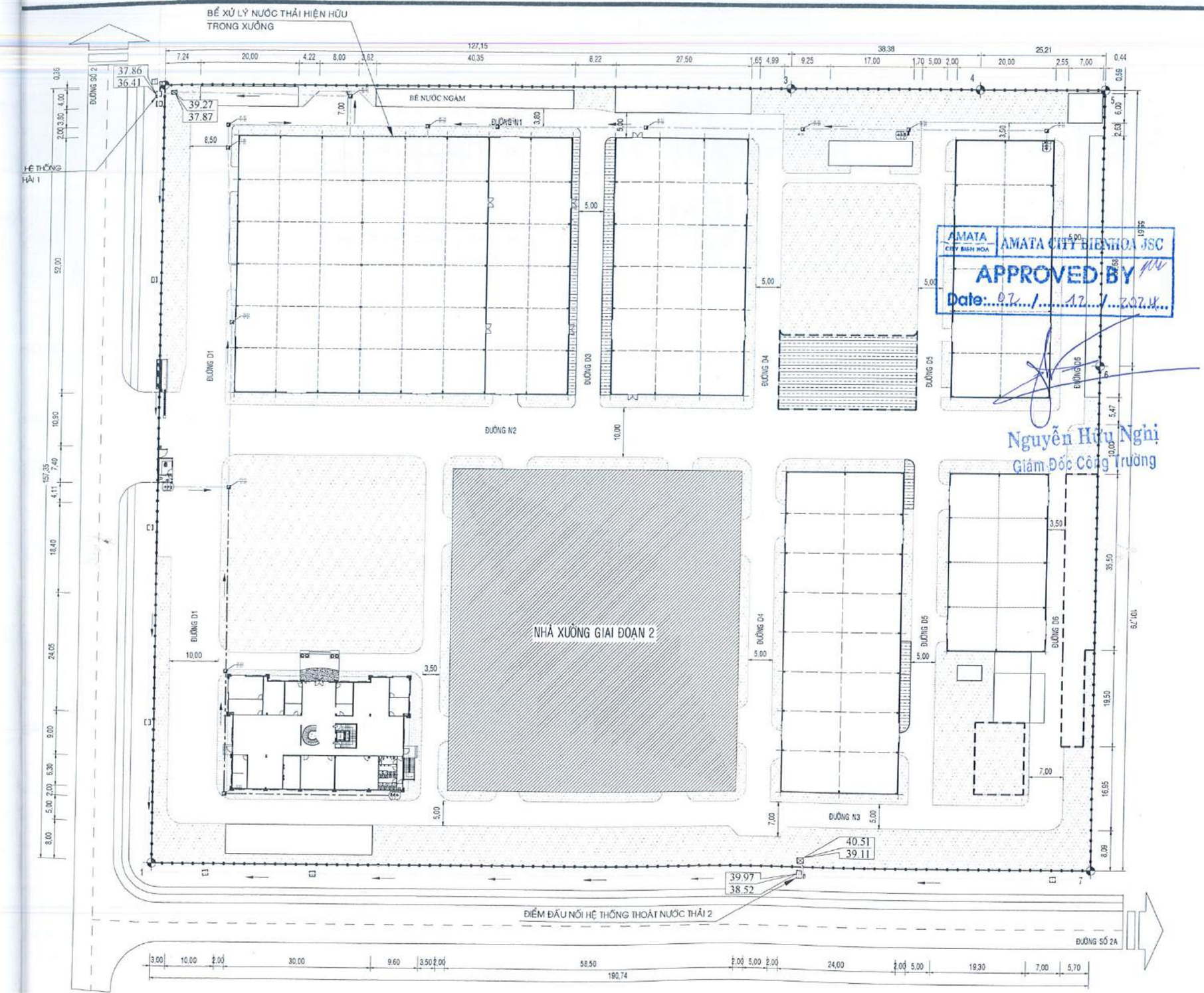

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI TỔNG THỂ

ĐỘ ĐỈNH HỐ GA
ĐỘ ĐÁY HỐ GA

KÝ HIỆU

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI SINH HOẠT HIỆN HỮU	LO-I
HỐ GA THU NƯỚC THẢI	
BỂ TỰ HOẠI 03 NGĂN	
HƯỚNG THOÁT NƯỚC	
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI SINH HOẠT GIAI ĐOẠN 2	LO-I

APPROVED BY
Date: 07 / 12 / 2024
AMATA CITY BIEN HOA JSC
Nguyễn Hữu Nghị
Giám Đốc Công Trường

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
AN ĐỊNH
AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ : 17/6D, TỔ 11, KP1, P. TRẢNG DÀI, TP. BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 082
Email: Congtyandinh2013@gmail.com

GIÁM ĐỐC
ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ
Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU
Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC
Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN
Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH
CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM
ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI TỔNG THỂ

DOCUMENT N° :241031	DRAWING N°
TL:1/100	DNHT-12

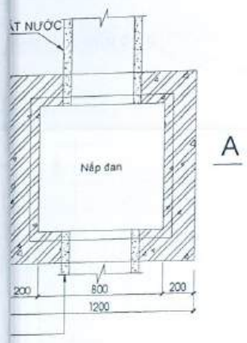

HỐ GA THOÁT NƯỚC 1200x1200
TỈ LỆ:1/25

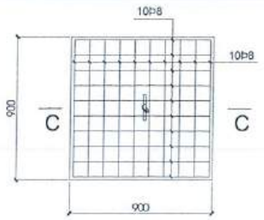

CHI TIẾT NẮP HỐ GA TỈ LỆ: 1/25
ĐAN KT 900x900x80

MẶT CẮT C-C
TỈ LỆ : 1/25

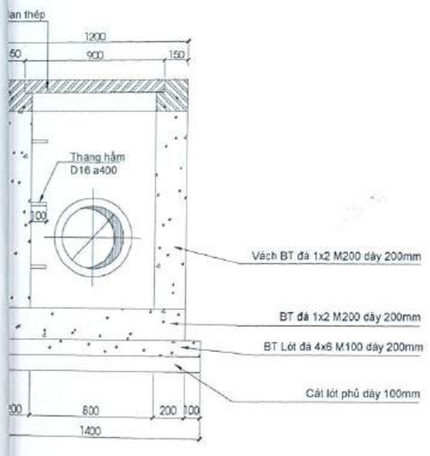

CẮT A-A TỈ LỆ: 1/25

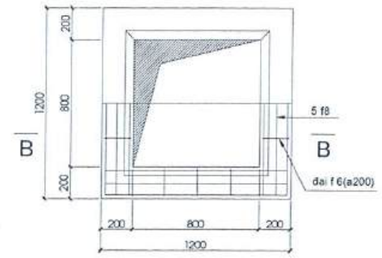

CHI TIẾT KHUÔN HẦM TỈ LỆ :1/25

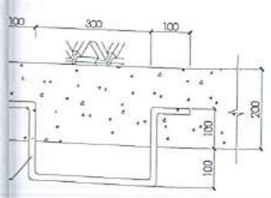

ẾT THANG HẦM TỈ LỆ:
1/10

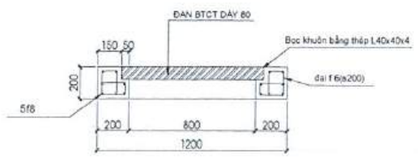

MẶT CẮT B-B TỈ LỆ : 1/25

CHI TIẾT HỐ GA THOÁT NƯỚC B1 : 1200x1200

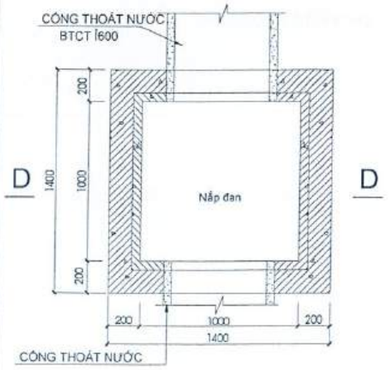

MẶT BẰNG HỐ GA THOÁT NƯỚC 1400x1400
TỈ LỆ:1/25

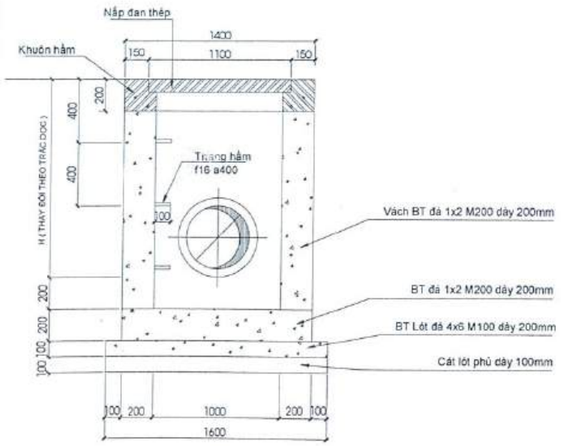

MẶT CẮT D-D TỈ LỆ: 1/25

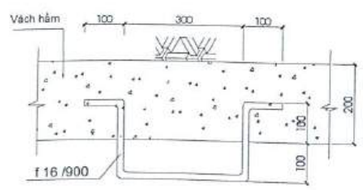

CHI TIẾT THANG HẦM TỈ LỆ:
1/10

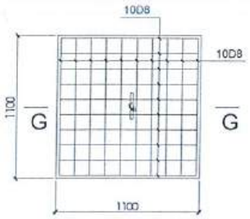

CHI TIẾT NẮP HỐ GA TỈ LỆ: 1/25
ĐAN KT 1100x1100x80

MẶT CẮT G-G
TỈ LỆ : 1/25

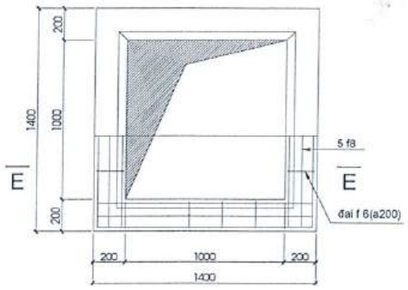

CHI TIẾT KHUÔN HẦM TỈ LỆ :1/25

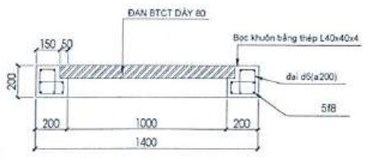

MẶT CẮT E-E TỈ LỆ : 1/25

CHI TIẾT HỐ GA THOÁT NƯỚC B2 : 1400x1400

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION	
T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR		
T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
AN ĐỊNH
AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ : 14/40, TỔ 13, KP1 , P TÂN HIỆP, TP BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 082
Email: Congtyandinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC
ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ
Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU
Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC
Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN
Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH
CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM
ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE
CHI TIẾT HỐ GA THOÁT NƯỚC THẢI

DOCUMENT Nº : 241031	DRAWING Nº
TL:1/100	DNHT-13

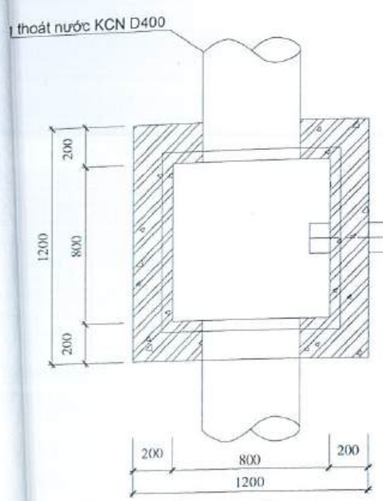

MẶT BẰNG HỐ GA KCN

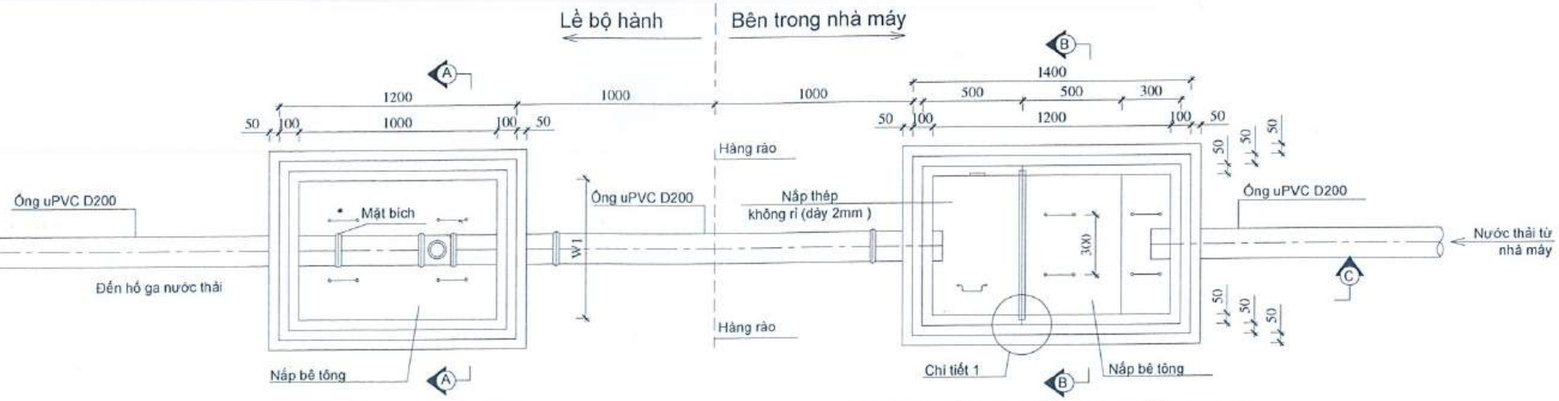

MẶT BẰNG HỐ VAN

MẶT BẰNG HỐ GA KIỂM TRA

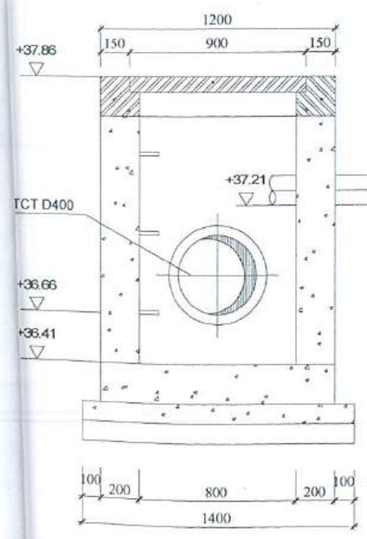

HỐ GA KCN

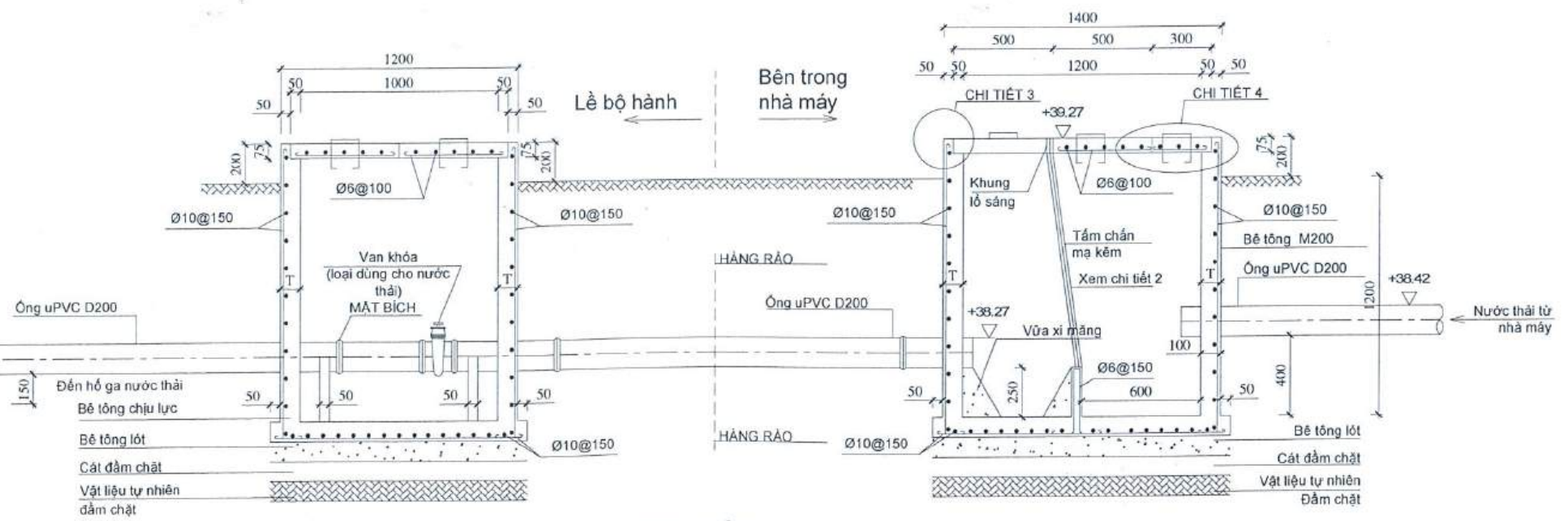

MẶT CẮT C-C

AMATA CITY BIENHOA JSC
APPROVED BY
Date: 07/12/2021

Nguyễn Hữu Nghị
Giám Đốc Công Trường

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.
GIÁM ĐỐC
HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
AN ĐỊNH
AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ: 114D1, Tổ 11, Ấp 1, P. TÂN HIỆP, TP BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 082
Email: Congtyandinh2019@gmail.com
GIÁM ĐỐC
ĐẶNG NGỌC TUẤN
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ
Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU
Ks.NGUYỄN PHONG OANH
THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC
Ks.PHẠM NGỌC HÀ
THIẾT KẾ ĐIỆN
Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH
CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM
ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE
CHI TIẾT ĐIỂM ĐẤU NỐI
THOÁT NƯỚC THẢI SỐ 1

DOCUMENT N° :241031	DRAWING N°
TL:1/100	DNHT-14

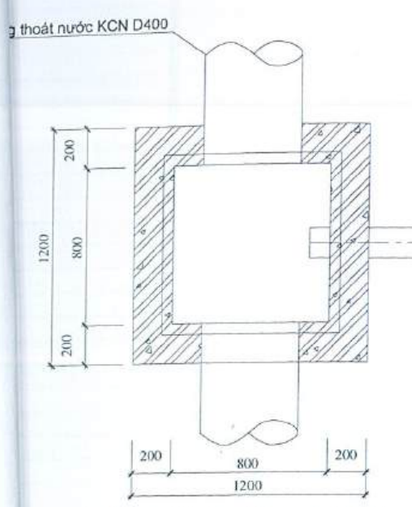

MẶT BẰNG HỐ GA KCN

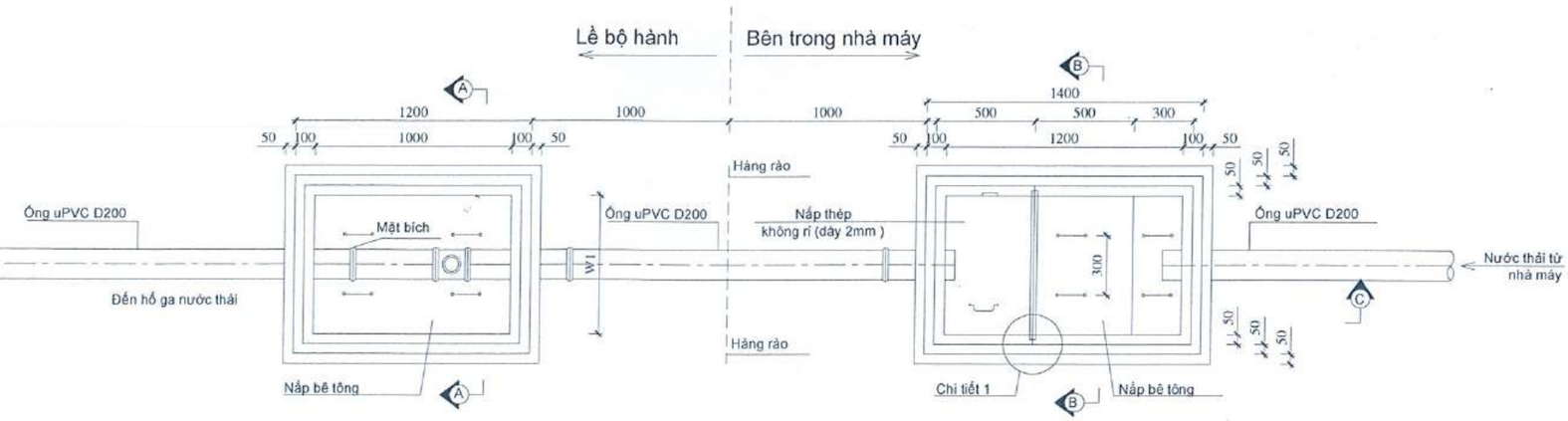

MẶT BẰNG HỐ VAN

MẶT BẰNG HỐ GA KIỂM TRA

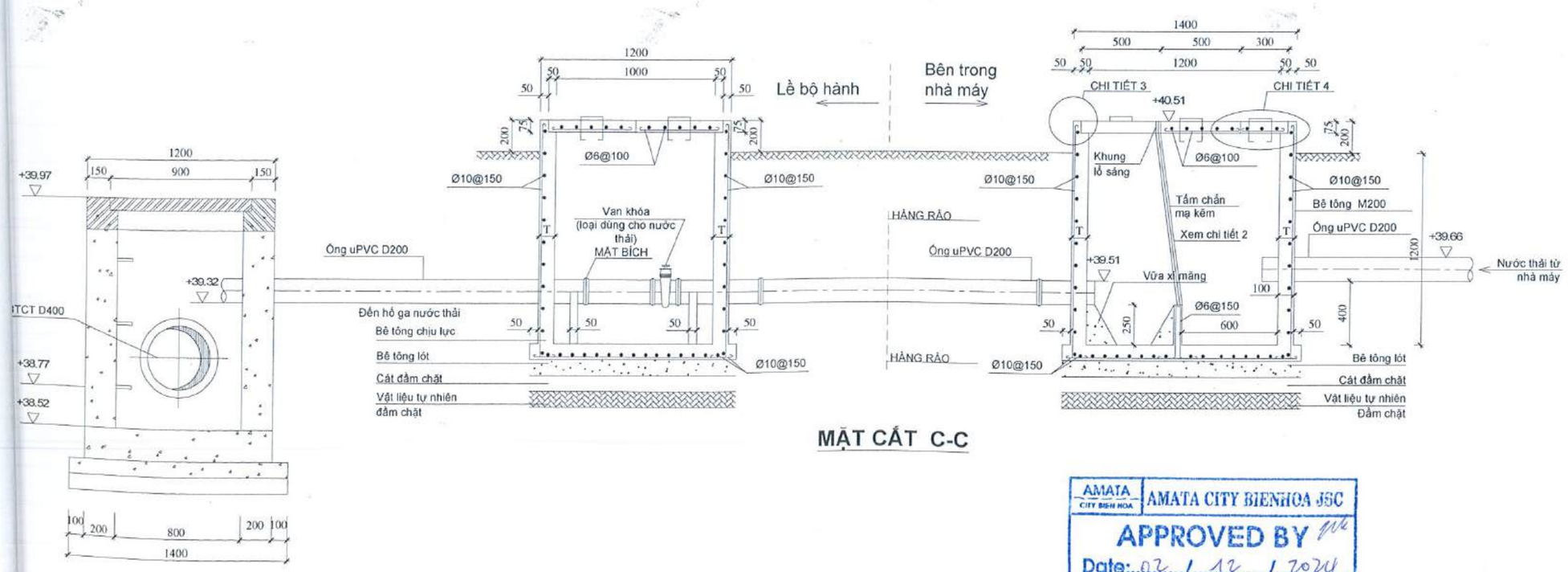

MẶT CẮT C-C

HỐ GA KCN

AMATA CITY BIEN HOA | AMATA CITY BIENHOA JSC
APPROVED BY
Date: 02 / 12 / 2021

Nguyễn Hữu Nghị

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ: 1124B, TỔ 13, KP 4, P. TÂN HIỆP, TP BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 082
Email: Congtyandinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

CHI TIẾT ĐIỂM ĐẤU NỐI THOÁT NƯỚC THẢI SỐ 2

DOCUMENT N° : 241031	DRAWING N°
TL:1/100	DNHT-15

HẠNG MỤC : NHÀ XƯỞNG 1

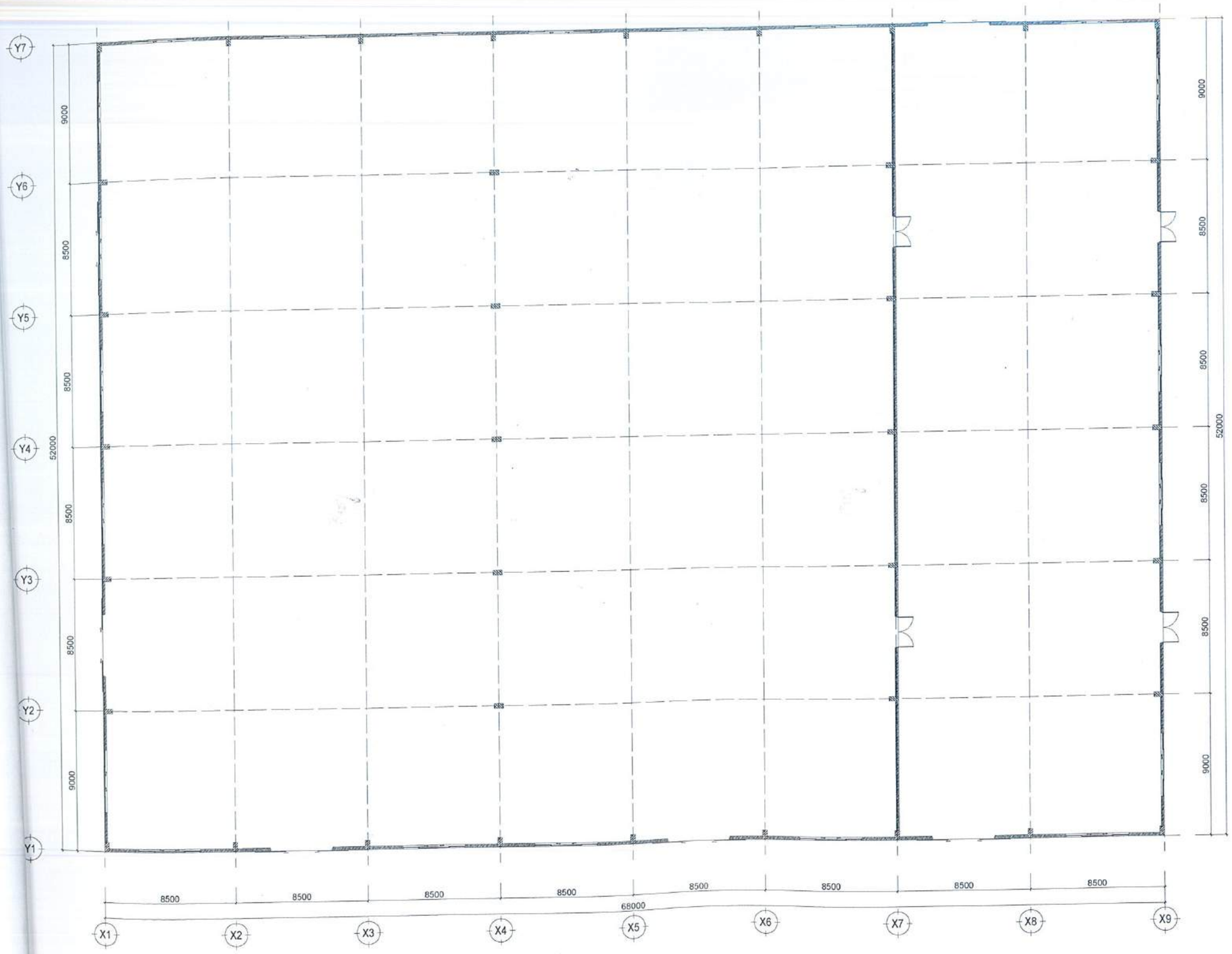

MẶT BẰNG TẦNG TRỆT

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ: 11/80, TỔ 11, KP1, P. TÂN HIỆP, TP BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 662
Email: congtyandinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

NHÀ XƯỞNG 1

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

MẶT BẰNG TẦNG TRỆT

DOCUMENT N° :241031	DRAWING N°
TL:1/100	NX1-01

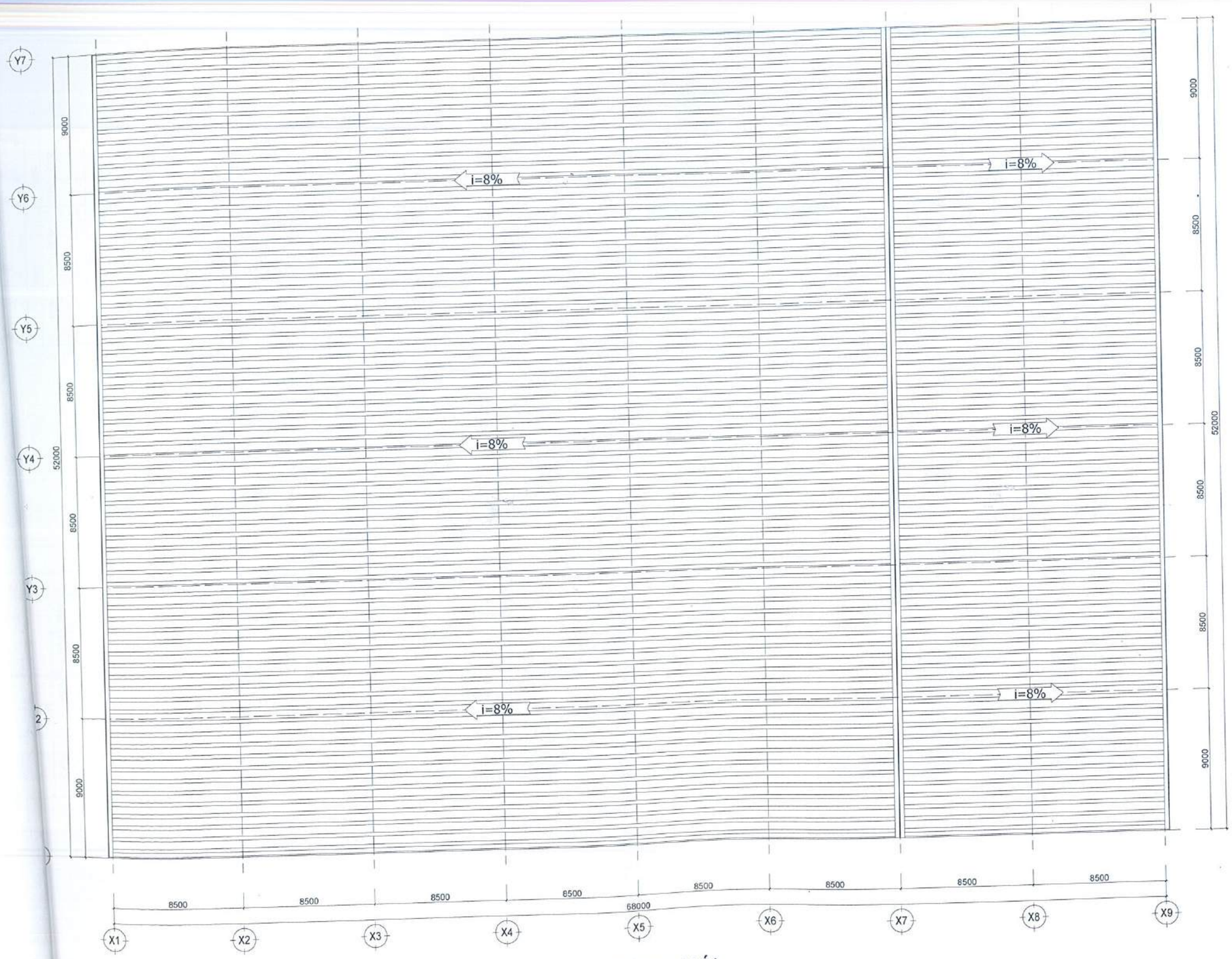

MẶT BẰNG MÁI

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ: 11A0, TỔ 11, KP1, P. TÂN HIỆP, TP BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 082
Email: congtyandinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

NHÀ XƯỞNG 1

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

MẶT BẰNG MÁI

DOCUMENT N° : 241031	DRAWING N°
TL:1/100	NX1-02

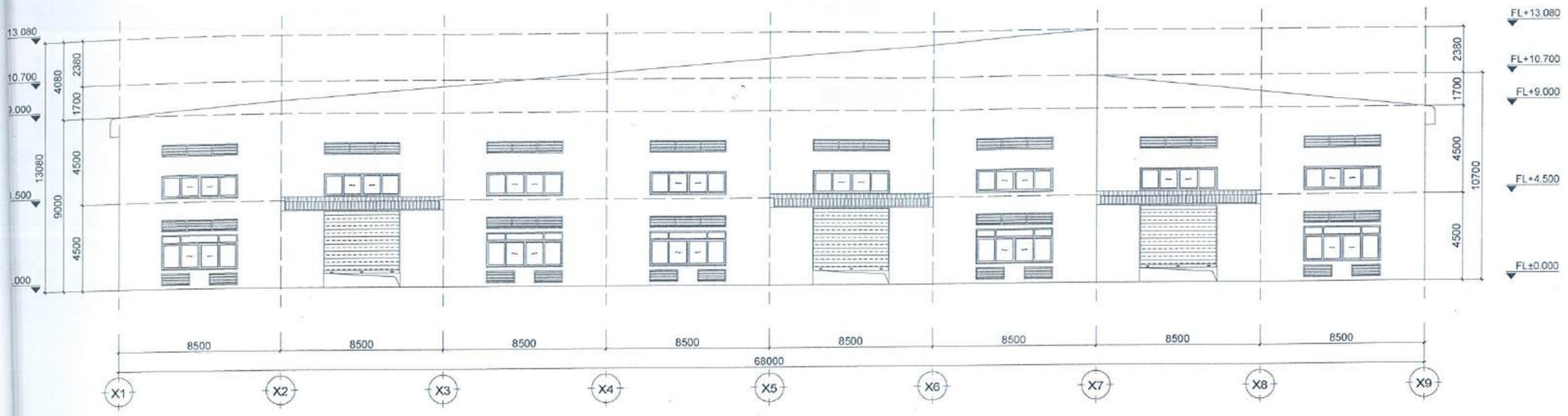

MẶT ĐỨNG X1-X9

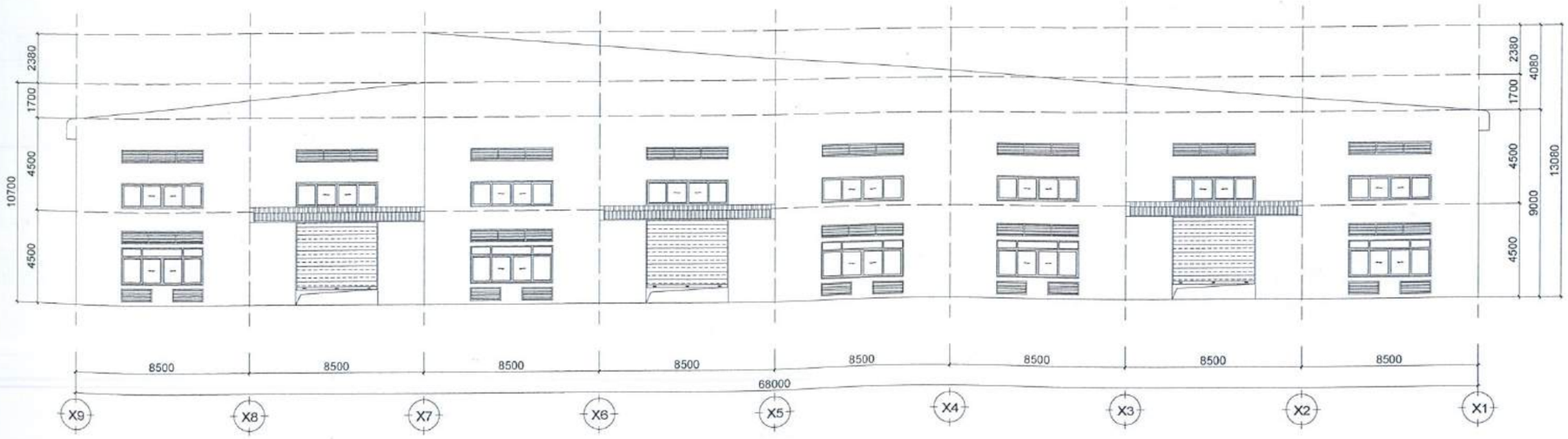

MẶT ĐỨNG X9-X1

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ : 1140, tổ 11, Kp 1, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, ĐN
Tel: 0944 744 082
Email: Congtyandinh2813@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

KIs.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

NHÀ XƯỞNG 1

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

MẶT ĐỨNG

DOCUMENT N° :241031	DRAWING N°
TL:1/100	NX1-03

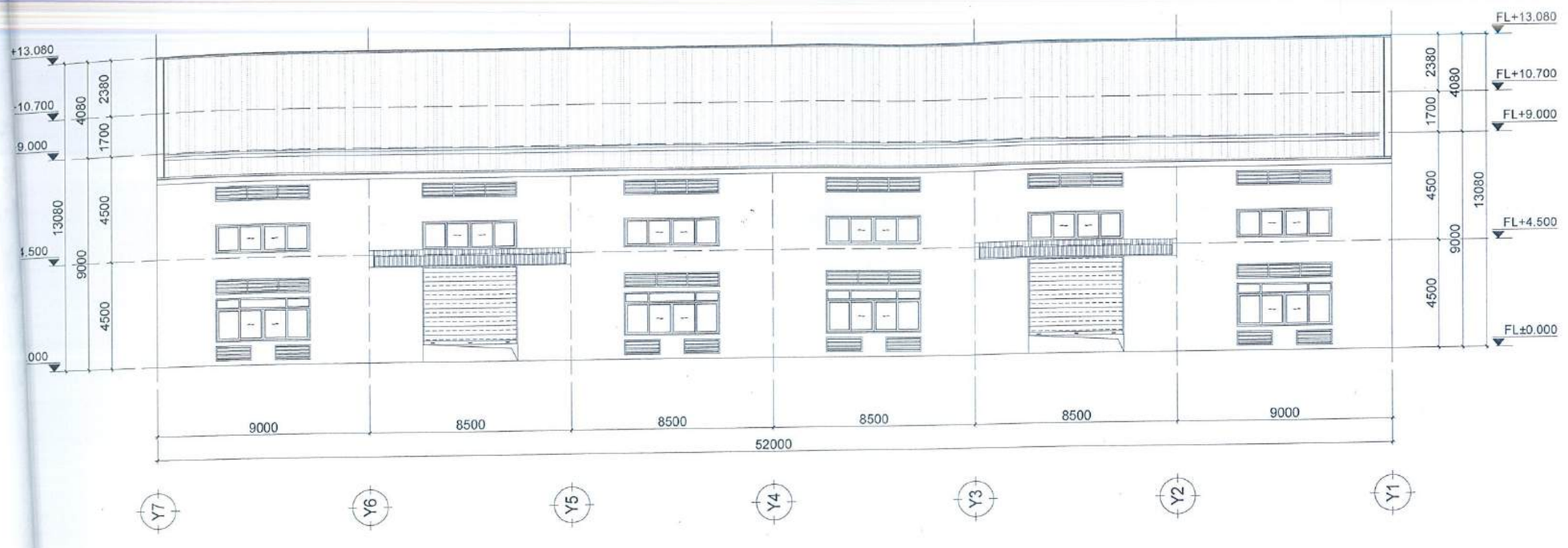

MẶT ĐỨNG Y7-Y1

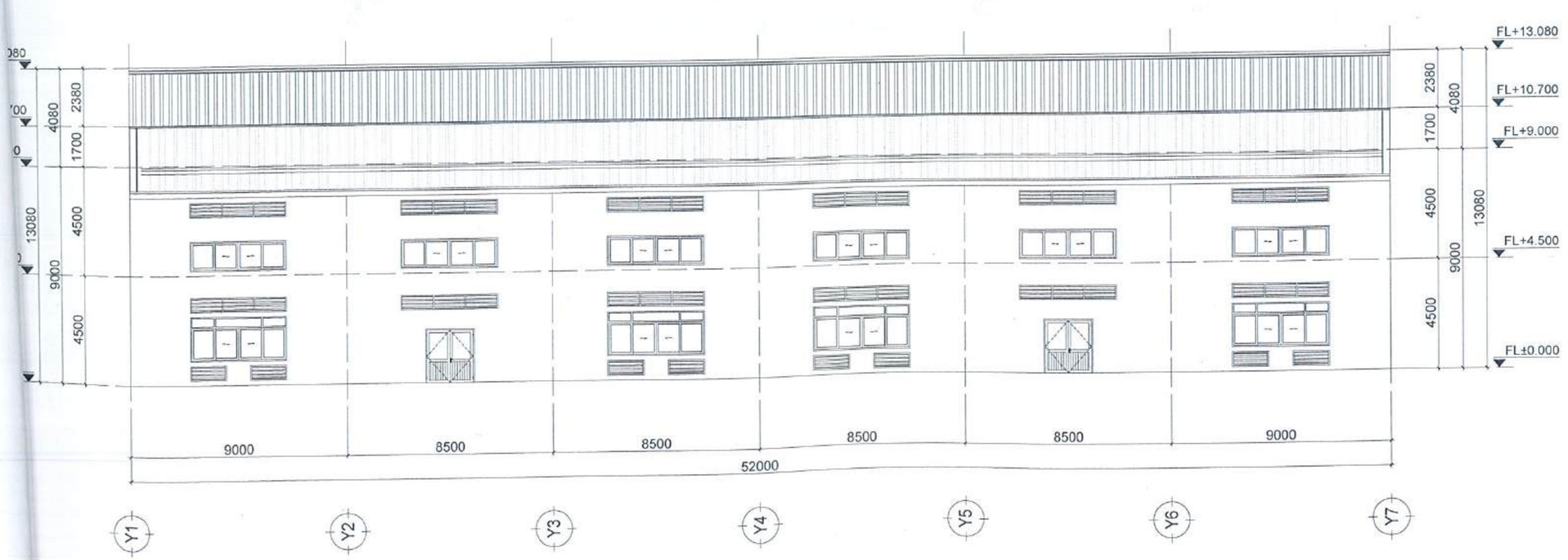

MẶT ĐỨNG Y1-Y7

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ: 237/40, TỔ 7, KP7, P.TÂN HIỆP, TP BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 082
Email: Congtyanbinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

NHÀ XƯỞNG 1

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

MẶT ĐỨNG

DOCUMENT N° :241031	DRAWING N°
TL:1/100	NX1-04

HẠNG MỤC : NHÀ XƯỞNG 2

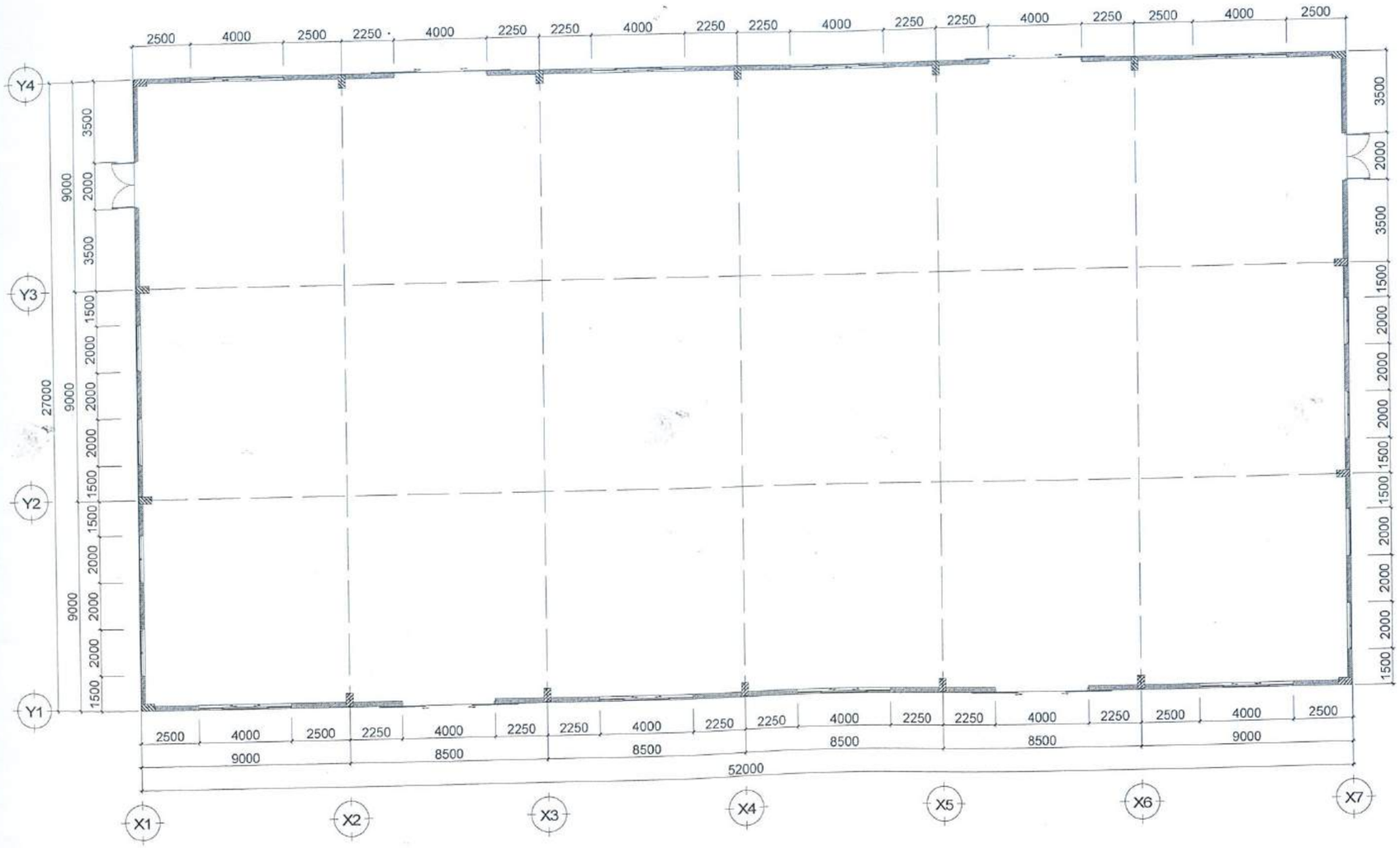

MẶT BẰNG TẦNG TRỆT

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ : 1140 tổ 11 KP1 P.TÂN HIỆP - TP BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 082
Email: Congtyandinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

NHÀ XƯỞNG 2

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

MẶT BẰNG TẦNG TRỆT

DOCUMENT N° :241031	DRAWING N°
TL:1/100	NX2-01

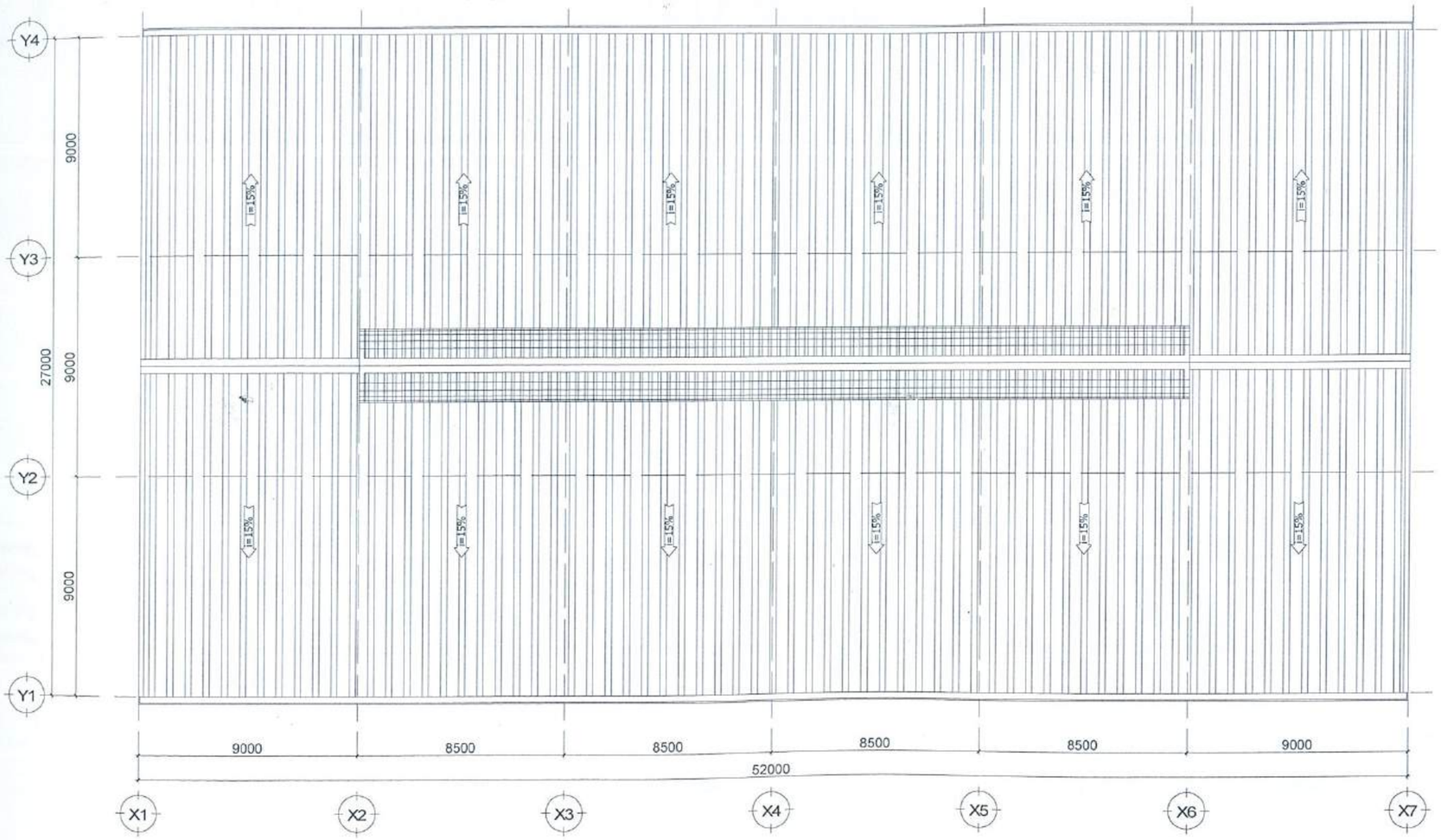

MẶT BẰNG TẦNG TRỆT

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR -

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ : TH.07, TỔ 11, KP1, P. TÂN HIỆP, TP BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 962
Email: congtyadinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

NHÀ XƯỞNG 2

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

MẶT BẰNG MÁI

DOCUMENT N° : 241031	DRAWING N°
TL:1/100	NX2-02

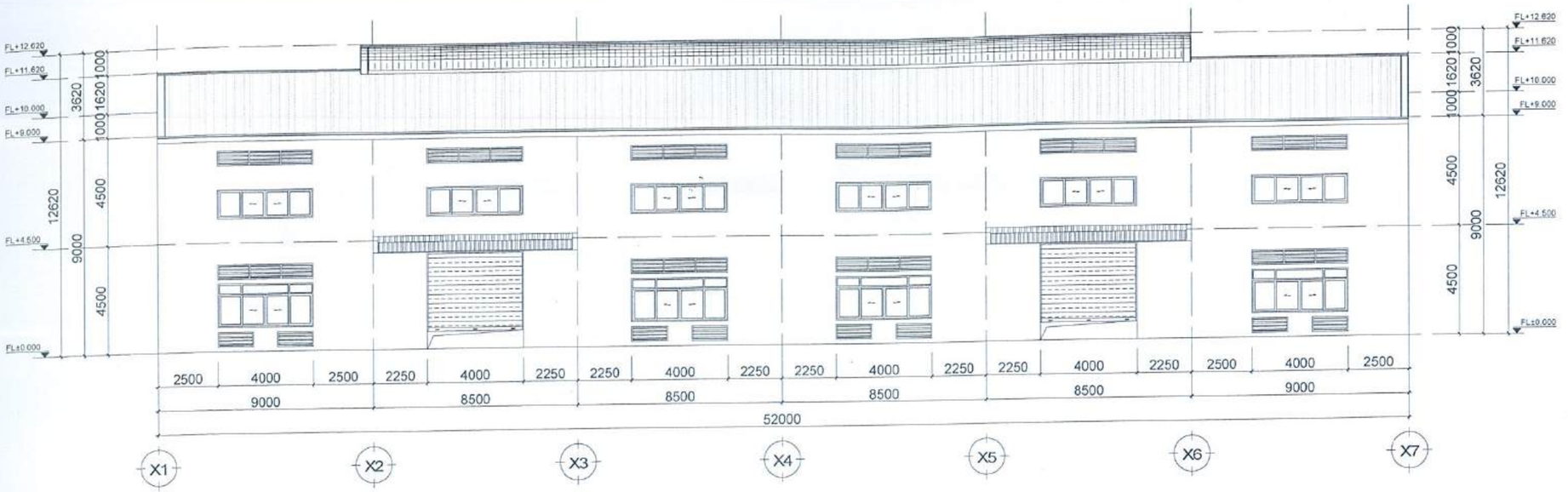

MẶT ĐỨNG TRỤC X1-X7

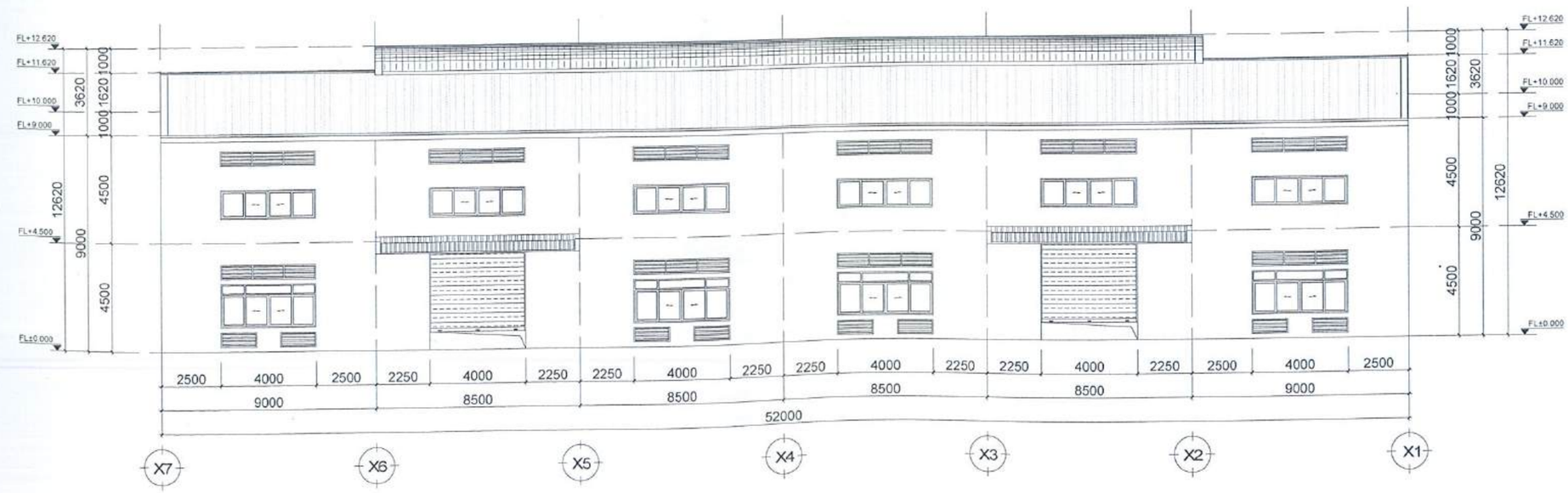

MẶT ĐỨNG TRỤC X7-X1

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ: 11 ĐƯỜNG 11, KHU A, P. TÂN HIỆP, TP. BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 082
Email: Constyandinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

NHÀ XƯỞNG 2

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

MẶT ĐỨNG

DOCUMENT N° : 241031	DRAWING N°
TL:1/100	NX2-03

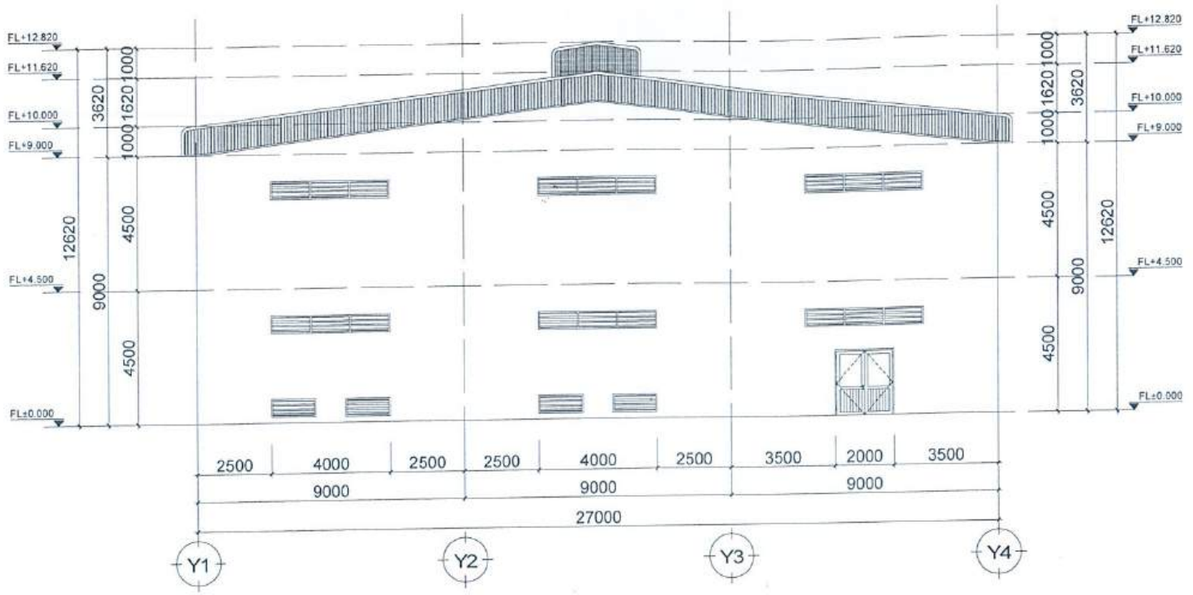

MẶT ĐỨNG TRỤC Y1-Y4

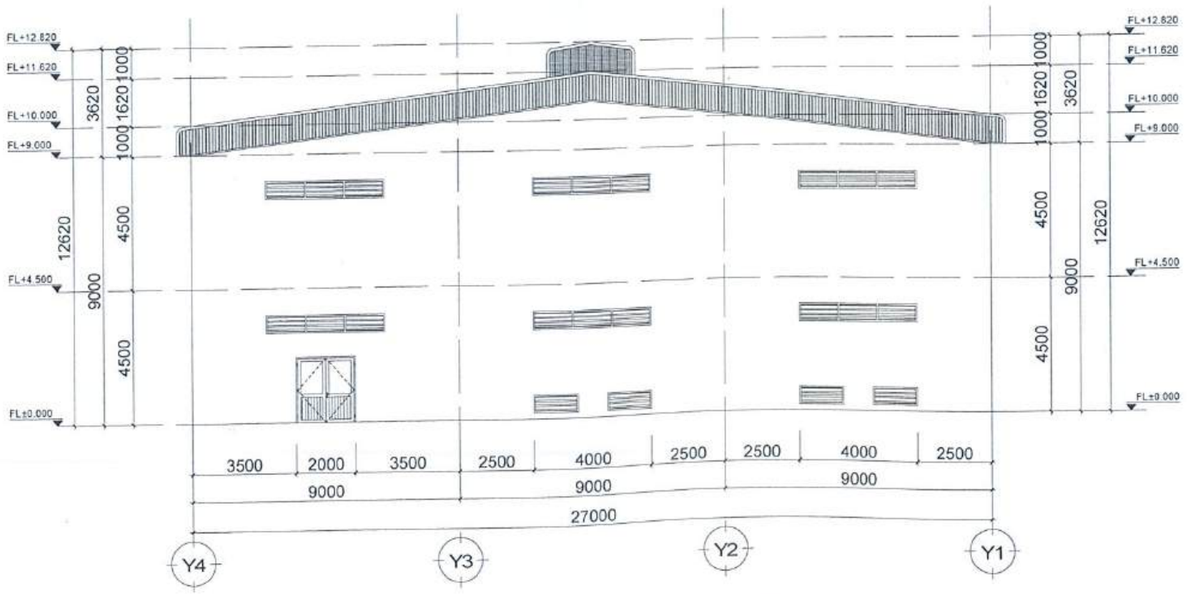

MẶT ĐỨNG TRỤC Y4-Y1

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ : 11 ĐƯỜNG TỐ 11, KP1, P.TÂN HIỆP - TP BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 082
Email: Congtyxaydinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

NHÀ XƯỞNG 2

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

MẶT ĐỨNG

DOCUMENT N° : 241031	DRAWING N°
TL:1/100	NX2-04

HẠNG MỤC : NHÀ XƯỞNG 3

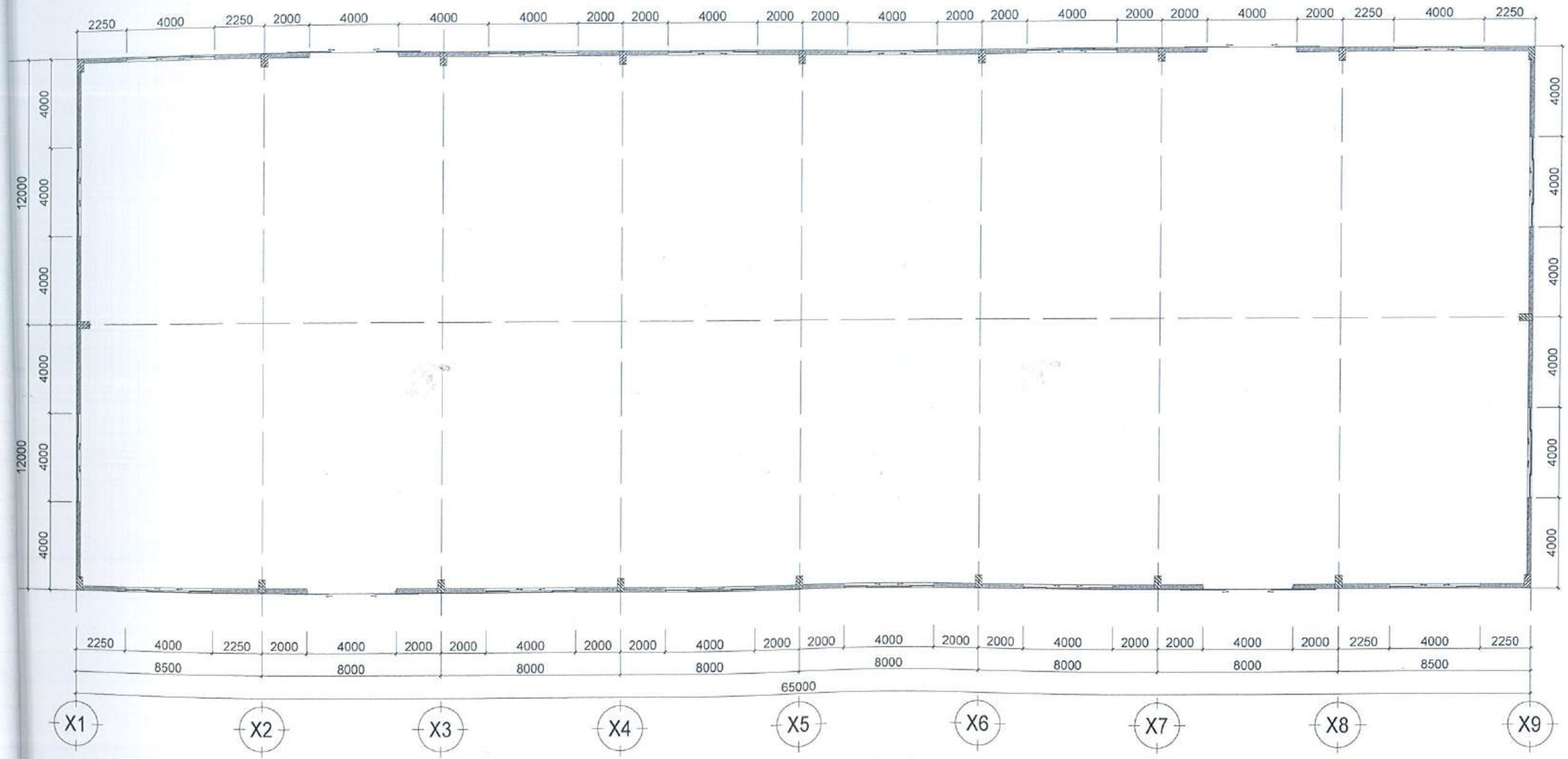

MẶT BẰNG TẦNG TRỆT

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ: 11/30, TỔ 71, KP.1, P. TÂN HIỆP, TP. BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 082
Email: Soanglyandinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

NHÀ XƯỞNG 3

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

MẶT BẰNG TẦNG TRỆT

DOCUMENT Nº :241031	DRAWING Nº
TL:1/100	NX3-01

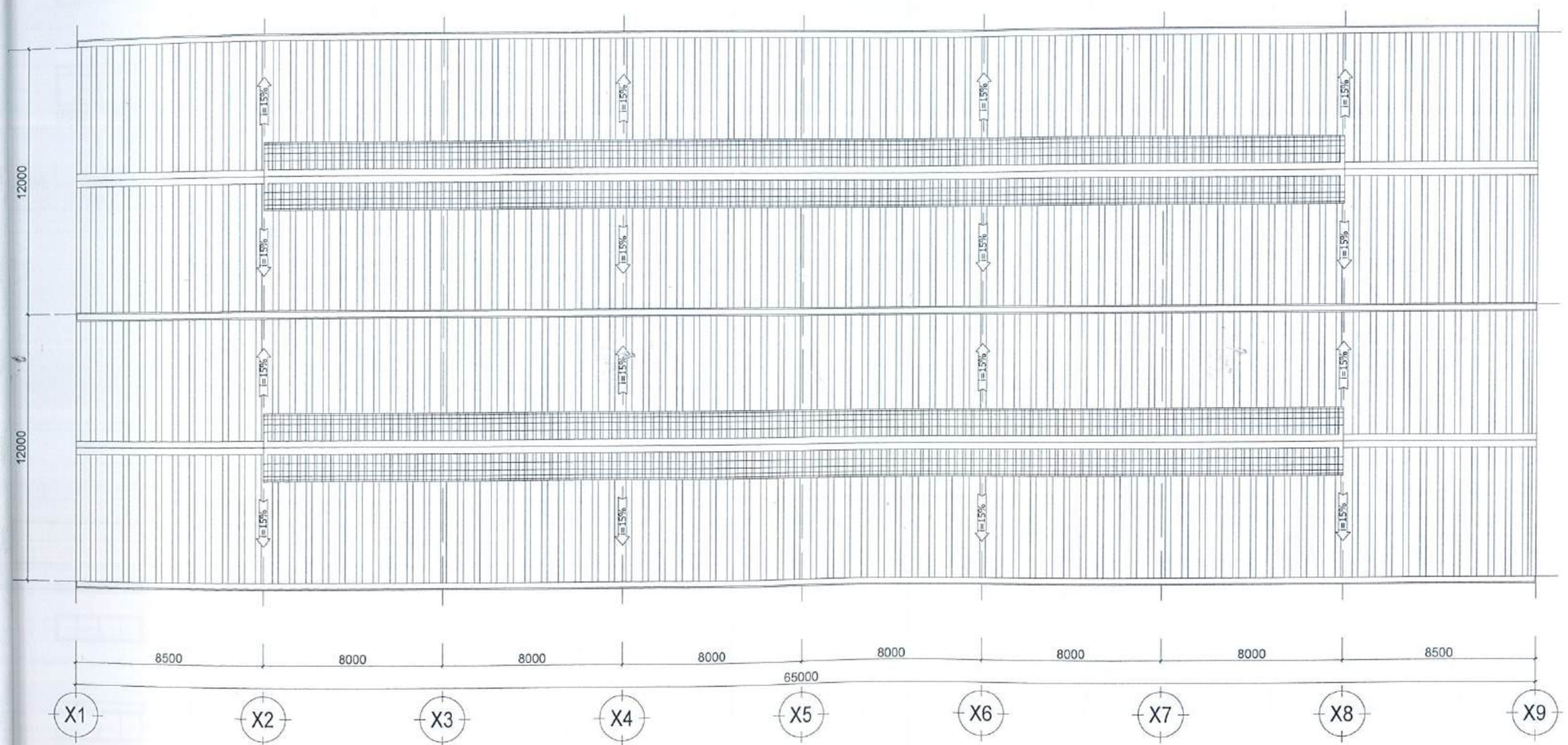

MẶT BẰNG MÁI

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

M.S.D.N: 3600485577 - C.I.T.A.T - CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM) - TP BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION	
T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR		
T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

M.S.D.N: 3603... - C.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG AN ĐỊNH - TỈNH ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 11 ĐD, Tổ 11, KP1, P. TÂN HIỆP, TP BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 082
Email: Congtyandinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

NHÀ XƯỞNG 3

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

MẶT BẰNG MÁI

DOCUMENT N° :241031	DRAWING N°
TL:1/100	NX3-02

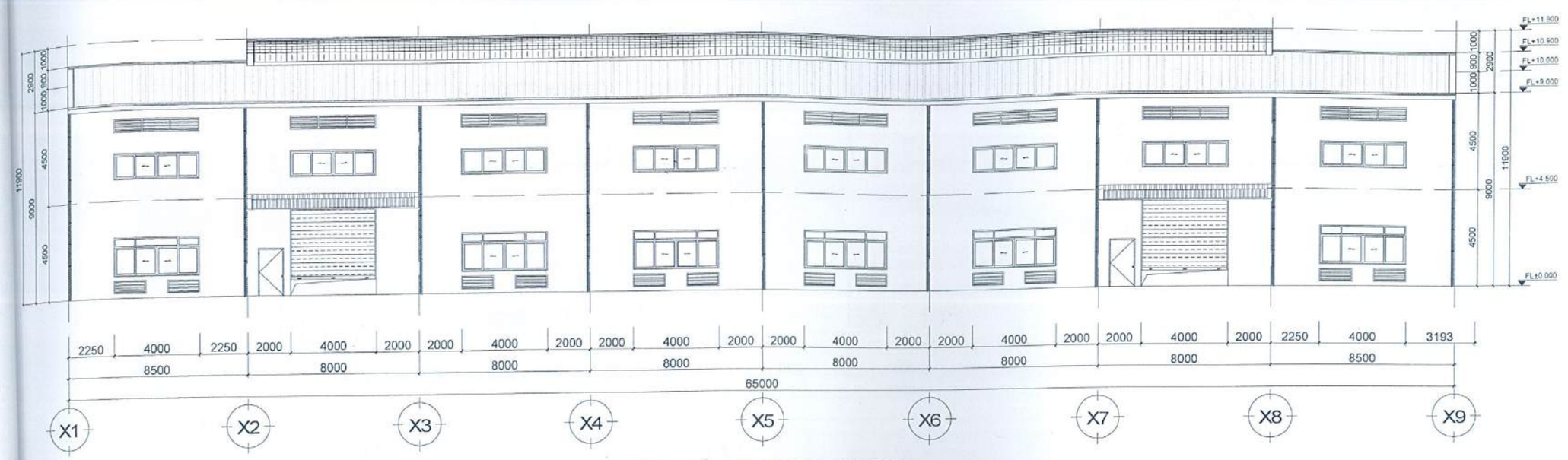

MẶT ĐỨNG TRỤC X1-X9

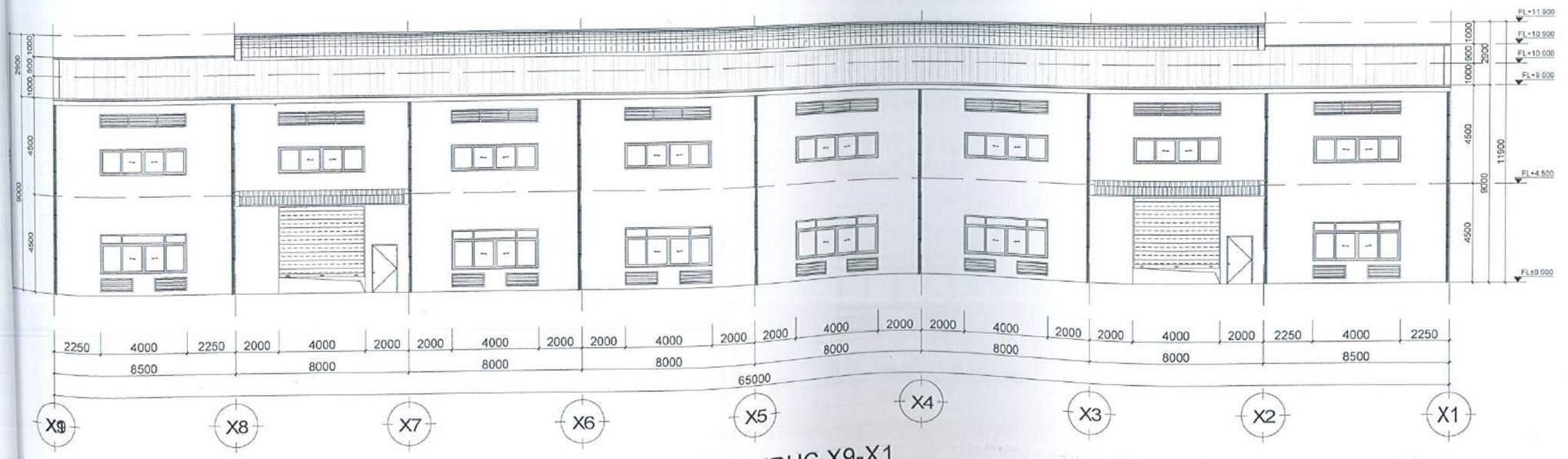

MẶT ĐỨNG TRỤC X9-X1

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

ĐỊA CHỈ: 214/D1, TỔ 11, KP1, P. TÂN HIỆP, TP BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0914 744 088
Email: Congtyandinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

NHÀ XƯỞNG 3

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

MẶT ĐỨNG

DOCUMENT N° :241031	DRAWING N°
TL:1/100	NX3-03

HẠNG MỤC : NHÀ XƯỞNG 4

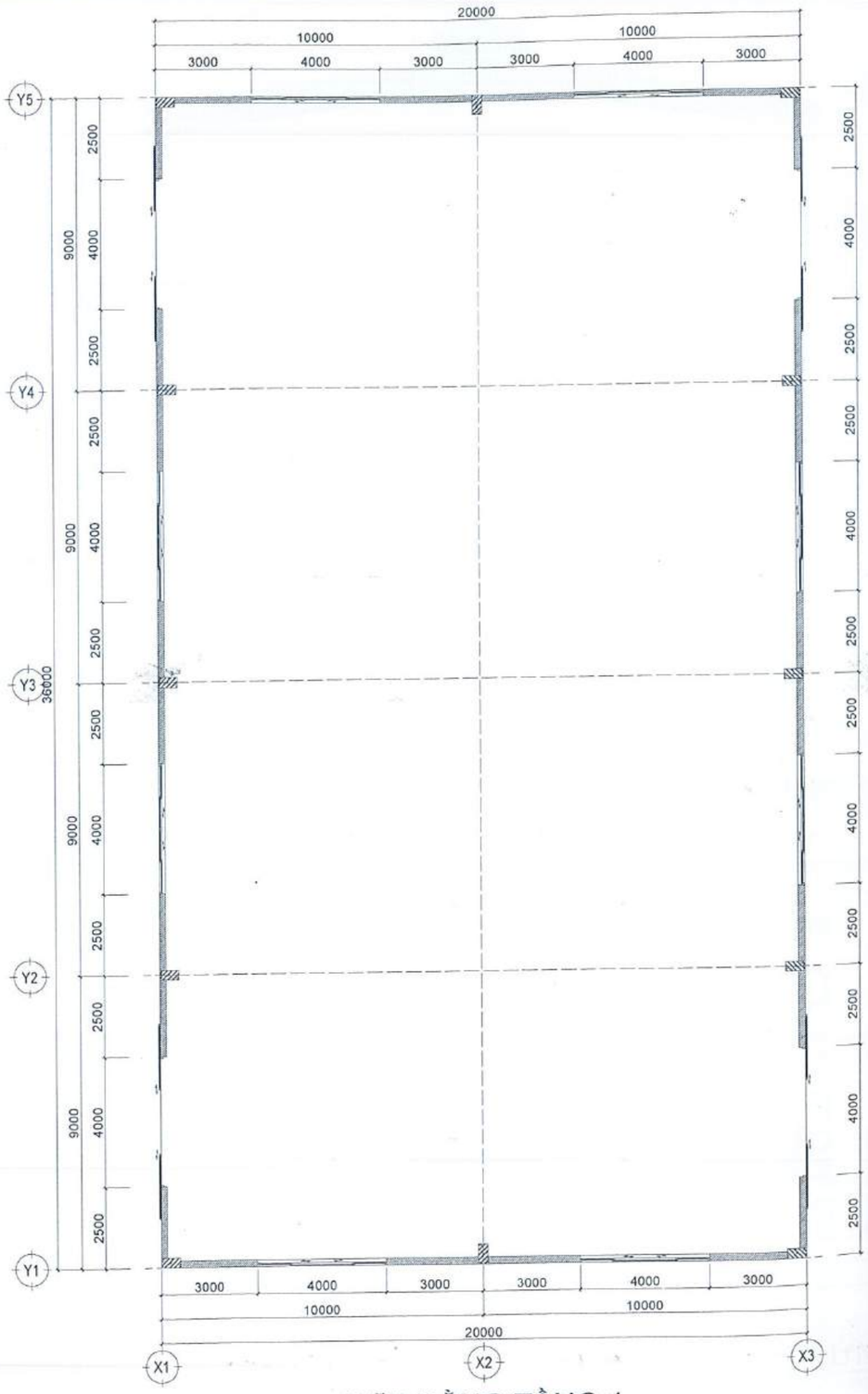

MẶT BẰNG TẦNG 1

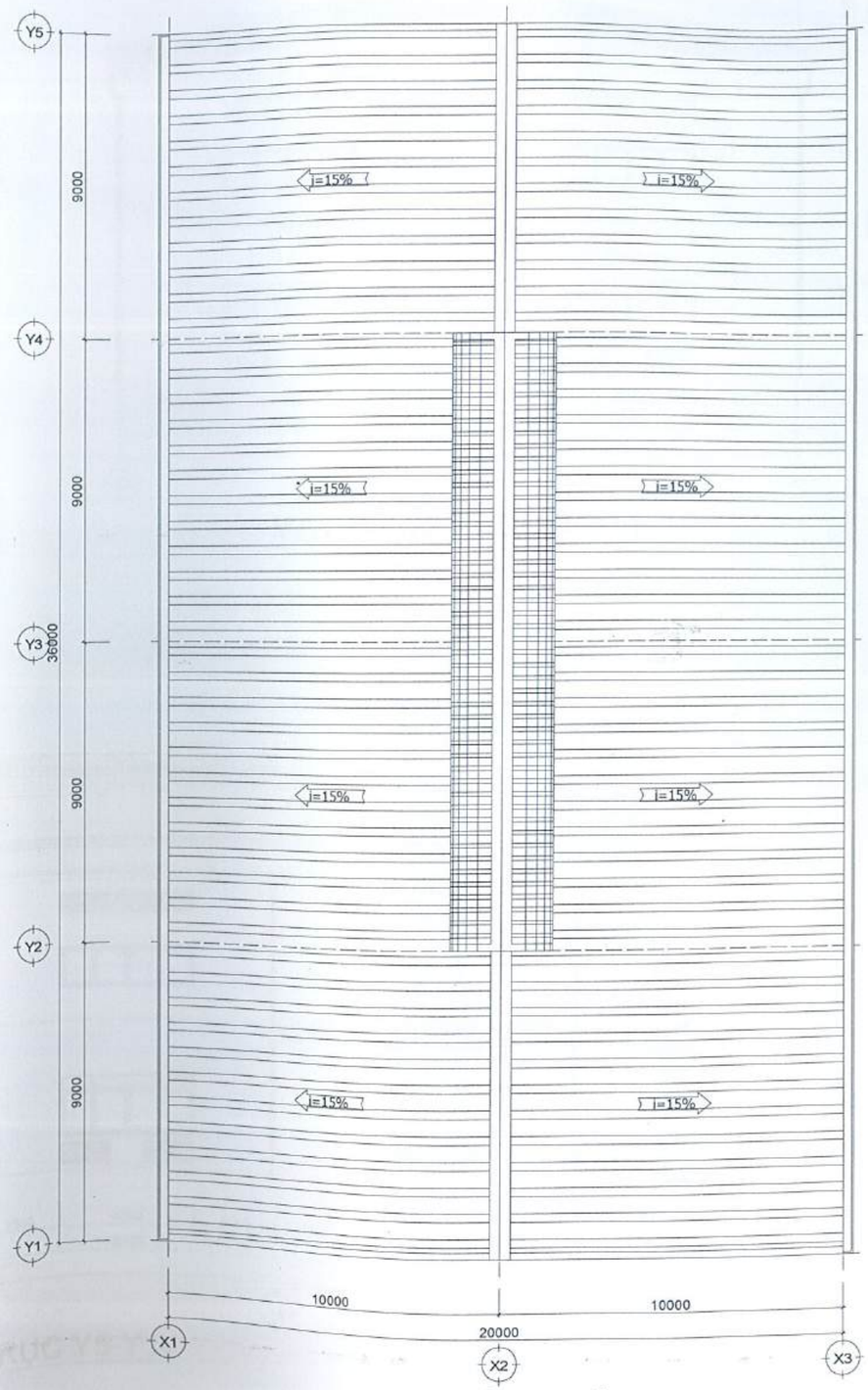

MẶT BẰNG MÁI

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ: 11A8 ,TỔ 11, KP1 , P. TÂN HIỆP, TP BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 082
Email: Congtyandinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

NHÀ XƯỞNG 4

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

MẶT BẰNG

DOCUMENT N° :241031	DRAWING N°
TL:1/100	NX4-01

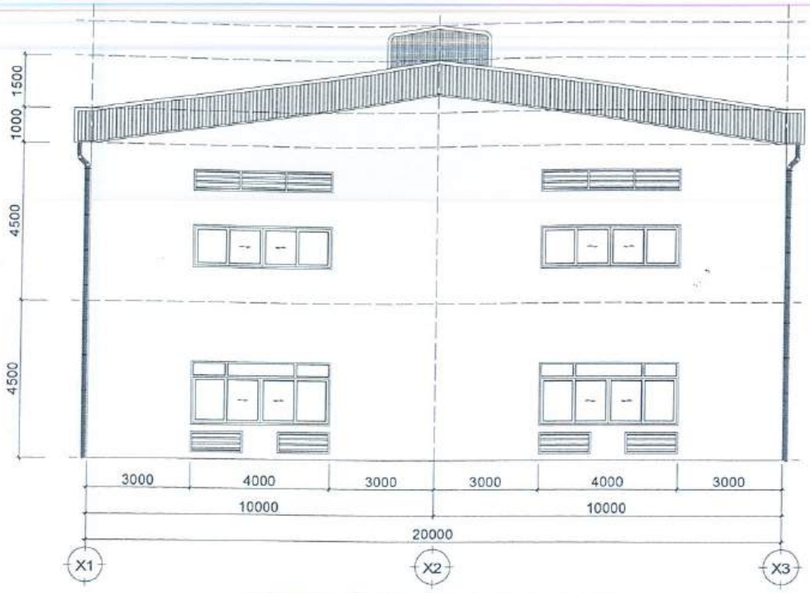

MẶT ĐỨNG TRỤC X1-X3

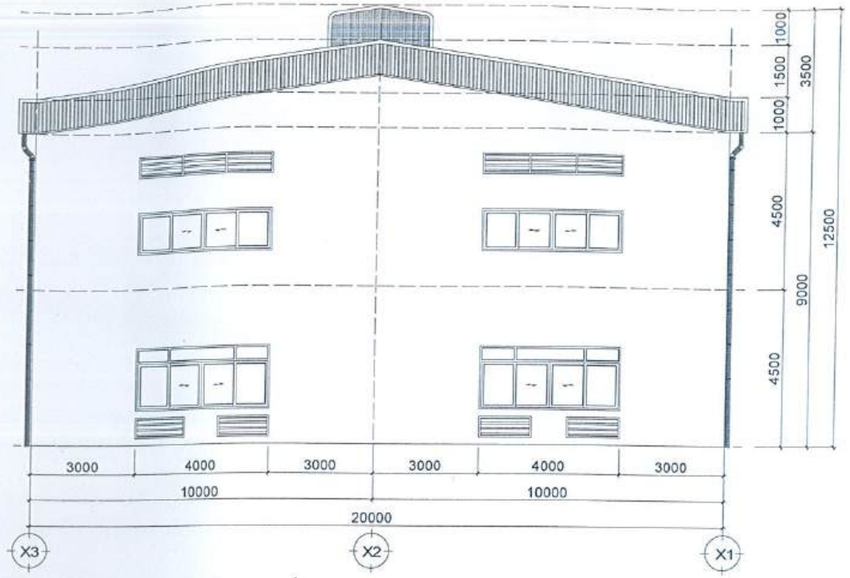

MẶT ĐỨNG TRỤC X3-X1

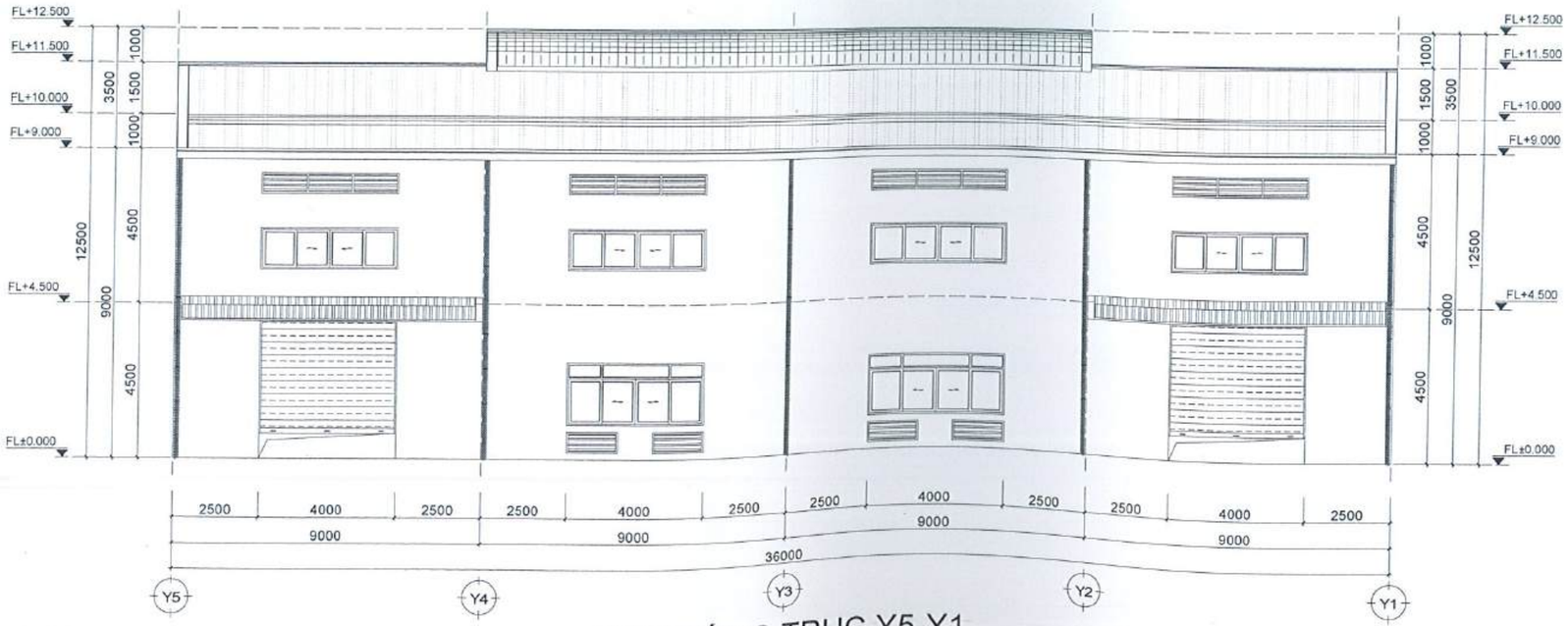

MẶT ĐỨNG TRỤC Y5-Y1

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ : 11/40, TỔ 11 , KP1 , P. TÂN HIỆP , TP BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0948 748 082
Email: Congtyandinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

KIs.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

NHÀ XƯỞNG 4

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

MẶT ĐỨNG

DOCUMENT Nº : 241031	DRAWING Nº
TL:1/100	NX4-02

HẠNG MỤC : NHÀ ĂN

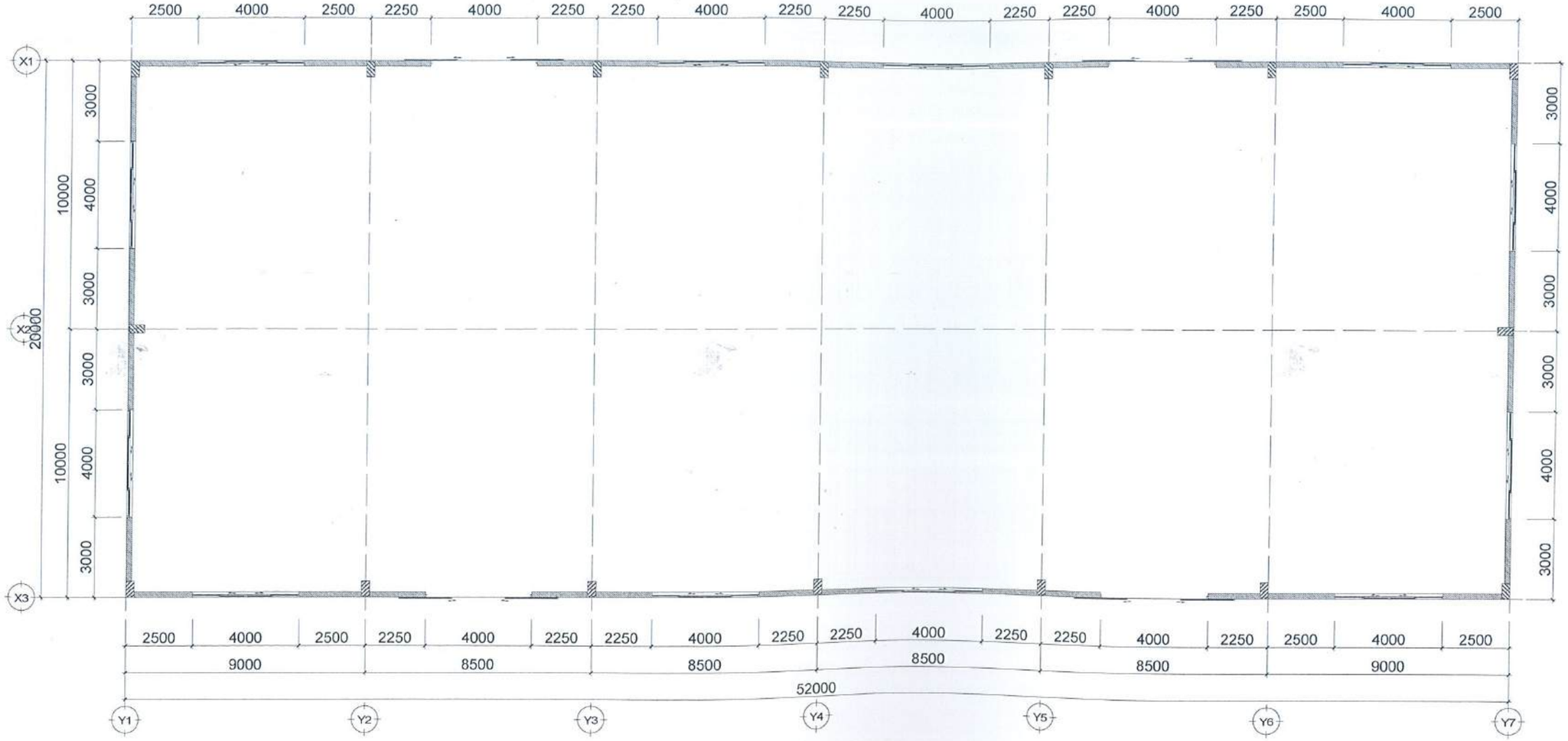

MẶT BẰNG TẦNG 1

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ : 31 NO1 10/11 KP1 P. TÂN HIỆP, TP BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 082
Email: Congtyandinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kls.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

NHÀ ĂN

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

MẶT BẰNG

DOCUMENT N°:241031	DRAWING N°
TL:1/100	NA-01

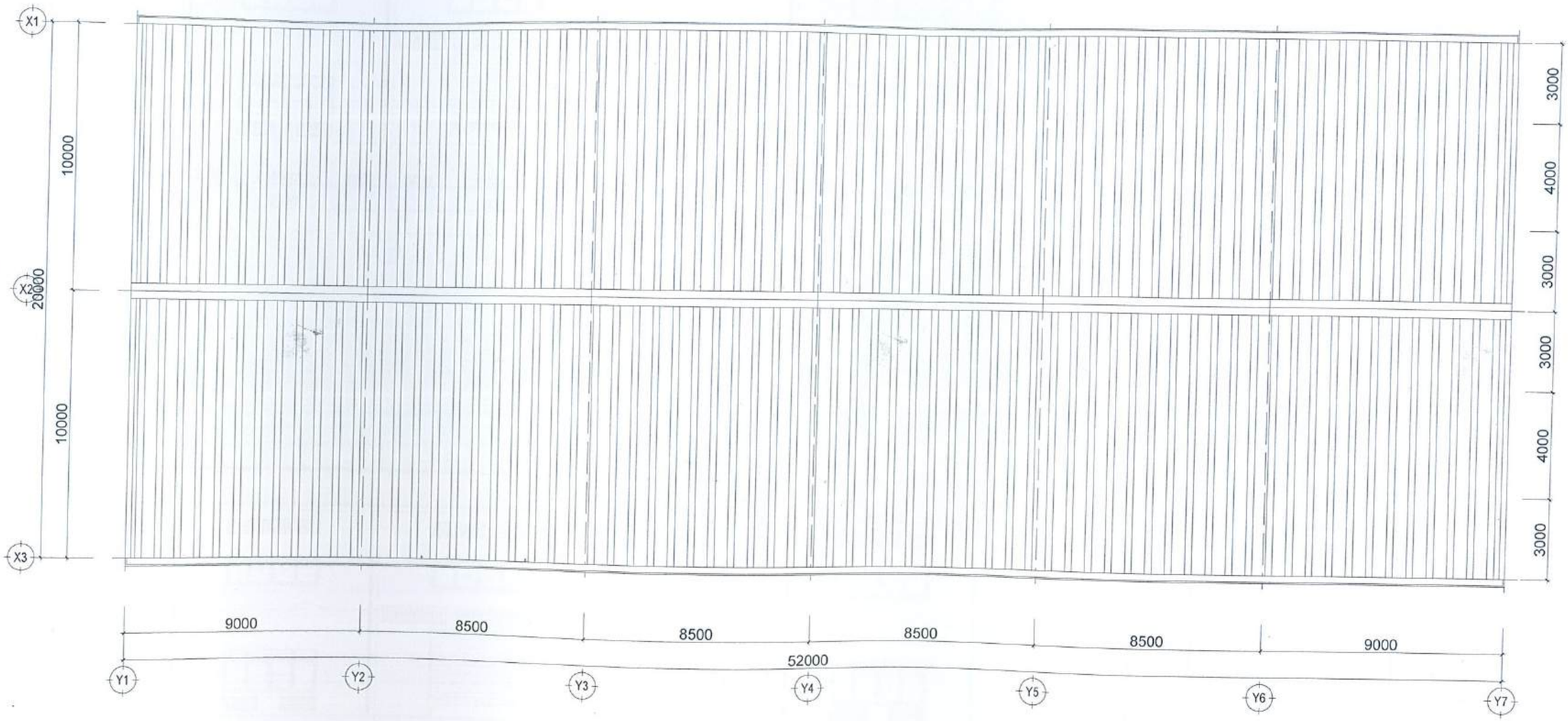

MẶT BẰNG MÁI

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ: 11/30, tổ 71, KP1, P. TÂN HIỆP, TP BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 082
Email: congtyandinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

NHÀ ĂN

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

MẶT ĐỨNG

DOCUMENT N° :241031	DRAWING N°
TL:1/100	NA-02

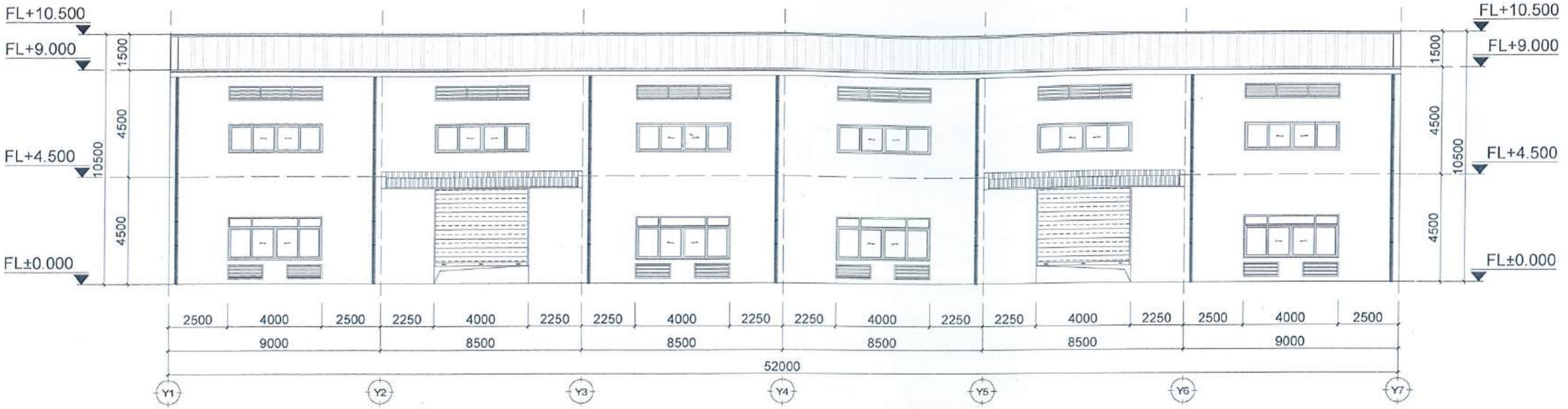

MẶT ĐỨNG Y1-Y7

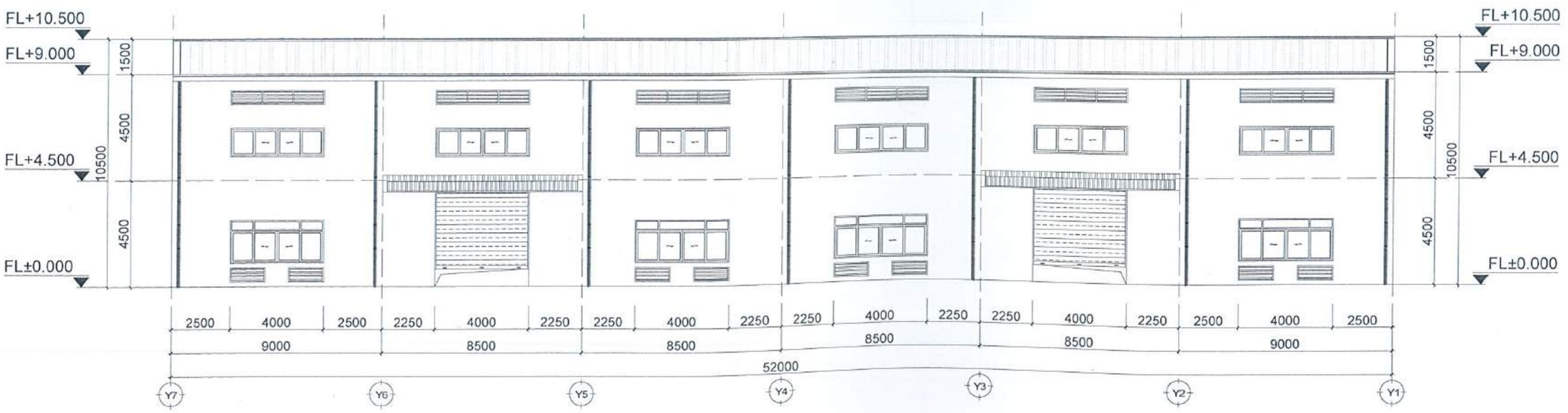

MẶT ĐỨNG Y7-Y1

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ: 11/10, TỔ 11, KP1, P. TÂN HIỆP, TP BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 082
Email: Conglyandinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

NHÀ ĂN

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

MẶT ĐỨNG

DOCUMENT N° :241031	DRAWING N°
TL:1/100	NA-03

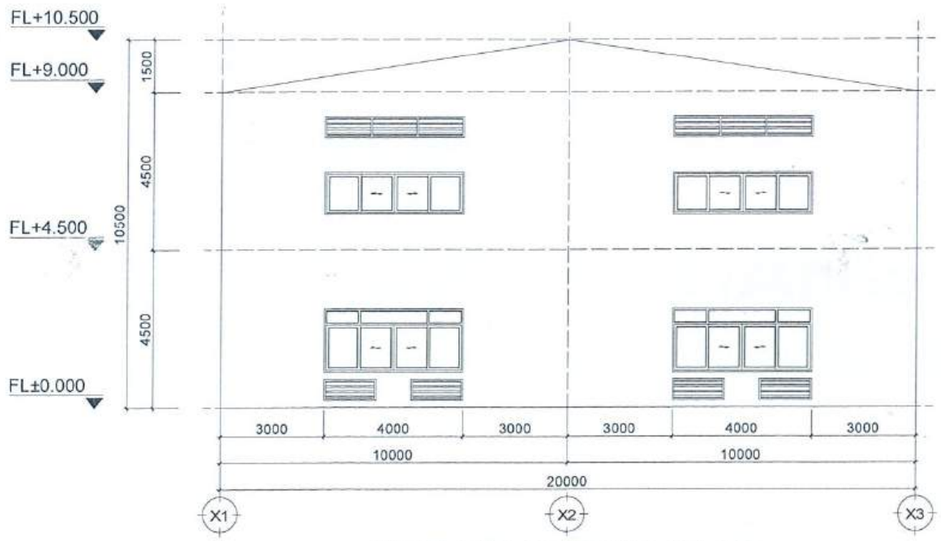

MẶT ĐỨNG TRỤC X1-X3

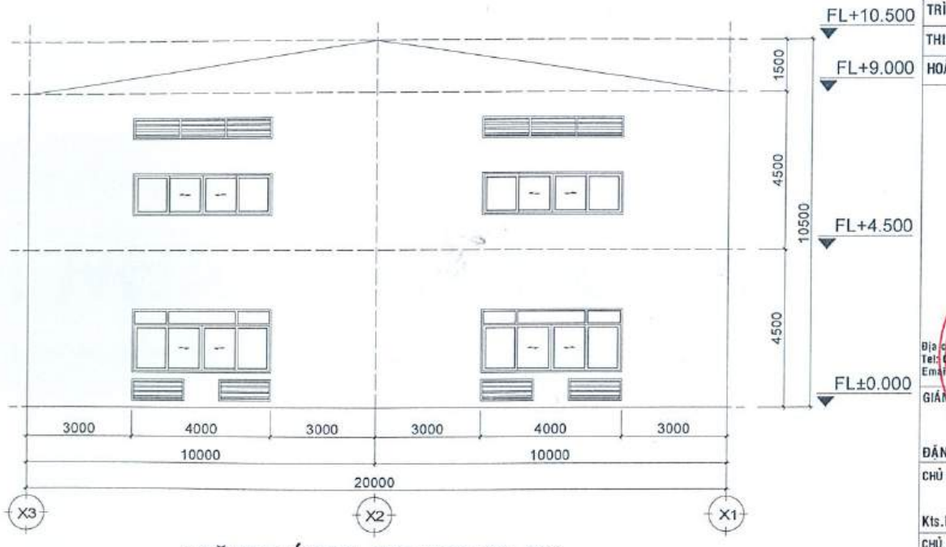

MẶT ĐỨNG TRỤC X3-X1

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ: 11/30, Tổ 11, KP1, P. TÂN HIỆP, TP. BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 062
Email: Congtyandinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

NHÀ ĂN

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

MẶT ĐỨNG

DOCUMENT N° : 241031	DRAWING N°
TL:1/100	NA-04

HẠNG MỤC : NHÀ VĂN PHÒNG

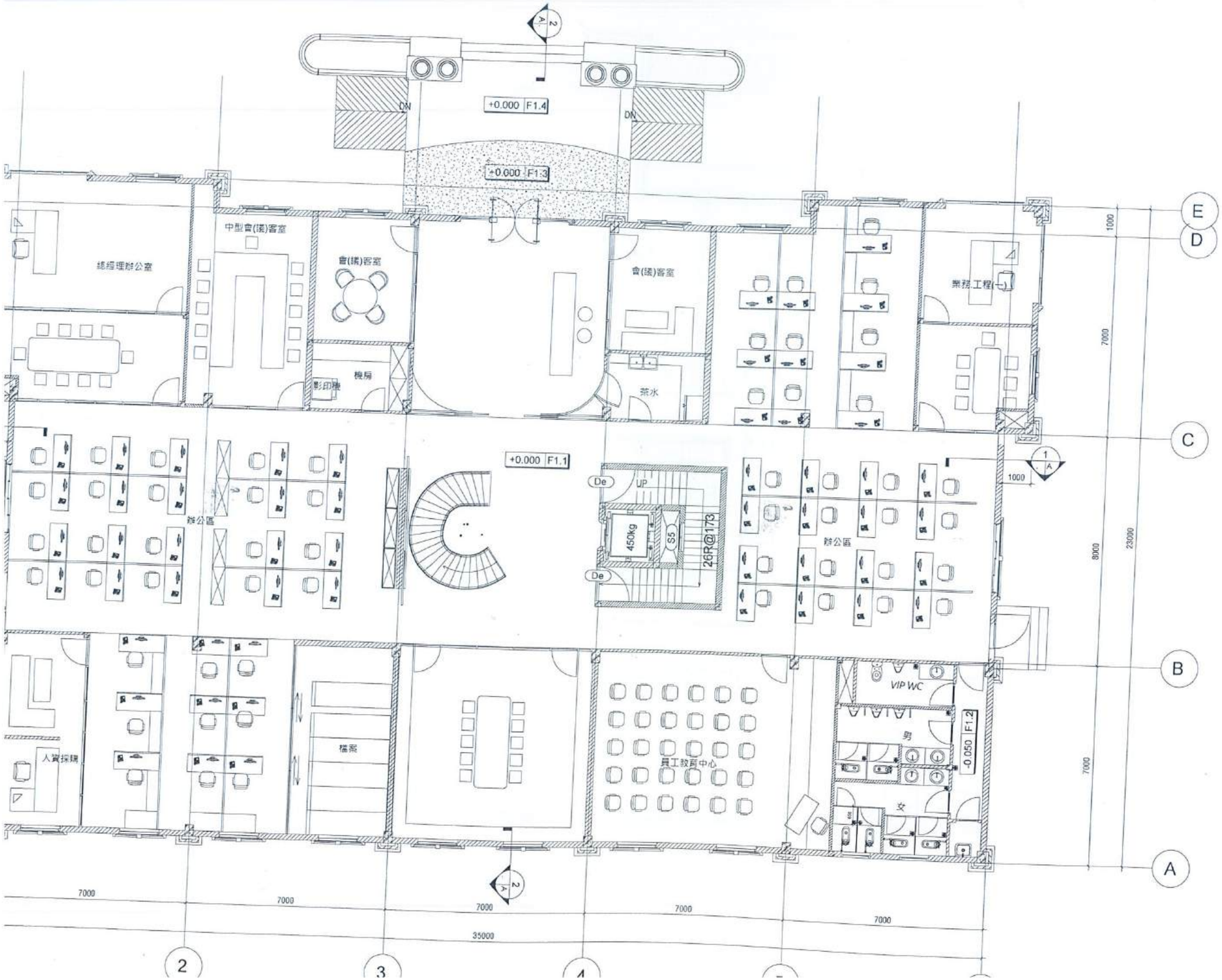

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ: 17/4D, TỔ 11, KP1, P. TÂN HIỆP, TP BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 062
Email: Congtyandinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

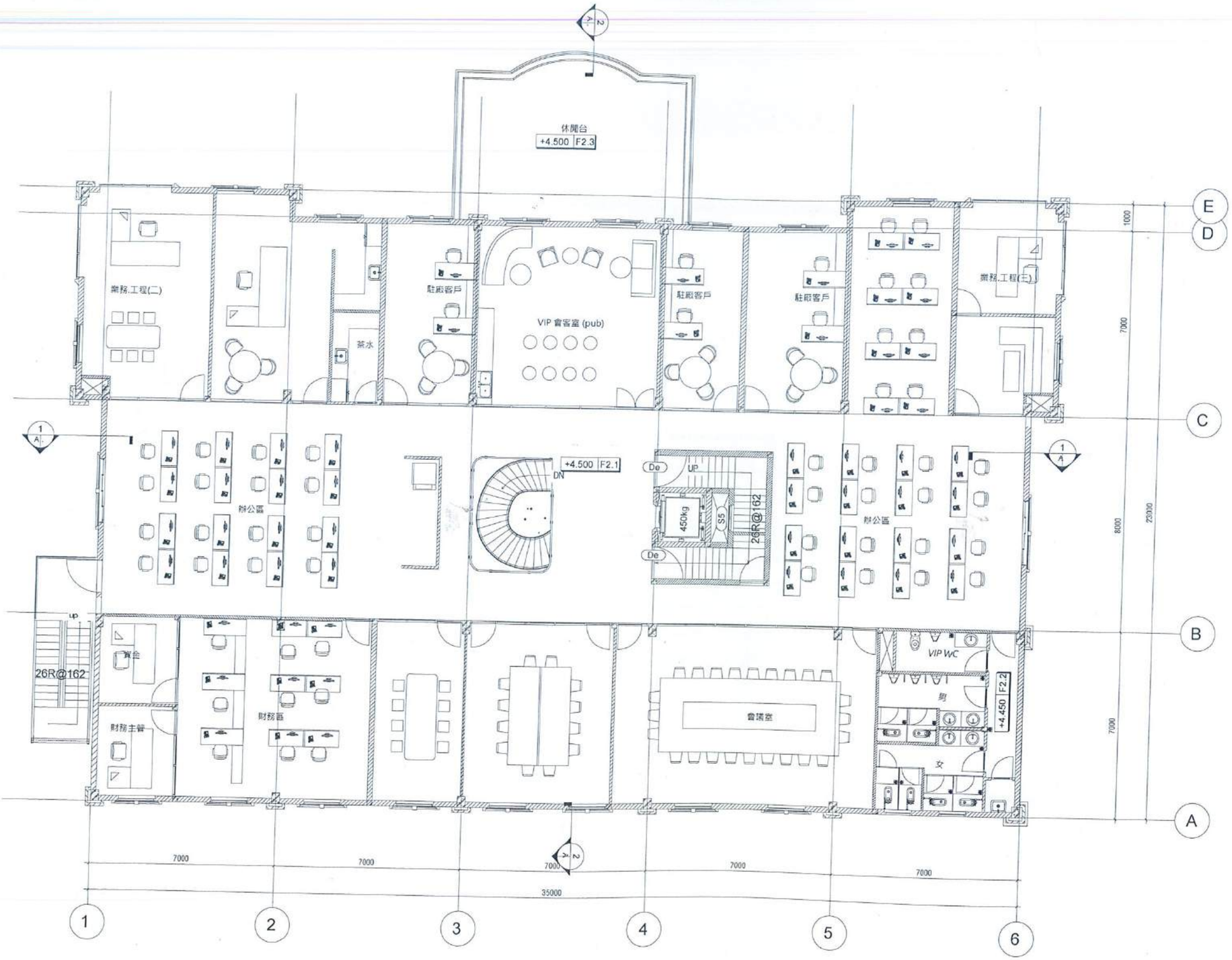

MẶT BẰNG NỘI THẤT TẦNG 2 TL: 1/100

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ: 31/4DA TỔ 51 KP1 , P. TÂN HIỆP , TP BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 144 082
Email: Congtyandinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

NHÀ VĂN PHÒNG

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

MẶT BẰNG TẦNG 2

DOCUMENT N° : 241031	DRAWING N°
TL:1/100	NVP-02

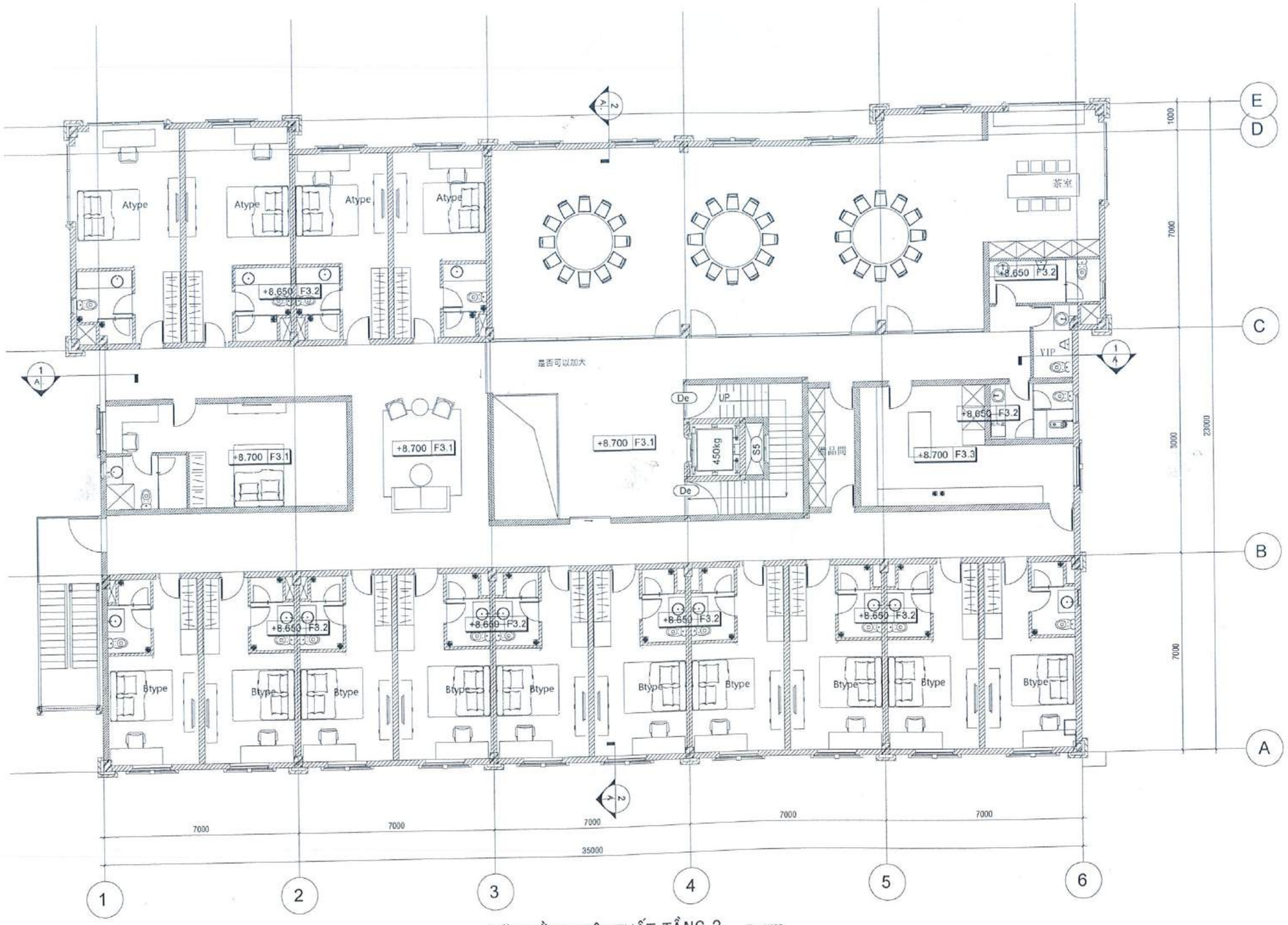

MẶT BẰNG NỘI THẤT TẦNG 3 TL: 1/100

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ: 11/10, Tổ 11, Kp1, P.TÂN HIỆP, TP BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 082
Email: Congtyandinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

NHÀ VĂN PHÒNG

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

MẶT BẰNG TẦNG 3

DOCUMENT N° :241031	DRAWING N°
TL:1/100	NVP-03

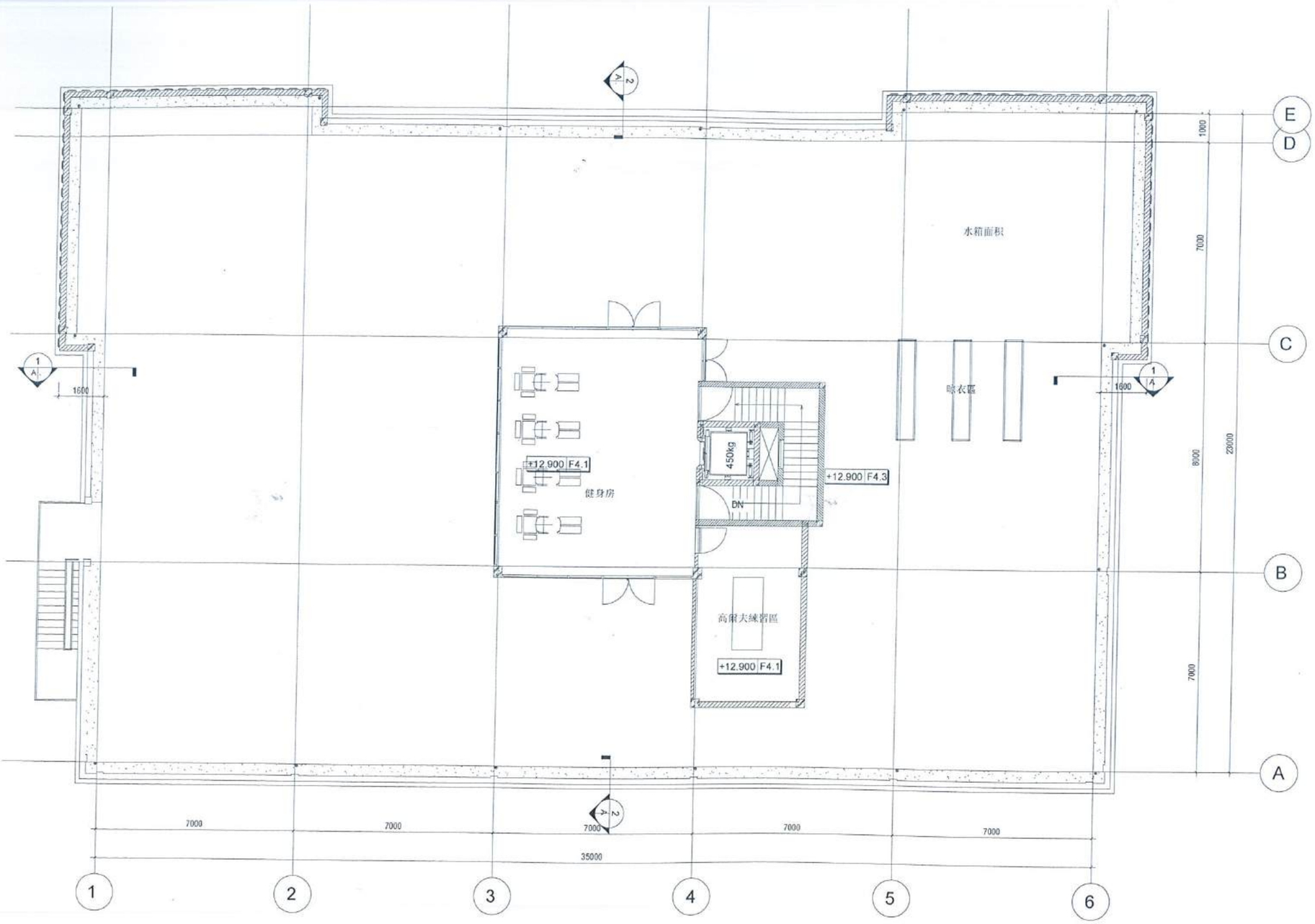

MẶT BẰNG NỘI THẤT TẦNG 4 TL: 1/100

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ : 31 NGÔ TẤT TỐ 1, KP1, P. TÂN HIỆP, TP. BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 082
Email: Congtyandinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

NHÀ VĂN PHÒNG

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

MẶT BẰNG SÂN THƯỢNG

DOCUMENT N° : 241031	DRAWING N°
TL:1/100	NVP-04

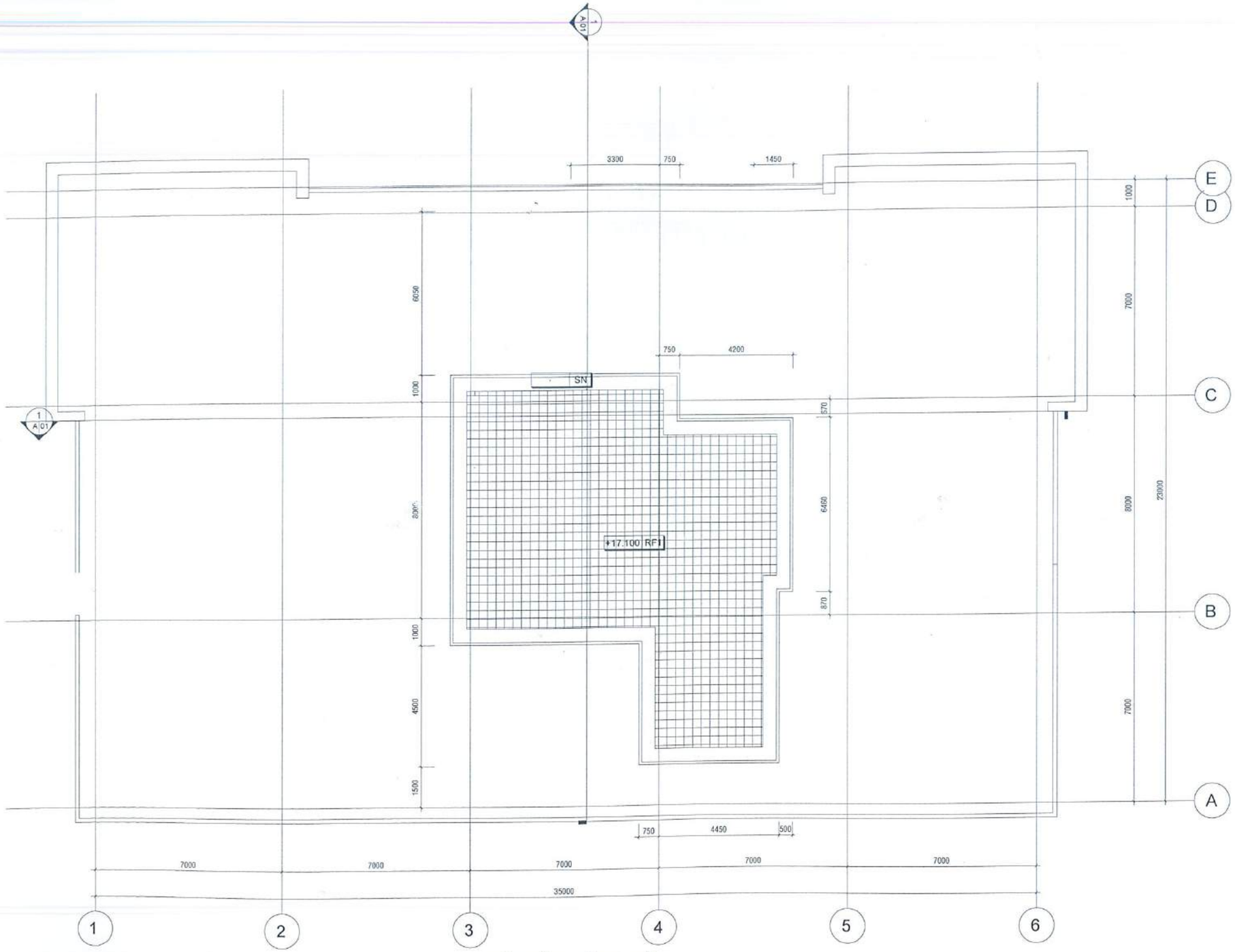

MẶT BẰNG TẦNG MÁI TL: 1/100

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ: 114D, Tổ 41, KP1, P. TÂN HIỆP, TP. BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 082
Email: Congtyanđinh2016@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

NHÀ VĂN PHÒNG

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

MẶT BẰNG MÁI

DOCUMENT N° : 241031	DRAWING N°
TL:1/100	NVP-05

MẶT ĐỨNG TRỤC 6-1 TL: 1/100

GHI CHÚ

T1	TƯỜNG ỐP ĐÁ CHẺ 100X200 MÀU ĐEN XÁM
T2	TƯỜNG SƠN NƯỚC MÀU TRẮNG NGÀ
T3	CÁC LOẠI CHỈ, BỆ TRANG TRÍ SƠN TRẮNG NGÀ
T4	ĐẮP CHỈ NỔI 30X40 mm

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ: 1140 / TỔ 11, KP2, P. TÂN MAI, TP. BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 082
Email: Congtyandinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

NHÀ VĂN PHÒNG

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

MẶT ĐỨNG

DOCUMENT N° : 241031	DRAWING N°
TL:1/100	NVP-06

MẶT ĐỨNG TRỤC 1-6 TL: 1/100

GHI CHÚ:

T1	TƯỜNG ỐP ĐÁ CHẺ 100X200 MÀU ĐEN XÁM
T2	TƯỜNG SƠN NƯỚC MÀU TRẮNG NGÀ
T3	CÁC LOẠI CHỈ, BỌ TRANG TRÍ SƠN TRẮNG NGÀ
T4	ĐẶP CHỈ NỔI 30X40 mm

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ: 11/30, tổ 11, KP 8, P. Tân Hiệp , TP. Biên Hòa, ĐN
Tel: 0944 744 082
Email: congtyandinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

NHÀ VĂN PHÒNG

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

MẶT ĐỨNG

DOCUMENT N° : 241031	DRAWING N°
TL:1/100	NVP-07

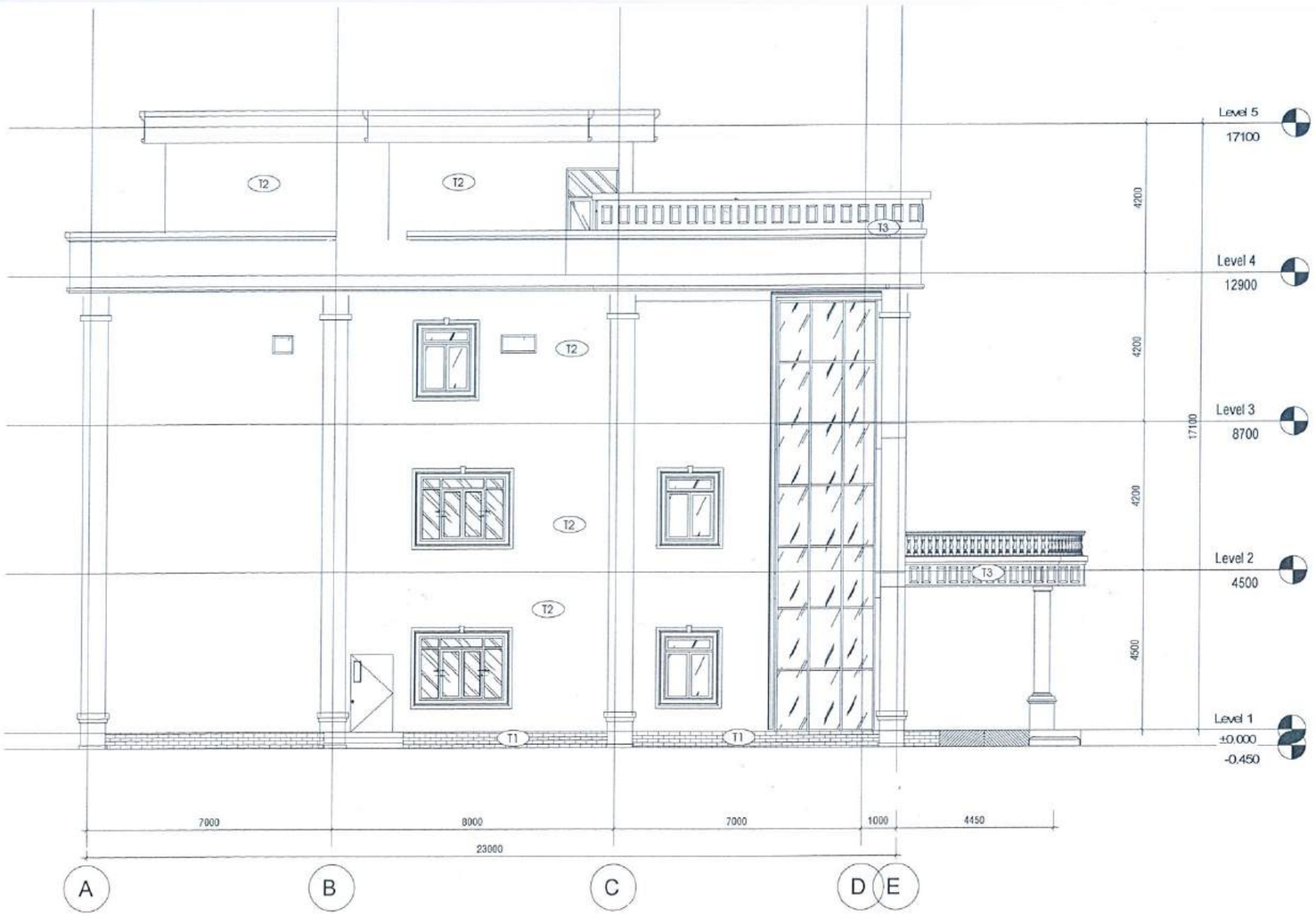

MẶT ĐỨNG TRỤC A-E TL: 1/100

GHI CHÚ:

T1	TƯỜNG ỐP ĐÁ CHẺ 100X200 MÀU ĐEN XÁM
T2	TƯỜNG SƠN NƯỚC MÀU TRẮNG NGÀ
T3	CÁC LOẠI CHỈ, BỆ TRANG TRÍ SƠN TRẮNG NGÀ
T4	ĐẶP CHỈ NỔI 30X40 mm

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ: 11/49, 10-11 KP1, P LONG BÌNH, TP BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 744 082
Email: Congtyandinh2130@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

NHÀ VĂN PHÒNG

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

MẶT ĐỨNG

DOCUMENT N° :241031	DRAWING N°
TL:1/100	NVP-08

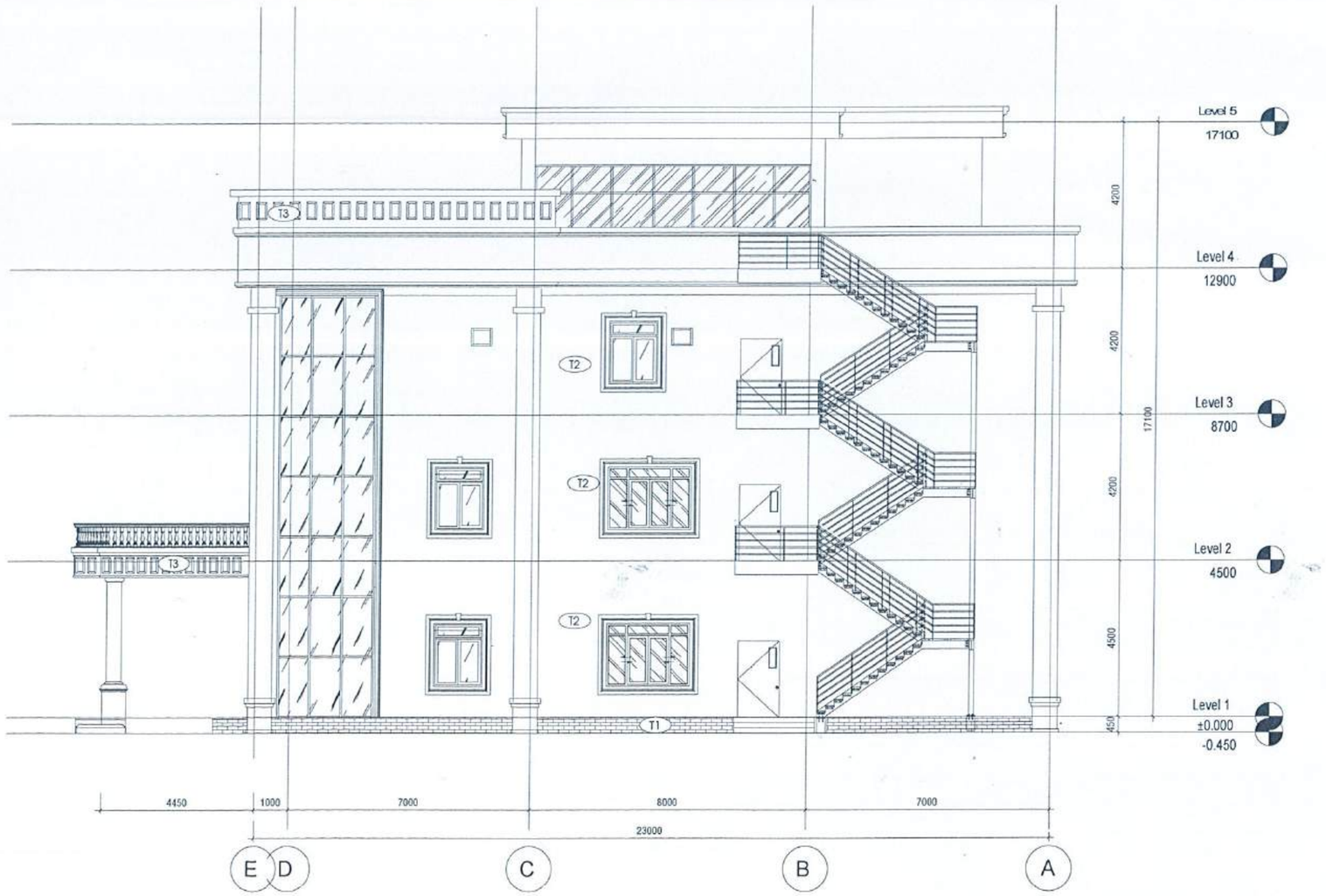

MẶT ĐỨNG TRỤC E-A TL: 1/100

GHI CHÚ:

T1	TƯỜNG ỐP ĐÁ CHẺ 100X200 MÀU ĐEN XÁM
T2	TƯỜNG SƠN NƯỚC MÀU TRẮNG NGÀ
T3	CÁC LOẠI CHỈ, BỆ TRANG TRÍ SƠN TRẮNG NGÀ
T4	ĐẮP CHỈ NỔI 30X40 mm

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

GIÁM ĐỐC

HO CHIN CHIH

HIỆU CHỈNH - REVISION

T.T - No.	NGÀY HIỆU CHỈNH - REVISION DATE

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☒	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐	AS - BUILT

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

AN ĐỊNH

AN ĐỊNH CONSTRUCTION Co, Ltd

Địa chỉ: 11/D, TỔ 11, KP1, P. TÂN HIỆP, TP BIÊN HÒA, ĐN
Tel: 0944 [illegible]
Email: Congtyandinh2019@gmail.com

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TUẤN

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

Kts.HOÀNG TRƯỜNG GIANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KẾT CẤU

Ks.NGUYỄN PHONG OANH

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC

Ks.PHẠM NGỌC HÀ

THIẾT KẾ ĐIỆN

Ks.NGUYỄN VĂN ĐỊNH

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA , P LONG BÌNH , TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.

HẠNG MỤC - ITEM

NHÀ VĂN PHÒNG

TÊN B. VẼ - DRAWING TITLE

MẶT ĐỨNG

DOCUMENT N° : 241031	DRAWING N°
TL:1/100	NVP-09

PHỤ LỤC

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

AR-25-VZ-006163-01 / EUVN004-00003299

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Đơn vị yêu cầu	: **CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)**
Địa chỉ	: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày lấy mẫu	: 19/06/2025
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Nước thải đầu vào của HTXL nước thải
Tình trạng mẫu	: Mẫu lỏng, đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
Mã số mẫu	: 607-2025-00003954

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ001 VZ **pH**	-	**2,57**	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)
2	VZ00B VZ **BOD_5**	mg/l	**3**	SMEWW 5210B:2023
3	VZ054 VZ **COD**	mg/l	**32**	SMEWW 5220C:2023
4	VZ009 VZ **Chất rắn lơ lửng**	mg/l	**83**	TCVN 6625:2000 (ISO 11923:1997)
5	VZ05E VZ **Crôm VI**	mg/l	**KPH (MDL=0,005)**	SMEWW 3500-Cr.B:2023
6	VZ00X VZ **Crôm III**	mg/l	**26,1**	SMEWW 3120B:2023 & SMEWW 3500Cr.B:2023
7	VZ0EC VZ **Kẽm**	mg/l	**2,99**	SMEWW 3120B:2023
8	VZ0E7 VZ **Niken**	mg/l	**23,6**	SMEWW 3120B:2023
9	VZ0E9 VZ **Sắt**	mg/l	**10,0**	SMEWW 3120B:2023
10	VZ00S VZ **Tổng dầu mỡ khoáng**	mg/l	**KPH (MDL=0,5)**	SMEWW 5520.B&F:2023
11	VZ013 VZ **Tổng Coliform**	MPN/100 ml	**KPH (MDL=2)**	SMEWW 9221B:2023

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

Ký tên

Ngày 30 tháng 06 năm 2025

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ * TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG * TP THỦ ĐỨC - T.P HỒ CHÍ MINH

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

Huỳnh Ngọc Phương Mai
Giám Đốc

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Document number: BM.07.06
Version: 09
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-006163-01 / EUVN004-00003299

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com

AR-25-VZ-006164-01 / EUVN004-00003299

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Đơn vị yêu cầu	: **CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)**
Địa chỉ	: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày lấy mẫu	: 19/06/2025
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Nước thải đầu ra của HTXL nước thải
Tình trạng mẫu	: Mẫu lỏng, đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
Mã số mẫu	: 607-2025-00003955

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ001 VZ **pH**	-	**6,47**	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)
2	VZ00B VZ **BOD_5**	mg/l	**2**	SMEWW 5210B:2023
3	VZ054 VZ **COD**	mg/l	**10**	SMEWW 5220C:2023
4	VZ009 VZ **Chất rắn lơ lừng**	mg/l	**52**	TCVN 6625:2000 (ISO 11923:1997)
5	VZ05E VZ **Crôm VI**	mg/l	**0,658**	SMEWW 3500-Cr.B:2023
6	VZ00X VZ **Crôm III**	mg/l	**0,905**	SMEWW 3120B:2023 & SMEWW 3500Cr.B:2023
7	VZ0EC VZ **Kẽm**	mg/l	**KPH (MDL=0,02)**	SMEWW 3120B:2023
8	VZ0E7 VZ **Niken**	mg/l	**0,122**	SMEWW 3120B:2023
9	VZ0E9 VZ **Sắt**	mg/l	**0,115**	SMEWW 3120B:2023
10	VZ00S VZ **Tổng dầu mỡ khoáng**	mg/l	**KPH (MDL=0,5)**	SMEWW 5520.B&F:2023
11	VZ013 VZ **Tổng Coliform**	MPN/100 ml	**$7,9x10^2$**	SMEWW 9221B:2023

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

Ký tên

Ngày 30 tháng 06 năm 2025

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ * TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG * TP. THỦ ĐỨC - T.P HỒ CHÍ MINH

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

Huỳnh Ngọc Phương Mai
Giám Đốc

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Document number: BM.07.06
Version: 09
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-006164-01 / EUVN004-00003299

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com

AR-25-VZ-012214-01 / EUVN004-00005271

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Đơn vị yêu cầu	: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
Địa chỉ	: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày lấy mẫu	: 24/10/2025
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Nước thải đầu vào của HTXL
Tình trạng mẫu	: Mẫu lỏng, đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
Mã số mẫu	: 607-2025-00009546

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ001 VZ pH	-	3,61	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)
2	VZ00B VZ BOD_5	mg/l	KPH (MDL=1)	SMEWW 5210B:2023
3	VZ054 VZ COD	mg/l	18	SMEWW 5220C:2023
4	VZ009 VZ Chất rắn lơ lửng	mg/l	33	TCVN 6625:2000 (ISO 11923:1997)
5	VZ05E VZ Crôm VI	mg/l	4,73	SMEWW 3500-Cr.B:2023
6	VZ00X VZ Crôm III	mg/l	16,00	SMEWW 3120B:2023 & SMEWW 3500Cr.B:2023
7	VZ0EC VZ Kẽm	mg/l	0,173	SMEWW 3120B:2023
8	VZ0E7 VZ Niken	mg/l	12,7	SMEWW 3120B:2023
9	VZ0E9 VZ Sắt	mg/l	0,255	SMEWW 3120B:2023
10	VZ00S VZ Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (MDL=0,5)	SMEWW 5520-B&F:2023
11	VZ013 VZ Tổng Coliform	MPN/100 ml	KPH (MDL=2)	SMEWW 9221B:2023

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

Ký tên

Ngày 26 tháng 11 năm 2025

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ * TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG * TP. THỦ ĐỨC - T.P HỒ CHÍ MINH

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

Huỳnh Ngọc Phương Mai
Giám đốc

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Document number: BM.07.06
Version: 09
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-012214-01 / EUVN004-00005271

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com

AR-25-VZ-012199-01 / EUVN004-00005271

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Đơn vị yêu cầu	: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
Địa chỉ	: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày lấy mẫu	: 24/10/2025
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Nước thải đầu ra của HTXL
Tình trạng mẫu	: Mẫu lỏng, đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
Mã số mẫu	: 607-2025-00009547

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ001 VZ pH	-	6,74	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)
2	VZ00B VZ BOD_5	mg/l	90	SMEWW 5210B:2023
3	VZ054 VZ COD	mg/l	137	SMEWW 5220C:2023
4	VZ009 VZ Chất rắn lơ lửng	mg/l	136	TCVN 6625:2000 (ISO 11923:1997)
5	VZ05E VZ Crôm VI	mg/l	KPH (MDL=0,005)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
6	VZ00X VZ Crôm III	mg/l	2,490	SMEWW 3120B:2023 & SMEWW 3500Cr.B:2023
7	VZ0EC VZ Kẽm	mg/l	0,037	SMEWW 3120B:2023
8	VZ0E7 VZ Niken	mg/l	0,996	SMEWW 3120B:2023
9	VZ0E9 VZ Sắt	mg/l	0,733	SMEWW 3120B:2023
10	VZ00S VZ Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	0,8	SMEWW 5520-B&F:2023
11	VZ013 VZ Tổng Coliform	MPN/100 ml	240	SMEWW 9221B:2023

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

Ký tên

Ngày 26 tháng 11 năm 2025

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ * TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG * TP. THỦ ĐỨC - T.P HỒ CHÍ MINH

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

Huỳnh Ngọc Phương Mai
Giám đốc

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Document number: BM.07.06
Version: 09
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-012199-01 / EUVN004-00005271

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com

AR-25-VZ-005934-01 / EUVN004-00003299

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Đơn vị yêu cầu	: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
Địa chỉ	: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày lấy mẫu	: 19/06/2025
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Khu vực cổng bảo vệ
Mã số mẫu	: 607-2025-00003956

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 1 giờ)	QCVN 26:2010/BTNMT (6:00 - 21:00)	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ01F VZ **Tiếng ồn**	dB(A)	**69,2**	-	70	TCVN 7878-2:2018 (ISO 1996-2:2017)
2	VZ01J VZ **Tổng bụi lơ lửng (TSP)**	µg/Nm³	**104**	300	-	TCVN 5067:1995
3	VZ01K VZ **SO_2**	µg/Nm³	**11**	350	-	MASA Method 704A
4	VZ021 VZ **CO**	µg/Nm³	**KPH (MDL=1000)**	30000	-	TCVN 5972:1995 (ISO 8186:1989)
5	VZ01L VZ **NO_2**	µg/Nm³	**17**	200	-	MASA Method 406

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

Ký tên

Ngày 01 tháng 07 năm 2025

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ * TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG * TP. THỦ ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Bích Thủy
Phó Giám Đốc

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Document number: BM.07.06
Version: 09
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-005910-01 / EUVN004-00003299

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Đơn vị yêu cầu	: **CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)**
Địa chỉ	: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày lấy mẫu	: 19/06/2025
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Khu vực đầu xưởng sản xuất
Mã số mẫu	: 607-2025-00003957

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 26:2016/BYT (Lao động trung bình)	QCVN 24:2016/BYT (Tại vị trí làm việc lao động, sản xuất trực tiếp)	QCVN 02:2019/BYT	QCVN 03:2019/BYT (TWA)	Tiêu chuẩn vệ sinh lao động với Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT (TWA)	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ01B VZ **Nhiệt độ**	°C	**29,7**	18 - 32	-	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
2	VZ01C VZ **Độ ẩm**	% rh	**75,4**	40 - 80	-	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
3	VZ01D VZ **Vận tốc gió**	m/s	**0,6-0,8**	0,2 - 1,5	-	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
4	VZ01F VZ **Tiếng ồn**	dB(A)	**73,5**	-	85	-	-	-	TCVN 7878-2:2018 (ISO 1996-2:2017)
5	VZ01J VZ **Bụi tổng cộng**	mg/m³	**0,14**	-	-	8	-	-	TCVN 5067:1995
6	VZ01V VZ Crom (Cr)	mg/m³	**KPH (MDL=0,002)**	-	-	-	-	-	NIOSH Method 7303
7	VZ020 VZ **Axit Clohiđric (HCl)**	mg/m³	**0,03**	-	-	-	5	-	NIOSH Method 7907
8	VZ01W VZ **Nickel (Ni)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,0001)**	-	-	-	-	0,05	NIOSH Method 7303

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Document number: BM.07.06

Phone: (028) 3733 2121
Version: 09

Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-005910-01 / EUVN004-00003299

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Ký tên

Ngày 01 tháng 07 năm 2025

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ * TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG * TP. THỦ ĐỨC - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Bích Thủy
Phó Giám Đốc

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Document number: BM.07.06

Phone: (028) 3733 2121
Version: 09

Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-005911-01 / EUVN004-00003299

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Đơn vị yêu cầu	: **CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)**
Địa chỉ	: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày lấy mẫu	: 19/06/2025
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Khu vực cuối xưởng sản xuất
Mã số mẫu	: 607-2025-00003958

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 26:2016/BYT (Lao động trung bình)	QCVN 24:2016/BYT (Tại vị trí làm việc lao động, sản xuất trực tiếp)	QCVN 02:2019/BYT	QCVN 03:2019/BYT (TWA)	Tiêu chuẩn vệ sinh lao động với Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT (TWA)	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ01B VZ **Nhiệt độ**	°C	**30,2**	18 - 32	-	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
2	VZ01C VZ **Độ ẩm**	% rh	**74,5**	40 - 80	-	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
3	VZ01D VZ **Vận tốc gió**	m/s	**0,6-0,7**	0,2 - 1,5	-	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
4	VZ01F VZ **Tiếng ồn**	dB(A)	**71,6**	-	85	-	-	-	TCVN 7878-2:2018 (ISO 1996-2:2017)
5	VZ01J VZ **Bụi tổng cộng**	mg/m³	**0,08**	-	-	8	-	-	TCVN 5067:1995
6	VZ01V VZ Crom (Cr)	mg/m³	KPH (MDL=0,002)	-	-	-	-	-	NIOSH Method 7303
7	VZ020 VZ **Axit Clohiđric (HCl)**	mg/m³	**0,01**	-	-	-	5	-	NIOSH Method 7907
8	VZ01W VZ **Nickel (Ni)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,0001)**	-	-	-	-	0,05	NIOSH Method 7303

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Document number: BM.07.06

Phone: (028) 3733 2121
Version: 09

Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-005911-01 / EUVN004-00003299

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Ký tên

Ngày 01 tháng 07 năm 2025

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ * TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG * TP. THỦ ĐỨC - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Bích Thủy
Phó Giám Đốc

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Document number: BM.07.06

Phone: (028) 3733 2121
Version: 09

Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-005912-01 / EUVN004-00003299

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Đơn vị yêu cầu	: **CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)**
Địa chỉ	: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày lấy mẫu	: 19/06/2025
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Khu vực phòng dập
Mã số mẫu	: 607-2025-00003959

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 26:2016/BYT (Lao động trung bình)	QCVN 24:2016/BYT (Tại vị trí làm việc lao động, sản xuất trực tiếp)	QCVN 02:2019/BYT	QCVN 03:2019/BYT (TWA)	Tiêu chuẩn vệ sinh lao động với Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT (TWA)	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ01B VZ **Nhiệt độ**	°C	**30,4**	18 - 32	-	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
2	VZ01C VZ **Độ ẩm**	% rh	**73,6**	40 - 80	-	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
3	VZ01D VZ **Vận tốc gió**	m/s	**0,6-0,9**	0,2 - 1,5	-	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
4	VZ01F VZ **Tiếng ồn**	dB(A)	**75,3**	-	85	-	-	-	TCVN 7878-2:2018 (ISO 1996-2:2017)
5	VZ01J VZ **Bụi tổng cộng**	mg/m³	**0,15**	-	-	8	-	-	TCVN 5067:1995
6	VZ01V VZ **Crom (Cr)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,002)**	-	-	-	-	-	NIOSH Method 7303
7	VZ020 VZ **Axit Clohiđric (HCl)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,012)**	-	-	-	5	-	NIOSH Method 7907
8	VZ01W VZ **Nickel (Ni)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,0001)**	-	-	-	-	0,05	NIOSH Method 7303

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Document number: BM.07.06

Phone: (028) 3733 2121
Version: 09

Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-005912-01 / EUVN004-00003299

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Ký tên

Ngày 01 tháng 07 năm 2025

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

Nguyễn Thị Bích Thủy
Phó Giám Đốc

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Document number: BM.07.06

Phone: (028) 3733 2121
Version: 09

Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-005935-01 / EUVN004-00003299

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Đơn vị yêu cầu	: **CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)**
Địa chỉ	: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày lấy mẫu	: 19/06/2025
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Khu vực ngoài xưởng xi mạ
Mã số mẫu	: 607-2025-00003960

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 24:2016/BYT (Tại vị trí làm việc lao động, sản xuất trực tiếp)	QCVN 02:2019/BYT	QCVN 03:2019/BYT (TWA)	Tiêu chuẩn vệ sinh lao động với Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT (TWA)	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ01F VZ **Tiếng ồn**	dB(A)	**71,4**	85	-	-	-	TCVN 7878-2:2018 (ISO 1996-2:2017)
2	VZ01J VZ **Bụi tổng cộng**	mg/m³	**0,41**	-	8	-	-	TCVN 5067:1995
3	VZ01K VZ **SO_2**	mg/m³	**0,032**	-	-	5	-	MASA Method 704A
4	VZ021 VZ **Cacbon monoxit (CO)**	mg/m³	**KPH (MDL=1)**	-	-	20	-	TCVN 5972:1995 (ISO 8186:1989)
5	VZ01L VZ **NO_2**	mg/m³	**0,079**	-	-	5	-	MASA Method 406
6	VZ01V VZ **Crom (Cr)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,002)**	-	-	-	-	NIOSH Method 7303
7	VZ020 VZ **Axit Clohiđric (HCl)**	mg/m³	**0,03**	-	-	5	-	NIOSH Method 7907
8	VZ01W VZ **Nickel (Ni)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,0001)**	-	-	-	0,05	NIOSH Method 7303

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Document number: BM.07.06

Phone: (028) 3733 2121
Version: 09

Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-005935-01 / EUVN004-00003299

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Ký tên

Ngày 01 tháng 07 năm 2025

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ * TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG * TRỰC THUỘC T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Bích Thủy
Phó Giám Đốc

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Document number: BM.07.06

Phone: (028) 3733 2121
Version: 09

Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-007457-01 / EUVN004-00003788

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Đơn vị yêu cầu	: **CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)**
Địa chỉ	: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày lấy mẫu	: 22/07/2025
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Ống thải sau HTXL xưởng tem
Mã số mẫu	: 607-2025-00005146

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ040 VZ **Bụi tổng**	mg/Nm³	**KPH (MDL=10)**	U.S. EPA Method 5
2	VZ041 VZ **Acid clohydric (HCl)**	mg/Nm³	**KPH (MDL=2)**	U.S. EPA Method 26A
3	VZ045 VZ **Sulphuric acid (H_2SO_4)**	mg/Nm³	**KPH (MDL=0,5)**	U.S. EPA Method 8
4	VZ03Y VZ **Lưu lượng nguồn thải**	m³/h	**5733**	U.S. EPA method 2

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

Ký tên

Ngày 31 tháng 07 năm 2025

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ * TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG * TP. THỦ ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

Nguyễn Thị Bích Thủy
Phó Giám Đốc

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com

AR-25-VZ-012120-01 / EUVN004-00005271

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Đơn vị yêu cầu	: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
Địa chỉ	: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày lấy mẫu	: 24/10/2025
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Không khí xung quanh - Cổng bảo vệ
Mã số mẫu	: 607-2025-00009548

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 26:2010/BTNMT (6:00 - 21:00)	QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 1 giờ)	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ01F VZ Tiếng ồn	dB(A)	69,8	70	-	TCVN 7878-2:2018 (ISO 1996-2:2017)
2	VZ01J VZ Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm³	135	-	300	TCVN 5067:1995
3	VZ01K VZ SO_2	µg/Nm³	27	-	350	MASA Method 704A
4	VZ021 VZ CO	µg/Nm³	KPH (MDL=1000)	-	30000	TCVN 5972:1995 (ISO 8186:1989)
5	VZ01L VZ NO_2	µg/Nm³	37	-	200	MASA Method 406

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

Ký tên

Ngày 26 tháng 11 năm 2025

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ * TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG * TP THỦ ĐỨC - TP HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Bích Thủy
Phó Giám Đốc

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Document number: BM.07.06
Version: 09
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-012121-01 / EUVN004-00005271

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Đơn vị yêu cầu	: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
Địa chỉ	: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày lấy mẫu	: 24/10/2025
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Ống thải sau HTXL xưởng tem
Mã số mẫu	: 607-2025-00009551

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ040 VZ Bụi tổng	mg/Nm³	20	U.S. EPA Method 5
2	VZ042 VZ Acid clohydric (HCl)	mg/Nm³	KPH (MDL=2)	U.S. EPA Method 26
3	VZ045 VZ Sulphuric acid (H_2SO_4)	mg/Nm³	KPH (MDL=0,5)	U.S. EPA Method 8
4	VZ03Y VZ Lưu lượng nguồn thải	m³/h	5574	U.S. EPA method 2
5	VZ0SN VZ Lưu lượng nguồn thải	Nm³/h	5433	U.S. EPA method 2

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

Ký tên

Ngày 26 tháng 11 năm 2025

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG TP. THỦ ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Bích Thủy
Phó Giám Đốc

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Document number: BM.07.06
Version: 09
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-012246-01 / EUVN004-00005272

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Đơn vị yêu cầu	: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
Địa chỉ	: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày lấy mẫu	: 24/10/2025
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Khu vực đầu xưởng sản xuất
Mã số mẫu	: 607-2025-90002112

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 26:2016/BYT (Lao động trung bình)	QCVN 02:2019/BYT	QCVN 03:2019/BYT (TWA)	Tiêu chuẩn vệ sinh lao động với Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT (TWA)	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ01B VZ **Nhiệt độ**	°C	**30,8**	18 - 32	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
2	VZ01C VZ **Độ ẩm**	% rh	**70,2**	40 - 80	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
3	VZ01D VZ **Vận tốc gió**	m/s	**0,6-1,0**	0,2 - 1,5	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
4	VZ01F VZ **Tiếng ồn**	dB(A)	**73,5**	-	-	-	-	TCVN 7878-2:2018 (ISO 1996-2:2017)
5	VZ01J VZ **Bụi tổng cộng**	mg/m³	**0,11**	-	8	-	-	TCVN 5067:1995
6	VZ020 VZ **Axit Clohiđric (HCl)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,012)**	-	-	5	-	NIOSH Method 7907
7	VZ0T3 VZ **Crom (Cr)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,002)**	-	-	0,3	-	NIOSH Method 7303
8	VZ01W VZ **Nickel (Ni)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,0001)**	-	-	-	0,05	NIOSH Method 7303

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Document number: BM.07.06

Phone: (028) 3733 2121
Version: 09

Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-012246-01 / EUVN004-00005272

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên

Ngày 26 tháng 11 năm 2025

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

Nguyễn Thị Bích Thủy
Phó Giám Đốc

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.
Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VZ" và có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại các phòng thí nghiệm ngoài hệ thống Eurofins.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Document number: BM.07.06

Phone: (028) 3733 2121
Version: 09

Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-012247-01 / EUVN004-00005272

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Đơn vị yêu cầu	: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
Địa chỉ	: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày lấy mẫu	: 24/10/2025
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Khu vực cuối xưởng sản xuất
Mã số mẫu	: 607-2025-90002113

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 26:2016/BYT (Lao động trung bình)	QCVN 02:2019/BYT	QCVN 03:2019/BYT (TWA)	Tiêu chuẩn vệ sinh lao động với Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT (TWA)	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ01B VZ **Nhiệt độ**	°C	**31,1**	18 - 32	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
2	VZ01C VZ **Độ ẩm**	% rh	**72,0**	40 - 80	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
3	VZ01D VZ **Vận tốc gió**	m/s	**0,5-0,9**	0,2 - 1,5	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
4	VZ01F VZ **Tiếng ồn**	dB(A)	**68,0**	-	-	-	-	TCVN 7878-2:2018 (ISO 1996-2:2017)
5	VZ01J VZ **Bụi tổng cộng**	mg/m³	**0,09**	-	8	-	-	TCVN 5067:1995
6	VZ020 VZ **Axit Clohiđric (HCl)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,012)**	-	-	5	-	NIOSH Method 7907
7	VZ0T3 VZ **Crom (Cr)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,002)**	-	-	0,3	-	NIOSH Method 7303
8	VZ01W VZ **Nickel (Ni)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,0001)**	-	-	-	0,05	NIOSH Method 7303

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Document number: BM.07.06

Phone: (028) 3733 2121
Version: 09

Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-012247-01 / EUVN004-00005272

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên

Ngày 26 tháng 11 năm 2025

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ★ TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ★ TP THỦ ĐỨC - T.P HỒ CHÍ MINH

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

Nguyễn Thị Bích Thủy
Phó Giám Đốc

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.
Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VZ" và có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại các phòng thí nghiệm ngoài hệ thống Eurofins.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Document number: BM.07.06

Phone: (028) 3733 2121
Version: 09

Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-012248-01 / EUVN004-00005272

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Đơn vị yêu cầu	: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
Địa chỉ	: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày lấy mẫu	: 24/10/2025
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Khu vực phòng dập
Mã số mẫu	: 607-2025-90002114

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 26:2016/BYT (Lao động trung bình)	QCVN 02:2019/BYT	QCVN 03:2019/BYT (TWA)	Tiêu chuẩn vệ sinh lao động với Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT (TWA)	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ01B VZ **Nhiệt độ**	°C	**30,7**	18 - 32	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
2	VZ01C VZ **Độ ẩm**	% rh	**67,2**	40 - 80	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
3	VZ01D VZ **Vận tốc gió**	m/s	**0,5-0,9**	0,2 - 1,5	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
4	VZ01F VZ **Tiếng ồn**	dB(A)	**77,0**	-	-	-	-	TCVN 7878-2:2018 (ISO 1996-2:2017)
5	VZ01J VZ **Bụi tổng cộng**	mg/m³	**0,12**	-	8	-	-	TCVN 5067:1995
6	VZ020 VZ **Axit Clohiđric (HCl)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,012)**	-	-	5	-	NIOSH Method 7907
7	VZ0T3 VZ **Crom (Cr)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,002)**	-	-	0,3	-	NIOSH Method 7303
8	VZ01W VZ **Nickel (Ni)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,0001)**	-	-	-	0,05	NIOSH Method 7303

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Document number: BM.07.06

Phone: (028) 3733 2121
Version: 09

Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-012248-01 / EUVN004-00005272

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên

Ngày 26 tháng 11 năm 2025

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ * TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG * TP. THỦ ĐỨC, TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Bích Thủy
Phó Giám Đốc

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.
Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VZ" và có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại các phòng thí nghiệm ngoài hệ thống Eurofins.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Document number: BM.07.06

Phone: (028) 3733 2121
Version: 09

Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-012249-01 / EUVN004-00005272

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Đơn vị yêu cầu	: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
Địa chỉ	: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày lấy mẫu	: 24/10/2025
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Khu vực ngoài xưởng xi mạ
Mã số mẫu	: 607-2025-90002129

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 24:2016/BYT (Tại vị trí làm việc lao động, sản xuất trực tiếp)	QCVN 02:2019/BYT	QCVN 03:2019/BYT (TWA)	Tiêu chuẩn vệ sinh lao động với Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT (TWA)	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ01F VZ **Tiếng ồn**	dB(A)	**68,5**	85	-	-	-	TCVN 7878-2:2018 (ISO 1996-2:2017)
2	VZ01J VZ **Bụi tổng cộng**	mg/m³	**0,08**	-	8	-	-	TCVN 5067:1995
3	VZ01K VZ **SO_2**	mg/m³	**0,023**	-	-	5	-	MASA Method 704A
4	VZ021 VZ **Cacbon monoxit (CO)**	mg/m³	**KPH (MDL=1)**	-	-	20	-	TCVN 5972:1995 (ISO 8186:1989)
5	VZ01L VZ **NO_2**	mg/m³	**0,029**	-	-	5	-	MASA Method 406
6	VZ020 VZ **Axit Clohiđric (HCl)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,012)**	-	-	5	-	NIOSH Method 7907
7	VZ0T3 VZ **Crom (Cr)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,002)**	-	-	0,3	-	NIOSH Method 7303
8	VZ01W VZ **Nickel (Ni)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,0001)**	-	-	-	0,05	NIOSH Method 7303

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Document number: BM.07.06

Phone: (028) 3733 2121
Version: 09

Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-012249-01 / EUVN004-00005272

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

Ký tên

Ngày 26 tháng 11 năm 2025

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

Nguyễn Thị Bích Thủy
Phó Giám Đốc

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.
Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VZ" và có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại các phòng thí nghiệm ngoài hệ thống Eurofins.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Document number: BM.07.06

Phone: (028) 3733.2121
Version: 09

Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Effective date: 01/08/2024

CÔNG TY CP KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN QCVN VIỆT NAM

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

0287.308.6678 | 0919.984.839

qcvn.com.vn | info@qcvn.com.vn

TT: Số 67/2/8 Đường số 5, Phường 17, Q.Gò Vấp, TP.HCM

PHIẾU KẾT QUẢ
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Mã ĐH: 24.2113 **Mã KQ:** 281224/MT_1435

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0247 ISO/IEC 17025:2017

Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN SAFETY CARE ENVIRONMENT**

151 Đỗ Pháp Thuận, Khu phố 5, phường An Phú, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TNHH VP COMPONENTS VIỆT NAM**

Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, p. Long Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai

Loại mẫu: 1. Không khí Môi trường lao động 05 mẫu

Ngày lấy mẫu: 28/12/2024 **Ngày phân tích:** 30/12/2024 - 08/01/2025

Ngày trả kết quả: 08/01/2025

Kết quả: **Xem trang 02 – 04**

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

NGUYỄN THỊ QUỲNH VÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN QCVN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN QCVN VIỆT NAM

Giám đốc: NGUYỄN ĐÌNH LÊ ĐẠI

1. Kết quả đo đạc và thử nghiệm có giá trị tại thời điểm đo và trên mẫu thử.
2. (1). Chỉ tiêu được công nhận ISO 17025:2017; (2). Chỉ tiêu được công nhận VIMCERTS 197; (3). Chỉ tiêu tham khảo;
3. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.

Scanned with CamScanner

PHIẾU KẾT QUẢ

Mã số: 281224KLV273-KLV274

Chất lượng không khí môi trường lao động

Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TNHH VP COMPONENTS VIỆT NAM**

Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, p. Long Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai

Ngày lấy mẫu: 28/12/2024 **Ngày phân tích:** 30/12/2024 - 08/01/2025

Ngày trả kết quả: 08/01/2025

Kết quả:

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 03:2019/BYT
				KLV273	KLV274	Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA)
1	Nhiệt độ(1)	°C	TCVN 5508:2009	27,9	28,5	**18 ÷ 32**[a]
2	Độ ẩm(1)	%	TCVN 5508:2009	79,6	79,9	**40 ÷ 80**[a]
3	Tốc độ gió(1)	m/s	TCVN 5508:2009	0,2	0,2	**0,2 ÷ 1,5**[a]
4	Tiếng ồn(3)	dBA	TCVN 9799:2013	77,0	76,5	**85**[b]
5	Bụi(1)	mg/m^3	QCVN 02:2019/BYT	0,146	0,151	**8**[c]
6	CO(3)	mg/m^3	PP/PT/KK003/QT01	3,58	3,44	**20**
7	SO_2(3)	mg/m^3	TCVN 5971:1995	0,122	0,101	**5**
8	NO_2(3)	mg/m^3	TCVN 6137:2009	0,095	0,085	**5**
9	CrO_3(3)	mg/m^3	QCVN 02:2019/BYT	KPH	KPH	**0,05**
10	Niken (Ni)(3)	mg/m^3	NIOSH Method 7300	KPH MDL=$3,0x10^{-6}$	KPH MDL=$3,0x10^{-6}$	**0,05**[d]
11	HCl(*)	mg/m^3	NIOSH Method 7907	0,027	KPH MDL=0,006	**5**

Ghi chú: *(-): Không quy định; (--): Không đo đạc thử nghiệm; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện.*

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- (a) QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc. Giá trị cho phép: Lao động trung bình.

- (b) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp.

- (c) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

- (d) 3733/2002/QĐ-BYT: Quyết định về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động ngày 10 tháng 10 năm 2002.

- KLV273: Khu vực bể tẩy.

- KLV274: Khu vực bể mạ.

- (*) Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ: VIMCERTS 076.

1. Kết quả đo đạc và thử nghiệm có giá trị tại thời điểm đo và trên mẫu thử.
2. (1). Chỉ tiêu được công nhận ISO 17025:2017; (2). Chỉ tiêu được công nhận VIMCERTS 197; (3). Chỉ tiêu tham khảo;
3. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.

Scanned with CamScanner

PHIẾU KẾT QUẢ

Mã số: C281224KLV275-KLV276

Chất lượng không khí môi trường lao động

Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TNHH VP COMPONENTS VIỆT NAM**

Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, p. Long Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai

Ngày lấy mẫu: 28/12/2024 **Ngày phân tích:** 30/12/2024 - 08/01/2025

Ngày trả kết quả: 08/01/2025

Kết quả:

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 03:2019/BYT
				KLV275	KLV276	Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA)
1	Nhiệt độ[1]	°C	TCVN 5508:2009	29,6	29,8	**18 ÷ 32[a]**
2	Độ ẩm[1]	%	TCVN 5508:2009	78,8	77,6	**40 ÷ 80[a]**
3	Tốc độ gió[1]	m/s	TCVN 5508:2009	0,2	0,6	**0,2 ÷ 1,5[a]**
4	Tiếng ồn[3]	dBA	TCVN 9799:2013	61,6	73,7	**85[b]**
5	Bụi[1]	mg/m^3	QCVN 02:2019/BYT	0,074	0,116	**8[c]**
6	CO[3]	mg/m^3	PP/PT/KK003/QT01	< 3,0	4,35	**20**
7	SO_2[3]	mg/m^3	TCVN 5971:1995	0,066	0,083	**5**
8	NO_2[3]	mg/m^3	TCVN 6137:2009	0,053	0,075	**5**
9	CrO_3[3]	mg/m^3	QCVN 02:2019/BYT	KPH	KPH	**0,05**
10	Niken (Ni)[3]	mg/m^3	NIOSH Method 7300	KPH MDL=3,0x10^{-6}	KPH MDL=3,0x10^{-6}	**0,05[d]**
11	HCl[*]	mg/m^3	NIOSH Method 7907	KPH MDL=0,006	< 0,02 LOQ=0,02	**5**

Ghi chú: *(-): Không quy định; (--): Không đo đạc thử nghiệm; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện.*

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- (a) QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc. Giá trị cho phép: Lao động trung bình.

- (b) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp.

- (c) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

- (d) 3733/2002/QĐ-BYT: Quyết định về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động ngày 10 tháng 10 năm 2002.

- LOQ: giới hạn định lượng của phương pháp thử.

- KLV275: Khu vực văn phòng.

- KLV276: Khu vực HTXLNT.

- [*] Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ: VIMCERTS 076.

1. Kết quả đo đạc và thử nghiệm có giá trị tại thời điểm đo và trên mẫu thử.
2. [1]. Chỉ tiêu được công nhận ISO 17025:2017; [2]. Chỉ tiêu được công nhận VIMCERTS 197; [3]. Chỉ tiêu tham khảo;
3. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.

Scanned with CamScanner

PHIẾU KẾT QUẢ

Mã số: 281224KLV277

Chất lượng không khí môi trường lao động

Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TNHH VP COMPONENTS VIỆT NAM**

Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, p. Long Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai

Ngày lấy mẫu: 28/12/2024 **Ngày phân tích:** 30/12/2024 - 08/01/2025

Ngày trả kết quả: 08/01/2025

Kết quả:

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 03:2019/BYT
				KLV277	Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA)
1	Tiếng ồn[3]	dBA	TCVN 9799:2013	71,0	**85**[a]
2	Bụi[1]	mg/m^3	QCVN 02:2019/BYT	0,093	**8**[b]
3	CO[3]	mg/m^3	PP/PT/KK003/QT01	3,14	**20**
4	SO_2[3]	mg/m^3	TCVN 5971:1995	0,082	**5**
5	NO_2[3]	mg/m^3	TCVN 6137:2009	0,070	**5**
6	Niken (Ni)[3]	mg/m^3	NIOSH Method 7300	KPH MDL=3,0x10^{-6}	**0,05**[c]
7	HCl[*]	mg/m^3	NIOSH Method 7907	< 0,02 LOQ=0,02	**5**

Ghi chú: *(-): Không quy định; (--): Không đo đạc thử nghiệm; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện.*

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- (a) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp.

- (b) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

- (c) 3733/2002/QĐ-BYT: Quyết định về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động ngày 10 tháng 10 năm 2002.

- LOQ: giới hạn định lượng của phương pháp thử.

- KLV277: Không khí ngoài xưởng xi mạ - Gần khu vực văn phòng.

- (*) Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ: VIMCERTS 076.

1. Kết quả đo đạc và thử nghiệm có giá trị tại thời điểm đo và trên mẫu thử.
2. (1). Chỉ tiêu được công nhận ISO 17025:2017; (2). Chỉ tiêu được công nhận VIMCERTS 197; (3). Chỉ tiêu tham khảo;
3. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.

Scanned with CamScanner

AR-25-VZ-006163-01 / EUVN004-00003299

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Đơn vị yêu cầu	: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
Địa chỉ	: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày lấy mẫu	: 19/06/2025
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Nước thải đầu vào của HTXL nước thải
Tình trạng mẫu	: Mẫu lỏng, đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
Mã số mẫu	: 607-2025-00003954

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ001 VZ pH	-	2,57	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)
2	VZ00B VZ BOD_5	mg/l	3	SMEWW 5210B:2023
3	VZ054 VZ COD	mg/l	32	SMEWW 5220C:2023
4	VZ009 VZ Chất rắn lơ lửng	mg/l	83	TCVN 6625:2000 (ISO 11923:1997)
5	VZ05E VZ Crôm VI	mg/l	KPH (MDL=0,005)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
6	VZ00X VZ Crôm III	mg/l	26,1	SMEWW 3120B:2023 & SMEWW 3500Cr.B:2023
7	VZ0EC VZ Kẽm	mg/l	2,99	SMEWW 3120B:2023
8	VZ0E7 VZ Niken	mg/l	23,6	SMEWW 3120B:2023
9	VZ0E9 VZ Sắt	mg/l	10,0	SMEWW 3120B:2023
10	VZ00S VZ Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (MDL=0,5)	SMEWW 5520.B&F:2023
11	VZ013 VZ Tổng Coliform	MPN/100 ml	KPH (MDL=2)	SMEWW 9221B:2023

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

Ký tên

Ngày 30 tháng 06 năm 2025

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ • TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG • TP. HỒ CHÍ MINH

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

Huỳnh Ngọc Phương Mai
Giám Đốc

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Document number: BM.07.06
Version: 09
Effective date: 01/08/2024

Scanned with CamScanner

AR-25-VZ-006163-01 / EUVN004-00003299

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Document number: BM.07.06
Version: 09
Effective date: 01/08/2024

Scanned with CamScanner

AR-25-VZ-005912-01 / EUVN004-00003299

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
Địa chỉ : Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày lấy mẫu : 19/06/2025
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu : Khu vực phòng dập
Mã số mẫu : 607-2025-00003959

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 26:2016/BYT (Lao động trung bình)	QCVN 24:2016/BYT (Tại vị trí làm việc lao động, sản xuất trực tiếp)	QCVN 02:2019/BYT	QCVN 03:2019/BYT (TWA)	Tiêu chuẩn vệ sinh lao động với Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT (TWA)	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ01B VZ Nhiệt độ	°C	30,4	18 - 32	-	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
2	VZ01C VZ Độ ẩm	% rh	73,6	40 - 80	-	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
3	VZ01D VZ Vận tốc gió	m/s	0,6-0,9	0,2 - 1,5	-	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
4	VZ01F VZ Tiếng ồn	dB(A)	75,3	-	85	-	-	-	TCVN 7878-2:2018 (ISO 1996-2:2017)
5	VZ01J VZ Bụi tổng cộng	mg/m³	0,15	-	-	8	-	-	TCVN 5067:1995
6	VZ01V VZ Crom (Cr)	mg/m³	KPH (MDL=0,002)	-	-	-	-	-	NIOSH Method 7303
7	VZ020 VZ Axit Clohiđric (HCl)	mg/m³	KPH (MDL=0,012)	-	-	-	5	-	NIOSH Method 7907
8	VZ01W VZ Nickel (Ni)	mg/m³	KPH (MDL=0,0001)	-	-	-	-	0,05	NIOSH Method 7303

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Document number: BM.07.06

Phone: (028) 3733 2121
Version: 09

Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Effective date: 01/08/2024

Scanned with CamScanner

AR-25-VZ-005912-01 / EUVN004-00003299

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Ký tên

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

Ngày 01 tháng 07 năm 2025

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thị Bích Thủy
Phó Giám Đốc

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Document number: BM.07.06

Phone: (028) 3733 2121
Version: 09

Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Effective date: 01/08/2024

Scanned with CamScanner

CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0909 210 925 - 0947 879 866 / Hotline: 0971 846 393 (zalo)
Website: giamsatmoitruong.com.vn/ Email: mtdaiphu@gmail.com

VIMCERTS 292

Mã số/ Ref. No: 00380/2026/PKQ (26.224)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Client's Name*: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG THUẬN PHƯỚC**

2. Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location*: DỰ ÁN COMPONENTS - Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

3. Loại mẫu/ *Type of sample*: Không khí xung quanh

4. Thông tin mẫu/ *Sample information*:

Mã số mẫu/ *Sample code*	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ *Sampling locations*	Tọa độ/ *Coordinate*
26.0224.K.02	Khu vực ngoài trời, giữa 2 xưởng	X=1210111, Y=0405659

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) */Sample date (Sample receipt)*: 14/01/2026

6. Ngày trả kết quả/ *Returning results date*: 21/01/2026

7. Bảng kết quả/ *Results table*

STT/ *No.*	Thông số/ *Parameters*	Đơn vị/ *Unit*	Phương pháp thử nghiệm/ *Testing methods*	Kết quả/ *Testing result*	QCVN không khí xung quanh
				26.0224.K.02	Trung bình 1 giờ(1)
1	Tiếng ồn(a)	dBA	TCVN 7878-2:2018	63,2	70(2)
2	Rung(a)	dB	TCVN 6963:2001	31,1	70(3)
3	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(a)	µg/Nm³	TCVN 5067:1995	125	300(4)
4	NO_2(a)	µg/Nm³	TCVN 6137:2009	58	200(4)
5	SO_2(a)	µg/Nm³	TCVN 5971:1995	56	350(4)
6	CO(a)	µg/Nm³	SOP-H16	< 9.000	30.000(4)

Chú thích/ *Remarks*:
1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ *The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment*
2. (1): Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ.
3. (2): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường (từ 6 giờ - 21 giờ).
4. (3): QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Độ rung - Giá trị tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ, khu vực thông thường (từ 6 giờ - 21 giờ).
5. (4): QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

GIÁM ĐỐC
Director

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

ĐOÀN THỊ THỦY

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn

Mã số/ Ref. No: 00051.KLV/2026/PKQ (26.224)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Client's Name*: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG THUẬN PHƯỚC**

2. Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location*: DỰ ÁN COMPONENTS - Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

3. Loại mẫu/ *Type of sample*: Không khí môi trường làm việc

4. Thông tin mẫu/ *Sample information*:

Mã số mẫu/ *Sample code*	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ *Sampling locations*	Tọa độ/ *Coordinate*
26.0224.KLV.01	Khu vực xưởng 2	X=1210163, Y=0405579
26.0224.KLV.02	Khu vực xưởng 4	X=1210045, Y=0405595

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) */Sample date (Sample receipt)*: 14/01/2026

6. Ngày trả kết quả/ *Returning results date*: 21/01/2026

7. Bảng kết quả/ *Results table*

STT/ *No.*	Thông số/ *Parameters*	Đơn vị/ *Unit*	Phương pháp thử nghiệm/ *Testing methods*	Kết quả/ *Testing result*		QCVN Không khí KVLV
				26.0224. KLV.01	26.0224. KLV.02	STEL
1	Bụi toàn phần	mg/m^3	QCVN 02:2019/BYT	0,152	0,142	**8**(1)
2	NO_2	mg/m^3	TCVN 6137:2009	0,064	0,06	**10**(2)
3	SO_2	mg/m^3	TCVN 5971:1995	<0,03	0,058	**10**(2)
4	CO	mg/m^3	SOP-H16	< 9	< 9	**40**(2)
5	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	72,4	78,1	**85**(3)
6	Rung	dB	TCVN 6963:2001	33,4	40,5	-

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn

Chú thích/ *Remarks:*
1. (1): QCVN 02: 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc, Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA)
2. (2): QCVN 03: 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
3. (3): QCVN 24 2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

GIÁM ĐỐC
Director

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

ĐOÀN THỊ THỦY

PHỤ LỤC KHÁC

1. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023
2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2025

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS VIỆT NAM

BAN QUẢN LÝ CÁC KCN ĐỒNG NAI
CÔNG VĂN ĐẾN
Số:
Ngày: 12/01/24
Chuyển:

SỞ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
Số
Ngày 12/01/2024

BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS VIỆT NAM NĂM 2023

Địa chỉ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA, PHƯỜNG LONG BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Đồng Nai, Tháng 01 năm 2024

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS VIỆT NAM

BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS VIỆT NAM NĂM 2023

Địa chỉ: LÔ 104/2-1, KCN AMATA, PHƯỜNG LONG BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Chủ đầu tư
CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS VIỆT NAM

Đồng Nai, Tháng 01 năm 2024

Được quét bằng CamScanner

MỤC LỤC

DANH MỤC HÌNH 3
DANH MỤC BẢNG 4
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT 5
THÔNG TIN CHUNG 6
1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải 8
1.1. Xử lý nước thải 8
1.2. Kết quả quan trắc nước thải 11
1.2.1. Quan trắc định kỳ nước thải 11
2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với không khí và khí thải 15
2.1. Xử lý không khí xung quanh: 15
2.2. Quan trắc định kỳ không khí 15
2.3. Xử lý khí thải 22
2.4. Quan trắc định kỳ khí thải 24
3. Về quản lý chất thải rắn thông thường 26
4. Về quản lý chất thải nguy hại: 26
5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: 27
5.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường: 27
5.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường 28
PHỤ LỤC 1: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH 29
PHỤ LỤC 2 30

Được quét bằng CamScanner

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Cấu tạo bể tự hoại ba ngăn 9
Hình 2. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải sản xuất 9
Hình 3. Sơ đồ quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải hơi dung môi 22
Hình 4. Sơ đồ quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải lò hơi 23

Được quét bằng CamScanner

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Lượng điện tiêu thụ của Công ty năm 2023 6
Bảng 2: Lượng nước tiêu thụ của Công ty năm 2023 7
Bảng 3. Lưu lượng nước thải phát sinh của công ty năm 2023 10
Bảng 4: Thống kê vị trí điểm quan trắc nước thải, kết quả quan trắc và kết quả quan trắc vượt QCVN (nếu có) 12
Bảng 6: Thống kê vị trí điểm quan trắc Vi khí hậu và tiếng ồn, kết quả quan trắc và kết quả quan trắc vượt QCVN (nếu có) 17
Bảng 7: Thống kê vị trí điểm quan trắc bụi và hơi vô cơ, kết quả quan trắc và kết quả quan trắc vượt QCVN (nếu có) 19
Bảng 8: Thống kê vị trí điểm quan trắc khí thải, kết quả quan trắc và kết quả quan trắc vượt QCVN (nếu có) 25
Thống kê CTRSH: 26
Thống kê CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất): năm 2023 26

Được quét bằng CamScanner

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BTNMT: Bộ Tài Nguyên và Môi Trường

BYT: Bộ y tế

BOD_5: Nhu cầu oxy sinh hóa

COD: Nhu cầu oxy hóa học

CTRSH: Chất thải rắn sinh hoạt

CTRCNTT: Chất thải rắn công nghiệp thông thường

CTNH: Chất thải nguy hại

KHKT: Khoa học kỹ thuật

PCCC: Phòng cháy chữa cháy

QLMT: Quản lý môi trường

TSS: Chất rắn lơ lửng

TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

TCVSLD: Tiêu chuẩn vệ sinh lao động

TCXDVN: Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam

VN: Việt Nam

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: / BC – VP	*Đồng Nai, ngày ..... tháng 01 năm 2024*

BÁO CÁO
Công tác bảo vệ môi trường năm 2023

THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
- Địa chỉ: Lô 104/2-1, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Số điện thoại: 0251 3936 579
- Người đại diện: Ông LIAO, HAN MING.
- Loại hình sản xuất: Xi mạ các linh kiện bằng kim loại
- Tần suất hoạt động: Thường xuyên
- Giấy đăng ký kinh doanh: 3600485577, đăng ký lần đầu: ngày 11 tháng 12 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 10 tháng 12 năm 2020
- Mã số thuế: 3600485577
- Dự án đã được UBND tỉnh Đồng Nai cấp phiếu xác nhận bản đạt tiêu chuẩn môi trường số 329/BĐK-TNMT ngày 10/11/2004 về việc Dự án mở rộng – xây dựng xưởng xi mạ của Công ty TNHH VP Components Việt Nam, tại KCN Amata, Tp Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Nhu cầu sử dụng điện:

Nguồn điện cấp cho dự án được lấy từ lưới điện quốc gia do Công Ty TNHH Điện Lực Amata (Biên Hòa) cung cấp.

Bảng 1: Lượng điện tiêu thụ của Công ty năm 2023

STT	Tháng	Lượng điện tiêu thụ (KWh/tháng)
1	09	156.603
2	10	152.608
3	11	144.444

(Nguồn: Công Ty TNHH VP Components Việt Nam)

- Nhu cầu sử dụng nước:

Nguồn nước cấp cho dự án được lấy từ mạng nước quốc gia do Công Ty Cổ Phần Đô Thị Amata Biên Hòa cung cấp.

Được quét bằng CamScanner

Bảng 2: Lượng nước tiêu thụ của Công ty năm 2023

STT	Tháng	Lượng nước tiêu thụ (m^3)
1	09	3.237
2	10	2.940
3	11	2.601

(Nguồn: Công Ty TNHH VP Components Việt Nam)

Được quét bằng CamScanner

PHẦN 1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải

1.1. Xử lý nước thải

1.1.1. Công trình thu gom nước thải:

Nước thải phát sinh tại Nhà máy bao gồm: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên và nước thải sản xuất.

Hiện nay, công ty đã hoàn thiện hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt (từ nhà vệ sinh, nhà ăn, khu văn phòng, ...) và nước thải sản xuất về hệ thống xử lý nước thải. Hệ thống thu gom được bố trí như sau:

- Đối với nước mưa chảy tràn:

+ Đã tách riêng hoàn toàn hệ thống thu gom nước mưa và nước thải.

+ Lắp đặt hệ thống ống dẫn nước mưa có đường kính Φ90 từ mái che của nhà xưởng, khối văn phòng và nhà ăn xuống trực tiếp hệ thống thoát nước mưa xung quanh khuôn viên nhà xưởng và khu nhà văn phòng của công ty.

- Đối với nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom theo đường ống về bể tự hoại nhằm xử lý sơ bộ trước khi chảy vào cống thu gom nước thải của HTXL nước thải.

+ Nước thải rửa tay chân, nước thải từ nhà ăn, lavabo được thu gom theo đường ống và chảy theo cống thu gom nước thải về HTXL nước thải hiện hữu.

- Đối với nước thải sản xuất:

+ Nước thải phát sinh quá trình sản xuất từ các giai đoạn tẩy gỉ, tẩy dầu, mạ Niken, mạ Crom, mạ Kẽm, rửa sản phẩm, từ hệ thống xử lý khi thải... được thu về và xử lý tại HTXL nước thải có công suất 360 m^3/ngày.

1.1.2. Công trình xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà ăn và các hoạt động vệ sinh của công nhân viên công ty. Tổng lượng nước thải phát sinh bình quân là 7,0 m^3/ngày. Về đặc điểm tính chất, loại nước thải này thường chứa nhiều chất rắn lơ lửng, dầu mỡ động thực vật, các chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng và vi khuẩn gây bệnh.

Để giảm thiểu nồng độ các chất ô nhiễm, làm giảm mức độ gây ô nhiễm tới môi trường và nguồn tiếp nhận, toàn bộ nước thải và chất thải vệ sinh đã được đưa vào bể tự hoại 3 ngăn của nhà máy rồi dẫn về hệ thống xử lý nước thải chung có công suất 360 m^3/ngày.

Được quét bằng CamScanner

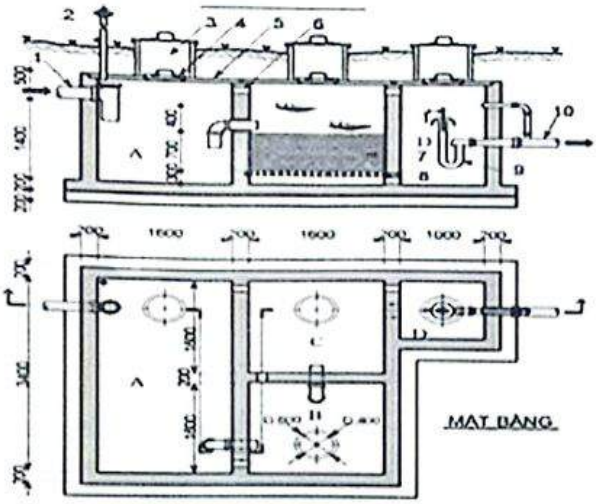

Hình 1. Cấu tạo bể tự hoại ba ngăn

Công ty đã đầu tư 01 hệ thống xử lý nước thải, công suất 360 m^3/ngày nhằm xử lý nước thải phát sinh đạt tiêu giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Amata và nước thải sẽ được thải vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Amata.

Quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại Công ty như sau:

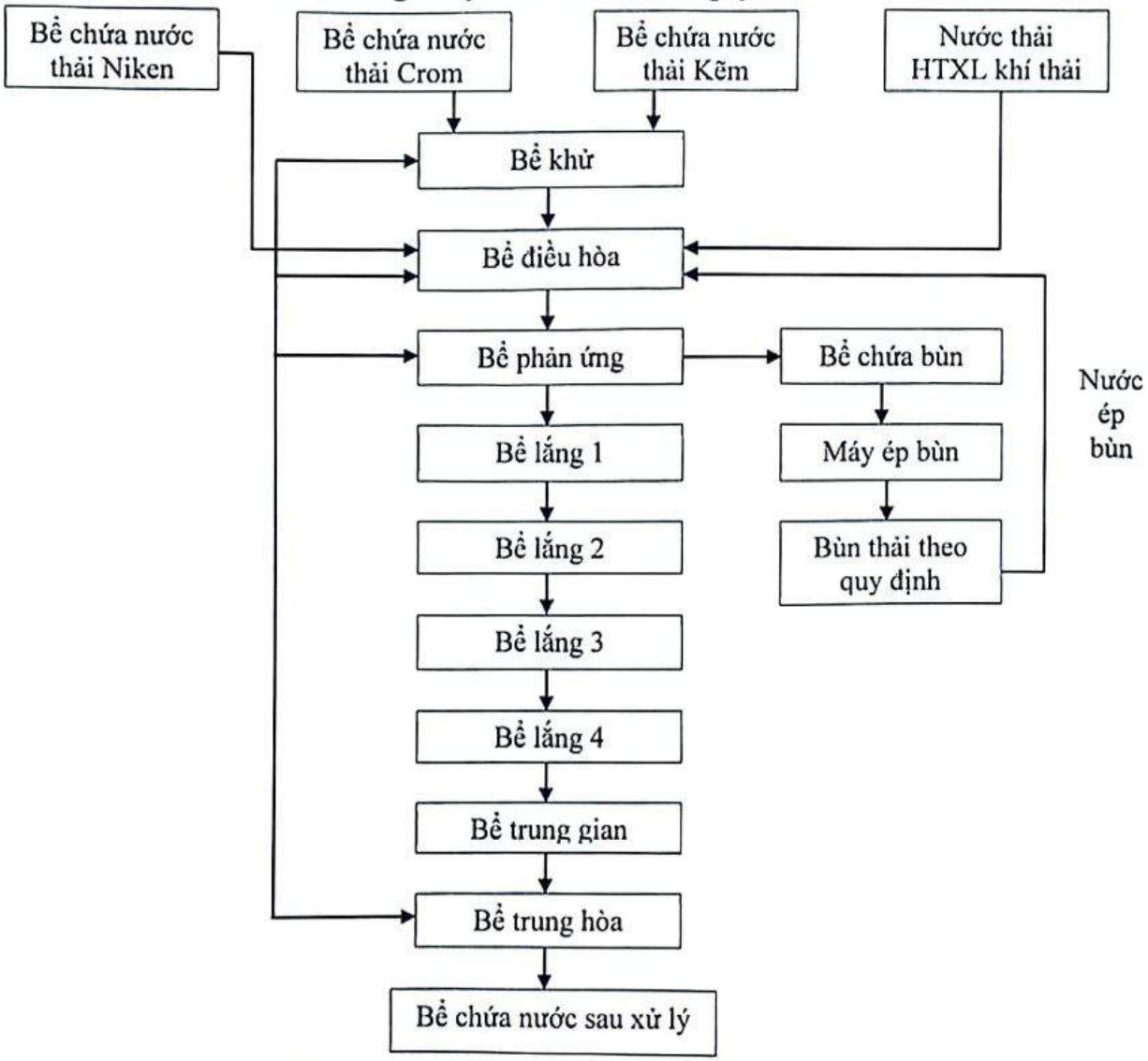

Hình 2. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải sản xuất

Được quét bằng CamScanner

➢ **Thuyết minh công nghệ:**

Nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất được dẫn theo đường ống và rãnh mương qua song chắn rác trước khi vào bể thu gom. Nước thải chứa Crom, nước thải chứa Niken, nước thải từ hệ thống xử lý khí thải được thu gom riêng dẫn về các bể khác nhau.

Nước thải có chứa Crom trước hết được khử Cr^{6+} thành Cr^{3+}. Tại bể khử Crom ta cho $NaHSO_3$ đồng thời sục khí vào cho quá trình phản ứng xảy ra nhanh chóng chuyển từ Cr^{6+} thành Cr^{3+}. Nước thải có chứa Crom tiếp tục qua bể điều hòa cùng với nước thải có chứa Niken và nước thải từ hệ thống xử lý khí thải. Tại bể điều hòa, nước thải được điều hòa về lưu lượng đồng thời châm NaOH vào để điều chỉnh pH của nước thải về mức trung tính.

Nước thải sau khi được điều hòa về lưu lượng và pH được dẫn vào bể phản ứng. Tại đây, nước thải được châm Polyme và PAC với mục đích keo tụ tạo bông các chất rắn lơ lửng trong nước, giúp quá trình lắng được hiệu quả hơn.

Tại bể lắng nước thải được đi qua 4 bể lắng, tại đây các chất rắn, cặn lơ lửng có trong nước được tách riêng với nước thải. Sau khi lắng xong nước thải được chảy qua bể trung gian rồi qua bể trung hòa.

Bùn thải sau bể lắng được bơm qua bể chứa bùn và được làm khô khi qua máy nén bùn. Nước ép bùn được dẫn về bể điều hòa để tiếp tục xử lý.

Tại bể trung hòa, tùy theo nồng độ pH ta châm H_2SO_4 để điều chỉnh nước thải trước khi nước thải chảy vào bể nước sạch. Nước sau khi đạt tiêu chuẩn giới hạn tiếp nhận của KCN Amata sẽ được thải vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Amata.

Bảng 3. Lưu lượng nước thải phát sinh của công ty năm 2023

STT	Tháng	Lượng nước thải (m^3/tháng)
1	09	2.589,6
2	10	2.352
3	11	2.080,8

(Nguồn: Công ty CP Đô thị AMATA Biên Hoà)

Được quét bằng CamScanner

1.2. Kết quả quan trắc nước thải

1.2.1. Quan trắc định kỳ nước thải

- Thời gian quan trắc:
  - Đợt 1: 13/06/2023
  - Đợt 2: 07/12/2023
- Tần suất quan trắc: 02 lần/năm
- Vị trí các điểm quan trắc: Nước thải đầu vào HTXL nước thải và Nước thải đầu ra sau HTXL nước thải.
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 02 mẫu
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: Tiêu chuẩn tiếp nhận KCN Amata
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty TNHH Môi Trường Và An Toàn Lao Động Sao Việt.
- Số Vimcerts: 286

Được quét bằng CamScanner

Bảng 4: Thống kê vị trí điểm quan trắc nước thải, kết quả quan trắc và kết quả quan trắc vượt QCVN (nếu có)

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Chỉ tiêu quan trắc	Đơn vị	Kết quả quan trắc	Kết quả quan trắc vượt tiêu chuẩn tiếp nhận KCN Amata	Giá trị Tiêu chuẩn tiếp nhận KCN Amata
				X	Y					
1	Nước thải đầu vào HTXLNT	NT01	13/06/2023			pH	-	4,31	-	6-9
						TSS	mg/L	75	-	200
						BOD_5	mg/L	145	-	500
						Fe	mg/L	KPH (MDL=0,016)	-	1,0
						Zn	mg/L	0,35	-	3,0
						Cr^{6+}	mg/L	0,5	-	0,05
						Cr^{3}	mg/L	KPH (MDL=0,003)	-	0,2
						Ni	mg/L	KPH (MDL=0,03)	-	0,2
						Dầu mỡ khoáng	mg/L	1,3	-	5,0
	Nước thải đầu vào HTXLNT	NT01	07/12/2023			pH	-	5,12	-	6-9
						TSS	mg/L	64	-	200
						BOD_5	mg/L	109	-	500
						Fe	mg/L	KPH (MDL=0,016)	-	1,0

Được quét bằng CamScanner

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Chỉ tiêu quan trắc	Đơn vị	Kết quả quan trắc	Kết quả quan trắc vượt tiêu chuẩn tiếp nhận KCN Amata	Giá trị Tiêu chuẩn tiếp nhận KCN Amata
				X	Y					
						Zn	mg/L	0,41	-	3,0
						Cr^{6+}	mg/L	0,34	-	0,05
						Cr^{3}	mg/L	KPH (MDL=0,003)	-	0,2
						Ni	mg/L	KPH (MDL=0,03)	-	0,2
						Dầu mỡ khoáng	mg/L	1,9	-	5,0
2	Nước thải đầu ra sau HTXLNT	NT02	13/06/2023			pH	-	7,24	-	6-9
						TSS	mg/L	23	-	200
						BOD_5	mg/L	34	-	500
						Fe	mg/L	KPH (MDL=0,016)	-	1,0
						Zn	mg/L	KPH (MDL=0,02)	-	3,0
						Cr^{6+}	mg/L	KPH (MDL=0,003)	-	0,05
						Cr^{3}	mg/L	KPH (MDL=0,003)	-	0,2
						Ni	mg/L	KPH	-	0,2

Được quét bằng CamScanner

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Chỉ tiêu quan trắc	Đơn vị	Kết quả quan trắc	Kết quả quan trắc vượt tiêu chuẩn tiếp nhận KCN Amata	Giá trị Tiêu chuẩn tiếp nhận KCN Amata
				X	Y					
								(MDL=0,003)		
						Dầu mỡ khoáng	mg/L	0,6	-	5.0
	Nước thải đầu ra sau HTXLNT	NT02	07/12/2023			pH	-	6,95	-	6-9
						TSS	mg/L	16	-	200
						BOD_5	mg/L	24	-	500
						Fe	mg/L	KPH (MDL=0.016)	-	1.0
						Zn	mg/L	KPH (MDL=0.02)	-	3.0
						Cr^{6+}	mg/L	KPH (MDL=0.003)	-	0.05
						Cr^{3}	mg/L	KPH (MDL=0.003)	-	0.2
						Ni	mg/L	KPH (MDL=0.003)	-	0.2
						Dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (MDL=0.003)	-	5.0

Được quét bằng CamScanner

2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với không khí và khí thải

2.1. Xử lý không khí xung quanh:

- ***Nguồn phát sinh:*** Bụi và khí thải phát sinh do quá trình hoạt động vận chuyển bốc xếp nguyên vật liệu, sản phẩm và sự hoạt động của các phương tiện vận chuyển gây ra. Các phương tiện này chủ yếu sử dụng xăng hoặc dầu DO trong quá trình hoạt động. Khi nhiên liệu bị đốt cháy sẽ phát sinh các chất ô nhiễm, chủ yếu là khí thải có chứa CO, NO_x, SO_2, bụi, …

- ***Biện pháp giảm thiểu:*** Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

+ Bê tông hóa đường giao thông nội bộ và thường xuyên vệ sinh nhằm giảm lượng bụi phát tán vào không khí.

+ Bảo trì, bảo dưỡng đối với các phương tiện vận chuyển của công ty, quy định tốc độ di chuyển của các phương tiện không quá 10 km/h trong nội vi khu vực dự án.

+ Thường xuyên làm vệ sinh khuôn viên nhằm giảm lượng bụi phát tán vào không khí.

+ Phun nước, tạo ẩm sân bãi nhằm giảm bụi và hơi nóng do xe vận chuyển ra vào nhà máy, nhất là vào mùa nắng.

+ Trồng nhiều cây xanh xung quanh khuôn viên nhằm tránh bụi phát tán nhiều vào không khí. Ưu tiên trồng cây xanh có tán dày để có thể hấp thụ bức xạ mặt trời, điều hoà các yếu tố vi khí hậu, chống ồn, hấp thụ khói bụi và những hỗn hợp khí như SO_2, CO_2, hợp chất chứa nitơ, photpho, các yếu tố vi lượng độc hại khác như Pb, Cu, Fe…

+ Lắp đặt máy hút bụi, tiến hành thường xuyên việc vệ sinh, và thu gom bụi bẩn trên nền nhà xưởng, đồng thời công ty đã trang bị khẩu trang, trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại công ty.

2.2. Quan trắc định kỳ không khí

- Thời gian quan trắc:
  - Đợt 1: 13/06/2023
  - Đợt 2: 07/12/2023
- Tần suất quan trắc: 02 lần/năm
- Vị trí các điểm quan trắc: Khu vực cổng, Khu vực bể mạ, Khu vực bể tẩy, Khu vực hệ thống xử lý nước thải, Khu vực gần văn phòng.
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 05 mẫu

Được quét bằng CamScanner

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/ BYT, QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT, QĐ 3733/2002/QĐ-BYT.
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty TNHH Môi Trường và An Toàn Lao Động Sao Việt.
- Số Vimcerts: 286

Được quét bằng CamScanner

Bảng 6: Thống kê vị trí điểm quan trắc Vi khí hậu và tiếng ồn, kết quả quan trắc và kết quả quan trắc vượt QCVN (nếu có)

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Chỉ tiêu quan trắc QCVN	Đơn vị	Kết quả quan trắc	Kết quả quan trắc vượt QCVN	Giá trị QCVN		
				X	Y					QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 26:2016/ BYT
1	Khu vực cổng	KK01	13/06/2023			Nhiệt độ	(°C)	31,2	-	-	-	18-32
						Độ ẩm	(%)	66,5	-	-	-	40-80
						Tốc độ gió	(m/s)	0,5	-	-	-	0,2-1,5
						Tiếng ồn	(dBA)	60,8	-	≤70	≤85	-
			07/12/2023			Nhiệt độ	(°C)	33,1	-	-	-	18-32
						Độ ẩm	(%)	66,1	-	-	-	40-80
						Tốc độ gió	(m/s)	0,4	-	-	-	0,2-1,5
						Tiếng ồn	(dBA)	65,1	-	≤70	≤85	-
2	Khu vực bể tẩy	KK02	13/06/2023			Nhiệt độ	(°C)	31,3	-	-	-	18-32
						Độ ẩm	(%)	65,4	-	-	-	40-80
						Tốc độ gió	(m/s)	0,2	-	-	-	0,2-1,5
						Tiếng ồn	(dBA)	70,4	-	≤70	≤85	-
			07/12/2023			Nhiệt độ	(°C)	31,5	-	-	-	18-32
						Độ ẩm	(%)	67,3	-	-	-	40-80
						Tốc độ gió	(m/s)	0,4	-	-	-	0,2-1,5
						Tiếng ồn	(dBA)	72,7	-	≤70	≤85	-
3	Khu vực bể mạ	KK03	13/06/2023			Nhiệt độ	(°C)	30,7	-	-	-	18-32
						Độ ẩm	(%)	66,6	-	-	-	40-80
						Tốc độ gió	(m/s)	0,4	-	-	-	0,2-1,5
						Tiếng ồn	(dBA)	70,2	-	≤70	≤85	-

Được quét bằng CamScanner

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Chỉ tiêu quan trắc QCVN	Đơn vị	Kết quả quan trắc	Kết quả quan trắc vượt QCVN	Giá trị QCVN		
				X	Y					QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 26:2016/ BYT
			07/12/2023			Nhiệt độ	(°C)	31,1	-	-	-	18-32
						Độ ẩm	(%)	67,9	-	-	-	40-80
						Tốc độ gió	(m/s)	0,4	-	-	-	0,2-1,5
						Tiếng ồn	(dBA)	73,1	-	≤70	≤85	-
4	Khu vực gần văn phòng	KK04	13/06/2023			Tiếng ồn	(dBA)	66,8	-	≤70	≤85	-
			07/12/2023			Tiếng ồn	(dBA)	69,4	-	≤70	≤85	-
5	Khu vực HTXLNT	KK05	13/06/2023			Nhiệt độ	(°C)	31,9	-	-	-	18-32
						Độ ẩm	(%)	62,8	-	-	-	40-80
						Tốc độ gió	(m/s)	0,7	-	-	-	0,2-1,5
						Tiếng ồn	(dBA)	63,5	-	≤70	≤85	-
			07/12/2023			Nhiệt độ	(°C)	31,8	-	-	-	18-32
						Độ ẩm	(%)	68,2	-	-	-	40-80
						Tốc độ gió	(m/s)	0,5	-	-	-	0,2-1,5
						Tiếng ồn	(dBA)	70,5	-	≤70	≤85	-

Được quét bằng CamScanner

Bảng 7: Thống kê vị trí điểm quan trắc bụi và hơi vô cơ, kết quả quan trắc và kết quả quan trắc vượt QCVN (nếu có)

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Chỉ tiêu quan trắc	Đơn vị	Kết quả quan trắc	Kết quả quan trắc vượt QCVN	Giá trị QCVN			
				X	Y					QCVN 05:2013/ BTNMT	QCVN 02:2019 /BYT	QCVN 03:2019 /BYT	QĐ 3733/2002/QĐ-BYT
1	Khu vực cổng	KK01	13/06/2023			Bụi	(mg/m^3)	0,14	-	≤0,3	≤8	-	-
						NO_2	(mg/m^3)	0,053	-	-	-	≤10	-
						SO_2	(mg/m^3)	0,066	-	-	-	≤10	-
						CO	(mg/m^3)	5,24	-	-	-	≤40	-
						Ni	(mg/m^3)	KPH	-	-	-	-	≤0,05
						HCl	(mg/m^3)	KPH	-	-	-	≤5	-
			07/12/2023			Bụi	(mg/m^3)	0,19	-	≤0,3	≤8	-	-
						NO_2	(mg/m^3)	0,055	-	-	-	≤10	-
						SO_2	(mg/m^3)	0,061	-	-	-	≤10	-
						CO	(mg/m^3)	5,72	-	-	-	≤40	-
						Ni	(mg/m^3)	KPH	-	-	-	-	≤0,05
						HCl	(mg/m^3)	KPH	-	-	-	≤5	-
2	Khu vực bể tẩy	KK02	13/06/2023			Bụi	(mg/m^3)	0,24	-	≤0,3	≤8	-	-
						NO_2	(mg/m^3)	0,067	-	-	-	≤10	-
						SO_2	(mg/m^3)	0,067	-	-	-	≤10	-
						CO	(mg/m^3)	6,45	-	-	-	≤40	-
						Ni	(mg/m^3)	KPH	-	-	-	-	≤0,05
						HCl	(mg/m^3)	0,22	-	-	-	≤5	-
			07/12/2023			Bụi	(mg/m^3)	0,23	-	≤0,3	≤8	-	-
						NO_2	(mg/m^3)	0,061	-	-	-	≤10	-
						SO_2	(mg/m^3)	0,068	-	-	-	≤10	-

Được quét bằng CamScanner

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Chỉ tiêu quan trắc	Đơn vị	Kết quả quan trắc	Kết quả quan trắc vượt QCVN	Giá trị QCVN			
				X	Y					QCVN 05:2013/ BTNMT	QCVN 02:2019 /BYT	QCVN 03:2019 /BYT	QĐ 3733/2002/QĐ-BYT
						CO	(mg/m^3)	5,94	-	-	-	≤40	-
						Ni	(mg/m^3)	KPH	-	-	-	-	≤0,05
						HCl	(mg/m^3)	0,15	-	-	-	≤5	-
3	Khu vực bể mạ	KK03	13/06/2023			Bụi	(mg/m^3)	0,28	-	≤0,3	≤8	-	-
						NO_2	(mg/m^3)	0,063	-	-	-	≤10	-
						SO_2	(mg/m^3)	0,071	-	-	-	≤10	-
						CO	(mg/m^3)	6,71	-	-	-	≤40	-
						Ni	(mg/m^3)	KPH	-	-	-	-	≤0,05
						HCl	(mg/m^3)	1,32	-	-	-	≤5	-
			07/12/2023			Bụi	(mg/m^3)	0,25	-	≤0,3	≤8	-	-
						NO_2	(mg/m^3)	0,065	-	-	-	≤10	-
						SO_2	(mg/m^3)	0,063	-	-	-	≤10	-
						CO	(mg/m^3)	5,73	-	-	-	≤40	-
						Ni	(mg/m^3)	KPH	-	-	-	-	≤0,05
						HCl	(mg/m^3)	0,95	-	-	-	≤5	-
4	Khu vực gần văn phòng	KK04	13/06/2023			Bụi	(mg/m^3)	0,17	-	≤0,3	≤8	-	-
						NO_2	(mg/m^3)	0,057	-	-	-	≤10	-
						SO_2	(mg/m^3)	0,068	-	-	-	≤10	-
						CO	(mg/m^3)	5,64	-	-	-	≤40	-
			07/12/2023			Bụi	(mg/m^3)	0,19	-	≤0,3	≤8	-	-
						NO_2	(mg/m^3)	0,063	-	-	-	≤10	-

Được quét bằng CamScanner

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Chỉ tiêu quan trắc	Đơn vị	Kết quả quan trắc	Kết quả quan trắc vượt QCVN	Giá trị QCVN			
				X	Y					QCVN 05:2013/ BTNMT	QCVN 02:2019 /BYT	QCVN 03:2019 /BYT	QĐ 3733/2002/QĐ-BYT
						SO_2	(mg/m^3)	0,061	-	-	-	≤10	-
						CO	(mg/m^3)	5,82	-	-	-	≤40	-
5	Khu vực HTXLNT	KK05	13/06/2023			Bụi	(mg/m^3)	0,23	-	≤0,3	≤8	-	-
						NO_2	(mg/m^3)	0,062	-	-	-	≤10	-
						SO_2	(mg/m^3)	0,067	-	-	-	≤10	-
						CO	(mg/m^3)	6,66	-	-	-	≤40	-
						Ni	(mg/m^3)	KPH	-	-	-	-	≤0,05
						HCl	(mg/m^3)	0,87	-	-	-	≤5	-
			07/12/2023			Bụi	(mg/m^3)	0,21	-	≤0,3	≤8	-	-
						NO_2	(mg/m^3)	0,069	-	-	-	≤10	-
						SO_2	(mg/m^3)	0,064	-	-	-	≤10	-
						CO	(mg/m^3)	5,66	-	-	-	≤40	-
						Ni	(mg/m^3)	KPH	-	-	-	-	≤0,05
						HCl	(mg/m^3)	KPH	-	-	-	≤5	-

Được quét bằng CamScanner

2.3. Xử lý khí thải

- Nguồn phát sinh: Khí thải phát sinh từ bể mạ, bể tẩy, Công ty đã sử dụng 02 hệ thống xử lý khí thải nhằm phục vụ trong quá trình sản xuất. Thành phần của khí thải từ quá trình đốt lò hơi chủ yếu là bụi, CO, NO_2, ...

- Biện pháp giảm thiểu:

Khí thải phát sinh từ bể mạ, bể tẩy. Hơi từ bể mạ, bể tẩy bốc lên được hút lên bởi chụp hút ngang đặt trên thành bể, vừa đảm bảo hút hết hơi sinh ra từ bể mạ mà không ảnh hưởng gì đến thao tác của công nhân. Bể tẩy cũng được bố trí một chụp hút. Tất cả đều được thu bằng quạt hút công suất 15kW. Hơi độc hại sau khi hút về nhờ quạt hút được đưa tới tháp phun nước, bên trong tháp phun có lớp vật liệu tiếp xúc (làm tăng khả năng tiếp xúc giữa dòng khí và nước), vật liệu tiếp xúc này là các khâu sứ, bên trên tháp có bố trí những vòi phun nước.

Khí sau khi được hút vào tháp phun sẽ đi qua lớp vật liệu tiếp xúc, nước trong vòi phun sẽ chảy trong lớp vật liệu này. Trong quá trình tiếp xúc giữa 2 pha khí và pha lỏng, các hơi khí độc sẽ hòa tan vào trong nước. Để đảm bảo hiệu quả xử lý của toàn hệ thống cao (đạt 90%), nước tưới sẽ được bổ sung thường xuyên (với lưu lượng khoảng $3m^3$/giờ). Nước nhiễm bụi và hơi khí độc sẽ tiếp tục chảy qua bể chứa, ở đây 1 phần sẽ được tuần hoàn nhờ bơm nước, phần còn lại (chủ yếu chứa cặn) sẽ được xả ra và dẫn vào hệ thống xử lý nước thải chung công suất 360 m^3/ngày.

Khí sau khi qua lớp vật liệu tiếp xúc được quạt hút lên và được thải ra ngoài qua ống thoát khí (chiều cao 10m, đường kính miệng ống Φ40).

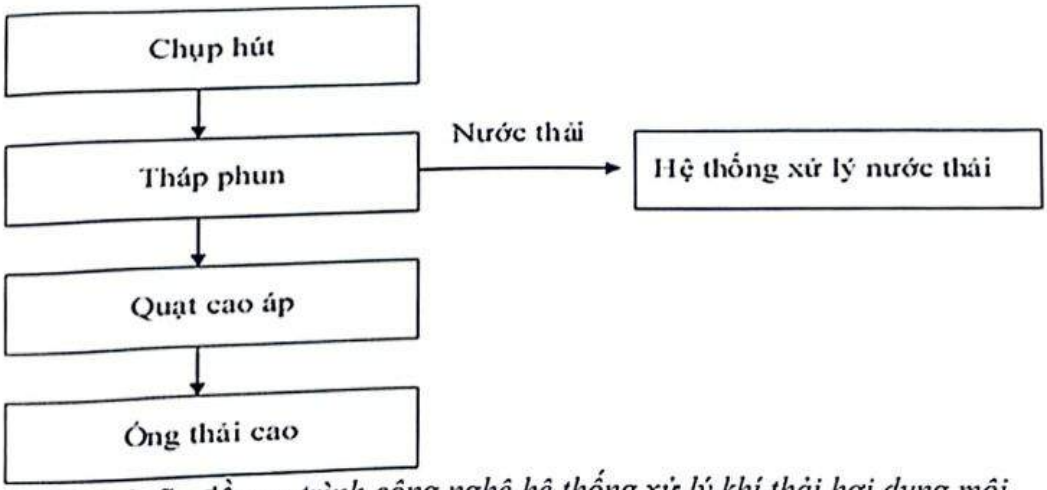

Hình 3. Sơ đồ quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải hơi dung môi

Được quét bằng CamScanner

Khí thải phát sinh từ lò hơi trong công đoạn sấy, nhiên liệu sử dụng chủ yếu là dầu DO với các chất ô nhiễm trong khí thải là bụi, CO_2, CO, NO_x ... Để giảm thiểu nồng độ ô nhiễm do khí thải từ lò hơi, công ty TNHH VP Components Việt Nam đã đầu tư lắp đặt, vận hành hệ thống xử lý khí thải nhằm đảm bảo khí thải phát tán ra môi trường xung quanh đạt tiêu chuẩn theo QCVN 19: 2009/BTNMT; cột B, Kp=1,0; Kv=0,8

Khí thải phát sinh từ lò hơi trong công đoạn sấy, nhiên liệu sử dụng chủ yếu là dầu DO với các chất ô nhiễm trong khí thải là bụi, CO_2, CO, NO_x ... Để giảm thiểu nồng độ ô nhiễm do khí thải từ lò hơi, công ty TNHH VP Components Việt Nam đã đầu tư lắp đặt, vận hành hệ thống xử lý khí thải nhằm đảm bảo khí thải phát tán ra môi trường xung quanh đạt tiêu chuẩn theo QCVN 19:2009/BTNMT; cột B, Kp=1,0; Kv=0,8.

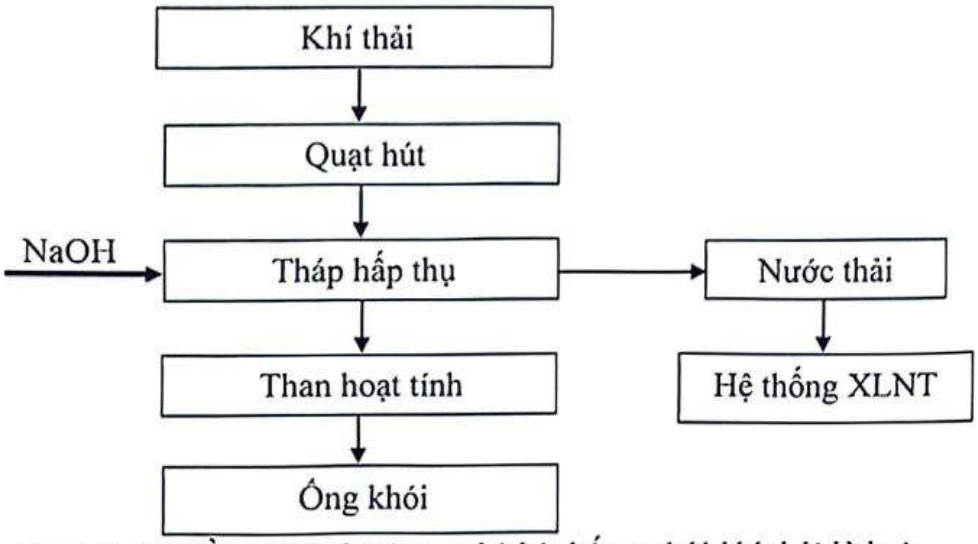

Hình 4. Sơ đồ quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải lò hơi

Thuyết minh quy trình

Khí thải được đưa vào tháp hấp thụ bằng quạt hút. Tại tháp hấp thụ dung dịch hấp thu (NaOH) được bơm liên tục từ đỉnh tháp xuống các lớp mâm tiếp xúc, khí thải được dẫn từ dưới đi lên quá trình tiếp xúc giữa pha khí và pha nước giúp quá trình hấp thụ được diễn ra dễ dàng. Khí đi ra khỏi thiết bị hấp thụ là không khí sạch tiếp tục được đẩy vào ống khói và thải ra ngoài. Nước thải của hệ thống xử lý sẽ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải của công ty để xử lý.

Được quét bằng CamScanner

2.4. Quan trắc định kỳ khí thải

- Thời gian quan trắc:
  - Đợt 1: 13/06/2023
  - Đợt 2: 07/12/2023
- Tần suất quan trắc: 02 lần/năm
- Vị trí các điểm quan trắc:

+ Khí thải sau HTXL khí thải hơi dung môi.

+ Khí thải lò hơi: không thực hiện quan trắc, do công đoạn sấy đã ngưng hoạt động vì không có đơn hàng sản xuất từ ngày 13 tháng 06 năm 2023 đến ngày 31/12/2023.

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 02 mẫu
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty TNHH Môi Trường và An Toàn Lao Động Sao Việt.
- Số Vimcerts: 286

Được quét bằng CamScanner

Bảng 8: Thống kê vị trí điểm quan trắc khí thải, kết quả quan trắc và kết quả quan trắc vượt QCVN (nếu có)

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Chỉ tiêu quan trắc	Kết quả quan trắc đạt	Kết quả quan trắc vượt QCVN	Giá trị QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B ($C_{max} = CxK_pxK_v$)
				X	Y				
1	Khí thải ống thoát khí HTXLKT hơi dung môi	-	13/06/2023	-	-	Bụi (mg/Nm^3)	67	-	≤200
						HCl (mg/Nm^3)	5,25	-	≤50
						H_2SO_4 (mg/Nm^3)	5,95	-	≤50
			07/12/2023			Bụi (mg/Nm^3)	71	-	≤200
						HCl (mg/Nm^3)	5,05	-	≤50
						H_2SO_4 (mg/Nm^3)	6,24	-	≤50

Được quét bằng CamScanner

3. Về quản lý chất thải rắn thông thường

Thống kê chất thải phát sinh (Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh chất thải rắn thông thường thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở)

Thống kê CTRSH:

TT	CTRSH	Khối lượng trung bình (tấn/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng trung bình năm gần nhất (tấn)
1	Chất thải sinh hoạt	58,080	Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	52,140
	Tổng cộng	**58,080**		**52,140**

4. Về quản lý chất thải nguy hại:

Thống kê CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất): năm 2023

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (i)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm gần nhất (kg)
Bùn thải và bã lọc có chứa các TPNH	07 01 05	113.010	TĐ-HR	Công ty TNHH Cù Lao Xanh	153.100
Tổng cộng		**113.010**			**153.100**

(i) Ghi ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); TR (Tẩy rửa); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

Được quét bằng CamScanner

5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

5.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường:

a. Sự cố cháy nổ:

Hiện tại, Công ty chưa xảy ra sự cố cháy nổ nào, tuy nhiên, sự cố này có thể xảy ra trong trường hợp sau đây:

- Không tuân thủ nghiêm ngặt những quy định về PCCC.
- Không tuân thủ các nguyên tắc làm việc trong quá trình hoạt động.
- Do tác động của sét khi thời tiết xấu.
- Các thiết bị hoạt động bằng điện có khả năng cháy do chập điện hoặc sự cố cháy nổ lò hơi gây thiệt hại cho người và tài sản.
- Huấn luyện thường xuyên cho công nhân và đội phòng chống sự cố của Công ty nhằm duy trì và tăng cường khả năng giải quyết tại chỗ các sự cố xảy ra;
- Tại các nơi dễ cháy nổ, lắp đặt hệ thống báo cháy, hệ thống thông tin, báo động. Các phương tiện PCCC được kiểm tra bảo dưỡng định kỳ và luôn ở trong tình trạng sẵn sàng;
- Các loại nhiên liệu được lưu giữ trong kho được cách ly, tránh xa nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện;
- Công nhân không được hút thuốc, không mang bật lửa, các dụng cụ phát ra lửa trong khu vực dễ cháy.

b. Sự cố rò rỉ hóa chất, nhiên liệu:

Hiện tại, Công ty chưa xảy ra sự cố rò rỉ, hóa chất. Tuy nhiên, sự cố này có thể xảy ra trong một số trường hợp sau đây:

- Các thùng (bồn) chứa hóa chất bị rò rỉ do có khiếm khuyết tại nắp đậy hoặc đậy không chặt.
- Không cẩn trọng trong việc vận chuyển, gây dịch chuyển các thùng chứa làm đổ hóa chất ra ngoài.
- Hóa chất được nhập về Công ty với khối lượng được tính toán phù hợp với lượng sử dụng thực tế của Công Ty, hóa chất trước khi nhập về kho được dán nhãn phân biệt rõ loại hóa chất và ngày nhập về, ngoài ra đối với các loại hóa chất có ảnh hưởng đến môi trường còn được dán thêm nhãn cảnh báo.

Được quét bằng CamScanner

- Yêu cầu đối với kho hóa chất: có mái che chắn tránh nước mưa tràn vào, ngoài ra còn được trang bị thiết bị PCCC, cát khô sử dụng để ứng phó sự tràn đổ của những hóa chất lỏng.

* ***Biện pháp giảm thiểu:***

- Công ty đã thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa sự cố được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án bảo vệ môi trường chi tiết. Vì vậy từ đầu năm 2023 đến thời điểm giám sát, Công ty chưa để xảy ra sự cố nào.

5.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

Công ty chưa xảy ra các trường hợp về sự cố môi trường

Được quét bằng CamScanner

PHỤ LỤC 1:
KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Đáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0917.370.458
Website: www.moitruongsaoviet.vn

VACI VALAS 073 VIMCERTS 286

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2306.13/KQTN-22 20/06/2023

1 **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS VIỆT NAM

2 **Địa chỉ** : Lô 104/2-1, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

3 **Ngày lấy mẫu** : 13/06/2023

4 **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ

5 **Loại mẫu** : Nước thải

6 **Ký hiệu và mô tả mẫu** : 23.06.13NT22A: Nước thải đầu vào HTXLNT
23.06.13NT22B: Nước thải đầu ra sau HTXLNT

7 **Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu** : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5999:1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải
TCVN 6663-3:2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

8 **Kết quả đo đạc, phân tích :**

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả		Tiêu chuẩn tiếp nhận KCN Biên Hòa	Phương pháp đo đạc, phân tích
			23.06.13 NT22A	23.06.13 NT22B		
1.	pH(1)	-	4,31	7,24	6 – 9	TCVN 6492:2011
2.	TSS(1)	mg/L	75	23	200	TCVN 6625:2000
3.	BOD_5(1)	mg/L	145	34	500	TCVN 6001–1:2008
4.	Sắt (Fe)(1)	mg/L	KPH MDL= 0,016	KPH MDL= 0,016	1	TCVN 6177:1996
5.	Kẽm (Zn)(2)	mg/L	0,35	KPH MDL=0,02	3	SMEWW 3111B:2017
6.	Crom VI (Cr^{6+})(1)	mg/L	0,5	KPH MDpL=0,003	0,05	SMEWW 3500-Cr.B:2017
7.	Crom III (Cr^{3+})(2)	mg/L	KPH MDL= 0,003	KPH MDL=0,003	0,2	SMEWW 3113B:2017 + SMEWW 3500-Cr.B:2017
8.	Niken (Ni)(2)	mg/L	KPH MDL=0,03	KPH MDL=0,03	0,2	SMEWW 3111B:2017
9.	Dầu mỡ khoáng(1)	mg/L	1,3	0,6	5	SMEWW 5520B&F:2017

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo
- *(1) Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *(2) Thông số sử dụng nhà thầu phụ Vimcerts 117;*
- *KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện*

PHÒNG THỬ NGHIỆM

HOÀNG ANH TRÚC ĐOAN

M.S.D.N: 3702915620 - C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT TP. THUẬN AN

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ HUYỀN

Sự hài lòng của bạn - Uy tín của chúng tôi

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Đáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2306.13/KQTN-22 — 20/06/2023

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS VIỆT NAM
2. **Địa chỉ** : Lô 104/2-1, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
3. **Ngày lấy mẫu** : 13/06/2023
4. **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
5. **Loại mẫu** : Không khí xung quanh
6. **Kết quả đo đạc, phân tích** :

Vị trí đo	Tiếng ồn[(1)] (dBA)	Bụi[(1)] (mg/m^3)	NO_2[(1)] (mg/m^3)	SO_2[(1)] (mg/m^3)	CO[(1)] (mg/m^3)
Khu vực gần văn phòng	66,8	0,17	0,057	0,068	5,64
QCVN 26:2010/BTNMT	**≤ 70**	-	-	-	-
QCVN 05: 2013/BTNMT	-	**≤ 0,3**	**≤ 0,2**	**≤ 0,35**	**≤ 30**
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 7878-2:2010	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.CV.03

Ghi chú : Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo
- *(1) Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *QCVN 26 : 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn*
- *QCVN 05 : 2013/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh*

PHÒNG THỬ NGHIỆM

HOÀNG ANH TRÚC ĐOAN

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT

NGUYỄN THỊ HUYỀN

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Đáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2306.13/KQTN-22 20/06/2023

Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS VIỆT NAM
Địa chỉ : Lô 104/2-1, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Ngày lấy mẫu : 13/06/2023
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Không khí môi trường lao động
Kết quả đo đạc, phân tích :

Vị trí đo	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn (dBA)
Khu vực bể tẩy	31,3	65,4	0,2	70,4
Khu vực bể mạ	30,7	66,6	0,4	70,2
Khu vực cổng	31,2	66,5	0,5	60,8
Khu vực HTXLNT	31,9	62,8	0,7	63,5
QCVN 24:2016/BYT	-	-	-	**≤ 85**
QCVN 26:2016/BYT	**18 – 32**	**40 – 80**	**0,2 – 1,5**	-
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	QCVN 46 : 2012/BTNMT			TCVN 7878-2:2010

Vị trí đo	Bụi (mg/m³)	NO_2 (mg/m³)	SO_2 (mg/m³)	CO (mg/m³)	Ni (mg/m³)	HCl (mg/m³)
Khu vực bể tẩy	0,24	0,067	0,067	6,45	KPH	0,22
Khu vực bể mạ	0,28	0,063	0,071	6,71	KPH	1,32
Khu vực cổng	0,14	0,053	0,066	5,24	KPH	KPH
Khu vực HTXLNT	0,23	0,062	0,067	6,66	KPH	0,87
QCVN 02:2019/BYT	**≤ 8**	-	-	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT	-	**≤ 10**	**≤ 10**	**≤ 40**	-	**≤ 5**
QĐ 3733/2002/QĐ-BYT	-	-	-	-	**≤ 0,05**	-
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.CV.03	ASTM D 4185	TCVN 4499-1998

Ghi chú : Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- *QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc*
- *QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc*
- Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT *21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động*
- *KPH: Không phát hiện*

PHÒNG THỬ NGHIỆM

HOÀNG ANH TRÚC ĐOAN

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ HUYỀN

Sự hài lòng của bạn - Uy tín của chúng tôi

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Đáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn

VACI VALAS 073

Số: 2306.13/KQTN-22 PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM 20/06/2023

- **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS VIỆT NAM
- **Địa chỉ** : Lô 104/2-1, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- **Ngày lấy mẫu** : 13/06/2023
- **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
- **Loại mẫu** : Khí thải
- **Kết quả đo đạc, phân tích :**

Vị trí đo	Bụi[(2)] (mg/Nm^3)	HCl[(2)] (mg/Nm^3)	H_2SO_4[(2)] (mg/Nm^3)
Khí thải ống thoát khí HTXLKT hơi dung môi	67	5,25	5,95
QCVN 19 :2009/BTNMT, Cột B (Cmax = C x Kp x Kv)	**≤ 200**	**≤ 50**	**≤ 50**
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	US EPA Method 5	US EPA Method 26	US EPA Method 8

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;
- *[(2)] Thông số sử dụng nhà thầu phụ Vimcerts 117;*
- *QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về khí thải Công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ*

C_{max}: nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp tính bằng miligam trên mét khối khí chuẩn (mg/Nm^3).
C: nồng độ bụi và các chất vô cơ qui định ở mục 2.2 QCVN 19:2009/BTNMT
KV=1: hệ số vùng, khu công nghiệp.
KP=1: hệ số lưu lượng nguồn thải P≤20.000 m^3/h.

PHÒNG THỬ NGHIỆM **GIÁM ĐỐC**

M.S.D.N: 3702915620 - C.T.N.H.H - CÔNG TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT - TP. THUẬN AN - T. BÌNH DƯƠNG

HOÀNG ANH TRÚC ĐOAN **NGUYỄN THỊ HUYỀN**

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Đáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn

Số: 00781/2023/KQTN/03

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

14/12/2023

1 **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS VIỆT NAM

2 **Địa chỉ** : Lô 104/2-1, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

3 **Ngày lấy mẫu** : 07/12/2023

4 **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ

5 **Loại mẫu** : Nước thải

6 **Ký hiệu và mô tả mẫu** : 231207.07NT1: Nước thải đầu vào HTXLNT
231207.07NT2: Nước thải đầu ra sau HTXLNT

7 **Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu** : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5999:1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải
TCVN 6663-3:2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

8 **Kết quả đo đạc, phân tích :**

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả		Tiêu chuẩn tiếp nhận KCN Biên Hòa	Phương pháp đo đạc, phân tích
			231207.07 NT1	231207.07 NT2		
.	pH(1)	-	5,12	6,95	6 – 9	TCVN 6492:2011
.	TSS(1)	mg/L	64	16	200	TCVN 6625:2000
.	BOD_5(1)	mg/L	109	24	500	TCVN 6001-1:2008
.	Sắt (Fe)(1)	mg/L	KPH MDL=0,016	KPH MDL=0,016	1	TCVN 6177:1996
.	Kẽm (Zn)(2)	mg/L	0,41	KPH MDL=0,02	3	SMEWW 3111B:2017
.	Crom VI (Cr^{6+})(1)	mg/L	0,34	KPH MDpL=0,003	0,05	SMEWW 3500-Cr.B:2017
.	Crom III (Cr^{3+})(2)	mg/L	KPH MDL=0,003	KPH MDL=0,003	0,2	SMEWW 3113B:2017 + SMEWW 3500-Cr.B:2017
.	Niken (Ni)(2)	mg/L	KPH MDL=0,03	KPH MDL=0,03	0,2	SMEWW 3111B:2017
.	Dầu mỡ khoáng(1)	mg/L	1,9	KPH MDL=0,3	5	SMEWW 5520B&F:2017

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo
- *(1) Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *(2) Thông số sử dụng nhà thầu phụ Vimcerts 117;*
- *KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện*

PHÒNG THỬ NGHIỆM

HOÀNG ANH TRÚC ĐOAN

M.S.D.N: 3702915620 - C.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT - TP. THUẬN AN

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ HUYỀN

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Đáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn

Số: 00781/2023/KQTN/03 PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM 14/12/2023

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS VIỆT NAM
2. **Địa chỉ** : Lô 104/2-1, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
3. **Ngày lấy mẫu** : 07/12/2023
4. **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
5. **Loại mẫu** : Không khí xung quanh
6. **Kết quả đo đạc, phân tích** :

Vị trí đo	Tiếng ồn(1) (dBA)	Bụi(1) (mg/Nm^3)	NO_2(1) (mg/Nm^3)	SO_2(1) (mg/Nm^3)	CO(1) (mg/Nm^3)
Khu vực văn phòng	69,4	0,19	0,063	0,061	5,82
QCVN 26:2010/BTNMT	**≤ 70**	-	-	-	-
QCVN 05: 2023/BTNMT		**≤ 0,3**	**≤ 0,2**	**≤ 0,35**	**≤ 30**
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 7878-2:2010	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.CV.03

Ghi chú : Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo
- *(1) Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *QCVN 26 : 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn*
- *QCVN 05 : 2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí*

PHÒNG THỬ NGHIỆM **GIÁM ĐỐC**

HOÀNG ANH TRÚC ĐOAN **NGUYỄN THỊ HUYỀN**

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP Bình Đáng, P Bình Hòa, TP Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274 366 2529 Hotline: 0918 840 220 - 0974 720 707
Website: www.moitruongsaoviet.vn

VACI (VILAS 873) | ILAC-MRA

00781/2023/KQTN/SV PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM 14/12/2023

Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS VIỆT NAM
Địa chỉ : Lô 104/2-1, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Ngày lấy mẫu : 07/12/2023
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Khí thải
Kết quả đo đạc, phân tích :

Vị trí đo	Bụi[2] (mg/Nm³)	HCl[2] (mg/Nm³)	H_2SO_4[2] (mg/Nm³)
Khí thải ống thoát khí HTXLKT hơi dung môi	71	5,05	6,24
QCVN 19 :2009/BTNMT, Cột B (Cmax = C x Kp x Kv)	**≤ 200**	**≤ 50**	**≤ 50**
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	US EPA Method 5	US EPA Method 26	US EPA Method 8

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;
-> Thông số sai chưng nhỏ thấp pháp Vimcerts 117;
QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về khí thải Công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
Cmax: nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp tính bằng miligam trên mét khối khí chuẩn (mg/Nm³).
C: nồng độ bụi và các chất vô cơ quy định ở mục 2.2 QCVN 19:2009/BTNMT
Kp=1: hệ số vùng, khu công nghiệp.
Kp=1: hệ số lưu lượng nguồn thải P≤20.000 m³/h.

PHÒNG THỬ NGHIỆM

HOÀNG ANH TRÚC DOAN

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT

NGUYỄN THỊ HUYỀN

Được quét bằng CamScanner

PHỤ LỤC 2

1. Giấy phép kinh doanh;
2. Giấy chứng nhận đầu tư;
3. Giấy xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường;
4. Biên bản thỏa thuận đấu nối;
5. Sổ chủ đăng ký nguồn thải chất thải nguy hại;
6. Hợp đồng thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt;
7. Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH;
8. Hóa đơn thu gom chất thải rắn sinh hoạt;
9. Chứng từ CTNH;
10. Hóa đơn điện;
11. Hóa đơn tiêu thụ nước;
12. Hóa đơn xử lý nước thải.

Được quét bằng CamScanner

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 3600485577

Đăng ký lần đầu: ngày 11 tháng 12 năm 2000

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 10 tháng 12 năm 2020

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VP COMPONENTS (VIETNAM) CO., LTD.

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: *0251.936579* Fax: *0251.936795*

Email: *vp_lin@vpcomposents.com* Website: *www.vpcomponents.znn.vn*

3. Vốn điều lệ 64.458.244.134 đồng.

Bằng chữ: Sáu mươi bốn tỷ bốn trăm năm mươi tám triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm ba mươi bốn đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: VP COMPONENTS (DELAWARE, U.S.A.) INTERNATIONAL L.L.C

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: *3221184*

Ngày cấp: *02/05/2000* Nơi cấp: *Delaware, U.S.D*

Địa chỉ trụ sở chính: *15 East North Street, Dover, Delaware 19901, Mỹ*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Được quét bằng CamScanner

* Họ và tên: LIAO, HAN- MING Giới tính: *Nam*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *20/06/1952* Dân tộc: Quốc tịch: *Trung Quốc*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy chứng thực cá nhân: *305353769*

Ngày cấp: *19/03/2012* Nơi cấp: *Bộ Ngoại giao Trung Quốc (Đài Loan)*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *5F., No.125, Lane 363, Jinhu Rd., Neihu District, Taipei City 114, Trung Quốc*

Chỗ ở hiện tại: *Số B946, The Oasis III, Đường D16, KDC Việt Sing, Khu phố 4, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Đỗ Quốc Thịnh

Được quét bằng CamScanner

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 12 năm 2020

Số: 102172/20

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: *Tỉnh Đồng Nai*
Địa chỉ trụ sở: *108 đường Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*
Điện thoại: *0251 885 0777* Fax: *0251 394 1718*
Email: *dkkd.skhdt@dongnai.gov.vn* Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 3600485577

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

Người đại diện theo ủy quyền

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Chỗ ở hiện tại	Số giấy CMND (chứng thực cá nhân)	Vốn được ủy quyền		
					Tổng giá trị vốn được đại diện	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn
1	VP COMPONENTS (DELAWARE, U.S.A.) INTERNATIONAL L.L.C	CHANG, SU-JEN	No.16, Alley 45, Lane 97, Chung Hsiao Rd., Yu Shih Vill., Chiao Hsi Township, Yi Lan County, Trung Quốc	352394249	64458244134	100,00%	20/11/2020

Nơi nhận:
-CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM) . Địa chỉ:Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
*.....;
- Lưu: Quách Như Khánh.....

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Đỗ Quốc Thịnh

Được quét bằng CamScanner

BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 61/GP-KCN-ĐN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biên Hòa, ngày 11 tháng 12 năm 2000.

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH ĐỒNG NAI

- Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1996; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 2000 và Nghị định 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

- Căn cứ Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ ban hành Quy chế Khu Công nghiệp, Khu Chế xuất, Khu Công nghệ cao;

- Căn cứ Quyết định số 204/TTg ngày 06 tháng 4 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai;

- Căn cứ Quyết định số 162-BKH/KCN ngày 26 tháng 6 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ủy quyền cho Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai trong việc hình thành dự án; tiếp nhận, thẩm định hồ sơ dự án; cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép đầu tư và quản lý hoạt động các dự án đầu tư nước ngoài trong các Khu Công nghiệp, Khu Chế xuất;

- Xét đơn và hồ sơ dự án do VP COMPONENTS (DELAWARE, U.S.A) INTERNATIONAL L.L.C. nộp ngày 27 tháng 11 năm 2000,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1:

Cho phép:

VP COMPONENTS (DELAWARE, U.S.A.) INTERNATIONAL L.L.C.; trụ sở đặt tại 15 East North Street, Dover, Delaware 19901, USA;

do Bà Lin Chen, Shu-Hsiang, người Đài Loan, chức vụ Giám đốc làm đại diện,

thành lập Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Doanh nghiệp có tên gọi là CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VP COMPONENTS (VIỆT NAM), tên tiếng anh là VP COMPONENTS (VIETNAM) CO., LTD.; trụ sở và nhà xưởng sản

Được quét bằng CamScanner

xuất đặt tại Khu Công nghiệp Long Bình hiện đại, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

Doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và phải mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 2:

a) Mục tiêu và phạm vi kinh doanh của Doanh nghiệp:

Sản xuất bàn đạp, các bộ phận của bàn đạp và các chi tiết bằng nhựa của xe đạp;

b) Ít nhất 80% sản phẩm của Doanh nghiệp dùng để xuất khẩu, số còn lại tiêu thụ tại thị trường Việt Nam.

Điều 3:

a) Vốn đầu tư đăng ký của Doanh nghiệp là 4.000.000 (bốn triệu) đô la Mỹ.

b) Vốn pháp định của Doanh nghiệp là 1.200.000 (một triệu hai trăm nghìn) đô la Mỹ.

Điều 4:

Thời hạn hoạt động của Doanh nghiệp là 45 (bốn mươi lăm) năm kể từ ngày được cấp Giấy phép đầu tư.

Điều 5:

a) Doanh nghiệp có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước Việt Nam:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 10% (mười phần trăm) lợi nhuận thu được;
- Thuế chuyển lợi nhuận bằng 3% (ba phần trăm) số lợi nhuận chuyển ra khỏi Việt Nam;
- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm;

Doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 (bốn) năm kể từ khi kinh doanh có lãi và giảm 50% (năm mươi phần trăm) trong 4 (bốn) năm tiếp theo.

b) Doanh nghiệp có nghĩa vụ trả tiền thuê mặt bằng và phí sử dụng hạ tầng kỹ thuật của Khu Công nghiệp Long Bình hiện đại cho Công ty Liên doanh phát triển Khu Công nghiệp Long Bình hiện đại (Amata) theo hợp đồng ký kết giữa các bên.

c) Doanh nghiệp được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Điều 57 và Điều 58 của Nghị định

Được quét bằng CamScanner

24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Trường hợp nhập khẩu thiết bị đã qua sử dụng phải tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam.

Điều 6:

Trong quá trình hoạt động, Doanh nghiệp phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định của Giấy phép đầu tư, Điều lệ Doanh nghiệp ký ngày 22 tháng 11 năm 2000.

Mọi điều khoản của Điều lệ Doanh nghiệp trái với nội dung của Giấy phép đầu tư này và pháp luật Việt Nam phải được hiểu theo quy định của Giấy phép đầu tư này và pháp luật Việt Nam.

Doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ các biện pháp xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, môi sinh, phòng-chống cháy, nổ và an toàn lao động theo các quy định của Nhà nước Việt Nam.

Điều 7:

Giấy phép này đồng thời có giá trị là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đăng ký Điều lệ Doanh nghiệp của CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VP COMPONENTS (VIỆT NAM) và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 8:

Giấy phép này được lập thành 5 (năm) bản gốc; một bản cấp cho Chủ đầu tư, một bản cấp cho CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VP COMPONENTS (VIỆT NAM), một bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, một bản gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và một bản đăng ký tại Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai.

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Đặng Thị Kim Nguyên

Được quét bằng CamScanner

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 3421 /BĐK-TNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biên Hòa, ngày 16 tháng 11 năm 2004

PHIẾU XÁC NHẬN
BẢN ĐĂNG KÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG

Dự án mở rộng - xây dựng nhà xưởng xi mạ của
CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI XÁC NHẬN

Điều 1. Công ty TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM) đã trình bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường đối với dự án mở rộng- xây dựng nhà xưởng xi mạ vào ngày 15/10/2004, đặt tại Lô 204/2-1, KCN Amata, Biên Hòa, Đồng Nai (theo giấy phép đầu tư số 61/GPĐC1-KCN-ĐN ngày 11/8/2004 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai).

Điều 2. Công ty TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM) có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và những yêu cầu đối với chủ dự án kèm theo phiếu xác nhận này.

Điều 3. Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và những yêu cầu đối với chủ dự án tại điều 2, là cơ sở để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện về bảo vệ môi trường của Công ty.

Điều 4. Sau khi hoàn thành các hạng mục công trình về môi trường, Công ty phải có báo cáo bằng văn bản gửi cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường để kiểm tra.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (b/c)
- Ban QLKCN Đồng Nai
- Cty VP Components VN (để thực hiện)
- Giám đốc, các Phó GĐ Sở
- Lưu VT, MT.

Đồng kính gửi:
-Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c)

TH-bđk morong VPComponents/ 2

KT. GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Phan Văn Hết

Được quét bằng CamScanner

NHỮNG YÊU CẦU ĐỐI VỚI CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi ... số 345 /BĐK.KHCNMT ngày 23 /2001 của Giám đốc Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Đồng Nai)

1- Qui hoạch diện tích cây xanh tối thiểu 15% trên tổng diện tích mặ... tạo cảnh quan và thoáng mát trong khuôn viên Công ty.

2- Tách riêng tuyến thoát nước thải và nước mưa của Công ty. Nước ... hoạt và sản xuất phải được xử lý cục bộ tại Công ty đạt tiêu chuẩn ... định của KCN Amata trước khi được đấu nối vào hệ thống xử lý ... tập trung của khu công nghiệp.

3- Đầu tư hệ thống xử lý khí thải (từ bể nạp và bể xuất) đạt tiêu chuẩ... loại B, TCVN 5939- 1945. Thực hiện các biện pháp đảm bảo môi ... không khí đạt theo tiêu chuẩn qui định TCVN 5937-1995, TCVN ... 1995, TCVN 5940-1995.

4- Thường xuyên vệ sinh mặt bằng nhà xưởng; phối hợp với đơn vị chứ... thu gom và xử lý các loại chất thải rắn không nguy hại hợp vệ sinh, ... qui định. Đối với các chất thải công nghiệp nguy hại phát sinh trong ... trình hoạt động sản xuất (dầu mỡ thải, phẩm màu, bùn thải chứa kim ... nặng....). Công ty phải xử lý theo đúng Qui chế Quản lý chất thải nguy ... ban hành kèm theo Quyết định số 155/1999/QĐ-TTg ngày 16/7/1999 ... Thủ tướng Chính phủ.

5- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân. Thực hiện các biện pháp đả... môi trường vi khí hậu.

6- Thực hiện chương trình giám sát môi trường đối với hoạt động của nhà ... và báo cáo kết quả thực hiện về Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trư... Đồng Nai (02 lần trong 1 năm).

7- Hoạt động đúng qui mô đăng ký 39.600.000 bộ sản phẩm các loại (bộ ... bộ nắp chụp pêdan, bộ nắp chụp dưới, trục pêdan....). Mọi sự thay đổ... ngành nghề hay qui mô hoạt động, Công ty phải báo cáo Sở Khoa ... Công nghệ và Môi trường Đồng Nai để được xem xét.

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY LIÊN DOANH PHÁT TRIỂN
KCN LONG BÌNH HIỆN ĐẠI
----- 0 -----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
------ 0 ------

BẢN THỎA THUẬN ĐẤU NỐI

BẢN THỎA THUẬN ĐẤU NỐI này được lập tại KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai vào ngày 15 tháng 05 năm 2006.

GIỮA

Công ty TNHH Amata (Vietnam), dưới đây gọi là Bên A

VÀ

Công ty TNHH VP Components (Vietnam), dưới đây gọi là Bên B

ĐẠI DIỆN CỦA CÁC BÊN

Bên A

Ông TS. Huỳnh Ngọc Phiên, Tổng Giám Đốc

Bên B

.....

Hai bên cùng nhau thống nhất các các quy định khi thi công xây dựng dự án VP Components (Vietnam) trong khu công nghiệp Amata.

A. CÁC QUY ĐỊNH KHI ĐẤU NỐI VÀO HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU CÔNG NGHIỆP AMATA

1. Thoát nước thải

Hệ thống thoát nước thải bên trong dự án VP Components (Vietnam) được phép đấu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của khu công nghiệp Amata tại vị trí được xác định trong bản vẽ H.1. Chi tiết đấu nối được thể hiện trong bản vẽ H.2.

GHI CHÚ

Bên B cam kết thực hiện thi công đấu nối theo bản vẽ kỹ thuật đã được Bên A chấp thuận. Bên B phải thông báo cho Bên A để được cung cấp thông tin về công trình ngầm trong phạm vi đấu nối, kiểm tra, hướng dẫn trong quá trình thi công đấu nối. Bên B thực hiện thi công đấu nối như nêu tại điểm 1 bằng chi phí của Bên B. Bên B

Được quét bằng CamScanner

phải bồi thường mọi thiệt hại (nếu có) đối với cơ sở hạ tầng trong KCN Amata sai sót trong quá trình thi công đấu nối gây ra.

B. DANH SÁCH BẢN VẼ ĐÍNH KÈM

1. Mặt bằng vị trí đấu nối hệ thống thoát nước thải H.1
2. Chi tiết đấu nối hệ thống thoát nước thải H.2

Bản thỏa thuận đấu nối này được lập thành ba bản, mỗi bản đều có tiếng Anh và tiếng Việt. Trong trường hợp có sự khác nhau giữa hai bản tiếng Anh và tiếng Việt bản tiếng Anh sẽ được ưu tiên sử dụng.

Đại diện Bên A

CÔNG TY LIÊN DOANH PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP LONG BÌNH HIỆN ĐẠI

Võ Huỳnh Ngọc Phiên
Tổng Giám Đốc

Đại diện Bên B

CÔNG TY TNHH VIP COMPANY (VIỆT NAM)

.....
.....

Nơi gửi:
- Như trên
- Các cơ quan chức năng liên quan của tỉnh Đồng Nai

Được quét bằng CamScanner

AMATA(VIETNAM) CO., LTD.
----- 0 -----

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness
------ 0 ------

INFRASTRUCTURE CONNECTION AGREEMENT

This **INFRASTRUCTURE CONNECTION AGREEMENT** is made at Amata Industrial Park, Bien Hoa city, Dong Nai province on Monday, May 15, 2006

BETWEEN
Amata(Vietnam) Co., Ltd. (hereinafter referred to as Party A)
AND
VP Components (Vietnam) Co., Ltd. (hereinafter referred to as Party B)

REPRESENTATIVES OF THE PARTIES

For Party A

Dr. Huynh Ngoc Phien, President

For Party B

.....

The Parties agree to commit the below construction regulations during the execution of the VP Components (Vietnam) project in Amata Industrial Park.

A. REGULATIONS OF INFRASTRUCTURE CONNECTIONS IN AMATA INDUSTRIAL PARK

1. Waste water drainage system

The waste water drainage system of VP Components (Vietnam) project is allowed to connect to the general waste water drainage system of Amata Industrial Park at the location as shown on the attached drawing H.1. The detailed connection point is shown on the attached drawing H.2.

REMARK

VP Components (Vietnam) Co., Ltd. commits to execute the connection work in compliance with the technical drawings approved by Amata(Vietnam) Co., Ltd. VP Components (Vietnam) Co.. Ltd. should inform Amata (Vietnam) Co.,. Ltd. for getting information about the under-ground infrastructure, checking and instruction during the execution of the connection work. VP Components (Vietnam) Co., Ltd. executes the connection work as clause 1 by its own costs and expenses. VP Components (Vietnam) Co., Ltd. must compensate any loss or damage (if any) to

Được quét bằng CamScanner

the infrastructure in Amata Industrial Park caused by the execution of the connec work.

B. LIST OF THE ATTACHED DRAWINGS

1. Location of waste water drainage connection H.1
2. Detailed connection of waste water drainage H.2

This **INFRASTRUCTURE CONNECTION AGREEMENT** is made in t copies, each in both English and Vietnamese. If there is any inconsistence betw the two versions, the English will prevail.

Amata(Vietnam) Co., Ltd.

Dr. Huynh Ngoc Phien
President

VP Components (Vietnam) Co., Ltd

.....
.....

Distribution:
- As above
- Competent authorities of Dong Nai province

Được quét bằng CamScanner

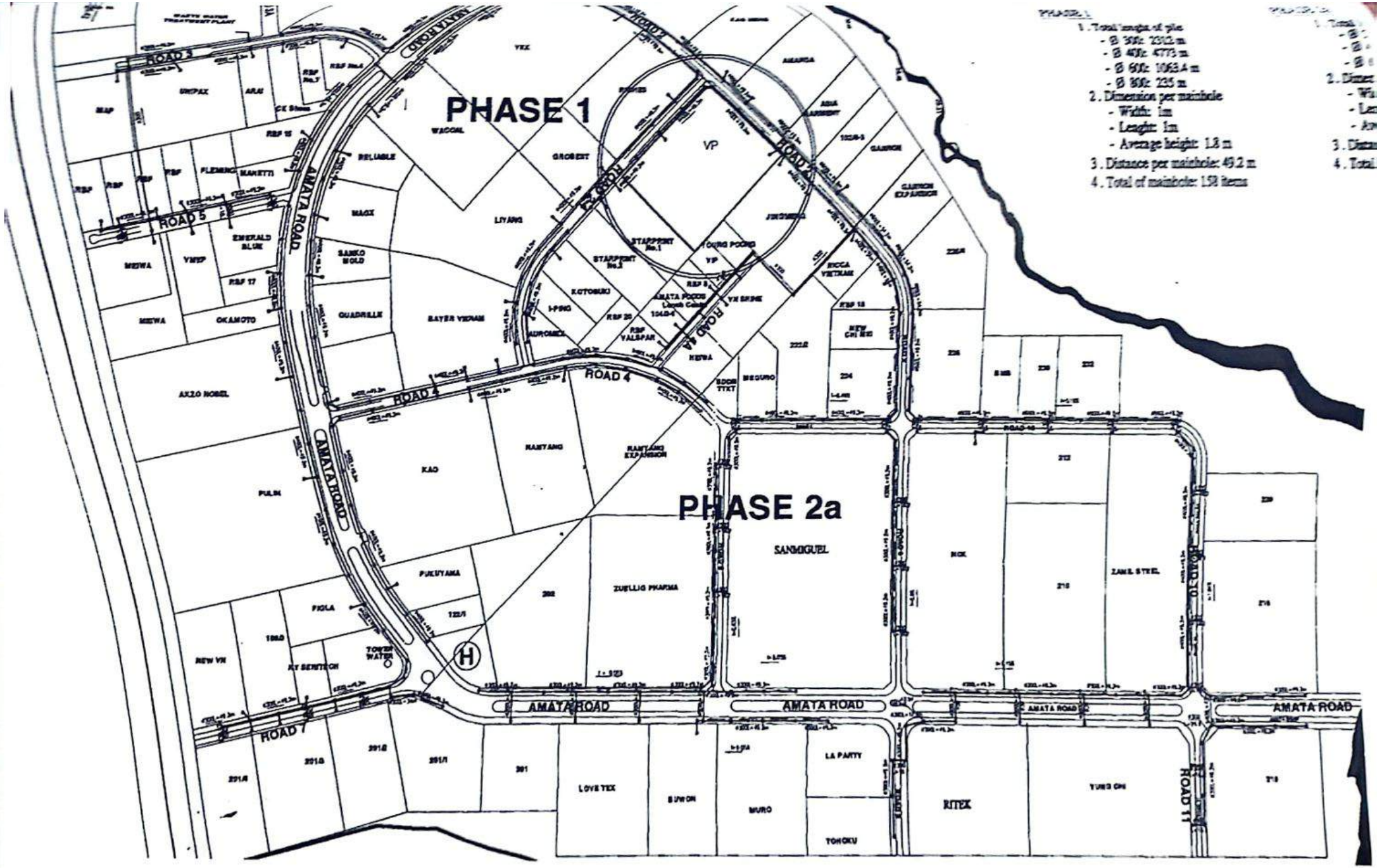

Được quét bằng CamScanner

Được quét bằng CamScanner

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 538 /SĐK-STNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 23 tháng 9 năm 2011

SỔ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI

Mã số QLCTNH: 75.001268.T

(Cấp lần hai)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:

- Tên chủ nguồn thải: Công ty TNHH VP Components Việt Nam.
- Địa chỉ văn phòng: Lô 104/2-1, Đường số 2, Khu công nghiệp Amata, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: 0613 936579~779 Fax: 0613 936795
- Tài khoản số: 5900211051135 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Đồng Nai.
- Giấy phép đầu tư số 61/GP-KCN-ĐN do Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 11/12/2000

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH và chất thải thông thường theo phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1- Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.

2- Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động và thay thế Sổ đăng ký có mã số QLCTNH: 75001268.T cấp ngày 13/9/2010./.

Nơi nhận:
- Như phần I;
- Lưu: VT, ĐKTNMT .2b

E/ThuHang/Moitruong/CTNH/Components/3b

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH ĐỒNG NAI

Võ Văn Chánh

Được quét bằng CamScanner

PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH.75..CD.1268..)
do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lần hai ngày 23 tháng 9 năm 2011)

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI

1. Cơ sở phát sinh CTNH:

Tên: Công ty TNHH VP Components Việt Nam.
Địa chỉ: Lô 104/2-1, đường 2, KCN Amata, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0613. 936579 Fax: 0613. 936795.
Giấy phép đầu tư số: 61/GP-KCN-ĐN, ngày cấp 11/12/2000, nơi cấp: Ban quản các KCN tỉnh Đồng Nai.

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bùn thải và bã lọc có chứa các thành phần nguy hại	Rắn	6.000	07 01 05
2	Các vật liệu mài mòn thải có chứa các thành phần nguy hại	Rắn	1.200	07 03 08
3	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	Rắn	12	08 02 04
4	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại chất thải khác có chứa thủy ngân	Rắn	24	16 01 06
5	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	Lỏng	600	17 06 01
6	Bao bì thải có chứa hoặc nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	600	18 01 01
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	240	18 02 01
	Tổng số lượng:		8.676	

3. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Nhóm nhựa: bao bì nhựa, nylon không nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	2.400

Được quét bằng CamScanner

2	Nhóm giấy/gỗ: bao bì giấy, thùng chứa gỗ, pallet gỗ hư hỏng	Rắn	6.000
3	Nhóm kim loại: bao bì kim loại không nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	3.600
4	Chất thải sinh hoạt	Rắn	6.240
	Tổng số lượng:		**18.240**

Danh sách CTNH đã đăng ký tự xử lý CTNH tại cơ sở: Không

Hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký:

Danh sách các hồ sơ, giấy tờ trong bộ hồ sơ đăng ký:

Đơn đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (cấp lại);

Bản sao Giấy phép đầu tư.

Bản giải trình các điểm sửa đổi, bổ sung (trường hợp cấp lại Sổ đăng ký)./.

VP Component

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do Hạnh Phúc**

Số: 246/2023/HĐ.RT

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ
Về việc vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- *Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;*
- *Căn cứ vào Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;*
- *Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết về Luật Bảo vệ Môi trường;*
- *Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*
- *Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu và khả năng thực hiện của hai bên.*

Hôm nay, ngày 03 tháng **01** năm **2023**, đại diện các bên ký hợp đồng chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VP COMPONENTS VIỆT NAM
- Địa chỉ : Lô 104/2-1, Đường số 2, KCN Amata, P.Long Bình, TP.Biên Hòa, T.Đồng Nai.
- Điện thoại : 02513 936 579/779 - Fax:
- Mã số thuế : 3600485577
- Tài khoản :
- *Mail nhận hóa đơn điện tử: mgmtvn@taizhan.com*
- Đại diện : Ông FENG KANG WEI - Chức vụ: Tổng Giám Đốc

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI (tên viết tắt SZE)
- Địa chỉ : Số 12, đường Huỳnh Văn Nghệ, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại : (0251) 39517771, 8850784 - Fax:
- Mã số thuế : 3600 274 914
- Tài khoản : 117000012889 - Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai.
- Đại diện : **Bà Quách Ngọc Bửu** - Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung cụ thể như sau:

Điều 1. Nội dung dịch vụ

1. Bên B nhận thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt được chứa trong thùng rác loại **660lít** của **bên B** lắp đặt tại địa điểm **bên A** *(và thu gom trong các thùng chứa rác loại 240 lít do bên A tự trang bị, trường hợp bên A có trang bị thùng 120 lít hai bên thống nhất quy đổi 02 thùng 120 lít = 01 thùng 240 lít))*
2. ***Số lượng thùng chứa rác bên B đã cung cấp cho bên A là*: 02 thùng 660lít**

Được quét bằng CamScanner

3. ***Cơ sở xác định khối lượng chất thải 01 thùng/lần giao:*** Chất thải chứa tối đa đến miệng thùng.
4. ***Địa điểm thu gom*: Tại địa chỉ bên A**
5. ***Tần suất thu gom:***

- **Lịch cố định:** .....
- **Lịch phát sinh:** Bên A thông báo cho bên B trước tối thiểu 01 ngày (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, tháng: Từ 7h30-11h30, chiều: 13h30-15h30) qua các số điện thoại: (0251) 3951 771, (0251) 38850 784.

6. ***Thông tin liên hệ*:**

- Đặt lịch sau giờ hành chính bên A liên hệ qua đường link zalo: zalo.me/2945309523806268444, thông tin sẽ được xử lý vào ngày hôm sau.
- Hóa đơn và công nợ, bên A liên lạc qua số điện thoại: (0251) 3952 257, (0251) 3952 694.

Điều2. Quyền và trách nhiệm bên A

1. Quyền

a. Yêu cầu bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đúng theo Điều 01 của hợp đồng.

b. Tạm ngưng hợp đồng và phải thông báo chính thức cho bên B bằng văn bản trước 15 ngày.

2. Trách nhiệm

a. Chỉ sử dụng thùng rác bên B cung cấp để chứa chất thải sinh hoạt giao cho bên B. Thực hiện việc phân loại, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định. Bỏ gọn chất thải rắn sinh hoạt vào thùng rác đã nêu tại điều 1. Bố trí nơi đặt thùng rác đảm bảo cho xe bên B ra, vào thu gom - vận chuyển được thuận lợi.

b. Trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực, bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải. Nếu bên A vi phạm điều khoản này, Bên B được quyền thanh lý hợp đồng trước thời hạn và bên A sẽ chịu trách nhiệm trước cơ quan pháp luật.

c. Cử người giám sát, ký xác nhận khối lượng thực hiện và lưu giữ biên bản bàn giao chất thải rắn sinh hoạt.

d. Đảm bảo an toàn trong quá trình thu gom chất thải tại khuôn viên của bên A.

e. Chịu trách nhiệm lập biên bản bàn giao chất thải rắn sinh hoạt giữa 02 bên để làm cơ sở thanh toán cho bên B.

f. Không bỏ lẫn chất thải rắn công nghiệp thông thường, các loại chất thải nguy hại hoặc loại chất thải nặng, cứng, cồng kềnh như: Đất, đá, xà bần, bàn ghế, cành nhánh cây to ... vào chất thải sinh hoạt giao bên B. Nếu phát sinh chất thải vừa nêu, bên A phải phân loại riêng với chất thải sinh hoạt và thông báo cho bên B để hai bên thống nhất đơn giá và phương tiện vận chuyển.

g. Bên A có trách nhiệm bảo quản kỹ thùng rác do bên B cung cấp, không được sử dụng thùng rác của bên B ngoài mục đích chứa chất thải rắn sinh hoạt giao cho bên B. Bên A phải bồi thường cho bên B nếu để thùng rác bị cháy, mất. Chi phí bồi thường thùng rác là: **6.300.000đ/thùng 660lít** *(giá đã bao gồm thuế GTGT và*

Được quét bằng CamScanner

chi phí vận chuyển nội ô Thành phố Biên Hòa. Hoàn trả thùng lại cho bên B khi hợp đồng hết hiệu lực hoặc thanh lý hợp đồng trước thời hạn.

h. Chịu trách nhiệm trước các cơ quan có liên quan và bồi thường mọi chi phí cho các bên, nếu bên A để lẫn các loại chất thải nguy hại, các loại hóa chất độc hại, các chất dễ gây cháy nổ vào trong khối lượng chất thải giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý.

i. Thanh toán cho bên B giá trị dịch vụ đã thực hiện theo điều 4 của hợp đồng.

Điều 3. Quyền và trách nhiệm bên B

1. Quyền

a. Khi xe bên B đến địa điểm giao nhận chất thải của bên A theo lịch điện thoại hoặc lịch cố định mà 2 bên đã thống nhất trước đó, nhưng bên A không giao rác cho Bên B hoặc xe của bên B phải chờ quá 20 phút mà không được vào thu gom thì bên B có quyền không thực hiện thu gom và bên A phải thanh toán tiền vận chuyển cho bên B với số tiền bằng **01 thùng 660L.**

b. Từ chối tiếp nhận chất thải nếu bên A không thực hiện đúng một trong các điểm a, b, c, d, e, f khoản 2 điều 2 của hợp đồng.

c. Thu hồi các thùng rác đã lắp đặt cho bên A, nếu bên A không thực hiện đúng theo điểm f, khoản 2 điều 2 của hợp đồng.

d. Tạm ngưng thu gom chất thải trong các trường hợp sau: Bên A chưa thanh toán giá trị dịch vụ đúng thời hạn đã thỏa thuận tại điều 4; Bên A vi phạm khoản 3 điều 5 của hợp đồng; tạm ngưng thu gom theo yêu cầu của các cơ quan chức năng; Các trường hợp bất khả kháng được nêu tại Điều 6.

2. Trách nhiệm

a. Đảm bảo thu gom, vận chuyển chất thải ở vị trí cố định tại điều 1 của hợp đồng, tránh để chất thải rơi vãi trong quá trình chuyển chất thải từ các thùng lên phương tiện vận chuyển.

b. Đảm bảo đủ yêu cầu về nhân lực, phương tiện và thiết bị chuyên dùng để thu gom, vận chuyển toàn bộ chất thải theo lịch trình đã thỏa thuận giữa hai bên hoặc theo lịch bên A đã báo cho bên B trước tối thiểu 01 ngày.

c. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

d. Ký xác nhận số lượng thực hiện vào sổ của bên A để làm cơ sở thanh toán trong tháng (nếu bên A có nhu cầu).

Điều 4. Đơn giá và phương thức thanh toán

1. Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt (bằng phương pháp chôn lấp) như sau:

- **Thùng 240L:140.000đồng/thùng (Bằng chữ:Một trăm bốn mươi ngàn đồng)**
- **Thùng 660L: 230.000 đồng/thùng (Bằng chữ: Hai trăm ba mươi ngàn đồng)**

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT, thuế GTGT được áp dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. **Khối lượng tiếp nhận tối thiểu/tháng là: 02 thùng 660lít/tháng.**

Được quét bằng CamScanner

- **Trong thời gian 01 tháng** *(từ ngày 21 tháng trước đến ngày 20 tháng liền kề)*: Nếu bên A **không phát sinh khối lượng hoặc phát sinh khối lượng nhưng ít hơn khối lượng tiếp nhận tối thiểu,** bên A vẫn phải thanh toán cho bên B theo đúng khối lượng tiếp nhận tối thiểu là: **02 thùng 660 lít/tháng**.

3. Đơn giá này có thể thay đổi trong thời gian thực hiện hợp đồng, trong trường hợp thay đổi giá, bên B sẽ thông báo cho bên A biết trước 15 ngày và hai bên sẽ tiến hành ký kết phụ lục hợp đồng. Trường hợp 02 bên không thỏa thuận được thì thanh lý hợp đồng trước thời hạn.
4. Thời gian chốt khối lượng chất thải giao nhận trong tháng vào ngày 20 hàng tháng (từ ngày 21 tháng trước đến hết ngày 20 tháng liền kề) bên B chốt số, xác nhận khối lượng chất thải vận chuyển trong tháng làm cơ sở thanh toán (có xác nhận công việc đã thực hiện của hai bên).
5. Phương thức thanh toán: *Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản*

✓ Bên A phải thanh toán cho bên B giá trị dịch vụ đã thực hiện trong tháng trong thời hạn **15 ngày đầu tiên của tháng tiếp theo** *(phí chuyển khoản do bên A chi trả).*

6. Nếu quá thời hạn thanh toán mà bên A vẫn chưa thanh toán chi phí cho bên B thì bên A phải nộp phạt cho bên B theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Đồng Nai (**tính từ ngày thứ 16 đến** ngày bên thanh toán chi phí dịch vụ cho bên B) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
7. Nếu sau thời gian **60 ngày** kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn mà bên A vẫn chưa thanh toán chi phí cho bên B thì bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào do việc chấm dứt hợp đồng gây ra. Bên A phải thanh toán cho bên B các chi phí mà bên B đã thực hiện trước đó.

Điều 5. Các trường hợp phát sinh

1. Nếu lượng chất thải tăng quá nhiều theo lịch trình đã thỏa thuận tại điều 1, bên A phải báo trước tối thiểu 01 ngày cho bên B để bên B chủ động bố trí phương tiện thu gom.
2. Trong trường hợp phương tiện gặp sự cố đột xuất, bên B phải thông báo ngay cho bên A biết để hai bên thỏa thuận biện pháp giải quyết.
3. Sau thời gian 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc từ ngày thu gom chất thải gần nhất, nếu bên A không giao chất thải cho bên B mà không có lý do chính đáng bằng văn bản, bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Đồng thời bên A phải hoàn trả thùng rác và thanh toán đầy đủ chi phí mà bên B đã thực hiện cho bên A.
4. Trong thời gian thực hiện hợp đồng nếu bên A có ca nhiễm Covid-19 hoặc bệnh truyền nhiễm bên A phải chủ động thông báo cho bên B để tiến hành các biện pháp xử lý phù hợp theo quy định hiện hành. Trường hợp bên A không cung cấp thông tin đầy đủ cho bên B dẫn đến việc lây nhiễm trong cộng đồng thì bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm.
5. Đối với các cơ sở của bên A có quyết định cách ly, phong tỏa của cơ quan chức năng; sau thời gian cách ly, phong tỏa, bên A có nhu cầu thu gom chất thải trở lại

Được quét bằng CamScanner

tại cơ sở trên phải cung cấp cho bên B văn bản xác nhận hết thời gian cách ly. phong tỏa của cơ quan chức năng. Đồng thời, bên A phải gửi văn bản cam kết không bỏ lẫn chất thải lây nhiễm vào khối lượng chất thải giao cho bên B. Sau khi nhận được văn bản bên A cung cấp, bên B sẽ tiến hành thu gom trở lại.

Điều 6. Trường hợp bất khả kháng

1. Tất cả những trường hợp/sự kiện xảy ra sau khi Hợp đồng này có hiệu lực do những nguyên nhân ngoài ý muốn hay ngoài sự kiểm soát của hai bên và nó ảnh hưởng trực tiếp đến sự thực hiện toàn bộ hay một phần những điều khoản của Hợp đồng này, được xem là những trường hợp bất khả kháng, bao gồm: Chiến tranh dù được chính thức tuyên bố hay không, bạo động hay nổi loạn, chính trị, khủng bố, động đất, hỏa hoạn, lũ lụt, bão, cháy nổ, bệnh dịch hay các thiên tai khác..., sự thay đổi các chính sách của Nhà nước.
2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Trong trường hợp này, thời gian thực hiện Hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này.
3. Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài liên tục trong thời gian nhiều hơn 1 (một) tháng, cả hai Bên sẽ thảo luận với nhau để tìm biện pháp tốt nhất ngăn ngừa sự chậm trễ hơn nữa.

Điều 7. Hiệu lực của hợp đồng

1. Thời gian hiệu lực hợp đồng: **Từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023**
2. Trong thời gian hợp đồng có hiệu lực nếu những quy định của pháp luật có liên quan ảnh hưởng đến hợp đồng hoặc hai bên có nhu cầu điều chỉnh nội dung hợp đồng. Hai bên sẽ điều chỉnh bổ sung bằng phụ lục hợp đồng
3. Trong trường hợp hợp đồng hết hiệu lực mà bên A vẫn tiếp tục sử dụng dịch vụ của bên B, bên A ký xác nhận yêu cầu thu gom và cam kết thanh toán toàn bộ giá trị dịch vụ mà bên B đã thực hiện trong thời gian chờ tái ký hợp đồng.
4. Hai bên có thể kết thúc hợp đồng trước thời hạn, và việc kết thúc hợp đồng phải được thông báo cho bên kia trước **15 ngày** bằng văn bản.
5. Sau khi hợp đồng hết hiệu lực và các bên đã thực hiện hoàn tất nghĩa vụ tài chính với nhau, hai bên không có nhu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng và **bên B đã thu hồi thùng chứa chất thải đã lắp đặt cho bên A trước đó**, thì hợp đồng được xem như chính thức thanh lý.

Điều 8. Điều khoản chung.

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng và nghiêm túc các điều khoản trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có những khó khăn, trở ngại phát sinh, hai bên sẽ cùng nhau giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác và hai bên cùng có lợi. Nếu hai bên thương lượng không đạt được kết quả, sẽ đưa ra Tòa án Nhân dân Thành phố Biên Hòa để giải quyết, kết quả phán quyết của Tòa án là kết quả cuối cùng, mọi chi phí phát sinh tại Tòa án do bên thua kiện chi trả.

Được quét bằng CamScanner

2. Hợp đồng này thay thế tất cả các thỏa thuận, cam kết trước đây bằng miệng hoặ bằng văn bản.
3. Hai bên cam kết bảo mật thông tin các điều khoản của hợp đồng này. Trường hợ có nhu cầu cung cấp thông tin cho bên thứ ba phải được sự đồng ý của bên kia.
4. Bên nào đơn phương vi phạm hợp đồng sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật Việ Nam.
5. Hợp đồng này được lập thành 04 bản. Mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp l như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)	TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC	CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI
FENG KANG WEI	Quách Ngọc Bửu

Được quét bằng CamScanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Xuân Lộc, ngày 17 tháng 04 năm 2023

Số: 43-2023/HĐKT.CTNH

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(V/v: Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại)

Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015;

Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/06/2005;

Căn cứ vào Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022.

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

Căn cứ Giấy phép hành nghề xử lý chất thải nguy hại Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.115.VX ngày 22/06/2021(cấp lần 2), do Bộ Tài Nguyên Và Môi Trường cấp cho Công ty TNHH Cù Lao Xanh.

Căn cứ vào nhu cầu của quý công ty và giấy phép kinh doanh chức năng thực hiện của Công ty TNHH Cù Lao Xanh;

Chúng tôi, đại diện hai bên gồm có:

BÊN A : **CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)**
Địa chỉ : Lô 104/2-1, Dường số 2, KCN Amata, P.Long Bình, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai.
Điện thoại : 02513 936579
Mã số thuế : 3600485577
Đại diện : Ông **FENG KANG WEI** Chức vụ: Tổng Giám Đốc

BÊN B : **CÔNG TY TNHH CÙ LAO XANH**
Địa chỉ : Tổ 11, Ấp 7, Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai.
Điện thoại : 02513 743 473 Fax: 02513 950 214
Mã số thuế : 3 6 0 0 9 7 4 5 1 4
Tài khoản số : 0500 7556 1099 Ngân hàng Sacombank Chi nhánh Xuân Lộc, Đồng Nai.
Người đại diện: Ông **ĐỖ MINH CƯỜNG** Chức vụ: Giám Đốc Điều Hành

Sau khi thoả thuận, hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Được quét bằng CamScanner

1.1. Bên B nhận xử lý chất thải nguy hại phát sinh sau quá trình sản xuất tại nhà máy Bên A tại địa chỉ: Lô 104/2-1, Đường số 2, KCN Amata, TP. Biên Hòa, T. Đồng *(Danh mục chất thải được ghi rõ tại điều 2 của hợp đồng này).*

1.2. Các loại chất thải của bên A được xử lý theo đúng quy trình kỹ thuật đã được thỏ nhất giữa hai bên và được cơ quan chức năng cho phép thực hiện.

1.3. Toàn bộ chất thải của bên A sẽ được bên B thu gom, vận chuyển về đến nhà máy của bên B tại địa chỉ: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

1.4. Thời gian và địa điểm thu gom chất thải: Chất thải được thu gom hàng tháng theo cầu của Bên A. Sau khi nhận yêu cầu trong vòng 03 (ba) ngày, Bên B cần tiến hà gom vận chuyển chất thải.

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ – PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1 Đơn giá (đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý):

STT	TÊN CHẤT THẢI	TRẠNG THÁI	MÃ CTNH	ĐVT	ĐƠN GIÁ XỬ LÝ (VNĐ)	PH P X
01	Bùn thải và bã lọc có chứa các thành phần nguy hại 污泥	Rắn	07 01 05	Kg	2.000	TI
02	Các vật liệu mài mòn thải có chứa các thành phần nguy hại 有害物料	Rắn	07 03 08	Kg	6.000	TĐ
03	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại 碳粉盒	Rắn	08 02 04	Kg	6.000	TĐ
04	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại chất thải khác có chứa thủy ngân 灯管	Rắn	16 01 06	Kg	6.000	Ngh H
05	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải 燃料	Lỏng	17 06 01	Kg	6.000	T
06	Bao bì mềm thải có chứa hoặc nhiễm các thành phần nguy hại 包材	Rắn	18 01 01	Kg	6.000	TĐ
07	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại 碎布,过滤物料	Rắn	18 02 01	Kg	6.000	TĐ
Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT						

Ghi chú: TĐ-HR: Thiêu đốt – Hóa rắn

2.2 Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản VNĐ trong vòng 30 kể từ khi nhận được hóa đơn tài chính và chứng từ 6 liên do bên B cung cấp.

ĐIỀU 3 TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

3.1 Trách nhiệm của bên A

- Toàn bộ chất thải phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất của bên A phải được

Trang

Được quét bằng CamScanner

trung thu gom, phân loại và lưu giữ an toàn trong kho chứa chờ tiến hành bàn giao cho bên B thu gom, vận chuyển, xử lý.

- Khi có phát sinh, Bên A thông báo bằng fax hoặc điện thoại cho Bên B về thông tin chất thải trước 24 giờ cho nhân viên phụ trách trực tiếp của bên B.
- Khi có phát sinh chất thải ngoài danh mục hợp đồng thu gom, chất thải dễ cháy nổ, hóa chất có tính nguy hại cao, bên A phải cảnh báo cho bên B trước khi thu gom để có biện pháp phòng ngừa và xử lý kịp thời.
- Bên A bố trí nhân viên hướng dẫn, phối hợp giám sát, hỗ trợ xe nâng trong quá trình thu gom chất thải (nếu cần) và cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng nhà máy.
- Trong thời hạn hợp đồng có hiệu lực, bên A không được phép giao chất thải cho đơn vị khác xử lý, nếu vi phạm phải chịu trách nhiệm theo pháp luật hiện hành.
- Thanh toán chi phí xử lý cho bên B đúng thời hạn.

3.2 Trách nhiệm của bên B

- Cung cấp bao bì cho bên A phân loại đóng gói chất thải nguy hại trước khi bên B đến thu gom.
- Cung cấp phương tiện vận chuyển và mang đầy đủ các trang thiết bị dụng cụ an toàn cần thiết khi đến thu gom chất thải tại nhà máy bên A.
- Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải nguy hại – phòng cháy chữa cháy theo pháp luật hiện hành trong quá trình vận chuyển, bảo quản và xử lý.
- Cung cấp chứng từ xử lý chất thải nguy hại 6 liên cho bên A.
- Cán bộ, nhân viên của bên B khi ra vào làm việc tại khu vực của bên A phải chấp hành nội quy nơi làm việc, thực hiện theo đúng hệ thống quản lý an toàn và bảo vệ môi trường của bên A để đảm bảo trật tự an toàn nơi làm việc của bên A, nhân viên của bên B phải tuyệt đối chấp hành mọi chỉ dẫn của người đại diện bên A về việc đi lại, vị trí thu gom rác thải.
- Sau khi chất thải cuả Bên A bàn giao cho Bên B, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra (thất thoát, làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường) trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- Bên B chịu trách nhiệm xuất trình với các cơ quan có thẩm quyền các giấy tờ có liên quan đến hoạt động xử lý rác thải và các giấy chứng nhận cho phép hoạt động của các xe chở rác thải chuyên dụng của bên B.

ĐIỀU 4: THỜI HẠN VÀ ĐIỀU KIỆN CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

4.1 Thời hạn hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ **17/04/2023 đến hết ngày 17/04/2024.** Ngày hết hạn hợp đồng cũng là ngày thanh lý hợp đồng.

4.2 Điều kiện chấm dứt hợp đồng

Hợp đồng này sẽ chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Một trong hai bên không thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm của mình nêu tại điều 2 của hợp đồng này
- Hai bên thoả thuận chấm dứt hợp đồng trước thời hạn
- Hợp đồng hết thời hạn hiệu lực nêu tại điều 4.1 mà không được hai bên gia hạn tiếp
- Trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng, bên A không thông báo thu gom, xử lý chất thải hoặc trong thời gian 90 ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục chuyển giao chất thải cho bên B thì bên B có thể kết thúc hợp đồng trước thời hạn và hợp đồng mặc nhiên không còn giá trị.

Được quét bằng CamScanner

ĐIỀU 5: CAM KẾT CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng theo những điều khoản đã nêu trong hợp đồng tinh thần thiện chí và hợp tác. Mọi tranh chấp phát sinh đều được ưu tiên giải qu con đường thương lượng, trường hợp không tự giải quyết được thì vấn đề sẽ đư giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành và theo quyết định củ nhân dân hoặc Toà án kinh tế có thẩm quyền
- Mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng đều phải lập thành văn bản có sự xác nhận của hai
- Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau hiện.

处理毒害污泥及毒害废弃物合约

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY TNHH COMPONENTS (VIỆT NAM)	CÔNG TY TNHH CỦ LAO XANH
TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
FENG KANG WEI	Đỗ Minh Cường

Được quét bằng CamScanner

Đơn vị nhận, truyền và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Điện thoại: 1800.1260

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 25 tháng 09 năm 2023

Ký hiệu : 1C23THD

Số : 6297

Mã của cơ quan thuế:006B21AB68F3C7419282D33BA332550A36

Đơn vị bán hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI** Mã số thuế : **3600274914**

Địa chỉ : Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, P.Bửu Long, TP.Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai Số tài khoản : 1170 0001 2889

Điện thoại : 0251.3952257 Hotline:19003160 Fax: 02513 951771 Email: taichinhketoan_bes@yahoo.com.vn NH TMCP Công Thương Đồng Nai

Họ tên người mua hàng :

Tên đơn vị : Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn VP Components (Việt Nam)

Địa chỉ : Lô 104/2-1, Đường số 02, KCN Amata, phường Long Bình ,TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai MST : 3600485577

Mã KH : HDVPCOMPON

Hình thức thanh toán : TM/CK Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đ.V.T	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	2	3	4	5	6=4x5
	Vận chuyển và xử lý rác tháng 09/2023	Thùng	23	230.000	5.290.000
				Cộng tiền hàng :	5.290.000
Thuế suất thuế GTGT : 8%				Tiền thuế GTGT :	423.200
				Tổng cộng tiền thanh toán :	5.713.200

Số tiền viết bằng chữ : Năm triệu bảy trăm mười ba ngàn hai trăm đồng chẵn

Người mua hàng	Cơ quan thuế	Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu)*	*(Ký, ghi rõ họ, tên)*
	Signature Valid Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ,O=BỘ TÀI CHÍNH,L=Hà Nội,C=VN Ký ngày: 25-09-2023 13:30:21	Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI Ký ngày: 25-09-2023 13:26:39

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Để tra cứu hóa đơn quý khách vui lòng truy cập địa chỉ : https://s2e.com.vn,Mã tra cứu: HDH00003777

Được quét bằng CamScanner

Đơn vị nhận, truyền và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Điện thoại: 1800.1260

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 25 tháng 10 năm 2023

Ký hiệu : 1C23THD

Số : 7031

Mã của cơ quan thuế:00AEE6DC1F84E94DCE91F4238227B520DE

Đơn vị bán hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI** Mã số thuế : **3600274914**

Địa chỉ : Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, P.Bửu Long, TP.Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai Số tài khoản : 1170 0001 2889

Điện thoại : 0251.3952257 Hotline:19003160 Fax: 02513 951771 Email: taichinhketoan_bes@yahoo.com.vn NH TMCP Công Thương Đồng Nai

Họ tên người mua hàng :

Tên đơn vị : Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn VP Components (Việt Nam)

Địa chỉ : Lô 104/2-1, Đường số 02, KCN Amata, phường Long Bình ,TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai MST : 3600485577

Mã KH : HDVPCOMPON

Hình thức thanh toán : TM/CK Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đ.V.T	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Vận chuyển và xử lý rác tháng 10/2023	Thùng	12	230.000	2
				Cộng tiền hàng :	2
Thuế suất thuế GTGT : 8%				Tiền thuế GTGT :	
				Tổng cộng tiền thanh toán :	2

Số tiền viết bằng chữ : Hai triệu chín trăm tám mươi ngàn tám trăm đồng chẵn

Người mua hàng	**Cơ quan thuế**	**Người bán hàng**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu)*	*(Ký, ghi rõ họ, tên)*
	Signature Valid Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ,O=BỘ TÀI CHÍNH,L=Hà Nội,C=VN Ký ngày: 25/ 10/ 2023 14:32:11	Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI Ký ngày: 25/ 10/ 2023 14:28:47

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Để tra cứu hóa đơn quý khách vui lòng truy cập địa chỉ : https://sze.com.vn.Mã tra cứu: HDH00004115

Được quét bằng CamScanner

Đơn vị nhận, truyền và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT). Điện thoại: 1800.1260

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 23 tháng 11 năm 2023

Ký hiệu : 1C23THD

Số : 7522

Mã của cơ quan thuế:00998193E5578B43B7BA658A6D9B3AC501

Đơn vị bán hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI** Mã số thuế : **3600274914**

Địa chỉ : Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, P.Bửu Long, TP.Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai Số tài khoản : 1170 0001 2889

Điện thoại : 0251.3952257 Hotline:19003160 Fax: 02513 951771 Email: taichinhketoan_bes@yahoo.com.vn NH TMCP Công Thương Đồng Nai

Họ tên người mua hàng :

Tên đơn vị : Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn VP Components (Việt Nam)

Địa chỉ : Lô 104/2-1, Đường số 02, KCN Amata, phường Long Bình ,TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai MST : 3600485577

Mã KH : HDVPCOMPON

Hình thức thanh toán : TM/CK Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đ.V.T	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Vận chuyển và xử lý rác tháng 11/2023	Thùng	24	230.000	5.520.000
				Cộng tiền hàng :	5.520.000
Thuế suất thuế GTGT : 8%				Tiền thuế GTGT :	441.600
				Tổng cộng tiền thanh toán :	5.961.600

Số tiền viết bằng chữ : Năm triệu chín trăm sáu mươi một ngàn sáu trăm đồng chẵn

Người mua hàng	**Cơ quan thuế**	**Người bán hàng**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu)*	*(Ký, ghi rõ họ, tên)*
	Signature Valid Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ,O=BỘ TÀI CHÍNH,L=Hà Nội,C=VN Ký ngày: 23-11-2023 15:28:06	Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI Ký ngày: 23-11-2023 15:26:59

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Để tra cứu hóa đơn quý khách vui lòng truy cập địa chỉ : https://sze.com.vn.Mã tra cứu: HDH00007347

Được quét bằng CamScanner

TỈNH/THÀNH PHỐ
ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 296/2023/5-6.039.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY TNHH MTV THANH TÙNG 2** — Mã số QLCTNH : 5-6.039.VX
Địa chỉ văn phòng: E189, tổ 3, KP5, P.Long Bình, TP.Biên Hòa, T.Đồng Nai — ĐT: 02518 826 526
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Ấp 4, xã Vĩnh Tân, H.Vĩnh Cửu, T.Đồng Nai — ĐT: 02513 961 449

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: — Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: …….. — ĐT: ……..
Địa chỉ cơ sở: …… — ĐT:……

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)** — Mã số QLCTNH: 75.001268.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Biên Hòa, Đồng Nai — ĐT: 061.3936.579
Địa chỉ cơ sở: …… — ĐT:……

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải và bã lọc có chứa các TPNH			X	07 01 05	7690	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện: ……Ngày xuất cảng: ……
Cửa khẩu xuất: ……..

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C-33659

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Đăng Hải Ký: …… Ngày: 04/03/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ……Ký:…… Ngày: ……

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
Đồng Nai, ngày 04 tháng 03 năm 2023
Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)
Họ và tên

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

TỔNG GIÁM ĐỐC
FENG KANG WEI

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Đồng Nai, ngày 09 tháng 05 năm 2023
Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)
GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH TÙNG 2

BÙI XUÂN HƯNG

Liên số: 1□- 2□- 3☒- 4□
Ghi chú:…… (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Được quét bằng CamScanner

TỈNH/THÀNH PHỐ
ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 142/2023/5-6.039.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY TNHH MTV THANH TÙNG 2** — Mã số QLCTNH : 5-6.039.VX
Địa chỉ văn phòng: E189, tổ 3, KP5, P.Long Bình, TP.Biên Hòa, T.Đồng Nai — ĐT: 02518 826 526
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Ấp 4, xã Vĩnh Tân, H.Vĩnh Cửu, T.Đồng Nai — ĐT: 02513 961 449

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: — Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: ..... — ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)** — Mã số QLCTNH: 75.001268.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Biên Hòa, Đồng Nai — ĐT: 061.3936.579
Địa chỉ cơ sở: ..... — ĐT:.....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải và bã lọc có chứa các TPNH			X	07 01 05	2880	TĐ - HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện: .....Ngày xuất cảng: .....
Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60M-1854

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Văn Tuyến Ký: .....Ngày: 03/02/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: .....Ký:..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
Đồng Nai, ngày 3 tháng 2 năm 2023
Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)
Họ và tên
CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
TỔNG GIÁM ĐỐC
FENG KANG WEI

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Đồng Nai, ngày 17 tháng 05 năm 2023
Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)
GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH TÙNG 2
BÙI XUÂN HƯNG

@Liên số: 1☐- 2☐ - 3☒- 4☐
Ghi chú:..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Được quét bằng CamScanner

TỈNH/THÀNH PHỐ
ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 02 /2023/3-4-5-6.115.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY TNHH CỦ LAO XANH** — Mã số QLCTNH : 3-4-5-6.115.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: — Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: ..... — ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)** — Mã số QLCTNH: 75.001268.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Biên Hòa, Đồng Nai — ĐT: 061.3936.579
Địa chỉ cơ sở: ..... — ĐT:.....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải và bã lọc có chứa các TPNH			X	07 01 05	10440	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện: .....Ngày xuất cảng: .....
Cửa khẩu xuất: .....

6. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 50C-25910

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Thanh Sơn Ký: ...Sơn.....Ngày: 20/04 2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: .....Ký:..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, ngày 20 tháng 04 năm 2023
Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)
TỔNG GIÁM ĐỐC

FENG KANG WEI

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, ngày 09 tháng 05 năm 2023
Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

Liên số: 1☐- 2☐ - 3☐- 4☒
Ghi chú:..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Được quét bằng CamScanner

TỈNH/THÀNH PHỐ
ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 01../2023/3-4-5-6.115.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY TNHH CỦ LAO XANH** — Mã số QLCTNH : 3-4-5-6.115.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: — Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: ..... — ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)** — Mã số QLCTNH: 75.001268.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Biên Hòa, Đồng Nai — ĐT: 061.3936.579
Địa chỉ cơ sở: ..... — ĐT:.....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải và bã lọc có chứa các TPNH			X	07 01 05	11960	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện: .....Ngày xuất cảng: .....
Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C-28448

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Nhân Quý Ký: ..Quý.....Ngày: 19/04/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: .....Ký:..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, ngày 19 tháng 4 năm 2023
Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)
TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
FENG KANG WEI

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, ngày 04 tháng 05 năm 2023
Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)
CÔNG TY TNHH CỦ LAO XANH
Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@Liên số: 1□- 2□ - 3□- 4☒
Ghi chú:..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Được quét bằng CamScanner

TỈNH/THÀNH PHỐ
ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1442023 5-6.039.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY TNHH MTV THANH TÙNG 2** — Mã số QLCTNH : 5-6.039.VX
Địa chỉ văn phòng: E189, tổ 3, KP5, P.Long Bình, TP.Biên Hòa, T.Đồng Nai — ĐT: 02518 826 526
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Ấp 4, xã Vĩnh Tân, H.Vĩnh Cửu, T.Đồng Nai — ĐT: 02513 961 449

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: — Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: ..... — ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)** — Mã số QLCTNH: 75.001268.1
Địa chỉ văn phòng: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Biên Hòa, Đồng Nai — ĐT: 061.3936 579
Địa chỉ cơ sở: ..... — ĐT:.....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải và bã lọc có chứa các TPNH			X	07 01 05	7480	TĐ - HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện: .....Ngày xuất cảng: .....
Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C-52309

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Đặng Hồng Mạnh Ký: .....Ngày: 03/02/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: .....Ký:..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
Đồng Nai, ngày 3 tháng 2 năm 2023
Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)
Họ và tên
CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Đồng Nai, ngày 16 tháng 03 năm 2023
Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)
GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH TÙNG 2
BÙI XUÂN HÙNG

Liên số: 1☐- 2☐ - 3☒- 4☐
Ghi chú:..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Được quét bằng CamScanner

TỈNH/THÀNH PHỐ
ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số 2292023'5-6.039.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY TNHH MTV THANH TÙNG 2** — Mã số QLCTNH : 5-6.039.VX
Địa chỉ văn phòng: E189, tổ 3, KP5, P.Long Bình, TP.Biên Hòa, T.Đồng Nai — ĐT: 02518 826 526
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Ấp 4, xã Vĩnh Tân, H.Vĩnh Cửu, T.Đồng Nai — ĐT: 02513 961 449

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: — Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: ..... — ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... — ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)** — Mã số QLCTNH: 75.001268.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Biên Hòa, Đồng Nai — ĐT: 061.3936.579
Địa chỉ cơ sở: ..... — ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải và bã lọc có chứa các TPNH			X	07 01 05	6520	TĐ - HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện: .....Ngày xuất cảng: .....
Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C-33659

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Đăng Hải Ký: ..... Ngày: 21/02/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: .....Ký:..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
Đồng Nai, ngày 21 tháng 2 năm 2023
Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)
Họ và tên
CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
TỔNG GIÁM ĐỐC
FENG KANG WEI

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Đồng Nai, ngày 20 tháng 03 năm 2023
Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)
GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH TÙNG 2
BÙI XUÂN HÙNG

@Liên số: 1- 2 - 3- 4

Ghi chú:..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Được quét bằng CamScanner

TỈNH/THÀNH PHỐ
ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 263 /2023/5-6.039 VX

Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY TNHH MTV THANH TÙNG 2** Mã số QLCTNH: 5-6.039.VX
Địa chỉ văn phòng: E189, tổ 3, KP5, P.Long Bình, TP.Biên Hòa, T.Đồng Nai ĐT: 02518 826 526
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Ấp 4, xã Vĩnh Tân, H.Vĩnh Cửu, T.Đồng Nai ĐT: 02513 961 449

Chủ CS DV XLCTNH 2: Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: .....ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT:.....

Chủ nguồn thải: **Công ty TNHH VP Components (Việt Nam)** Mã số QLCTNH (nếu có): 75.001268.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, phường Long Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai
ĐT: 02513.936.795
Địa chỉ cơ sở: .....ĐT:.....

Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải và bã lọc có chứa các TPNH			x	07 01 05	7940	TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện: .....Ngày xuất cảng: .....
Cửa khẩu xuất: .....

Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 50C-33659

1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Đăng Hải Ký: ..... Ngày: 27/02/2023

2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
Đồng Nai, ngày 27 tháng 02 năm 2023
Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)
Họ và tên

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

TỔNG GIÁM ĐỐC
FENG KANG WEI

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Đồng Nai, ngày 25 tháng 05 năm 2023
Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)
GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH TÙNG 2

BÙI XUÂN HƯNG

Quyển số: 1□ - 2□ - 3☒ - 4□
Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Được quét bằng CamScanner

TỈNH/THÀNH PHỐ
ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 02./2023/3-4-5-6.115.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY TNHH CỦ LAO XANH** — Mã số QLCTNH : 3-4-5-6.115.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. — ĐT: 02513 743 473

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: — Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: …… — ĐT: ……
Địa chỉ cơ sở: …… — ĐT:……

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)** — Mã số QLCTNH: 75.001268.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Biên Hòa, Đồng Nai — ĐT: 061.3936.579
Địa chỉ cơ sở: …… — ĐT:……

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý //
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải và bã lọc có chứa các TPNH			X	07 01 05	8370	TD-HR

// Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện: ……Ngày xuất cảng: ……
Cửa khẩu xuất: ……

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C-46742

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Thanh Nhân Ký: ..Nhân…..Ngày: 15/05/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ……Ký:…… Ngày: ……

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, ngày tháng năm 2023
Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)
TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
FENG KANG WEI

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Đồng Nai, ngày 16 tháng 06 năm 2023
Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)
CÔNG TY TNHH CỦ LAO XANH
Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@Liên số: 1- 2 - 3 - 4
Ghi chú:…… (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Được quét bằng CamScanner

TỈNH/THÀNH PHỐ
ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 01/2023/3-4-5-6.115.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY TNHH CỦ LAO XANH** — Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.115.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.743.473
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.743.473

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: — Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: …….. — ĐT: ……..
Địa chỉ cơ sở: …… — ĐT:……

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)** — Mã số QLCTNH: 75.001268.1
Địa chỉ văn phòng: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Biên Hòa, Đồng Nai — ĐT: 061.3936.579
Địa chỉ cơ sở: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Biên Hòa, Đồng Nai — ĐT: 061.3936.579

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải và bã lọc có chứa các TPNH			X	07 01 05	9260	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện: ……Ngày xuất cảng: ……
Cửa khẩu xuất: ……..

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C - 25910

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Thanh Sơn Ký: ……Ngày: 08/07/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ……Ký:…… Ngày: …….

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, ngày 08 tháng 11 năm 2023
Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)
TỔNG GIÁM ĐỐC

VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

FENG KANG WEI

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Đồng Nai, ngày 18 tháng 11 năm 2023
Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH CỦ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@Liên số: 1Đ- 2Đ - 3Đ- 4Đ
Ghi chú:…… (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Được quét bằng CamScanner

TỈNH/THÀNH PHỐ
ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số:...05/2023/3-4-5-6.115.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY TNHH CỦ LAO XANH** — Mã số QLCTNH : 3-4-5-6.115.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.743.473
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.743.473

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: — Mã số QLCTNH: ĐT: ..... ĐT:.....
Địa chỉ văn phòng: .....
Địa chỉ cơ sở: .....

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)** — Mã số QLCTNH: 75.001268.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Biên Hòa, Đồng Nai — ĐT: 061.3936.579
Địa chỉ cơ sở: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Biên Hòa, Đồng Nai — ĐT: 061.3936.579

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải và bã lọc có chứa các TPNH			X	07 01 05	10190	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện: .....Ngày xuất cảng: .....
Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C - 25910

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Thanh Sơn Ký: ..... Ngày: 02/08/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: .....Ký:..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, ngày 02 tháng 08 năm 2023
Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)
TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
FENG KANG WEI

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, ngày 10 tháng 08 năm 2023
Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)
CÔNG TY TNHH CỦ LAO XANH
Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@Liên số: 1□- 2□ - 3□- 4☒
Ghi chú:..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Được quét bằng CamScanner

TỈNH/THÀNH PHỐ
ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 06../2023/3-4-5-6.115.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY TNHH CỦ LAO XANH** — Mã số QLCTNH : 3-4-5-6.115.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.743.473
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.743.473

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: — Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: …….. — ĐT: ……..
Địa chỉ cơ sở: …… — ĐT:……

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)** — Mã số QLCTNH: 75.001268.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Biên Hòa, Đồng Nai — ĐT: 061.3936.579
Địa chỉ cơ sở: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Biên Hòa, Đồng Nai — ĐT: 061.3936.579

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải và bã lọc có chứa các TPNH			X	07 01 05	9310	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện: ……Ngày xuất cảng: ……
Cửa khẩu xuất: ……..

6. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C - 25910

6.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Thanh Sơn Ký: ……Ngày: 17/08/2023

6.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ……Ký:…… Ngày: …….

7. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, ngày 17 tháng 08 năm 2023
Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

FENG KANG WEI

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, ngày 30 tháng 08 năm 2023
Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH CỦ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

9. Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☑
Ghi chú:…… (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Được quét bằng CamScanner

TỈNH/THÀNH PHỐ
ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 77./2023/3-4-5-6.115.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY TNHH CỦ LAO XANH** — Mã số QLCTNH : 3-4-5-6.115.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.743.473
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.743.473

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: — Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: ..... — ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)** — Mã số QLCTNH: 75.001268.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Biên Hòa, Đồng Nai — ĐT: 061.3936.579
Địa chỉ cơ sở: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Biên Hòa, Đồng Nai — ĐT: 061.3936.579

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải và bã lọc có chứa các TPNH			X	07 01 05	11.000	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện: .....Ngày xuất cảng: .....
Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển:
60C - 53546

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Thanh Sơn Ký: ..Sơn.....Ngày: 08/09/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: .....Ký:..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, ngày 08 tháng 09 năm 2023
Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)
TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
FENG KANG WEI

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Đồng Nai, ngày 16 tháng 09 năm 2023
Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)
CÔNG TY TNHH CỦ LAO XANH
Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@Liên số: 1□- 2□ - 3□- 4☒
Ghi chú:..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Được quét bằng CamScanner

TỈNH/THÀNH PHỐ
ĐỒNG NAI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 118 /2023/3-4-5-6.115.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY TNHH CỦ LAO XANH** — Mã số QLCTNH : 3-4-5-6.115.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.743.473
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai — ĐT: 02513.743.473

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: — Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: ..... — ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... — ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)** — Mã số QLCTNH: 75.001268.1
Địa chỉ văn phòng: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Biên Hòa, Đồng Nai — ĐT: 061.3936.579
Địa chỉ cơ sở: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Biên Hòa, Đồng Nai — ĐT: 061.3936.579

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải và bã lọc có chứa các TPNH			X	07 01 05	9.970	TD-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện: .....Ngày xuất cảng: .....
Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển:
60C - 25910

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Thanh Sơn Ký: ..Sơn.....Ngày: 07/11/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: .....Ký:..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Đồng Nai, ngày 01 tháng 11 năm 2023
Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

馮康偉

FENG KANG WEI

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Đồng Nai, ngày 05 tháng 12 năm 2023
Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH CỦ LAO XANH

Nguyễn Võ Ngọc Tiến

@Liên số: 1□- 2□ - 3□- 4☒
Ghi chú:..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Được quét bằng CamScanner

Đơn vị nhận, truyền và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Điện thoại: 1800.1260

CÔNG TY TNHH ĐIỆN LỰC AMATA (BIÊN HÒA)
AMATA POWER (BIEN HOA) LIMITED
Mã số thuế (Tax code): 3600257958
Địa chỉ (Address): Đường 3A, KCN Long Bình (Amata),
P. Long Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Điện thoại (Tel): 0251.3936 669/ 3936 938 - Fax : 0251.3936 668 / 3936 445

Ký hiệu *(Series)* : 1K23TAP
Số *(No)* : **00002819**

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

CT GỐC

Danh số điện kế 216893350

Tên khách hàng *(Customer's name)* : Công Ty TNHH VP Components (Việt Nam)

Địa chỉ *(Address)* : Lô 104/2-1, Đường số 2, Khu Công Nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mã số thuế *(Tax code)* : 3600485577

Hình thức thanh toán *(Method of payment)* : Thanh toán Chuyển khoản Ngày (Date): 30 / 09 / 2023

Số tài khoản *(Bank Account No.)* :

Kỳ: 09/2023 từ ngày 31/08/2023 đến ngày 30/09/2023 Period: 09/2023 from 31/08/2023 to 30/09/2023

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Goods, services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit Price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Điện năng tiêu thụ giờ cao điểm (Peak)	Kwh	7.179	3.065 đ	22.003.635 đ
2	Điện năng tiêu thụ giờ bình thường (Normal)	Kwh	15.458	1.685 đ	26.046.730 đ
3	Điện năng tiêu thụ giờ thấp điểm (Off peak)	Kwh	824	1.046 đ	861.904 đ
4	Điện năng vô công (Reactive power)	Kvarh	0	1.685 đ	0 đ

Cộng tiền hàng *(Sub-total)* :	48.912.269 đ
Thuế suất thuế GTGT *(VAT rate)* : 8% Tiền thuế GTGT *(VAT amount)* :	3.912.982 đ
Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)* :	52.825.251 đ
Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)* : Năm mươi hai triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn, hai trăm năm mươi mốt đồng chẵn	

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau:
(Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows)

Tên tài khoản (Account Name): **AMATA POWER (BIEN HOA) LIMITED**
Số tài khoản (Account Number): **0818-121890-401 tại Bangkok Bank chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh**
0121000102069 tại Vietcombank chi nhánh Đồng Nai
115000056725 tại Ngân Hàng Công Thương chi nhánh KCN Biên Hòa

Ghi chú: Nếu Bên mua không thanh toán tiền điện trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn (Ngày quá hạn) thì Bên mua phải trả tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định trong hợp đồng. Bên mua không thanh toán cho Bên bán vào Ngày quá hạn thì Ngày quá hạn được xem là ngày thông báo tự động đầu tiên của Bên bán đối với Bên mua về việc chậm thanh toán tiền điện.
Notes: If payment is not made within 10 days from the day of receiving the invoice (the Due Date) , the Buyer shall pay interest on overdue payment to the Seller following the conditions of Power Supply Agreement. Not meeting the Due Date shall also be considered as the Automatic First Notification of the Seller to the Buyer for electricity charge late payment.

Người mua hàng (Customer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)

Tổng giám đốc (President)
(Ký,đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)

Signature Valid
Ký bởi: Công Ty TNHH Điện Lực Amata (Biên Hòa)
Ký ngày: 01 / 10 / 2023 21:50:28

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Quý khách vui lòng tra cứu hóa đơn tại https:// https://dienlucamata-tt78.vnpt-invoice.com.vn/ . Mã tra cứu: 21689335030092023

Được quét bằng CamScanner

Đơn vị nhận, truyền và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Điện thoại: 1800.1260

CÔNG TY TNHH DIỆN LỰC AMATA (BIÊN HÒA)
AMATA POWER (BIEN HOA) LIMITED
Mã số thuế (Tax code): 3600257958
Địa chỉ (Address): Đường 3A, KCN Long Bình (Amata),
P. Long Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Điện thoại (Tel): 0251.3936 669/ 3936 938 - Fax : 0251.3936 668 / 3936 445

Ký hiệu *(Series)* : 1K23TAP
Số *(No)* : **00002819**

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

CT GỐC

Danh số điện kế 2168933350

Tên khách hàng *(Customer's name)* : Công Ty TNHH VP Components (Việt Nam)

Địa chỉ *(Address)* : Lô 104/2-1, Đường số 2, Khu Công Nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mã số thuế *(Tax code)* : 3600485577

Hình thức thanh toán *(Method of payment)* : Thanh toán Chuyển khoản Ngày (Date): 30 / 09 / 2023

Số tài khoản *(Bank Account No.)*

Kỳ: 09/2023 từ ngày 31/08/2023 đến ngày 30/09/2023 Period: 09/2023 from 31/08/2023 to 30/09/2023

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Goods, services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit Price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Điện năng tiêu thụ giờ cao điểm (Peak)	Kwh	7.179	3.065 đ	22.003.635 đ
2	Điện năng tiêu thụ giờ bình thường (Normal)	Kwh	15.458	1.685 đ	26.046.730 đ
3	Điện năng tiêu thụ giờ thấp điểm (Off peak)	Kwh	824	1.046 đ	861.904 đ
4	Điện năng vô công (Reactive power)	Kvarh	0	1.685 đ	0 đ
Cộng tiền hàng *(Sub-total)* :					48.912.269 đ
Thuế suất thuế GTGT *(VAT rate)* : 8%	Tiền thuế GTGT *(VAT amount)* :				3.912.982 đ
Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)* :					52.825.251 đ
Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)* : Năm mươi hai triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn, hai trăm năm mươi mốt đồng chẵn					

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau:
(Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows)

Tên tài khoản (Account Name): **AMATA POWER (BIEN HOA) LIMITED**
Số tài khoản (Account Number): **0818-121890-401 tại Bangkok Bank chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh**
0121000102069 tại Vietcombank chi nhánh Đồng Nai
115000056725 tại Ngân Hàng Công Thương chi nhánh KCN Biên Hòa

Ghi chú: Nếu Bên mua không thanh toán tiền điện trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn (Ngày quá hạn) thì Bên mua phải trả tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định trong hợp đồng. Bên mua không thanh toán cho Bên bán vào Ngày quá hạn thì Ngày quá hạn được xem là ngày thông báo tự động đầu tiên của Bên bán đối với Bên mua về việc chậm thanh toán tiền điện.
Notes: If payment is not made within 10 days from the day of receiving the invoice (the Due Date) , the Buyer shall pay interest on overdue payment to the Seller following the conditions of Power Supply Agreement. Not meeting the Due Date shall also be considered as the Automatic First Notification of the Seller to the Buyer for electricity charge late payment.

Người mua hàng (Customer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)

Tổng giám đốc (President)
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)

Signature Valid
Ký bởi: Công Ty TNHH Điện Lực Amata (Biên Hòa)
Ký ngày: 01 / 10 / 2023 21:50:28

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
Quý khách vui lòng tra cứu hóa đơn tại https:// https://dienlucamata-tt78.vnpt-invoice.com.vn/ . Mã tra cứu: 21689335030092023

Được quét bằng CamScanner

Đơn vị nhận, truyền và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Điện thoại: 1800.1260

CÔNG TY TNHH ĐIỆN LỰC AMATA (BIÊN HÒA)
AMATA POWER (BIEN HOA) LIMITED
Mã số thuế (Tax code): 3600257958
Địa chỉ (Address): Đường 3A, KCN Long Bình (Amata),
P. Long Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Điện thoại (Tel): 0251.3936 669/ 3936 938 - Fax : 0251.3936 668 / 3936 445

Ký hiệu *(Series)* : 1K23TAP
Số *(No)* : **00002818**

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Tra cứu số điện tử: 2171819967

Tên khách hàng *(Customer's name)* : Công Ty TNHH VP Components (Việt Nam)

Địa chỉ *(Address)* : Lô 104/2-1, Đường số 2, Khu Công Nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mã số thuế *(Tax code)* : 3600485577

Hình thức thanh toán *(Method of payment)* : Thanh toán Chuyển khoản Ngày (Date): 30 / 09 / 2023

Số tài khoản *(Bank Account No.)* :

Kỳ: 09/2023 từ ngày 31/08/2023 đến ngày 30/09/2023 Period: 09/2023 from 31/08/2023 to 30/09/2023

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Goods, services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit Price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6 4x5
1	Điện năng tiêu thụ giờ cao điểm (Peak)	Kwh	31.706	3.065 đ	97.178.890 đ
2	Điện năng tiêu thụ giờ bình thường (Normal)	Kwh	97.660	1.685 đ	164.557.100 đ
3	Điện năng tiêu thụ giờ thấp điểm (Off peak)	Kwh	3.776	1.046 đ	3.949.696 đ
4	Điện năng vô công (Reactive power)	Kvarh	0	1.685 đ	0 đ
Cộng tiền hàng *(Sub-total)* :					265.685.686 đ
Thuế suất thuế GTGT *(VAT rate)* : 8%		Tiền thuế GTGT *(VAT amount)* :			21.254.855 đ
Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)* :					286.940.541 đ

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)* : Hai trăm tám mươi sáu triệu, chín trăm bốn mươi nghìn, năm trăm bốn mươi mốt đồng chẵn

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau:
(Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows)

Tên tài khoản (Account Name): **AMATA POWER (BIEN HOA) LIMITED**
Số tài khoản (Account Number): **0818-121890-401 tại Bangkok Bank chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh**
0121000102069 tại Vietcombank chi nhánh Đồng Nai
115000056725 tại Ngân Hàng Công Thương chi nhánh KCN Biên Hòa

Ghi chú: Nếu Bên mua không thanh toán tiền điện trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn (Ngày quá hạn) thì Bên mua phải trả tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định trong hợp đồng. Bên mua không thanh toán cho Bên bán vào Ngày quá hạn thì Ngày quá hạn được xem là ngày thông báo tự động đầu tiên của Bên bán đối với Bên mua về việc chậm thanh toán tiền điện.
Notes: If payment is not made within 10 days from the day of receiving the invoice (the Due Date) , the Buyer shall pay interest on overdue payment to the Seller following the conditions of Power Supply Agreement. Not meeting the Due Date shall also be considered as the Automatic First Notification of the Seller to the Buyer for electricity charge late payment.

Người mua hàng (Customer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)

Tổng giám đốc (President)
(Ký,đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)

Signature Valid
Ký bởi: Công Ty TNHH Điện Lực Amata (Biên Hòa)
Ký ngày: 01 / 10 / 2023 21:50:28

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Quý khách vui lòng tra cứu hóa đơn tại https:// https://dienlucamata-tt78.vnpt-invoice.com.vn/ . Mã tra cứu: 21718196730092023

Được quét bằng CamScanner

Đơn vị phát hành, truyền và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Điện thoại: 1800.1260

CÔNG TY TNHH ĐIỆN LỰC AMATA (BIÊN HÒA)
AMATA POWER (BIEN HOA) LIMITED
Mã số thuế (Tax code): 3600257958
Địa chỉ (Address): Đường 3A, KCN Long Bình (Amata),
P. Long Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Điện thoại (Tel): 0251.3936 669/ 3936 938 - Fax : 0251.3936 668 / 3936 445

Ký hiệu *(Series)* : 1K23TAP
Số *(No)* : **00003083**

CT GỐC

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Danh số điện kế 216893350

Tên khách hàng *(Customer's name)* : Công Ty TNHH VP Components (Việt Nam)

Địa chỉ *(Address)* : Lô 104/2-1, Đường số 2, Khu Công Nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mã số thuế *(Tax code)* : 3600485571

Hình thức thanh toán *(Method of payment)* : Thanh toán Chuyển khoản Ngày (Date) 31 / 10 / 2023

Số tài khoản *(Bank Account No.)* :

Kỳ 10/2023 từ ngày 30/09/2023 đến ngày 31/10/2023 Period 10/2023 from 30/09/2023 to 31/10/2023

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Goods, services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit Price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6 4x5
1	Điện năng tiêu thụ giờ cao điểm (Peak)	Kwh	6.145	3.065 đ	18.834.425 đ
2	Điện năng tiêu thụ giờ bình thường (Normal)	Kwh	15.197	1.685 đ	25.606.945 đ
3	Điện năng tiêu thụ giờ thấp điểm (Off peak)	Kwh	823	1.046 đ	860.858 đ
4	Điện năng vô công (Reactive power)	Kvarh	0	1.685 đ	0 đ

Cộng tiền hàng *(Sub-total)* :	45.302.228 đ
Thuế suất thuế GTGT *(VAT rate)* : 8% Tiền thuế GTGT *(VAT amount)* :	3.624.178 đ
Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)* :	48.926.406 đ
Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)* : Bốn mươi tám triệu, chín trăm hai mươi sáu nghìn, bốn trăm linh sáu đồng chẵn	

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau:
(Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows)

Tên tài khoản (Account Name): AMATA POWER (BIEN HOA) LIMITED
Số tài khoản (Account Number): 0818-121890-401 tại Bangkok Bank chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh
0121000102069 tại Vietcombank chi nhánh Đồng Nai
115000056725 tại Ngân Hàng Công Thương chi nhánh KCN Biên Hòa

Ghi chú: Nếu Bên mua không thanh toán tiền điện trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn (Ngày quá hạn) thì Bên mua phải trả tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định trong hợp đồng. Bên mua không thanh toán cho Bên bán vào Ngày quá hạn thì Ngày quá hạn được xem là ngày thông báo tự động đầu tiên của Bên bán đối với Bên mua về việc chậm thanh toán tiền điện.
Notes: If payment is not made within 10 days from the day of receiving the invoice (the Due Date) , the Buyer shall pay interest on overdue payment to the Seller following the conditions of Power Supply Agreement. Not meeting the Due Date shall also be considered as the Automatic First Notification of the Seller to the Buyer for electricity charge late payment.

Người mua hàng (Customer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)

Tổng giám đốc (President)
(Ký,đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)

Signature Valid
Ký bởi: Công Ty TNHH Điện Lực Amata (Biên Hòa)
Ký ngày: 01 / 11 / 2023 21:18:51

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
Quý khách vui lòng tra cứu hóa đơn tại https:// https://dienlucamata-tt78.vnpt-invoice.com.vn . Mã tra cứu: 21689335031102023

Được quét bằng CamScanner

Đơn vị nhận, truyền và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Điện thoại: 1800.1260

CÔNG TY TNHH ĐIỆN LỰC AMATA (BIÊN HÒA)
AMATA POWER (BIEN HOA) LIMITED
Mã số thuế (Tax code): 3600257958
Địa chỉ (Address): Đường 3A, KCN Long Bình (Amata),
P. Long Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Điện thoại (Tel): 0251.3936 669/ 3936 938 - Fax : 0251.3936 668 / 3936 445

Ký hiệu *(Series)* : 1K23TAP
Số *(No)* : **00003075**

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Danh số điện kế : 21718(96)

Tên khách hàng *(Customer's name)* : Công Ty TNHH VP Components (Việt Nam)

Địa chỉ *(Address)* : Lô 104/2-1, Đường số 2, Khu Công Nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mã số thuế *(Tax code)* : 3600485577

Hình thức thanh toán *(Method of payment)* : Thanh toán Chuyển khoản Ngày (Date): 31 / 10 / 2023

Số tài khoản *(Bank Account No.)* :

Kỳ: 10/2023 từ ngày 30/09/2023 đến ngày 31/10/2023 Period: 10/2023 from 30/09/2023 to 31/10/2023

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Goods, services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit Price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6 4x5
1	Điện năng tiêu thụ giờ cao điểm (Peak)	Kwh	34.927	3.065 đ	107.051.255 đ
2	Điện năng tiêu thụ giờ bình thường (Normal)	Kwh	91.691	1.685 đ	154.499.335 đ
3	Điện năng tiêu thụ giờ thấp điểm (Off peak)	Kwh	3.825	1.046 đ	4.000.950 đ
4	Điện năng vô công (Reactive power)	Kvarh	0	1.685 đ	0 đ

Cộng tiền hàng *(Sub-total)* :		265.551.540 đ
Thuế suất thuế GTGT *(VAT rate)* : 8%	Tiền thuế GTGT *(VAT amount)* :	21.244.123 đ
Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)* :		286.795.663 đ
Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)* : Hai trăm tám mươi sáu triệu, bảy trăm chín mươi lăm nghìn, sáu trăm sáu mươi ba đồng chẵn		

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau:
(Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows)
Tên tài khoản (Account Name): **AMATA POWER (BIEN HOA) LIMITED**
Số tài khoản (Account Number): **0818-121890-401 tại Bangkok Bank chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh**
0121000102069 tại Vietcombank chi nhánh Đồng Nai
115000056725 tại Ngân Hàng Công Thương chi nhánh KCN Biên Hòa

Ghi chú: Nếu Bên mua không thanh toán tiền điện trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn (Ngày quá hạn) thì Bên mua phải trả tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định trong hợp đồng. Bên mua không thanh toán cho Bên bán vào Ngày quá hạn thì Ngày quá hạn được xem là ngày thông báo tự động đầu tiên của Bên bán đối với Bên mua về việc chậm thanh toán tiền điện.
Notes: If payment is not made within 10 days from the day of receiving the invoice (the Due Date) , the Buyer shall pay interest on overdue payment to the Seller following the conditions of Power Supply Agreement. Not meeting the Due Date shall also be considered as the Automatic First Notification of the Seller to the Buyer for electricity charge late payment.

Người mua hàng (Customer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)

Tổng giám đốc (President)
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)

Signature Valid
Ký bởi: Công Ty TNHH Điện Lực Amata (Biên Hòa)
Ký ngày: 01 / 11 / 2023 21:18:51

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
Quý khách vui lòng tra cứu hóa đơn tại https:// https://dienlucamata-tt78.vnpt-invoice.com.vn . Mã tra cứu: 21718196731102023

Được quét bằng CamScanner

Đơn vị nhận, truyền và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Điện thoại: 1800.1260

CÔNG TY TNHH DIỆN LỰC AMATA (BIÊN HÒA)
AMATA POWER (BIEN HOA) LIMITED
Mã số thuế (Tax code): 3600257958
Địa chỉ (Address): Đường 3A, KCN Long Hình (Amata),
P. Long Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Điện thoại (Tel): 0251.3936 669/ 3936 938 - Fax : 0251.3936 668 / 3936 445

Ký hiệu *(Series)* : 1K23TAP
Số *(No)* : **00003343**

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

CT GỐC

Danh số điện tử: 2168933500

Tên khách hàng *(Customer's name)* : Công Ty TNHH VP Components (Việt Nam)

Địa chỉ *(Address)* : Lô 104/2-1, Đường số 2, Khu Công Nghiệp Amata, Phường Long Hình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mã số thuế *(Tax code)* : 3600485577

Hình thức thanh toán *(Method of payment)* : Thanh toán Chuyển khoản Ngày (Date): 18 / 11 / 2023

Số tài khoản *(Bank Account No.)* :

Kỳ: 11/2023 từ ngày 31/10/2023 đến ngày 09/11/2023 Period: 11/2023 from 31/10/2023 to 09/11/2023

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Goods, services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit Price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Điện năng tiêu thụ giờ cao điểm (Peak)	Kwh	1.929	3.065 đ	5.912.385 đ
2	Điện năng tiêu thụ giờ bình thường (Normal)	Kwh	3.959	1.685 đ	6.670.915 đ
3	Điện năng tiêu thụ giờ thấp điểm (Off peak)	Kwh	322	1.046 đ	336.812 đ
4	Điện năng vô công (Reactive power)	Kvarh	0	1.685 đ	0 đ

Cộng tiền hàng *(Sub-total)* :		12.920.112 đ
Thuế suất thuế GTGT *(VAT rate)* : 8%	Tiền thuế GTGT *(VAT amount)* :	1.033.609 đ
Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)* :		13.953.721 đ
Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)* : Mười ba triệu, chín trăm năm mươi ba nghìn, bảy trăm hai mươi mốt đồng chẵn		

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau:
(Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows)

Tên tài khoản (Account Name): **AMATA POWER (BIEN HOA) LIMITED**
Số tài khoản (Account Number): **0818-121890-401 tại Bangkok Bank chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh**
0121000102069 tại Metcombank chi nhánh Đồng Nai
115000056725 tại Ngân Hàng Công Thương chi nhánh KCN Biên Hòa

Ghi chú: Nếu Bên mua không thanh toán tiền điện trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn (Ngày quá hạn) thì Bên mua phải trả tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định trong hợp đồng. Bên mua không thanh toán cho Bên bán vào Ngày quá hạn thì Ngày quá hạn được xem là ngày thông báo tự động đầu tiên của Bên bán đối với Bên mua về việc chậm thanh toán tiền điện.
Notes: If payment is not made within 10 days from the day of receiving the invoice (the Due Date) , the Buyer shall pay interest on overdue payment to the Seller following the conditions of Power Supply Agreement. Not meeting the Due Date shall also be considered as the Automatic First Notification of the Seller to the Buyer for electricity charge late payment.

Người mua hàng (Customer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)

Tổng giám đốc (President)
(Ký,đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)

Signature Valid
Ký bởi: Công Ty TNHH Điện Lực Amata (Biên Hòa)
Ký ngày: 18 / 11 / 2023 21:56:27

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
Quý khách vui lòng tra cứu hóa đơn tại https:// https://dienlucamata-tt78.vnpt-invoice.com.vn . Mã tra cứu: 21689335009112023

Được quét bằng CamScanner

Đơn vị nhận, truyền và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT). Điện thoại: 1800.1260

CÔNG TY TNHH ĐIỆN LỰC AMATA (BIÊN HÒA)
AMATA POWER (BIEN HOA) LIMITED
Mã số thuế (Tax code): **3600257958**
Địa chỉ (Address): Đường 3A, KCN Long Bình (Amata),
P. Long Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Điện thoại (Tel): 0251.3936 669/ 3936 938 - Fax : 0251.3936 668 / 3936 445

Ký hiệu *(Series)* : **1K23TAP**
Số *(No)* : **00003359**

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

CT GỐC

Danh số điện kế : 217181967

Tên khách hàng *(Customer's name)* : Công Ty TNHH VP Components (Việt Nam)

Địa chỉ *(Address)* : Lô 104/2-1, Đường số 2, Khu Công Nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mã số thuế *(Tax code)* : 3600485577

Hình thức thanh toán *(Method of payment)* : Thanh toán Chuyển khoản Ngày (Date): 18 / 11 / 2023

Số tài khoản *(Bank Account No.)* :

Kỳ: 11/2023 từ ngày 31/10/2023 đến ngày 09/11/2023 Period: 11/2023 from 31/10/2023 to 09/11/2023

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Goods, services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit Price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6 4x5
1	Điện năng tiêu thụ giờ cao điểm (Peak)	Kwh	9.390	3.065 đ	28.780.350 đ
2	Điện năng tiêu thụ giờ bình thường (Normal)	Kwh	22.593	1.685 đ	38.069.205 đ
3	Điện năng tiêu thụ giờ thấp điểm (Off peak)	Kwh	1.030	1.046 đ	1.077.380 đ
4	Điện năng vô công (Reactive power)	Kvarh	0	1.685 đ	0 đ
Cộng tiền hàng *(Sub-total)* :					67.926.935 đ
Thuế suất thuế GTGT *(VAT rate)* : 8%		Tiền thuế GTGT *(VAT amount)* :			5.434.155 đ
Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)* :					73.361.090 đ
Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)* : Bảy mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi mốt nghìn, không trăm chín mươi đồng chẵn					

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau:
(Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows)
Tên tài khoản (Account Name): AMATA POWER (BIEN HOA) LIMITED
Số tài khoản (Account Number): 0818-121890-401 tại Bangkok Bank chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh
0121000102069 tại Vietcombank chi nhánh Đồng Nai
115000056725 tại Ngân Hàng Công Thương chi nhánh KCN Biên Hòa

Ghi chú: Nếu Bên mua không thanh toán tiền điện trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn (Ngày quá hạn) thì Bên mua phải trả tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định trong hợp đồng. Bên mua không thanh toán cho Bên bán vào Ngày quá hạn thì Ngày quá hạn được xem là ngày thông báo tự động đầu tiên của Bên bán đối với Bên mua về việc chậm thanh toán tiền điện.
Notes: If payment is not made within 10 days from the day of receiving the invoice (the Due Date) , the Buyer shall pay interest on overdue payment to the Seller following the conditions of Power Supply Agreement. Not meeting the Due Date shall also be considered as the Automatic First Notification of the Seller to the Buyer for electricity charge late payment.

Người mua hàng (Customer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)

Tổng giám đốc (President)
(Ký,đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)

Signature Valid
Ký bởi: Công Ty TNHH Điện Lực Amata (Biên Hòa)
Ký ngày: 18 / 11 / 2023 21:56:27

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
Quý khách vui lòng tra cứu hóa đơn tại https:// https://dienlucamata-tt78.vnpt-invoice.com.vn . Mã tra cứu: 21718196709112023

Được quét bằng CamScanner

Đơn vị nhận, truyền và cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT). Điện thoại: 1800.1260

CÔNG TY TNHH DIỆN LỰC AMATA (BIÊN HÒA)
AMATA POWER (BIEN HOA) LIMITED
Mã số thuế (Tax code): 3600257958
Địa chỉ (Address): Đường 3A, KCN Long Bình (Amata),
P. Long Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Điện thoại (Tel): 0251.3936 669/ 3936 938 - Fax : 0251.3936 668 / 3936 445

Ký hiệu *(Series)* : 1K23TAP
Số *(No)* : **00003643**

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

CT GỐC

Danh số điện kê: 2168933150

Tên khách hàng *(Customer's name)* : Công Ty TNHH VP Components (Việt Nam)

Địa chỉ *(Address)* : Lô 104/2-1, Đường số 2, Khu Công Nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mã số thuế *(Tax code)* : 3600485577

Hình thức thanh toán *(Method of payment)* : Thanh toán Chuyển khoản Ngày (Date): 30 / 11 / 2023

Số tài khoản *(Bank Account No.)* :

Kỳ: 11/2023 từ ngày 09/11/2023 đến ngày 30/11/2023 Period: 11/2023 from 09/11/2023 to 30/11/2023

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Goods, services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit Price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Điện năng tiêu thụ giờ cao điểm (Peak)	Kwh	6.979	3.191 đ	22.269.989 đ
2	Điện năng tiêu thụ giờ bình thường (Normal)	Kwh	13.083	1.747 đ	22.856.001 đ
3	Điện năng tiêu thụ giờ thấp điểm (Off peak)	Kwh	1.095	1.089 đ	1.192.455 đ
4	Điện năng vô công (Reactive power)	Kvarh	0	1.747 đ	0 đ

Cộng tiền hàng *(Sub-total)* :		46.318.445 đ
Thuế suất thuế GTGT *(VAT rate)* : 8%	Tiền thuế GTGT *(VAT amount)* :	3.705.476 đ
Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)* :		50.023.921 đ

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)* : Năm mươi triệu, không trăm hai mươi ba nghìn, chín trăm hai mươi mốt đồng chẵn

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau:
(Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows)

Tên tài khoản (Account Name): **AMATA POWER (BIEN HOA) LIMITED**
Số tài khoản (Account Number): **0818-121890-401 tại Bangkok Bank chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh**
01210001020069 tại Vietcombank chi nhánh Đồng Nai
115000056725 tại Ngân Hàng Công Thương chi nhánh KCN Biên Hòa

Ghi chú: Nếu Bên mua không thanh toán tiền điện trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn (Ngày quá hạn) thì Bên mua phải trả tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định trong hợp đồng. Bên mua không thanh toán cho Bên bán vào Ngày quá hạn thì Ngày quá hạn được xem là ngày thông báo tự động đầu tiên của Bên bán đối với Bên mua về việc chậm thanh toán tiền điện.
Notes: If payment is not made within 10 days from the day of receiving the invoice (the Due Date) , the Buyer shall pay interest on overdue payment to the Seller following the conditions of Power Supply Agreement. Not meeting the Due Date shall also be considered as the Automatic First Notification of the Seller to the Buyer for electricity charge late payment.

Người mua hàng (Customer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)

Tổng giám đốc (President)
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)

Signature Valid
Ký bởi: Công Ty TNHH Điện Lực Amata (Biên Hòa)
Ký ngày: 01 / 12 / 2023 22:10:31

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Quý khách vui lòng tra cứu hóa đơn tại https:// https://dienlucamata-tt78.vnpt-invoice.com.vn . Mã tra cứu: 21689335030112023

Được quét bằng CamScanner

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Danh

Tên khách hàng *(Customer's name)* : Công Ty TNHH VP Components (Việt Nam)

Địa chỉ *(Address)* : Lô 104/2-1, Đường số 2, Khu Công Nghiệp Amata, Phường Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mã số thuế *(Tax code)* : 3600485577

Hình thức thanh toán *(Method of payment)* : Thanh toán Chuyển khoản Ngày (Date): 30

Số tài khoản *(Bank Account No.)* :

Kỳ: 11/2023 từ ngày 09/11/2023 đến ngày 30/11/2023 Period: 11/2023 from 09

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Goods, services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn g *(Unit Pr*
1	2	3	4	5
1	Điện năng tiêu thụ giờ cao điểm (Peak)	Kwh	24.897	3.
2	Điện năng tiêu thụ giờ bình thường (Normal)	Kwh	56.355	1.
3	Điện năng tiêu thụ giờ thấp điểm (Off peak)	Kwh	2.812	1.
4	Điện năng vô công (Reactive power)	Kvarh	0	1.
Cộng tiền hàng *(Sub-total)* :				
Thuế suất thuế GTGT *(VAT rate)* : 8%		Tiền thuế GTGT *(VAT amount)* :		
Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)* :				
Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)* : Một trăm chín mươi lăm triệu, bốn trăm ba mươi bảy nghìn, sáu				

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau:
(Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows)

Tên tài khoản (Account Name): AMATA POWER (BIEN HOA) LIMITED

Số tài khoản (Account Number): 0818-121890-401 tại Bangkok Bank chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh
0121000102069 tại Vietcombank chi nhánh Đồng Nai
115000056725 tại Ngân Hàng Công Thương chi nhánh KCN Biên H

Ghi chú: Nếu Bên mua không thanh toán tiền điện trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn (Ngày quá hạn) thì Bên theo quy định trong hợp đồng. Bên mua không thanh toán cho Bên bán vào Ngày quá hạn thì Ngày quá hạn được xem là ngày đối với Bên mua về việc chậm thanh toán tiền điện

Notes: If payment is not made within 10 days from the day of receiving the invoice **(the Due Date)**, the Buyer shall pay a following the conditions of Power Supply Agreement. Not meeting the Due Date shall also be considered as the Automati Buyer for electricity charge late payment

Người mua hàng (Customer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)

Tổng giám đốc (Pr
(Ký, đóng dấu, ghi r
(Signature, full

Được quét bằng CamScanner

AMATA
CITY BIENHOA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ AMATA BIÊN HÒA
Mã số thuế *(Tax code)*:3600265395
KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Điện thoại *(Tel)*: 02513991007 - Fax: 02513891251

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C23TAB
Số *(No.)*: 5423

Ngày *(Date)*: 26 Tháng *(Month)*: 09 Năm *(Year)*: 2023

CT GỐC

Họ tên người mua hàng *(Customer)*:
Tên đơn vị *(Company)*: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
Mã số thuế *(Tax code)*: 3600485577
Địa chỉ *(Address)*: Lô 104/2-1, đường số 2, Khu Công Nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Hình thức thanh toán *(Payment method)*: CK/TM Số tài khoản *(Account No.)*:

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods, services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit Price)*	Thành tiền *(Amount)*
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Nước tiêu thụ tháng 09/2023. * Đơn vị tiền: VND	M3	3.237	11.500	37.225.500
				Cộng tiền hàng *(Sub-total)*:	37.225.500
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 5%				Tiền thuế GTGT *(VAT)*:	1.861.275
				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	39.086.775

Số tiền bằng chữ *(In words)*: *Ba mươi chín triệu không trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm bảy mươi lăm đồng.*

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau *(Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows:)*

- MUFG BANK - CN TP. HỒ CHÍ MINH	041173 (VND)
- BANGKOK BANK - CN TP. HỒ CHÍ MINH	0818 - 129700 - 401 (VND)
- VIETINBANK - KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA	113000013158 (VND)
- VIETCOMBANK - ĐỒNG NAI	012.1.00.000.141.7 (VND)
- MIZUHO BANK, LTD - CN TP. HỒ CHÍ MINH	H15 - 796 - 505324 (VND)
- VIETCOMBANK - BIÊN HÒA	048.1.00.000797-9 (VND)

Người mua hàng*(Buyer)*
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Buyer's signature, full name)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Seller's signature, full name)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ AMATA BIÊN HÒA
540101012E0300E961F8CC39E32F957F
Ngày ký: 2023-09-26T09:24:32

TỔNG CỤC THUẾ
75580955FC81D6A7
Ngày ký: 2023-09-26T09:24:48

Mã cơ quan thuế *(Code)*: 00F0A7778B98B144309A998E4A285C7619 - *tra cứu tại website (research at)* : https://tracuu.xuathoadon.vn/

Ghi chú: Người mua được chuyển đổi hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy để phục vụ việc lưu trữ chứng từ kế toán theo quy định của Luật Kế toán. Hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử sang hóa đơn dạng giấy bao gồm đầy đủ các thông tin sau: dòng chữ phân biệt giữa hóa đơn chuyển đổi và hóa đơn điện tử gốc - hóa đơn nguồn (ghi rõ "HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ"); họ và tên, chữ ký của người được thực hiện chuyển đổi; thời gian thực hiện chuyển đổi.

Được quét bằng CamScanner

AMATA
CITY BIENHOA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ AMATA BIÊN HÒA
Mã số thuế *(Tax code)*:3600265395
KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Điện thoại *(Tel)*: 02513991007 - Fax: 02513891251

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C23TAB
Số *(No.)*: 6052

Ngày *(Date)*: 26 Tháng *(Month)*: 10 Năm *(Year)*: 2023

Họ tên người mua hàng *(Customer)*:
Tên đơn vị *(Company)*: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
Mã số thuế *(Tax code)*: 3600485577
Địa chỉ *(Address)*: Lô 104/2-1, đường số 2, Khu Công Nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Hình thức thanh toán *(Payment method)*: CK/TM **Số tài khoản** *(Account No.)*:

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods, services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit Price)*	Thành tiền *(Amount)*
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Nước tiêu thụ tháng 10/2023. * Đơn vị tiền: VND	M3	2.940	11.500	33.810.000
				Cộng tiền hàng *(Sub-total)*:	33.810.000
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 5%				Tiền thuế GTGT *(VAT)*:	1.690.500
				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	35.500.500

Số tiền bằng chữ *(In words)*: *Ba mươi lăm triệu năm trăm nghìn năm trăm đồng.*

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau *(Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows:)*

- MUFG BANK - CN TP. HỒ CHÍ MINH	041173 (VND)
- BANGKOK BANK - CN TP. HỒ CHÍ MINH	0818 - 129700 - 401 (VND)
- VIETINBANK - KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA	113000013158 (VND)
- VIETCOMBANK - ĐỒNG NAI	012.1.00.000.141.7 (VND)
- MIZUHO BANK, LTD - CN TP. HỒ CHÍ MINH	H15 - 796 - 505324 (VND)
- VIETCOMBANK - BIÊN HÒA	048.1.00.000797-9 (VND)

Người mua hàng*(Buyer)*
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Buyer's signature, full name)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Seller's signature, full name)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ AMATA BIÊN HÒA
540101012E0300E961F8CC39E32F957F
Ngày ký: 2023-10-26T08:40:51

TỔNG CỤC THUẾ
75580955FC81D6A7
Ngày ký: 2023-10-26T08:41:04

Mã cơ quan thuế (Code): 00F12246F899564274913CE8308C53D856 - tra cứu tại website (research at) : https://tracuu.xuathoadon.vn/

Ghi chú: Người mua được chuyển đổi hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy để phục vụ việc lưu trữ chứng từ kế toán theo quy định của Luật Kế toán. Hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử sang hóa đơn dạng giấy bao gồm đầy đủ các thông tin sau: dòng chữ phân biệt giữa hóa đơn chuyển đổi và hóa đơn điện tử gốc – hóa đơn nguồn (ghi rõ "HOÁ ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HOÁ ĐƠN ĐIỆN TỬ"), họ và tên, chữ ký của người được thực hiện chuyển đổi; thời gian thực hiện chuyển đổi

Được quét bằng CamScanner

AMATA
CITY BIENHOA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ AMATA BIÊN HÒA
Mã số thuế *(Tax code)*:3600265395
KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Điện thoại *(Tel)*: 02513991007 - Fax: 02513891251

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C23TAB
Số *(No.)*: 6685

Ngày *(Date)*: 27 Tháng *(Month)*: 11 Năm *(Year)*: 2023

CT GỐC

Họ tên người mua hàng *(Customer)*:
Tên đơn vị *(Company)*: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
Mã số thuế *(Tax code)*: 3600485577
Địa chỉ *(Address)*: Lô 104/2-1, đường số 2, Khu Công Nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Hình thức thanh toán *(Payment method)*: CK/TM Số tài khoản *(Account No.)*:

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods, services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit Price)*	Thành tiền *(Amount)*
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Nước tiêu thụ tháng 11/2023. * Đơn vị tiền: VND	M3	2.601	11.500	29.911.500
				Cộng tiền hàng *(Sub-total)*:	29.911.500
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 5%				Tiền thuế GTGT *(VAT)*:	1.495.575
				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	31.407.075

Số tiền bằng chữ *(In words)*: *Ba mươi mốt triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn không trăm bảy mươi lăm đồng.*

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau *(Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows:)*

- MUFG BANK - CN TP. HỒ CHÍ MINH	041173 (VND)
- BANGKOK BANK - CN TP. HỒ CHÍ MINH	0818 - 129700 - 401 (VND)
- VIETINBANK - KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA	113000013158 (VND)
- VIETCOMBANK - ĐỒNG NAI	012.1.00.000.141.7 (VND)
- MIZUHO BANK, LTD - CN TP. HỒ CHÍ MINH	H15 - 796 - 505324 (VND)
- VIETCOMBANK - BIÊN HÒA	048.1.00.000797-9 (VND)

Người mua hàng*(Buyer)*
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Buyer's signature, full name)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Seller's signature, full name)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ AMATA BIÊN HÒA
540101012E0300E961F8CC39E32F957F
Ngày ký: 2023-11-27T11:07:02

TỔNG CỤC THUẾ
75580955FC81D6A7
Ngày ký: 2023-11-27T11:07:15

Mã cơ quan thuế (Code): 007AEA1771B2B8460C9C0241058B9B97B49 - tra cứu tại website (research at) : https://tracuu.anathoadon.vn/

Ghi chú: Người mua được chuyển đổi hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy để phục vụ việc lưu trữ chứng từ kế toán theo quy định của Luật Kế toán. Hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử sang hóa đơn dạng giấy bao gồm đầy đủ các thông tin sau: dòng chữ phân biệt giữa hóa đơn chuyển đổi và hóa đơn điện tử gốc – hóa đơn nguồn (ghi rõ "HOÁ ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HOÁ ĐƠN ĐIỆN TỬ"); họ và tên, chữ ký của người được thực hiện chuyển đổi; thời gian thực hiện chuyển đổi.

Được quét bằng CamScanner

AMATA
CITY BIENHOA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ AMATA BIÊN HÒA
Mã số thuế *(Tax code)*:3600265395
KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Điện thoại *(Tel)*: 02513991007 - Fax: 02513891251

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ngày *(Date)*: 26 Tháng *(Month)*: 09 Năm *(Year)*: 2023

Ký hiệu *(Serial)*: 1C23TAB
Số *(No.)*: 5624

CT GỐC

Họ tên người mua hàng *(Customer)*:
Tên đơn vị *(Company)*: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
Mã số thuế *(Tax code)*: 3600485577
Địa chỉ *(Address)*: L.ô 104/2-1, đường số 2, Khu Công Nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Hình thức thanh toán *(Payment method)*: CK/TM Số tài khoản *(Account No.)*:

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods, services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit Price)*	Thành tiền *(Amount)*
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Phí xử lý nước thải tháng 09/2023. • Đơn vị tiền: VND	M3	2.589,6	7.741	20.046.094
				Cộng tiền hàng *(Sub-total)*:	20.046.094
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT)*:	1.603.688
				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	21.649.782

Số tiền bằng chữ *(In words)*: *Hai mươi mốt triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm tám mươi hai đồng.*

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau *(Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows:)*

- MUFG BANK - CN TP. HỒ CHÍ MINH	041173 (VND)
- BANGKOK BANK - CN TP. HỒ CHÍ MINH	0818 - 129700 - 401 (VND)
- VIETINBANK - KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA	113000013158 (VND)
- VIETCOMBANK - ĐỒNG NAI	012.1.00.000.141.7 (VND)
- MIZUHO BANK, LTD - CN TP. HỒ CHÍ MINH	H15 - 796 - 505324 (VND)
- VIETCOMBANK - BIÊN HÒA	048.1.00.000797-9 (VND)

Người mua hàng*(Buyer)*
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Buyer's signature, full name)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Seller's signature, full name)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ AMATA BIÊN HÒA
540101012E0300E961F8CC39E32F957F
Ngày ký: 2023-09-26T13:26:06

TỔNG CỤC THUẾ
75580955FC81D6A7
Ngày ký: 2023-09-26T13:26:12

Mã cơ quan thuế (Code): 002E68D296774D4233B1ACA63DC9630087 - tra cứu tại website (research at) : https://tracuu.vnpthoadon.vn/

Lưu ý: Người mua được chuyển đổi hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy để phục vụ việc lưu trữ chứng từ kế toán theo quy định của Luật Kế toán. Hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử sang hóa đơn dạng giấy bao gồm đầy đủ các thông tin sau: dòng chữ phân biệt giữa hóa đơn chuyển đổi và hóa đơn điện tử gốc – hóa đơn nguồn (ghi rõ "HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ"); họ và tên, chữ ký của người được thực hiện chuyển đổi; thời gian thực hiện chuyển đổi.

Được quét bằng CamScanner

AMATA
CITY BIENHOA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ AMATA BIÊN HÒA
Mã số thuế *(Tax code)*:3600265395
KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Điện thoại *(Tel)*: 02513991007 - Fax: 02513891251

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C23TAB
Số *(No.)*: 6254

Ngày *(Date)*: 26 Tháng *(Month)*: 10 Năm *(Year)*: 2023

Họ tên người mua hàng *(Customer)*:
Tên đơn vị *(Company)*: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
Mã số thuế *(Tax code)*: 3600485577
Địa chỉ *(Address)*: Lô 104/2-1, đường số 2, Khu Công Nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Hình thức thanh toán *(Payment method)*: CK/TM **Số tài khoản** *(Account No.)*:

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods, services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit Price)*	Thành tiền *(Amount)*
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Phí xử lý nước thải tháng 10/2023. • Đơn vị tiền: VND	M3	2.352	7.805	18.357.360
				Cộng tiền hàng *(Sub-total)*:	18.357.360
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT)*:	1.468.589
				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	19.825.949

Số tiền bằng chữ *(In words)*: *Mười chín triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn chín trăm bốn mươi chín đồng.*

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau *(Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows:)*

- MUFG BANK - CN TP. HỒ CHÍ MINH	041173 (VND)
- BANGKOK BANK - CN TP. HỒ CHÍ MINH	0818 - 129700 - 401 (VND)
- VIETINBANK - KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA	113000013158 (VND)
- VIETCOMBANK - ĐỒNG NAI	012.1.00.000.141.7 (VND)
- MIZUHO BANK, LTD - CN TP. HỒ CHÍ MINH	H15 - 796 - 505324 (VND)
- VIETCOMBANK - BIÊN HÒA	048.1.00.000797-9 (VND)

Người mua hàng*(Buyer)*
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Buyer's signature, full name)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Seller's signature, full name)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ AMATA BIÊN HÒA
540101012E0300E961F8CC39E32F957F
Ngày ký: 2023-10-26T11:31:36

TỔNG CỤC THUẾ
75580955FC81D6A7
Ngày ký: 2023-10-26T11:31:51

Mã cơ quan thuế (Code): 00876[illegible]FC5CBB114DCBAAA8240826038881 - *tra cứu tại website (research at)* : https://tracuu.vaathoadon.vn/

Ghi chú: Người mua được chuyển đổi hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy để phục vụ việc lưu trữ chứng từ kế toán theo quy định của Luật Kế toán. Hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử sang hóa đơn dạng giấy bao gồm đầy đủ các thông tin sau: dòng chữ phân biệt giữa hóa đơn chuyển đổi và hóa đơn điện tử gốc – hóa đơn nguồn (ghi rõ "HOÁ ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HOÁ ĐƠN ĐIỆN TỬ"), họ và tên, chữ ký của người được thực hiện chuyển đổi; thời gian thực hiện chuyển đổi

Được quét bằng CamScanner

AMATA CITY BIENHOA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ AMATA BIÊN HÒA
Mã số thuế *(Tax code)*:3600265395
KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Điện thoại *(Tel)*: 02513991007 - Fax: 02513891251

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C23TAB
Số *(No.)*: 6883

Ngày *(Date)*: 27 Tháng *(Month)*: 11 Năm *(Year)*: 2023

CT GỐC

Họ tên người mua hàng *(Customer)*:
Tên đơn vị *(Company)*: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
Mã số thuế *(Tax code)*: 3600485577
Địa chỉ *(Address)*: Lô 104/2-1, đường số 2, Khu Công Nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Hình thức thanh toán *(Payment method)*: CK/TM Số tài khoản *(Account No.)*:

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods, services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit Price)*	Thành tiền *(Amount)*
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Phí xử lý nước thải tháng 11/2023. * Đơn vị tiền: VND	M3	2.080,8	7.699	16.020.079
				Cộng tiền hàng *(Sub-total)*:	16.020.079
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT)*:	1.281.606
				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*:	17.301.685

Số tiền bằng chữ *(In words)*: *Mười bảy triệu ba trăm lẻ một nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng.*

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau *(Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows:)*

- MUFG BANK - CN TP. HỒ CHÍ MINH	041173 (VND)
- BANGKOK BANK - CN TP. HỒ CHÍ MINH	0818 - 129700 - 401 (VND)
- VIETINBANK - KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA	113000013158 (VND)
- VIETCOMBANK - ĐỒNG NAI	012.1.00.000.141.7 (VND)
- MIZUHO BANK, LTD - CN TP. HỒ CHÍ MINH	H15 - 796 - 505324 (VND)
- VIETCOMBANK - BIÊN HÒA	048.1.00.000797-9 (VND)

Người mua hàng*(Buyer)*
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Buyer's signature, full name)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Seller's signature, full name)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ AMATA BIÊN HÒA
540101012E0300E961F8CC39E32F957F
Ngày ký: 2023-11-27T14:17:43

TỔNG CỤC THUẾ
75580955FC81D6A7
Ngày ký: 2023-11-27T14:17:58

Mã cơ quan thuế (Code): 00A5CEF60415FF4F709AF64694A0584201 - *tra cứu tại website (research at)* : https://tracuu.xuathoadon.vn/

Ghi chú: Người mua được chuyển đổi hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy để phục vụ việc lưu trữ chứng từ kế toán theo quy định của Luật Kế toán. Hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử sang hóa đơn dạng giấy bao gồm đầy đủ các thông tin sau: dòng chữ phân biệt giữa hóa đơn chuyển đổi và hóa đơn điện tử gốc hóa đơn nguồn (ghi rõ "HOÁ ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HOÁ ĐƠN ĐIỆN TỬ"); họ và tên, chữ ký của người được thực hiện chuyển đổi; thời gian thực hiện chuyển đổi.

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS VIỆT NAM

BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2025

Địa chỉ: Lô 104/2-1, KCN Amata, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai

Đồng Nai, tháng 01 năm 2026

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS VIỆT NAM

BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2025

Lô 104/2-1, KCN Amata, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS VIỆT NAM

Đồng Nai, tháng 01 năm 2026

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU iii

DANH MỤC HÌNH VẼ iv

THÔNG TIN CHUNG 1

PHẦN 1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 3

1. VỀ CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (BVMT) ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI ... 3

1.1. Xử lý nước thải 3

1.1.1. Công trình xử lý nước thải 3

1.2. **K**ết quả quan trắc nước thải 6

1.2.1. Quan trắc định kỳ nước thải 6

1.2.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động 12

2. VỀ CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI 12

2.1. Xử lý khí thải 12

2.2. Kết quả quan trắc khí thải 13

2.2.1. Quan trắc định kỳ khí thải 13

2.2.2. Quan trắc khí thải tự động, liên tục 13

3. VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT, CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG 14

4. VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI 14

4.1. Chất thải nguy hại (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất) 14

5. VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI Y TẾ (cơ sở không thuộc đối tượng cơ sở y tế) 14

6. VỀ PHÒNG NGỪA ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG 14

6.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường 14

6.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường. 15

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BTNMT	: Bộ Tài Nguyên và Môi Trường
BOD_5	: Nhu cầu oxy sinh hoá
COD	: Nhu cầu oxy hoá học
CTRSH	: Chất thải rắn sinh hoạt
CTRCNTT	: Chất thải rắn công nghiệp thông thường
CTNH	: Chất thải nguy hại
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
TSS	: Chất rắn lơ lửng
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
VN	: Việt Nam

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Khối lượng sản phẩm của Cơ sở 1
Bảng 2. Lượng nhiên liệu, điện, nước tiêu thụ của Công ty năm 2025 và năm 2024.....2
Bảng 3. Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Amata 5
Bảng 4. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải đầu vào năm 2025.....8
Bảng 5. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải ra vào năm 2025 10
Bảng 6. Kết quả quan trắc chất lượng khí thải tại hệ thống xử lý khí thải.....13
Bảng 7. Thống kê chất thải rắn sinh hoạt phát sinh 14
Bảng 8. Thống kê chất thải nguy hại phát sinh 14

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải sản xuất 4
Hình 2. Sơ đồ quy trình công trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải hơi dung môi 12

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:……/BC-

Đồng Nai, ngày tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO
Công tác bảo vệ môi trường năm 2025

THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
- Địa điểm hoạt động: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai
- Người đại diện: Ông LIAO, HAN - MING.
- Loại hình sản xuất: Xi mạ các linh kiện bằng kim loại
- Tần suất hoạt động: Thường xuyên
- Giấy đăng ký kinh doanh: 3600485577 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu: ngày 11 tháng 12 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 4, ngày 17 tháng 15 năm 2024
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: 5406055642 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp, chứng nhận lần đầu ngày 11 tháng 12 năm 2000. Chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 19 tháng 11 năm 2025.
- Dự án đã được UBND tỉnh Đồng Nai cấp phiếu xác nhận bản đạt tiêu chuẩn môi trường số 329/BĐK-TNMT ngày 10/11/2004 về việc Dự án mở rộng – xây dựng xi mạ của Công ty TNHH VP Components Việt Nam, tại KCN Amata, Tp. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.
- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 75.0001268.T do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 13/09/2010
- Khối lượng sản phẩm năm 2025

Bảng 1. Khối lượng sản phẩm của Cơ sở

Tên	Đơn vị tính	Năm 2025	2024
VISION	pcs	**509885**	701923
MINH AN	pcs	**147544**	36726
KINGDOM	kg	**5800.8**	
ĐỨC BỔN	psc	**126236**	94280
WINTEK	psc	**117000**	71000

Tên	Đơn vị tính	Năm 2025	2024
TSAIYARN	psc	**96.3**	239,6
GREAT JD	psc	**1568558**	1149994
CQS	psc	**80946**	239
KAIFA	psc	**13697**	13702
BROAD BRIGHT	psc	**2836**	3563
EAGLE	psc	**8480**	37139
GPMI	psc	**8354**	138670

- Nhu cầu sử dụng điện, nước:

Nguồn điện cấp cho công ty được lấy từ lưới điện quốc gia do Công Ty TNHH Điện lực Amata (Biên Hoà) cung cấp.

Nguồn nước cho công ty được lấy từ mạng nước quốc gia do Công ty Cổ Phần Đô Thị Amata (Biên Hoà) cung cấp

Bảng 2. Lượng nhiên liệu, điện, nước tiêu thụ của Công ty năm 2025 và năm 2024

STT	Điện, nước	Đơn vị	Năm 2025	Năm 2024
1	Điện	kWh/tháng	1.430.051	143.773
2	Nước	m^3	46.319	3.598

(Nguồn: Công ty TNHH VP Componnents Việt Nam)

PHẦN 1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. VỀ CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (BVMT) ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

1.1. Xử lý nước thải

Công trình thu gom nước thải

Nước thải phát sinh tại Nhà máy bao gồm: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên và nước thải sản xuất.

Hiện nay, công ty đã hoàn thiện hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt (từ nhà vệ sinh, nhà ăn, khu văn phòng,…) và nước thải sản xuất về hệ thống nước thải. Hệ thống thug om được bố trí như sau:

- Đối với nước mưa chảy tràn:

+ Đã tách riêng hoàn toàn hệ thống thu gom nước mưa và nước thải

+ Lắp đặt hệ thống dẫn nước mưa có đường kính Φ90 từ mái che của nhà xưởng, khối văn phòng và nhà ăn xuống trực tiếp hệ thống thoát nước mưa xung quanh khuôn viên nhà xưởng và khu nhà ăn văn phòng của công ty.

- Đối với nước mưa sinh hoạt:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom theo đường ống về bể tự hoạt nhằm xử lý sơ bộ trước khi chảy vào cống thu gom nước thải của HTXL nước thải.

+ Nước thải rửa tay chân, nước thải từ nhà ăn, Lavabo được thu gom theo đường ống và chảy theo cống thu gom nước thải về HTXL nước thải hiện hữu.

- Đối với nước thải sản xuất

+ Nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất từ các giai đoạn tẩy gỉ, tẩy dầu, mạ Niken, mạ Crom, mạ Kẽm, rửa sản phẩm, từ hệ thống xử lý khí thải… được thu về và xử lý tại HTXL nước thải có công suất 360 m^3/ngày.

1.1.1. Công trình xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà ăn và các hoạt động vệ sinh của công nhân viên công ty. Tổng lượng nước thải phát sinh bình quân là 7,0 m^3/ngày. Về đặc điểm tính chất, loại nước thải này thường chứa nhiều chất rắn lơ lửng, dầu mỡ động thực vật, các chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng và vi khuẩn gây bệnh.

Để giảm thiểu nồng độ các chất ô nhiễm, làm giảm mức độ gây ô nhiễm tới môi trường và nguồn tiếp nhận, toàn bộ nước thải và chất thải vệ sinh đã được đưa vào bể tự hoại 3 ngăn của nhà máy rồi dẫn về hệ thống xử lý nước thải chung có công suất 360 m^3/ngày.

Công ty đã đầu tư 01 hệ thống xử lý nước thải, công suất 360 m^3/ngày nhằm xử lý nước thải phát sinh đạt mục tiêu giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Ama ta và nước thải sẽ được thải vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Amata.

Quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại Công ty như sau:

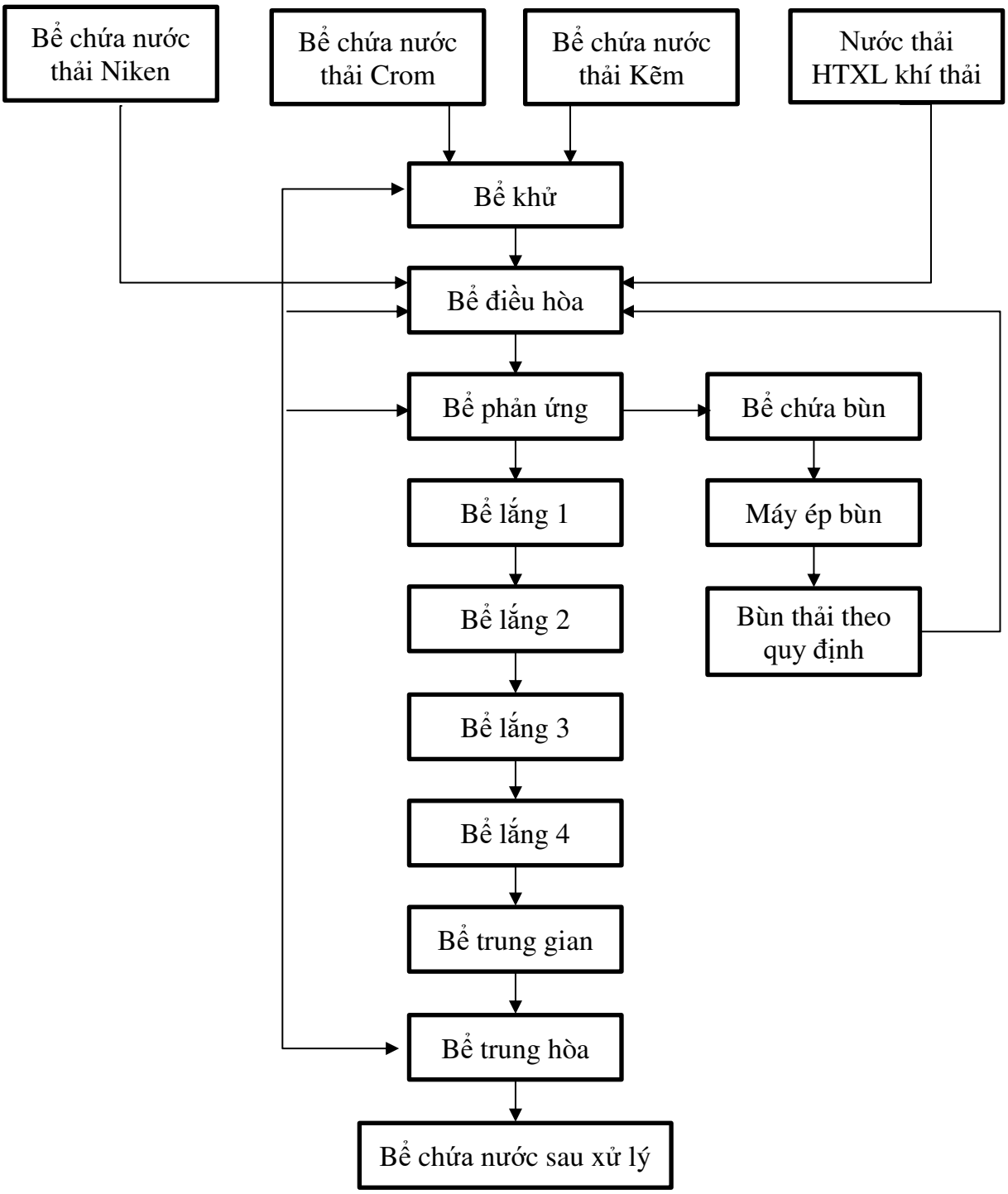

Hình 1. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải sản xuất

Thuyết minh quy trình

Nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất được dẫn theo đường ống và rãnh mương qua song chắn rác trước khi vào bể thu gom. Nước thải chứa Crom, nước thải chứa Niken, nước thải từ hệ thống xử lý khí thải được thu gom riêng dẫn về các bể khác nhau.

Nước thải có chứa Crom trước hết được khử Cr^{6+} thành Cr^{3+}. Tại bế khử Crom ta cho $Na_2S_2O_5$ đồng thời sục khí vào cho quá trình phản ứng xảy ra nhanh chóng chuyển từ Cr^{6+} thành $Cr^{3+.}$ Nước thải có chứa Crom tiếp tục qua bể điều hòa cùng với nước thải có chứa Niken và nước thải từ hệ thống xử lý khí thải. Tại bể điều hòa, nước thải được điều hòa về lưu lượng đồng thời châm NaOH vào để điều chỉnh pH của nước thải về mức trung tính.

Nước thải sau khi được điều hòa về lưu lượng và pH được dẫn vào bể phản ứng. Tại đây, nước thải được châm Polymer và PAC với mục đích keo tụ tạo bông các chất rắn lơ lửng trong nước, giúp quá trình lắng được hiệu quả hơn.

Tại bể lắng nước thải được đi qua 4 bể lắng, tại đây các chất rắn, cặn lơ lửng có trong nước được tách riêng với nước thải. Sau khi lắng xong nước thải được chảy qua bể trung gian rồi qua bể trung hòa.
Bùn thải sau bế lắng được bơm qua bế chứa bùn và được làm khô khi qua máy nén bùn. Nước ép bùn được dẫn về bể điều hòa để tiếp tục xử lý.

Tại bề trung hòa, tùy theo nồng độ pH ta châm H_2SO_4 để điều chỉnh nước thải trước khi nước thải chảy vào bể nước sạch. Nước sau khi đạt tiêu chuẩn giới hạn tiếp nhận của KCN Amata sẽ được thải vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Amata.

❖ **Tổng lưu lượng nước thải sản xuất phát sinh**

Lưu lượng nước thải phát sinh năm 2025 là: 37.055 m^3/năm tương đương 3.088 m^3/tháng

❖ **Tình hình đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải của KCN Amata**

Nước thải sau khi được xử lý ở trạm xử lý nước thải nội bộ được đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Amata.

Bảng 3. Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Amata

Stt	Thành phần môi trường quan trắc	Giới hạn đầu vào của KCN Amata
1	pH	**6– 9**
2	Độ màu	**50**
3	BOD_5	**500**
4	COD	**400**
5	TSS	**200**
6	As	**0,0405**
7	Hg	**0,00405**
8	Pb	**0,081**

Stt	Thành phần môi trường quan trắc	Giới hạn đầu vào của KCN Amata
9	Cd	**0,0405**
10	Crom VI	**0,0405**
11	Crom II	**0,162**
12	Cu	**1,62**
13	Zn	**2,43**
14	Ni	**0,162**
15	Mn	**0,405**
16	Fe	**0,81**
17	Tổng Cianua	**0,0567**
18	Tổng Phenol	**0,081**
19	Tổng số dầu khoáng và chất béo	**4,05**
20	Sunfua	**0,162**
21	Florua (F)	**4,05**
22	Amoni	**20**
23	Tổng N	**30**
24	Tổng P	**5**
25	Clorua	**405**
26	Clo dư	**0,81**
27	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	**0,0405**
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	**0,243**
29	Tổng PCB	**0,00243**
30	Coliform	**KGH**
31	Tổng hoạt độ phóng xạ (α)	**0,1**
32	Tổng hoạt độ phóng xạ (β)	**1,0**

Ghi chú: *KGH: không giới hạn*

1.2. Kết quả quan trắc nước thải

1.2.1. Quan trắc định kỳ nước thải

- ***Thời gian quan trắc***: Thời gian thực hiện quan trắc nước thải trong năm 2025 cụ thể như sau:
  - Đợt 1: 19/06/2025
  - Đợt 2: 24/10/2025
- ***Tần suất quan trắc***: 2 lần/năm

- ***Vị trí các điểm quan trắc***: Nước thải đầu vào HTXL nước thải và Nước thải đầu ra sau HTXL nước thải.
- ***Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc:*** 02 mẫu.
- ***Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng***: Tiêu chuẩn tiếp nhận KCN Amata
- ***Đơn vị thực hiện quan trắc***: Trung tâm Công nghệ và Quản lý Môi trường – Vimcerts 052

Bảng 4. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải đầu vào năm 2025

Stt	Tên điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Chỉ tiêu quan trắc	Đơn vị	Kết quả quan trắc	Kết quả quan trắc vượt	Giá trị Tiêu chuẩn tiếp nhận KCN Amata
1	Nước thải đầu vào	19/06/2025	pH	-	2,57	-	5-9
2			BOD_5	mg/L	3	-	500
3			COD	mg/L	32	-	530
4			TSS	mg/L	83	-	200
5			Crôm VI	mg/L	KPH (MDL=0,005)	-	0,041
6			Crôm III	mg/L	26,1	-	0,162
7			Kẽm (Zn)	mg/L	2,99	-	2,43
8			Niken	mg/L	23,6	-	0,162
9			Fe	mg/L	10,0	-	0,81
10			Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (MDL=0,5)	-	4,05
11			Tổng Coliform	MPN/100 ml	KPH (MDL=2)	-	KGH
12		24/10/2025	pH	-	3,61	-	5-9
13			BOD_5	mg/L	KPH (MDL=1)	-	500
14			COD	mg/L	18	-	530
15			TSS	mg/L	33	-	200

Stt	Tên điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Chỉ tiêu quan trắc	Đơn vị	Kết quả quan trắc	Kết quả quan trắc vượt	Giá trị Tiêu chuẩn tiếp nhận KCN Amata
16			Crôm VI	mg/L	4,73	-	0,041
			Crôm III	mg/L	16		0,162
17			Kẽm (Zn)	mg/L	0,173	-	2,43
18			Niken	mg/L	12,7	-	0,162
19			Fe	mg/L	0,255	-	0,81
20			Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (MDl =0,5)	-	4,05
21			Tổng Coliform	mg/L	KPH (MDl =2)	-	KGH

Ghi chú: *KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp, KGH: Không giới hạn*

Bảng 5. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải ra vào năm 2025

Stt	Tên điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Chỉ tiêu quan trắc	Đơn vị	Kết quả quan trắc	Kết quả quan trắc vượt	Giá trị Tiêu chuẩn tiếp nhận KCN Amata
1	Nước thải đầu ra	19/06/2025	pH	-	6,47	-	5-9
2			BOD_5	mg/L	2	-	500
3			COD	mg/L	10	-	530
4			TSS	mg/L	52	-	200
5			Crôm VI	mg/L	0,658	Vượt	0,041
			Crôm III	mg/L	0,905	Vượt	0,162
7			Kẽm (Zn)	mg/L	KPH (MDL=0,02)	-	2,43
8			Niken	mg/L	0,122	-	0,162
9			Fe	mg/L	0,115	-	0,81
10			Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (MDL=0,5)	-	4,05
11			Tổng Coliform	MPN/100 ml	$7,9x10^2$	-	KGH
12		24/10/2025	pH	-	6,74	-	5-9
13			BOD_5	mg/L	90	-	500
14			COD	mg/L	137	-	530
15			TSS	mg/L	136	-	200
16			Crôm VI	mg/L	KPH (MDl =0,005	-	0,041
			Crôm III	mg/L	2,490	Vượt	0,162

Stt	Tên điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Chỉ tiêu quan trắc	Đơn vị	Kết quả quan trắc	Kết quả quan trắc vượt	Giá trị Tiêu chuẩn tiếp nhận KCN Amata
17			Kẽm (Zn)	mg/L	0,037	-	2,43
18			Niken	mg/L	0,996	Vượt	0,162
19			Fe	mg/L	0,733	-	0,81
20			Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	0,8	-	4,05
21			Tổng Coliform	mg/L	240	-	KGH

Ghi chú: *KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp, KGH: Không giới hạn*

Nhận xét:

Kết quả phân tích chất lượng nước thải tại điểm đấu nối ra KCN Amata cho thấy hầu hết các thông số phân tích trong tất cả các đợt quan trắc đều đạt giới hạn tiếp nhận theo quy định của KCN Amata. Tuy nhiên, vẫn còn ba chỉ tiêu vượt ngưỡng giới hạn tiếp nhận. Công ty cam kết thực hiện các biện pháp khắc phục và sẽ báo cáo kết quả cải thiện trong kỳ báo cáo năm tiếp theo.

1.2.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Trung tâm Phân tích Thí nghiệm và Văn phòng Viện Dầu khí Việt Nam không thuộc nhóm đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục.

2. VỀ CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

2.1. Xử lý khí thải

- Nguồn phát sinh: Khí thải phát sinh từ bề mạ, bể tẩy, Công ty đã sử dụng 01hệ thống xử lý khí thải nhằm phục vụ trong quá trình sản xuất.

- Biện pháp giảm thiểu:

Khí thải phát sinh từ bể mạ, bể tẩy. Hơi từ bể mạ, bể tẩy bốc lên được hút lên bởi chụp hút ngang đặt trên thành bể, vừa đảm bảo hút hết hơi sinh ra từ bể mạ mà không ảnh hưởng gì đến thao tác của công nhân. Bể tẩy cũng được bố trí một chụp hút. Tất cả đều được thu bằng quạt hút công suất 15kW. Hơi độc hại sau khi hút về nhờ quạt hút được đưa tới tháp phun nước, bên trong tháp phun có lớp vật liệu tiếp xúc (làm tăng khả năng tiếp xúc giữa dòng khí và nước), vật liệu tiếp xúc này là các khâu sứ, bên trên tháp có bố trí những vòi phun nước.

Khí sau khi được hút vào tháp phun sẽ đi qua lớp vật liệu tiếp xúc, nước trong vòi phun sẽ chảy trong lớp vật liệu này. Trong quá trình tiếp xúc giữa 2 pha khí và pha lỏng, các hơi khí độc sẽ hòa tan vào trong nước. Để đảm bảo hiệu quả xử lý của toàn hệ thống cao (đạt 90%), nước tưới sẽ được bổ sung thường xuyên (với lưu lượng khoảng 3m^3/giờ). Nước nhiễm bụi và hơi khí độc sẽ tiếp tục chảy qua bể chứa, ở đây 1 phần sẽ được tuần hoàn nhờ bơm nước, phần còn lại (chủ yếu chứa cặn) sẽ được xả ra và dẫn vào hệ thống xử lý nước thải chung công suất 360 m^3 /ngày.

Khí sau khi qua lớp vật liệu tiếp xúc được quạt hút lên và được thải ra ngoài qua ống thoát khí (chiều cao 10m, đường kính miệng ống Φ40).

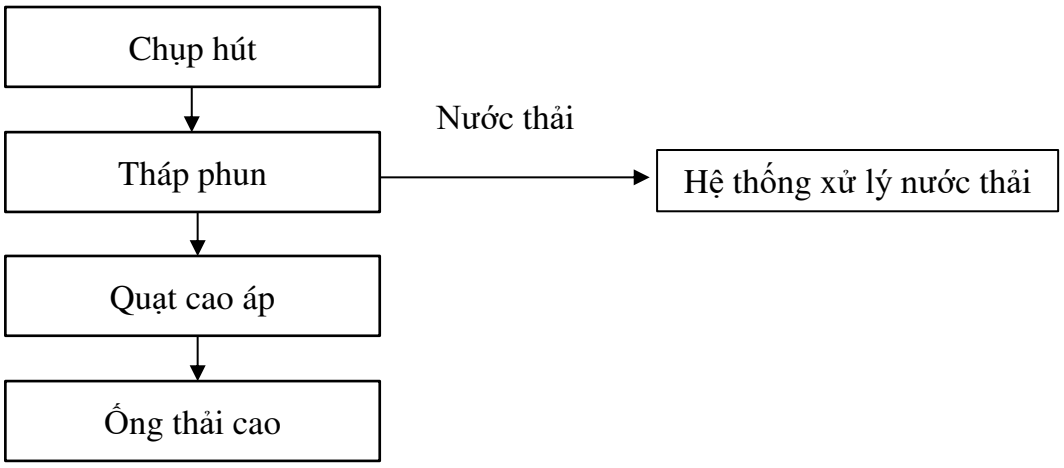

Hình 2. Sơ đồ quy trình công trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải hơi dung môi

2.2. Kết quả quan trắc khí thải

2.2.1. Quan trắc định kỳ khí thải

- **Thời gian quan trắc**

  + Đợt 1: 19/06/2025;

  + Đợt 2: 24/10/2025.

- **Tần suất quan trắc:** 02 lần/năm

- **Vị trí điểm quan trắc:**

- **+** Ống thải sau HTXL xưởng tem

- **Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc:** 01 mẫu x 2 đợt

- **Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng QCVN**: QCVN 19:2024/BTNMT

- **Đơn vị thực hiện quan trắc**: Trung tâm Công nghệ và Quản lý Môi trường. Số Vimcerts 052.

Bảng 6. Kết quả quan trắc chất lượng khí thải tại hệ thống xử lý khí thải

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả quan trắc		QCVN 19:2024/BTNMT, Cột B
			Mẫu đợt 1 (19/06/2025)	Mẫu đợt 2 (24/10/2025)	
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	KPH (MDL = 10)	20	≤ 40
2	HCl	mg/Nm^3	KPH (MDL = 10)	KPH (MDL = 2)	≤ 15
3	H_2SO_4	mg/Nm^3	KPH (MDL = 10)	KPH (MDL = 0,5)	≤ 30
4	Lưu lượng nguồn thải	m^3/h	5733	5574	-

Ghi chú: *KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp*

Nhận xét:

Kết quả đo đạc khí thải tại ống thải sau HTXL xưởng tem cho thấy, các chỉ tiêu phân tích khí thải sau xử lý các chỉ tiêu ở các đợt quan trắc đều nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B với K_p= 1, K_v = 0,8.

2.2.2. Quan trắc khí thải tự động, liên tục

Theo khoản 2, Điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP – Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc khí thải liên tục, tự động.

3. VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT, CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

3.1. Thành phần và khối lượng CTRSH

Bảng 7. Thống kê chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Stt	CTRSH	Khối lượng năm 2025 (tấn/năm)	Khối lượng Tấn/ngày	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm 2024 (tấn)
1	CTRSH	5,5	0,0055	Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi, hợp đồng số 237/2025/HĐ.RT, ký ngày 02 tháng 1 năm 2025	≈ 26
	Tổng khối lượng	**5,5**	**0,0055**		**26**

4. VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

4.1. Chất thải nguy hại (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất)

Bảng 8. Thống kê chất thải nguy hại phát sinh

Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng năm 2025 (kg)	Phương pháp xử lý [(i)]	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm 2024 (kg)
Bùn thải và bã lọc có chứa thành phần nguy hại	07 01 05	100,14	TĐ – HR	Công ty TNHH phần Cù Lao Xanh	61.270
Tổng cộng		**100,14**			**61.270**

Ghi chú: *TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn)*

5. VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI Y TẾ (cơ sở không thuộc đối tượng cơ sở y tế)

6. VỀ PHÒNG NGỪA ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

6.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

a. **Sự cô cháy nổ:**

Hiện tại, Công ty chưa xảy ra sự cố cháy nổ nào, tuy nhiên, sự cố này có thể xảy ra trong trường hợp sau đây:

Không tuân thủ nghiêm ngặt những quy định về PCCC.

Không tuân thủ các nguyên tắc làm việc trong quá trình hoạt động.

Do tác động của sét khi thời tiết xấu.

Huấn luyện thường xuyên cho công nhân và đội phòng chống sự cố của Công ty nhằm duy trì và tăng cường khả năng giải quyết tại chỗ các sự cố xảy ra;

Tại các nơi dễ cháy nổ, lắp đặt hệ thống báo cháy, hệ thống thông tin, báo động. Các phương tiện PCCC được kiểm tra bảo dưỡng định kỳ và luôn ở trong tình trạng sẵn sàng; Các loại nhiên liệu được lưu giữ trong kho được cách ly, tránh xa nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện;

Công nhân không được hút thuốc, không mang bật lửa, các dụng cụ phát ra lửa trong khu vực dễ cháy.

***b.* Sự cố rò rỉ hóa chất nhiên liệu**

Hiện tại, Công ty chưa xảy ra sự cố rò rỉ, hóa chất. Tuy nhiên, sự cố này có thể xảy ra trong một số trường hợp sau đây:

Các thùng (bồn) chứa hóa chất bị rò rỉ do có khiếm khuyết tại nắp đậy hoặc đậy không chặt.

Không cẩn trọng trong việc vận chuyển, gây dịch chuyển các thùng chứa làm đổ hóa chất ra ngoài.

Hóa chất được nhập về Công ty với khối lượng được tính toán phù hợp với lượng sử dụng thực tế của Công Ty, hóa chất trước khi nhập về kho được dán nhãn phân biệt rõ loại hóa chất và ngày nhập về, ngoài ra đối với các loại hóa chất có ảnh hưởng đến môi trường còn được dán thêm nhãn cảnh báo.

Yêu cầu đối với kho hóa chất: có mái che chăn tránh nước mưa tràn vào, ngoài ra còn được trang bị thiết bị PCCC, cát khô sử dụng để ứng phó sự tràn đổ của những hóa chất lỏng.

Biện pháp giảm thiểu:

Công ty thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa sự cố được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án bảo vệ môi trường chi tiết. Vì vậy từ đầu năm 2025 đến thời điểm giám sát, Công ty chưa để xảy ra sự cố nào.

6.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường.

Công ty xảy ra các trường hợp về sự cố môi trường trong năm 2025

Nơi nhận:
- Sở NN&MT tỉnh Đồng Nai
- UBND tỉnh Đồng Nai
- Chủ đầu tư KCN Amata
- Công ty TNHH VP Componets VN

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

TỔNG GIÁM ĐỐC
HORNG YIH LAING

PHỤC LỤC 1
CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ VĂN BẢN LIÊN QUAN

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600485577, đăng ký lầm đầu ngày 11 tháng 12 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 17 tháng 05 năm 2024 do Sở kế hoạch và đầu tư - Phòng đăng ký kinh doanh cấp;
2. Giấy chứng nhận đầu tư số 5406055642 cấp lần đầu ngày 11 tháng 12 năm 2000, thay đổi lần thứ 2 ngày 14 tháng 01 năm 2021, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 19 tháng 11 năm 2025 do Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai cấp;
3. Giấy xác nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 329/BĐK-TNMT ngày 16/11/2004 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.
4. Hợp đồng cung cấp dịch vụ về việc vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn VP Components VN và Công ty CP Môi trường Sonadezi cấp ngày 02/01/2025
5. Hợp đồng cung kinh tế số 40-2025/HĐKT.CTNH giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn VP Components VN và Công ty CP Cù Lao Xanh
6. Chứng từ CTNH

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 3600485577

Đăng ký lần đầu: ngày 11 tháng 12 năm 2000

Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 17 tháng 05 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VP COMPONENTS (VIETNAM) CO., LTD.

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: *0251.936579* Fax: *0251.936795*

Email: *vp_lin@vpcomposents.com* Website: *www.vpcomponents.znn.vn*

3. Vốn điều lệ : 64.458.244.134 đồng.

Bằng chữ: Sáu mươi bốn tỷ bốn trăm năm mươi tám triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm ba mươi bốn đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: VP COMPONENTS (DELAWARE, U.S.A.) INTERNATIONAL L.L.C

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: *3221184*

Ngày cấp: *02/05/2000* Nơi cấp: *Delaware, U.S.D*

Địa chỉ trụ sở chính: *15 East North Street, Dover, Delaware 19901, Mỹ*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LIAO, HAN- MING Giới tính: *Nam*

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: *20/06/1952* Dân tộc: *Quốc tịch: Trung Quốc*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *360361245*

Ngày cấp: *10/02/2022* Nơi cấp: *Bộ Ngoại giao Đài Loan (Trung Quốc)*

Địa chỉ thường trú: *5F, No.125, Ln.363, Jinhu Road, Neihu District, Taipei City 114, Đài Loan, Trung Quốc, Trung Quốc (Đài Loan)*

Địa chỉ liên lạc: *B670, Làng chuyên gia The Oasis II, Đường D16, KDC Việt Sing, KP4, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Phan Huy Toàn

Được quét bằng CamScanner

BAN QUẢN LÝ **CÁC KHU CÔNG NGHIỆP,** **KHU KINH TẾ TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 5406055642

Chứng nhận lần đầu: ngày 11 tháng 12 năm 2000

Chứng nhận thay đổi lần thứ hai: ngày 14 tháng 01 năm 2021

Chứng nhận thay đổi lần thứ ba: ngày 19 tháng 11 năm 2025

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5406055642 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 14 tháng 01 năm 2021;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM) nộp ngày 17 tháng 11 năm 2025,

Chứng nhận:

Dự án đầu tư CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM); mã số dự án 5406055642 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 14 tháng 01 năm 2021;

Được đăng ký:

- Cập nhật thông tin hộ chiếu người đại diện của Nhà đầu tư.
- Điều chỉnh thông tin tổ chức kinh tế thực hiện dự án.
- Hủy mục tiêu: Sản xuất các bàn đạp, các bộ phận của bàn đạp, các chi tiết bằng nhựa của xe đạp; các chi tiết của ổ trục giữa xe đạp và ổ trục điều khiển tay lái xe đạp.
- Bổ sung mục tiêu:

+ Sản xuất logo (tem nhãn) và các phụ kiện tem nhãn bằng nhựa với quy mô 778 tấn/năm.

+ Sản xuất logo (tem nhãn) và các phụ kiện tem nhãn bằng kim loại (bao gồm công đoạn xi mạ) với quy mô 7.000 tấn/năm.

+ Gia công cơ khí (mài, tiện, ba via) (không bao gồm công đoạn xi mạ) với quy mô 7.895 tấn/năm.

- Tăng vốn góp đầu tư từ 5.600.000 đô la Mỹ lên 7.600.000 đô la Mỹ (tăng 2.000.000 đô la Mỹ).

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

VP COMPONENTS (DELAWARE, U.S.A.) INTERNATIONAL L.L.C; Giấy phép thành lập số 3221184 cấp ngày 02 tháng 5 năm 2000 tại Hoa Kỳ; trụ sở chính đặt tại: 15 East North Street, Dover, Delaware 19901, United States of America.

Người đại diện: Bà CHANG, SU - JEN; chức vụ: Giám đốc; sinh ngày 17 tháng 3 năm 1957; quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan); hộ chiếu số: 363998834 cấp ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại Trung Quốc (Đài Loan); địa chỉ thường trú: No. 16, Alley 45, Lane 97, Chung Hsiao Rd., Yu Shih Vill., Chiao Hsi Township, Yi Lan County, Taiwan, China.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:

CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600485577 đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 12 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 17 tháng 9 năm 2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư: **CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM).**

2. Mục tiêu và quy mô của dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Quy mô	Mã ngành theo VSIC
01	Sản xuất logo (tem nhãn) và các phụ kiện tem nhãn bằng nhựa.	778 tấn/năm.	2220
02	Sản xuất logo (tem nhãn) và các phụ kiện tem nhãn bằng kim loại (bao gồm công đoạn xi mạ).	7.000 tấn/năm.	2592
03	Gia công cơ khí (mài, tiện, ba via) (không bao gồm công đoạn xi mạ).	7.895 tấn/năm.	2599

* Không thực hiện gia công xi mạ.

3. Địa điểm thực hiện dự án: Lô 104/2-1, đường số 2, Khu công nghiệp Long Bình (Amata), phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai.

4. Diện tích đất sử dụng: 30.006 m^2.

5. Tổng vốn đầu tư của dự án: 161.006.000.000 (một trăm sáu mươi mốt tỷ, không trăm lẻ sáu triệu) đồng, tương đương 7.600.000 (bảy triệu, sáu trăm nghìn) đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 64.458.244.134 (sáu mươi bốn tỷ, bốn trăm năm mươi tám triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn, một trăm ba mươi bốn) đồng Việt Nam, tương đương 3.592.789,93 (ba triệu, năm trăm chín mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi chín phẩy chín mươi ba) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 47% tổng vốn đầu tư, do VP COMPONENTS (DELAWARE, U.S.A.) INTERNATIONAL L.L.C góp; tiến độ góp vốn: Đã góp đủ.

6. Thời hạn hoạt động của dự án: 45 (bốn mươi lăm) năm kể từ ngày 11 tháng 12 năm 2000.

7. Tiến độ thực hiện dự án: Đi vào hoạt động từ tháng 6 năm 2001.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

1. Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo quy định về Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Thuế nhập khẩu và các loại thuế khác: Theo quy định tại thời điểm nộp thuế.

Điều 3: Các quy định đối với Nhà đầu tư, Tổ chức kinh tế thực hiện dự án:

1. Thực hiện thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng và báo cáo định kỳ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Triển khai dự án đầu tư theo mục tiêu, nội dung, tiến độ cam kết và tuân thủ các quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, các quy định pháp luật về

đầu tư, đất đai, quy hoạch, môi trường, xây dựng, lao động và pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai dự án.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5406055642 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 14 tháng 01 năm 2021.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM) được cấp 01 (một) bản, 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Lưu: VT, P. ĐT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Nguyễn Minh Chiến

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 329 /BĐK-TNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biên Hòa, ngày 4 tháng 11 năm 2004

PHIẾU XÁC NHẬN
BẢN ĐĂNG KÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG

Dự án mở rộng - xây dựng nhà xưởng xi mạ của
CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
XÁC NHẬN

Điều 1. Công ty TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM) đã trình bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường đối với dự án mở rộng- xây dựng nhà xưởng xĩ mạ vào ngày 15/10/2004, đặt tại Lô 204/2-1, KCN Amata, Biên Hòa, Đồng Nai (theo giấy phép đầu tư số 61/GPĐC1-KCN-ĐN ngày 11/8/2004 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai).

Điều 2. Công ty TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM) có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và những yêu cầu đối với chủ dự án kèm theo phiếu xác nhận này.

Điều 3. Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và những yêu cầu đối với chủ dự án tại điều 2, là cơ sở để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện về bảo vệ môi trường của Công ty.

Điều 4. Sau khi hoàn thành các hạng mục công trình về môi trường, Công ty phải có báo cáo bằng văn bản gửi cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường để kiểm tra.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (b/c)
- Ban QLKCN Đồng Nai
- Cty VP Components VN (để thực hiện)
- Giám đốc, các Phó GĐ Sở
- Lưu VT, MT.

Đồng kính gửi:
-Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c)

ThT/bdk.morong.VPComponents/ 7

KT. GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Phan Văn Hết

Scanned with CamScanner

NHỮNG YÊU CẦU ĐỐI VỚI CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VN)

(Ban hành kèm theo Phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 2429 /BĐK-TNMT ngày 16 /11/2004 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai)

---

1. Thực hiện trồng cây xanh tối thiểu 15% trên tổng diện tích mặt bằng của nhà máy để tạo môi trường cảnh quan và điều hòa khí hậu.
2. Thực hiện việc tách riêng tuyến thoát nước mưa và nước thải các loại đối với mặt bằng nhà xưởng. Nước thải sinh hoạt và sản xuất phải được xử lý cục bộ theo hợp đồng thỏa thuận giữa Công ty VP Components và Công ty Liên doanh Phát triển KCN Long Bình hiện đại (Amata) trước khi đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Amata.
3. Xử lý các nguồn phát sinh khí thải đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường qui định theo tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường TCVN 5939-1995 (cột B), TCVN 5940-1995 hay TCVN 6991-2001, 6994-2001; các nguồn gây ô nhiễm không khí đạt tiêu chuẩn TCVN 5937-1995, 5938-1995.
4. Thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp không nguy hại hợp vệ sinh, đúng quy định. Soát xét các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất (như các loại hóa chất, bột kim loại sau sử dụng hay quá hạn sử dụng; dầu nhớt thải, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải; bao bì chứa chất thải nguy hại,...) phải đăng ký quản lý chất thải nguy hại của chủ nguồn thải theo Quy chế quản lý chất thải nguy hại ban hành kèm theo Quyết định số 155/1999/QĐ-TTg ngày 16/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ và quyết định số 2582/2001/QĐ.CT.UBT ngày 30/7/2001 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.
5. Hoạt động đúng ngành nghề và quy mô sản xuất đã đăng ký (xi mạ 24.000.000 sản phẩm/năm). Trong trường hợp thay đổi ngành nghề, thay đổi công nghệ sản xuất hoặc mở rộng quy mô sản xuất ở những giai đoạn tiếp theo, Công ty phải báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai xem xét các biện pháp cần thiết về bảo vệ môi trường.
6. Thực hiện chương trình giám sát chất lượng môi trường định kỳ 06tháng/lần và gửi báo cáo kết quả giám sát về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai để theo dõi, kiểm tra.
7. Tuân thủ thực hiện các tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường được ban hành kèm theo Quyết định số 35/2002/QĐ-BKHCNMT ngày 25/6/2002 của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và các quy định khác có liên quan.

Scanned with CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do Hạnh Phúc**
Số: 237 /2025/HĐ.RT	

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ
Về việc vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- *Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;*
- *Căn cứ vào Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;*
- *Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết về Luật Bảo vệ Môi trường;*
- *Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*
- *Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu và khả năng thực hiện của hai bên.*

Hôm nay, ngày **02** tháng **01** năm **2025**, đại diện các bên ký hợp đồng chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VP COMPONENTS VIỆT NAM

- Địa chỉ : Lô 104/2-1, Đường số 2, KCN Amata Biên Hòa- Đồng Nai
- Điện thoại : 0251.3936579 - Fax: 3936795
- Mã số thuế : 3600485577
- Tài khoản :
- *E-mail nhận hóa đơn điện tử: thanhhuongdq96@gmail.com*
- Đại diện : **Bà Ho Chin Chih** - Chức vụ: **Giám đốc**

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI (tên viết tắt SZE)

- Địa chỉ : Số 12, đường Huỳnh Văn Nghệ, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Tổng đài hỗ trợ: 19003160 - Điện thoại: (0251) 3951771
- Mã số thuế : 3600274914
- Tài khoản : 117000012889 - Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai.
- Đại diện : **Bà Quách Ngọc Bửu** - Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung cụ thể như sau:

Điều 1. Nội dung dịch vụ

1. Bên B nhận thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt (viết tắt là CTRSH) được chứa trong thùng rác loại **660 lít** của **bên B lắp đặt** tại địa điểm

bên A. *(và thùng rác loại 240 lít, trường hợp bên A có trang bị thùng 120 lít hai bên thống nhất quy đổi 02 thùng 120 lít = 01 thùng 240 lít).*

2. ***Số lượng thùng chứa rác bên B đã cung cấp cho bên A là***: **02 thùng 660 lít (Hai thùng).**
3. ***Cơ sở xác định khối lượng CTRSH 01 thùng/lần giao:*** CTRSH chứa tối đa đến miệng thùng.
4. ***Địa điểm thu gom***: **Tại địa chỉ bên A**
5. ***Tần suất thu gom:***

- **Lịch cố định: …** *(Thời gian thu gom từ 19h30' hôm trước đến 03h30' hôm sau).*
- **Lịch phát sinh:** Bên A thông báo cho bên B trước tối thiểu 01 ngày (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu, sáng: Từ 7h30-11h30, chiều: Từ 13h30-15h30 qua tổng đài hỗ trợ 19003160 (bấm phím 2) hoặc điện thoại: (0251) 3951 771, (0251) 38850 784.

6. ***Thông tin liên hệ***: Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu, sáng: Từ 7h30-11h30, chiều: Từ 13h30-15h30. Tổng đài hỗ trợ 19003160.

- Phòng Tài chính Kế toán: Phụ trách hóa đơn và công nợ, liên lạc qua các số điện thoại: (0251) 3952 257, (0251) 3952 694.
- Phòng Kinh doanh: Phụ trách hợp đồng, khối lượng và lịch thu gom, liên lạc qua các số điện thoại: (0251) 3951 771, (0251) 38850 784

Điều 2. Quyền và trách nhiệm bên A

1. Quyền

a. Yêu cầu bên B thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH đúng theo Điều 01 của hợp đồng.

b. Tạm ngưng hợp đồng và phải thông báo chính thức cho bên B bằng văn bản trước 15 ngày.

2. Trách nhiệm

a. Chỉ sử dụng thùng rác bên B cung cấp để chứa CTRSH giao cho bên B. Thực hiện việc phân loại, quản lý chất thải theo đúng quy định trước khi giao CTRSH cho bên B. Bỏ gọn CTRSH vào thùng rác đã nêu tại điều 1. Bố trí nơi đặt thùng rác đảm bảo cho xe bên B ra, vào thu gom - vận chuyển được thuận lợi.

b. Cử người giám sát, ký xác nhận khối lượng thực hiện và lưu giữ biên bản bàn giao chất thải. Trong trường hợp bên A làm mất/thất lạc biên bản giao nhận chất thải thì bên A phải thanh toán theo biên bản giao nhận chất thải do bên B lưu giữ.

c. Đảm bảo an toàn trong quá trình thu gom chất thải tại khuôn viên của bên A.

d. Chịu trách nhiệm lập biên bản bàn giao chất thải giữa 02 bên để làm cơ sở thanh toán cho bên B.

e. Không được để lẫn chất thải công nghiệp, các loại chất thải nguy hại hoặc chất thải nặng, cứng, cồng kềnh như: Đất, đá, xà bần, tủ bàn ghế, cành nhánh cây to, ... vào CTRSH giao bên B. Nếu phát sinh chất thải trên, bên A phải phân loại riêng với CTRSH và thông báo cho bên B để hai bên thống nhất đơn giá và phương tiện vận chuyển.

f. Bên A có trách nhiệm bảo quản thùng rác do bên B cung cấp, không được sử dụng ngoài mục đích chứa CTRSH giao cho bên B. Bên A phải bồi thường cho bên B nếu để thùng rác bị cháy, hỏng, mất. Chi phí bồi thường thùng rác là: **6.300.000 đồng/thùng 660 lít** *(giá đã bao gồm thuế GTGT và chi phí vận chuyển nội ô Thành phố Biên Hòa.* Hoàn trả thùng lại cho bên B khi hợp đồng hết hiệu lực hoặc thanh lý hợp đồng trước thời hạn.

g. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước các cơ quan chức năng và bồi thường mọi chi phí phát sinh cho bên B và các bên có liên quan trong trường hợp bên A để lẫn các loại chất thải khác vào chất thải giao cho bên B, bao gồm nhưng không giới hạn các loại chất thải sau: chất thải nguy hại, các loại hóa chất độc hại, các chất dễ gây cháy nổ, chất thải lây nhiễm, … .

h. Trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực, bên A không được giao CTRSH cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy. Nếu bên A vi phạm điều khoản này, bên B được quyền thanh lý hợp đồng trước thời hạn và bên A sẽ chịu trách nhiệm trước cơ quan pháp luật.

i. Thanh toán cho bên B giá trị dịch vụ đã thực hiện theo điều 4 của hợp đồng.

Điều 3. Quyền và trách nhiệm bên B

1. Quyền

a. Khi xe bên B đến địa điểm giao nhận chất thải theo lịch điện thoại hoặc lịch cố định mà 2 bên đã thống nhất trước đó, nhưng bên A không giao CTRSH cho bên B, hoặc vì bất kỳ lý do nào do lỗi của bên A mà bên B không được thu gom, thì bên B có quyền không thu gom và bên A phải thanh toán chi phí cho bên B số tiền **240.000 đồng** (chưa bao gồm thuế GTGT).

b. Thu hồi các thùng rác đã lắp đặt cho bên A, nếu bên A sử dụng thùng rác của bên B ngoài mục đích chứa CTRSH giao bên B hoặc hợp đồng hết hiệu lực.

c. Tạm ngưng thu gom chất thải trong các trường hợp sau: Bên A chưa thanh toán giá trị dịch vụ đúng thời hạn đã thỏa thuận tại điều 4; Bên A vi phạm khoản 3 điều 5 của hợp đồng; tạm ngưng thu gom theo yêu cầu của các cơ quan chức năng; Các trường hợp bất khả kháng được nêu tại Điều 6.

2. Trách nhiệm

a. Đảm bảo thu gom, vận chuyển chất thải ở vị trí cố định tại điều 1 của hợp đồng, tránh để rơi vãi trong quá trình chuyển chất thải từ các thùng lên phương tiện vận chuyển.

b. Đảm bảo đủ yêu cầu về nhân lực, phương tiện và thiết bị để thu gom, vận chuyển toàn bộ chất thải theo lịch trình đã thỏa thuận giữa hai bên hoặc theo lịch bên A đã báo cho bên B trước tối thiểu 1 ngày.

c. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân thực hiện dịch vụ.

d. Ký xác nhận số lượng thực hiện vào sổ của bên A để làm cơ sở thanh toán trong tháng (nếu bên A có nhu cầu).

Điều 4. Đơn giá và phương thức thanh toán

1. Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt như sau:
- **Thùng 240L: 145.000 đồng/thùng** *(Bằng chữ: Một trăm bốn mươi lăm ngàn đồng)*
- **Thùng 660L: 240.000 đồng/thùng** *(Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi ngàn đồng)*
- *Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT, thuế GTGT được áp dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước.*

2. **Khối lượng tiếp nhận tối thiểu/tháng là: 02 thùng 660 lít/tháng.**
3. **Trong thời gian 01 tháng** *(từ ngày 21 tháng trước đến ngày 20 tháng liền kề):* Nếu bên A **không phát sinh khối lượng hoặc phát sinh khối lượng nhưng ít hơn khối lượng tiếp nhận tối thiểu,** bên A vẫn phải thanh toán cho bên B theo khối lượng tối thiểu tương ứng với số tiền là: **480.000 đồng.**
4. Đơn giá này có thể thay đổi trong thời gian thực hiện hợp đồng, trong trường hợp thay đổi giá, bên B sẽ thông báo cho bên A biết trước **15 ngày** và hai bên sẽ tiến hành ký kết phụ lục hợp đồng. Trường hợp 02 bên không thỏa thuận được thì sẽ thanh lý hợp đồng trước thời hạn.
5. Hàng tháng, bên B sẽ tổng hợp biên bản giao nhận chất thải (nếu có) trong tháng giữa hai bên để làm cơ sở xuất hóa đơn thanh toán giá trị dịch vụ. Thời gian chốt khối lượng là ngày 20 hàng tháng (từ ngày 21 tháng trước đến ngày 20 tháng này).
6. Phương thức thanh toán: *Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.*
   Bên A phải thanh toán cho bên B giá trị dịch vụ đã thực hiện trong tháng, trước **ngày 16 của tháng liền kề** (phí chuyển khoản do bên A chi trả).
7. Nếu quá thời hạn thanh toán mà bên A vẫn chưa thanh toán chi phí cho bên B thì bên A phải nộp phạt cho bên B theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Đồng Nai **(tính từ ngày 16 của tháng liền kề đến** ngày bên A thanh toán chi phí dịch vụ cho bên B) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
8. Nếu sau thời gian **60 ngày** kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn mà bên A vẫn chưa thanh toán chi phí cho bên B thì bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào do việc chấm dứt hợp đồng gây ra. Bên A phải thanh toán cho bên B các chi phí mà bên B đã thực hiện trước đó.

Điều 5. Các trường hợp phát sinh

1. Trường hợp bên A thay đổi thành phần chất thải, tuần suất thu gom, thời gian thu gom, khối lượng, ... mà hai bên đã thống nhất trước đó thì bên A phải thông báo cho bên B biết trước 03 ngày để hai bên thống nhất đơn giá và phương tiện vận chuyển.
2. Trong trường hợp phương tiện gặp sự cố đột xuất, bên B phải thông báo cho bên A biết để hai bên thỏa thuận biện pháp giải quyết.
3. Sau thời gian 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc từ ngày thu gom chất thải gần nhất, nếu bên A không giao chất thải cho bên B mà không có lý do chính đáng bằng văn bản, bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào do việc chấm dứt hợp đồng gây ra. Đồng

thời bên A phải hoàn trả nguyên vẹn thùng rác và thanh toán đầy đủ chi phí mà bên B đã thực hiện cho bên A.

4. Trong thời gian thực hiện hợp đồng nếu bên A có ca bệnh truyền nhiễm nguy hiểm theo quy định của Nhà nước, bên A phải chủ động thông báo cho bên B để tiến hành các biện pháp xử lý phù hợp theo quy định hiện hành. Trường hợp bên A không cung cấp thông tin đầy đủ cho bên B dẫn đến việc lây nhiễm trong cộng đồng thì bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm.
5. Đối với các cơ sở của bên A có quyết định cách ly, phong tỏa của cơ quan chức năng; sau thời gian cách ly, phong tỏa, bên A có nhu cầu thu gom chất thải trở lại tại cơ sở trên phải cung cấp cho bên B văn bản xác nhận hết thời gian cách ly, phong tỏa của cơ quan chức năng. Đồng thời, bên A phải gửi văn bản cam kết không bỏ lẫn chất thải lây nhiễm vào khối lượng chất thải giao cho bên B. Sau khi nhận được văn bản bên A cung cấp, bên B sẽ tiến hành thu gom trở lại.

Điều 6. Trường hợp bất khả kháng

1. Tất cả những trường hợp/sự kiện xảy ra sau khi hợp đồng này có hiệu lực do những nguyên nhân ngoài ý muốn hay ngoài sự kiểm soát của hai bên và nó ảnh hưởng trực tiếp đến sự thực hiện toàn bộ hay một phần những điều khoản của hợp đồng này, được xem là những trường hợp bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn: Chiến tranh dù được chính thức tuyên bố hay không, bạo động hay nổi loạn, chính trị, khủng bố, động đất, hỏa hoạn, lũ lụt, bão, cháy nổ, bệnh dịch hay các thiên tai khác, sự thay đổi các chính sách của Nhà nước, …
2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Trong trường hợp này, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này.
3. Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài liên tục trong thời gian nhiều hơn 1 (một) tháng, cả hai Bên sẽ thảo luận với nhau để tìm biện pháp tốt nhất ngăn ngừa sự chậm trễ hơn nữa.

Điều 7. Hiệu lực của hợp đồng

1. Thời gian hiệu lực hợp đồng: **Từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025.**
2. Trong thời gian hợp đồng có hiệu lực nếu những quy định của pháp luật có liên quan ảnh hưởng đến hợp đồng hoặc hai bên có nhu cầu điều chỉnh nội dung hợp đồng. Hai bên sẽ điều chỉnh bổ sung bằng phụ lục hợp đồng.
3. Trong trường hợp hợp đồng hết hiệu lực mà bên A vẫn tiếp tục sử dụng dịch vụ của bên B, thì bên A có trách nhiệm thanh toán toàn bộ giá trị dịch vụ mà bên B đã thực hiện trong thời gian chờ tái ký hợp đồng.
4. Hai bên có thể kết thúc hợp đồng trước thời hạn, và việc kết thúc hợp đồng phải được thông báo cho bên kia trước **15 ngày** bằng văn bản.
5. Sau khi hợp đồng hết hiệu lực và các bên đã thực hiện hoàn tất nghĩa vụ tài chính với nhau, hai bên không có nhu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng và **bên B đã thu**

hồi thùng rác đã lắp đặt cho bên A trước đó, thì hợp đồng được xem như chính thức thanh lý.

Điều 8. Điều khoản chung.

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng và nghiêm túc các điều khoản trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có những khó khăn, trở ngại phát sinh, hai bên sẽ cùng nhau giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác và hai bên cùng có lợi. Nếu hai bên thương lượng không đạt được kết quả, sẽ đưa ra Tòa án Nhân dân Thành phố Biên Hòa để giải quyết, kết quả phán quyết của Tòa án là kết quả cuối cùng, mọi chi phí phát sinh tại Tòa án do bên thua kiện chi trả.
2. Hợp đồng này thay thế tất cả các thỏa thuận, cam kết trước đây bằng miệng hoặc bằng văn bản.
3. Hai bên cam kết bảo mật thông tin các điều khoản của hợp đồng này. Trường hợp có nhu cầu cung cấp thông tin cho bên thứ ba phải được sự đồng ý của bên kia.
4. Bên nào đơn phương vi phạm hợp đồng sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.
5. Hợp đồng này được lập thành 04 bản. Mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A **GIÁM ĐỐC**	**ĐẠI DIỆN BÊN B** **TỔNG GIÁM ĐỐC**
HO CHIN CHIH	**Quách Ngọc Bửu**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Xuân Lộc, ngày 02 tháng 05 năm 2025

Số: 40-2025/HĐKT.CTNH

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(V/v: Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại)

- *Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015;*
- *Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/06/2005;*
- *Căn cứ vào Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022.*
- *Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*
- *Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường*
- *Căn cứ Giấy phép môi trường số 219/GPMT-BTNMT được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 17/06/2024;*
- *Căn cứ vào nhu cầu của quý công ty và giấy phép kinh doanh chức năng thực hiện của Công ty Cổ phần Cù Lao Xanh;*

Chúng tôi, đại diện hai bên gồm có:

BÊN A : **CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS VIỆT NAM**
Địa chỉ : Lô 104/2-1, Đường số 2, KCN Amata, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai.
Điện thoại : 02513 936579
Mã số thuế : 3600485577
Đại diện : **Ông Horng Yih Laing** Chức vụ: Tổng giám đốc

BÊN B : **CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH.**
Địa chỉ : Tổ 11, Ấp 7, Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
Đại diện Ông : **NGUYỄN VÕ NGỌC TIẾN** Chức vụ: Giám Đốc Điều Hành
Điện thoại : 02513.743 473. Fax: 02513 740 470
Mã số thuế : 3600974514
Tên tài khoản : **CT CP CU LAO XANH**
Tài khoản số : 0121 000 631 881
Tên ngân hàng : Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Đồng Nai.
Địa chỉ ngân hàng: 53-55 đường Võ Thị Sáu, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hoà, Đồng Nai

Sau khi thoả thuận, hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1.1. Bên B nhận xử lý chất thải phát sinh sau quá trình sản xuất tại nhà máy của Bên A tại địa chỉ: Lô 104/2-1, Đường số 2, KCN Amata, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai. *(Danh mục chất thải được ghi rõ tại điều 2 của hợp đồng này).*

1.2. Các loại chất thải của bên A được xử lý theo đúng quy trình kỹ thuật đã được thống nhất giữa hai bên và được cơ quan chức năng cho phép thực hiện.

1.3. Toàn bộ chất thải của bên A sẽ được bên B thu gom, vận chuyển về đến nhà máy xử lý cuả bên B tại địa chỉ: Tổ 11, ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

1.4. Thời gian và địa điểm thu gom chất thải: Chất thải được thu gom hàng tháng theo yêu cầu của Bên A. Sau khi nhận yêu cầu trong vòng 03 (ba) ngày, Bên B cần tiến hành thu gom vận chuyển chất thải.

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ – PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1 Đơn giá (đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý):

STT	TÊN CHẤT THẢI	TRẠNG THÁI	MÃ CTNH	ĐVT	ĐƠN GIÁ XỬ LÝ (VNĐ)	PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ
01	Bùn thải và bã lọc có chứa các thành phần nguy hại	Rắn	07 01 05	Kg	2.000	TĐ-HR
02	Các vật liệu mài mòn thải có chứa các thành phần nguy hại	Rắn	07 03 08	Kg	6.000	TĐ-HR
03	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	Kg	6.000	TĐ-HR
04	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại chất thải khác có chứa thủy ngân	Rắn	16 01 06	Kg	6.000	Nghiền - HR
05	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	Lỏng	17 06 01	Kg	6.000	TĐ
06	Bao bì mềm thải có chứa hoặc nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 01 01	Kg	6.000	TĐ-HR
07	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	Kg	6.000	TĐ-HR
Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT						

Ghi chú: *TĐ-HR: Thiêu đốt – Hóa rắn*

2.2 Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản VNĐ trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được hóa đơn tài chính do bên B cung cấp.

ĐIỀU 3 TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

3.1 Trách nhiệm của bên A

- Toàn bộ chất thải phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất của bên A phải được tập

trung thu gom, phân loại và lưu giữ an toàn trong kho chứa chờ tiến hành bàn giao cho bên B thu gom, vận chuyển, xử lý.

- Khi có phát sinh, Bên A thông báo bằng fax hoặc điện thoại cho Bên B về thông tin chất thải trước 24 giờ cho nhân viên phụ trách trực tiếp của bên B.
- Khi có phát sinh chất thải ngoài danh mục hợp đồng thu gom, chất thải dễ cháy nổ, hóa chất có tính nguy hại cao, bên A phải cảnh báo cho bên B trước khi thu gom để có biện pháp phòng ngừa và xử lý kịp thời.
- Bên A bố trí nhân viên hướng dẫn, phối hợp giám sát, hỗ trợ xe nâng trong quá trình thu gom chất thải (nếu cần) và cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng nhà máy.
- Trong thời hạn hợp đồng có hiệu lực, bên A không được phép giao chất thải cho đơn vị khác xử lý, nếu vi phạm phải chịu trách nhiệm theo pháp luật hiện hành.
- Thanh toán chi phí xử lý cho bên B đúng thời hạn.

3.2 Trách nhiệm của bên B

- Cung cấp phương tiện vận chuyển và mang đầy đủ các trang thiết bị dụng cụ an toàn cần thiết khi đến thu gom chất thải tại nhà máy bên A.
- Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải nguy hại – phòng cháy chữa cháy theo pháp luật hiện hành trong quá trình vận chuyển, bảo quản và xử lý.
- Cán bộ, nhân viên của bên B khi ra vào làm việc tại khu vực của bên A phải chấp hành nội quy nơi làm việc, thực hiện theo đúng hệ thống quản lý an toàn và bảo vệ môi trường của bên A để đảm bảo trật tự an toàn nơi làm việc của bên A, nhân viên của bên B phải tuyệt đối chấp hành mọi chỉ dẫn của người đại diện bên A về việc đi lại, vị trí thu gom rác thải.
- Sau khi chất thải cuả Bên A bàn giao cho Bên B, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra (thất thoát, làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường) trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- Bên B chịu trách nhiệm xuất trình với các cơ quan có thẩm quyền các giấy tờ có liên quan đến hoạt động xử lý rác thải và các giấy chứng nhận cho phép hoạt động của các xe chở rác thải chuyên dụng của bên B.

ĐIỀU 4: THỜI HẠN VÀ ĐIỀU KIỆN CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

4.1 Thời hạn hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày **02/05/2025 đến hết ngày 01/05/2026.** Ngày hết hạn hợp đồng cũng là ngày thanh lý hợp đồng.

4.2 Điều kiện chấm dứt hợp đồng

Hợp đồng này sẽ chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Một trong hai bên không thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm của mình nêu tại điều 2 của hợp đồng này
- Hai bên thoả thuận chấm dứt hợp đồng trước thời hạn
- Hợp đồng hết thời hạn hiệu lực nêu tại điều 4.1 mà không được hai bên gia hạn tiếp
- Trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng, bên A không thông báo thu gom, xử lý chất thải hoặc trong thời gian 90 ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục chuyển giao chất thải cho bên B thì bên B có thể kết thúc hợp đồng trước thời hạn và hợp đồng mặc nhiên không còn giá trị.

ĐIỀU 5: CAM KẾT CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng theo những điều khoản đã nêu trong hợp đồng này trên tinh thần thiện chí và hợp tác. Mọi tranh chấp phát sinh đều được ưu tiên giải quyết bằng con đường thương lượng, trường hợp không tự giải quyết được thì vấn đề sẽ

được đưa ra giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành và theo quyết định của Toà án nhân dân hoặc Toà án kinh tế có thẩm quyền

- Mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng đều phải lập thành văn bản có sự xác nhận của hai bên.
- Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
HORNG YIH LAING	NGUYỄN VÕ NGỌC TIỀN

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C25TYY

Số *(No.)*: **00000307**

Ngày (Date) 27 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 00D4335D0982CB486089F5F9C2C898DEDA

Đơn vị bán hàng *(Seller)*: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH**

Mã số thuế *(Tax code)*: 3600974514

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 11, Ấp 7, Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại *(Tel)*: 0251 3743 473

Số tài khoản *(Bank account)*: 050075561099 - Sacombank PGD Xuân Lộc

Số tài khoản *(Bank account)*: 0121000631881 - Vietcombank PGD Đồng Nai

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

Mã số thuế *(Tax code)*: 3600485577

Địa chỉ *(Address)*: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK Số tài khoản *(Bank account)*:

Đồng tiền thanh toán *(Payment Currency)*: VND

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	Xử lý bùn thải và bã lọc có chứa các thành phần nguy hại	kg	24.030,00	2.000,00	48.060.000
				Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**48.060.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:		**8%**		Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**3.844.800**
				Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**51.904.800**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Năm mươi mốt triệu chín trăm linh bốn nghìn tám trăm đồng chẵn.***					

Người mua hàng *(Buyer)*

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng *(Seller)*

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(E-signature, Digital signature)

Signature Valid

***Ký bởi (Signed By)*: CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH**

***Ký ngày (Signing Date)*: 27/02/2025**

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu *(Invoice code)*: **Q5H7TLNZQQJ7**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C25TYY

Số *(No.)*: **00000507**

Ngày (Date) 21 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 00DCC88C9E09D74168A0A3DB3304855864

Đơn vị bán hàng *(Seller)*: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH**

Mã số thuế *(Tax code)*: 3600974514

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 11, Ấp 7, Xã Xuân Tâm, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại *(Tel)*: 0251 3743 473

Số tài khoản *(Bank account)*: 050075561099 - Sacombank PGD Xuân Lộc

Số tài khoản *(Bank account)*: 0121000631881 - Vietcombank PGD Đồng Nai

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

Mã số thuế *(Tax code)*: 3600485577

Địa chỉ *(Address)*: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK Số tài khoản *(Bank account)*:

Đồng tiền thanh toán *(Payment Currency)*: VND

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	Xử lý bùn thải và bã lọc có chứa các thành phần nguy hại	kg	18.590,00	2.000,00	37.180.000
				Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**37.180.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:		**8%**		Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**2.974.400**
				Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**40.154.400**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Bốn mươi triệu một trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm đồng chẵn.***					

Người mua hàng *(Buyer)*

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng *(Seller)*

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(E-signature, Digital signature)

Signature Valid

***Ký bởi (Signed By)*: CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH**

***Ký ngày (Signing Date)*: 21/05/2025**

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu *(Invoice code)*: **WGHLFN0XPKVK**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C25TYY

Số *(No.)*: **00000681**

Ngày (Date) 30 tháng (month) 07 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 00922947EDCD594B3496FC2615532008E3

CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH

Mã số thuế *(Tax code)*: 3600974514

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 11, Ấp Xuân Tâm 7, Xã Xuân Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại *(Tel)*: 0251 3743 473

Số tài khoản *(Bank account)*: 050075561099 - Sacombank PGD Xuân Lộc

Số tài khoản *(Bank account)*: 0121000631881 - Vietcombank PGD Đồng Nai

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

Mã số thuế *(Tax code)*: 3600485577

Địa chỉ *(Address)*: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK Số tài khoản *(Bank account)*:

Đồng tiền thanh toán *(Payment Currency)*: VND

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	Xử lý bùn thải và bã lọc có chứa các thành phần nguy hại	kg	13.080,00	2.000,00	26.160.000
	Đính kèm bảng kê khối lượng xử lý chất thải nguy hại số 7 ngày 30/07/2025, hành trình đi từ Công ty cổ phần Cù Lao Xanh đến Công ty TNHH VP Components Việt Nam và ngược lại, với biển số xe 60C-535.46 ngày 14/07/2025				
				Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**26.160.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:		**8%**		Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**2.092.800**
				Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**28.252.800**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Hai mươi tám triệu hai trăm năm mươi hai nghìn tám trăm đồng chẵn.***					

Người mua hàng ***(Buyer)***

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng ***(Seller)***

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(E-signature, Digital signature)

Signature Valid

***Ký bởi (Signed By)*: CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH**

***Ký ngày (Signing Date)*: 30/07/2025**

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu *(Invoice code)*: **LJHXUAXXRM92**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C25TYY

Số *(No.)*: **00000746**

Ngày (Date) 21 tháng (month) 08 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 001757407B7BF846B89A0D2471E747BD51

CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH

Mã số thuế *(Tax code)*: 3600974514

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 11, Ấp Xuân Tâm 7, Xã Xuân Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại *(Tel)*: 0251 3743 473

Số tài khoản *(Bank account)*: 050075561099 - Sacombank PGD Xuân Lộc

Số tài khoản *(Bank account)*: 0121000631881 - Vietcombank PGD Đồng Nai

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

Mã số thuế *(Tax code)*: 3600485577

MSĐVCQHVNS *(Budgetary unit code)*:

Địa chỉ *(Address)*: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Căn cước công dân *(Citizen identification)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK Số tài khoản *(Bank account)*:

Đồng tiền thanh toán *(Payment Currency)*: VND

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	Xử lý bùn thải và bã lọc có chứa các thành phần nguy hại	kg	10.190,00	2.000,00	20.380.000
	Đính kèm bảng kê chi tiết thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 8 ngày 21/08/2025, hành trình đi từ Công ty cổ phần Cù Lao Xanh đến Công ty TNHH VP Components Việt Nam và ngược lại, với biển số xe 60C-259.10 ngày 07/08/2025				
				Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**20.380.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:	**8%**			Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**1.630.400**
				Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**22.010.400**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Hai mươi hai triệu không trăm mười nghìn bốn trăm đồng chẵn.***					

Người mua hàng *(Buyer)*

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng *(Seller)*

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(E-signature, Digital signature)

Signature Valid

***Ký bởi (Signed By)*: CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH**

***Ký ngày (Signing Date)*: 21/08/2025**

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu *(Invoice code)*: **WGHPI17LXZVD**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C25TYY

Số *(No.)*: **00000848**

Ngày (Date) 25 tháng (month) 09 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 00EEB43AAF8E30402DB808437FECF4B9C2

CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH

Mã số thuế *(Tax code)*: 3600974514

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 11, Ấp Xuân Tâm 7, Xã Xuân Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại *(Tel)*: 0251 3743 473

Số tài khoản *(Bank account)*: 050075561099 - Sacombank PGD Xuân Lộc

Số tài khoản *(Bank account)*: 0121000631881 - Vietcombank PGD Đồng Nai

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

Mã số thuế *(Tax code)*: 3600485577

MSĐVCQHVNS *(Budgetary unit code)*:

Địa chỉ *(Address)*: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Căn cước công dân *(Citizen identification)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK Số tài khoản *(Bank account)*:

Đồng tiền thanh toán *(Payment Currency)*: VND

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	Xử lý bùn thải và bã lọc có chứa các thành phần nguy hại	kg	10.100,00	2.000,00	20.200.000
	Đính kèm bảng kê chi tiết thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 9 ngày 25/09/2025, hành trình đi từ Công ty cổ phần Cù Lao Xanh đến Công ty TNHH VP Components Việt Nam và ngược lại, với biển số xe 60C-535.46 ngày 11/09/2025				
				Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**20.200.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:	**8%**			Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**1.616.000**
				Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**21.816.000**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Hai mươi mốt triệu tám trăm mười sáu nghìn đồng chẵn.***					

Người mua hàng *(Buyer)*

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng *(Seller)*

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(E-signature, Digital signature)

Signature Valid

***Ký bởi (Signed By)*: CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH**

***Ký ngày (Signing Date)*: 25/09/2025**

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu *(Invoice code)*: **3JHMTPW1A59N**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C25TYY

Số *(No.)*: **00001003**

Ngày (Date) 24 tháng (month) 11 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 00628959F9CEE14741BBF2DDB786D8B1F2

CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH

Mã số thuế *(Tax code)*: 3600974514

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 11, Ấp Xuân Tâm 7, Xã Xuân Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại *(Tel)*: 0251 3743 473

Số tài khoản *(Bank account)*: 050075561099 - Sacombank PGD Xuân Lộc

Số tài khoản *(Bank account)*: 0121000631881 - Vietcombank PGD Đồng Nai

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

Mã số thuế *(Tax code)*: 3600485577

MSĐVCQHVNS *(Budgetary unit code)*:

Địa chỉ *(Address)*: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Căn cước công dân *(Citizen identification)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK Số tài khoản *(Bank account)*:

Đồng tiền thanh toán *(Payment Currency)*: VND

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	Xử lý bùn thải và bã lọc có chứa các thành phần nguy hại	kg	12.400,00	2.000,00	24.800.000
	Đính kèm bảng kê chi tiết thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 11 ngày 24/11/2025, hành trình đi từ Công ty cổ phần Cù Lao Xanh đến Công ty TNHH VP Components Việt Nam và ngược lại, với biển số xe 60C-535.46 ngày 10/11/2025				
				Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**24.800.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:	**8%**			Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**1.984.000**
				Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**26.784.000**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Hai mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn đồng chẵn.***					

Người mua hàng *(Buyer)*

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng *(Seller)*

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(E-signature, Digital signature)

Signature Valid

***Ký bởi (Signed By)*: CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH**

***Ký ngày (Signing Date)*: 24/11/2025**

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu *(Invoice code)*: **9VHMHR2J6W7K**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C25TYY

Số *(No.)*: **00001108**

Ngày (Date) 25 tháng (month) 12 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 00ABAEF8F7DF544015B656C3E580C29D91

CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH

Mã số thuế *(Tax code)*: 3600974514

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 11, Ấp Xuân Tâm 7, Xã Xuân Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại *(Tel)*: 0251 3743 473

Số tài khoản *(Bank account)*: 050075561099 - Sacombank PGD Xuân Lộc

Số tài khoản *(Bank account)*: 0121000631881 - Vietcombank PGD Đồng Nai

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)

Mã số thuế *(Tax code)*: 3600485577

MSĐVCQHVNS *(Budgetary unit code)*:

Địa chỉ *(Address)*: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Căn cước công dân *(Citizen identification)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK Số tài khoản *(Bank account)*:

Đồng tiền thanh toán *(Payment Currency)*: VND

STT *(No)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Name of goods and services)*	**Đơn vị tính** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
1	Xử lý bùn thải và bã lọc có chứa các thành phần nguy hại	kg	11.750,00	2.000,00	23.500.000
	Đính kèm bảng kê chi tiết thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 12 ngày 25/12/2025, hành trình đi từ Công ty cổ phần Cù Lao Xanh đến Công ty TNHH VP Components Việt Nam và ngược lại, với biển số xe 60C-535.46 ngày 12/12/2025				
				Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**23.500.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:	**8 %**			Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**1.880.000**
				Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**25.380.000**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Hai mươi lăm triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.***					

Người mua hàng ***(Buyer)***

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng ***(Seller)***

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(E-signature, Digital signature)

Signature Valid

***Ký bởi (Signed By)*: CÔNG TY CỔ PHẦN CÙ LAO XANH**

***Ký ngày (Signing Date)*: 25/12/2025**

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu *(Invoice code)*: **PZHNF_V33AQN**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

PHỤ LỤC 2
CÁC PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Các kết quả quan trắc được đính kèm gồm:

1. Kết quả quan trắc nước thải
2. Kết quả quan trắc khí thải

AR-25-VZ-006163-01 / EUVN004-00003299

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Đơn vị yêu cầu	: **CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)**
Địa chỉ	: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày lấy mẫu	: 19/06/2025
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Nước thải đầu vào của HTXL nước thải
Tình trạng mẫu	: Mẫu lỏng, đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
Mã số mẫu	: 607-2025-00003954

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ001 VZ **pH**	-	**2,57**	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)
2	VZ00B VZ **BOD_5**	mg/l	**3**	SMEWW 5210B:2023
3	VZ054 VZ **COD**	mg/l	**32**	SMEWW 5220C:2023
4	VZ009 VZ **Chất rắn lơ lửng**	mg/l	**83**	TCVN 6625:2000 (ISO 11923:1997)
5	VZ05E VZ **Crôm VI**	mg/l	**KPH (MDL=0,005)**	SMEWW 3500-Cr.B:2023
6	VZ00X VZ **Crôm III**	mg/l	**26,1**	SMEWW 3120B:2023 & SMEWW 3500Cr.B:2023
7	VZ0EC VZ **Kẽm**	mg/l	**2,99**	SMEWW 3120B:2023
8	VZ0E7 VZ **Niken**	mg/l	**23,6**	SMEWW 3120B:2023
9	VZ0E9 VZ **Sắt**	mg/l	**10,0**	SMEWW 3120B:2023
10	VZ00S VZ **Tổng dầu mỡ khoáng**	mg/l	**KPH (MDL=0,5)**	SMEWW 5520.B&F:2023
11	VZ013 VZ **Tổng Coliform**	MPN/100 ml	**KPH (MDL=2)**	SMEWW 9221B:2023

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

Ký tên

Ngày 30 tháng 06 năm 2025

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ * TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG * TP THỦ ĐỨC - T.P HỒ CHÍ MINH

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

Huỳnh Ngọc Phương Mai
Giám Đốc

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Document number: BM.07.06
Version: 09
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-006163-01 / EUVN004-00003299

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com

AR-25-VZ-006164-01 / EUVN004-00003299

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Đơn vị yêu cầu	: **CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)**
Địa chỉ	: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày lấy mẫu	: 19/06/2025
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Nước thải đầu ra của HTXL nước thải
Tình trạng mẫu	: Mẫu lỏng, đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
Mã số mẫu	: 607-2025-00003955

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ001 VZ **pH**	-	**6,47**	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)
2	VZ00B VZ **BOD_5**	mg/l	**2**	SMEWW 5210B:2023
3	VZ054 VZ **COD**	mg/l	**10**	SMEWW 5220C:2023
4	VZ009 VZ **Chất rắn lơ lừng**	mg/l	**52**	TCVN 6625:2000 (ISO 11923:1997)
5	VZ05E VZ **Crôm VI**	mg/l	**0,658**	SMEWW 3500-Cr.B:2023
6	VZ00X VZ **Crôm III**	mg/l	**0,905**	SMEWW 3120B:2023 & SMEWW 3500Cr.B:2023
7	VZ0EC VZ **Kẽm**	mg/l	**KPH (MDL=0,02)**	SMEWW 3120B:2023
8	VZ0E7 VZ **Niken**	mg/l	**0,122**	SMEWW 3120B:2023
9	VZ0E9 VZ **Sắt**	mg/l	**0,115**	SMEWW 3120B:2023
10	VZ00S VZ **Tổng dầu mỡ khoáng**	mg/l	**KPH (MDL=0,5)**	SMEWW 5520.B&F:2023
11	VZ013 VZ **Tổng Coliform**	MPN/100 ml	**$7,9x10^2$**	SMEWW 9221B:2023

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

Ký tên

Ngày 30 tháng 06 năm 2025

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ * TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG * TP. THỦ ĐỨC - T.P HỒ CHÍ MINH

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

Huỳnh Ngọc Phương Mai
Giám Đốc

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Document number: BM.07.06
Version: 09
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-006164-01 / EUVN004-00003299

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com

AR-25-VZ-012214-01 / EUVN004-00005271

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Đơn vị yêu cầu	: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
Địa chỉ	: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày lấy mẫu	: 24/10/2025
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Nước thải đầu vào của HTXL
Tình trạng mẫu	: Mẫu lỏng, đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
Mã số mẫu	: 607-2025-00009546

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ001 VZ pH	-	3,61	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)
2	VZ00B VZ BOD_5	mg/l	KPH (MDL=1)	SMEWW 5210B:2023
3	VZ054 VZ COD	mg/l	18	SMEWW 5220C:2023
4	VZ009 VZ Chất rắn lơ lửng	mg/l	33	TCVN 6625:2000 (ISO 11923:1997)
5	VZ05E VZ Crôm VI	mg/l	4,73	SMEWW 3500-Cr.B:2023
6	VZ00X VZ Crôm III	mg/l	16,00	SMEWW 3120B:2023 & SMEWW 3500Cr.B:2023
7	VZ0EC VZ Kẽm	mg/l	0,173	SMEWW 3120B:2023
8	VZ0E7 VZ Niken	mg/l	12,7	SMEWW 3120B:2023
9	VZ0E9 VZ Sắt	mg/l	0,255	SMEWW 3120B:2023
10	VZ00S VZ Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (MDL=0,5)	SMEWW 5520-B&F:2023
11	VZ013 VZ Tổng Coliform	MPN/100 ml	KPH (MDL=2)	SMEWW 9221B:2023

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

Ký tên

Ngày 26 tháng 11 năm 2025

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ * TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG * TP. THỦ ĐỨC - T.P HỒ CHÍ MINH

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

Huỳnh Ngọc Phương Mai
Giám đốc

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Document number: BM.07.06
Version: 09
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-012214-01 / EUVN004-00005271

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com

AR-25-VZ-012199-01 / EUVN004-00005271

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Đơn vị yêu cầu	: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
Địa chỉ	: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày lấy mẫu	: 24/10/2025
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Nước thải đầu ra của HTXL
Tình trạng mẫu	: Mẫu lỏng, đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
Mã số mẫu	: 607-2025-00009547

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ001 VZ pH	-	6,74	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)
2	VZ00B VZ BOD_5	mg/l	90	SMEWW 5210B:2023
3	VZ054 VZ COD	mg/l	137	SMEWW 5220C:2023
4	VZ009 VZ Chất rắn lơ lửng	mg/l	136	TCVN 6625:2000 (ISO 11923:1997)
5	VZ05E VZ Crôm VI	mg/l	KPH (MDL=0,005)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
6	VZ00X VZ Crôm III	mg/l	2,490	SMEWW 3120B:2023 & SMEWW 3500Cr.B:2023
7	VZ0EC VZ Kẽm	mg/l	0,037	SMEWW 3120B:2023
8	VZ0E7 VZ Niken	mg/l	0,996	SMEWW 3120B:2023
9	VZ0E9 VZ Sắt	mg/l	0,733	SMEWW 3120B:2023
10	VZ00S VZ Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	0,8	SMEWW 5520-B&F:2023
11	VZ013 VZ Tổng Coliform	MPN/100 ml	240	SMEWW 9221B:2023

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

Ký tên

Ngày 26 tháng 11 năm 2025

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ * TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG * TP. THỦ ĐỨC - T.P HỒ CHÍ MINH

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

Huỳnh Ngọc Phương Mai
Giám đốc

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Document number: BM.07.06
Version: 09
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-012199-01 / EUVN004-00005271

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com

AR-25-VZ-005934-01 / EUVN004-00003299

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Đơn vị yêu cầu	: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
Địa chỉ	: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày lấy mẫu	: 19/06/2025
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Khu vực cổng bảo vệ
Mã số mẫu	: 607-2025-00003956

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 1 giờ)	QCVN 26:2010/BTNMT (6:00 - 21:00)	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ01F VZ **Tiếng ồn**	dB(A)	**69,2**	-	70	TCVN 7878-2:2018 (ISO 1996-2:2017)
2	VZ01J VZ **Tổng bụi lơ lửng (TSP)**	µg/Nm³	**104**	300	-	TCVN 5067:1995
3	VZ01K VZ **SO_2**	µg/Nm³	**11**	350	-	MASA Method 704A
4	VZ021 VZ **CO**	µg/Nm³	**KPH (MDL=1000)**	30000	-	TCVN 5972:1995 (ISO 8186:1989)
5	VZ01L VZ **NO_2**	µg/Nm³	**17**	200	-	MASA Method 406

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

Ký tên

Ngày 01 tháng 07 năm 2025

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ * TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG * TP. THỦ ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Bích Thủy
Phó Giám Đốc

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Document number: BM.07.06
Version: 09
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-005910-01 / EUVN004-00003299

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Đơn vị yêu cầu	: **CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)**
Địa chỉ	: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày lấy mẫu	: 19/06/2025
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Khu vực đầu xưởng sản xuất
Mã số mẫu	: 607-2025-00003957

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 26:2016/BYT (Lao động trung bình)	QCVN 24:2016/BYT (Tại vị trí làm việc lao động, sản xuất trực tiếp)	QCVN 02:2019/BYT	QCVN 03:2019/BYT (TWA)	Tiêu chuẩn vệ sinh lao động với Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT (TWA)	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ01B VZ **Nhiệt độ**	°C	**29,7**	18 - 32	-	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
2	VZ01C VZ **Độ ẩm**	% rh	**75,4**	40 - 80	-	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
3	VZ01D VZ **Vận tốc gió**	m/s	**0,6-0,8**	0,2 - 1,5	-	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
4	VZ01F VZ **Tiếng ồn**	dB(A)	**73,5**	-	85	-	-	-	TCVN 7878-2:2018 (ISO 1996-2:2017)
5	VZ01J VZ **Bụi tổng cộng**	mg/m³	**0,14**	-	-	8	-	-	TCVN 5067:1995
6	VZ01V VZ Crom (Cr)	mg/m³	**KPH (MDL=0,002)**	-	-	-	-	-	NIOSH Method 7303
7	VZ020 VZ **Axit Clohiđric (HCl)**	mg/m³	**0,03**	-	-	-	5	-	NIOSH Method 7907
8	VZ01W VZ **Nickel (Ni)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,0001)**	-	-	-	-	0,05	NIOSH Method 7303

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Document number: BM.07.06

Phone: (028) 3733 2121
Version: 09

Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-005910-01 / EUVN004-00003299

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Ký tên

Ngày 01 tháng 07 năm 2025

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ * TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG * TP. THỦ ĐỨC - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Bích Thủy
Phó Giám Đốc

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Document number: BM.07.06

Phone: (028) 3733 2121
Version: 09

Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-005911-01 / EUVN004-00003299

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Đơn vị yêu cầu	: **CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)**
Địa chỉ	: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày lấy mẫu	: 19/06/2025
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Khu vực cuối xưởng sản xuất
Mã số mẫu	: 607-2025-00003958

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 26:2016/BYT (Lao động trung bình)	QCVN 24:2016/BYT (Tại vị trí làm việc lao động, sản xuất trực tiếp)	QCVN 02:2019/BYT	QCVN 03:2019/BYT (TWA)	Tiêu chuẩn vệ sinh lao động với Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT (TWA)	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ01B VZ **Nhiệt độ**	°C	**30,2**	18 - 32	-	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
2	VZ01C VZ **Độ ẩm**	% rh	**74,5**	40 - 80	-	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
3	VZ01D VZ **Vận tốc gió**	m/s	**0,6-0,7**	0,2 - 1,5	-	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
4	VZ01F VZ **Tiếng ồn**	dB(A)	**71,6**	-	85	-	-	-	TCVN 7878-2:2018 (ISO 1996-2:2017)
5	VZ01J VZ **Bụi tổng cộng**	mg/m³	**0,08**	-	-	8	-	-	TCVN 5067:1995
6	VZ01V VZ Crom (Cr)	mg/m³	KPH (MDL=0,002)	-	-	-	-	-	NIOSH Method 7303
7	VZ020 VZ **Axit Clohiđric (HCl)**	mg/m³	**0,01**	-	-	-	5	-	NIOSH Method 7907
8	VZ01W VZ **Nickel (Ni)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,0001)**	-	-	-	-	0,05	NIOSH Method 7303

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Document number: BM.07.06

Phone: (028) 3733 2121
Version: 09

Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-005911-01 / EUVN004-00003299

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Ký tên

Ngày 01 tháng 07 năm 2025

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ * TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG * TP. THỦ ĐỨC - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Bích Thủy
Phó Giám Đốc

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Document number: BM.07.06

Phone: (028) 3733 2121
Version: 09

Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-005912-01 / EUVN004-00003299

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Đơn vị yêu cầu	: **CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)**
Địa chỉ	: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày lấy mẫu	: 19/06/2025
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Khu vực phòng dập
Mã số mẫu	: 607-2025-00003959

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 26:2016/BYT (Lao động trung bình)	QCVN 24:2016/BYT (Tại vị trí làm việc lao động, sản xuất trực tiếp)	QCVN 02:2019/BYT	QCVN 03:2019/BYT (TWA)	Tiêu chuẩn vệ sinh lao động với Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT (TWA)	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ01B VZ **Nhiệt độ**	°C	**30,4**	18 - 32	-	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
2	VZ01C VZ **Độ ẩm**	% rh	**73,6**	40 - 80	-	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
3	VZ01D VZ **Vận tốc gió**	m/s	**0,6-0,9**	0,2 - 1,5	-	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
4	VZ01F VZ **Tiếng ồn**	dB(A)	**75,3**	-	85	-	-	-	TCVN 7878-2:2018 (ISO 1996-2:2017)
5	VZ01J VZ **Bụi tổng cộng**	mg/m³	**0,15**	-	-	8	-	-	TCVN 5067:1995
6	VZ01V VZ **Crom (Cr)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,002)**	-	-	-	-	-	NIOSH Method 7303
7	VZ020 VZ **Axit Clohiđric (HCl)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,012)**	-	-	-	5	-	NIOSH Method 7907
8	VZ01W VZ **Nickel (Ni)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,0001)**	-	-	-	-	0,05	NIOSH Method 7303

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Document number: BM.07.06

Phone: (028) 3733 2121
Version: 09

Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-005912-01 / EUVN004-00003299

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Ký tên

Ngày 01 tháng 07 năm 2025

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

Nguyễn Thị Bích Thủy
Phó Giám Đốc

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Document number: BM.07.06

Phone: (028) 3733 2121
Version: 09

Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-005935-01 / EUVN004-00003299

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Đơn vị yêu cầu	: **CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)**
Địa chỉ	: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày lấy mẫu	: 19/06/2025
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Khu vực ngoài xưởng xi mạ
Mã số mẫu	: 607-2025-00003960

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 24:2016/BYT (Tại vị trí làm việc lao động, sản xuất trực tiếp)	QCVN 02:2019/BYT	QCVN 03:2019/BYT (TWA)	Tiêu chuẩn vệ sinh lao động với Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT (TWA)	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ01F VZ **Tiếng ồn**	dB(A)	**71,4**	85	-	-	-	TCVN 7878-2:2018 (ISO 1996-2:2017)
2	VZ01J VZ **Bụi tổng cộng**	mg/m³	**0,41**	-	8	-	-	TCVN 5067:1995
3	VZ01K VZ **SO_2**	mg/m³	**0,032**	-	-	5	-	MASA Method 704A
4	VZ021 VZ **Cacbon monoxit (CO)**	mg/m³	**KPH (MDL=1)**	-	-	20	-	TCVN 5972:1995 (ISO 8186:1989)
5	VZ01L VZ **NO_2**	mg/m³	**0,079**	-	-	5	-	MASA Method 406
6	VZ01V VZ **Crom (Cr)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,002)**	-	-	-	-	NIOSH Method 7303
7	VZ020 VZ **Axit Clohiđric (HCl)**	mg/m³	**0,03**	-	-	5	-	NIOSH Method 7907
8	VZ01W VZ **Nickel (Ni)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,0001)**	-	-	-	0,05	NIOSH Method 7303

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Document number: BM.07.06

Phone: (028) 3733 2121
Version: 09

Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-005935-01 / EUVN004-00003299

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Ký tên

Ngày 01 tháng 07 năm 2025

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ * TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG * TRỰC THUỘC T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Bích Thủy
Phó Giám Đốc

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Document number: BM.07.06

Phone: (028) 3733 2121
Version: 09

Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-007457-01 / EUVN004-00003788

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Đơn vị yêu cầu	: **CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)**
Địa chỉ	: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày lấy mẫu	: 22/07/2025
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Ống thải sau HTXL xưởng tem
Mã số mẫu	: 607-2025-00005146

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ040 VZ **Bụi tổng**	mg/Nm³	**KPH (MDL=10)**	U.S. EPA Method 5
2	VZ041 VZ **Acid clohydric (HCl)**	mg/Nm³	**KPH (MDL=2)**	U.S. EPA Method 26A
3	VZ045 VZ **Sulphuric acid (H_2SO_4)**	mg/Nm³	**KPH (MDL=0,5)**	U.S. EPA Method 8
4	VZ03Y VZ **Lưu lượng nguồn thải**	m³/h	**5733**	U.S. EPA method 2

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

Ký tên

Ngày 31 tháng 07 năm 2025

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ * TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG * TP. THỦ ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

Nguyễn Thị Bích Thủy
Phó Giám Đốc

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com

AR-25-VZ-012120-01 / EUVN004-00005271

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Đơn vị yêu cầu	: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
Địa chỉ	: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày lấy mẫu	: 24/10/2025
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Không khí xung quanh - Cổng bảo vệ
Mã số mẫu	: 607-2025-00009548

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 26:2010/BTNMT (6:00 - 21:00)	QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 1 giờ)	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ01F VZ Tiếng ồn	dB(A)	69,8	70	-	TCVN 7878-2:2018 (ISO 1996-2:2017)
2	VZ01J VZ Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm³	135	-	300	TCVN 5067:1995
3	VZ01K VZ SO_2	µg/Nm³	27	-	350	MASA Method 704A
4	VZ021 VZ CO	µg/Nm³	KPH (MDL=1000)	-	30000	TCVN 5972:1995 (ISO 8186:1989)
5	VZ01L VZ NO_2	µg/Nm³	37	-	200	MASA Method 406

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

Ký tên

Ngày 26 tháng 11 năm 2025

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ * TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG * TP THỦ ĐỨC - TP HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Bích Thủy
Phó Giám Đốc

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Document number: BM.07.06
Version: 09
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-012121-01 / EUVN004-00005271

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VIMCERTS 052

Đơn vị yêu cầu	: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
Địa chỉ	: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày lấy mẫu	: 24/10/2025
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Ống thải sau HTXL xưởng tem
Mã số mẫu	: 607-2025-00009551

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ040 VZ Bụi tổng	mg/Nm³	20	U.S. EPA Method 5
2	VZ042 VZ Acid clohydric (HCl)	mg/Nm³	KPH (MDL=2)	U.S. EPA Method 26
3	VZ045 VZ Sulphuric acid (H_2SO_4)	mg/Nm³	KPH (MDL=0,5)	U.S. EPA Method 8
4	VZ03Y VZ Lưu lượng nguồn thải	m³/h	5574	U.S. EPA method 2
5	VZ0SN VZ Lưu lượng nguồn thải	Nm³/h	5433	U.S. EPA method 2

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

Ký tên

Ngày 26 tháng 11 năm 2025

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG TP. THỦ ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Bích Thủy
Phó Giám Đốc

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Document number: BM.07.06
Version: 09
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-012246-01 / EUVN004-00005272

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Đơn vị yêu cầu	: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
Địa chỉ	: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày lấy mẫu	: 24/10/2025
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Khu vực đầu xưởng sản xuất
Mã số mẫu	: 607-2025-90002112

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 26:2016/BYT (Lao động trung bình)	QCVN 02:2019/BYT	QCVN 03:2019/BYT (TWA)	Tiêu chuẩn vệ sinh lao động với Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT (TWA)	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ01B VZ **Nhiệt độ**	°C	**30,8**	18 - 32	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
2	VZ01C VZ **Độ ẩm**	% rh	**70,2**	40 - 80	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
3	VZ01D VZ **Vận tốc gió**	m/s	**0,6-1,0**	0,2 - 1,5	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
4	VZ01F VZ **Tiếng ồn**	dB(A)	**73,5**	-	-	-	-	TCVN 7878-2:2018 (ISO 1996-2:2017)
5	VZ01J VZ **Bụi tổng cộng**	mg/m³	**0,11**	-	8	-	-	TCVN 5067:1995
6	VZ020 VZ **Axit Clohiđric (HCl)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,012)**	-	-	5	-	NIOSH Method 7907
7	VZ0T3 VZ **Crom (Cr)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,002)**	-	-	0,3	-	NIOSH Method 7303
8	VZ01W VZ **Nickel (Ni)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,0001)**	-	-	-	0,05	NIOSH Method 7303

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Document number: BM.07.06

Phone: (028) 3733 2121
Version: 09

Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-012246-01 / EUVN004-00005272

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên

Ngày 26 tháng 11 năm 2025

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

Nguyễn Thị Bích Thủy
Phó Giám Đốc

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.
Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VZ" và có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại các phòng thí nghiệm ngoài hệ thống Eurofins.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Document number: BM.07.06
Phone: (028) 3733 2121
Version: 09
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-012247-01 / EUVN004-00005272

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Đơn vị yêu cầu	: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
Địa chỉ	: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày lấy mẫu	: 24/10/2025
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Khu vực cuối xưởng sản xuất
Mã số mẫu	: 607-2025-90002113

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 26:2016/BYT (Lao động trung bình)	QCVN 02:2019/BYT	QCVN 03:2019/BYT (TWA)	Tiêu chuẩn vệ sinh lao động với Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT (TWA)	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ01B VZ **Nhiệt độ**	°C	**31,1**	18 - 32	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
2	VZ01C VZ **Độ ẩm**	% rh	**72,0**	40 - 80	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
3	VZ01D VZ **Vận tốc gió**	m/s	**0,5-0,9**	0,2 - 1,5	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
4	VZ01F VZ **Tiếng ồn**	dB(A)	**68,0**	-	-	-	-	TCVN 7878-2:2018 (ISO 1996-2:2017)
5	VZ01J VZ **Bụi tổng cộng**	mg/m³	**0,09**	-	8	-	-	TCVN 5067:1995
6	VZ020 VZ **Axit Clohiđric (HCl)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,012)**	-	-	5	-	NIOSH Method 7907
7	VZ0T3 VZ **Crom (Cr)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,002)**	-	-	0,3	-	NIOSH Method 7303
8	VZ01W VZ **Nickel (Ni)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,0001)**	-	-	-	0,05	NIOSH Method 7303

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Document number: BM.07.06

Phone: (028) 3733 2121
Version: 09

Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-012247-01 / EUVN004-00005272

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên

Ngày 26 tháng 11 năm 2025

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ★ TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ★ TP THỦ ĐỨC - T.P HỒ CHÍ MINH

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

Nguyễn Thị Bích Thủy
Phó Giám Đốc

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.
Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VZ" và có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại các phòng thí nghiệm ngoài hệ thống Eurofins.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Document number: BM.07.06

Phone: (028) 3733 2121
Version: 09

Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-012248-01 / EUVN004-00005272

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Đơn vị yêu cầu	: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
Địa chỉ	: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày lấy mẫu	: 24/10/2025
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Khu vực phòng dập
Mã số mẫu	: 607-2025-90002114

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 26:2016/BYT (Lao động trung bình)	QCVN 02:2019/BYT	QCVN 03:2019/BYT (TWA)	Tiêu chuẩn vệ sinh lao động với Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT (TWA)	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ01B VZ **Nhiệt độ**	°C	**30,7**	18 - 32	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
2	VZ01C VZ **Độ ẩm**	% rh	**67,2**	40 - 80	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
3	VZ01D VZ **Vận tốc gió**	m/s	**0,5-0,9**	0,2 - 1,5	-	-	-	QCVN 46:2022/BTNMT
4	VZ01F VZ **Tiếng ồn**	dB(A)	**77,0**	-	-	-	-	TCVN 7878-2:2018 (ISO 1996-2:2017)
5	VZ01J VZ **Bụi tổng cộng**	mg/m³	**0,12**	-	8	-	-	TCVN 5067:1995
6	VZ020 VZ **Axit Clohiđric (HCl)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,012)**	-	-	5	-	NIOSH Method 7907
7	VZ0T3 VZ **Crom (Cr)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,002)**	-	-	0,3	-	NIOSH Method 7303
8	VZ01W VZ **Nickel (Ni)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,0001)**	-	-	-	0,05	NIOSH Method 7303

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Document number: BM.07.06

Phone: (028) 3733 2121
Version: 09

Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-012248-01 / EUVN004-00005272

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên

Ngày 26 tháng 11 năm 2025

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ * TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG * TP. THỦ ĐỨC, TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Bích Thủy
Phó Giám Đốc

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.
Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VZ" và có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại các phòng thí nghiệm ngoài hệ thống Eurofins.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Document number: BM.07.06

Phone: (028) 3733 2121
Version: 09

Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-012249-01 / EUVN004-00005272

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Đơn vị yêu cầu	: CÔNG TY TNHH VP COMPONENTS (VIỆT NAM)
Địa chỉ	: Lô 104/2-1, đường số 2, KCN Amata, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày lấy mẫu	: 24/10/2025
Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu	: Khu vực ngoài xưởng xi mạ
Mã số mẫu	: 607-2025-90002129

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCVN 24:2016/BYT (Tại vị trí làm việc lao động, sản xuất trực tiếp)	QCVN 02:2019/BYT	QCVN 03:2019/BYT (TWA)	Tiêu chuẩn vệ sinh lao động với Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT (TWA)	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	VZ01F VZ **Tiếng ồn**	dB(A)	**68,5**	85	-	-	-	TCVN 7878-2:2018 (ISO 1996-2:2017)
2	VZ01J VZ **Bụi tổng cộng**	mg/m³	**0,08**	-	8	-	-	TCVN 5067:1995
3	VZ01K VZ **SO_2**	mg/m³	**0,023**	-	-	5	-	MASA Method 704A
4	VZ021 VZ **Cacbon monoxit (CO)**	mg/m³	**KPH (MDL=1)**	-	-	20	-	TCVN 5972:1995 (ISO 8186:1989)
5	VZ01L VZ **NO_2**	mg/m³	**0,029**	-	-	5	-	MASA Method 406
6	VZ020 VZ **Axit Clohiđric (HCl)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,012)**	-	-	5	-	NIOSH Method 7907
7	VZ0T3 VZ **Crom (Cr)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,002)**	-	-	0,3	-	NIOSH Method 7303
8	VZ01W VZ **Nickel (Ni)**	mg/m³	**KPH (MDL=0,0001)**	-	-	-	0,05	NIOSH Method 7303

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Document number: BM.07.06

Phone: (028) 3733 2121
Version: 09

Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Effective date: 01/08/2024

AR-25-VZ-012249-01 / EUVN004-00005272

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

Ký tên

Ngày 26 tháng 11 năm 2025

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

Nguyễn Thị Bích Thủy
Phó Giám Đốc

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.
Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VZ" và có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại các phòng thí nghiệm ngoài hệ thống Eurofins.

EUROFINS ETM
Lot T2-6, D1 Street, Saigon Hi-Tech Park, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Document number: BM.07.06

Phone: (028) 3733 2121
Version: 09

Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Effective date: 01/08/2024